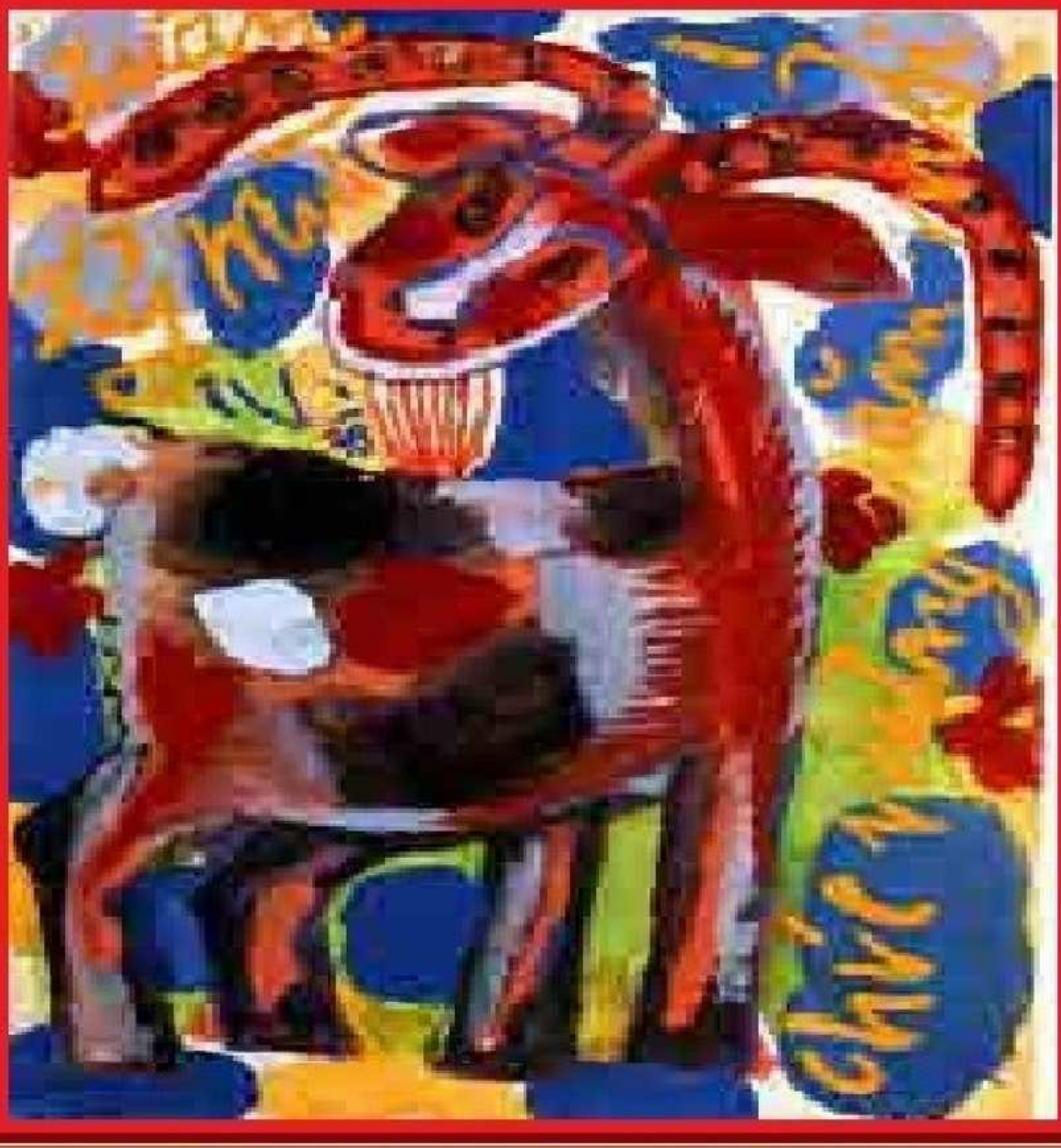
việt văn mới

. văn học . nghệ thuật .

VIỆT VĂN MỚI

SỐ 20 • Ất Mùi 2015

• 15 tháng 2 năm Ất Mùi 2015 •



tủ sách việt văn mới
2015

VIỆT VĂN MỚI

nguyệt san văn học nghệ thuật

số 20

NGUYÊN ĐÁN ẤT MÙI

15 tháng 02 năm 2015

hộp thư toà soạn

newvietart@gmail.com

---

tổng thư ký : cố văn sĩ Nguyễn Mai

chủ nhiệm : Từ Vũ

tủ sách việt văn mới 2015

nguyệt san việt văn mới

số 20

Nguyên Đán Ất Mùi

15 tháng 02 năm 2015

với sự góp mặt của các tác giả :

. lý thị minh châu . hồ thủy . hồng vinh . tiến thảo . hoàng thị như huy . vương hoài uyên . khải nguyên . tâm nguyện . qúy thể . trần vấn lệ . nguyễn ngọc anh . nguyễn thu mát . hồ tĩnh tâm . đào phạm thùy trang . đào hữu thúc . chu vương miện . võ khoa châu . trần lệ thường . đỗ ngọc thạch . phạm phù sa . vương quốc oai . nguyễn hoàng trung . nguyễn văn thơ . mai hữu phước . đỗ minh tâm . nguyễn thị mây . trần hữu hội . nguyễn ngọc tuyết . duy toàn . đặng đình túy . nữ họa sĩ thanh trí . phùng phương qúy . thiên hà . mai thục . tô mặc giang . nguyễn lệ uyên . hoàng bích nga . bảo lễ . hạo nhiên nguyễn tấn ích . hà nguyên . nguyễn chinh . mang viên long . kiêm thêm . trúc linh lan . vũ thế long . dương phương toại . trần minh nguyệt . phan trang hy . nguyễn ngoc thơ . từ kế tường . đàm lan . phan văn thạnh . dương leh . vũ anh tuấn . trúc thanh tâm . nguyễn khôi . nguyễn đăng thục . lã thị hiền . vũ kiêm ninh . triệu văn đồi . trúc linh lan . dung thị vân . lê thương . kiều văn . ngô đình miên . lương văn hồng . võ công liêm . nguyễn cung thông . kim định . phạm vũ . nguyễn trung thuần . vương liêm . huyền viêm .

tủ sách việt văn mới 2015



truyện ngắn

HƯƠNG XUÂN

LÝ THỊ MINH CHÂU

Nắng chiều của ngày cuối năm thật đẹp, như một màn tơ mỏng vàng óng phủ lên những chồi non xanh biếc làm cho những đóa hoa mai nổi bật lên như những đóm sáng diệu kỳ. Xuân đã đến với mọi sân nhà và đang đợi người ta làm tiệc tân niên rước nàng vào nâng ly rượu giao bôi.

Có một nhà mà xuân chưa đến, bởi nhà ấy chưa có mai đào bánh mứt và câu chúc được viết trên giấy hồng điều. Đó là căn nhà tranh tre nứa lá của người đàn ông làm nghề chài lưới. Hình như ông chờ ai đó nên ngồi trầm tư trước hàng hiên, mắt xa xăm nhìn ánh chiều tan và con đường quê ngắn dần do màn đêm xâm chiếm. Trong nhà, trên chiếc bàn con kê giữa gian chính, cây đèn dầu đã được thắp lên, ánh sáng nhờ nhờ soi không tới chỗ người đàn ông ngồi. Ông mặc bộ đồ bà ba nâu đen cũ kỹ, không chú ý sẽ chẳng nhìn thấy ông, còn ông thì nhìn rất rõ người đi ngoài ngõ hay trong sân. Chợt ông bật dậy lao ra cổng, đưa tay đỡ đôi giỏ nặng trĩu trên tay bà lão đang bước vào.

- Tụi bây làm gì mà để nhà cửa tối om thế này, bộ không cúng rước ông bà hay sao ?

- Dạ, chờ vợ con về đã mẹ.

- Gì, giờ này mà nó chưa về à ?

- Dạ, chưa về.

Rồi ông phân trần :

- Ba ngày này xe cộ bóp chẹt giữ lắm, không biết…

- Thế, nó không về thì mày và mấy đứa nhỏ cũng không đón tết chắc ?

Vào tới nhà bà lão ngồi thở dốc để mặc đôi giỏ cho con trai làm gì thì làm. Nghe có bà nội qua; Bi, Bo ào đến giành ôm bà. Bà xoa đầu hai đứa rồi bảo thằng Bi :

- Nội chỉ đem qua bánh mứt hoa quả thôi, cháu chạy qua nhà bảo chú út bắt hai con gà làm thịt rồi mang qua đây cho nội. Nhanh lên nhé.

Khi thằng Bi đi rồi, bà ôm con Bo vào lòng hôn lên tóc nó nói như khóc :

- Tội nghiệp cháu bà quá, tết nhứt mà chẳng có gì.

Hồi lâu, bà mới bảo con bé :

- Cháu xuống phụ cha sắp xếp trái cây bánh mứt đi nhé, và nấu săn âm nước. Ngoan nào, cháu bà ngoan nào.

**

Đêm người đàn ông ngồi bên bếp lửa trông nồi bánh chưng, ánh mắt thất thần. Con Bo, thằng Bi nằm khoèo trên chiếu trải gần đó ngủ ngon lành. Trời càng về khuya càng lạnh, ông vào nhà lấy chăn đắp cho các con và lấy khăn ấm choàng cho mình. Rồi giao thừa đến, giao thừa đi, vợ ông cũng chưa về. Nhắm bánh đã chín, ông dồn củi lại rồi bế bồng các con đi nằm.

Sáng mồng một, ba cha con cũng không buồn dậy, phần do đêm qua thức khuya quá. Hơn nữa cỗ rước ông bà hầu như còn nguyên, đâu phải lo lắng gì cho bữa sáng. Nghĩ thì nghĩ vậy, nhưng ông vẫn lồm cồm ngồi dậy, xuống bếp nấu nước pha trà, dâng hương. Đang lâm râm khấn vái chợt nghe tiếng nói cười ra rả ngoài cổng, ông ngoái đầu nhìn ra và vui mừng khôn xiết bởi vợ ông về. Theo sau vợ ông là đủ thứ va li, túi xách do bốn, năm đứa bé trạc tuổi con ông khuân vác. Ông chạy ra giúp chúng.

- Sao mà giờ này mới về. – Ông nhẹ nhàng hỏi vợ.

- Về được là tốt rồi.

Vợ ông quay lại bảo các cháu nhỏ :

- Đây là chồng cô, chào bác đi các con.

Ông đang lớ ngớ không biết phải làm sao, thì vợ ông đã mau mắn bảo các cháu nhỏ :

- Tất cả ra giếng rửa mặt mũi chân tay đi đã, rồi vào đây.

Chờ chúng đi khuất, bà móc ví đưa cho ông tất cả tiền dành dụm được rồi ào vào buồng thăm con. Bà dặn chỉ lì xì cho mỗi đứa mươi ngàn thôi.

Bữa ăn sáng đầu năm của gia đình ông vui chưa từng có. Bà kể cho ông nghe về công việc của bà là chăm sóc, dạy dỗ các em nhỏ là con của những gia đình quá nghèo khó do một tổ chức từ thiện giúp đỡ. Thường thì những ngày cuối năm cha mẹ các em đã đến đón con của họ về ăn tết cùng gia đình cả rồi. Quy định ngày hăm bảy là hạn cuối, nhưng bà đã chờ tới trưa hôm qua mà chẳng ai đến đón nữa, nên bà gọi điện thoại báo cho tổ chức và đưa các em về quê cùng mình. May mà gặp được chuyến xe cuối cùng.

Xong bữa sáng, vợ chồng ông cùng con cháu qua thăm và chúc tết bà nội. Bà nội ở với người em trai út, với phần đất hương hỏa ít ỏi nên làm cũng chỉ đủ ăn chứ chẳng dư dả gì, được một việc là gạo mắm, gà vịt ngan ngỗng không thiếu. Khi biết chuyện, bà nội và chú út mời vợ chồng

ông và các cháu chiều chiều qua nhà chú ăn cơm. Vậy là ổn rồi, bữa trưa ăn bánh trái gì đó cũng được. Tết mà, vui là chính chứ ăn uống bao nhiêu. Khi hai con ông đưa các bạn lên viếng chùa và đi xem hội làng thì hai vợ chồng ông cũng cáo từ ra về.

Hai người tíu tít nói cười không ngớt, kể cho nhau nghe nỗi nhớ niềm thương qua một năm dài cách xa đằng đẵng. Có lẽ không ai hạnh phúc hơn họ, bởi họ vừa gặp lại hương vị tình yêu ngọt ngào như thuở mười tám, đôi mươi.

- Chừng nào em đi làm lại.

- Mồng sáu.

- Lâu thế cơ à.

- Anh không thích em ở nhà ư.

Người chồng ôm ghì lấy vợ :

- Ý anh không nói vậy, anh nói...lấy gì cho mấy đứa nhỏ ăn.

- Mai, chợ bán lại rồi.

Người vợ nghĩ đến đồng tiền mình dành dụm một năm qua chỉ đủ mua sách vở, quần áo cho hai con là cùng. Còn gạo cơm đành trông cậy vào mấy cái lợp, cái đó và công sức của chồng. Hai người còn đang phân vân thì ngoài ngõ vang tiếng còi xe hơi inh ỏi. Người vợ luýnh quýnh vuốt nếp áo cho thẳng thớm lại rồi chạy ra mở cổng. Chị reo mừng khôn xiết :

- Ối giời ơi...Rồng ghé nhà tôm.

Anh chồng cũng chạy ra, ngơ ngác. Người tài xế thúc giục :

- Mấy đứa nhỏ đâu cả rồi, ông bà giúp tôi mang quà vào nhà đi. Mang hết xuống.

Xong việc, người tài xế trịnh trọng trao cho người vợ phong thư được dán kín của giám đốc gửi, uống vội bát nước trà, ăn chút mứt quê rồi cáo từ. Tiễn tài xế ra xe, chúc anh thượng lộ bình an, tết nhất vui vẻ. Chị vào nhà mở thư trung tâm gửi cho mình ra xem. Ý thư đại khái là, do bận nhiều công việc nên giám đốc trung tâm không thể đến chúc tết gia đình chị được, mong chị và gia đình thông cảm. Trung tâm cho xe chở tới biếu chị và các cháu các phần quà tết, ít lương thực và thịt thà nhờ anh chị nấu nướng cho các cháu ăn tết vui vẻ. Trung tâm lì xì cho chị một triệu đồng, bằng gần tháng lương của chị. Mồng sáu, sẽ có xe xuống đón chị và các cháu lên lại trung tâm.

Biết nói sao cho hết sự sung sướng của vợ chồng chị. Trung tâm tặng mười phần quà gói giấy kính riêng biệt, trong khi nhà chỉ có bảy đứa trẻ. Vậy là thừa ba phần quà, chắc chắn do trung tâm biếu gia đình chị. Chị lấy một phần quà đặt lên bàn thờ tổ tiên thắp hương, hai phần quà còn lại chờ các con về rồi cùng đem qua biếu bà nội và chú út. Lần đầu tiên nhà chị có nhiều quà tết như thế, chị nghĩ tí nữa sẽ mời bà nội và gia đình chú út ngày mai sang ăn cỗ nhà mình.

Chiều sắp tắt, ánh hoàng hôn lưu luyến choàng vai hai vợ chồng chị, hạnh phúc dâng trào, chị ngả đầu vào vai anh mơ màng. Với chị, giờ thì tết mới thật sự bắt đầu.

LÝ THỊ MINH CHÂU



truyện ngắn

XUÂN ƠI! XUÂN...

HỒ THỦY

Ông Tâm ngồi trên chiếc ghế đá kê dưới gốc cây mai ở góc sân, cây mai này ông trồng lâu lắm rồi, khi con dâu ông sanh cho ông bà đứa cháu nội trai, đó là thằng cháu đích tôn của dòng họ, ngày đứa bé chào đời là ngày cuối đông, để kỷ niệm niềm vui ngất trời của cả gia đình, ông mua cây mai này về trồng, bây giờ thằng cu Bảo được mười hai tuổi, cháu nội ông bao nhiêu tuổi là cây mai được bấy nhiêu năm, nhờ khéo tay, siêng năng chăm bón nên cây mai của ông mau lớn, tốt tươi, cành lá sum suê, mỗi năm đến ngày mười lăm tháng chạp là ông tướt lá, đúng ngày mồng một Tết cây hoa mai này nở hoa vàng rực rở, ai đi ngang qua nhà ông cũng đều tấm tắt trầm trồ khen đẹp làm ông bà rất vui.

Năm ngoái con trai lớn tên là Lưu Luyến xin dọn nhà đưa vợ con nó ra ở giêng, vợ chồng nó mua được căn hộ chung cư, dù buồn và lòng không muốn vì ông rất yêu quí đứa cháu nội là thằng Gia Bảo, nhưng ông bà không thể nào ngăn cản con. Tạm an ủi rằng dù sao thì trong nhà vẫn còn con bé Xao Xuyến và thằng con trai út Bâng Khuân. Năm nay Xao Xuyến mười chín tuổi, còn Bâng Khuân thì mười bảy, ở vào lứa tuổi này hai đứa vẫn còn ham chơi, hơi lơ đễnh. Suy tới nghĩ lui ông bà Tâm vẫn không thể hiểu được nguyên do tại làm sao vợ chồng thằng Lưu Luyến muốn ra ở riêng.

Ông Tâm thở dài, ông nhớ đứa cháu nội quá chừng, nhớ từng chút một, từ vóc dáng, nụ cười, ánh mắt luôn cả tướng đi và mùi thơm trẻ thơ trên mái tóc của nó. Ông nhớ mỗi đêm ông dỗ cho nó ngủ bằng những câu chuyện cổ tích, mở đâu là hai tiếng "ngày xưa...". Tự nhiên nước mắt ông ứa ra, ngước lên nhìn cây mai, ông hỏi vọng vào trong nhà:

- Mình ơi! lịch dưới bửa nay là bao nhiêu rồi?

Bà lại hỏi vọng ra:

- Chi vậy mình?

- Thì để lặt lá mai chớ chi.

- Ai lặt bây chừ? Mình lớn tuổi rồi, cây mai lại cao, làm sao mình leo trèo cho nổi?

- Thì... kêu thằng Luyến về lặt chớ ai.

Bà Tâm đi ra, vừa đi bà vừa chùi tay vào hai bên ống quần, thấy chồng nhíu mày nhìn, bà cười giã lã:

- Chút tắm, vừa làm xong mớ củ kiệu mỏi lưng quá trời.

Ông Tâm nhích người ra một chút chừa chỗ cho vợ ngồi, ông nói như một lời trách phiền:

- Thằng Bâng Khuân ham chơi quá, không nhờ được gì hết, năm ngoái kêu nó lặt lá mai, nó làm gảy hết mấy cành, hư hết một số hoa, tôi tiếc quá chừng. chỉ có thằng Luyến là cẩn thận đúng ý tôi, còn con Xao Xuyến thì không hơn gì em nó.

- Bữa nay là mười hai tháng chạp rồi, tôi với mình chỉ có thể lặt lá mai ở dưới thấp, còn phần trên cao ông kêu thằng Luyến về lặt cho ông... Nhanh quá mình há, mới đó mà đã hết một năm, vợ chồng mình cũng mau già theo năm tháng.

Ông thở dài:

- Tuổi già đi đến đâu bệnh tật nó hùa theo đến đó làm cho mình đau lưng mỏi gối, rồi thì đâm ra làm biếng, thiệt chán cái mớ đời, ấy vậy mà thằng con trai lớn của mình nó không biết tuổi già của cha mẹ cần đến sự có mặt của tụi nó ở bên cạnh biết chừng nào... bà ơi! nhiều đêm tôi cũng lo lắng lắm chớ, may mà có bà bên cạnh nên tôi...

Bà Tâm xoa nhẹ cánh tay chồng:

- Gần Tết rồi, năm mới sắp đến mà sao mình bi quan buồn rầu quá vậy? vợ chồng mình còn có thằng Bâng Khuân, con Xao Xuyến ở bên cạnh, tuy rằng hai đứa ham chơi vì chúng nó còn nhỏ, với lại mình cưng chiều tụi nó quen rồi, năm mới từ từ rèn lại hai đứa, có gì đâu mà mình

buồn.

- Tôi nhớ thằng Gia Bảo quá.

Ông lại nhìn lên ngọn cây mai, đúng rồi, phải gọi điện thoại kêu Xao Xuyến về lặt lá mai, chở theo thằng cháu nội về cho ông thăm, có xa xôi gì lắm đâu, từ bên Thảo Điền về đây chừng hơn chục cây số.

- Alô! Xao Xuyến đó hả con? bữa nay là mười bốn tháng chạp rồi, ngày mai là rằm con về phụ với cha lặt lá mai, nhớ chở theo Gia Bảo cho cha thăm nghen, cha nhớ nó quá.

Hơi một chút lưỡng lự từ bên kia đầu dây:

- Dà... dạ... không biết ngày mai con có rảnh hay không? sao cha không kêu thằng Bâng Khuân với con bé Xao Xuyến lặt lá mai phụ với cha? hai đứa tụi nó lớn rồi, cha mẹ phải tập cho tụi nó làm việc...

Ông Tâm muốn khóc vì nữa giận hờn, nữa tủi thân:

- Thôi thì mấy không muốn phụ với cha, cha không ép.

Rồi ông cúp máy cái cụp, ông quyết định ngày mai sẽ mướn người lặt lá mai cho ông, bất quá ông trả tiền công chừng một trăm ngàn, ngày mai là rằm rồi, không lặt lá mái thì hoa mai sẽ không kịp nở ngay ngày mồng một Tết, nhà ông sẽ mất vui, sẽ không được trọn vẹn.

Xuân Xuân ơi Xuân đến rồi... Xuân chưa đến nhưng nhà ông rất là rộn ràng với những bản nhạc xuân mà hai đứa con của ông là Xao Xuyến và Bâng Khuân mở ra từ trong giàn máy vi tính của tụi nó. Nhạc ồn ào, rộn ràng tưng bừng, hai đứa nhỏ tay thì dọn dẹp lau chùi nhà cửa, chân thì nhún nhảy theo điệu nhạc, miệng thì hát theo. Ông bà Tâm nhìn điệu bộ của hai đứa con mà tức cười, bà mắng yêu:

- Trông hai đứa như... hai con khỉ mắc kinh phong...

Xao Xuyến xụ mặt:

- Mẹ ví tụi con như con khỉ, con giận mẹ luôn.

Ông Tâm nheo mắt:

- Thì... khỉ mẹ sanh ra khỉ con.

Đến lượt bà Tâm xị mặt:

- Ơ! Cái ông này ăn nói vậy đó hả?

Có tiếng còi xe bóp inh ỏi ở trước sân nhà, sau đó là những tiếng nói líu lo của Gia Bảo:

- Ông bà nội ơi! cô chú ơi! Gia Bảo về thăm nhà đây nè.

Quay người nhìn ra ngoài thấy Gia Bảo ông mừng quá, vừa cúi người xuống dang rộng vòng tay là Gia Bảo nhào ngay vào ôm cứng lấy ông

- Nội ơi! con nhớ nội lắm.

Nghe nó nói mà ông cảm động đến nổi ứa nước mắt, bây giờ trọng tâm làm cho mọi người trong nhà chú ý là bé Gia Bảo, bà Tâm mắng yêu:

- Cha mày, ông bà nội nhớ mày đến muốn bịnh luôn.

Anh con trai Lưu Luyến dựng xe, nhìn cây mai đã được tướt hết lá, ngạc nhiên hỏi:

- Uả, con tính hôm nay về tướt lá mai cho cha đó chớ.

Ông Tâm mát mẽ:

- Cám ơn! hôm nay là mười bảy rồi, chờ anh tướt lá dùm... mai nở không đúng ngày mồng một, tui không thích.

- Con bận việc ở công ty, hôm nay mới được rảnh. Vậy là Bâng Khuân với Xao Xuyến giỏi quá chừng rồi.

Đến lược bà Tâm mát mẽ:

- Ái cha! mướn người tướt lá hết trăm ngàn đó chớ.

Lúc đầu thì ông bà giận hớn mát mẽ, nhưng chỉ một giây sau đó gia đình ông Tâm đầy tiếng nói cười vui vẻ, đệm thêm những bài ca Xuân rộn ràng, không khí tự nhiên tưng bừng náo nhiệt hẳn lên. Lưu Luyến ngậm ngùi nói:

- Con thú nhận một điều là về nhà với cha mẹ và các em, lòng con cảm thấy ấm áp, bình an, tâm hồn nhẹ nhàng.

- Vậy chớ sao tụi bây đòi ra ở riêng?

Lưu Luyến thở dài:

- Có nhiều điều khó nói để cho cha mẹ hiểu, nhưng dù sao thì con cũng muốn cho hai đứa em biết giúp đở cha mẹ chuyện này chuyện nọ, chớ nếu không tụi nó cứ ỷ lại chuyện gì cũng có

mẹ, có chị dâu làm rồi, tụi nó đâm ra làm biếng.

Luyến quay qua hai đứa em:

- Cha mẹ ngày càng lớn tuổi, sức khỏe không còn như trước, hai đứa bớt vui chơi dùm anh, để tâm mà lo cho cha mẹ.

Ông Tâm chuyển đổi đề tài, quay qua hỏi vợ:

- Bà ơi! năm nay bà có định có gói bánh tét không vậy? Mẹ các con mà gói bánh hay làm mức, làm củ kiệu là ngon nhất, đẹp nhất. Gì chớ công việc nội trợ, nữ công gia chánh mẹ các con là số một.

- Tụi con biết từ lâu rồi, cha khỏi cần quảng cáo.

Bà Tâm ngồi thẳng người, đưa tay ra sau lưng đấm mấy cái, bà phồng má thở một hơi:

- Năm nay cái lưng của tui đau nhức hoài, tui không gói bánh nổi đâu, có cần gì thì ra chợ mua vài đòn bánh tét, cặp dưa hấu, ít bánh mức... thời bây giờ tiện lợi lắm, cứ vô siêu thị là cái gì cũng có, không như thời xưa cái gì cũng tự làm, đến Tết là nhà nào cũng đua nhau làm mức, làm bánh rộn ràng.

Cả nhà đồng thanh:

- Vậy mới vui, mới có không khí Tết.

Xao Xuyến ôm vai mẹ:

- Mẹ tổ chức gói bánh cho tụi con học hỏi để biết gói bánh như thế nào, pha chế ra sao cho ngon, rồi làm mức, làm củ kiệu nữa, mẹ mà không dạy cho con làm, mai kia một nọ bị thất truyền uổng lắm mẹ à.

Gia Bảo đang ngồi chơi với những quân cờ Domino, ngừng tay góp chuyện:

- Bà nội ơi! cho Gia Bảo học nữa.

Cả nhà đều cười vì câu nói dễ thương của Gia Bảo.

Dù Tết chưa đến, dù trời se se lạnh nhưng trong lòng ông bà Tâm rất là ấm áp vì ông bà đang rất là vui, rất là hạnh phúc, ừ há! hạnh phúc tìm ở đâu cho xa, mà nó ở ngay cạnh ta, bởi vì " hạnh phúc hay không là tại lòng mình".

Gia đình là trên hết!

Sáng mồng một Tết, cả nhà ông bà Tâm thức dậy sớm để đi lễ. Ông Tâm trố mắt ngạc nhiên khi thấy cây mai của nhà ông bà nở rộ những bông hoa màu vàng rực rỡ, hoa nhiều quá, chi chít đầy cành, ông vui quá chừng vui.

Bà Tâm xẻ trái dưa hấu ra, trong ruột của nó đỏ au, cắn thử một miếng, ui cha! nó ngọt lịm, mát rượi. Những bản nhạc Xuân với câu:" Xuân đã về, Xuân đã về...", đến bài:" Ngày Xuân nâng chén ta chúc nơi nơi..." hay quá trời hay, mấy chục năm rồi mà lời và nhạc của nó vẫn làm cho con tim người ta xao xuyến, rung động và cảm thấy tâm hồn bỗng dưng trẻ trung, yêu đời, dù đã già nhưng đôi chân vẫn nhún nhẩy, miệng vẫn hát theo.

Chưa bao giờ mà ông bà Tâm cảm thấy trong lòng mình vui sướng như lúc này, hai người đang chờ Lưu Luyến chở con dâu và cháu nội của ông bà đến mừng tuổi, chúc Tết ông bà, trong túi của mỗi người đã thủ sẳn mấy bao lì xì.

Bà Tâm dạy cho Xao Xuyến cách cắt bánh tét, cách bày biện dĩa thịt kho hột vịt như thế nào cho gọn gàng, rắt một ít tiêu đen lên màu vàng của váng mỡ, còn nữa, khi đơm môt dĩa củ kiệu thì phải trình bày như thế nào cho đẹp mắt, sắp xếp dĩa bánh mức ra sao cho có thẩm mỷ...

Bà nói với con gái:

- Người Việt mình không phải chỉ ăn bằng cái miệng, mà còn ăn bằng con mắt nữa, đồ ăn sẽ ngon hơn, hấp dẫn hơn cũng nhờ vào sự trình bày khéo léo, đẹp mắt của mình.

Xao Xuyến ôm vai mẹ:

- Người thời đó, là thời của mẹ ấy.. khéo quá há mẹ, con thích được như mẹ lắm mẹ à, mẹ dạy con nha mẹ.

Bà Tâm cười:

- Vậy thì cô bớt vui chơi, bớt làm biếng.

- OK mẹ!

Có tiếng líu lo của Gia Bảo, rồi tiếng cô con dâu, cuối cùng là tiếng của Lưu Luyến, Bâng Khuân.

Bà Tâm đưa tay sờ vào túi áo, mấy bao lì xì nằm yên ở đây, nhưng chút xíu nữa nó sẽ qua ở trong túi con trai, con dâu và cháu nội của bà, vui quá là vui, vì:

Xuân đã về, Xuân đã về...

HỒ THỦY



Tho

GIAO THỪA

Đông xuân trong thời khắc
Phút giao thừa thiêng liêng
Tinh hoa trong trời đất
Mở một ngày Tân niên

Thiên nhiên cùng hòa quyện
Khơi nguồn sống chứa chan
Người người vui đón Tết
Muôn trái tim rộn ràng

Trăm hoa khoe sắc thắm
Đón chào mừng Chúa xuân
Én chao ngoài biển lớn
Nhạc rừng bừng ca vang

Thế giới đầy hy vọng
Một cuộc sống nhân hòa
Không tranh giành thù hận
Trái đất sẽ bình an.

HỒNG VINH



HÌNH BÓNG QUÊ NHÀ

TIẾN THẢO

Trong ký ức tôi, vẫn là những con đường đất nhỏ quen thuộc, thầm lặng, lẩn khuất dưới những hàng tre xanh mà mỗi buổi sáng những giọt nắng ngà ngọc cùng với sương đêm lấp lánh như gấm thêu và mỗi hoàng hôn đàn chim bay về ríu rít trong vòm cây cổ thụ quanh những khóm vi lau của bãi bờ dòng sông ngả màu cánh vạc.

Con đường ấy đã nâng đỡ những bước chân lao lực ruộng đồng một ngày đi về mấy bận mưa nắng dãi dầu, đã chuyền hơi ấm của mặt đất quê hương cho biết bao thế hệ. Và không những đã đưa những người đầy xuân sắc đi về phía tương lai mà còn ôm ấp, lưu giữ những dấu chân trần như một sự hoài niệm, một sự thuỷ chung trước thách đố bội bạc của thời gian.

Chúng ta sung sướng được sinh ra, lớn lên giữa mảnh đất làng quê, được chạy nhảy vui chơi trên con đường ấy. Và chúng ta cũng đến ngồi chung dưới một mái trường thân thương, xinh xinh, bốn mùa hoa nở. Chúng ta không bao giờ quên những người thầy có khuôn mặt khả ái, tâm huyết đã truyền không biết bao kiến thức, phẩm chất và năng lượng cuộc sống cho chúng ta. Trải qua thời gian, ngôi trường vẫn đứng vững chải như một người cha, một người mẹ bao dung rộng lượng; sẵn sàng đưa tay ra dìu dắt chúng ta qua bờ vực thẳm. Ta trân quý tất cả, dù đó chỉ là một bông hoa cỏ nhỏ nhoi dưới mái hiên trường của ngày đầu thu hay những cành phượng hồng đỏ rực bên trời mùa hạ; đã gợi lên một niềm rung cảm chân thành, đưa ta trở về một thời niên thiếu sách đèn.

Những buổi trưa hè tôi thích đi dọc con đường ấy với bước chân chậm rải, thong dong. Luỹ tre làng hàng ngàn đời thân thiết đổ bóng mát xuống tâm hồn tôi dịu nhẹ và tươi mát. Tôi nghĩ đến bàn tay của người mẹ hiền mầu nhiệm đặt lên trán đứa con bị nóng sốt. Đứa con vơi bớt nỗi khổ niềm đau. Đứa con đã hưởng được sự hạnh phúc. Ôi! Người mẹ quê hương!

Giữa cuộc hành trình của đời người, con đường cũ mở ra những khung trời kỷ niệm. Luôn có mặt trong tôi ngôi đình cổ, mái chùa xưa. Những cột đình làng cao vút rêu phong mang dáng người trăm năm soi bóng xuống mặt hồ sen hương thơm ngào ngạt. Con chim sẻ tha cọng rơm đầu mùa về xây dựng ngôi nhà của mình với khát vọng sinh nở. Ngọn núi Sầm- đất linh ứng - với tre trúc lay động, xào xạc mãi không nguôi trong nỗi nhớ người đi xa. Và phải chăng trên đỉnh tâm thức rồng phụng mãi bay lên mang khát vọng và nỗi niềm của Tổ tiên gởi lại.

Dù em ở đâu, em vẫn như còn hiện diện quanh đây. Trong tâm trí tôi, đã bao lần sợi tơ trời giăng mắc, níu kéo. Tôi muốn trở thành nhà hoạ sĩ hay nhà điêu khắc phát thảo bóng hình em. Ôi! Người con gái với vẻ đẹp thanh thoát như Hạc trắng, kiều diễm như đoá hoa vừa chớm nở giữa sớm mai.

Em là hiện thân của đôi tà áo trắng, chiếc nón bài thơ, cặp sách trong tay. Ngày hai buổi em đi về dưới những hàng cây mang sắc màu mùa thu hay đã trổ đầy lộc non của mùa xuân miên viễn. Tôi biết em muốn bay lên như những con diều giữa cánh đồng mơ ước.

Tôi nhớ rất rõ đôi chân ngà ngọc của em đã bước qua chiếc cầu tre đong đưa bắc qua sông nhỏ mà dưới chân cầu đám lục bình nở hoa tím biếc, xao xuyến và lãng mạn. Có phải em muốn tìm kiếm một điều gì còn ẩn giấu trong buổi chiều với thứ ánh sáng huyền diệu, mơ hồ, khói sương của làng quê?

Tôi ước mơ được dừng chân và ngồi xuống chiếc ghế đá dưới vòm cây Sanh già với hai bàn chân trần chạm đất để được tận hưởng những gì nồng nàn, sâu thẳm của mưa nắng, của lịch sử một vùng đất như những chiếc rễ từ trên cao tua tủa thả thòng xuống cắm sâu vào đất làng để trước gió bão khốc liệt vẫn tồn tại và tươi tốt.

Ôi! Con đường xanh mát bóng tre. Giữa chốn xa xôi, con đường ấy đã hoá thành con đường tâm tưởng. Con đường đã đưa tôi và đưa em đi qua, đi xa. Nhưng cũng chính con đường này đêm đêm đã đưa ta về lại với quê nhà giữa nỗi nhớ khôn nguôi!

TIẾN THẢO

tranh của họa sĩ Đỗ Duy Tuấn (Huế)



MƯA XUÂN

HOÀNG THỊ NHƯ HUY

Viết tặng anh, người bạn đời đã mất.

Bây giờ Huế đang vào xuân.

Cái lạnh buốt tái tê của những đêm đông thê lương không còn nữa. Cơn mưa dầm lê thê kéo dài cả tháng mùa đông bỗng đột nhiên dứt hẳn.

Sáng nay, tràn ngập trong khu vườn sum suê cây lá, điểm lấm tấm nụ hoa xuân là những sợi mưa xuân đang như tơ trời giăng nhè nhẹ. Mưa như không mưa.Mưa như sương rơi. Sương rơi rơi kiểu giả mù pha mưa... Trời vẫn còn lạnh. Nhưng cái lạnh đáng yêu của mùa xuân đang đến khiến lắm kẻ đơn côi thích khoác chiếc áo dạ ấm áp đi lang thang trên đường.

Tôi cũng thế. Chẳng hiểu vì sao mà bỗng dưng tôi lại chợt thấy sáng nay mình tôi đang đi đơn côi trên con đường bên dòng sông thơ mộng. Con sông mang tên Hương giang ngàn năm lững lờ trôi qua thành Huế cổ. Nơi có những câu chuyện diệu kỳ của bà Mụ Thần tiên áo đỏ hiện về dệt mộng đế vương. Nơi mà đêm đêm con thuyền nan xua sóng nước, để đẩy đưa lời ca vọng ngâm đêm dài vô tận...Con đường mang tên Lê Lợi- nơi có hàng cây Muối lá chuyển sắc xanh, đắm mình ướt đẫm giọt mưa xuân. Nơi năm xưa tôi là thiếu nữ lang thang để đầu trần cho mưa ngấm ướt mái tóc xõa bờ vai sau buổi tan trường Đồng Khánh...

Ngày ấy...

Ngày người ấy đã bước nhẹ vào cuộc đời thiếu nữ giữa những hạt mưa xuân đang rơi thật dịu dàng trên vành nón nghiêng nghiêng cô gái Huế.

Anh là kẻ xa lạ mà tôi chưa một lần biết đến tên.

Nhưng giọt mưa xuân lất phất trên mái tóc bồng bềnh khiến cho tôi bàng hoàng nhận ra anh là người quen từ kiếp trước.Anh âm thầm theo tôi trên con đường mà ai đã từng sống với Huế đều không khỏi bồi hồi khi dấu chân in trở lại- con đường của tình yêu áo trắng học trò- của những mộng mị bình thường không toan tính.

Anh lặng lẽ đứng chờ tôi nơi gốc Muối bên cổng trường vôi tím.

Anh kiên nhẫn theo tôi sau mỗi buổi tan trường.

Tôi vụng về bối rối bước chân quay về Thành Nội sau buổi học vì kẻ lạ theo chân.

Đường về nhà xa lắm nhưng tôi thấy thật gần. Và lạ lùng thay lòng tôi những muốn con đường dài mãi, kéo mãi tận bên kia cuộc đời để tôi cùng anh đi mãi, đi mãi...

Anh không nói một lời dù tôi tin lời anh thốt ra sẽ ngọt ngào như mật của loài ong trong khu rừng hoang dã.

Tôi không nói một lời dù lòng tôi chất ngập cả một rừng trang độc thoại mỗi đêm khuya. Mỗi ngôn từ dịu ngọt là mỗi giọt mưa xuân. Kết lại đủ giăng thành một tháng đầu năm mưa xuân lất phất rơi rơi khắp dòng sông, nẻo phố, con đường mà Huế đã cho ta đầy ắp kỷ niệm thuở chớm yêu.

Nhưng con đường nào rồi cũng có ngả rẽ, để tiếp nối con đường khác không cùng tên. Cơn

mưa nào rồi cũng có lúc dứt hạt nước rơi. Mưa xuân ngày ấy rồi cũng nhẹ dần, nhỏ dần rồi tạnh hẳn. Để khi giọt nắng xuân vén trời cao chiếu xuống soi rõ con đường, dòng sông, nỗi nhớ... anh đã đi ra khỏi con đường này, bay xa khỏi cuộc đời này khi mưa xuân 2012 chưa kịp đến...để mình tôi mùa xuân này, lại một mình đơn độc đi hứng giọt mưa xuân.

Mưa Xuân ơi!

Sao mưa nỡ nào quay trở lại khiến lòng ta không nguôi quên chuyện cũ học trò? Chuyện hạt mưa xuân giăng giăng bên dòng sông đầy mù sương ảo mộng của năm nảo năm nào?

Còn hôm nay, trong giọt mưa xuân lất phất bay, tôi ngoảnh đầu nhìn lại. Dòng sông còn đó lặng lẽ xuôi dòng về cửa Thuận mênh mông. Con đường Lê Lợi với hàng cây Muối còn đó với những chồi xanh vừa nẩy lộc làm đậm hình những cánh bướm trắng vờn bay.

Dòng người vẫn đi ngược về xuôi.

Ai lên Nguyệt Biều chờ hoa Thanh Trà nở nụ? Ai về Nam Phổ xem cô gái trèo cau? Hay có ai dừng chân Thôn Vỹ để ngâm lại khúc tình xuân của chàng thi nhân lãng tử? Hoặc qua bãi bồi Cồn Hến ngắm hoa Bắp lay, lay những hạt mưa Xuân đang rơi nhè nhẹ...để dòng đời theo năm tháng chảy chảy không ngừng....

Và cho tôi hôm nay thấm tình xuân Huế cầm bút viết những giọt mưa xuân đầu mùa dành tặng anh người đã đi về cõi vĩnh hằng xa thẳm.

HOÀNG THỊ NHƯ HUY



Tho

ĐI QUA MÙA XUÂN

Hẹn, nhưng anh không về
Phố Quảng buồn hiu hắt
Một chút gì xao xác
Gió lùa qua vườn quê.

Mùa xuân qua vội vàng
Cành mai chưa kịp nở
Em ngồi bên trang vở
Mở trang đời ưu tư.

Bao nhiêu mùa xuân qua
Thời gian dài băng giá
Vườn bao mùa thay lá
Đời bao mùa bão giông!

VƯƠNG HOÀI UYÊN



NHỊ ĐÀO

KHẢI NGUYÊN

Nhị đào thà bẻ cho người tình chung
(Truyện Kiều - Nguyễn Du)

Chú muốn moi chuyện để viết truyện ngắn dự thi về "mối tình đầu" chứ gì. Đúng không, chú nhà viết? Chú chẳng thích được gọi là "nhà văn" thì tôi gọi là "nhà viết" vậy. Được! Nhưng tôi giao hẹn trước: không được nói là chuyện của tôi. Điều này nữa: đây đã kể là mối tình đầu của tôi chưa thì... Sau này, bà vợ tôi cứ truy vặn mãi, thật ra chủ yếu lại là vì lẽ khác.

Ngày ấy, tôi trọ học tại Hà Nội. Đã lớn ngồng lên rồi mà chửa biết yêu đương gì đâu. Nói cho đúng thì thấy gái đẹp cũng đã biết nghé mắt nhòm, song tơ tưởng thì chưa. Ở quê tôi, con gái cũng xinh ra phết, con gái Hà Nội lại là chuyện khác...

Nói ở trọ, thật ra là ở nhờ. Chủ nhà làm công chức cho Pháp, bà vợ bán hàng. Một cậu bạn học của tôi, bà con với ông chủ, xin cho tôi cùng ở lấy vui. Nhà có cô con gái nhớn kém tôi một tuổi. Cô có bằng tiểu học. Ngày ấy, đỗ tiểu học đã có thể đọc sách báo tiếng Pháp tàm tạm. Ở nông thôn thì con gái học như vậy bói khó ra. Cô thôi học ở nhà giúp mẹ và học các môn nữ công, gia chánh. Cô có vẻ đẹp nền nã, thuỳ mị. Cô là em họ bạn tôi. Cô gọi tôi là "cậu", không phải cậu em đâu. Ngày trước, các trai trẻ có học ít nhiều hoặc con nhà đều được mọi người gọi bằng "cậu". Người ta bảo "nhất quỉ nhì ma, thứ ba học trò", song tôi và cậu bạn vào loại "ngoan", nghĩa là có tếu nhưng không quá đà. Anh bạn tôi đã có vợ. Hắn là con phó tổng, lấy con chánh tổng, quá là "môn đăng hộ đối". Hắn bảo vợ hắn chỉ "sạch nước cản", hắn có ưng thì mới được tiếp tục đi học. Hắn nói lấy vợ quê được cái yên tâm, "nhưng nếu khất các cụ được thì đừng rước một mụ sớm như tao". Hắn học hơi chậm, được cái chăm, không tiêu vung tiền cha mẹ, tôi không bị hư lây. Buổi tối, hai chúng tôi ngồi học, nàng thường ngồi đan gần đó. Có những khi tôi bắt gặp nàng

ngước nhìn tôi, ánh mắt là lạ. Cha tôi đã răn tôi là không được lấy người thành thị. "Nhà ta chân quê, rước một cô ăn trắng mặc trơn, ra guốc vào dép về thì nó xoay sở ra sao!". Mẹ tôi diễn giải các nghiêm lệnh của cha tôi cho tôi thấm. Cũng khớp với lời thằng bạn! Tôi đành lảng ánh nhìn ấy, làm như chẳng biết gì. Tôi thì chẳng phải khổ công để cho ra vai khờ. Nàng thường quan tâm đến tôi, một lối quan tâm kín đáo, ý nhị, rất "nữ tính Việt Nam". Tôi mà về học muộn, nàng hay tạo cớ để không dùng bữa cùng cả nhà mà ăn sau với tôi hoặc ủ ấm cơm cho tôi. Có lần, tôi học mệt gục xuống ngủ thiếp đi. Trời se lạnh, tôi bỗng cảm thấy lòng bàn tay mình đặt trên bàn ấm nóng, mở mắt ra: một tách trà còn vương khói.

Một hôm, cậu bạn rủ tôi cùng nàng ra nhà Gô-đa, cửa hàng bách hoá lớn nhất Hà Nội, rồi tiện chân đi dạo quanh hồ Gươm. Anh bạn nhẹn chân đi vượt lên. Tôi thả bước cạnh nàng. Hai chúng tôi dừng cạnh gốc liễu. Nàng vuốt một nhành liễu, chợt thở dài:

- Có lẽ rồi đây tôi sẽ chẳng bao giờ thấy hồ Gươm nữa.

- Sao vậy? - Tôi ngớ ra.

Nàng đăm đăm nhìn tôi:

- Người ta muốn cưới tôi cho ... , cậu không biết sao?

Chuyện ấy thì tôi biết. Một nhà buôn sụ ở ngoại thành Hà Nội nhưng làm ăn trên Phú Thọ, do quen biết hay mai mối sao đó, đã hỏi nàng cho cậu con trai một. Cậu cả có học một vài năm Cao đẳng tiểu học (tương đương cấp hai bây giờ), bỏ ngang ra kinh doanh cùng gia đình. Ứng cử viên-chàng rể không đích thân ra mắt; người làm mai mang ảnh anh ta đến kèm lời "giới thiệu" đúng kiểu các bà mối. Một khuôn mặt cũng "phải chăng". Cha mẹ nàng chưa nhận lời. Nàng ngầm đặt tôi trước một câu hỏi mà tôi không muốn nghĩ tới, và tự tôi không thể trả lời. Tôi đáp một câu rất chi là ngố :

- Trung du phong cảnh hữu tình, không khí thoáng đãng, lại sẵn hoa trái, về đấy...

- Cậu mà cũng nói vậy à? - Tôi đang thao thao để che sự bối rối thì nàng ngắt lời rồi quay ngoắt bỏ đi.

Tôi đứng trân, chưng hửng. Cậu bạn đi tới:

- Chọc giận gì nàng đấy?

Nghe tôi lúng búng thuật lại các câu trao đổi giữa tôi và nàng, hắn phá lên cười:

- Cậu học giỏi mà xử sự thì thộn ơi là thộn!

Nhưng rồi hắn ngừng cười, hắn biết cảnh ngộ của tôi. Cả hắn, cả tôi đều không quan niệm "yêu chỉ để mà yêu".

Đêm đó, tôi nằm thao thức, không dám tự hỏi lòng mình mà nghĩ tới cảnh ngộ nàng. Tôi không thấy có gì bi kịch, nhưng nếu tôi hỏi cưới nàng ... Cuối tuần, tôi về quê ngỏ lời với mẹ tôi. Bà bàn với cha tôi. Ông nghiêm nghị phán: "Nó còn phải lấy cho được cái bằng đíp-lôm". Trở lại nhà trọ, tôi cố tránh để không phải đối mặt với câu hỏi ủ trong mắt nàng. Ít lâu sau, nhân lúc chỉ có hai đứa, nàng lại bảo tôi: "Bà mối đang thúc cha mẹ tôi đấy". Anh mắt nàng vừa tha thiết, vừa bồn chồn. Tôi ậm ừ, tỏ ra thộn hơn bao giờ hết.

Thế rồi cuộc hôn phối giữa nàng và người kia được định đoạt. Nàng vốn là người trầm lặng, vui buồn ít lộ ra nét mặt, chẳng ai rõ tâm trạng thực của nàng ra sao. Một lúc nào đấy, nàng tỏ ý chưa muốn lấy chồng. Cha mẹ nàng giảng giải, nàng im. Chẳng làm mình, làm mẩy, chẳng hề có nước mắt công khai. Có thể nàng tin vào số mệnh. Nàng đã toan tìm cửa ra cho số mệnh mình. Và hẳn nàng đã định trao chìa khoá cửa vào tay tôi mà tôi không biết, không muốn, không dám cầm. Nàng vẫn lặng lẽ may vá, thêu thùa. Chắc nàng cũng phải chuẩn bị áo xống cô dâu ngoài những thứ nhà trai mang tới theo tục lệ. Gần ngày cưới, nàng đưa cho ông anh họ và tôi, mỗi người một cái áo đoạn "để dự đám cưới tôi". Với tôi nàng còn trao riêng một cái áo len tự tay nàng đan.

Đám cưới rất to; xác pháo ngập vỉa hè trước nhà gái và đỏ rực sân nhà trai; có ôtô rước dâu, chuyện khá hiếm thời ấy. Nhà trai đến xin dâu, bấy giờ chúng tôi mới tường chú rể. Một anh chàng nhỏ con, thấp hơn cô dâu một chút, mặc áo gấm, nhưng mang giầy tây, đi hơi cà nhắc - về sau mới biết là tại đôi giầy. Trong con mắt tôi, anh ta chẳng có dáng vẻ gì, không xứng với nàng.

Chú hỏi tôi lúc ấy có buồn không ư? Không rõ đâu. Hình như có chút bâng khuâng, có lẽ tiêng tiếc nữa chăng! Có phần chắc là tôi rất thương nàng, cám cảnh cho nàng...

Giờ đưa dâu định vào giờ Ngọ. Nàng xin được ngồi trong phòng riêng một lát. Một lúc lâu chẳng thấy nàng ra. Em gái nàng gọi mãi, cửa mới hé cho vào. Nàng tỏ ra bình thản, song cô em thấy má chị mình bị hoen. Nàng dùng dằng mãi mới lên xe hoa. Tôi đi trong đoàn đưa dâu, lọt thỏm vào giữa cái không khí hồ hởi, phô trương, nghĩ tội nàng, cũng tội cho mình. Giá mà... Gian

phòng ấm cúng chúng tôi ngồi học từ nay sẽ thiếu bóng dáng nàng.

Đám rước dâu đến quá trễ so với dự kiến. Bên nhà trai đã rất sốt ruột. Bà mẹ chồng định bảo người ra truyền lời cho cô dâu "chờ chút, được giờ tốt hãy nhập gia". Chẳng cần ai xui, bằng linh cảm người mẹ, linh cảm người đàn bà, bà biết "nó" chê con mình. Bắt chực ngoài cửa mới biết thân. "Dạy con từ thuở còn thơ. Dạy dâu từ thuở bơ vơ mới về". Nếu bà ta thực hiện dự định kia thì chắc chắn nàng sẽ cởi bỏ trang phục cô dâu quay trở lại nhà mẹ đẻ lập tức. Tôi biết tính nàng, dịu hiền đấy, song cũng quyết liệt đấy. Nàng phục tùng lễ giáo "hôn nhân do cha mẹ sắp đặt", nhưng nếu người ta vượt quá cái ngưỡng quyền lực lễ giáo thì nàng sẽ không cam chịu nữa. May thay! Họ nhà trai có mấy người tinh ý và biết điều.

Làm lễ tơ hồng xong, nàng vào buồng cài chặt then cửa. Thật ra thì chú rể chưa hẳn đã dám "xông" vào ngay tối tân hôn; thời xưa là vậy, có đâu hăm hở như bây giờ. Ngày hôm sau, nhà chồng dự định cô dâu về lại mặt (nhị hỉ) xong, cả nhà sẽ về luôn Phú Thọ. Nàng xin được nán lại nhà cha mẹ đẻ một tối, sáng mai sẽ ngược cùng số hàng hoá mà cửa hiệu trên đó đang cần.

Tối đó, nàng không giữ vẻ mặt trầm mặc của ngày hôm trước. Cô em gái ríu rít bên nàng. Nàng cười nói còn dạn dĩ hơn cả hồi chưa có gì đến làm xáo trộn đời nàng. Với tôi, nàng cũng "đãi" như mọi người. Chẳng có ánh mắt đưa riêng nào, dù là đằm thắm, dù là tiếc nuối hay trách móc. Tôi cảm nhận thân phận người dưng của mình và chạnh buồn. Mọi người lần lượt đi ngủ. Nàng chợt nhìn tôi không chớp, mắt long lanh rồi vào phòng trong ngủ cùng em gái. Quãng một, hai giờ sáng, tôi đang ngủ say, bỗng cảm thấy ướt trên mặt. Đưa tay lau. Một giọt nước âm ấm rỏ xuống. Lạ! Tỉnh ngủ hẳn. Quơ tay, chạm phải một bàn tay mềm mại, nóng hổi. Rồi một làn tóc thơm rủ xuống mặt tôi, thoảng mùi hương quen thuộc mỗi khi nàng gội đầu xong đứng khom người quay tóc ướt. Tôi nằm đờ ra chưa biết tính sao. Một khuôn mặt nhoèn ướt áp vào mặt tôi. Bất giác hai bàn tay tôi đưa lên ấp đầu nàng ve vuốt. Hơi thở nàng toả ấm làm tôi muốn ngưng thở. Làn môi nàng mơn da mặt tôi lần tìm đến môi tôi. Một cảm giác không tả được, chẳng biết so sánh với cái gì, không phải ngọt ngào, không phải đê mê, các nhà văn tả đều láo toét hết. Nàng ngả mình nằm xuống cạnh tôi. Chúng tôi ôm nhau giây lâu. "Em vẫn dành cho anh", tiếng thầm thì nghe thoảng như từ một cõi mơ hồ nào. Tôi nhẹ nhàng gỡ mình khỏi vòng tay nàng ngồi dậy. Nàng nằm lặng một chốc rồi cũng ngồi lên và biến đi. Tôi ngồi thu mình trong bóng đêm, cảm thấy trong người mình có cái gì vừa vỡ ra. Mé giường phía trong, thằng bạn vẫn ngủ yên. Hôm sau nàng ra đi sớm.

Có thể có ai đó cho tôi là ngốc. Hoặc giả có người cho là tôi đã phụ nàng, để hoài cái thiện ý của nàng. Nhưng nào tôi đã phải là "người tình chung" của nàng. Có vẻ như tôi "phong kiến" hơn, hoặc đụt hơn anh chàng Kim Trọng cách mấy trăm năm trước. Thật tình, có thể là tôi sợ; có thể là tôi tôn trọng nàng. Chú có tin không? Bà vợ tôi, cho tới tận bây giờ, vẫn không chịu tin. Sắp lấy nhau, tôi đã bộc bạch hết với bà ấy. Bà bậm môi rồi hạ một câu: "Nằm với nhau đêm khuya mà chịu chay! Có mà mèo chê mỡ!" Bà "lạnh mặt" suốt tháng trời, tôi suýt bị ra rìa. Bây giờ già rồi, và vẫn không tha cho tôi cái "nghi án" kia, lại còn qui tội "không quên được người ta". Từ bấy, tôi có liên hệ gì với nàng đâu. Dẫu cả hai đều ở Việt Bắc, đều tham gia kháng chiến chống Pháp. (Chồng nàng cũng vậy, làm to to đấy -trong ban chấp hành đảng bộ tỉnh). Giải phóng thủ đô, tôi có gặp em nàng, "chị ấy bây giờ vẫn đẹp" - cô ta báo tin, nhưng không cho địa chỉ nhà nàng mà tôi cũng không hỏi. Cô ta cứ gọi tôi bằng "ông" hoài, tự nhiên tôi cảm thấy chán. Thôi thì mỗi người một phận.

Chú cứ muốn tôi nói hẳn ra có phải là mối tình đầu không ư. Với nàng, đúng là mối tình đầu. Với tôi, biết nói sao đây! Dường như trước khi nàng lấy chồng, tôi chỉ mới mến nàng. Nhưng sau đó, một thời gian dài, tôi không quên nàng. Khi đến với người tôi sẽ lấy làm vợ, tôi nghĩ nhiều đến nàng. Chú bảo đó chỉ là sự tiếc rẻ thôi à? Chú cho là giá Kim Trọng được hưởng "ân huệ tối hậu" của Thuý Kiều rồi thì hẳn chẳng còn tơ tưởng suốt mười lăm năm nàng Kiều lưu lạc phải không? Chú nghĩ như vậy thật lòng chứ? Thôi! Anh đi đi! Anh chẳng hiểu gì về tình yêu đâu. Vậy mà đòi viết mối tình đầu với mối tình cuối. Đi đi! Và đừng có viết chuyện tôi vừa kể. Khéo rồi lại thêm thắt, hư cấu bậy bạ.

Tôi không thêm thắt, vậy tôi cứ viết. Ông bạn vong niên xá cho nhé! Chỉ là một dạng chuyện cổ tích thôi mà.

KHẢI NGUYÊN



TẢN MẠN ĐẦU XUÂN

TÂM NGUYỆN

Có lẽ chỉ những người ở miền Nam ở lứa tuổi trên 50 mới thấy được hết không khí của Phút Giao Thừa thời còn cho đốt pháo ngày Tết. Việc đốt pháo chỉ có tuổi trẻ thích, vì nó quá ồn, nhưng chuỗi âm thanh dòn dã của nó cũng góp phần không nhỏ làm cho không khí của ngày Tết thêm tưng bừng, rộn rã.

Trước Tết là người thích pháo sẽ tùy theo túi tiền mà chọn mua những xâu pháo dài, ngắn, treo sẵn trước nhà. Đúng 12 giờ khuya, lúc chuông Chùa, chuông Nhà Thờ đồng loạt đổ, là họ cũng châm ngòi cho pháo cùng rầm rộ nổ từng tràng dài, kết thúc bằng mấy tiếng pháo đại rời rạc. Lúc đó những đứa trẻ còn thức để canh sẽ tranh nhau nhặt những viên pháo điếc, tức là những viên pháo không nổ kịp mà rớt xuống đất, rồi tiếp tục đốt thành những tiếng pháo lẻ tẻ. Sau những tràng chuông, pháo, là không khí trầm lắng hẳn xuống. Đám trẻ cũng đã mệt mỏi bỏ đi ngủ, chỉ còn những người nhiều tuổi, sau khi thắp những nén hương trên bàn thờ bày sẵn hoa, trái, tiếp tục ngồi trầm ngâm bên những tách trà nóng hổi vừa châm.

Phải nói cảm ơn ông bà xa xưa nào đó đã nghĩ ra cái Tết như một sự kết thúc cho một năm nhọc nhằn đã trôi qua, để trông mong một năm mới đến sẽ mang lại nhiều niềm vui hơn. Trước đó cả tháng, những công nhân, những người con làm ăn xa nhà, xa xứ cũng đã chuẩn bị mua sắm và háo hức mang, xách lùm đùm theo những chuyến tàu, xe về xứ. Những nỗi nhọc nhằn của họ sẽ tan biến khi thấy ông bà, cha mẹ, anh, chị, em, hài lòng với những gì được tặng.

Trong khi đó, những người ở nhà cũng đã chuẩn bị sẵn. Nhà nào cũng làm một nồi thịt kho trứng to đùng. Món này thường ăn kèm với dưa giá và bánh tráng, vì ngày Tết nhiều người thích gói ăn cho đỡ ngán, nên hai thứ này không thể thiếu. Bánh Tét thì nhà nào ít ra cũng có mươi đòn treo lủng lẳng trong bếp. Với người miền Bắc thì là Bánh Chưng. Đó là những món nhất định phải có. Nếu là ở quê miền Nam có khi còn quết bánh Phồng, làm mứt dừa, mứt bí. Để nhâm nhi, ngoài tôm khô, họ còn làm dưa kiệu, dưa hành, dưa tỏi, Lỗ Tai heo ngâm chua, cho một ngày Tết thật phong phú. Người ở thành thị không có thì giờ để làm Mứt thì ra chợ hay các Siêu Thị mà khuân về. Từ mứt hạt sen cho tới mứt gừng, mứt bí, mứt khoai, mứt dừa, mứt thơm, mức tắc... được cho vô hộp trình bày rất là hấp dẫn. Về sau này, những tiểu thương nhanh nhạy nắm bắt nhu cầu của người sắm Tết, nên họ làm sẵn những giỏ quà để biếu Tết, từ vài trăm cho đến vài triệu đều được đóng gói, trang trí rất đẹp mắt. Tha hồ chọn lựa để tỏ lòng thành. Theo mọi người, ngày Tết càng dồi dào thức ăn thì cả năm mới sẽ sung túc, cho nên có thể ngày thường họ ăn tiêu dè sẻn, tính toán từng đồng, nhưng với ngày Tết thì họ không tiếc tiền để sắm sửa, từ thức ăn cho đến trái cây, bông hoa chưng bày.

Ngày Tết, đến nhà nào cũng thấy rực rỡ hoa trái. Nào là mâm Ngũ Quả với: Cầu, Dừa, Đủ, Xoài, Thơm hay Thanh Long, và Bưởi, Quýt, Hạnh hay Quất... là những loại trái cây mang tên đẹp hoặc có mùi hương. Thêm vào đó, nhà nào cũng không thể thiếu cặp dưa hấu to trên bàn thờ có dán mẩu giấy đỏ mang chữ Phúc. Mọi người tin rằng dưa hấu chưng Tết, khi xẻ ra có màu càng đỏ chừng nào thì năm đó càng hên chừng đó. Đặc biệt, ngày Tết không ai dám để Chuối ở trong nhà, vì tên gọi gần giống như "chúi", có nghĩa là đi xuống, không cất đầu lên được! Có nhà còn cữ ăn Hạt Tiêu. Vì Tiêu có nghĩa là tiêu điều, tiêu diêu, mà mọi người hay dùng hai tiếng "tiêu rồi" có nghĩa là chẳng còn gì nữa, hết hy vọng vào cái gì đó rồi! Khổ Qua là trái đắng nhưng nhiều người

thích dồn thịt và hầm để ăn dần trong mấy ngày Tết, vì tên của nó có nghĩa là cái KHỔ đã QUA rồi. Ngoài ra thì nó còn giữ được lâu. Cứ hâm lại là để cả tuần không sao.

Khỏi nói thì Hoa Mai cũng là chủ đạo, ngày Tết nhất định không thể thiếu đối với người miền Nam. Nó thường được chưng ở bàn thờ hoặc giữa nhà. Nhiều nhà giàu còn sắm cây Mai khổng lồ cả chục triệu để giữa sân lấy hên. Với người miền Bắc thì nhất định phải có Hoa Đào. Trước 75 thì hai miền chia cắt, nên miền Nam không có Hoa Đào. Sau này thì những ngày gần cuối năm, Hoa Đào từ miền Bắc được mang vào đủ thứ, từ nguyên gốc cho đến cành lẻ, bày bán tràn lan. Người Bắc sinh sống ở Nam cũng khỏi lo thiếu. Ngoài ra, Mãn Đình Hồng cũng rất được ưa chuộng, vì cái tên quá đẹp. Rồi thì Cúc Vạn Thọ, Cúc Mâm Xôi, Hướng Dương cũng được ái mộ, vì có màu vàng tươi tắn. Hoa ngoại như Glaieul cũng được chọn để chưng, vì giống như bó đuốc đỏ rực. Lyly thì ngoài hương thơm thoang thoảng còn cả 2 tuần mới tàn. Nhà càng chưng nhiều hoa, nhiều sắc vàng, sắc đỏ càng tốt, bày trong những bình hay chậu có dán giấy đỏ bên ngoài, tượng trưng cho tài lộc.

Nhiều người có vẻ khó hiểu chẳng biết Tết có gì đâu mà phải chen chúc nhau về quê để tàu xe mặc tình lên giá chặt chém, lại còn phải ép mình ngồi chật như nêm, vì sợ lỡ chuyến, không có xe để về kịp đón Giao Thừa? Đó là những người trẻ, chưa hiểu hết mối liên hệ thiêng liêng tiềm ẩn sâu xa trong máu, thịt của mỗi người từ lúc chào đời. Ngày thường thì mạnh ai nấy tất bật với công việc đồng áng hay làm ăn, không có thì giờ để nghĩ đến nhau. Nhưng ngày Tết thì mọi việc đều ngưng nghỉ, là lúc mà mọi người cảm thấy cần ở bên nhau hơn bao giờ hết, nên nghèo gì cũng ráng để dành tiền mà đi về quê ăn Tết sum vầy với gia đình, với họ hàng. Người không đủ tiền để về thì thấy rất lẻ loi, buồn tủi nơi xứ người, khi thấy Thành Phố nhộn nhịp trước đây những ngày Tết lại vắng vẻ hẳn!

Những ngày cuối năm, mọi người tống tiễn năm cũ, tống tiễn những gì xúi quẩy đi, mong năm mới sẽ mang lại những điều tốt lành. Ngày đó, khắp nơi, từ thành thị đến thôn quê, từ trong nhà ra tới ngoài sân, đều bày la liệt những chậu hoa. Tất cả đều khoác lên một hình ảnh mới mẻ, tinh tươm, khác hẳn ngày thường. Mọi người ăn mặc lịch sự đến nhà để chúc Tết nhau. Câu chúc bao giờ cũng là cầu mong những điều an lành, thịnh vượng, làm ăn thuận lợi, gặp nhiều may mắn, tốt lành, hanh thông cho một năm mới. Trẻ con còn được nhận những phong bao lì xì tượng trưng cho chút lộc đầu năm.

Mừng tuổi ông bà, cha mẹ xong thì đám trẻ thì tìm những thú vui. Sẵn tiền lì xì, chúng túm tụm đánh bài ăn thua nho nhỏ, hay lắc bầu cua. Chán chê rồi thì rủ nhau đi Chùa hay đi đến những tụ điểm có nhiều trò vui chơi. Lứa lớn hơn một chút thì họp bạn, kiếm chút gì đó ăn uống với nhau. Thức ăn thì nhà nào cũng đầy ắp, chỉ cần xuống bếp lôi ra. Họ cụng ly để chào đón mùa Xuân cho có khí thế. Chỉ riêng những người lớn tuổi, vui thì có vui, nhưng có vẻ trầm ngâm hơn mọi ngày, khi nhìn hình ảnh đàn con cháu ngày càng lớn, người thân ngày càng vắng mà lại xuất hiện đông đảo hơn qua khói hương lung linh. Những cuộc đời lần lượt đi qua mà chính họ đã chứng kiến, có khi chỉ là những chuỗi ngày mưu sinh vất vả. Lớn lên, lập gia đình, sinh con, đẻ cháu, tất bật với cuộc sống để rồi ngày nào đó mọi vui buồn cũng kết thúc, phủi tay lên ngồi chễm chệ trên bàn thờ, hờ hững nhìn thời gian trôi đi một cách vô nghĩa!

Nếu Mùa Xuân hào phóng với thiên nhiên và giới trẻ. Với cỏ cây thì ban cho lộc non, chồi biếc, hoa đủ các màu đua chen khoe sắc. Trẻ con thì ngày càng thêm phổng phao, đáng yêu. Tô hồng lên má các thiếu nữ đang xuân, cho thêm đẹp, thêm mặn mà, duyên dáng bao nhiêu... thì đối với tuổi già lại cay nghiệt bấy nhiêu! Mỗi Mùa Xuân đến lại lấy bớt đi của họ một phần sức sống. Mới năm trước thôi, quý ông vẫn còn phong độ, lịch lãm, đi đứng còn hiên ngang, hùng dũng. Quý bà vẫn còn chút nét xuân muộn màng, nụ cười vẫn còn lấp lánh sau khóe mắt, dù làn da đã bắt đầu nhăn... Nhưng năm nay thì ai nấy có vẻ đang trên đà "xuống cấp"! Đi đứng chẳng còn mạnh dạn, vì tim mạch, khớp, huyết áp... bắt đầu tấn công. Tần suất bệnh coi bộ tăng lên dày hơn. Bệnh này chưa chữa xong đã xuất hiện bệnh mới. Tủ thuốc cứ tăng chủng loại, số lượng. Cách vài tiếng là phải uống một loại để khỏi bị xung khắc. Có lúc quên còn bỏ sót cữ! Răng cỏ thì xệu xạo. Có khi thấy đều trân như hạt bắp đó mà chỉ là hàng dỏm, có tác dụng trang trí nhiều hơn, khi ăn thì cố mà trệu trạo nuốt cho khỏi đói. Vì vậy, dù có cao lương, mỹ vị đi nữa cũng chưa chắc hấp dẫn được người già.

Chẳng lẽ đợi tới lúc đó mới thấy mình không còn trẻ nữa? Sự thật thì tuổi trẻ đã xa rời chúng ta từ lâu lắm rồi, may ra còn giữ được tâm hồn trẻ trung đã là quá hiếm giữa thời buổi nhìn đâu, đọc báo nào cũng thấy con người hoặc quá hung dữ, chỉ cần chút chuyện nhỏ là sẵn sàng ăn thua đủ với nhau, bất kể là ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, anh em ruột thịt với nhau! Hoặc sống giả dối,

nói một đường, làm một nẻo, từ những vị khoác áo tu hành đạo mạo, trang nghiêm, cho tới quan chức cao cấp được mọi người nể trọng, hét ra lửa một thời. Báo chí đã lên tiếng là đạo đức con người xuống cấp một cách trầm trọng, không biết những vị có trách nhiệm đã nghĩ ra biện pháp nào chưa?

Gạt hết mọi rắc rối phức tạp của cuộc đời, khắp nơi, nhà nhà quây quần đoàn tụ với nhau trong mấy ngày Tết. Chính sự sum vầy của gia đình cũng là điều nhắc nhở đến những người đã đi xa. Tuổi trẻ thì buồn đó rồi quên đó, nhưng người già thì đâu dễ dàng quên. Chỉ cần một chút gì đó cũng gợi nhớ. Một món ăn, một màu áo, một thói quen, một chậu cây, một con vật... liên quan đến người quá cố cũng làm cho họ rưng rưng nhớ đến người đã ra đi, để cứ ray rứt, tiếc nuối mãi không thôi. Nhưng nhớ để rồi làm được gì? Mang vàng hương đến Chùa nhờ Cầu Siêu chăng? Nếu tin Đạo Phật là Nhân Quả thì nên biết rằng không thể do Cầu mà Siêu. Những việc làm đó chỉ có giá trị là làm an lòng của người ở lại mà thôi. Mọi người vẫn làm thế để kể như là đã gởi gấm người thân cho bề trên, còn họ có Siêu hay không chỉ có trời mới biết! Chính những người khởi xướng còn chưa biết, nói chi là ta. Bằng chứng là năm nào việc đó cũng được nhắc nhở lập lại! Một Họa Sĩ, bạn của tôi đã qua đời. Lúc sống ông rất khôi hài. Ông đã nêu ra một vấn đề xem ra không phải là không có lý. Ông nói: "*Ông bà tôi chết lâu lắm rồi mà năm nào Chùa cũng nhắc cúng cầu Siêu cho họ. Không biết bao giờ mới Siêu đây? Nếu những năm qua Cầu mà đã Siêu rồi thì cần gì cầu tiếp? Còn nếu cứ tiếp tục thì chứng tỏ lời Cầu không linh ứng!*". Ông bạn đó đã "tiêu diêu nơi miền Cực Lạc" mấy năm rồi, chắc đã có cơ hội kiểm chứng, tiếc một điều là không thể nói cho ai biết kết quả thế nào!

Do vậy, theo tôi, nếu ta muốn tích phước hồi hướng cho người quá cố thì hay nhất là nên mang tiền giúp đỡ cho những người thật sự cần, vì Kinh dạy họ cũng là những vị "Phật sẽ thành" nhưng còn đang trả nghiệp. Giúp cho họ cũng không khác gì giúp cho Phật. Việc Phóng Sinh cũng tốt, dạy cho ta biết yêu thương loài vật, cứu đi một mạng cho chúng. Nhưng tốt nhất cũng đừng tự biến mình thành nạn nhân ngây thơ của những người bán chim để Phóng Sinh chuyên nghiệp.

Thật sự ra, việc PHÓNG SINH, BỐ THÍ mang một ý nghĩa hoàn toàn khác. BỐ THÍ và PHÓNG SINH mà Đạo Phật muốn dạy cho ta làm, đó là XẢ ĐI LÒNG THAM LAM, SÂN HẬN, SI MÊ, ĐỐ KỴ, GANH GHÉT, GIẬN HỜN. Đạo Phật cho là chúng ta đã nuôi dưỡng, giam hãm chúng từ biết bao đời rồi. THẢ chúng đi, XẢ những thứ đó đi, là ta đã PHÓNG SINH hay là "ĐỘ SINH". Qua đó, cái Tâm ta cũng sẽ được nhẹ nhàng, được Giải Thoát khỏi phiền não. Rõ ràng nếu ta giận hờn, oán ghét, căm thù ai không thôi, thì tâm của ta đâu có được yên. Rốt cuộc là chẳng những không làm gì được họ mà bản thân mình thì tự đày đọa mình bởi cay đắng, tức tối, đôi khi còn lên máu vì nó! Rồi thì có người không đủ kiên nhẫn để chờ pháp luật xử lý, tự mang hung khí đi trả thù, muốn đòi mạng kẻ thù ngay lập tức, để rồi đôi khi vì đó mà đưa thân vào tù! Hậu quả là sau đó, không chỉ riêng người hành động lỗ mãng, mà người thân của họ cũng bị họa lây. Vừa phải nuôi con cho họ, vừa phải đi thăm nuôi họ! Khổ chồng chất Khổ! Suy ra thì bị người hại còn chưa đủ, chính ta còn tiếp tay để tự hại thêm! Đợi đến khi nhận ra thì hối hận cũng đã muộn! Do đó, Đạo Phật cho người nuôi dưỡng Sân Hận là tạo một cái Địa Ngục trong tâm, lúc nào cũng sùng sục, nung đốt chính người chứa nó. Đàng nào quá khứ cũng đã qua, đâu thể quay lại được. Nhưng mấy ai thấy được để tìm cách dập tắt Sân Hận đi cho cái tâm được nhẹ nhàng! Chính vì vậy mà Đạo Phật đặt nặng về Tư Duy. Kinh Đại Bát Niết Bàn viết: "*Dù có người trải qua vô lượng vô số kiếp chuyên tâm thính Pháp. Nhưng nếu không Tư Duy thì không thể đạt Vô Thượng Bồ Đề*". Đúng thế, năm năm, tháng tháng siêng năng đi Chùa, nghe pháp, không bằng một giờ ta lắng lòng tư duy.

Nói Tư Duy cho nó cao cấp, thật ra chỉ là chịu khó suy nghĩ về vấn đề nào đó. Mọi người đã quá quen với thời biểu thường ngày đã trở thành nếp. Làm việc, ngủ nghỉ, giải trí. Ít ai chịu nghĩ rằng hiện giờ chúng ta đang tồn tại đây, có vẻ mạnh khỏe là vậy, nhưng chỉ cần một tai nạn bất ngờ, hay bệnh tật nào đó ập đến là cái Thân mong manh này có thể dễ dàng đổ gục. Do vậy, ngày xưa Đức Thích Ca phải dẫn Đệ Tử tới những chỗ bỏ thây người chết, cho nhìn những cái xác đang chương sình, hôi thối, ruồi nhặng bu quanh để dạy cho họ Quán Vô Thường mà rời bỏ sự đắm nhiễm vào cái Thân. Nhưng thật ra cũng chẳng cần nhọc sức đến như vậy, chỉ cần hình ảnh người thân đã lên bàn thờ thôi. Nếu phút nào đó, chịu khó lắng lòng, ta sẽ thấy ra biết bao nhiêu điều cần thấy. Nào xinh đẹp, tài hoa, giỏi giang, giàu sang, địa vị, chức quyền, vinh hoa phú quý, lầu đài, dinh thự, ruộng đất bao la, xe cộ đời mới... giờ còn lại gì đâu? Một bài vị, một nắm mồ, hay chút tro cốt nằm trong hũ lạnh lẽo! Chỉ có bấy nhiêu đó thôi! Sang, hèn, giàu, nghèo, giỏi, dở... đều bình đẳng như nhau. Sắm được một mộ phần trong khu đất vàng. Tốn tỷ nọ sang tỷ kia,

trần thiết rồng chầu, phụng múa để báo hiếu cho ông bà, cha mẹ, thì nắm xương tàn nằm trong đó cũng có ngắm được đâu! Con cháu về sau biết có thì giờ để tới đó mà vãng cảnh, hay mỗi năm một lần, sắm chút hương hoa, đến thăm rồi chưa tàn cây hương đã vội vàng quay về, vì người chết thì đã yên phần với mồ yên mả đẹp rồi, người sống còn bao nhiêu việc phải giải quyết!

Một người bạn vừa gởi cho tôi một ký sự bằng hình ảnh về chuyến du lịch hành hương ở Miến Điện, nơi được gọi là Đất Phật với 90% dân số theo Đạo Phật và những ngôi Chùa lộng lẫy được đánh giá thuộc bậc nhất thế giới. Cảm giác của tôi sau khi xem là thấy bùi ngùi! Thật vậy, theo người thuyết minh và hình ảnh được quay trong đó thì đất nước Miến Điện còn nghèo. Xe hơi lưu thông trên đường đa số là đời cũ, những chiếc từ đời 50 và thập niên 80. Thành phố thì không có nhà cao tầng nhiều, và nổi bật nhất là những ngôi Chùa. Chùa Tháp Vàng thì được đúc từ thế kỷ thứ 6, bằng cả 60 tấn vàng. Vương miện của Phật được đính kim cương và các loại đá quý. Có cái được gắn cả 84.900 viên ngọc quý, có cái là 1.600 viên hồng ngọc, viên to nhất đến 76 ca ra. Chùa nào cũng lấp lánh ánh vàng. Hoàng cung so ra quá nhỏ bé đối với các Chùa! Tóm lại thì những gì quý nhất, sang nhất, đẹp nhất đều tập trung nơi các ngôi Chùa. Trong khi đó, đường lên Chùa Đá khúc khuỷu, quanh co cả 4, 5 cây số đường dốc, mà xe đưa khách tham quan lên Chùa là loại xe tải cổ lỗ xĩ, băng để ngồi được đóng bằng những thanh gỗ. Khách nhiều tuổi hoặc thiếu sức khỏe, đi bộ không nổi thì trả tiền thuê 4 thanh niên khiêng trên những chiếc kiệu làm bằng hai cây tre dài, trên đó là chiếc ghế ngồi rất thô sơ, như vật dụng của từ thế kỷ trước! Ở Miến Điện vẫn tồn tại một số ngôi làng rất nghèo, người dân làm thuê kiếm ăn từng bữa. Nhà cửa thì trống hoác, xơ xác, trong nhà không có vật gì đáng giá!

Có lẽ nhận xét của tôi trái với những người sùng bái Đạo Phật một cách mù quáng. Nhưng không riêng gì tôi mà có lẽ ai cũng thấy: Đối với một đất nước mến mộ Đạo Phật đến dồn hết mọi thứ quý giá nhất cho Chùa như thế, chứng tỏ lòng thành của họ rất cao. Chùa cất cũng đã trên ngàn năm. Người dân xứ đó vẫn thành khẩn cầu xin và tiếp tục dùng vàng dát mỏng để thường xuyên tôn tạo Chùa, Tháp. Nếu cứu độ được hẳn Phật đã không thể làm ngơ rồi! **Nhưng đến thời này rồi mà dân ở đó cũng vẫn còn lạc hậu, đói nghèo, chứng tỏ Đạo Phật chân chính nói đúng**: **Không thể dựa vào lời cầu xin, mà chỉ nên tin vào Nhân Quả.** Chỉ có bằng những kế hoạch, hành động thực tiễn mới đưa dân nước đi lên. Bởi so với các nước không sùng bái Đạo Phật như Châu Âu, không hề biết đến Phật, không mong chờ sự cứu độ của Phật, mọi người chỉ tin vào thành quả của việc lao động bằng tay chân hay trí óc của bản thân. Họ nâng cao trình độ dân trí, không ngừng phát huy khoa học, kỹ thuật, thì người dân của họ lại có mức sống rất cao. Vô tình họ đi đúng đường hướng của Đạo Phật là chỉ tin vào Nhân Quả.

Người thuyết minh có nêu ra trường hợp Chùa rất đông người tới cầu nguyện, họ đều bỏ dép bên ngoài, nhưng dù giày dép mắc bao nhiêu cũng không hề bị mất, để kết luận: "*đất nước nào có sự giáo hóa của Đạo Phật thì người dân sống tốt đẹp, không gian tham*". Trên thực tế, chưa hẳn chỉ những nước chịu sự giáo hóa của Đạo Phật mới không gian tham. Ở nước Mỹ đâu có bao nhiêu người theo Đạo Phật, nhưng nhân viên Bưu Điện vẫn thường phát bưu kiện bằng cách để ngay cửa của địa chỉ nhận thư. Họ tới nhà, bấm chuông, chẳng cần biết nhà có người ra nhận hay không, cũng để ngay cửa rồi đi. Chủ nhà đi làm về thấy bưu kiện để ngay cửa là chuyện bình thường. Nếu hiện tượng bị lấy mất thường xuyên diễn ra chắc là họ phải thay đổi cách phát rồi! Nhiều nước còn có cả một trung tâm tiếp nhận hàng bị thất lạc, chờ chủ tới nhận. Vì vậy, theo tôi, nếu chúng ta chỉ giáo dục con người có đạo đức, không gian tham, mà đất nước vẫn còn lạc hậu, người dân vẫn còn nghèo đói thì không có gì đáng để hãnh diện. Đạo Phật đâu có khuyến khích nghèo đói. Kinh DUY MA CẬT mô tả ngài là một trưởng giả, của cải nhiều vô số, làm ăn, quen biết lớn để có cơ hội tiếp xúc mà giáo hóa mọi người. Con người phải làm ra của cải, phải làm giàu cho đất nước, tạo điều kiện cho nhiều người nghèo có công ăn, việc làm, miễn là không gian tham, lừa đảo, tàn sát lẫn nhau.

Phải chăng nghĩa của PHẬT, BỒ TÁT là cứu khổ, ban vui cho chúng sinh? Do chúng ta quen nghĩ rằng chỉ những vị được nêu tên trong Kinh như Ngài Quán Thế Âm, Địa Tạng, Phổ Hiền vv... mới là Bồ Tát, không biết rằng những ai quên mình, giúp đỡ, cứu khổ, ban vui cho người khác thì rõ ràng là đang hành "Hạnh Bồ Tát"? Như vậy họ chẳng phải Bồ Tát là gì? Như thế, nhìn vào hiện đời có biết bao nhiêu là Bồ Tát đang hành nguyện. Đó là những người trực tiếp hay gián tiếp, cách này, cách khác, san sẻ những lo âu, phiền muộn, đau khổ cho con người. Giúp cho con người tiến bộ hơn, hạnh phúc hơn. Đó mới thật sự là Đạo Phật đi vào hành dụng. Cần gì phải Quy Y? Cần gì phải có sắc phục? Cũng đâu cần phân biệt tôn giáo, dân tộc, hay trình độ nào?

Đạo Phật đâu chỉ dạy cho con người bỏ Tham, Sân, Si đi, để sống hòa bình với nhau,

mà còn dạy Nhân Quả, tức là phải gieo Nhân Thiện để gặt Quả Lành cho bản thân, đồng thời qua đó cũng góp phần làm ích lợi cho cộng đồng, cho xã hội. Trong khi xã hội còn cần biết bao nhiêu bàn tay đóng góp, xây dựng các mặt. Mọi người tùy tài, sức mà tham gia. Nếu ta đang tuổi thanh xuân, sức khỏe dồi dào, thể lực cường tráng mà lại nhân danh con đường tu hành, rồi ngồi yên, sống thụ động, cả suy nghĩ cũng không dám, vì sợ thất niệm thì rõ ràng ta đã hiểu sai cách thức tu hành. Lục Tổ Huệ Năng dạy:

"Có tình hiểu biết đương nhiên động
Không động là loài chẳng có tình
Học đạo nếu tu hạnh chẳng động
Giống loài chẳng động tức không tình"

Do đó, Ngài dạy:

Muốn tìm cảnh thiệt Tâm không động
Trong lúc động mà Tánh chẳng lay.
Chẳng động, thiệt ròng tâm chẳng động.
Không tình đâu có giống Như Lai"

Hiểu cho rõ, để hành cho đúng. Việc người tu cần làm là Xả bỏ Ngã Chấp, Pháp Chấp để Hết Khổ. Việc Xả đó đâu nhất thiết phải ngồi yên, bất động, không được suy nghĩ gì hết thì mới làm được? Nếu có đọc Kinh thì ta phải thấy là Ngài Huệ Năng được Truyền Y Bát trong khi chưa hề Xuất Gia, Cạo Tóc, Đắp Y... và cả ngày phải làm việc chẻ củi, giã gạo. Mãi sau 15 năm trốn lánh, ở chung với đám thợ săn, khi cần phổ biến Chánh Pháp mới vô Chùa xuống tóc, thọ Giới với Pháp Sư Ấn Tông. Người tu cũng không phải bỏ việc đời để mơ màng Tây Phương, Đông Phương, vì những cõi đó là ở trong Tâm của mỗi người, được Phật phương tiện diễn tả nhằm dẫn dụ cho con người vì ham được về đó mà cải ác, hành thiện, để cuộc sống được tốt đẹp hơn mà thôi.

Cuộc sống dù cho là giả tạm nhưng cũng kéo dài cả trăm năm. Thời gian tồn tại mọi người đều hưởng dụng thành quả của người khác, vì vậy mỗi người phải có nhiệm vụ đóng góp cho xã hội, để vừa đáp đền Tứ Ân, vừa trả nợ cuộc đời, nhưng nhờ học hỏi, thực hành theo Giáo Pháp của Đạo Phật mà được Thoát Phiền Não, được như Hoa Sen mà Đạo Phật dùng làm biểu tượng. Như thế mới thực sự là mục đích mà Đạo Phật muốn mọi người đạt tới. Nếu bỏ đời, trốn đời, xây tường rào để các pháp không chạm tới được thì Giải Thoát đâu còn ý nghĩa gì nữa!

Nếu chỉ cuốn theo công việc mưu sinh, nhìn thấy mọi việc trước mắt thì không bao giờ chúng ta có thể nghỉ ngơi được. Nếu ngày tháng cứ trôi tuột đi, không có điểm dừng như ngày Tết, hẳn là mọi người sẽ quay cuồng trong vòng quay bất tận. Vì vậy, Giao Thừa là khoảnh khắc giao thoa giữa năm cũ và năm mới, là lúc ta buông bỏ mọi bon chen, tính toán để có thể nhìn lại nhiều thứ. Cắm cúi làm, vắt hết sức kiếm tiền rồi sẽ đi tới đâu? "*Nhân sinh tự cổ thùy vô tử*". Câu nói này cũng nhắc nhở được một số người mải mê xông pha vào vòng danh lợi để giật mình mà sắp xếp cuộc sống sao cho vừa phải. Cái Thân Vô Thường, biết nó có sống chờ đến lúc ta về hưu chăng? Hay quan chưa tha thì ma đã bắt?

Có một đoạn trong quyển "Người bán hàng vĩ đại nhất thế giới", là một best seller của tác giả Og Mandino mà tôi rất tâm đắc: "*Tôi sẽ sống hôm nay như là ngày cuối cùng của đời tôi. Tôi sẽ ôm hôn vợ tôi, nâng niu các con tôi khi chúng còn trẻ dại và đang còn ở cạnh tôi. Ngày mai chúng sẽ lớn lên và đi mất, tôi đâu còn có thể ve vuốt chúng nữa. Tôi sẽ giúp đỡ bạn bè khi họ cần, vì ngày mai họ sẽ không còn cần đến sự trợ giúp của tôi, và tôi cũng không còn nghe tiếng họ cầu cứu nữa. Họ sẽ ra đi, và tôi cũng thế...*".

Mọi người quen nhìn Phật Pháp như những gì xa xôi, tưởng như mang đầy tính chất huyền bí, nên không thấy liên quan, không thấy dính dáng gì đến đời thường, trong khi Vô Thường đã tác động trên mọi lãnh vực, mọi khía cạnh của cuộc đời và luôn diễn ra trước mắt chúng ta: Một đóa hoa nở rồi tàn. Một chiếc lá rơi. Bình minh lên. Hoàng hôn xuống. Mùa Đông qua. Mùa Xuân lại. Con người trẻ rồi già. Năm rồi người thân chúng ta còn sum họp với gia đình. Năm nay đã ra người thiên cổ...

Chính vì không nghĩ đến Vô Thường sẽ mang ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con cái, ngay cả bản thân ta đi bất cứ giờ phút nào, nên chúng ta đã sống hờ hững bên mọi người. Thiếu sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, đợi đến lúc họ ra đi mới giật mình, hối tiếc, rồi có khóc lóc, kể lể thì cũng chẳng làm được gì nữa! Cũng chính vì không nghĩ đến Vô Thường, không nghĩ rằng có một ngày mình sẽ ra đi, bỏ lại tất cả nên mọi người đã tranh giành với nhau. Nước này với nước khác. Nhóm này với nhóm nọ. Cá nhân này với cá nhân kia. Chỉ cần nghĩ rằng hôm nay là ngày cuối của

đời mình, tôi tin rằng thế giới sẽ có hòa bình ngay lập tức. Sẽ không còn ai khuyến khích đánh giết nhau. Vì đánh nhau, tranh giành tài nguyên, đất cát để lại cho ai? Mọi người sẽ thôi không còn tìm cách để tiêu diệt đối thủ nữa, mà buông vũ khí chạy ngay về nhà để gần gũi, thương yêu vợ con. Người giàu sẽ chia bớt của cải cho người nghèo, vì ngày mai chết đi họ cũng đâu có mang theo được. Vợ chồng sẽ yêu nhau thắm thiết hơn bao giờ hết, vì họ biết rằng chỉ ngày mai thôi, là sẽ mất nhau vĩnh viễn. Anh em cũng thôi xâu xé nhau vì chút gia tài. Con cái quan tâm chăm sóc cha mẹ hơn. Cha mẹ cũng thôi lo mê mải kiếm tiền, để cận kề, yêu thương con cái, biết quý trọng những ngày tháng còn sống bên nhau. Những người chủ gia đình sẽ không còn khề khà bên bia, rượu, mà tích cực làm ăn để rủi ngày mai mình ra đi thì không còn ai lo cho họ…

Trong ngày Xuân được hưởng bầu không khí ấp áp, tốt đẹp, an lành, sum vầy bên gia đình, chúng ta không thể không tri ân rất nhiều người. Từ những bậc tiền nhân đã dựng nước, bảo tồn đến nay đến ông bà, cha mẹ, thầy, cô. Người làm ra hạt gạo, củ khoai, rau, trái để cho ta bồi dưỡng, duy trì tấm thân. Người thầy thuốc, miệt mài tìm những phương thức mới để giúp con người giữ được sức khỏe. Đấu tranh, dành lại mạng sống của con người khi bị đe dọa. Người lao động bỏ công sức, mồ hôi để ta có được nhà cửa kiên cố, quần áo tốt đẹp, vật dụng, phương tiện ngày càng tinh xảo… Thậm chí, Đạo Phật còn dạy cho ta biết ân những nghịch pháp, vì đã làm cho ta trưởng thành hơn. Để có được một thân người toàn vẹn, thoát qua bao nhiêu ách nạn như hôm nay, chúng ta thọ ân biết bao nhiêu người. Vì thế, còn một ngày sống là còn một ngày trả nợ cho đời, cần sống cho xứng đáng.

Rồi nếu có nhìn ra thế giới chúng ta sẽ thấy: Trong khi hiện tại nhiều nước đang còn chiến tranh, khủng bố, tật ách, tai họa thiên nhiên giáng xuống, nhiều nơi thậm chí nước không có đủ mà dùng, thì chúng ta được sống trong hòa bình. Mưa thuận, gió hòa. Mọi người yên ổn làm ăn. Đó là cái phước rất lớn, chúng ta nên trân trọng giữ gìn, vì theo Kinh viết thì phải là người tu nhiều kiếp mới được sinh ra trong thời thái bình, không bị thiên tai, nhân tai làm cho điêu đứng khốn đốn.

Ngày Mồng Một Tết theo các Chùa thì đó là lễ Vía Đức Di Lặc. Theo truyền thuyết thì Đức Thích Ca có nói rằng thời sau sẽ có Đức Di Lặc hạ sanh để cứu đời, cho nên nhiều Giáo Phái cũng dựa theo đó để mong đợi một ngày Đức Di Lặc sẽ từ trên trời hay ở nước nào đó ra đời để cứu độ chúng sinh. Lời Đức Phật Thích Ca có rất nhiều ẩn dụ, nếu ta không hiểu rõ có khi trở thành Nhị Thừa, mong đợi sự cứu độ của ngoại Phật. Trong khi đó, theo chính Kinh giải thích thì PHẬT không phải là Ông Phật - theo nghĩa là một vị Thần linh - mà đó là nói về tình trạng Giải Thoát khỏi Phiền Não. Người giải thoát khỏi Phiền Não thì được gọi là Phật. Nếu nói về cứu độ thì ngay cả con của Đức Phật Thích Ca là La Hầu La cũng phải tự tu để Tự Độ. Lẽ nào Ngài lại cứu độ cho ta? Nếu Phật cứu độ được thì nhân loại hẳn không còn chiến tranh, tật ách, đói nghèo, mà được hưởng hòa bình, an lạc từ lâu rồi. Lẽ nào tới thời này chúng ta còn chưa nhận ra điều đó?

Nhiều người thắc mắc không biết đến bao giờ thì Chánh Pháp hay Phật Di Lặc ra đời? Kinh dạy: *Những người quay vô, năng tịnh, tự điều phục Lục Căn của mình, để Lục Tặc biến thành Lục Hộ Pháp. Tham Sân Si biến thành Giới, Định, Huệ. Phiền Não biến thành Giải Thoát. Địa Ngục biến thành Ao Sen. Lúc đó cái Tâm của họ đã được thanh tịnh, an vui, được Đức Thích Ca phương tiện gọi là Đức Di Lặc ra đời.* Do đó, đâu cần ngóng lên trời hay hành hương sang nước nọ nước kia mong gặp được Phật? Đức Thích Ca và Chư Vị Giác Ngộ cũng là những con người bình thường như tất cả chúng ta. Do vậy, những gì các Ngài đã thực hành, đã thành tựu được thì chúng ta cũng sẽ làm được. Mấy ngàn năm về trước hay vô lượng đời sau cũng giống nhau. Vì vậy, thay vì quay ra, tìm ngoài, chờ đợi Phật nào bên ngoài sẽ đến để cứu độ, là điều không thể có, thì mọi người cứ quay vô Tâm mình. Chuyển hóa nó. Dùng 32 Tướng Tốt để hình thành vị Phật của mình. Không cần tìm kiếm đâu xa. Không cần quỳ lạy Phật nào, tượng nào. Tổ Đạt Ma dạy: "*Đừng mang Phật ra mà lạy Phật*". Lục Tổ Huệ Năng thì dạy: "*Muốn kiếm Phật phải ngó trong Tánh mình mà tìm. Đừng ngó ra ngoài thân mà kiếm*". Vậy tại sao ta không áp dụng theo lời các Ngài mà tìm đâu cho xa vời? Theo những gì tôi đọc được trong Chính Kinh, thì không cần phải đợi đến 3.000 năm, mà bất cứ thời điểm nào, nếu nơi Tâm của ai đã trừ hết Phiền Não, được Giải Thoát, thì Chánh Pháp hay Phật Di Lặc đã ra đời nơi quốc độ đó vậy.

Tháng 1/2015

TÂM NGUYỆN



truyện ngắn

TỎ TÌNH MÙA XUÂN

QÚY THỂ

Một chiều thứ bảy, mùa xuân, Thùy dẫn tôi đi xem lễ nhà thờ. Tuy tôi là kẻ ngoại đạo nhưng vì yêu Thùy nên yêu luôn niềm tin tôn giáo của nàng. Tôi thấy đi nghe những cuộc thuyết giảng, thường trộn lẫn chuyện đời với những điều huyền hoặc là vô cùng thi vị. Hôm đó vị linh mục già, một tiến sĩ thần học giảng về kinh nghiệm cho trai gái không bị cám dỗ làm chuyện bậy bạ, để có một mối tình lí tưởng một tâm hồn thanh khiết, một thân thể không ố vết, hiện diện trước bàn thờ Chúa trong ngày cưới. Trong bài giảng có một chi tiết khá thú vị tôi nhớ mãi đến hôm nay. Vị linh mục nói: " ...Mỗi khi trai gái ở riêng với nhau nơi chỗ vắng vẻ, họ tưởng chỉ có hai người, sự thật luôn luôn có kẻ thứ ba, đó là con quỉ Sa tăng, nó xuất hiện đúng lúc để cám dỗ nam nữ làm bậy ! ..." Tôi chẳng hiểu vị linh mục lấy tư liệu nầy ở đâu, có thấy con quỉ Sa Tăng chưa, mà nói giống như thật. Mỗi khi đi dạo chơi với Thùy những nơi vắng vẻ, tôi mong cho con quỉ Sa tăng, bớt chút thời gian đi cùng chúng tôi, sao không thấy ? Quỷ bận gì ? Vì thế cuộc tình của tôi và Thùy, vẫn dẫm chân tại chỗ, không tiến lên được một bước nào. Cho tới một hôm sự việc xảy ra bất ngờ khiến cho tôi tin, quả đã có một con quỉ Sa tăng thật.

Tuy sống trong thời đại mới song cuộc tình chúng tôi lại trôi theo phong cách cổ điển. Trong khi những đôi trai gái khác lao tới với nhau theo tốc độ tên lửa, thì cả hai chúng tôi tiến như kiểu rùa bò. Đã thế khi gần chạm được trái cấm thì dừng lại, không có cách gì vượt qua cái phòng tuyến của sự băng giá, rụt rè, nhút nhát.

Nhiều năm qua cứ lặp đi lặp lại cái cảnh: Tôi thăm Thùy, Thùy thăm tôi. Ngồi với nhau, cắn hạt dưa, uống nước trà, nói đủ thứ chuyện, trừ chuyện tình yêu. Thời gian cứ trôi, tuổi tác thì cứ đầy lên, sự kiên nhẫn vơi dần. Hai chúng tôi đều trên ba mươi, xấp xỉ bốn mươi rồi còn gì? Chúng tôi không còn trẻ để chơi đùa trêu ghẹo nhau, rồi thì nhân một cái tích tắc nào đó, ôm chầm lấy nhau lăn trên cỏ và...hôn nhau và...tỏ tình!

Chúng tôi lại chưa đủ sự già giặn để mở đầu câu chuyện kiểu cổ điển như tưởng tượng trong hoạt cảnh sau đây:

- Anh đã suy nghĩ nhiều rồi...

- Nghĩ chi rứa anh Hai?

- Nghĩ về cuộc sống sau nầy...

- Cuộc sống mô anh Hai?

- Một tổ ấm...

- Tổ ấm mô ?

- ……..

Đại để quanh co một lúc như thế, tôi dâng nàng đóa hoa cùng với lời cầu hôn. Nàng bẻn lẻn vân vê tà áo. Lí nhí : " Để em suy nghĩ cho kĩ cái đã. Chuyện nớ hệ trọng một đời người, con gái mười hai bến nước...biết nơi mô đục mô trong? Với lại áo mặc sao qua khỏi đầu...Phải dọ ý ôn mệ..." Tuy dài dòng văn tự như thế nhưng câu nói ấy, có thể rút gọn lại thành một từ "OK" hay theo từ ngữ CS mới là "nhất trí!". Hoạt cảnh tôi vừa tưởng tượng trên đây cũng không có cơ hội biến thành hiện thực. Chúng lôi lở dở, già không ra già. Trẻ chẳng ra trẻ. Tình yêu hay tình bạn chưa rõ. Theo tôi cả hai đã dẫm đạp lên vương quốc thần tình ái từ lâu rồi, song trên danh nghĩa cứ phải gọi là tình bạn, tiến thoái lưỡng nan, chưa mở được đột phá khẩu.

Cuộc tình gặp trở ngại thế này, sao Sa tăng chưa chịu ra tay? Đang khi tôi bắt đầu tuyệt vọng thì xảy ra biến chuyển. Hôm đó cũng một chiều thứ bảy, mùa xuân, đến lượt Thùy đến thăm tôi. Một buổi chiều nhạt nhòa hư thực êm đềm giống như buổi chiều trong tiểu thuyết. Chúng tôi kéo nhau ra ngồi dưới gốc cây khế ngọt. Chỗ nầy tôi đặt bộ ghế mây. Bộ bàn ghế nầy cũng có cái tiểu sử của nó. Ngày mới rước nó về tôi đã thuê thợ may mấy tấm nệm xanh đỏ rất đẹp, và nơi nó ngự trị là phòng khách, hàng ngày tôi nâng niu chăm sóc nó. Bốn mặt ghế đã được bao nhiêu bộ mông trứ danh trên văn đàn cả nước ngự lên, còn mặt bàn đã qua bao nhiêu lần tiệc tùng chè chén om sòm. Chiếc bàn đã từng ghi chứng tích cho bao nỗi thăng trầm, thịnh suy của gia đình tôi. Rồi thời gian trôi đi, lớp sau là thế hệ của nhựa tổng hợp, màu sắc rực rỡ, kiểu cách mới lạ, bộ ghế mây bị thất sũng phải ra vườn nằm nơi gốc khế. Lần nầy chiếc bàn có cơ hội chứng kiến một lần cuối cùng phép lạ diễn ngay trên mặt bàn và dưới gầm bàn.

Mọi khi tôi tiếp Thùy ở phòng khách, song hôm nay một buổi chiều êm như nhung, Thùy lại cao hứng đòi ra vườn ngồi. Nàng mơ màng nhìn lên mấy chùm khế trong xanh như ngọc thạch. Hình như sự mơn trớn của làn gió chiều, màu xanh ngan ngát vòm lá, màu tím bời bời hoa khế rơi, tiếng chim ảo não cuối vườn làm Thùy mềm lòng. Hôm nay đề tài chính là văn thơ. Thú thực tôi vốn cục mịch, phàm phu tục tử không sành thi phú văn chương. Tôi chỉ biết ngồi yên ngắm nàng, và say sưa uống cạn cái giọng Huế lờ lợ của Thùy. Nàng ngâm nho nhỏ:

...Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền...

Nhân câu thơ nàng nói về thôn Vỹ, cái nôi, niềm tự hào cũ kĩ muộn màng về một thời hoàng kim, của dòng họ hoàng tộc, đang chơi vơi trên con dốc suy tàn. Thùy kể lại thời nàng còn học nhị niên Đồng Khánh, mùa mưa, nước sông tràn qua Đập Đá. Học sinh con gái, áo dài thắt lên cao, xắn quần, tay cầm guốc mộc vượt qua Đập Đá tới trường, ướt như chuột lột !

Tôi chẳng chú ý tới Đập Đá, học trò Đồng Khánh, tôi đang uống từng lời chất giọng của Thùy. Tôi liên tưởng tới những gánh chè, của mấy o ngồi bán ở Thương Bạc. Mỗi đầu gánh đặt nhiều cái nia chồng lên nhau. Mỗi nia gồm nhiều chén chè, như hạt sen, đậu xanh, đậu ván, trôi nước, đặc biệt hơn cả là món bánh tráng mè đen nướng xúc chè kê. Tôi nhắc tới món ăn nầy vì chè kê có vị mằn mặn, ngòn ngọt rất giống chất giọng mấy o gái Huế. Nghe nàng nói giống như đang ăn chè kê Thương Bạc. Thùy tưởng tôi đang để hết tâm trí vào câu chuyện văn thơ, thực ra đầu óc tôi, chảy sang hướng khác thiên về chuyện ăn uống.

Rồi nàng kể về phủ Tuy Lý ở Vỹ Dạ. Phủ Tuy Lý Vương còn gọi là phủ Ba Cửa. Ngày nay chiếc cổng ba lối đi đã bị thời gian, mưa nắng, chiến tranh tàn phá, suy tàn chẳng khác gì Hòang tộc. Trong phủ có ngôi chùa Phước Huệ, có ông thầy Ba La, có sen Tịnh Đế, có cá hóa long và

nhất là có những giai nhân, vang bóng một thời. Các "mệ" Như Nguyện, Như Không, Như Thủy, nổi danh tài sắc một thời, nay đã thành người thiên cổ, chỉ còn lại trong mấy câu ca dao :

Bao giờ Như Nguyện có chồng
Như Thủy uống nước
Như Kôihông ăn trầu.

Trong phủ thờ có chiếc tủ đồ sộ, đựng hàng trăm bản khắc gỗ văn thơ ngài Tuy Lý. Ngòai vườn, nào đâu hoa đào năm cũ, chỉ thấy cỏ áy bóng tà với khoai sắn tăng gia sản xuất cứu đói...

Tôi đang hồi tưởng lại một buổi chiều êm ả dưới bóng tháp chuông giáo đường. Tôi, một kẻ ngoại đạo vòng tay cung kính lắng nghe vị linh mục uyên bác giảng giải về cái chết, một đề tài vừa mang tính tôn giáo, triết học và sinh học rất lí thú. Theo đó, chết không phải là hết. Cái chết không bất hạnh, chẳng bi thảm. Chết chỉ là một sự "chuyển pha", một sự biến thái, là lúc mà con bướm xinh đẹp thoát ra khỏi cái kén để bay lên với hương đồng cỏ nội thanh cao. Chết tức là vứt bỏ cái kén, cái xác phàm xấu xí, không dùng được nữa. Cái chính là chẳng nên coi trọng thân xác... Nhưng sao "cái kén" có tên Tôn Nữ Diệm Thùy đang hiện diện trước mắt tôi đây óng ả một màu vàng lụa tơ tằm, đáng yêu biết bao! Bỏ cái thân xác nầy thì uổng một vưu vật của trần thế

Thùy thấy tôi mở to đôi mắt nhìn nàng. Thùy kể tiếp về thời kì thơ ấu ở đường Nguyễn Hòang gần chợ Bến Ngự. Buổi sáng có mụ bán cơm hến, gánh đôi vò nước đục như vôi và khói mù mù trong cái giá rét rất Huế. Nước hến chan với cơm nguội, với rất nhiều rau xanh trộn rau thân cây chuối hột còn non xắt mỏng, ướp chua, một món điểm tâm rẻ tiền ngon tuyệt! Những trưa hè cùng với mấy đứa em, đem cái mùng tuyn đi bắt cá dưới cầu Bến Ngự mà nàng thường gọi đùa là "Bến Ngủ". Dọc hai bên bờ sông là dinh cơ của những lão quan về ẩn cư.

Tôi miên man nghĩ về cuộc tình nầy, chỉ tiến được một đoạn rồi dừng lại. Chẳng lẽ ngày sau tôi có vợ, nàng có chồng, đầy đàn con cháu, hai người vẫn cứ mãi là bạn và mỗi chiều thứ bảy lại gặp nhau nói đủ thứ chuyện trên đời nầy? Ai chấp nhận điều kì quái đó? Hình như cả hai đã sẵn sàng song chưa có ai chịu đi bước đầu. Tôi cũng đã tính tới nhiều cách tỏ tình, song xét thấy cách nào cũng không ổn. Tỏ tình theo kiểu ôm đại hôn bừa như xi-nê, e cô gái Huế ẻo lả nầy không kham nổi. Tôi định nhờ người thứ ba đánh tiếng song thấy vô lí quá. Ai lại một kẻ nam nhi chí khí hơn ba mươi tuổi rồi lại chẳng dám nói có ba chữ "Anh yêu em" ? Người như thế sao đáng gọi là đấng trượng phu, làm cây bách cây tùng cho dây cát đằng nó leo? Lân, bạn rất thân của tôi góp ý : "Viết thư tỏ tình đi!" Tôi đáp:"Cảm ơn mầy góp ý hay. Nhưng tao xin bái ! Tao đã từng có kinh nghiệm chết người cũng vì cái vụ viết thư tỏ tình. Lúc mới học lớp nhất, đã có lần tao cóp trong tiểu thuyết, viết cho con Lan một bức thư, lén bỏ vào cặp nó. Tao chưa kịp hy vọng hay thất vọng thì đã thấy ba bàn con gái phía trên cùng bắt đầu náo động. Chúng nó bỏ cả nghe thầy giảng, chụm đầu thì thầm to nhỏ, rồi cười rúc rích. Ông giáo Khang, một thầy giáo nổi tiếng hung dữ, đi đâu cũng kè kè cây thước, loại đặc biệt dài và to như cây thiếc bảng của Tôn Hành Giả để trị mấy thằng hoang đàng tinh nghịch, mấy thằng lười. Thầy thấy bọn con gái cười, biết có chuyện, thầy tịch thu cái tác phẩm văn chương của tao. Trời ơi, trước khi nổi cơn thịnh nộ, thầy còn vờn tao như mèo vờn chuột. Thầy lên giọng, xuống giọng, ngâm nga lá thư tình tuyệt tác của tao xong rồi bình: " ...học thì dốt, chữ thì xấu, văn thì dở, lại dám viết thư cho gái !..." Lần đó ngoài mấy chục roi tao còn bị bốn cái cấm túc. Suốt một tháng bốn cái chủ nhật phải đến trường học bài. Thế mà lũ bạn còn nói tao có phúc không thì bị đuổi lâu rồi!"

Cuộc tình chúng tôi đang đến chỗ nút chận như dòng nước bị chiếc đập ngăn lại, nó dâng cao mãi mà chưa chịu vỡ bờ. Tới đây thì chuyện lạ xảy ra.

Đang liếng thoắng bỗng Thùy giật mình như chạm phải điện. Thùy bối rối chẳng biết đặt cái nhìn vào đâu. Nàng giả vờ chăm chú nhìn mặt bàn rụng đầy hoa khế tím. Nàng lặng câm, không thốt thêm lời nào. Tôi thấy cả người nàng rung nhẹ như cánh bướm. Nàng lẫn tránh đôi mắt tôi, hai gò má nàng ửng hồng lên. Đọc tiểu thuyết tôi thấy người ta kể các cô gái e thẹn thì ửng hồng đôi má, tôi thường không tin tiểu thuyết, song lần nầy tôi thấy đúng. Tôi không biết điều gì đã xảy ra với cô gái nầy? Chắc là một cái gì ghê gớm lắm mới khiến nàng bối rối, lại còn có vẻ hốt hỏang. Cô ta khó ở hay tôi vô tình làm điều gì xúc phạm nàng?

Ngay trong lúc tôi còn hoang mang thì trời ơi! Đến lượt tôi giật thót mình ! Điều tôi chờ đợi và không ngờ lại xảy ra. Ghê gớm và bạo dạn thật ! Dưới gầm chiếc bàn mây cũ kĩ, bàn chân mềm và ấm áp của Thùy lướt qua chân tôi. Tôi sung sướng cứng cả người, và tôi cũng bối rối giống hệt như Thùy một phút trước đây.

Lại một lần nữa tôi thấy Thùy giật nẩy mình, nhưng lần nầy nàng không còn kinh ngạc cuống quít nữa. Thùy nhìn tôi, nhìn đăm đăm, cái nhìn giống như một nghi vấn, lại giống như hồi còi thúc quân xung trận, hãy hành động nữa đi! Và rồi bàn chân êm dịu của nàng một lần nữa lại lướt qua chân tôi, rõ ràng là da thịt người, âm ấm, và mềm mại, chẳng phải dép hay guốc đụng chạn vô tình. Lúc trước tôi rất thích truyện ngắn " Mối tình chân" Của Nhất Linh, nhưng đó là tình "chân", Tôi tưởng truyện chỉ có trong tưởng tượng, ai dè ngoài đời vẫn có thật. Song phải nói "Mối tình chân" chỉ được cái hài, song thật quá, thô sơ quá không thể sánh với "Tỏ tình mùa xuân" viết sau mấy mươi năm nầy.

Thời cơ đã điểm, cái nhìn của nàng như khuyến khích tôi mạnh dạn lên. Và tôi mạnh dạn thật, tôi đặt tay lên tay nàng, Thùy kháng cự lấy lệ rồi để yên, sau đó chính nàng nắm tay tôi nắn bóp nhè nhẹ với tất cả sự trìu mến. Ôi sự việc dễ như thế nầy sao mấy năm qua tôi chẳng làm? Rồi thì một cái hôn. Phóng đại và tiểu thuyết hóa một chút có thể nói ấy là một chiếc hôn huyền nhiệm. Thực tế không phải như thế. Nếu chúng tôi đóng phim thế nào đạo diễn cũng cúp ngay tức thì, bắt làm lại vì đó là cái hôn quá tệ hại, diễn xuất đầu tiên của cặp diễn viên hạng bét và chưa được tập dượt lần nào. Đến nỗi chính tôi không còn nhớ đã chạm vào đâu? Môi, má, mũi, hay cằm của người mình hôn? Về kĩ thuật kém cỏi là thế song chiếc hôn nầy lại mang ý nghĩa vô cùng trọng đại. Nó là nhát búa đầu tiên và cuối cùng đập tan lớp băng giá bao bọc cuộc tình nhiều năm. Cái mặt bàn già nua một lần nữa được dịp chứng kiến bước ngoặt trong đời người chủ của nó.

Hình như trong hạnh phúc con người thích cô đơn. Đã rõ lòng nhau, nên Thùy về tôi không giữ lại. Chén hạnh phúc chúng tôi đã nốc no nê rồi. Tôi ngồi yên, đắm mình trong niềm hoan lạc, hạnh phúc lấp lánh xanh đỏ, tuyệt vời.

Tôi thả hồn lang thang vào mộng. Lúc đó trông tôi giống như con bò u của lão Hịch, buổi trưa nằm trong bóng mát nhai lại mớ cỏ nuốt vội hồi sáng. Tôi cũng đang nhai lại, gặm nhấm cảm giác bàn chân Thùy lướt qua chân tôi. Ôi cảm giá da thịt người trinh nữ êm đềm thánh thần. Bỗng, lại một cảm giác khác lướt qua chân tôi. Cũng vẫn cảm giác ấy, nó mềm, ấm và ẩm ướt. Thùy đi rồi kia mà, vậy chân ai đây? Hay cái ấy chỉ là ảo giác? Hay là cảm giác lúc trước quá mạnh mẽ đã hồi sinh một lần nữa? Hay ma quỉ trêu ghẹo chăng? Người ta đồn có cô gái thất tình treo cổ trên cành khế, hôm nay cô hiện về trêu ghẹo kẻ đa tình.

Thêm một lần động chạm nữa! Lần nầy quả thực rồi chứ không phải ảo giác hay ma quỉ gì cả. Tôi cúi nhìn dưới gầm bàn. Trời ơi ! Con chó vện, một con chó ta trăm phần trăm lại có cái tên rất kêu và rất Tây là con Rắc-ki. Nó nằm ngủ gà ngủ gật, thỉnh thoảng thức dậy thè cái lưỡi dài ra liếm chân chủ bên cạnh một cái để tỏ lòng thân ái.

Con Răc-ki khi còn ở quê ngoài việc giữ nhà đảm nhiệm công tác vệ sinh, dọn dẹp môi trường do tụi bé con làm bậy ra. Gốc của nó hoàn toàn dân dã, cha vàng, mẹ mực, sinh ra nó tòan vện. Cậu tôi ngày trước đi lính Pháp, rất sính Tây, đặt cái tên Tây cho oai. Khi về với tôi sống ở phố nó chẳng còn công việc gi làm nữa. Nhưng vì tuổi già, đêm thao thức, ngày thường ngủ gật, mỗi lần sực tỉnh thè cái lưỡi dài màu hồng có cái bớt đen quí tướng liếm chân để tỏ sự hiện hữu và trung thành của nó. Tôi chắc cái cô tôn nữ đài trang xứ Huế nầy sướng đến tê người mỗi khi cái lưỡi dài rất dài màu hồng ẩm ướt nầy chạm vào da thịt !

Tôi nghĩ Sa Tăng đôi khi cũng có ích. Chúng tôi không rơi vào hư đốn mà lại rơi đúng cái tổ hạnh phúc êm như bông.

QÚY THỂ



Tho

ĐI ĐÓN MÙA XUÂN

TRẦN VẤN LỆ

ĐI ĐÓN MÙA XUÂN

Có vẻ như mùa Xuân đang tới
Em nhìn kìa, hoa cỏ đã tươi xanh
Em nhìn kia, em hãy tưởng tượng em và anh
Mình đi dạo trên đường Xuân buổi sáng:

Anh nói với em chúng ta đều lãng mạn
Dễ thương biết bao em cái hồ nhỏ nước trong
Như đôi mắt của em trăng sáng một vầng
Anh làm sóng lăn tăn những sợi lông măng của em gờn gợn...

Hai tay em hai tay anh chúng ta bắt cái bóng
Bóng thời gian và ôm vào lòng
Mình đã ôm nhau rồi đó, thấy không
Bóng thời gian và muôn năm tình nghĩa...

Mùa Xuân đang tới, mùa Xuân có vẻ
Thuở thanh bình êm ả chân son
Em của anh ơi nước chảy đá mòn
Mình hãy nói yêu thương nhau đến ngày nào mùa Xuân sang Hạ...

Cô gái để trên đầu một vòng hoa lá
Lá màu xanh và hoa tím dịu dàng
Năm bốn mùa trời đất thênh thang
Mình đi hết bốn mùa rồi trở lại...

Người xưa nói: Mùa Xuân bất tái...
Xưa lắm rồi. Thời đó chiến tranh!
Nước sông Hương đang xanh
Chúng mình tắm mùa Xuân, em nhé!

TRẦN VẤN LỆ



CỎ XUÂN

NGUYỄN NGỌC ANH

Tân kéo cánh cổng gỗ,- đã bị mối mọt lâu ngày nên xiên xẹo- để vào trong sân sau nhiều kêu gọi, nhưng không có ai trả lời. Căn nhà với mái ngói và vách tường rêu phong nấp sau những cây ăn quả lưu niên trông có vẻ âm u, hoang vắng. Lần bước ra phía sau nhà, một quang cảnh rực rỡ đập vào trong mắt Tân: một đám hoa cải vàng ánh, những luống rau xanh mượt và hàng vạn thọ, hàng cúc đua nhau khoe sắc tạo một khoảng không gian riêng mang cảnh sắc mùa xuân khác hẳn với màu tối xám như mùa đông ở phía trước nhà. Tân ngạc nhiên và thầm nghĩ, chả lẽ Liên đã có thể làm được công việc vườn tược này rồi sao ?

Đi tiếp xuống cuối vườn, Tân bất ngờ thấy Liên gánh nước từ dưới ao lên tưới thảm cỏ gần đó. Sau mùa mưa và khi Đông đến, đất đai trở nên khô hạn, vì thế cỏ bắt đầu héo úa, Liên vì động lực nào đó đã xách nước tưới cho đám cỏ có màu xanh mát. Tân xúc động đến ứa lệ: Liên chưa quên khoảng không gian riêng tư của hai người !

Đó là thảm cỏ mang dấu vết kỷ niệm tuổi thơ của Tân-Liên. Nơi hai người bày biện bánh trái, chơi trò bán hàng, cùng nằm nghe cá quẩy đuôi, đớp mồi dưới ao; nằm nhìn mây trắng lửng lờ trên bầu trời xanh hay thỉnh thoảng vật lộn vì dành một món đồ hay tranh cãi chuyện gì đó…

Sở dĩ chỉ có hai trẻ, một nam một nữ chơi với nhau vì trên doi đất nhô ra giữa cánh đồng lúa mênh mông này, chỉ có 4 căn nhà được dựng lên để ở và trồng rau. Lứa tuổi trạc như Tân chỉ có Liên nên việc hai đứa ngày ngày cùng quấn quít, đùa vui bên nhau là điều tự nhiên.

Mọi chuyện sẽ êm đềm trôi qua theo thời gian nếu không có một biến cố đau buồn xảy ra. Tân còn nhớ như in vào một buổi chiều, Liên trèo lên cây ổi trồng gần giếng để hái một quả chín lơ lửng ngoài đầu ngọn cây, dù nằm ngoài tầm với của Liên nhưng vì không ý thức được sự nguy hiểm nên Liên cố rướn người theo cành cây lần tìm tới đích. Cành ổi trĩu xuống trông thật thót tim. Tân kêu Liên tụt xuống nhưng cô bé bướng bỉnh không nghe. Cậu bé bực mình, sẵn có chạng ná bắn chim, liền kẹp viên đạn bằng đá vào , nhắm bắn quả ổi. Tiếng xoẹt của viên đá bay vào tán cây khiến Liên giật mình buông tay rơi xuống. Đầu Liên chạm vào thành giếng trước khi lọt hẵn xuống dưới. Giếng thấp và mùa này cạn nước nên không ngập hết người cô bé. Tân hô hoán, gọi mọi người đến cứu. Cô bé được đưa đi bệnh viện kịp thời.

Sau một thời gian, những vết thương trên người cô bé đã lành, nhưng chấn thương ở đầu và nỗi khiếp sợ khi tai nạn xảy ra khiến trí nhớ của Liên kém hẵn. Đúng như từ " người té giếng" , đầu óc của Liên trở nên bất thường ; khi nhớ, khi quên. Liên thường thu hẹp mình một chỗ, khuôn mặt ngây dại trông thật tội nghiệp. Sau vụ này, Tân bị ba đánh cho một trận nên thân, còn ba mẹ Liên vì hận nên cấm cửa không cho Tân qua nhà. Ông bà tuổi đã cao, lại hiếm muộn sinh có mình Liên nên tai nạn của cô làm cho ông bà hết sức buồn khổ. Không riêng ba mẹ Liên mà hình ảnh của Liên luôn đau đáu trong tim Tân. Niềm ân hận dày vò Tân, sự cản trở của ba mẹ Liên gây nhiều khó khăn trong việc tìm cách tiếp cận với Liên. Từ đó, mỗi lần một mình đến lớp hay sau này vì công việc mưu sinh, phải đi làm ăn xa, Tân mãi nghĩ tới Liên, lòng nhủ lòng sẽ tìm cách giúp đỡ nàng. Khi Liên đến tuổi trưởng thành, ba mẹ Liên già yếu nên lần lượt rời xa cô. Cô trở thành cô gái mồ côi đáng thương. Dì cậu Liên ở gần đó muốn rước cô về nuôi dưỡng nhưng cô nhất quyết chối từ, chỉ sống thui thủi trong căn nhà xưa cũ của cha mẹ. Dì cậu chỉ biết hỗ trợ cơm nước và những nhu cầu cần thiết cho cô. Dần dần, tự Liên cũng biết trồng rau, trồng hoa theo truyền thống gia đình và nhờ dì cậu đi bán hộ. Mỗi lần được nghỉ, Tân thường về thăm Liên, anh thường mua tặng Liên áo quần, những vật dụng mà người phụ nữ cần. Ngồi bên nhau anh vừa chải tóc hoặc rữa chân cho nàng, vừa gợi ý cho nàng bắt chuyện. Gặp khi tỉnh táo, Liên cũng trò chuyện như cô

gái bình thường trong đó có những lời cảm mến dành cho Tân. Nhiều khi xúc động Tân đã ôm choàng lấy Liên, cô đứng yên trong vòng tay ấm áp của anh. Nhưng khi đầu óc không bình thường thì Liên xô đẩy anh ra, lặng im hay quay quắc bỏ đi. Tân buồn khổ nhưng vẫn tin rằng một ngày nào đó, anh sẽ đưa Liên đến một bệnh viện tiên tiến để điều trị ,hy vọng nàng sẽ khỏi bệnh …

Thảm cỏ bắt đầu có màu xanh. Có lẻ mùa xuân, sự miệt mài của Liên làm cỏ trỗi dậy, tươi màu nhanh hơn. Má Liên đỏ bừng vì lao động dươi nắng gắt và đỏ thêm khi cô bắt gặp Tân đứng âu yếm nhìn cô. Nụ cười rạng rỡ và cái nắm tay thật chặc với Tân đã nói lên, mỗi khi trở lại bình thường, cô luôn luôn nhớ đến anh.

Tân dìu Liên lên nhà, trong anh đã có một quyết định quan trọng: tết này anh sẽ đem trầu cau sang nhà dì cậu Liên,- những người đại diện cho họ tộc của nàng-để hỏi cưới. Anh muốn tự tay thường xuyên chăm sóc nàng mà lâu nay anh ít có dịp thể hiện.

Anh đang là cánh én nhỏ mang về mùa xuân cho một loài " cỏ dại"

Cuối năm Đinh Tỵ 2014

NGUYỄN NGỌC ANH



Tho

GIAO THỪA VẮNG ANH

NGUYỄN THU MÁT

Em nghe từng bước thời gian,
Một trời pháo nổ - Tiếng xuân rộn ràng
Nhớ anh vời vợi trời Nam
Phố phường nơi ấy rộn ngàn sắc hoa...

Biết chăng anh: Ở quê nhà
Mái tranh nho nhỏ mẹ già chờ mong?
Trời xa mòn mỏi em trông
Trăng tròn trăng khuyết mà không thấy người...

Ngoài kia, xuân lại về rồi
Còn anh thăm thẳm phương trời xa xôi!

NGUYỄN THU MÁT



truyện ngắn

MÙA XUÂN DÌU DỊU

HỒ TĨNH TÂM

Từ Trà Nóc, rẽ trái vào khu công nghiệp, chạy thêm khoảng nửa giờ xe honda là tới nhà bà Tám. Hai vợ chồng bà sống với người con gái út. Liền ranh hai bên vườn là nhà của hai người con trai, sống bằng nghề làm ruộng. Cả hai đều còn trẻ, nhưng anh nào cũng lóc nhóc bốn đứa con. Họ hùn hạp mua cho em gái một con dê sữa, giống Hà Lan, nói là ráng nuôi lấy sữa cho cha mẹ dưỡng già. Tiếng là vậy, nhưng hai ông bà già uống hết bao nhiêu; lũ cháu ngày nào cũng kéo sang, chúng uống sạch bách số sữa mà cô út vắt được mỗi ngày. Được cái, chúng đứa nào cũng như đứa nào, luôn thay nhau đi kiếm cỏ, kiếm lá so đũa cho con dê ăn no đến cành hông. Nhờ vậy cô út cũng khỏe, có dư thời gian để nuôi thêm đàn heo thịt và bốn con heo nái; đã vậy, từ khi nhà máy chế biến thủy sản dựng lên gần nhà, cô út còn nuôi thêm mấy hầm cá trê. Thức ăn mua của nhà máy, cá bán cho nhà máy, cô út trúng liền mấy vụ cá, coi mòi còn khá giả hơn cả hai người anh trai.

Cô út đã ngót nghét qua tuổi hai mươi ba, nhưng chưa hề có đám nào đến dạm hỏi. Mà ở cái làng này, tạng người ốm yếu như cô út, kể cũng khó lấy chồng. Làng nhóc nhách con gái, đến mức dư thừa. Đã vậy gái làng lại khỏe căng, rừng rực nhựa sống, khác hẳn với vẻ trầm lặng của út. Thương em phòng không thui thủi, có lần anh hai qua chơi, nói với mẹ: "Hay là dạm hỏi cho con út đám Đài Loan nào đó, gả phứt cho rồi. Cứ ở mãi như vầy, rồi cũng chết già. Làng ta con gái thừa mứa, mười tám tuổi đã tấp tễnh về nhà chồng; đứa nào ngoài hai mươi, đã coi như ế, phải

kéo nhau đi lấy chồng xứ khác. Lép xẹp như con út, làm sao kiếm nỗi mụn chồng trong xóm". Bà Tám nghe vậy chỉ chắt lưỡi, không nói tiếng nào.

Vợ chồng anh ba qua chơi, lựa lúc út đi cho heo ăn, cũng khuyên cha mẹ gả em cho Đài Loan. Anh ba nói, thiếu gì con gái bây giờ lấy chồng ngoại, nhiều đứa hên, lấy được chồng tốt, sống đình huỳnh như bà hoàng. Ông Tám lắc đầu: "Thiếu gì đứa xui xẻo. Qua bển, một tiếng của người ta cũng không biết. Chồng sai làm cái này lại làm cái khác, nó bực, nó thưởng cẳng chân, hạ cẳng tay, đánh cho bầm mặt. Thà ở vậy còn hơn đi ở đợ xứ người". Còn Út, khi biết chuyện chỉ lặng thinh.

Ngày ngày, Út lui cui việc nhà, việc ruộng. Tiền bạc dư dã mỗi ngày một nhiều, Út bắt đầu sắm sanh nhà cửa. Cũng chẳng nhiều nhặn gì. Cái tivi, cái đầu máy cho cha mẹ coi hát; cái quạt bàn để khi nhà có khách thì mở cho mát. Còn như tập vở, bút mực của tám đứa cháu, một tay út lo hết cho chúng. Khi thấy chúng mỗi ngàymỗi lớn, sức ăn như hạm, út bỏ tiền mua thêm hai con dê sữa; bỏ hẳn ra công đất trồng cỏ ống, cỏ voi. Mấy đứa nháu nhờ đó đỡ phải chạy lung tung kiếm thức ăn cho dê như cấp trước.

Một bận, con dê có khoang đen khoang trắng, tự dưng bị bỏ ăn. Út hoảng lên, phải chạy ra Trà Nóc mời bác sĩ thú y. Ông bác sĩ còn trẻ, sau một lúc dùng tai nghe, nghe mạch tim cho con dê, dùng tay sờ nắn khắp mình con dê, rồi vạch mồm nó ra xem lưỡi, bắt đầu lúi húi kê toa thuốc. Gần trăm ngàn tiền thuốc. Vậy mà sau ba bận chạy chữa như vậy, con dê vẫn lăn ra chết. Út buồn lắm. Út ngồi lặng ở góc vườn khóc rưng rức. Anh bác sĩ trẻ thì cuống lên. Anh vừa sợ mất uy tín, vừa sợ làm út buồn. Anh hứa với ông bà Tám sẽ thụ tinh nhân tạo cho hai con dê sữa, sẽ làm cho chúng đẻ thêm hai con dê nữa để bù vào con đã mất.

Từ đó, mỗi ngày anh bác sĩ lại chạy xe máy từ Trà Nóc vào nhà Út. Xoay xở mãi, cuối cùng anh ta cũng làm cho hai con dê mang bầu. Khi hai con dê mang bầu, anh bác sĩ lại càng năng lui tới thăm thú cho chúng. Khi biết chắc hai con dê đeo bầu dê cái, anh bác sĩ vui mừng ra mặt. Anh hai, anh ba của Út lại càng mừng hơn. Họ rủ anh bác sĩ ở lại, đãi cháo gà, cá lóc hấp. Anh bác sĩ không quen uống rượu, mới được năm ly đã lăn ra chìm xuồng tại bến. Báo hại Út phải dọn bộ ngựa cho anh ta nằm ngủ.

Nửa đêm, anh bác sĩ tỉnh rượu, tụt khỏi bộ ngựa ra bàn chăm trà ngồi uống. Út nằm trong buồng, nghe động lịch kịch thì bước ra. Út quậy cho anh bác sĩ ly chanh đá. Út pha nước nóng, đem khăn mặt cho anh bác sĩ rửa mặt. Rồi Út xuống bếp nấu nồi cháo cá. Út săn sóc anh bác sĩ tận tình còn hơn cả săn sóc hai người anh ruột.

Ngày hôm đó anh bác sĩ ở lại nhà ông bà Tám, bởi anh dự đoán, có thể đêm nay cả hai con dê sẽ đẻ con; chúng cần được săn sóc đặc biệt, cần được chú tâm từng li từng tí. Rồi anh dặn Út sửa soạn một số đồ lặt vặt để chuẩn bị đón hai chú dê con ra đời. Út chạy xe đạp ra chợ Trà Nóc, sắm sanh đủ các thức mà anh bác sĩ dặn, rồi ghé chợ mua ít đồ ăn. Buổi trưa có mắm cá lóc chưng, ăn cặp với rau nhút; lại còn cả canh chua cá ngác, cá bống trứng kho tiêu. Cả nhà đang ngồi ăn thì có người chú họ từ Bảy Núi xuống chơi. Thấy út ngồi kế anh bác sĩ trẻ, ông chú họ đon đả: "Ủa! Con Út lấy chồng hồi nào tao hổng hay! Mà chồng bay quê ở đâu? Làm nghề gì?". Út đỏ lựng hai gò má. Anh bác sĩ cũng vậy. bà Tám phải đỡ lời cho con: "Hổng phải vợ chồng. Cậu Hai đây là bác sĩ thú y, vô đỡ cho hai con dê sữa sắp đẻ". Ông chú nghe vậy, cười hà hà: "Thấy tụi nó ngồi cặp kè bên mâm cơm, coi bộ cũng xứng, tui mới lầm tai hại ra làm vậy. Thông cảm ngen chú Hai! Mà kể con Út cũng giỏi giang, có thua kém đứa nào đâu. Anh chị ngắm đám nào được, lo dần đi là vừa. Tui nói vậy, trúng không chú hai?". Anh bác sĩ lại càng đỏ rần gương mặt, bẽn lẽn cười, trả lời lúng búng: "Dạ! Cô Út giỏi lắm!". Ông chú ngửa đầu cười hể hả: "Chú Hai thấy không, roi roi như con Út vầy đây là mốt đó nghen! Lóng rày, hổng biết vì sao, đàn bà con gái xứ mình cứ đua nhau phì ra như lu nhứt. Eo co mất đâu ráo trọi. Làm ốm mới khó, chứ muốn mập thì mấy hồi". Út mời ông chú ăn cơm, ông chú chém chém bàn tay vào không khí: "Có mắm chưng, có canh chua, không có rượu, tao nuốt gì nổi". Út phải chạy đi kêu anh hai, anh ba qua uống rượu với ông chú họ. Phần Út và anh bác sĩ, vì phải lo cho hai con dê sắp đẻ, họ lui ra sau vườn, tìm đến chuồng dê.

Anh bác sĩ thò tay qua liếp chuồng, nắn nắn bầu vú của hai con dê, nói: "Cô Út à! Có thể chúng đẻ sớm hơn dự định. Nhờ Út chạy mượn thêm hai bình thủy nữa để đựng nước nóng". Út nghe lời anh bác sĩ, đi qua nhà hai người anh. Khi đã ra khỏi ngõ, Út thấy vui vui một niềm vui rất lạ; vậy là Út không đi nữa, mà út bắt đầu nhảy chân sáo, vừa nhảy Út vừa khe khẽ hát một giai điệu lạ hoắc lạ huơ ở đâu ập đến trong đầu. Khi trở lại, Út thấy anh bác sĩ đang đứng gác một chân lên gióng cây ngang của chuồng dê, khe khẽ huýt gió. Lạ thiệt! Giai điệu nghe quen quen như giai điệu mà Út đã hát khi ra khỏi ngõ. Út thấy xốn xang. Út đứng lặng đi một lúc. Khi anh bác sĩ quay lại, Út giật thốt cả người, tự nhiên nói như nói cà lăm: "Để... để Út... vô trỏng... nấu nước". Ông chú và hai người anh vẫn đang ngồi uống rượu. Mồi màng vẫn còn ê hề, nhưng vừa ngó thấy Út, ông chú đã nói: "Con Út hổng nhớ tánh chú Năm mầy sao? Đang cuối mùa khô, bay chạy ra ngoải, kiếm bậy cho tao mớ bông lục bình". Út lại chạy trở ra sau vườn. Lại nghe anh bác sĩ đang huýt gió. Giai điệu nghe quen thuộc, xao xuyến lạ lùng. Nhưng Út phải xắn quần lội xuống mương để hái bông lục bình cho ông chú. Út hái nhoáng nhoàng một lọn lớn, chặt cả cầm tay. Khi đi ngang qua chuồng dê, anh bác sĩ nhìn thẳng vào mắt Út, nói: "Bông lục bình tím qúa xá há cô Út! Lục bình nở rộ vầy là sắp xuân về, sắp Tết đến nơi. Tết này có thêm hai con dê, cô Út bận dữ dằn nghen!". Út thấy nóng ran hai gò má, đi thẳng một mách vô nhà bếp.

Đêm đó, lối chín giờ thì cả hai con dê lần lượt đẻ con. Nhìn hai con dê mẹ liếm liếm bộ lông ướt rượt của hai chú dê con, Út mừng tới rướm cả nước mắt. Khi thấy hai chú dê con lẩy bẩy tìm cách đứng lên, nhưng chưa đứng được đã ngã lăn ra, nước mắt Út tự dưng trào ra lả chả. Anh bác sĩ đưa tay vỗ lên vai Út: "Không sao đâu! Giống dê sữa này khỏe lắm. Chỉ chút xíu nữa là chúng rúc bụng mẹ, bú chùn chụt ngay bây giờ. Yên tâm đi cô Út!". Út thấy nóng ran cả bờ vai. Nhỏ đến lớn, đây là lần đầu tiên có bàn tay đàn ông xa lạ đặt lên vai Út. Út phải ráng lắm mới giả tảng lờ như mình không hề bị xao xuyến. Còn ông bà Tám thì sung sướng tới nở cả mặt. Cả hai xăng xái chạy tới chạy lui. Bà Tám đem cả bình trà, cả dỉa bánh ra tận chuồng dê khoản đãi anh bác sĩ. Hình như nhờ hai chú dê con đã ra đời khỏe mạnh, khiến anh bác sĩ tự tin hơn, thành ra anh ăn nói coi mòi khá tự nhiên, thoải mái. Lần đầu tiên Út thấy anh bác sĩ châm lửa đốt một điếu thuốc; nhưng vừa hút một hơi, anh bác sĩ đã ho sặc sụa. Tội nghiệp! Đàn ông đàn ang gì mà không hút được thuốc, không uống được rượu. Người như ảnh, làm sao hạp với lối sống của trai làng ở đây. Út thấy thoáng chạnh lòng.

Sáng ngày anh bác sĩ phải trở ra Trà Nóc lo công việc của trạm thú y. còn lại một mình, Út trở nên lập chà lập chập, làm việc nào cũng không ra đâu vào đâu. Bà Tám thấy vậy thì nói: "Con nhỏ hôm nay ngộ thiệt! Làm như bây trúng bùa trúng ngãi phải hông? Việc gì cũng cứ thủng thẳng mà làm. Hấp ta hấp tấp như vậy, hổng xong việc gì đâu con!". Út cố tự trấn tỉnh, nhưng không hiểu sao người cứ bồn chồn, cứ cuống quýu một nỗi niềm run run khó tả. Đã bao nhiêu lần Út nhìn mặt trời. Mặt trời vẫn nắng ong óng. Đã bao nhiêu lần Út nhìn ra ngõ. Ngõ cứ hun hút vắng lặng. Bà Tám nói: "Chú Hai bác sĩ chắc bận công chuyện ở ngoải. Bây cứ làm y thinh như lời nó dặn. Người ta là bác sĩ, phải đi giáp vòng thiên hạ, có đâu chỉ chuyên chú cho công việc nhà này. Mầy biết có bao nhiêu trăm người nuôi dê sữa không? Có người còn nuôi cả mấy chục con. Người ta cũng cần bác sĩ chớ bộ!". Nghe mẹ nói, Út buồn lặng đi. Đâu phải mình Út nuôi dê đâu. Ở xóm bển, con Sáu Hường nuôi tới mấy con. Mà Sáu Hường cũng chưa có chồng. Sáu Hường đã hăm hai tuổi. Út nghe đau thắt trong ngực, như có ai nắm lấy tim mình mà bóp. Sao mà Út muốn chạy qua nhà Sáu Hường qúa. Biết đâu dê sữa nhà Sáu Hường cũng đang đẻ, hay đang mang bầu. Sao mà lâu nay Út không hề để ý tới chuyện này. Út thấy nóng râm ran trong ngực. Út kêu con Tím, con anh hai tới, đưa cho nó mấy ngàn bạc, nói: "Bây chạy ù qua nhà cô Sáu Hường, mua cho Út chục hột vịt lạt". Khi con Tím đã cầm tiền trong tay, nó ngước mắt hỏi: "Mua nhà bác Bảy cho gần nghen Út?". Út cuống lên: "Hổng... hổng được! Bây chịu khó chạy xe đạp tới nhà cô Sáu, hỏi cổ cách... cách làm bơ giùm Út". Con Tím lại chun mũi nói: "Thì cậu Hai chỉ rồi đó thôi". Út dí ngón tay lên trán con Tím: "Con này! Biểu đi thì lẹ giùm. Ở đó cắc cớ hỏi hoài. Mẻ miệng bây giờ nghen con!". Khi con Tím đã ra tới vuông sân trước nhà, Út gọi với theo: "Tím à! Nhớ xem dê cô Sáu Hường đẻ được mấy con nghen!".

Con Tím vừa ra khỏi ngõ thì bà Tám trờ tới, cho Út hay một tin động trời, khiến Út sa sẫm cả mặt mày: anh bác sĩ bị đụng xe, đang phải nằm viện. Trời ạ! Vậy mà Út không biết, Út nghĩ lung tung ra mọi chuyện. Bậy qúa! Phải kiếm thức gì đi thăm ảnh. Bà Tám nói: "Thủng thẳng rồi sớm mơi

hẵng đi. Giờ chiều rồi, đi sao kịp".

Út tới nơi thì anh bác sĩ đã xuất viện. Đành phải tìm tới nhà của ảnh. Nhưng nhà của ảnh ở đâu thì Út lại không biết. Chắc phải đến trạm thú y Trà Nóc hỏi thăm người ta. Mà làm vậy chắc là kỳ lắm. Lỡ người ta hỏi Út với ảnh quan hệ ra làm sao thì biết trả lời thế nào. Với nữa, lỡ ảnh đã có vợ có con, người ta sẽ dị nghị thế nào về Út. Biết bao nhiêu người nuôi dê sữa, chứ có phải mình Út đâu. Xách cái làn nặng trái cây và hột gà, Út đứng lựng khựng mãi ở hành lang bệnh viện. Cuối cùng, thấy phân vân khó xử, Út quày qủa trở ra bến xe, đón xe buýt về nhà.

Khi ngang qua nhà Sáu Hường, Út nhìn thoáng thấy hai cây mai nằm cặp hai bên bàn thiên đã trổ bông vàng lấm tấm, mới sực nhớ, chỉ còn hơn tháng nữa là Tết. Anh bác sĩ đã nói, Tết này chắc Út bận dữ dằn với hai chú dê con. Ồ, chuyện nhỏ ấy mà. Út là con nhà lao động, cứ càng nhiều việc lại càng vui. Rồi đây Út sẽ nhân đàn dê ra thật nhiều, Út sẽ cho anh bác sĩ thấy, Út làm được tất tật mọi việc.

Khi về tới nhà, Út đang tính dợm chân bước xuống bến cây còng ngồi nghỉ một chút, bỗng con Tím ở đâu chạy à tới, nói như reo lên: "Út à! Cậu hai bác sĩ vừa tới xong. Cậu đang ở ngoài chuồng dê với nội. Mà cậu hổng sao đâu. Chỉ trầy xước chút đỉnh thôi à". Trời đất! Út nghe như có ai đang gióng trống liên hồi trong ngực. Vậy là Út lấp vấp bước vô nhà, hấp tấp đi thẳng vô buồng. Lựa hết cái áo bông này tới cái áo bông khác, sau cùng, Út lựa cái áo cánh màu nâu. Út nhớ, có lần ánh bác sĩ đã nói, cô Út mặc áo cánh nâu coi hạp với gương mặt. Mà gương mặt Út đi xa về, nó có lấm bụi không nhỉ? Út cầm cái gương lên. Hai gò má ưng ửng. Hai con mắt lóng lánh. Chính là Út đó thôi. Nhưng phải chải lại mái tóc mới được, phải rửa sơ qua gương mặt mới được. Út cầm cái khăn đi ra sạp nước. Từ sạp nước nhìn xéo qua chuồng dê sau nhà, tim Út như thắt lại. Anh bác sĩ và mẹ không còn ở đó nữa. Út rửa qua quýt lấy có rồi chạy vội vào nhà. Té ra mẹ và anh bác sĩ đang ở trước vuông sân đất, cả hai đang lặt lá mai với ông Tám. Con Tím cũng có ở đó, nó đang nói gì với anh bác sĩ.

Út thấy lúng túng, không biết mình có nên ra ngoài sân không. Tim mình đập rộn như vầy, không khéo lại nói cà lăm mất thôi. Út còn đang phân vân thì đã thấy mẹ bước vào nhà. "Ủa, con Út về hồi nào. Bữa nay để heo đó tao cho ăn, bây đi làm cơm. Có cậu hai bác sĩ cùng ăn. Mấy con cá trê vàng, chiên hết nghen con. Canh chua thì để đó tao nấu". Con Tím từ ngoài sân chạy vào, líu ríu hỏi: "Có mua thêm hột vịt không Út?". Út gật đầu, dúi vào tay nó mớ tiền. "Bay chạy ù qua bên bácBảy cho gần. Mà nè! Nhớ mua thêm hai củ hành tây, với mớ rau răm nữa nghen!". Con Tím lại chun mũi, hấp háy hai con mắt tròn như bi ve. "Bộ Út tính làm gỏi gà sao cà? Để con kêu ba với bác Hai qua luôn nghen! Nhà con có khô cá lóc, cả khô cá chạch nữa". Ngoài sân, ông Tám vẫn đang cùng anh bác sĩ vặt lá mai. Nhà Út nhiều mai lắm. Mai trồng dưới đất, mai trồng trong chậu. Mai năm cánh, mai sáu cánh, mai hăm bốn cánh. Mai tứ qúy, mai chiếu thủy, mai cúc, mai lò xo, mai ngự. Cả một vườn mai từ đời ông cố tổ để lại. Có cây đã ngoài trăm tuổi. Năm nay trời rét đậm, chắc mai sẽ rộ bông vàng rực. Chừng mai nở mà anh bác sĩ vào chơi, dám ảnh phải mê vườn mai của nhà Út dữ dằn luôn. Năm nào cũng có người ngoài thành phố vào hỏi mua. Họ trả mỗi cây những mấy cây vàng SJC, nhưng chừng nào ông Tám mới bán. Họ biết vậy, nhưng họ vẫn cứ hỏi. Hỏi để lấy cớ ngắm nghía những gốc mai thế trồng trong chậu. Lại còn mười mấy chậu thiên tuế, mấy gốc kim quýt, mấy gốc cần thăng; lại còn khế kiểng, sung kiểng. Út nhìn ra ngõ. Hàng cây phát tài đã trổ bông từ hồi nào, hương thoảng vào lất phất.

Út đang nghĩ miên man về vườn kiểng, chợt nghe dội lên tiếng dê be be gọi vắt sữa. Chắc không sao đâu. Chiên xong mấy con cá trê vàng rồi tính.

HỒ TĨNH TÂM



truyện ngắn

RA GIÊNG

ĐÀO PHẠM THÙY TRANG

Thường thì ngươì ta nhổ mì vào cuối năm, khoảng từ đầu tháng mười một đến hai mươi tháng mươì hai. Vừa có tiền trang trải tết nhất, vừa cho đất nghỉ để khi có mưa đầu muà là cày đất xuống giống mới.

Nhưng mấy đám mì ra giêng đang nhổ này là do xuống giống muộn hoặc cuối năm lò không "ăn hàng" nên chủ đành bóp bụng chờ ra mùng mới nhổ. Dù biết bị mất bột và giá cũng thấp hơn so với đáng kỳ hạn, nhưng đúng kỳ lò không đỗ, không lẽ tự mình nhổ về rồi chặt phơi sao? Chủ mì heó ruột như vậy nhưng đám choai choai như út Mót thì mừng lắm. Một buổi "dzô mánh" nó kiếm suýt soát năm chục ký, gần hai chục ngàn chứ ít sao?! Mà trời càng nắng già, càng khô hạn thì tụi nó "dzô mánh" càng nhiều. Củ mì không theo cây mẹ lên mà đứt lại dưới đất, chỉ cần đổ mồ hôi thêm chút nữa là có thêm tiền rồi. Tụi nó mót mì rất giỏi, chỉ một cây cuốc cũ mèm và hai cái bao không lấy gì làm mới với một con ngựa sắt trầy trật mà cả buổi kiếm gần hai chục ngàn, một tháng cũng hơn năm trăm, chưa kể cả buổi chiều còn được đi học nữa, với tụi nó đó là một hạnh phúc trên cả tuyệt vời. Thằng Út Mót không có thời gian tìm hiểu tại sao mình có tên Mót, tại nó mót mì giỏi hay hay tại nó là đứa con "mót" của ba mẹ nó? Nhưng "mót" cái nỗi gì, trước nó đã có bốn anh chị em và sau nó còn hai đứa em nữa kìa, nên nó là đứa con trai "cầu khẩn" mới có chứ. Mà chắc ba mẹ nó cũng định sinh nó là chót hết nên đặt là Mót, chứ đâu có ngờ "lọt lưới đôi" thêm hai trự nữa thành ra vai nó càng nặng chiếc bao mì, mười một tuổi hai đứa em mới lên ba, thân nó cực là hẳn rồi.

Út Mót, bữa nay "dzô mánh" quá, nhưng tối quá làm sao bán kịp... Thằng Tí dò hỏi:

- Thì cũng bán chớ để mai "chạy chỉ" hết sao mậy?

- Mì khô mắc gấp mấy lần, sao mình không phơi để mai mốt bán? Con Thi ngây thơ.

- Vậy mà cũng nói dân... mót chuyên nghiệp! Mắc, nhưng năm ký mới thành một ký, còn tốn công chặt phơi, mày tính cái nào lợi hơn?

Thằng Út Mót ra vẻ hiểu biết.

- Ừ há! Con Thi gật gù.

- Nhưng Út Mót nè, bữa nay nhiều, mày tính lấy tiền làm gì?

- Thì… đưa cho má tao như mọi khi chứ làm gì nữa?!

- Trường có tổ chức đi Đầm Sen hay tụi mình lại đi cho biết?!

- Mày nói như Đầm Sen là cái bánh vậy, hùn lại mua rồi đứa cắn một miếng hả?

- Chứ Đầm Sen là cái gì, con Thi nó hỏi tao hòai mà tao đâu có biết!

- Tao cũng… thua luôn, nhưng coi truyền hình thấy Đầm Sen đẹp lắm, má tao nói ráng mai mốt hhai em tao lớn, nhà tao giàu, ba má mướn một chiếc xe du lịch bự ơi là bự để cả nhà đi cho biết!

- Cho tao đi nữa hén? Thằng Tí…

- Cho em đi nữa anh Tí hén?

- Ai biết, mày hỏi thằng Út Mót coi.

- Con Thi đi chung với anh Út Mót há?

- Ừ… mai mốt tính, giờ mót lẹ lẹ hết đám đất này về tối rồi.

Nhà thằng Út Mót ai cũng đi làm hết, nhưng nghèo sao cứ vẫn nghèo hoài. Anh hai nó, mười sáu tuổi đi chăn bò mướn cho người ta, tháng trăm rưởi ngàn, chủ nuôi cơm, hai năm được cho một con bò và mỗi cái Tết còn được một bộ đồ mới. Ai mới nghe cũng nói là ngon, chịu cực chừng bốn năm là có một cặp bò cái, về nó nó đẻ ra bò con là tha hồ có bạc triệu. Nhưng đừng thấy vậy mà ham, anh Hai nó cực lắm, tối ngày dang ngòai nắng, tóc hoe vàng như râu bắp, da đen nhẻm và người nhỏ xíu như mới mười hai tuổi! Hôm nào được đồng cỏ tốt, hai mươi mấy con bò ăn no căng cả bụng thì hôm đó được yên, bằng không là bà chủ cứ đay nghiến: “Nuôi mày mập thây, mày làm biếng bỏ bò đói, bò gầy”. Còn ông chủ thì nói mát “Ráng cho bò ăn no làm phúc để mai mốt có đầu thay thành bò cũng được đối xử tốt hơn”.

Anh Hai nó biết bao lần khóc (Con trai mà khóc) nhưng không lẽ bỏ về, biết còn chỗ làm nào tốt hơn, nhất là ảnh mới học hết lớp ba, ai mướn làm gì khác. Chăn bò cho ông bà chủ đầy vừa tròn một năm chín tháng, tiền chưa nhận bao nhiêu nhưng nước mắt cả tô.

Mấy anh chị em của thằng Út Mót đứa nào sự học cũng bầm dập như cuộc sống, có đứa “đúp” ba năn một lớp bởi suốt ngày lo kiếm ăn cũng hết thời gian rồi. Ba nó càng cực hơn, sáng mờ mờ đất đã ra đi với bộ đồ nghề bắt cá, qua tuốt bên miệt Bến Cầu mới kiếm được nhiều, cá chạch, trê, lóc… nhỏ xíu bằng tay út cũng bắt đến xế mới về cho mẹ nó đi bán chợ chiều.

Cực nhưng đó là những ngày no ấm nhất, chớ lúc này đây lục bình đầy đặc cả mặt sông, xanh um như mặt ruộng, tàu ghe không đi được nên ba nó cũng xếp xó bộ đồ nghề để chuyển qua làm bốc vác ở trại nhãn hoặc nhổ mì mướn thôi.

Với Út Mót một bữa cơm canh chua kèo nèo nấu lá giang và cá trào cững kho tiêu là ngon nhất trên đời. Ra giêng bọn con nít có chút lì xì nên chưa vội ra đồng kiếm tiền, Út Mót cứ mong mãi ngày dài hơn để nó và anh em thằng Tí độc quyền mót mì, cắt nhánh trúc. Nó cười toe chất hai bao mì đầy nhóc lên xe, ánh hoàng hôn phía trời tây đang rót những tia nắng cuối ngày.

ĐÀO PHẠM THÙY TRANG



truyện ngắn

FORGET ME NOT

ĐÀO HỮU THỨC

Chị Thảo tôi bị bệnh đã mấy năm, nhưng âm thầm chịu đựng. Chị âm thầm mua bán mỗi ngày, lo nhà cửa, chồng con...như chẳng hề đau. Mãi sau này, cơn đau bộc phát dữ dội, vào viện, gia đình mới phát hiện ra bệnh, chị bị viêm gan siêu vi C, đã chuyển sang ung thư. Sau khi được chẩn đoán, định bệnh, bệnh viện chuyên khoa áp dụng tất cả các biện pháp trị liệu, nhằm giảm đi nhiều nhất những đau đớn, ngăn chận sự phát triển của căn bệnh quái ác. Có lần. vị bác sĩ già điều trị cho chị hằng năm bảo : "Người nào cho đến lúc chết, mà không chết vì bệnh ung thư, có nghĩa là người ấy không bị bệnh ung thư !". Vậy đó. Đã đành " trời gọi ai nấy dạ " nhưng tại sao trời lại gọi đúng vào chị tôi ? Ung thư khi đã phát bệnh là giai đoạn cuối, là nan y ! Cho nên dù lo lắng bao nhiêu, người thân cũng không thể chia xẻ được sự đau đớn của chị, nhìn chị quằn quại với những trận đau, hình hài teo tốp dần, chỉ biết cắn răng, rơi nước mắt, lặng lẽ lắc đầu !

Phòng bệnh, nơi chị Thảo nằm tận trên lầu 10 bệnh viện lúc nào cũng nhờ nhờ ánh sáng đèn néon. Máy lạnh chạy suốt ngày, nhưng trên trán chị Thảo cứ lấm tấm mồ hôi. Khi chị vật vã trong cơn đau, và cả những khi chị thiêm thiếp ngủ mê nhờ những liều morphine hay những viên valium...đều làm tôi thắt ruột ! Thời thơ ấu của Chị Thảo và tôi gắn liền với gia đình trong căn nhà gỗ của bố mẹ chúng tôi ở ngoại ô Đà Lạt. Chị hơn tôi hai tuổi, học hơn tôi hai lớp từ tiểu học. Lên trung học, trường chúng tôi là ngôi trường toàn nữ, đứa nào cũng sớm biết làm duyên vì hay bắt gặp ánh mắt của những chàng bên trường nam trung học, hoặc các anh sinh viên học bên đại học, cách trường chúng tôi chưa tới nửa cây số. Thành phố tôi là thành phố hoa nên trên đồi, dưới phố, chỗ nào cũng có hoa. Ngày ngày chúng tôi đi về trên những con đường đầy hoa, nào cẩm tú cầu, nào là lồng đèn, nào là bướm vàng, nào là margarit... nhưng ấn tượng nhất là forget me not. Hoa có nghĩa tiếng Việt là " Xin đừng quên tôi ", thường được người ta gọi bằng tên tiếng Anh " Forget me not ", từ thế kỷ trước, nên quen. Forget me not là loài hoa nhỏ, cao khoảng ba gang tay, có từng chùm hoa tím, đậm hơn mầu " tím Huế " . Hoa mọc khắp nơi, tím một mầu giản dị, mộc mạc, thân thiết với bao nhiêu thế hệ học trò chúng tôi. Đang trên đường đi học, gặp một đám Forget me not bất ngờ tím lẫn vào cỏ xanh, ai mà không xúc động ! Nhiều người còn có thói quen bẻ một cành hoa tím ấy về cắm trên bàn học, trong đó có chị Thảo của tôi. Hình như ngày ấy, chị Thảo đã có một kỷ niệm sâu sắc với Forget me not. Đó là một bông hoa Forget me not được ép vào cuốn Nhật ký của chị. Chị Thảo giữ gìn nâng niu bông hoa ấy cả mười năm, cho đến năm 1975...Chị Thảo chuyển về Sài Gòn sống cùng chồng, tôi không biết số phận của cành hoa khô ấy ra sao nữa. Làm sao không đau lòng, khi chị Thảo đang trong cơn đau ốm, đã mấy lần ao ước được về Đà Lạt !

Chị Thảo cựa mình, khẻ rên :- Ơ... Anh Dũng, chồng chị Thảo, lấy chiếc khăn giấy, rời ghế đến bên vợ : -Em uống nước nhé ! Chị Thảo lắc đầu :-Anh về kẻo muộn ! Rồi tiếp tục nhắm mắt... Chị bỗng gọi : -Hoa này ! Tôi rời bàn nước, đến ngồi vào mép giường, cầm tay chị : -Chị đau lắm phải không ? Em bóp tay cho chị nhé ? Chị Thảo lắc đầu, bóp nhẹ tay tôi : -Em ở đây với chị lâu rồi, bỏ chú ấy và các cháu ở nhà tội nghiệp quá ! –Chị đừng lo..." chú ấy " bảo em cứ ở thành phố để săn sóc chị, chỉ mong chị chóng khỏi thôi ! -Ừ chị sẽ chóng khỏi thôi! Ước gì bây giờ chị đang ở Đà Lạt của mình ! Nghe chị lại nhắc đến Đà Lạt, Tôi sợ đến toát mồ hôi ! Rời Đà Lạt hơn 30 năm, cuộc sống chị Thảo gắn chặt vào thành phố. Sạp vải ngoài chợ Kiến Thiết, chị có mặt mỗi ngày hai buổi, nhập hàng xuất hàng bất kể sớm tối, huê hụi, tiền vay, tiền góp...những con số còn ám vào cả giấc ngủ. Về, thăm mẹ, thăm em và thăm Đà Lạt... ba trăm cây số nào có xa xôi gì nhưng chị không thể rứt ra khỏi được cuộc sống cân, đong, đo, đếm... đời thường, họa hoằn chỉ có ngày

giỗ bố hay ngày tết . Tôi cảm thấy như là một điềm gỡ, nhất là khi chị Thảo nói khẻ vào tai tôi -Chị muốn Forget me not !

Như mọi ngày, cứ đến 6 giờ tối là anh Dũng rút về nhà, vì đêm là ca trực của tôi. Sinh hoạt ở bệnh viện mấy tháng trời, nhưng tôi vẫn chưa quen , không ăn được cơm bệnh viện. Có khi không kịp ăn cơm ở nhà, đói , tôi ra phía trước bệnh viện mua một ổ bánh mì thịt là xong bữa. Còn nước, tôi chỉ uống loại đóng chai nửa lít, không bao giờ sử dụng nước đóng chai lít rưỡi, vì cỡ chai này, bác sĩ hay dùng để rút nước từ trong bụng chị Thảo ra ! Cảnh thân nhân người bệnh ăn ở vất vưởng ngoài hành lang, cảnh rên siết của người bệnh, cảnh những chiếc băng ca mang người chết phủ khăn trắng..., lúc đầu tác động, làm tôi căng thẳng cả đầu óc, chẳng còn bụng dạ nào để ăn uống cả. Ngay chỗ ngủ, cho dù phòng cao cấp, có máy lạnh, có một chiếc giường xếp cho người nuôi bệnh, nhưng tôi chỉ ngủ khi đôi mắt đã không còn mở ra được, ngã xuống, thiếp đi thôi. Tôi thèm chiếc giường quen thuộc, trong căn nhà nhỏ của mình ở Đà Lạt vô cùng. Nó không tiện nghi như nhà chị Thảo, nhưng nó là chỗ của tôi, cho dù có lúc chị Thảo đã đùa : " Báu gì cái ổ lợn của mày ở trên ấy ! ". Thì, có gì lạ đâu ! Chị Thảo tha thiết ngôi nhà ba tầng, gạch men, máy lạnh... của chị ở thành phố bao nhiêu thì tôi cũng tha thiết với căn nhà nhỏ đơn sơ của mình bấy nhiêu, vậy thôi ! Căn nhà nhỏ của tôi có hơi hướm của Trí, chồng tôi và tiếng cười đùa của thằng út, trong khi các anh chị nó đã đủ lông, đủ cánh ... Cái hạnh phúc nhỏ nhoi ấy, tôi không thể tìm thấy ở đâu khác. Có những đêm, nằm với chị ở bệnh viện, tôi nhớ chồng, con đến ray rức...Nhớ là nhớ thế, nhưng nghĩ chị mình không còn sống được bao lâu nữa, nhìn chị vật vã, tôi chỉ thấy đau xót, bụng dạ nào rời chị mà về. Thời kỳ học cấp 2, tôi thường được thừa hưởng quần áo của chị, sau công đoạn dao kéo của mẹ tôi. Ngày tôi mới quen Trí, chị Thảo là người ủng hộ hai đứa hết lòng cho đến lúc trở nên vợ chồng. Càng nghĩ lại chuyện cũ, tôi càng thương chị nhiều hơn. Có điều, chuyện của tôi, bất kỳ lớn nhỏ, chị Thảo đều " biết tỏng tòng tong " thì có nhiều chuyện của chị, tôi hoàn toàn mờ mịt ! Cho nên, chị Thảo vẫn cứ xem tôi là " đồ trẻ con, biết gì !", Những đêm chỉ có hai chị em trong bệnh viện, chị Thảo đã kể tôi nghe biết bao là chuyện, chuyện gia đình chồng con, đến chuyện mua bán, làm ăn..., nhưng tôi biết còn nhiều chuyện chỉ không kể, trong đó có chuyện Forget me not. Chuyện Forget me not hình như có từ tình yêu đầu đời của chị, chị đã dấu kín, chôn chặt, chưa hề hé răng với ai, kể cả tôi là người gần gũi thân thiết! Tranh thủ lúc còn hai chị em, tôi khẻ hỏi :-Chị ! –Gì ? –Chị còn nhớ anh Quang không ? -Quang nào ? –Anh Quang văn khoa, ngày ấy ở gần nhà mình đó ! Chị không trả lời tôi, còn hỏi nhát gừng: -Sao? – Chị có biết hồi đó anh Quang để ý đến chị không ? –Làm gì có ! –Có phải anh Quang là người đã tặng cho chị bông hoa Forget me not, rồi sau đó chị đã ép vào nhật ký phải không ? -Mày thì biết gì! – Em biết chứ bộ, ngày ấy em đã 16 mà ! Chị Thảo lặng yên không nói. Hồi lâu, chị nói một cách mệt nhọc : -Thôi ! để chị nghỉ một chút ...Nói xong, chị nhắm mắt như chìm vào giấc ngủ. Trên khuôn mặt xanh mét, đôi mắt nhắm nghiền của chị, bỗng có hai giọt nước mắt lăn tròn...! Buông tay chị, tôi lặng lẽ rút về chiếc giường mình. Đêm ấy, tôi đã phải một đêm mất ngủ, vì những cơn đau của chị đã đành mà còn vì những giọt nước mắt bất ngờ, vì hoa Forget me not của chị nữa...

Rồi, Forget me not cũng được gởi về thành phố cho chị Thảo. Đó là một bức ảnh mầu khổ 20x 30cm lộng kính, một chiếc nón lá, một bó hoa Forget me not. Bức ảnh có một góc máy được cân nhắc, ánh sáng hợp lý, đầy đủ... làm nổi bật lên mầu xanh của lá và mầu tím của hoa trên nền mầu trắng của chiếc nón . Trí đã bỏ ra nửa ngày chạy quanh Đà Lạt, mới tìm thấy một đám forget me not mọc lẫn vào cỏ ở hàng rào một đơn vị quân đội ở tận Chi Lăng. Trí nhổ về nhà, dựng lại theo ý muốn, bấm máy mấy chục lần để chọn ra một tấm ảnh vừa ý. Khi mở hộp giấy đựng ảnh, chị Thảo vội giật lấy, ngắm nhìn thỏa thích rồi úp tấm ảnh vào ngực với một động tác trân trọng, trìu mến...

Chị Thảo trở về Đà Lạt ! Hình hài sáu mươi mấy năm chỉ còn là nắm tro trong chiếc hũ đá trắng, trở về nơi chị đã ra đi ! Chị nhắm mắt sáng thứ 5, được hỏa thiêu vào sáng chủ nhật, khuya chủ nhật xe khởi hành, về đến Đà Lạt khi trời vừa sáng. Trong ba ngày ấy, Trí đã kịp làm sẵn một ngôi mộ nhỏ bên cạnh mộ bố chúng tôi. Khi mặt trời vừa mọc, hai tu sĩ Phật giáo làm thủ tục cầu siêu cho chị bằng những lời kinh giọng ai thống thiết, bên những giọt nước mắt, sự nghẹn ngào thổn thức của người thân...Trong khói hương mịt mù, Chiếc hũ tro được đặt vào huyệt mộ, hoa huệ,

cúc, lay-dơn...mầu trắng phủ lên. Xong !

Khi đưa mẹ lên thăm mộ chị Thảo, tôi bắt gặp một bó Forget me not còn đẫm sương . Bó hoa mới được đặt trên mộ, những chiếc lá chưa kịp héo và những bông hoa tím vừa nở dịu dàng, tươi tắn ! Tôi đảo mắt một vòng, xem có ai, người nào có thể là người mang hoa đến mộ chị Thảo ? Tuyệt nhiên không ? Trong số hoa cũ được người quản trang cho dọn bỏ ra bãi đất trống bên cạnh, chờ dọn đi, đã có bao nhiêu là mầu tím của Forget me not. Bây giờ, trên mặt ngôi mộ được rải cuội trắng, bó hoa tím nổi bật như một lời bày tỏ, một tiếng nói về sự có mặt của mình.

Không có ai cả, chỉ có hoa, một bó Forget me not cho chị Thảo, của một người nào đó mà chị thân quen, đã lâu...

Tôi cắm nhang lên chiếc lư hương dưới tấm bia của chị. Bất ngờ, tôi ngỏanh lại, hy vọng sẽ nhìn thấy một người...Nhưng không có ai cả! Chỉ có những ngôi mộ lặng yên dưới nắng sớm.

Đà Lạt tháng 6/2009

ĐÀO HỮU THỨC



Thơ

HƯƠNG ĐỒNG GIÓ NỘI

CHU VƯƠNG MIỆN

[hôm qua em đi tỉnh về
hương đồng gió nội bay đi ít nhiều]

thơ Nguyễn Bính

hôm kia em đi tỉnh về
chờ em ở tận con đê cuối làng ?
khăn nhung quần tía hoa vàng
áo cài giải rút em làm mệt tôi ?
cái dây lưng đũi nhuộm sồi
nào đâu cái yếm mượn hồi sang xuân
nào đâu cái guốc cái quần
cái khăn mỏ quạ mầu thâm quê nhà
như hôm em đi lễ chuà
cứ y như thế mơi vưà lòng anh ?
hoa cam nở giưã vườn chanh
chanh chua cam ngọt ? chúng mình nhà quê /?

CHU VƯƠNG MIỆN



tản bút

BÌNH TRÀ NGÀY TẾT XƯA CỦA CHA TÔI

VÕ KHOA CHÂU

Cái bình uống nước trà của cha tôi không giống như cài bình trà của bác Hai, nhà gần bên cạnh. Bên ngoài chiếc bình sứ xinh xinh của bác Hai, tôi thấy có vẽ con cá vượt vũ môn. Đầu cá nhô cao, thêm mấy sợi râu dài cong theo, như đang ngúc ngoắc bơi lội, thở phì chùm bọt nước. Cái bình trà của cha tôi cũng to, cao, giống như cái bình của bác Hai, cũng có hai quai xách; nhưng vỏ của cái bình thì lại được vẽ theo kiểu khác. Một chú dơi xòe cánh bay riêng một góc. Con nai dương cặp sừng ngơ ngác bên hình ông lão tay trượng, hiền hậu chòm râu dài, Đứa bé đứng kề bên, dâng mấy quả đào tiên. Toàn cảnh thể hiện sự cách điệu của ý nghĩa *PHƯỚC – LỘC – THỌ.*

Cha tôi không uống nước trà bằng cái ly, mà ông lại dùng chén ăn cơm để uống. Bình và chén uống nước được cha tôi đựng úp mặt trong một cái khay vuông vức. Khay được khảm xà cừ tranh tứ bình hoa điểu ở bốn phía thành khay.

Cứ mỗi lần được cha tôi sai đi mua trà, ông thường dặn dò, con nhớ mua cho cha gói trà có vẻ hình con nai. Hồi ấy, tôi nhớ còn có loại trà gói bao in màu xanh đỏ, vẽ hình hai con phượng hoàng bay đối diện nhau.

Sáng nào cũng thế, cha tôi ngồi xếp tréo chân trên bộ ván mít nhẵn bóng. Bộ ván có từ thời ông nội tôi. Ngồi trước bình trà đặt trên chiếc bàn gỗ hình chữ nhật, ánh mắt cha tôi tư lự, xa xăm nhìn ra khoảng sân rộng. Miệng bặp bặp ống cò điếu, trầm ngâm...Hình như ông đang lắng tâm hồn về một thời trai tráng oanh liệt của những năm ông tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở mặt trận Tây nguyên.

Một hôm, bác Hai nhà bên cạnh sang chơi. Khay trà và hai cái chén uống nước được bày ra như thường ngày. Cha tôi cầm hai cái quai trên miệng bình rót nước mời bạn, nhưng cái vòi bị nghẹt, nước trà không chảy ra. Tôi thấy cha tôi ung dung ngậm vào miệng vòi, rồi thổi phì phì mấy cái. Nhưng khi rót, nước trà vẫn không chảy theo vòi. Thấy thế, bác Hai nhanh nhẩu, anh đưa đây. Và bác cũng lại tự nhiên ngậm miệng vào cái vòi của bình trà. Ông thổi một hơi thật mạnh, rồi nghiêng cái vòi nhỏ cong cong. Nước trà nhẹ nhàng chảy vào chén. Hai người cùng cười xòa vui vẻ, trông hết sức thân mật.

Bình trà của cha tôi và sự giản dị một cách chất phác của những lớp người xưa ấy, đi mãi theo tôi. Bây giờ, mỗi khi đến thăm nhà bằng hữu vào dịp Tết, hay những ngày thường, được bạn mời nhấp chén trà thơm, đậm đà trong chén men sứ nhỏ nhắn, xinh xinh, lòng tôi chạnh bồi hồi xao xuyến nhớ về người cha yêu kính của mình và những buổi sớm mai ngày xưa ấy...

VÕ KHOA CHÂU



truyện ngắn

NHÁNH MAI VÀNG CHO EM TÔI

TRẦN LỆ THƯỜNG

Tết này là thằng Dế Mèn đã bảy tuổi. Nó học trường bán trú. Nó lớn hơn ngày hôm qua và có nhiều thắc mắc hơn ngày hôm trước. "Chị Sơn Ca ơi! Tại sao trái ớt cay? Tại sao con Bò hổng có sừng? Sao con Vịt hổng gáy như con Gà hả chị?" và còn vô số câu hỏi khác mà một người chị mười sáu tuổi như tôi không có khả năng trả lời.

Tôi học buổi chiều nên sáng tôi đưa nó đi học, chiều hết giờ làm việc má đón nó. Ngồi sau lưng tôi trên chiếc xe đạp, Dế Mèn nói chuyện huyên thuyên. Đôi khi xe xẹp bánh phải dừng lại ở góc đường để bơm xe. Chú Thịnh, chủ tiệm sửa xe hay chọc ghẹo đùa giỡn với Dế Mèn và nó cũng tỏ ra yêu mến chú. Dế Mèn là một đứa trẻ bụ bẫm, xinh xắn, trắng như cục bột, hai mắt tròn xoe, long lanh sáng. Lúc nó mới biết đi lẩm đẩm, nói chuyện bập bẹ ai thấy cũng đều thương. Từ lúc còn ẳm trên tay, nó đã cùng má và tôi lui tới tiệm sửa xe. Chiếc xe gắn máy của má bị hư thắng, đứt dây sên ... má đều đem tới đó. Chú Thịnh là một người đàn ông hơn bốn mươi tuổi, đã từng đi bộ đội bị thương. "Vợ con chú đâu?" Có lần đến sửa xe, tò mò tôi hỏi thằng Hòa trạc tuổi tôi, làm công trong tiệm chú. "Chú không có vợ". Tôi cũng không hề thắc mắc tại sao một người đàn ông đến tuổi đó không lập gia đình. Chẳng biết chú sống ở đây từ lúc nào. Chỉ biết, lớn lên tôi đã thấy chú. Người lấm lem dầu mỡ, đôi bàn tay to lem luốc thường đưa ra hù dọa Dế Mèn. Nó cười khanh khách bỏ chạy.

Một lần, xe bị bể bánh phải vá. Thấy tôi thắc thỏm sợ trễ giờ học của Dế Mèn chú liền lấy xe gắn máy đưa nó đi. Khi vừa xuống xe, một đứa bạn cùng lớp hỏi: "Ba của bạn phải không ?" Nó đã trịnh trọng gật đầu. "Phải". Chiều, đi học về tôi thấy nó ngồi cúi đầu trước mặt má tôi, vẫn còn vẻ giận dữ. "Đó là nói dối, con biết chưa ?". một người bạn đưa con đi học đã nhìn thấy nên khi má đến trường đón nó người này đã hỏi: "Chị có chồng rồi hả ?".Dế Mèn thấy tôi, tức tưởi "Bạn Diễm có ba, em hổng có ba". Rồi nó khóc nức nở. Phải chi Dế Mèn nói "Bạn Diễm có con Gấu nhồi bông, em hổng có" thì tôi sẽ nhịn tiền tiêu vặt mua cho nó.

Ba đối với tôi cũng là một điều xa lạ lắm. cái cảm giác có ba tôi chưa từng có. Chung quanh tôi là ông bà ngoại, cậu, dì. Bên nội mơ hồ như một ảo ảnh. Và cũng không phải là một thiên đường để mà mơ tới. Tôi nhớ, khi bắt đầu hiểu biết tôi cũng đã thường thắc mắc. Ba đâu ? Má đã cười buồn. Hai người đã chia tay nhau khi tôi còn chưa ra đời. Đúng hơn là má tôi bị phụ bạc. Sau này tôi hiểu. Cái người đàn ông lẽ ra tôi phải gọi là ba đã không cần biết tôi có tồn tại trên đời hay không. Loại người sống không cần nhân quả, chỉ vì dục vọng thấp hèn. Má tôi vì tình yêu mù quáng bị lường gạt. Còn Dế Mèn thì khác, nó không biết và sẽ không bao giờ được biết, nó đã được đưa về từ một nơi nuôi trẻ mồ côi khi mới năm tháng tuổi. Má muốn tôi không cô độc. Có thêm một đứa trẻ gia đình sẽ vui hơn. Từ khi Dế Mèn có mặt trong nhà, tôi chưa bao giờ nghĩ nó là một đứa em nuôi. Má và tôi đã yêu thương chiều chuộng nó hết mực, bởi vì nó đáng được chiều chuộng và yêu thương.

Buổi tối, hai chị em đứng ngoài hàng ba, tôi vỗ về. "Trên đời này đâu có ai giống ai. Bé Diễm có ba, Dế Mèn không có ba. Cũng như ... em xem nè ...". Tôi chỉ vào hai chậu hoa hồng. "Cây này có hai bông màu đỏ đẹp còn cây kia không có cái bông nào". Chẳng biết nó có chấp nhận câu trả lời này hay không chỉ thấy nó im lặng mở to mắt nhìn. Cái thí dụ quá đơn giản của tôi lại gây nên nhiều phức tạp. Chẳng biết bao nhiêu ngày đã qua, một sáng chuẩn bị lên xe đi học Dế Mèn chợt reo lên. "Chị ơi! Cây kia có bông rồi! có bông rồi! Em có ba! Em có ba!". Tôi không biết nên khóc hay cười nữa. Giá mà tôi dậy sớm ngắt phứt cái bông mới nở đó đi nhưng chỉ vì tôi quên đã từng thí dụ như vậy. Còn Dế Mèn không quên, nó nói tôi nói dối, giận tôi, không thèm lên xe tôi chở đi học. Cuối cùng má phải quát: "Có lên không hay muốn ăn đòn?" Mặt nó sa sầm, đôi gò má phính xệ xuống, đôi mắt ngân ngân nước "Em sẽ nói dối! Em sẽ nói dối!" Dế Mèn leo lên xe ngồi, hăm dọa tôi.

Chủ nhật cả nhà được nghỉ, má thường nấu những món thịnh soạn hơn, đôi khi đổ rau câu hay nấu chè …Dế Mèn luôn lẩn quẩn một bên và … hỏi. Tôi là người thường xuyên trả lời còn má thì cười lắc đầu.

Sáng nay trong lúc má đi chợ mua thức ăn tôi dọn dẹp nhà cửa, rửa chén bát. Dế Mèn đùa nghịch thế nào làm chiếc bình bông trên bàn rơi xuống nền nhà vỡ tan. Tôi hốt hoảng chạy lên phòng khách nhìn chiếc lọ hoa má tôi yêu thích chỉ còn là những mảnh vụn. Nó đứng một bên lấm lét" Em xin lỗi! Em xin lỗi!". Tôi phát vào mông nó mấy cái. "Nghịch nè! Nghịch nè!" rồi tôi lo thu dọn mảnh vỡ, lau nhà sạch sẽ. Trong lòng nơm nớp lo mẹ mắng, ở nhà giữ em để nó làm đổ bể. Mãi làm việc tôi quên, đến khi sực nhớ thì không thấy Dế Mèn đâu nữa. Thoạt đầu, tôi tưởng nó vào phòng ngủ hay vào nhà vệ sinh. Đến khi tìm không thấy tôi bắt đầu hoảng sợ hớt hải chạy sang mấy nhà bên cạnh. Không ai thấy nó cả. Trời ơi! Hai đầu gối tôi muốn nhủn ra, sụm xuống. Tôi lập cập gọi điện cho má rồi đóng cửa dắt xe đạp chạy tìm Dế Mèn. Tôi chạy giữa trời nắng chang chang, không đội nón, không mang dép. Trên người là bộ đồ lửng sát cánh dùng để mặc trong nhà. Tôi về nhà ngoại dẫu biết nhà ngoại rất xa nó không thể nào đi tới. Tôi đến nhà cô giáo chủ nhiệm cũng không thấy. Nơi nào quen biết tôi đều dừng lại tìm kiếm. Tuyệt vọng và sự hãi tôi quay về, hình dung ra má đang cuống cuồng trong chợ không biết lối về nhà. Sắp đến nhà tôi vụt nhớ tiệm sửa xe. Vừa thấy tôi dừng xe, thằng Hòa đã nói to: "Sơn ca! chú Thịnh đưa Dế Mèn về rồi!". Trời đất ơi! tôi thót lên xe đạp quên cả cám ơn thằng Hòa. Tuy vậy tôi vẫn kịp thấy đôi mắt tò mò của nó nhìn vào tôi. Xa xa, tôi thấy chú Thịnh đang cõng dế mèn đứng trước nhà. Má tôi cũng vừa về đến, vừa sợ, vừa mừng và vừa giận. Nó sợ bị đòn nên lén đến chỗ chú Thịnh. Chú đang bận nên bảo nó chờ xong việc đưa nó về, không dám để nó về một mình. Má định phát cho nó mấy cái nhưng chú Thịnh đã can. Má đánh không phải vì làm bể bình bông mà vì dám đi một mình không cho ai biết.

Chẳng biết có phải từ lần đó má và chú Thịnh thân nhau hơn. Chỉ biết có vài lần Dế Mèn nói má và chú cùng đến trường đón nó. Dĩ nhiên là Dế Mèn lên xe chú Thịnh, ngồi sau lưng chú nó thích hơn. Hai người đưa nó đi ăn kem, khi về chú mua quà cho nó. Đôi khi má có nhắc đến chú trong bữa ăn: "chú là người không có quá khứ, chú bị thương trong chiến tranh và bị mất trí nhớ". Dế Mèn quay qua tôi. "Quá khứ là gì hả chị Sơn Ca?" "ờ … ờ … thì là … là lúc em không ngoan, ngủ còn tè trên giường". Tôi ậm ừ lấp liếm cho qua, thay vì nghiêm trang nói với nó như trong phim. "Lớn lên, đến một tuổi nào đó em sẽ hiểu quá khứ là gì". Mấy ngày sau đến chỗ chú Thịnh bơm xe, nó nói oang oang. "Má nói chú ngoan, ngủ không tè trên giường". Tôi bụm miệng nó không kịp, vội vã xốc nó lên xe chạy biến còn nghe tiếng cười của chú và thằng Hòa đuổi theo.

Gió thổi hiu hiu gờn gợn. Buổi sáng thức giấc lười dậy nằm quấn mền thật chặt thưởng thức cái lạnh se se của những ngày giáp tết. Đã qua rồi tuổi thơ lòng tôi vẫn nôn nao háo hức nói chi Dế Mèn. Nó vui vì sẽ được mặc quần áo mới, sẽ được nhiều tiền lì xì, sẽ được đi chơi … Má mua về mấy chậu cúc vàng rực rỡ. Nó vỗ tay reo lên: "cây nào cũng có bông". Bằng một giọng hết sức vui mừng khiến tôi muốn phát khóc vì cái thí dụ quá đơn giản của mình ngày nọ. Chú Thịnh mang đến nhà một nhánh mai, nụ đầy cành, điểm lác đác vài cái hoa nở sớm. Dế Mèn chạy ra đón chú, khệ nệ cầm nhánh mai cao qua khỏi đầu nó, miệng cười toe toét. Tôi nhìn ra, chú Thịnh đi bên cạnh nó uy nghiêm, dũng mãnh. Đôi bờ vai khiến người khác tin tưởng tựa đầu.

Mồng một tết, trời mới mờ mờ sáng, Dế Mèn đã gọi tôi dậy. Chẳng biết nó thức từ lúc nào, đêm qua lúc giao thừa nó vẫn cùng má và tôi đón năm mới. "Chị ơi! Dậy! Dậy! Đi mừng tuổi ông bà ngoại". Tôi nằm nướng một lúc không được với nó đành phải dậy sửa soạn đi mừng tuổi ông bà như hàng năm. Dế Mèn đã tự mặc quần áo xong, trong lúc ngồi mang giày nó bông nói. "Em xin lỗi! Em xin lỗi!" Đang chải tóc, tôi nhìn nó trong gương. "Em đã nói dối! Em đã nói với các bạn chú Thịnh là ba. Em xin lỗi !chị Sơn Ca đừng giận em". Tôi đến giúp Dế Mèn mang giày, âu yếm nói với nó. "Em không có nói dối đâu. Em nói thật đó, lát nữa chú sẽ đi cùng má và chị em mình về ngoại mừng tuổi". Dế Mèn nhảy cởn lên vỗ tay. "Em không nói dối, em đã có ba!". Trông nó thật đáng yêu và cũng thật buồn cười với một chân chưa mang giày. Mùa xuân này quả thật dành cho em tôi. Nhánh mai vàng của chú Thịnh là một mùa xuân hạnh phúc nhất chú mang tặng Dế Mèn. Mùa xuân nó hằng mong đợi.

TRẦN LỆ THƯỜNG



truyện ngắn

CÂU CHUYỆN TẤT NIÊN

ĐỖ NGỌC THẠCH

Cuộc gặp gỡ Tất Niên chủ yếu là để "ôn cũ" – con người ta thường sống nhiều với ký ức - thường bao gồm những thành phần chính yếu sau: gia chủ (tức người đăng cai – chủ xị) và những bạn hữu thân thiết, đã để lại những dấu ấn sâu đậm trong ký ức bạn hữu! Ông Lê Trịnh Hữu Bằng quan niệm rất rõ ràng như vậy và năm nào ông cũng đăng cai cuộc gặp gỡ bạn hữu vào dịp Tất Niên! Số người trong cuộc gặp gỡ Tất Niên này ông ấn định là đúng số 12 con Giáp, nhưng thường xê xích chút ít và khi thiếu chưa đủ số 12 thì ông cho vợ con lấp vào cho đủ, còn khi "dôi ra" thì ông chuốc cho người "dôi ra" kia say mèm!...

Tôi không phải là bạn học, cũng không phải là bạn đồng nghiệp, bạn nhậu (hay bất cứ mối quan hệ nào có dính tới chữ *Bạn*), tại sao ông Bằng luôn mời tôi tới làm vai trò "người chép sử" cho ông? (Ông Bằng đang phụ trách một cơ quan chuyên nghiên cứu về Con Người, mọi tài liệu về Con Người, dưới mọi hình thức đối với ông đều rất cần thiết và không ai là không kinh ngạc khi thấy tận mắt tại nhà ông có một thư viện khổng lồ đủ các loại sách nghiên cứu về Con Người từ nhiều góc nhìn khác nhau).Lý do để ông Bằng "hợp đồng suốt đời" với tôi làm "người chép sử" rất đơn giản: khi con ông đang học lớp Năm, ông thường xem sách vở của con và thấy cái truyện ngắn "Người chép sử" của tôi in trong cuốn sách "Giáo dục Công dân" thì rất thích cái truyện ngắn này, và khi ngẫu nhiên gặp tôi ở nhà một người họ hàng, thì mời tôi đến nhà chơi, kết bạn và nói: "Tôi rất thích quan điểm của ông (ông Bằng kém tôi hai tuổi): người viết sử phải trung thực! Không thể cứ vài năm lại thò ra một cái "Thâm cung bí sử" khiến thiên hạ té ngửa!"... Thế là từ đó, cuộc gặp Tất Niên nào cũng có tôi, kể từ đó đến nay!...

**

Những cuộc gặp gỡ Tất Niên ở nhà ông Bằng đã giúp tôi tiếp xúc với khá nhiều loại người với đủ các ngành nghề trong xã hội.Với ý nghĩ "thu thập tư liệu" cho một cuốn tiểu thuyết kiểu như *Tấn trò đời* của H. Balzac , tôi đã say sưa làm người "Thư ký Trung thành", làm "Người chép sử" trung thực. Đó cũng là yêu cầu của ông Bằng và khi thấy tôi tỏ vẻ say sưa, thích thú với công việc "Người chép sử" này thì đã trả "Nhuận bút" cho tôi rất hậu hĩnh, mỗi khi tôi hoàn tất tài liệu có nhan đề "Câu chuyện Tất Niên", đánh số từ I cho đến khi nào tôi không viết nữa! Truyện ngắn này được rút ra từ tập tài liệu "Câu chuyện Tất Niên 7", tức là cuộc gặp gỡ Tất niên lần thứ 7.

Cuộc gặp gỡ Tất Niên lần thứ 7 ở nhà ông Bằng được tổ chức vào năm 2008, tức là mới cách nay hai năm, đó là năm Tý. Lý do để tôi chọn cuộc này không phải nó có nội dung ly kỳ, độc đáo nhất mà vì năm đó số người tham dự vừa đúng số 12 con Giáp, một con số mà rất nhiều người thích, trong đó tất nhiên có tôi! Điều đáng ngạc nhiên là tất cả số 12 người đó thì số tuổi của từng người cũng vừa đúng với 12 con giáp. Vì thế, trong truyện ngắn này, tên gọi của từng người được gọi bằng tên của con Giáp đó: Tý (tôi), Sửu , Dần (ông Bằng), Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi , đương nhiên số năm dương lịch sẽ là từ 1948 đến 1959. Trong lịch sử của nước Việt Nam thì khoảng thời gian này đầy biến động và có nhiều sự kiện trọng đại: Kháng chiến chống Pháp bước sang năm thứ ba, kết thúc bằng chiến thắng Điện Biên chấn động địa cầu, rồi giải phóng Thủ đô, rồi hiệp định Giơ-ne-vơ chia đôi đất nước (cho đến tận 1975), rồi...nếu kể nữa thì hơi dài nên để bạn đọc kể tiếp, ai thích sự kiện nào thì coi đó là quan trọng, cũng không sao. Chẳng hạn, ông Tỵ coi sự kiện chia đôi đất nước là quan trọng nhất vì ông vừa sinh ra đã phải chịu cảnh gia đình chia hai, nửa Bắc, nửa Nam, khi gần giải phóng Miền Nam mới gặp nhau thì lại trong cảnh ngộ đầy bi kịch: người cùng một nhà lại ở hai phía của chiến trường!...Còn bà Ngọ, khi người bố hy sinh ở Điện Biên (tháng 5-1953) thì bà còn ở trong bụng mẹ, chưa được một tháng tuổi, tức mọi người trong làng xóm chưa biết bà mẹ có thai, cho nên khi sinh ra cô bé Ngọ, ai cũng cho là mẹ cô hoang thai và kết quả là cô không được công nhận là con Liệt sĩ, tất nhiên lại bị coi là Con hoang! Hai mẹ con bà Ngọ đã phải trải qua những năm tháng ê chề tủi nhục như thế nào thì

chỉ có hai mẹ con bà Ngọ biết mà thôi!...

Cuộc gặp gỡ Tất Niên lần thứ 7 này còn có một đặc điểm khác thường nữa là tất cả 12 người đều đã trải qua giai đoạn có vợ, có chồng rồi ly hôn. Tức tất cả đều đã "lên thác xuống ghềnh" với cuộc sống gia đình. Có một điểm nữa, cũng đặc biệt là trong mười hai người này, chỉ có một người là Nữ, tức bà Ngọ. Hơn nữa, bà Ngọ lại là một mẫu người khá độc đáo của cái gọi là "Hồng nhan bạc mệnh": Bà Ngọ hơn rất nhiều cái con số *ba* và *bảy* trong câu thơ của Bà Chúa Thơ Nôm *"Bảy nổi ba chìm với nước non"*, nhưng cuối đời bà lại đạt được thành tựu tối đa cả về danh vọng và tiền bạc: tuổi thơ nghèo túng đã rèn luyện cho bà trở nên một người phụ nữ phi thường và bà đã trở thành một Doanh nhân nổi tiếng bởi "Tay trắng làm nên"!...

**

Trước khi tới cuộc gặp gỡ Tất Niên ở nhà ông Bằng, tôi đã dự ba cuộc gặp gỡ Tất Niên khác với ba nội dung: Những người bạn cùng học hồi Đại học, những người bạn thời lính tráng và những người cùng cảnh ngộ thất nghiệp! Ở cuộc gặp những người bạn học, toàn tranh luận về những chuyện thuộc lãnh vực văn chương, báo chí và cả thế sự thời cuộc. Nói chung là toàn những vấn đề như ở các cuộc Hội thảo khoa học: nói hoài không bao giờ hết nhưng không biết kết quả, kết luận thế nào? Ở cuộc gặp những người thời lính tráng, cùng vào sinh ra tử thì toàn kể về mấy người bạn lính đã hy sinh, giờ vợ con họ ra sao rồi định ngày tổ chức đi thăm mộ họ. Còn ở cuộc gặp những người cùng cảnh ngộ thất nghiệp thì chỉ có một đề tài: các món ăn và cách chế biến để nó trở nên ngon miệng nhất! Có lẽ những người ở nhóm này đã rất nhiều lần phải sống trong cảnh ngộ...đói bụng!

Tại cuộc gặp gỡ Tất Niên ở nhà ông Bằng, dường như có tất cả nội dung của các cuộc gặp gỡ Tất Niên đã có, bởi 12 người có mặt ở hầu như khắp các ngành nghề đã và đang tồn tại. Chẳng hạn, ông Thìn, một Bác sĩ Pháp y, chuyên "nói chuyện" với những xác chết, nhưng thỉnh thoảng ông lại "góp mặt" với mọi người những bài thơ rất xúc động và rất tân kỳ về câu chữ cũng như cấu tứ của bài thơ. Hoặc ông Mão, chuyên nghiên cứ về tội phạm, tức là nhà "Tội phạm học" thì lại sợ cả con ruồi, con muỗi: khi thấy con muỗi đậu trên chân, ông Mão không dám đập con muỗi như hầu hết mọi người, mà lại la kêu cứu ầm ỹ! Còn nữa, ông Dần, tức ông Bằng chủ nhà, cầm tinh con Cọp là loài thú săn mồi ăn thịt , được coi là Chúa Sơn lâm (còn có tranh chấp ngôi vị với Sư tử), nhưng lại thường xuyên ăn chay trường và ra đường là cứ đi dón rén vì sợ dẫm đạp phải những sinh linh bé nhỏ như con sâu, cái kiến!...

Theo lệ thường, chủ nhà đăng cai buổi gặp mặt sẽ lo toàn bộ đồ ăn thức uống. Còn những người khác thì sẽ đem tới món đặc sản mà mình thích và cũng sẽ tạo bất ngờ cho mọi người. Buổi gặp Tất Niên hôm ấy, không hẹn mà gặp, tất cả đều đem đến món Bánh chưng, với lý do muốn cùng mọi người "Ăn Tết sớm", vì bánh chưng vốn được coi là món ăn số Một của ngày Tết! Nếu chỉ là bánh chưng thông thường thì không có gì đáng nói, mà những bánh chưng này đều được gói bằng nguyên liệu của 12 miền quê khác nhau từ Bắc vào Nam của 12 người. Vì thế, khi những cái bánh chưng lần lượt được cắt ra chia đều cho 12 người, mỗi người một miếng nhỏ, thì ai cũng có cảm giác như lần đầu được ăn bánh chưng! Quả là mỗi vùng đất, miền quê, luôn giữ được cái hương vị riêng độc đáo, không trộn lẫn, cho dù cuộc sống hôm nay, sự giao lưu giữa các vùng miền là rất mạnh!...Xin nói thêm là trong số 12 người của buổi gặp gỡ Tất niên này, chỉ có ông Bằng chủ nhà là bạn của 11 người còn lại, còn tất cả chỉ là gặp nhau lần đầu tại nhà ông Bằng.

Từ cái bánh chưng, ông Bằng chủ nhà đề nghị mỗi người kể một vài câu chuyện về con người, cảnh quan của quê hương mình và đó là nội dung chính của buổi gặp gỡ Tất Niên. Tất cả đồng ý ngay và còn đề nghị trao giải thưởng cho ai có câu chuyện hay nhất! Cũng OK!...

Lại một bất ngờ nữa, đó là sự gặp nhau tuyệt đối khi tất cả 10 câu chuyện của 10 người kia về quê hương đều chỉ nhằm kể về người Mẹ của mình, và có những điểm giống nhau như đó là một người phụ nữ rất xinh đẹp nhưng rất sóng gió về đường tình duyên, yêu ai cũng nửa đường đứt gánh, hết cản trở này đến trục trặc khác và cuối cùng đều không lấy được người mình yêu!...Rồi sau mỗi một cuộc tình, người mẹ lại phải một mình nuôi con, rồi vì quá nghèo túng mà phải đem con đi nhờ người khác nuôi. Và điều kỳ lạ là sự việc như thế không chỉ xảy ra hai, ba lần mà có tới hơn chục lần!... Nhưng thực ra chỉ có mình bà Ngọ là biết rõ về người Mẹ của mình (và cho đến

lúc đó, bà Ngọ vẫn đang ở với người Mẹ, đã già và sức khỏe rất kém), còn những người kia thì chỉ là "nghe nói" mà thôi!...

Đến lượt ông Bằng thì ông lại lần nữa khẳng định rằng, mọi chi tiết về quê hương (như cha mẹ, ông bà, họ hàng...) ông cũng chỉ "nghe nói" với độ chính xác chỉ "năm mươi – năm mươi"! Tức cho đến thời điểm này, ông vẫn trên con đường tìm về quê hương bản quán cùng với tất cả những người thân thiết cũng như họ hàng xa gần! Tôi cứ suy nghĩ mãi điều này: tại sao những người như ông Bằng và nhóm bạn đây, đã tới năm, sáu mươi tuổi mà vẫn chưa xác định được cha mẹ mình là ai, rồi quê hương gốc gác của mình ở đâu?

Đến lúc mọi người yêu cầu tôi nói về quê hương của mình, không hiểu sao tôi lại buột mồm đọc câu thơ : *"Lũ chúng ta lạc loài năm bảy đứa / Bị quê hương ruồng bỏ, giống nòi khinh"?.* Mọi người lặng đi hai phút rồi bà Ngọ nhẹ nhàng nói: "Huynh là "người bị ruồng bỏ" à? Nếu thế thì hãy đến làm việc cho Công ty của tôi! Ở Công ty của tôi có rất nhiều người có tuổi thơ là trẻ em đường phố, tức trẻ bụi đời!". Tôi liền nói: "Nhưng tôi không phải là trẻ bụi đời! Tôi có bố mẹ, anh em, vợ con!... Tôi đã từng được học hành đàng hoàng, từng là cán bộ viên chức Nhà nước!...Chỉ có điều...". "Chỉ có điều Huynh phức tạp bỏ xừ!" – bà Ngọ nói rồi cụng ly trăm phần trăm với tôi, rồi lại nói: "Lời mời của tôi với Huynh lúc nào cũng còn nguyên giá trị, tức lúc nào tôi cũng chào đón Huynh!"...Ông Sửu, người có hai bằng Đại học và một Bằng Tiến sĩ, thì nói: "Tôi sắp mở trường Đại học, Huynh hãy đến giúp tôi hơn là làm kinh doanh! Nhân đây tôi xin mời tất cả mọi người ở đây, ai rảnh rang hoặc có hứng thú xin góp với tôi một tay!". Bà Ngọ liền nói: "Mở trường Đại học thì cũng là kinh doanh vậy!". Ông Sửu cãi: "Trường Đại học của tôi không nhằm kinh doanh, song chẳng lẽ lại không thu học phí hoặc thu ít thì lại mang tiếng "của rẻ là của ôi"! Chúng tôi sẽ miễn phí cho những học sinh nghèo hiếu học. Được chưa?". Bà Ngọ cười, nụ cười thật thân thiện, nói: "Nếu quả như vậy thì Công ty của tôi xin tài trợ cho những xuất học bổng ấy và xin bù lỗ cho nhà trường!". Tất cả vỗ tay rào rào. Hai người trẻ tuổi nhất trong cuộc gặp mặt Tất niên này là Tuất và Hợi, đều là sĩ quan quân đội, một người là bộ đội Biên phòng, tức đóng quân tít trên núi cao rừng thẳm, một người là bộ đội Hải quân, tức đóng quân tận ngoài xa khơi giữa trùng dương bốn bề sóng vỗ. Hai người rất ít nói, đúng phong cách "Bí mật quân sự", lúc này mới lên tiếng. Tuất nói trước: "Tôi sắp xuất ngũ, sẽ nhận với Đại ca Sửu công việc Bảo vệ. Nếu thuận tiện sẽ có thể mở thêm Khoa Võ thuật!". Hợi nói tiếp luôn: "Tôi xin nhận đầu thầu Bếp ăn, theo mô hình Nhà hàng – Khách sạn!". Mọi người lại vỗ tay rào rào, rồi Sửu hào hứng nói: "Đó là hai vấn đề lớn mà Trường của tôi chưa có hướng giải quyết, đúng là buồn ngủ gặp chiếu manh! Chúng ta sẽ tiến hành ngay ngày mai!...". Đề tài chung tay giúp ông Sửu mở trường Đại học bỗng thu hút sự quan tâm của tất cả. Thì ra tất cả đều đã qua Đại học và có tới tám người đã có cái bằng Tiến sĩ, song lâu nay công việc mà họ làm chưa tận dụng hết cái "chất xám" mà họ có, nay việc ông Sửu mở trường Đại học như là một sự "kích hoạt" những "tiềm năng đang ngủ yên"!...

Cuộc trao đổi, trò chuyện đang sôi nổi thì điện thoại của bà Ngọ đổ chuông, một bản nhạc thánh thót vang lên. Bà Ngọ nghe điện thoại xong thì nói với tất cả: "Mẹ tôi muốn đến gặp mọi người tại đây! Chắc là không ai phản đối chứ?". Tất cả cùng đồng thanh: O.K!...

***

Khoảng mười phút sau thì người mẹ của bà Ngọ tới, nhưng phải nằm trên cáng hai người khiêng. Khi đã nhìn thấy chúng tôi, tức 12 người trong Câu chuyện Tất Niên, người mẹ của bà Ngọ nói, giọng đã rất yếu: "Tôi có 12 đứa con...Không biết có phải tất cả chúng nó đang ở đây không?". Có vẻ như tất cả đều nghe thấy người mẹ của bà Ngọ nói gì! Và chắc chắn tất cả đều không thể hiểu được tại sao người mẹ của bà Ngọ lại nói như thế? Tất cả đều hướng ánh mắt vào bà Ngọ như muốn hỏi: Vậy là sao? Nhưng bà Ngọ không trả lời ngay được vì ngay sau đó, người mẹ của bà Ngọ có biểu hiện ngất xỉu. Bà Ngọ liền cáo từ rồi đưa người mẹ đi Bệnh viện...

Những người còn lại suy nghĩ như thế nào về những lời nói của người mẹ bà Ngọ? Đó là câu hỏi cứ đeo bám theo tôi hoài cho đến một tuần sau, tôi nhận được điện thoại của bà Ngọ nói: "Ngày mai, lúc Tám giờ sáng, chúng ta, tức những người có mặt ở cuộc gặp gỡ Tất Niên, sẽ gặp mặt ngày Tân Niên tại nhà tôi. Huynh nhớ tới nghe!". Khoảng mười phút sau thì tôi nhận được điện thoại của ông Bằng, nội dung cũng giống như của bà Ngọ! Chẳng lẽ 12 người chúng tôi trong Câu chuyện Tất Niên lại là anh, chị em ruột, cùng mẹ khác cha? Không lẽ nào?!

Đúng tám giờ sáng, tôi đến nhà bà Ngọ theo như lời hẹn thì đã thấy tất cả mười một người kia đang ngồi trong phòng khách, và ở vị trí trung tâm là bà Ngọ và người mẹ già yếu, nhưng lúc này đã rất khỏe, đang vui vẻ cười nói! Tôi lưỡng lự chưa bước vào ngay vì cái câu hỏi này cứ lởn vởn trong đầu: Rút cục thì câu chuyện này là thế nào?

Sài Gòn, cuối năm Con Trâu, 1-2010

ĐỖ NGỌC THẠCH



Tho

PHỤC SINH XUÂN

PHẠM PHÙ SA

Băng tan
Trả lại đại dương bao la dập dềnh xanh vỗ bạc đầu con sóng, trả lại tảo thạch vi sinh muôn loài thủy tộc hoài thai hằng hà mầm biếc pha lê...

Đêm tan
Ngày phục sinh, bình minh tươi nguyên sau những mệt nhoài hoan lạc. Khai nguyên một vòng tròn mới của chiếc kim đồng hồ theo trục vec-tơ quy luật, nhọc nhằn phương trình áo cơm vô cực lỗi lầm, chen nhau trên những chuyến tàu Delta tốc hành khởi đi về phía triệt tiêu...

Nến tan
Cháy cạn đời mình, tận hiến hào quang cho đêm già trẻ lại, thổi bùng mộng mị cho triệu triệu mầm bào khơi thắp đợi ngày lên. Niềm hạnh phúc vô biên mà mặt trời không làm được. Gối chăn nồng hương ngọt mật, cho tình yêu tận mặt. Nhàn thản tận hỷ reo vui, ung dung tàn phai, hồ hởi leo lét lụi tàn...

Bão lũ tan
Áp thấp tan trong radio ngư dân, trả lại bình yên bất đắc, những vá víu nhọc nhằn, những gắn hàn vụn vỡ, hát gượng cung trầm điệp khúc sống chung. Để lại vết hằn giữa những mạch ngầm biển lặng, còn mất một đời đâu dễ xóa tan đi...

Đông tan
Sự sống bò ra khỏi vỏ, muôn cành trơ râm ran diệp lục, bướm ong vầy mật, trời đất trao tình, ngày tan vào đêm, ta tan vào em như ngọn sáp tan vào không gian, vũ điệu âm dương rớt mềm chung nguyệt tận. Mười ngón chai sần đói nhạc lâu ngày thèm điên khúc Samba hoà phối. Lửa xuân bùng thiêu rụi mê cung viên

Thì thào gió, ầm ào sóng, chuyển rung ruột đất
mọi thứ biến tan khi nhựa sống tuôn trào

PHẠM PHÙ SA



tản bút

KHÓI RẠ

VƯƠNG QUỐC OAI

Thuở bé tôi thường có thói quen ngửa mặt lên trời mỗi khi mùa Đông về.

Không phải tôi bị dị tật, mà mùa ấy ngang bầu trời nhà tôi thường có những đàn chim bay qua. Những đàn chim đi tránh rét, chúng thường bay thành hình chữ V hoặc hình cánh cung. Đôi khi tôi gặp một đàn tao tác, và đêm đó nhất định là có những tiếng lạc bầy vang vọng trên bầu trời của tôi..

Tôi nằm co ro trong chăn mỏng không sao ngủ được, cứ thương con chim lạc đàn mà suy nghĩ miên man. Không biết nó có tìm được gia đình của nó không? Cha mẹ anh chị em của nó cũng đang rất lo lắng cho nó. Đêm nay nó sẽ ngủ ở đâu ? hay là "đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao " ? như trong lời ru của Mẹ tôi nhặt thưa mỗi khi thằng em nó quấy khóc.

Xứ Bắc mùa có những đàn chim bay ngang trời, cái mùa tôi thường phải nằm co ro trong chăn mỏng cũng chính là mùa Khói Rạ. Thứ khói hun tôi suốt một thời thơ bé, lem nhem từ trong bếp lửa, lan man trên mái tranh, và ra mãi tận ngoài đồng xa.

Những thành phố tôi đi qua, có bụi đường, có khói xe, khói các nhà máy và cả khói bom, khói hơi cay của loạn lạc khủng bố. Nhưng tất cả nó không thể nào giống mùi khói rạ.

Tôi ngửa mặt lên bầu trời, dưới chân là quê người đất lạ. Không có những đàn chim di cư đi tránh rét, chỉ có những cánh chim đơn lẻ bay mải miết về muôn hướng khác nhau. Nắng và gió và cái nóng rát cháy khô khát. Tháng Chạp không phải quê mình thì không bao giờ có gió bấc với rét căm căm.

Tôi như cánh chim lạc loài mệt mỏi vô định hướng, gục ngã buông xuôi một nơi góc tối cô độc. Xung quanh là muôn ánh đèn màu lấp lóa như ma trơi, những mùi vị ô tạp nhốn nháo pha trộn và những thanh âm rền rĩ. Chợt thèm khát mùi nồng nàn khói rạ quê mình, thèm khát tiếng ru hời của Mẹ hơn là một lời dặn dò cho cánh cò đi kiếm ăn đêm..

Tôi mở hành lý lấy ra một nắm gốc ra rồi trịnh trọng châm lửa đốt như người ta đốt hương chiều 30 tết. Mùi khói rạ xộc vào khướu giác, len lỏi vào huyết quản, lên tận trí não, đập vào miền ký ức sâu thẳm. Cuốn phim tuổi thơ bắt đầu rè rè chạy, những khuân hình nhạt nhòa sáng tối dần hiện

ra.

Lũ chúng tôi: cờ xí, kiếm cung, binh lính, tướng soái đủ cả, chia làm hai phe hò reo đánh chiếm một gò cao. Nơi đó trong tâm thức chúng tôi nó như một hòn đảo, một lãnh thổ, một vùng đất thiêng liêng. Cũng có những kẻ tử trận ngã xuống, kẻ khác đạp xác xông lên, trống trận dục liên hồi, tên bay loang loáng, gươm giáo chát chúa. Khói lửa mịt mù, tiếng hò reo bên xung trận, tiếng la ó kẻ thất thủ. Cuối cùng phải có một bên chiến thắng, cắm cờ lên đỉnh gò xác nhận lãnh địa. Bên chiến bại phải dâng nạp cống phẩm, phải chịu sự sai khiến của bên chiến thắng. Tức là phải xuống mương mò những con tôm đồng đen bóng có cái kiếm sắc nhọn trên đầu, tìm ở những bờ thửa có những hang cua, phải lôi ra những con cua nằm màng ngủ đông to như cái lá chè, có khi phải lội qua sông nhổ trộm củ sắn của khoai. Những tên lính quèn nhỏ tuổi phải lang thang ở các bờ vùng tìm châu chấu cào cào, rồi phải đi gom gốc rạ khô thành một đống lớn. Chủ soái của bên chiến thắng châm lửa, một cột khói trắng đục bốc lên, mấy đứa chổng mông thổi phù phù. Lửa cháy tý tách, khói chuyển sang màu xanh, lửa bùng rực rỡ, tất cả nắm tay nhau chạy quanh đống lửa. Thế là hòa cả làng, không còn bên thắng bên thua, tất cả trở lại làm bầy nhem nhuốc lấm lem như vốn có cả ngàn đời ở đồng đất này. Những sản vật vừa moi lên từ bùn đất được ném vào đống lửa, xì xèo mùi vị thèm thuồng quện lẫn trong khói rạ. Chúng tôi chia nhau những sản vật bòn đãi giữa cái mùa trơ gốc rạ quê mình, cũng là để bổ sung dinh dưỡng cho kỳ tem phiếu ít ỏi.

Khi khói lam chiều dâng lên từng mái rạ, đọng lại trên những rặng tre, khi một dải màu xanh vắt ngang lưng đồi, khi tiếng ngân nga thu không vang lên trên gác chuông nhà chùa. Là bầy trâu lững thức nối nhau trở về, kết thúc một ngày lăn lộn với bùn đất và lem nhem với khói.

Ánh đèn dầu leo lét in hình cha tôi trên vách, lặng im và bất động. Mẹ bê lên một rổ nóng hổi những củ khoai bằng ngon tay, đó là khẩu phần bổ sung cho bữa chiều chóng vánh. Cha gõ nhịp ngón tay lên mặt bàn như ông giáo già gõ thước khi bắt đầu buổi giảng, cha bắt đầu nói về cuộc chiến tranh nào đó đã qua, nói về những đóng góp của gia đình mình. Nói về những củ khoai rất to, những hạt thóc rất mẩy, những con lợn rất béo mà gia đình mình làm ra. Nhưng tất cả để đóng góp cho công cuộc gì đó to tát lắm. Cha nói về niềm tự hào, danh phẩm của gia đình vân vân và vân vân. Tất cả nó như một làn khói len lỏi trong tiềm thức của tôi, tất cả đều được hun khói rất kỳ công, từ đôi mắt của mẹ, bàn tay của cha, và cả cái rổ tre, cái nồi đất...

Thật kỳ lạ, một xã hội mà giá trị và nhân phẩm con người được đo bằng sự cam chịu cơ cực và những đóng góp xương máu đói khát cho một công cuộc cuồng bạo hay một ý niệm mơ hồ ảo tưởng của ai đó. Một xã hội không có bon chen, không có kẻ giàu người nghèo, không có bất cứ thứ gì cho mỗi cá nhân. Tất cả chỉ là một bầy nhem nhuốc, đen đúa, đói khổ. Nhảy múa bên những cột khói rạ sau cuộc chiến giả tưởng như bọn con nít chúng tôi.

Cuốn phim đứt lìa ngang chừng khi tuổi thơ bị đánh cắp, khi tôi không thể mãi nhảy múa bên đống rạ lem nhem khói. Tôi quăng tuổi đời cho đủ thứ khói bụi, mùi vị xứ người. Một nắm gốc rạ quê hương là thứ quý giá nhất trong hành lý tha phương. Tôi đã dè sẻn đốt tới cây cuối cùng rồi mới trở về tìm lại nơi gò đất ngày xưa ngạo nghễ. Xung quanh vẫn trùng trùng gốc rạ khô trắng xác xơ, tôi vay thêm một nắm nữa cho lần hành trình tiếp theo. Chợt nhận ra mình mắc nợ quá nhiều.

Nếu người ta sinh ra chỉ là một cuộc dạo chơi ngang cuộc đời này thì lúc chết đi sẽ nhẹ tênh như cánh khói. Còn nếu nó là cả một hành trình đày ải thì khi chết sẽ thành viên đá cuội lặn xuống đáy sâu.

Còn tôi: Không biết đang dạo chơi hay đang đày ải, số phận bắt tôi phải đi ngang cõi địa đàng này trong cái thời nhớn nhác sau cuộc chiến. Tôi biết viên viên đá sỏi có thể là trường cửu, nhưng nếu phải lặn xuống đáy sâu tăm tối và quên lãng, thì thà làm cánh khói nhẹ tênh bay lên trên đồng đất quê hương mình. Biết đâu sẽ tìm lại tuổi thơ đã mất.

VƯƠNG QUỐC OAI



truyện ngắn

ĐÊM MƯA CUỐI NĂM

NGUYỄN HOÀNG TRUNG

Lúc Lan vừa ra về thì trời đổ mưa. Ban đầu chỉ là những sợi mưa thưa nặng hạt. Thục nhìn ra xa, bầu trời vẫn trong xanh, chắc là mưa từ đám mây lạc loài nào. Nhưng liền sau đó tiếng mưa nhặt hơn, dày lại, làm mịt mù cả những không gian xung quanh. Đám mây đầu tiên đã không còn lạc lõng, bơ vơ. Cả một trời mây đang tụ lại, đổ nước xối xả xuống khu phố, bụi đất của mấy tuần nắng trên những tàn cây lá thấp ở ngoài sân lộ thiên được nước mưa gội sạch. Nước chảy thành dòng trên mặt đường, cuốn trôi theo nó tất cả những rác rưởi mà người ta không kịp thu dọn cuối ngày. Thục nhìn qua màn mưa, những bộ bàn ghế ướt sũng nước ngoài sân, nơi chủ yếu là mặt bằng quán cà phê buổi tối, miệng thầm "đêm nay sẽ được đi ngủ sớm".

Thức khuya qủa là một điều tệ hại và quái ác đối với Thục, thường có thói quen đi ngủ sớm lúc còn ở ngoài quê. Ở đó chẳng có việc gì để người ta phải thức cả. Con đường đêm hắt hiu nắng bụi mưa mù....Rồi những ánh đèn dầu tù mù, vàng vọt từ những ngôi nhà ba gian có cùng kích cỡ cho cả làng. Mỗi tối đến, tiếng cóc, nhái, ễnh ương nơi đồng ruộng xóm sau hoà cùng tiếng chuột sành, dế trũi, dế mèn tuồng như kéo mọi người lên giường, xô tất cả vào giấc ngủ bằng một khúc ru đơn điệu : ngủ đi, ngủ đi...

Đêm cuối cùng, trước ngày dời quê vào làm công ở đây, Thục và Kiên sau khi chia tay vài đứa bạn, định sẽ thức suốt đêm đi loanh quanh cùng thôn cuối xóm như một lời từ gĩa. Vầng trăng khuyết đầu tháng giêng không đủ soi rõ con đường, soi rõ hàng cây hai bên, không đủ cho hai đứa nhìn rõ mặt nhau. Tất cả đều nhập nhòa, mờ mờ trong ánh trăng thượng tuần. Thục bước đi chập choạng bên cạnh Kiên. Chưa đi đến đâu, cơn buồn ngủ đã làm cho Thục quờ quạng từng bước như đi trong mộng du. Xuýt mấy lần bước hụt. Thục giật mình :

- Về thôi Kiên ! Chắc khuya lắm rồi.

- Còn sớm mà, trăng mồng năm chưa lặn, chưa đến mười giờ đâu.

- Nhưng sao Thục buồn ngủ qúa.

- Ngủ trên vai Kiên đi ! Kiên quàng tay qua vai Thục.

- Ngủ thế nào được.

- Thôi thì về vậy ! Giọng Kiên buồn buồn.

Cơn buồn ngủ làm hai mắt Thục dính chặt lại. Đến lúc buông tay Kiên ở đầu ngõ, Thục chạy vội

vào nhà, lên giường, nằm chưa kịp tiếc hai đứa chưa nói với nhau câu gì riêng tư thì đã chìm trong khúc ngủ ru : ngủ đi, ngủ đi. Thục ậm ờ trả lời mẹ như âm vang từ cõi xa nào, rồi thiếp đi. Chẳng bù cho ở đây, đêm nào Thục cũng thức một, hai, ba giờ sáng là thường. Thức đến thâm quầng hai mắt, tái xanh mặt mày mà vẫn thức.

Quán cà phê Thục làm có mặt bằng khá rộng. Bàn ghế đặt cả trong nhà lẫn ngoài sân, chiếm một vị trí thuận tiện, gần khu sinh hoạt trung tâm lúc nào cũng đông khách từ sáng đến khuya...Không giống lời bà chủ nói với Thục trong ngày đầu tiên nhận việc :

- Ở đây công việc nhẹ nhàng. Có nhiều thời gian rảnh rỗi trong ngày.

- Dạ !

- Lúc quán vắng, các em sinh hoạt tự do nhưng không được đi đâu.

- Dạ !

Thục đã mừng hụt...Tối nào cũng thức...Thục đôi lúc chợt nhớ tới Kiên và đêm chia tay thượng tuần tháng một..."Giá lúc ấy, mình gắng thức như bây giờ - Chẳng lẽ tình yêu không cần bằng cơm áo ? ".

Từ đầu cơn mưa tới giờ, quán vắng khách. Một phần vì trời mưa, một phần vì đêm cuối năm - Người ta đang quây quần đón Tết, cúng tất niên, chờ đón phút giao thừa thiêng liêng của đêm cũ giao hoà cùng năm mới. Đã mười giờ đêm - Ai mà đến uống cà phê giờ này ! Thục bắt đầu dọn dẹp bàn ghế. Phải chi mà Lan đừng bệnh. Đêm nay Lan ở lại. Hai đứa sẽ chui vào chăn sớm hơn mọi ngày, nói chuyện tào lao và ngủ vùi hồi nào không biết. Sẽ chẳng cần hái lộc chào xuân. Hai mảnh đời lạc loài gặp nhau tại một quán cà phê, cũng làm công cho một bà chủ lắm tiền, chia xẻ cho nhau những mơ ước tầm thường nhất.

Thục làm quen với Lan dễ dàng? Lan lớn hơn Thục hai tuổi, tính tình mau mắn, ưa tâm sự, thỉnh thoảng cũng hơi cay cú cuộc đời. Là con út trong một gia đình nghèo ở gần thành phố. Học xong trung học, ra trường với bằng tốt nghiệp các môn thi đều đúng ở điểm năm. Có lúc Lan cười cay đắng :

- Mình không có duyên nợ sách đèn, học như vẹt, như cuốc kêu, gà mổ cũng chỉ đạt điểm năm trên mười.

- Không duyên nợ thì thôi Lan, Thục cũng vậy, thi đậu đại học, mà không có tiền, cũng đành thôi.

- Sao Thục không kiếm việc vừa làm vừa học ?

- Chuyện đó, may ra nếu có, cũng chỉ giải quyết mình Thục. Còn mấy em nhỏ thì sao ? Ở quê, nhà Thục nghèo lắm. Ba chết từ lúc đứa bé út còn nằm nôi. Một mình mẹ Thục không đương nổi công ăn việc làm.

- Chẳng lẽ Thục định làm công ở đây suốt đời sao ?

- Bây giờ thì vậy, nhưng mai kia tìm được việc làm khác, dư thời giờ rãnh rỗi, Thục sẽ tranh thủ đi học lại.

- Học bằng A, bằng B Anh văn hả ? Lan nhìn Thục cười.

- Cũng học chứ ! Nhưng đó là chuyện sau. Trước mắt phải tốt nghiệp cao đẳng hay đại học nào

đó. Kiếm một việc làm ổn định.

- Thục có chí quá ! Cố mà học, còn Lan thì không, bây giờ chỉ việc có chồng nữa là xong.

- Phải anh chàng có râu thường đến đây tìm Lan không ?

- Bây giờ học nữa mệt quá. Lan ầm ừ với Thục rồi đánh trống lảng.

Nhìn đám học trò lớp sau mình đi học ở đây, nhiều lúc Thục tưởng đang chứng kiến những sinh hoạt ở một cảnh đời khác. Các em nhỏ quê Thục đến trường một buổi. Một buổi còn lại về nhà giúp đỡ gia đình đủ thứ mọi công việc, đón trâu, đón bò, trồng khoai, làm ruộng, giống như Thục ngày nào. Để đổi cho được chữ nghĩa của mấy năm sau cùng ở bậc trung học, Thục phải mất đi nhiều thứ trong lứa tuổi học trò mắt ngọc mắt nai... Sự phấn đấu của một cô gái mười tám tuổi vừa làm vừa học, vừa nuôi một mẹ già và mấy đứa em trong thời buổi khó khăn, kinh tế đã vắt kiệt những sức lực mạnh mẽ nhất của lứa tuổi thanh xuân và hình thành trong Thục một nhu cầu thèm ngủ, thèm ngủ đến rã rời.

Cơn gió lạnh ướt nước lùa vào quán không làm Thục rùng mình nổi gai ốc như hồi mới đến. Nhưng lại nhắc nhở đến cơn buồn ngủ bị đè nén "Giá bây giờ được chui vào chăn, ngủ vùi một giấc - đã đời biết bao". Thục đưa tay che miệng ngáp một mình rồi tiếp tục công việc dọn dẹp cuối ngày.

Đồng hồ treo tường đã chỉ hơn mười một giờ. Đang sắp sửa đóng của, tắt điện thì có hai người khách bước vào. Thục cố mở banh hai mắt, chống chọi với cơn buồn ngủ kéo đến, ngao ngán quá sức :

- Dạ thưa, dùng gì ? Thục hỏi trống không .

- Hai ly cà phê nâu.

- Dạ, gì ạ?

- Hai ly cà phê sữa, người phụ nữ nhắc lại.

- Dạ, cô dùng thêm bánh ngọt, hạt dưa ?

Người phụ nữ ngần ngừ một lát, như ái ngại cho sự mời mọc của Thục, gọi thêm hạt hướng dương.

Thế là cái ao ước được ngủ vùi trong đêm mưa cuối năm của Thục bị một đôi tình nhân xa lạ bắt phải thức theo họ một cách tội nghiệp. Dọn ra cho khách xong, Thục ra phía sau rửa mặt. Nước lạnh làm da Thục tê điếng, tê đau - Lạnh cũng được, miễn là đừng ngủ gà ngủ gật trước mặt họ như một lần mới đến đây làm việc được mấy tuần - Hai người khách cuối cùng ra về lúc nào mà Thục không biết, chừng giật mình thức giấc, chỉ mình Thục trơ trọi với cái quán không, hết hồn sợ đến mấy ngày.

Thay đĩa nhạc khích động cho ồn ào thêm một chút, đỡ buồn ngủ. Trái với lời giáo huấn của bà chủ: "Nhạc cho đêm hôm khuya khoắt phải dịu nhẹ, phải có màu hồng, màu xanh lãng mạn, trữ tình, đưa hồn người vào lãng đãng khói sương". Nhưng đêm nay, Thục mặc kệ.

Cơn gió lạnh bất ngờ ùa vào. Thục xin lỗi hai người khách khép hờ cửa quán. Tiếng nhạc xập xình ồn ào át đi câu chuyện của trao đổi giữa hai người. Mà Thục chắc là đôi tình nhân "không có một cõi để đi về", dù là đêm ba mươi. Thẫn thờ nhìn mưa rơi từng hạt nhỏ. Một cơn mưa lạc lõng thổi đến đây đêm cuối năm, không giống như những cơn mưa suốt cả mùa mưa ở đây. Nó vừa

bất ngờ, vừa dài, vừa dai, giống như những cơn mưa ở quê nhà Thục. Đôi mắt lúc nào cũng muốn nhắm lại, Thục lơ mơ nhận ra con đường đất ở quê mình lầy lội dưới mưa. Tiếng côn trùng, ếch, nhái, cóc, ễnh ương ra rả thau-u đêm xung quanh khu vườn nhỏ. Đã lâu rồi, sau cái lần thư Kiên viết toàn những chuyện không đầu, không cuối. Không giống lá thư tình chút nào, Thục không còn tin tức gì của Kiên. Lá thư vừa nhận được của đứa em gái cũng không nghe nó nhắc đến Kiên. Hay là Kiên đã đi đâu rồi? Không còn lặn lội đồng sâu, đồng cạn, vật vã áo cơm ở ngoài quê nữa.

Thanh âm trầm ấm, sôi nổi của người đàn ông làm Thục giật mình quay lại. Đĩa nhạc đã tắt tự bao giờ. Quá ngán những đêm canh thức kiểu này, Thục thường không để ý khách nói gì với nhau. Nghe tai này qua tai bên kia. Đôi khi nghe mà không nhận hiểu được là mình đã nghe gì. Tiếng nói của người phụ nữ nhẹ nhàng, trong sáng, vang lên đầy mệt mỏi. Một nửa như đang quyết liệt, một nửa như sắp phải chào thua làm cho Thục tỉnh táo.

- Em gặp lại Duy vừa ở nước ngoài về, mưa gió phương tây làm cho Duy trẻ lại, trắng trẻo, mập mạp và dễ thương hơn. Duy hỏi thăm anh lúc này ra sao. Nhắc nhiều đến kỷ niệm của ba đứa mình ngày còn đi học. Duy kể, có lần bỏ học cả tuần để viết thư cho em mấy trang thư tỏ tình. Chừng mang đến nhà em, gặp anh lúc đó hình như cũng vừa trao em lá thư, Duy cay đắng trong lòng, nhưng bên ngoài vẫn cứ vui vẻ nói cười, mấy lần, Duy tính trở về. Song về là thua, là đầu hàng, là bỏ cuộc. Cuối cùng, Duy cũng "tương kế, tựu kế" dấu lá thư vào hộp băng cassette trao cho em. Cách đây mấy tuần, cùng ngồi trong quán cà phê như thế này, Duy ngỏ lời cầu hôn với em. Em không ngạc nhiên nhưng bất ngờ hỏi lại "Duy quên Khánh rồi sao ?". Duy trả lời với em là Duy đang sống và chết cho tình yêu của mình. Duy yêu em không phải chỉ là chuyện một tháng, một ngày. Cái thời hoa bướm mộng mơ đã qua rồi. Giọng Duy buồn buồn: "Tụi mình không thể ú tìm, đuổi bắt nhau đến hết đời được". Gần một tháng qua, Duy vừa lịch sự, vừa liều mạng không thể tưởng. Đón em ở nơi làm việc, theo em ra chợ, theo em về nhà, lúc nàocũng săn đón ân cần (im lặng)

- Không! Em không sợ em yêu Duy đâu! Sau những buổi tối chia tay Duy, em thường cố hình dung tất cả mọi chuyện xảy ra giữa em, anh và Duy (im lặng)

- Em không có ý so sánh hai người với nhau. Vì, hơn cả em, anh thừa biết, ở Duy, có những điều anh không bao giờ có và ngược lại. Nhưng em sợ em thay đổi (im lặng)

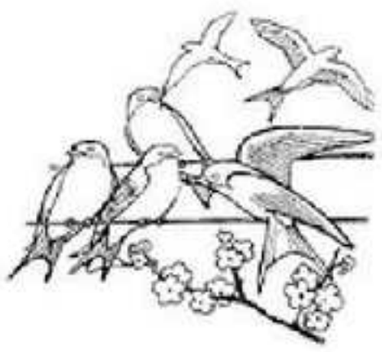
- Có lẽ, một phần là do tình yêu của Duy tác động em trong thời gian gần đây. Một phần là em đang tự hiểu mình. Nói chung thì cả em, cả anh, cả Duy chẳng ai còn nhiều cơ hội nữa (im lặng)

- Thay đổi lớn và đáng sợ nhất đối với em trong lúc này là tình yêu không là cứu cánh cho cuộc đời em. tình yêu không thực sự lớn và quan trọng như em đã từng quan niệm và sống trong nhiều năm yêu anh (im lặng)

- Em không nói những điều này để mặc cả với anh chuyện gì. Còn gì mù quáng trong các vị thần linh hơn vị thần tình yêu: mù hai mắt, tay giương cung, lưng giắt bó tên lúc nào cũng tiếp tục bắn. Em tự hỏi, mũi tên nào được ông ta bắn ra xuyên qua em, thì còn lại muĩ tên nào xuyên qua anh, xuyên qua Duy...? (im lặng thật lâu)

Hình như, câu chuyện vẫn đang dở chừng. Hai người vẫn còn trao đổi với nhau. Lần này họ nói nhỏ hơn. Thục nghe loáng thoáng tiếng được tiếng mất. Những vang âm yêu thương chung thủy, đầy sức thuyết phục trong giọng nói của người phụ nữ buồn buồn làm Thục liên tưởng tới vầng trăng thượng tuần đêm chia tay cùng Kiên. Thục mang theo vầng trăng khuyết với những ray rứt không rời trong cơn buồn ngủ triền miên.

NGUYỄN HOÀNG TRUNG



truyện ngắn

CHIM ÉN SẼ LẠI VỀ

NGUYỄN VĂN THƠ

Mỗi khi mùa xuân về Thi vẫn thường lỉnh ra cánh đồng ở sau nhà dõi cặp mắt mơ màng nhìn lên bầu trời. Vốn tính đa cảm lại lãng mạn nên Thi say mê phong cảnh thiên nhiên lắm. Nhất là hôm nay trời lất phất mưa rây, sương mù buông phủ trắng xóa cả một vùng quê. Những đỉnh núi mọi khi trông rõ là thế mà giờ đây lúc mờ, lúc ảo bồng bềnh trôi trong sương, bí hiểm như những tòa lâu đài cổ trong huyền thoại. Nhìn những con chim Chà pheng vụng về bay liệng đơn độc trên bầu trời Thi lại chạnh lòng nhớ Én, nhớ đến thắt cả ruột cả gan. Đã gần chục xuân nay không hiểu sao Én không bay về nữa. Nhưng mùa xuân nào Thi cũng luôn dõi mắt nhìn lên bầu trời, anh vẫn hi vọng một ngày kia Én sẽ lại trở về…

Năm xưa có một lần anh cùng nàng sánh bước bên nhau ở ngay trên cánh đồng này. Cũng bầu trời xuân giống hệt như hôm nay chỉ khác là dạo ấy Én bay dày đặc. Con bay ngang, con bay dọc, con thì sà sát xuống tận mặt ruộng lúa đang thì con gái xanh mơ, con thì mải vút lên bầu trời mây xa thẳm trông rộn ràng và vui mắt biết bao. Thi thầm nghĩ chả trách cụ Nguyễn Du ngày xưa đã ví:“ Ngày xuân con én đưa thoi…” Thật chẳng sai một tẹo nào. Bỗng tiếng nàng hỏi giật lên :

- Anh đang nghĩ gì thế anh yêu?
- Anh đang nghĩ không biết Én ở đâu ra mà nhiều thế. Nhìn chúng bay mới đẹp làm sao.
- Đố anh biết em đang mơ gì đấy?
- Anh sớm được ra quân, mình cưới nhau đúng không?
- Hi hi giấc mơ ấy thì đương nhiên rồi, ai mà thèm đố chứ.
- Thế thì anh chịu, em nói đi em yêu.

Mắt vẫn ngước lên bầu trời nhìn theo những cánh Én đang say mê chao liệng nàng nói như trong cơn mơ :

- Em muốn được hóa thành cánh én để tung bay trên bầu trời mơ ước.

- Hi hi thế còn anh, em định bỏ anh lại đây sao?

- Ngốc ạ, cả anh cũng phải hóa thành én để theo em hiểu chưa? Chúng mình sẽ dệt hạnh phúc bên nhau mãi mãi…

Thi giọng trêu chọc:

- Nhưng nhỡ anh không hóa được thành én thì sao?

- Thì hàng năm cứ đến mùa xuân em lại về thăm anh được chưa. Anh phải đợi chờ em đấy anh yêu.

Biết là nàng chỉ nói đùa cho vui thôi nhưng không hiểu sao anh chẳng thích câu nói ấy tẹo nào. Thấy Thi chợt buồn Cẩm Li biết mình lỡ lời cô vội gì anh vào lòng và đặt lên môi anh những nụ hôn nồng cháy…

Nhà Cẩm Li ở thôn bên, cách nhà Thi có một quả đồi. Cẩm Li là con gái một gia đình người Hoa kiều giàu có đã sang sinh sống ở Việt Nam từ nhiều đời nay. Bố Cẩm Li lúc ấy đang làm chủ tịch UBND xã rất có uy tín. Cẩm Li xinh đẹp, hiền dịu, cô có nước da trắng trẻo, mịn màng. Đôi mắt to đen, trong sáng mà mỗi khi nhìn ai nó cứ như thiêu như đốt. Có lẽ chính vì đôi mắt ấy mà các bạn trai cùng lớp với Cẩm Li trong đó có cả Thi đã bị cô thu mất hết hồn vía từ khi nảo khi nào rồi. Năm ấy gia đình Thi chuyển đến quê mới được hai tháng thì năm học vào khai giảng. Ngay khi vừa bước chân đến lớp còn đang lạ lùng bỡ ngỡ Thi đã để ý đến một cô gái xinh đẹp đang vui đùa với các bạn. Vốn xưa nay là người điềm đạm,ít nói, mặc dù biết là mình khá đẹp trai lại thông minh nhưng vì hoàn cảnh gia đình Thi lúc ấy gặp nhiều khó khăn nên Thi rất hay mặc cảm. Giờ vào lớp Thi lặng lẽ ngồi xuống dãy bàn tận cuối lớp giở vở ra chăm chú ghi chép. Bỗng Thi cảm giác có một hơi thở nhẹ ở bên tai. Thi ngửng đầu nhìn lên thấy Cẩm Li đang đứng sát bên cạnh mắt chăm chú nhìn Thi viết. Thấy Thi nhìn Cẩm Li mỉm cười rõ tươi rồi khen :

- Ôi chữ bạn đẹp thế, cho mình ngồi cùng bàn với bạn nhé, được không?

Như một cái máy Thi vội gật đầu rồi ngồi xích ra nhường chỗ cho Cẩm Li ngồi. Ngày ấy ở miền núi học sinh học cấp hai còn ít lắm. Cả lớp chỉ vẻn vẹn có mười hai học sinh mà toàn là các anh chị lớn khộc khệch cả rồi. Thậm chí có cả người có vợ có con rồi mà vẫn còn đi học nên chỗ ngồi tha hồ rộng rãi. Mà điều kì diệu là trên đường về đôi trẻ mới biết là nhà chúng ở rất gần nhau.

Từ hôm ấy ngày nào Cẩm Li cũng đợi Thi cùng đi học. Con đường họ đến lớp phải đi qua một cánh đồng lúa bát ngát,và những khóm hoa sim, hoa mua mọc đầy ở bên đường. Vào học được mươi hôm Cẩm Li và các bạn, phát hiện ra ở Thi nhiều điều đặc biệt. Hôm ấy vào giờ giảng văn mọi khi thày Cư vẫn gọi Nam đọc bài nhưng hôm nay chẳng hiểu sao thày lại bảo Thi đọc. Chắc thày thấy có một học trò mới nên gọi thử thôi chứ từ trước tới giờ chả ai đọc bài hay bằng Nam cả. Ngay từ câu văn đầu tiên Thi đã làm cho cả lớp nín thở lặng cả đi. Giọng đọc của Thi ấm và truyền cảm lạ thường . Sau khi bài đọc kết thúc cả lớp ồn ào bàn tán đến mức thày Cư phải nhắc đến hai lần trật tự mới được trở lại. Từ đấy cứ mỗi khi đến giờ giảng văn là thày Cư lại bảo Thi đọc bài. Nó thành lệ mà Cẩm Li và các bạn đã quen như thể chuyện mặt trời mọc ở đằng đông và lặn ở đằng tây ấy.

Với lại cả lớp đều muốn được nghe Thi đọc bài, nếu như thày Cư chỉ định người khác đọc chắc chắn mọi người sẽ buồn lắm.

Có lần Quyền một cậu bạn đưa bài thơ viết về đồng bào Tây nguyên nhờ Thi đọc cho. Cậu ta bảo bài thơ lủng củng lắm cậu ta chịu không thể nào đọc được ra câu ra chữ . Ấy vậy mà khi nghe Thi đọc mọi người thấy cũng chẳng đến nỗi nào.

Tuy nhiên điều mà Cẩm Li và các bạn khâm phục và yêu quí Thi hơn cả là tính nết hiền lành và thông minh. Thi học giỏi đều về các môn, đặc biệt là môn toán. Hình như tất cả các bài tập hình, đại trong sách giáo khoa Thi đều giải được một cách dễ dàng. Thày Khang dạy toán yêu quí Thi lắm, mà cũng phải thôi hôm nào mà Thi chả phải giảng lại bài cho các bạn, đỡ được thày khối ra. Có nhiều lần trên đường đi học Thi đã dừng lại bẻ cây vẽ hình xuống đất để chứng minh, giảng bài cho Li, tự khi nào Li đã thấy cô thầm yêu Thi mất rồi.

Khổ nỗi hoàn cảnh gia đình Thi lúc ấy rất khó khăn. Cẩm Li cũng hiểu chuyện này từ lâu nên sợ Thi mặc cảm. Cô biết sáng nào Thi cũng nhịn đói đi học nhưng anh gan lắm, cứ thản nhiên như không, có đói chết cũng đố mà ai biết . Cô thương anh lắm nhưng không làm cách nào giúp được. Đã một đôi lần cô đưa quà mời anh cùng ăn nhưng không những anh không chịu ăn mà còn tỏ ra khó chịu. Từ đó cô không bao giờ dám nghĩ đến cho quà anh nữa. Có lần mẹ anh ra xay lúa, giã gạo thuê cho nhà cô. Cô biết rõ bà là mẹ anh nhưng cô không dám nói với bà là cùng học với anh. Hôm ấy là chủ nhật không phải đi học nên cô xúm vào làm với bà cho bà đỡ mệt. Mẹ Li thấy thế lạ lắm bảo cô:

- Cái con bé này hôm nay sao lại chịu khó thế nhỉ, chả bù cho những hôm mẹ réo đến rát cả họng ấy…

Cô ngượng ngập nói lấp đi:

- Kìa mẹ, con vừa làm vừa nói chuyện với bác ấy cho vui mà. Bác ấy nói chuyện hay lắm, còn mẹ ai bắt mẹ chỉ la rầy con thôi…

Mà cô cũng có nói sai tí nào đâu cơ chứ. Mẹ anh là một người phụ nữ xinh đẹp và hiền lành nổi tiếng cả vùng. Mới chỉ gần bà có một lúc thôi mà sao cô đã thấy bà thân thương gần gũi thế. Nghe bà rủ rỉ kể chuyện, từng lời, từng câu thấm vào lòng cô. Cô nghĩ với người phụ nữ này chắc chẳng nói nặng với chồng con bao giờ. Cô chợt nghĩ nếu ai có sau này được làm dâu bà thì hạnh phúc biết bao… Sau hôm ấy gặp anh cô vẫn ngại không dám nói với anh mặc dù trong lòng ngổn ngang bao nhiêu là tâm sự. ..

Năm học nhanh chóng trôi qua, cả lớp tíu tít tổ chức liên hoan chia tay. Bạn bè người xin đi trung cấp, người thì xin lên học cấp ba . Anh và Cẩm Li đều nộp đơn xin đi học cấp ba tiếp. Lúc chia tay cô muốn anh nói với cô một điều gì đó nhưng anh vẫn cứ tảng lờ không chịu nói. Cô biết thừa là anh có cảm tình với cô lắm nhưng anh mặc cảm không chịu nói đấy thôi, người đâu mà gan lì, ghét thế…

Ba tháng nghỉ hè dài đằng đẵng cuối cùng thì cũng đã qua. Cẩm Li vui lắm cô nghĩ hôm nay thế nào cũng lại được gặp anh. Lại được cùng nhau sánh bước đến trường. Hôm ấy cô đợi anh đến tận buổi mà chả thấy tăm hơi. Cô vội vàng đạp xe ra trường suýt nữa thì không kịp báo danh. Ruột gan cô như lửa đốt, không biết nguyên nhân tại sao anh vắng mặt. Chiều hôm ấy cô đánh liều sang nhà anh chơi với lí do hỏi xem tại sao anh không đi tập trung. Đến nơi cô mới biết rằng do gia đình gặp nhiều vận hạn nên ngay sau khi nghỉ hè anh đã theo đoàn thợ sang tận Bắc Giang làm đến nay vẫn chưa về được. Vậy mà em chẳng biết gì cả, thương anh quá anh ơi…

Đã nhiều lần cô tìm cách để gặp anh nhưng không gặp được. Kể từ ngày phải nghỉ học để đi làm giúp gia đình anh càng mặc cảm và khó gần hơn. Anh thường đi vắng suốt, khi nào về qua nhà cũng ở lì trong nhà tránh mặt bạn bè nên cô chẳng làm cách nào gặp được anh cả. Tuy vậy cô vẫn nuôi hi vọng sẽ có ngày cô gặp được anh và nhất định cô sẽ xóa đi điều mặc cảm ở trong anh…

Đang giữa năm học thì cô đươc tin anh đi bộ đội. Hôm ấy sắp sửa đến giờ vào lớp thì Quyền ghé tai cô bảo hôm nay anh lên đường. Không kịp suy nghĩ cô vơ vội sách vở nhét vào cặp rồi chạy lên ban giám hiệu giả vờ bị ốm xin được về nghỉ. Nhìn nét mặt cô lúc ấy chả khác gì người ốm nên người ta cho cô về ngay. Cô đạp xe tắt ra nơi tập trung để tìm anh. May quá khi cô ra đến nơi thì xe đang chuẩn bị chạy. Li chỉ kịp dúi vào tay anh một tấm ảnh của cô và hét lên cho anh nghe thấy, cô bảo anh đến đơn vị phải viết ngay thư về cho cô, khi xe chuyển bánh chạy rồi cô vẫn còn với theo:

- Em sẽ chờ anh mãi mãi anh ngốc ạ…

***

Thế rồi cô nhận được thư anh gửi về. Cô sung sướng đến trào nước mắt. Anh kể chuyện cho cô nghe cuộc sống ở chiến trường gian khổ lắm nhưng anh đã quen gian khổ từ khi còn ở nhà rồi nên chả bõ bèn gì. Hơn nữa giờ còn có tình yêu của em chắp cánh cho anh, giúp anh có thêm nghị lực và niềm tin vượt qua mọi gian khổ, hiểm nguy để sớm trở về với em…

Sau giải phóng Miền nam thanh niên trai tráng trong làng đi bộ đội đều tấp nập về phép thăm gia đình. Riêng anh vẫn cứ biền biệt, anh viết thư về nói là đơn vị của anh phải đi làm nhiệm vụ quốc tế nên chưa về được. Mãi đầu năm 1978 anh mới được về phép. Tối hôm ấy họ hẹn gặp nhau ở đỉnh đèo để tâm sự. Lúc đến giờ hẹn trời lại nổi cơn giông rồi mưa nặng hạt dần, vậy mà cả hai đều đến đúng hẹn. Bao nhiêu năm xa nhớ, bao nhiêu kỉ niệm thân thương từ ngày còn cắp sách đi học bên nhau. Bao nhiêu tâm sự muốn được thổ lộ cùng nhau vậy mà khi gặp nhau họ chẳng biết nói gì cho phải. Thi run run cầm tay nàng kéo nhẹ, nàng lảo đảo ngả vào lòng anh. Và rồi mặc cho sấm chớp, mặc cho gió mưa, đứng trên đỉnh đèo họ trân trọng trao nhau nụ hôn đầu đời nồng thắm…

Hôm anh trả phép, cô tiễn anh đi giữa cánh đồng mùa xuân. Anh hẹn cuối năm nay anh sẽ xin phép đơn vị về cưới cô. Hôm ấy chim Én bay dày đặc bầu trời như chúc phúc cho đôi bạn trẻ yêu nhau…

Cuối năm 1978 không biết bố Li nghe tin đồn từ đâu mà cả nhà cứ nháo nhào cả lên. Người

dân tộc Hoa kiều đang sống yên lành ở Việt Nam bỗng ùn ùn kéo nhau về nước. Người ta gọi bán tống bán tháng tài sản mà công sức hàng bao nhiêu năm ki cóp rồi bỏ đi sang bên kia biên giới. Gia đình Cẩm Li cũng vậy, mọi người ai nấy đều lo lắng sợ hãi chẳng biết làm thế nào cả. Lòng Li cũng rối bời bời, giá mà có anh ở nhà thì tốt biết bao, Li sẽ hỏi ý kiến anh và tùy anh quyết định. Nhưng anh viết thư nói là đơn vị phải đi làm nhiệm vụ nên tạm thời chưa có hòm thư, khi nào có địa chỉ anh sẽ gửi thư về. Sao cứ lúc cần đến anh thì lại không thể liên lạc được. giờ này anh đang ở đâu anh ơi?

Hôm cùng gia đình bỏ chạy về Trung Quốc, Li khóc thương anh nhiều lắm. Cô viết cho anh một lá thư , cô đem đến nhà anh và đưa tận tay cho mẹ anh, nhờ mẹ khi nào anh về thì đưa cho anh giùm cô. Lúc ra về cô ôm chặt lấy mẹ mà cứ ngỡ như được ôm anh vậy…

Cuối năm 1979 khi mà cuộc chiến tranh biên giới tây nam và phía bắc đã kết thúc. Thi được phục viên về địa phương, khi còn ở đơn vị anh cũng nhận được thư báo tin Li và gia đình cô đã bỏ về nước đến nay vẫn không có tin tức gì cả. Mẹ anh giờ đã già yếu đi nhiều, mẹ đưa lá thư của Li cho anh rồi kín đáo quay đi lau nước mắt. Lá thư ấy đã mấy chục năm trôi qua rồi anh đã thuộc làu nhưng anh vẫn giữ như là một kỉ vật thiêng liêng của mối tình đầu trong sáng…

" Anh vô cùng thương yêu của em:

Giá mà lúc này anh ở nhà thì tốt biết bao. Em thật sự lúng túng chẳng biết làm sao nữa. Sự việc xảy ra thật quá bất ngờ, quá kinh khủng. Riêng đối với em điều kinh khủng nhất là em phải xa anh. Xa anh yêu dấu mà chẳng biết có còn cơ hội để gặp lại anh không. Ngay cả tính mạng của em và gia đình em cũng chẳng biết thế nào. Nếu qua được biên giới có điều kiện em sẽ viết thư về cho anh. Nói dại, nếu như em có mệnh hệ gì mà không còn cơ hội để viết thư về với anh nữa thì anh hãy coi như lời mong ước năm xưa của em đã thành hiện thực. Mỗi một mùa xuân em sẽ theo cánh én để về bên anh…

Em hôn anh tha thiết
Người yêu khốn khổ của anh
Cẩm Li"

Từ đấy cứ mỗi khi mùa xuân về anh lại ra cánh đồng mà năm xưa Li tiễn anh đi trả phép. Mắt chăm chăm nhìn theo đàn Én đang say mê nhào liệng để nhớ về kỉ niệm của thuở xa xưa. Giờ này em đang ở đâu, em còn hay em đã mất mà sao cứ biền biệt mãi. Thi thẫn thờ dõi nhìn theo từng con én đang bay liệng như cố tìm ra hình bóng của người thương…

Đã gần chục xuân nay không hiểu sao Én lại không bay về nữa. Ngay cả cái niềm an ủi cuối cùng ấy cũng đã không còn. Ngày xưa mỗi khi xuân về nhìn đàn Én bay liệng anh như lại được thấy em đang say mê tung cánh trên bầu trời mơ ước. Chỉ cần thế thôi anh cũng thấy yên tâm rất nhiều. Những năm gần đây tuy không còn thấy Én bay nhưng anh nghĩ đó chỉ là tạm thời thôi. Một ngày nào đó môi trường được cải thiện nhất định Én lại trở về. Hôm qua xem trên ti vi người ta thông tin đang tiêu hủy Én vì Én bị mắc dịch cúm có thể lây lan sang cho người. Nhìn đàn Én đang bay vào chỗ chết lòng anh đau thắt. Anh có cảm giác như chính là em đang gặp nguy hiểm ấy. Anh muốn gào thật to báo cho Én biết đừng bay vào đấy Én ơi. Bầu trời tự do là thế, bao la, mênh mông là thế sao không thỏa cánh mà tung bay. Hà cớ chi phải chui vào những nơi cạm bẫy, những nơi " hang hùm, nọc rắn"ấy để giờ đây phải mang dịch bệnh vào thân.Và em nữa em ơi, hãy vì anh, vì tình yêu cao đẹp của chúng ta mà cố vượt qua mọi khó khăn, trắc trở để trở về với anh em nhé. Anh vẫn tin rằng một ngày kia nhất định em sẽ trở về…

Đông Triều 26.4.2013

NGUYỄN VĂN THƠ



NỒI BÁNH TÉT TRƯỚC GIAO THỪA

MAI HỮU PHƯỚC

Đã nhiều năm qua rồi, tôi không còn có cái cảm giác êm đềm và sung sướng lúc ngồi trông nồi bánh tét chín ngay trước lúc Giao thừa. Chắc rằng mấy đứa em của tôi đang lạc bước ở những phương trời xa xăm nào đó cũng có cái cảm giác giống tôi mỗi khi năm hết, Tết về. Những ngày cuối năm lãng đãng, bâng khuâng, lòng tôi chợt nhớ sao nồi bánh tét đêm xưa trong miền ký ức của tuổi thơ xa ngái.

Gia đình tôi là một gia đình đông anh em. Thuở nhỏ quây quần bên nhau rít ra, ríu rít như một bầy chim nhỏ, thân thiện và hiền hòa. Trong ký ức của tôi gần như anh em trong nhà chưa bao giờ "choảng" nhau cả. Những ngày cuối năm anh em và bạn bè trang lứa cùng xóm kéo nhau một bầy đi kiếm cát trắng về thay nồi hương Tổ Tiên, Ông Bà... Nhà nào có chân đèn, lư hương bằng đồng thì phải tìm hái một ôm lá bứa chua đem về ngâm để chùi đồ đồng cho sáng. Nhà tôi chỉ có mỗi một chiếc lộc bình được gò từ cái vỏ đạn súng pháo đã nổ. Công việc cuối năm chừng đó xem ra chẳng bõ bèn gì khi một bầy anh em chúng tôi đang hăng với những công việc như thế trong những ngày nghĩ học, chạy rông. Hết việc nhà, chúng tôi túa sang nhà bạn bè hoặc hàng xóm xem làm được gì thì giúp. Thuở ấy đói nghèo nhưng mọi người sống với nhau thật là gắn bó. Nhưng dù chạy chơi đâu, điều mong ngóng nhất của anh em chúng tôi là lúc mẹ và bà nội vuốt nếp, trải nong, bày lá chuối chuẩn bị gói bánh tét. Lá chuối lấy từ nhà ngoại ở trong quê. Ngoại tôi là dân "bám trụ" mà mãi sau này tôi mới biết. Dây lát cột bánh tét anh em chúng tôi cùng nhau đi bứt ở mấy đám ruộng hoang gần một cái khe từ nhiều ngày trước. Lát tươi đem về cây lớn thì chẻ đôi, nhỏ thì để nguyên hong nắng cho héo để sợi dai, chắc và dễ cột.

Lúc mẹ và bà nội gói bánh là lúc anh em chúng tôi ríu rít quây quần. Mẹ hoặc bà hô gì là anh em chúng tôi nhanh nhẩu tranh nhau đáp ứng ngay. Năm nào chúng tôi cũng được bà và mẹ dành cho một ít nếp cuối mủng để tự gói một chùm bánh ú nhỏ bỏ nồi cho nhanh chín để mà chia nhau. Bà nội và mẹ khéo léo xếp lá, đong nếp, quấn lá rồi buột mấy nuột dây cơ bản ban đầu. Phần còn lại anh em chúng tôi đua nhau buột. Ban đầu các nút buột lớ ngớ, vụng về, nhưng được sự chỉ dẫn của bà và mẹ chúng tôi quen tay dần nên đứa nào buột bánh tét cũng đẹp. Khoảng cách giữa các dây buột đều như đo. Tất cả các đầu dây buột bỏ về một phía thẳng hàng như kẻ chỉ.

Nhà cô ruột tôi ở sát một bên. Cô tôi nấu ăn và bày cỗ thì ngon và khéo léo hơn mẹ tôi, nhưng bọn tôi không hiểu sao cô lại không biết gói bánh tét. Đó là điều khó hiểu với bọn trẻ chúng tôi và cũng không có cách gì để giải thích được hết. Do vậy, chúng tôi vẫn tự hào về mẹ trong việc gói bánh này. Năm nào đến gần ngày cuối cô cũng chạy sang dặn mẹ tôi: "Khi nào chị vuốt nếp thì ới em một tiếng nghe.". Vậy là khoảng lưng chừng buổi sáng của ngày cuối cùng, hàng xóm nghe vang vang lời mẹ tôi gọi cô tôi: "Cô ới... ơi... vuốt nếp.". Đó là những âm thanh và hình ảnh quen thuộc in đậm trong lòng của mỗi chúng tôi suốt cả thời thơ ấu. Mẹ tôi gói giúp và cô tôi chỉ còn nhiệm vụ ngồi buột như chúng tôi mà thôi. Đôi tay mẹ gói nhanh thoăn thoắt. Bà nội gói phụ và chậm hơn.

Tôi nhớ năm đầu tiên cô tôi có con dâu mới. Mẹ tôi bảo: "Năm nay cô có con dâu, bảo nó sang tôi bày cho cách gói để khỏi phải nhờ.". Vậy là từ đó con dâu của cô tôi cũng biết cách gói bánh tét. Đòn bánh gói đầu tiên có hơi run tay và xấu, vì giữa nhiều cặp mắt săm soi và "bình loạn" của bọn tôi, nhưng khi gói đến đòn bánh cuối cùng thì thấy đã "có" nghề và được mẹ tôi khen.

Bánh tét gói xong bỏ vào nấu trong một cái nồi to đùng. Đúng hơn, đó là một cái thùng. Nhà tôi đông người nên gói nhiều đòn bánh hơn nhà cô và cả hai nhà thường bỏ bánh nấu chung. Để phân biệt, bánh của cô tôi buột thêm một sợi dây đay dài. Nồi bánh tét được kê trên ba tảng đá

lớn đặt bên nhau để làm Ông Đầu Rau. Củi đun là những gốc cây, gộc tre khô hoặc là các loại bìa ván mà chúng tôi "tha" về từ một trại cưa gần nhà. Bà nội tôi có tài nhóm lửa nên "phụ trách" nấu. Anh em chúng tôi là các "thợ canh nồi" xúm xít coi lửa và chỉ chỏ cho bà cời sao cho lửa đỏ đều và đượm để bánh chín được ngon.

Sau khi nhóm lửa cháy đều, bà nội tôi đốt một cây hương thơm, rồi cắm dưới đất bên cạnh Ông Đầu Rau. Bà bảo cháy đủ ba cây hương là bánh chín. Vậy là, anh em chúng tôi trông chừng lửa và trông chừng cả cây hương. Có đứa lâm râm khấn, mong sao cho cây hương cháy thật nhanh để mau... chín bánh. Khoảng thời gian chờ bánh chín xem chừng cũng trịnh trọng và thiêng liêng làm sao. Sung sướng nhất là lúc bà tôi "thăm dò", vớt trước cho chúng tôi cái chùm bánh ú được gói từ chỗ "nếp thừa". Nói là "thừa" nhưng thật ra có năm bà và mẹ phải bớt cả nếp ở đòn bánh tét cuối cùng để gói sao cho đủ mỗi đứa một cái bánh ú nhỏ. Bánh vớt ra không kịp để nguội. Chúng tôi lấy thau nước giếng cho vào làm nguội để mau đánh chén. Có năm, bà và mẹ bận gì đó nên gói muộn và nấu muộn, anh em chúng tôi canh chừng nhưng lần lượt vắng dần từng đứa, vì buồn ngủ. Tôi là đứa lớn hơn cả nên thường thức đến sau cùng. Tuy vậy, cũng có lần tất cả đều xỏ chân nhau nằm mơ bánh chín. Hình như đã thành "lệ", dù muộn thế nào thì bánh cũng phải được nấu chín trước lúc giao thừa. Vớt xong bánh chia nhau ai về nhà nấy, kịp tránh "xông đất" khi kim đồng hồ chỉ mức không giờ. Lúc này, Giao thừa đã điểm. Tiếng pháo đì đoàng đâu đó báo hiệu một năm mới đang ùa về, rộn rã...

Xuân 2014

MAI HỮU PHƯỚC



Thơ

LỘC XUÂN

ĐỖ MINH TÂM

Nghe đời nín thở đầy vơi
Nhìn người chúm chím nụ cười ban mai
Mới hay ngày ngắn đêm dài !
Tương tư thăm thẳm nẩy đài lộc xanh

Xuân về tạnh ngọn gió hanh
Qủa thơm trĩu ngọt trên cành rung rinh
Che sương tàu lá cũng tình
Hớ hênh vạt áo... biết mình kiêu sa...

Hồi sinh sau những phong ba
Nụ hoa nghiêng cả gốc đa đầu làng !

ĐỖ MINH TÂM



VƯỜN XUÂN

NGUYỄN THỊ MÂY

Nhà Phương ở cạnh nhà tôi, cách nhau một giậu...dâm bụt xanh xanh, đỏ đỏ. Hai đứa khá thân thiết vì đều nghèo khổ. Chúng tôi dễ gần nhau hơn nhưng tính tình không mấy hợp.

Phương trầm tĩnh, ít nói. Thuở còn mặc ...tà lõn, áo thun, Phương đã ra vẻ đạo mạo như một cụ non. Chiều chiều, Phương thích chấp tay sau mông ngẩng mặt nhìn mây bay hay dõi theo bóng chim hối hả vỗ cánh. Tôi và mấy đứa bạn láng giềng chế giễu là "lão Phương mộng mơ" Phương sống chẳng thực tế tí nào. Giữa đám em năm đứa trai gái đủ cả, hừng đông, đã nghe thấy tiếng nói cười của chúng như chim ríu rích đầu cành. Suốt ngày, trong nhà Phương nhộn nhạo như có giặc vậy mà Phương lơ lơ, lửng lửng đến độ phát bực. Có lần, tôi hỏi:

- Sao Phương tỉnh quá vậy? Dòm bản mặt như chết chưa chôn.

Phải mất mấy giây chờ đợi tôi mới được nghe giọng trầm trầm:

- Chứ Thu Sang bảo tôi phải làm gì bây giờ? Chẳng lẻ lúc nào cũng cười hi hỉ, ha hả hoặc góp phần cãi vả, làm bốc cháy vùng trời này hay sao?

- Phương ngạo Sang đó hả?

- Hổng dám đâu!

Tôi vẫn biết tính mình cũng chẳng hay ho gì. Nhưng, sống như Phương , tôi cảm thấy không ổn. Ba mẹ tôi hiếm muộn con. Mãi đến năm ba mươi tám tuổi, mẹ tôi mới sanh ra tôi. Dù èo uột, xấu xí nhưng vẫn được ba mẹ tưng tiu như hoa quí. Ba mẹ tôi đều là giáo viên, cuộc sống tuy không vất vả cho lắm nhưng những nếp nhăn cứ thi nhau tăng dầy thêm trên trán song thân. Ba mẹ tôi vắt óc, nặn tim lên trang giáo án , khàn hơi giảng bài để đổi lấy miếng cơm manh áo cho tôi. Tôi yêu ba mẹ lắm nhưng không hài lòng về hoàn cảnh sống của mình. Tôi muốn bay ra khỏi sự yên tĩnh bình thường, xoải cánh giữa khung trời thênh thang nắng gió hoặc bão táp. Tôi chán ngấy cảnh nhà cửa tềnh toàng, vắng ngắt. Ba mẹ đi dạy rồi, tôi còn một mình, hết học bài lại làm bài. Xong, nằm khèo trên bộ ván gỗ nâu bóng nghe nhạc hoặc giả xuống bếp vừa nấu nướng vừa nghêu ngao vài ba câu nhạc trẻ. Đôi khi buồn quá, tôi lấy cây thước kẻ chọt vào hông cô mèo Miu Miu hoặc chú chó Mi Lu , đuổi chúng chạy vòng vòng, kêu , sủa inh ỏi. Phương phê bình tôi điên và ác. Được yên tĩnh để suy nghĩ thú vị biết bao mà không chịu hưởng, cứ quậy cho om sòm trời đất. Có phước mà cũng chẳng hay.

So với Phương thì tôi có phước thật. Tuy nghèo nhưng Tết nào tôi cũng được ba mẹ sắm cho ít nhất ba bộ đồ mới. Còn Phương, năm khi mười họa mới được một bộ. Đã vậy, bác Lan, mẹ Phương tính kỹ còn hơn...trùm Sò. Bà thường lựa vải màu đậm cho lâu phai hoặc mua quần áo may sẵn để khỏi phải trả tiền công. Vì vậy, mỗi lần Phương mặc áo mới , trông anh già đi vài tuổi.

Năm nọ, người cô của phương ở Long Xuyên đến thăm, thấy cảnh nhà em trai túng thiếu, bà liền rước Phương theo. Bà bảo là xin phương làm con nuôi, cho học nghề để sau nầy nhờ tấm thân. Phương bỏ học chữ, đi theo cô biền biệt cả năm. Bỗng tàn đông, tôi và lũ bạn trông thấy Phương lù lù quay về, một tay xách bọc ny lông quần áo, tay kia xách theo một giỏ lan vừa hé nụ. Chiếc áo xanh dương ngày nào bây giờ trở màu đen mốc. Mái tóc như rễ tre bù xù đè nặng trên đầu. Mặt đầy nếp nhăn vì.. suy dinh dưỡng.chúng tôi ào tới mừng. Được phương cho biết rõ về việc đã học xong nghề... làm ruộng Tuy chưa thành thạo nhưng Phương tuyên bố thôi rèn luyện vì xét thấy người mẹ nuôi hay mẹ ruột cũng không thể nào có ruộng để cho Phương cày, sử dụng cái nghề Phương đã học. Rốt cuộc, sau một năm tầm sư học đạo trở về, Phương đã san phẳng bậc học giữa hai đứa. Thay vì trước kia anh học cao hơn tôi một lớp. Bây giờ hai đứa ngồi cùng bàn , chung một phòng học. Đúng là công chẳng thành mà danh thì có chuyển. Anh có thêm tên mới:"Phương Hai Lúa".

Làm ruộng không xong nhưng bù lại Phương giỏi trồng hoa kiểng. Phương bảo là học được của người dượng. Bây giờ, ngoài giờ học, anh lo chăm sóc cây kiểng. Thỉnh thoảng, chúng tôi bắt gặp

Phương khuân về một chậu kiểng . Bao nhiêu tiền làm thêm như giữ xe đạp, chạy bàn cho quán cà phê…đã bị chi một phần cho cây cỏ. Lâu dần, khoảng sân nhỏ bên hè nhà Phương rợn ngợp màu xanh của lá chen lẫn sắc màu rực rỡ của hoa. Phương quí chúng lắm. Lũ em Phương phá phách, làm hư hại cái gì anh cũng tha thứ, trừ chuyện vặt lá, ngắt hoa anh trồng. Lũ chúng tôi nói gì anh cũng không chấp nhưng nếu chỉ trích hoa lá thì bảo đảm sẽ được nghe anh triết lý.

- Hoa đẹp khó có thể nở trên sỏi đá. Những trái tim chai sạn không bao giờ biết cảm xúc, rung động trước cái đẹp và sẽ không biết yêu thiên nhiên kỳ diệu.

Thật ra, chúng mê vườn hoa nho nhỏ nầy. Nhưng làm cho anh giận dỗi càng thích hơn nữa. Những lúc như vậy, dáng đi của Phương lắn quắn, léo quéo, ngún nguẩy như con gái, trông tức cười gần chết. Và thế nào anh cũng ca cẩm:

- Ngày xưa, Bá Nha còn có Tử Kỳ, còn đời nay tìm một người xứng với tiếng tri kỷ khó như mò kim đáy biển.

Chúng tôi cười khúc khích nhưng đứa nào cũng nhói lòng khi nghĩ đến cây kim mà Phương đang tìm.

Ngày 29 âm lịch, tôi theo mẹ đi chợ sắm đồ tết. Ngang qua hàng hoa, thấy hai chậu trúc vàng tuyệt đẹp. Mẹ bảo đó là loại cây quân tử" .Tôi chợt nhớ Phương và khu vườn nhỏ của anh. Trong đó, chưa có loại cây nầy. Tôi buộc miệng:

- Phải con có tiền, con sẽ mua cặp kiểng này để tặng Phương. Chắc bạn ấy sẽ vui mừng lắm.

Đôi mày của mẹ thoáng nhíu lại rồi dãn ra ngay cùng với nụ cười hiền hòa:

- Mẹ sẽ cho con số tiền đó.

Tôi mừng quýnh, ôm chầm lấy mẹ nhưng chợt cảm thấy áy náy, không yên vì tôi biết rõ mẹ chẳng có nhiều tiền. Mua cặp trúc nầy sẽ hao hụt một khoản dự chi của mẹ. Tôi vội ngăn:

- Thôi, đừng mua, mẹ nhá!
- Tại sao?
- Con sợ tốn tiền của mẹ.

Mẹ mỉm cười bảo:

- Không sao. Mẹ định mua một tấm màn loại tốt để dùng trong ba ngày xuân nhưng nghĩ lại cũng phí. Ví dù có treo nó lên khung tre, dưới mái lá đơn sơ thì cái màn đắc tiền ấy cũng không làm cho nhà ta sang trọng được. Nhưng nếu dùng số tiền ấy để con mua quà tặng bạn thì ý nghĩa lại đẹp dẽ biết bao. Việc làm này sẽ biến con thành cô bạn giàu tình cảm.

Lời dạy của mẹ khiến tôi lâng lâng trong niềm hạnh phúc bất ngờ. Tôi nhận ra rằng mẹ là tấm gương sáng đẹp mà tôi không hề biết để noi theo.

Tôi và mẹ khệ nệ bê hai chậu trúc về, ghé ngang nhà Phương để tặng anh. Khung cảnh ở đây khiến mẹ và tôi bàng hoàng, kinh ngạc. Vườn hoa của anh chỉ còn thưa thớt vài chậu kiểng. Hai phần ba số cây trồng đã biến mất. Đúng lúc đó, có tiếng lao xao ngoài ngõ. Phương và các em vừa vào cổng. Nét mặt anh tươi vui khác thường. Thấy tôi và mẹ đứng cạnh cặp trúc vàng, anh chạy vội đến, sà xuống cạnh cặp kiểng, xuýt xoa:

- Ủa, trúc ở đâu đẹp quá vậy bác?

Tôi nói hớt:

- Mua ngoài chợ chớ đâu.

Phương mỉm cười, gật đầu:

- Nhưng sao Thu Sang mang chúng vào đây?
- Để tặng Phương chớ chi.

Phương trố mắt ngạc nhiên nhìn tôi. Thấy vậy, mẹ liền bảo:

- Biết cháu yêu hoa kiểng, Thu Sang mua tặng cháu đó.

Mừng quá, Phương nắm tay tôi cám ơn rối rít. Mắc cỡ, tôi rút tay về, hỏi lãng sang chuyện khác:

- Vườn hoa của Phương sao vầy nè:

Phương phân trần:

- Phương đã mang đến nhà mỗi bạn hai chậu làm quà tết. Hồi nãy có mang sang nhà Thu sang hai chậu trạng nguyên để tặng Sang đó. Có thích không.

Mẹ và tôi nhìn nhau. Cả hai cũng mỉm cười nhưng lòng lại rưng rưng xúc động. thì ra Phương vun trồng tình bạn trên những chồi xanh kia, đã ủ ấp mùa xuân ở nơi nầy. Và, bây giờ hoa đời trổ nụ tỏa hương xuân ngan ngát một vùng đất nghèo, xóm tôi.

NGUYỄN THỊ MÂY



HOA NỞ SAU GIAO THỪA

TRẦN HỮU HỘI

Khi hai đứa con gái cho nổ máy chiếc xe tay ga, ông Hoán còn dặn với theo:

-Mấy ngày trước thì chậu vừa vừa khoảng ba, bốn trăm, giờ này chắc chỉ một trăm, trăm rưởi thôi con nhé. Nhớ lựa búp có chớm vàng mới kịp

Tiếng "da" thật to của hai cô con gái làm ông Hoán yên tâm, ông kéo cái bàn xa cầu thang thêm một chút, nơi ông định sẽ đặt cây mai chưng mấy ngày tết.

Từ ngày bán cái nhà ở quê, cơ ngơi mà vợ chồng ông tằn tiện dựng gầy hơn nữa đời mới có. Ông vào Sài gòn mua một căn nhà, không to, nó chỉ dài hơn cái phòng ăn ở nhà ông một chút, dược cái là có thêm lửng và lầu, cũng tạm đủ cho cả gia đình ông ta túc, ông thì cho là chật, nhưng các con ông thì cho là thoải mái vì bấy lâu chúng ở nhà thuê, cứ chung nhau trên cái nệm mỏng. Ba đứa con gái và một thằng con trai. Năm ngoái có thêm thằng rễ rồi đứa cháu ngoại ra đời, lại chuyển nhà, cũng được hai phòng. Gọi là phòng nhưng chỉ đủ cho hai cái nệm thước tư, ở giữa có cái ngăn bằng gỗ.

Tự cho mình là tằn tiện là vì khi vợ chồng ông lấy nhau, hai người không có lấy một đôi nhẫn cưới. Gia đình hai bên thì có đó nhưng không còn gì mà cho, Những đứa con ra đời trong thiếu thốn, xoay chạy cũng chỉ sữa "ông Thọ" pha thêm chút đường, đứa nhỏ thì thế, mấy đứa lớn ăn thịt nhưng là thịt "bàng nhạng". không mỡ mà không nạc, tội chúng nó, nhai mãi mà không nhuyễn được đành phải nuốt chứ nhổ thì uổng ! Cũng may là ông bỏ dạy sớm, ra làm nghề chụp ảnh. Lương của vợ ông một tháng không bằng ông chụp một cuộn phim đen - trắng. Bù qua sớt lại gọi là đủ ăn, có dư ra đôi chục ngàn chơi cái huê cái hụi, để dành khi ốm đau !

Nhớ cái ngày chia tay bà con láng giềng, ai cũng bịn rịn bởi ông là người hiền lành tử tế. Nghèo thì nghèo thiệt, nhưng có chút gì cũng sẻ chia.Mười tám năm trước,ông mua được cái xe máy, cả xóm nhờ chiếc xe. Đi đâu xa chút thì mượn, có trở ngại công chuyên về trể thì ông cứ chiếc xe đạp, đạp đi chụp hình dạo. Đi bệnh viên Huyện, Tỉnh thì ông chở đi, nhiều lần ông phải bỏ tiền nộp phạt cho Công an giao thông vì chở ba người. "Vậy thôi, người ta đi bệnh viên chưa có tiền thuốc lấy đâu mà nộp phạt!" Ông thường nói với vợ như vậy. Ông san sẻ cái khó của mọi người nhưng với bản thân thì tiện tặn lắm. Ông thường dạy con như cách ông sống " Mình ăn thì hết chớ người

ta ăn thì còn…”

Ông càng mạnh miệng hơn khi cách nay bốn năm, một cơn đột quy đến với ông, tưởng khó qua khỏi, vậy mà đưa vào tới Sài gòn, hai ba người hàng xóm lên xe theo ông, ông trở về yên ổn, ca phẫu thuật đặt cái “ Xì Ten” gọi là thành công. Lúc lên xe, vợ ông lưng lối chỉ chín triệu bạc, cầm cái “lắc” vàng mới mua được nhờ tiền hưu. Khi bệnh viên dòi đóng chín chục triệu cho ca phẫu thuật thì cái chết cầm chắc trong tay. Tiên đâu có mà mổ. Hàng xóm, bạn bè… thông báo cho nhau, tin bay tới bên Mỹ, bên Canada… Rồi như có phép lạ, đứa con lên phòng dịch vụ bệnh viên đóng cái rụp! Hai mươi ngày nằm lại, lúc về, con ông nói còn thừa cả chục triệu, sữa và quà không tính! Toàn tiền giúp của bà con bạn bè, không nợ ai một đồng.

Giờ thì ông đang chuẩn bị đón cái tết nơi cái chốn gọi là đất đỏ nhì thế giới, sau Hà Nội! Đó là người ta nói vậy chứ ông mới vào chưa tới hai tháng nên cũng chưa biết gì !

Đất đỏ thì ông tính theo cái chuyện đất đỏ, mua cây mai chưng tết thì vội gì mà dè mấy ngày gần tết mà mua, cứ chiều ba mươi ê hề mà chọn, không bán rẻ thì chở về Miền Tây, Quảng Ngãi, Bình Định…à, lỗ tiền xe!

oOo

Hai đứa con trở về, khi nó thắng xe trước ngỏ, nụ cười trên môi ông Hoán tắt hẳn. Hai chậu mai chúng mua về làm ông thất vọng, không có một búp nào ra hồn, búp lá cũng chỉ lèo tèo:

-Hết rồi hay sao con mua mai gì kỳ vậy ? xấu thế này mà rước tới hai chậu !

Hai cô con cùng trả lời:

-Hết rồi ba, con có mua bông giả về gắn thêm !

-Thì thôi, về mua hoa tươi cắm cũng đẹp mà. Mai thế này thì chưng làm gì! Bao nhiêu vậy?

-Dạ…ba trăm .

Ông Hoán buồn rười rượi, giận nữa, nhưng ví cận tết cận nhất, ông im lăng. Ngồi xuống xoay xoay xem kỷ hết cây mai này tới cây mai kia, Ông tính chuyện ghép cả hai cây làm một chậu !

Từ cái ngày các con ông lớn lên, học ra trường rồi đi làm, gia đình ông cũng qua cái túng thiếu, khỏi nuôi chúng cái ăn cái ở, ông cho chúng tự chi tiêu, nhiều khi ông giật mình vì chúng tiêu pha khá rộng! Có hôm vào thăm, chúng chở ông đi ăn nhà hàng Hàn Quốc, trả một triệu ba cho bữa ăn làm ông choáng váng! Khi chúng hỏi “ ngon không ba?” . Ông cười:

-Nhiều tiền quá, cho ba tô phở thì ngon hơn!

-Ba, ăn cho biết thôi mà, mai ăn mì tôm với tụi con ba ạ.

Ông biết con ông rất thương cha thương mẹ. Nhưng từ cái bữa ăn đó, ông hơi lo vì chúng tiêu pha không như ý ông, không như ông muốn ! Vợ ông cũng như ông, nhưng thấy ông không vui an ủi:

-Con nó làm được thì cứ cho nó tiêu pha, ngày còn nhỏ tụi nó khổ rồi!

Có một đều an ủi ông, ngày ông vào thăm con nơi xóm trọ, người ta ai cũng chào ông thân tình, ông thấy lạ, hỏi các con:

-Sao họ biết ba mà chào hỏi thế, nghe nói “dân Sài gòn” không ai quan tâm tới ai mà…

Chúng cười :

-Tụi con cũng sống như ba vậy, quan tâm họ thì họ thương mình. “ Mình ăn thì hết, người ta ăn thì còn.”

Chúng lại nhắc cái câu ông thường nói.

Gặn hỏi ông mới biết. Tháng lương đầu tiên của mỗi đứa, chúng mua sữa hết, đem biếu cho người già nghèo khổ trong xóm, rồi sau này thỉnh thoảng chúng mua quà cho họ, ai ốm đau thì cho tiền mua thuốc…

Ông thích lắm, nhưng lâu rồi ông cũng quên.

Giờ nhìn hai chậu mai, ý nghĩ "xem nhẹ đồng tiền" lại lẩn quẩn trong tâm trí ông!

Thường thì khi nào thấy ông buồn hay có đều gi phật ý là các con hoặc vợ ông an ủi, lần này cả mẹ lẫn con im re, có phần vui hơn nên ông càng buồn ! "Thôi thì tết nhất, cứ có hoa là đẹp rồi". Ông cho cả hai gốc vào một chậu rồi đứng ngắm nghía, gắn thêm vài cái bông , lá, búp giả...Chậu mai tươi lên. Đứa gái út đi chơi về lôi trong túi ra một nắm những trái cầu xanh .đỏ .vàng...Phúc, Lộc, Thọ với tua tua...gắn lên trông cũng rực rỡ tết nhất, tuy có hơi màu mè !

Thấy cả nhà vui ông cũng vơi buồn.

oOo

Nhà có lệ thường là sau khi cúng giao thừa, thắp nhang bàn thờ...thì ông lì xì cho các con gọi là tài lộc đầu năm. Năm nay, vợ ông không chuẩn bị gì cả. ông hỏi thì bà nói:

-Mình lớn tuổi rồi, cứ để con cái nó mừng tuổi mình thôi.

Có lẽ dã chuẩn bị sẵn, sau giao thừa chúng kéo nhau trên lầu xuống, đứa nào phong bì đó, đến trước ông và vợ:

-Chúng con mừng tuổi ba mẹ.

Ông cảm động lắm, quên hết muộn phiền. Người ta nói: "nước mắt chảy xuống". Ông chưa hề đòi hỏi gì các con, cũng chưa khi nào chúng đem tiền về cho ông bà, mặc dù chúng làm ra khá tiền...Nhưng mua chiếc xe, cái máy tính, ông nói với bà : " Cứ cho con đi em..."

Xong thủ tục mừng tuổi, đứa con gái lớn nói:

-Ba, hai chậu mai không phải giá ba trăm đâu ba!

Ông nhăn mặt hỏi:

-Vậy chớ bao nhiêu?

-Dạ... bảy trăm !

Ông muốn lớn tiếng la con, nhưng :

-Khoan đã ba, nếu là ba, ba cũng mua giá đó mà có khi hơn, nếu trong túi ba có nhiều tiền...Mai thì vô số chậu đẹp, chỉ giá hai, ba trăm, búp nhiều...nhưng có bà già ngồi với hai cây mai này, bên cạnh là đứa cháu đang vốc cơm ăn, Hai bà cháu ở Tây Ninh, hai gốc mai này là mai nhà, nghe người ta kháo nhau đem mai lên Sài Gòn bán được nhiều tiên nên nhờ người bứng hộ, đem lên bán kiếm tiên về mua thuốc cho ba đứa bé bị bệnh. Không biết chăm nên không ra búp ra hoa chi cả, bốn ngày rồi không ai mua! Khi con thấy đứa bé vốc cơm trong cái hộp xốp, con quyết định mua , hỏi giá, bà nói :

-Một trăm ngàn củng được, đủ tiền xe cho nội về Tây Ninh thôi ! nội lỡ dại nghe người ta nói mà tham...

-Con gởi bà hai trăm cho hai cây mai, xì xì đứa bé năm trăm. Hai đứa con biết là có thể bị lừa, nhưng nếu không thế thì chắc chắn là mấy ngày tết cứ ray rứt không yên!

Ông lặng người, mắt ông đỏ lên rồi bên khóe lăn xuống môt giọt nước mắt, Giọng ông nghèn nghẹn,

-Ba cảm ơn các con, là ba, ba cũng sẽ như thế, có bị lừa cũng được!

Ông hạnh phúc lắm, trong ông như vừa rộ lên một rừng hoa! Những gì ông dạy con cái bấy lâu nay đã đơm hoa và nỡ rộ. Ông nhìn chậu mai, nó như đã nỡ hoa thật, ông lại lẩm bẩm: "Ba...ba cảm ơn các con!".

Sài Gòn,12 tháng 2, 2014.

TRẦN HỮU HỘI



Thơ

CHỢ TẾT QUÊ

TỪ KẾ TƯỜNG

Lâu lắm mới về đi chợ tết
Đường quê sương sớm ướt bàn chân
Lối mòn trắng đất viền cỏ biếc
Cây lá vườn xanh, non sắc xuân

Chợ ở xa cuối đường lộ rẽ
Ta làm đứa trẻ thủa lên mười
Bao khôn lớn giờ ngây dại thế
Hóa bướm vàng, chim chóc reo vui

Mẹ quấn khăn phơi thời con gái
Tóc nhiều sợi bạc, trắng hoa lau
Con sông rộn rã tươi bờ bãi
Dòng nước xanh trôi dưới nhịp cầu

Chợ vẫn rộn ràng trong sương sớm
Sắc màu ngon mắt gánh quà quê
Ta nhỏ nhoi theo từng mộng tưởng…
Cô bạn ngày xưa xõa tóc thề

Bỗng gặp ông Đồ già viết liễn
Bên lề đường chợ trắng hoa bay
Ngọn gió mùa xuân len lén đến
Chạnh lòng câu đối viết run tay

Mẹ ta hấp háy cười trong nắng
Ông Đồ khăn đóng áo the đen
Thấy cả ngày xưa trong mắt lặng
Chợ tết, người quê, thêm nét duyên

Ta mãi nhỏ nhoi cùng chợ tết
Mẹ già tóc bạc quấn khăn phai
Ông Đồ viết liễn tay run nét
Ai biết thời thơ ấu ngắn, dài ?

Thưa mẹ, đừng già thêm tuổi nhé
Mỗi năm đi chợ tết bên con
Ước chi ta mãi còn thơ bé
Đường cũ, hồn quê dấu chẳng mòn.

TỪ KẾ TƯỜNG



truyện ngắn

CHỢ TẾT

NGUYỄN NGỌC TUYẾT

Chị lại đi trên bờ sông quen thuộc chốn quê nhà. Ừ, nói là quen thuộc chứ nhiều thay đổi lắm rồi. Hai mươi năm, đã bao lần chị mơ thấy chốn này. Khu nhà lồng chợ cổ tấp nập người ra vào. Mấy bà bán rau, bán cá ngồi ở bên ngoài chợ, sát bờ sông. Dãy hàng quán đầy nghẹt trên đường lúc nào cũng đông đúc kẻ bán, người mua. Và còn nữa, khu công viên với những hàng ghế đá và con đường nhỏ rập rờn hàng liễu rũ dọc bờ sông, những sớm mai ghe xuồng về mang theo từng hơi thở của vùng quê xa với cam, quýt, bưởi, xoài mùa nào thức ấy... Chừng tỉnh giấc, mênh mông là buồn!

Giờ thì đúng là chị đang đi ở quê nhà, trên bến sông tràn trề không khí Tết. Trước mắt chị khu chợ xưa đang là một rừng hoa rực rỡ sắc màu. Những ghe xuống liên tục cập bến cũng đầy ắp các loại hoa khiến bến sông đã thành một "Bến sông hoa" muôn màu, muôn sắc.

Chị chủ ý về quê trước Tết chính là vì cái chợ hoa ngày Tết này đây. Bởi chị biết, mới 23 đưa ông Táo thôi, khu chợ hoa đã bắt đầu mở ra rồi. Từ các làng quê xa hay vùng ngoại thành, những ngày này hoa sẽ về phố thị rất sớm như tín hiệu báo tin xuân. Mấy hôm nay chiều nào chị cũng xuống đây, lướt qua từng lô bán hoa để ngắm nhìn, để kiếm tìm chút sắc màu xưa. Ở một vài chỗ, thấy chị đứng nhìn chăm chú, nhiều người cứ mời chào:

- Cô mua hoa gì vậy cô? Em lựa cho cô cặp cúc cao giậu nghe!

Giọng cô bán hoa khiến chị giật mình:

- Không, cô coi thôi, mai mốt cô mới mua.

Chị lại đi thật chậm qua mấy hàng hoa. Có lúc mắt như nhòa đi bởi kí ức dâng trào. Nhắm mắt lại, mọi thứ như mới hôm qua. Cô gái nhỏ luồn lách giữa rừng hoa, tung tăng chân sáo chỏ mắt vào mọi thứ. Những phiên chợ Tết chính là mùa xuân đang rạo rực, là mắt sáng môi hồng thiếu nữ, là nụ cười cô muốn gởi tới mọi người. Vui là vui quá đi! Lòng cô reo vui, cất lên tiếng hát như vậy. Và, ở một hàng hoa phía cuối chợ kia, có người đang chờ cô, bảo sao cô không nôn nao!

Tết năm nào cô cũng tạt vào ngồi bán hoa cùng cậu bạn cùng lớp. Hai đứa thân nhau từ lớp 6, lớp 7. Nhà cậu bạn ở miệt Bình Thủy chuyên nghề trồng hoa kiểng nên Tết nào cậu bạn cũng ra tiếp cha bán hoa. Hai cô cậu cứ ngồi đó từ lúc bắt đầu có phiên chợ đêm đến lúc chợ tàn. Cô lại tiếp bạn dọn từng chậu hoa còn lại xuống ghe, đứng trên bến sông nhìn những xuồng hoa tỏa ra từng cánh, từng cánh về hướng những kinh rạch xa rồi mới về nhà. Trong lòng cô gái nhỏ, Tết xưa thường bắt đầu như thế. Vậy mà đã ba hôm nay, hôm nào chị cũng đi dọc con đường này mà không thấy bóng người xưa. Mấy khu chợ hoa mới trên đường bờ kè trên kia chị cũng đi lại nhiều lần, lô hoa quen thuộc đã hoàn toàn mất dấu. Cứ thấy lô nào chưng đầy cúc vàng, mai vàng là chị sà vào, nhìn quanh quất, tưởng như cậu bạn đang núp đâu đó chỉ một lát sẽ ló mặt ra thôi. Rồi chị tự cười mình. Mình tưởng tượng nhiều quá rồi, làm gì có người mấy mươi năm còn bám theo nghề! Nhìn mấy chậu cúc coi, cũng đâu phải là hoa cúc vàng ngày cũ. Cái giống cúc ta thanh mảnh, bông nhỏ nhắn mềm mại như cỏ kia đi hết chợ hoa có còn thấy nữa đâu! Giờ người ta trồng cúc đại đóa, cúc Tây cúc Mỹ gì đó, cánh xòe to rực rỡ, cứng cáp hơn nhiều. Giống như những cội mai vàng đầy chợ kia, bông nào cũng cả chục cánh, lớp lớp như hoa hồng, Còn những bông mai năm cánh nép mình trong một góc sao giống cô gái quê thẹn thùng ra phố thị thế kia. Ôi cúc mai xưa, những loài hoa thân thiết của mình có phải từ lâu rồi đã bị lãng quên?

***

Sáng sớm chị đưa con gái vào chợ nổi. Con bé lần đầu về nước thấy gì cũng lạ cũng hỏi. Chợ

hoa bên bến sông ngoài Thành phố đã làm nó thích mê. Giống như mẹ nó ngày xưa. Tiếc là con bé chưa được hưởng cái thú của người mua kẻ bán trên sông nên chị đưa nó vào đây cho nó thấy vẻ đẹp của sông nước quê nhà.

- Mẹ ơi, sao gọi đây là chợ nổi hả mẹ?

- Thì chợ họp tan trên sông đó con. Do trước đây không có đường bộ nên những ghe thương hồ, những xuồng chở hàng hóa, trái cây, khoai củ gì cũng bám theo đường sông để mua bán. Lâu ngày chỗ nào tập họp đông đúc thì thành chợ.

- Chắc lâu lắm rồi phải không?

- Ừ, gần trăm năm rồi. Giờ đường bộ mở đầy, chợ không sung như xưa nữa, chỉ các ghe xuồng từ mấy con rạch gần đây mới còn đổ ra thôi.

Nhìn con bé gật gù ra vẻ tiếc nuối chị vừa muốn mĩm cười lại vừa rưng rưng. Mười bảy tuổi, con bé đã có chút vốn liếng nào về quê hương xứ sở đâu. Không như chị, cái cô bé lần đầu theo bà chở trái cây ra đây, mê tít trước mấy tấm ván bắc từ ghe này qua ghe kia giữa một rừng ghe xuồng đen nghẹt, mấy người đi ghe bước nhanh thoăn thoắt trên chiếc cầu ván đó để lên bờ. Còn nữa, những màn tung hứng nào dưa hấu, nào cam bưởi, bí bầu trên các ghe cũng khiến cô bé nhìn không chớp mắt. Ừ, lâu lắm rồi, may mà khu chợ nổi xưa vẫn còn đó dẫu có dập dềnh chìm nổi theo nước lớn nước ròng để đứa con gái thơ ngây của chị còn thấy lại chút nét đẹp của quê nhà. Dòng suy nghĩ chợt đứt đoạn bởi tiếng reo :

- Coi kìa mẹ, mấy chiếc ghe này sao cột mấy trái bí, trái khóm trên cây sào trước mũi vậy?

- À, cây đó là cây bẹo đó con. Đây là nét đặc biệt của chợ nổi xưa giờ. Hễ trong ghe bán gì là người ta treo thứ đó lên đầu ghe. Bẹo hình, bẹo dạng cho mọi người thấy đó mà.

May mà đứa con gái lớn lên trên đất khách của chị vốn yêu thích tiếng mẹ đẻ và rất ham đọc sách Việt nên có thể hiểu được ý nghĩa câu nói của mẹ. Sự thích thú của nó trước mấy cây bẹo làm chị nghe ấm lòng. Cũng có thể vì ánh nắng đang lấp loáng vở sao trên mặt sông kia đang :bẹo" ra trước mắt chị sự kì diệu của mùa xuân quê nhà, một mùa xuân không còn là hình ảnh mộng mị trong giấc ngủ đêm đêm...

***

Hôm nay ngày 29 Tết. Đây là ngày áp cuối của chợ Tết mỗi năm. Vậy là tối mai đã là giao thừa, thời khắc giao thoa giữa năm cũ, năm mới. Nhiều lô, nhiều sạp hết hàng đã rục rịch dọn hàng về quê, chuẩn bị cúng ông bà. Những lô ế hàng còn bám lại cố bán cho đến trưa mai hoặc xế chiều một chút rồi cũng lui ghe. Đi qua các phố, không khí Tết trong mỗi nhà đã nồng đượm, ấm sực. Không cần nhìn cũng biết những mâm ngủ quả đã được bày biện, những món ăn truyền thống đang được nấu nướng khẩn trương để kịp dọn lên bàn thờ mỗi nhà. Vừa đi, chị vừa nhớ lời má chị ngày nào:

- Ở quê, bà con mình chờ nước lớn mới cúng rước ông bà về cho nên có khi cúng buổi chiều. Nhà mình ở chợ cứ cúng buổi sáng cho sớm sủa.

Má chị còn nhắc đi nhắc lại:

- Cúng sớm sẽ rước được ông bà tốt. Cúng trễ quá người ta rước hết chỉ còn ông bà xấu thôi.

Mỗi lần nhớ lại chị cứ tủm tỉm cười hoài. Giờ sao bỗng rưng rưng. Má mất lâu rồi, có đứa nào còn nhớ rước ông bà cho "sớm sủa" không?

Dù sao chị cũng muốn nhìn lại khu chợ ở thời khắc năm cùng tháng tận này. Người ta nói, chợ chiều nay và sáng mai là chợ của nhà nghèo bởi nhiều người tới giờ chót mới kiếm được ít tiền ra mua con cá, miếng thịt bán rẻ mang về, cúng kiếng chút lòng thành lên ông bà.

Ở khu chợ hoa trên bến sông, lác đác đã có lô dọn hàng xuống ghe chở về nhưng người mua vẫn còn khá đông. Chị biết những lúc này hoa cũng hạ giá dữ lắm. Nhiều chậu hoa nếu không bán xổ thì cũng bỏ thôi mà.

Đang đi chị bỗng dừng lại trước một cội mai vàng, không, một gốc lão mai mới đúng. Chị sững người, thảng thốt. Trời, sao mà duyên dáng, rực rỡ thế kia! Cành nhánh thanh mảnh như những cánh tay vươn lên trời xanh, gốc to sần sùi trồi lên như suối lượn, vừa ẻo lả lại vừa gân guốc. Đẹp nhất vẫn là những đóa hoa mai năm cánh, chỉ nở rải rác trên cành nhưng cứ lung linh, chấp chới như những cánh bướm rực vàng trong nắng. Lòng lâng lâng như gặp lại cố nhân, chị nhìn quanh quất. Người bán hoa đâu rồi? sao mấy hôm nay chị không thấy chỗ này?

- Mua hoa gì vậy cô ơi?

Như một giấc mơ, ông chủ vườn vừa đi ra chẳng phải là cậu bạn cũ đó sao?

- Phải anh đó không?

Người bán hoa cũng khựng lại:

- Ôi, em về hồi nào?

Mọi thứ chung quanh như mờ đi. Im phăng phắc. Như cuộn chỉ quay ngược, thời gian cũng đang quay lại, quay lại...

Hai người cứ ngồi đó, trong gian hàng hoa, như ngày xưa. Anh cho biết anh mới chở hoa xuống đây hôm qua vì ông bạn hàng xóm bán hết hoa nhường lại chỗ. Thời gian sau này ít hoa, anh chỉ bỏ mối ở nhà thôi,

- Xuống chợ bán cho vui. Cũng là tìm chút không khí xưa vậy mà.

Chị gật đầu. Ừ, không khí xưa...chị hiểu mà. Tâm hồn chị cũng đang bay bổng, ngập tràn không khí ấy, bất chấp mấy mươi năm trôi qua, bất chấp bao nhiêu điều đã xảy ra giữa hai người.

Nói đủ thứ chuyện, anh chợt chỉ gốc mai già, mắt lấp lánh niềm vui:

- Em thấy gốc mai kia không? Gốc mai em từng thấy trong nhà anh trước đây đó. Hơn ba chục năm rồi, anh chăm sóc kỹ lắm. Đem ra chưng chơi chứ không bán đâu.

Vậy là anh vẫn nhớ. Những đóa hoa năm cánh lại chấp chới, rưng rưng trong mắt chị, mai vàng năm cũ vẫn còn đây, thân thiết quen thuộc như bạn xưa vừa gặp lại.

Đêm cuối cùng của phiên chợ Tết, người phụ nữ trở về từ nửa vòng trái đất lại thấy mình như cô bé năm xưa, ngồi bán hoa cùng cậu bạn chốn quê nhà. Ngồi im lặng bên nhau giữa một rừng hoa Tết, hai mái đầu điểm bạc tận hưởng sự ấm nồng của tình bạn, của không khí mùa xuân rộn ràng chung quanh...

Và, người phụ nữ ấy biết rằng sáng sớm mai, chị sẽ lại giúp bạn đưa những chậu hoa còn lại xuống ghe, tách bến về con rạch xa tít. Cuộc chia tay có chút bịn rịn, luyến lưu nhưng chị sẽ không buồn. Bởi chị tin họ sẽ còn gặp lại nhau, những mùa xuân phía trước...

NGUYỄN NGỌC TUYẾT



Tho

XUÂN BỐI RỐI

DUY TOÀN

Ô kìa! Khắp chốn nắng ươm tơ
Chớ nghĩ lòng ai lắm hững hờ
Tám hướng trần gian hoa hé nụ
Mười phương thê giời trẻ say mơ
Tha hương vó mộng in đường cũ
Cố quận ai còn nhớ bạn thơ
Tóc bạc lòng buôn như thiêu nữ
Xuân về bối rối mắt nhung tơ.

Xuân 2011

DUY TOÀN



truyện ngắn

TỪ CÕI AN NHIÊN

ĐẶNG ĐÌNH TÚY

(Vào một ngày không mưa không gió, cũng không mặt trời rực rỡ, hai danh sĩ nam hà, chán chường vì những bó buộc ngạt hơi của xã hội bèn bắt chước tiền nhân rủ nhau vào rừng sống đời riêng lẻ. Họ nhắm hướng mặt trời lặn, tiến lên. Sau nhiều ngày mải miết chốn rừng sâu, họ lạc vào cõi ấy...)

1.

Hai người băng qua những triền cỏ lồng lộng gió lành, gùi trên vai những đụn mây trắng cùng sương trinh. Ánh mặt trời len từ các khe núi tỏa ra ngàn tia sáng mầu ngũ sắc. Cỏ ướt đẫm dưới chân. Những mầm cây non như những ngón tay mỹ nữ vươn dài cuốn quanh, nâng niu từng chùm hoa dại mầu vàng rừng rực, mầu đỏ ôi ối, tím biêng biếc đại dương, xanh lung linh cẩm thạch, trắng nõn nà mã não. Giọng muôn loài chim tình tự được gió mang đi xa rồi kéo gần lại hòa với tiếng nước róc rách dưới lòng suối, tiếng reo lanh lảnh của mọi giống côn trùng vô ưu.

Qua một khúc quành, thấy trên tảng đá trắng phẳng lì đã bày sẵn vài chiếc ghế, một bộ bàn thấp, có trà, có bầu rượu, có thiệp giấy, có nghiên mực, bên nghiên đã sẵn vài cây bút lông hình tháp, thỏi mực đen óng gác ngang. Cao hứng, Trần muốn dừng, quay lại bảo bạn:

- *Đệ không nghĩ rằng chúng ta đã đi khá xa rồi ư? - Huynh mệt?* Nguyễn cười. Trong giọng cười nghe ra có chút chế nhạo mà kẻ đứng tuổi như Trần có thể cảm nhận được.

- *Ta chỉ ngại đến một chặng nào đó lại quên khuấy đường về...*

Người trẻ tuổi vội chắp hai tay nâng ngang mày, nghiêm giọng:

- *Đệ chỉ đùa huynh một chút, xin đừng cố chấp. Gia dĩ, đệ cũng muốn nhân đây biện bạch cùng huynh đôi điều.*

- *Anh em ta nhờ duyên trời đưa đẩy, cùng nhau một buổi lạc bước chốn này, có mây có nước hữu tình, có hoa có cỏ bốn mùa tươi tốt, thần trí tinh anh không bợn dục, thân xác sảng khoái không hề yếu đau, há chẳng là chuyộn thiên kỳ hạnh ngộ sao?*

- *Chẳng dấu gì huynh, mấy bận gần đây lòng đệ đâm hoang mang, đôi lúc chạnh lòng tưởng về chốn cũ, lòng tự hỏi lòng phải chăng kiếp nhân sinh và hạnh phúc là hai điều không bao giờ chịu đồng hành. Những người như huynh lý trí linh mẫn, tình cảm quang minh, suy việc xử việc bao giờ cũng rõ ràng dứt khoác nhưng đệ đây là đứa* Ểđi trong sân mà nghĩ chuyện trên trờiỂ., Ểthấy mưa nơi này lại nhớ mưa xaỂ. *nên suốt đời chẳng bao giờ biết bằng lòng về điều đang có...Hồi thơ ấu đọc thầy Trang, khi nghe thầy khai tâm về cuộc nhân sinh bảo rằng lộc trời có hạn như con khỉ kia muốn vơ trọn số chuối mà không biết rằng nếu sớm nó ăn đi ba quả thì chiều sẽ còn ăn được bốn, nhưng nếu nó ngốn trọn buổi sớm thì chiều đành nhịn, bởi lộc dành riêng đã cạn. Anh em ta lâu nay không hề tính bốn tính ba, đã bao nhiêu ngày chỉ hưởng mà không cần để dành, chỉ biết có lạc mà chẳng bận ưu tư, ngày là hội vui, đêm là ân sủng... Dám hỏi huynh, huynh có bao giờ tính nhẩm khoảng ngày tháng anh em ta từng ngụ chốn này?*

- *Ngày còn bé có lần ra câu cá bên sông, nhìn thấy chiếc thuyền không người buộc vào cây cọc ven bờ ta nhận ra cọc gãy ở phần chìm dưới nước, đâm lo lắng nên đã cởi quần áo lặn xuống tìm xem tại sao cọc gãy, sợ rằng có lúc không ghìm nổi cơn sóng dữ e thuyền có thể trôi đi chăng? Nhưng không, khi ta xuống đáy nước bơi đến gần đưa tay sờ thử mới hay rằng cọc vẫn suông vẫn vững, không hề gãy gập như ta tưởng. Nhân đấy ta suy ra rằng mọi hiện tượng nhận thức qua*

cảm quan ta tùy thuộc hoàn toàn vào nơi chốn và khoảng cách. Làm sao có thể lấy thước đo vẫn dùng nơi trần thế để sánh độ dài độ rộng ở chốn thiên cung?

- Huynh quả là bậc thức giả nhìn xa thấy rộng, còn đệ có mắt mà không biết nhìn, có trí mà chẳng xét được thực hư đen trắng. Nhưng trộm nghĩ, kẻ trí giả nhiều khi mãi bận suy tư mà không lị đến cuộc sống thực, chỉ ham đuổi theo ý nghĩa cao xa, còng lưng mỏi mắt với nghìn trang sách thánh nhân mà quên bẵng cuốn sách hai trang của cuộc sống thực...

Trần nghe chưa dứt lời bạn đã cười ngất:

-Ta hiểu. Ta hiểu. Từ chỗ hoang mang ngươi nói lúc nãy đến trang sách mở đôi bây giờ, ta thấy ngươi quả đã đánh mất chất tự tại an nhiên mà cổ nhân đã dạy. Theo thiển ý, mọi giáo điều mà chúng ta thu nhận, có lẽ cĩi có điều đó là đáng cho ta giữ lại trong bất kỳ tình huống nào. Ta đã giải bày cùng đệ rồi đấy thôi. Triết lý nẩy sinh từ một hoàn cảnh, trước nhất đưa ra những nhận định về hoàn cảnh mà ta đang bị giam hãm, và sau nữa, đề nghị những giải pháp hầu vượt thoát những trói buộc của hoàn cảnh đó. Vì vậy triết lý không thể là chân lý của muôn thuở, khác với khoa học, dù trên rừng thiêng hay giữa sa mạc, nguyên lý khoa học luôn luôn được nghiệm đúng. Vả chăng cuốn sách hai trang mà đệ vừa đề cập nào đâu có thiếu nơi này? Cái khác nhau chỉ là tính chất vô thường dưới đó và sự thường hằng nơi đây đấy thôi...

- Như vậy nguyên tắc dịch lý cũng chẳng ứng nghiệm? Nếu không thì một đa tắc hoặc sẽ có lúc phải đến chăng?

- Không có thiểu tắc đắc thì làm sao đa tắc hoặc được?

Nguyễn bàng hoàng đứng lên, bước từng bước ngắn, phân vân. Người lớn tuổi ngồi yên đăm đăm theo dõi thái độ bạn. Chiếc bóng trước mặt nhỏ dần và rồi khuất hẳn sau triền dốc xuôi về bãi cát mênh mông nơi đó những con sóng mình xanh thẫm đầu bạc trắng nhấp nhô trửng giỡn đuổi nhau không mệt trong ánh sáng vàng hổ phách.

Chàng chậm bước trên làn cát trắng. Mặt trăng tròn (ở đây trăng không bao giờ khuyết) vừa nhô khỏi tầm nước biển rải ánh vàng mát rượi trên vạn vật như trải lên đó một tấm lụa mỏng. Nàng Quỳnh Tiên cùng bầy mỹ nữ vừa tắm xong tươi cười ùa đến đón chàng. Họ trải chiếu hoa, buông màn dựng cột, chỉ trong thoáng chốc đã dựng lên quanh Nguyễn một thế giới hoa đèn nhã nhạc. Bọn mỹ nữ kẻ dạo đàn người múa hát, đuốc hoa muôn màu, trầm hương ngan ngát nhưng Nguyễn uể oải chẳng buồn để ý đến quang cảnh chung quanh. Nàng Quỳnh nhìn người bạn tình, dò hỏi:

- Hình như hôm nay chàng có điều bận tâm?

- Không, ta chỉ muốn được yên tĩnh một lát...

- Vậy chàng hãy nằm xuống đây, lấy cánh tay thiếp làm gối... Và nàng vỗ nhẹ ra hiệu cho bọn mỹ nữ lui ra.

2.

Trời cao và gió sững. Loại cỏ khô có gai mọc thành chùm dày đặc; rõ ràng là giống cây sống ở những vùng đất khô cằn thiếu nước, chúng chằng chịt, trì riết, vừa bấu víu vừa cưa cắt châm chích lẫn nhau nhưng vẫn tựa vẫn bám vào nhau mà sống. Có thể chúng là một biểu tượng nào đó mà lão già có linh cảm sẽ phát giác ra sau này. Ký ức là lối mòn đã bị loại cỏ ấy phủ kín nhưng cứ mỗi bước tiến lên thì lối cũ lại hiện ra, ngắn thôi, từng chặn nhỏ như trêu chọc như gọi mời. Có những lúc tưởng chừng như kẹt cứng, tưởng chừng chấm dứt, tưởng chừng cánh cửa quá khứ đã rỉ sét, đã hoàn toàn khóa cứng đóng chặt nhưng rồi bàn chân lưỡng lự vẫn đặt đúng hướng đúng chỗ, tuồng như bàn chân ấy có lõi sắt bị cuốn hút bởi khối nam châm vô hình đâu đó. Những trang sách cũ cứ tuần tự được lật ra kể lễ nỗi niêm. Cơn mộng du kéo dài, lão không làm chủ được mình nữa. Cũng hợp lý thôi: tuổi tác chất chồng không biết đã bao nhiêu không lẽ không ảnh hưởng gì đến tấm thể xác phàm tục chứa toàn những uế vật? Chỉ đến bây giờ lão mới biết ra điều này. Ở trên ấy lão không hề nhận thức được, có lẽ vì trong môi trường không trọng lực, vật chất không hề bị biến thể chăng? Khối lượng da thịt bổng chốc bị rút mất chất tươi bắt đầu bóp thắt lấy nắm xương lão như hàng chục lớp vỏ khô se siết chặt vào lõi cây. Lão bước chậm dần, mỗi bước đi là một phần chất sống hao hụt. Nhưng trong tâm tư lão, một quá khứ chết lại đang lần hồi phục

sinh. Lão đặt những bước chân cuối đến hàng thứ bảy của dãy mộ dài, đưa mắt tìm tấm bia xi-măng mà bố của lão đã ghi vội vàng mấy hàng bằng hán tự đánh dấu thân xác người vợ vùi dưới ấy: *Tuy lý vương phòng Công tôn nữ Nguyễn Phước Băng Tâm chi mộ.* Tuy ngày ấy lão còn bé tí nhưng đã biết lo sợ sự mai một phũ phàng của thời gian, mỗi lần có dịp tảo mộ mẹ lại lấy mũi thép nhọn đào sâu thêm hàng chữ ngòng ngoèo. Lão già nhấp nháy mắt, hoang mang không hiểu có phải vì mình không còn khả năng truy cập hay mắt mình đã lòa, ký ức đã nhập nhằng. Rõ ràng là ngôi mộ ở hàng thứ bảy. Rõ ràng là nơi lão đứng nếu nhìn về phía bắc ngọn núi cô đơn mũi nhọn chỉ thẳng vào vị trí ngôi mộ, và về phía nam, ngọn tháp nhiều tầng của ngôi chùa nổi tiếng còn sừng sững đấy tuy sứt mẻ nhưng vẫn kiêu hãnh vương mình như chứng nhân không mệt mỏi của cuộc bể dâu. Nhưng bây giờ ngôi mộ ở hàng thứ bảy ấy mang tấm bia có hình ngôi sao năm cánh, bên dưới ghi tên *Thượng úy Lại văn Đỗi, quê Tiền hải, Thái bình, đã hy sinh vì Tổ quốc tháng ba năm Mậu thân 1968.* Như thế nghĩa là sao? Có ai trả lời được cho lão không? Chắc là không. Hôm mới đến lão sực nhớ một người bạn cũ, tìm đến nhà gọi cổng, thấy kẻ trung niên ra chào, khi hỏi tin về người bạn thì kẻ kia đáp đấy là ông nội hắn, đã mất từ hai mươi năm trước.

Thời gian gột rửa mọi dấu vết cũ chỉ để lại dáng dấp của một nòi giống qua màu da vàng và thứ ngôn ngữ lão còn nghe hiểu được. Nơi đây đối với lão, có chắc còn tên là quê hương? Những kẻ chung quanh có còn gọi được là đồng bào? Kiệt sức, lão nằm dài bên nấm mộ, thiếp đi. Khi thức dậy mặt trời đã khuất núi, màu hoàng hôn đã phủ lên bãi tha ma, một con chim đêm bay qua kêu lên tiếng não nuột, lão già lồm cồm bò dậy, ra khỏi nghĩa trang tìm về quán trọ. Trong bữa ăn tối, chủ quán tò mò bắt chuyện chắc vì thấy lão kỳ quặc khác người. Anh ta cảnh cáo: *Bác tính ở lại đây bao lâu? Nếu quá ba tháng thì phải đến trình diện nhà chức trách và xin gia hạn giấy chiếu khán đấy.* Thì ra lão đang tự tình nguyện đưa tay vào chiếc khóa xã hội mà chìa khóa thì được cầm giữ bởi những ông anh lớn. Lão cũng đã quen với lối sống ngày dài tháng rộng nên không ngờ rằng thời gian nơi đây tính bằng hai mươi bốn tiếng đồng hồ ngựa chạy qua cửa sổ. Con người vốn thích nghi dễ dàng với buông thả hơn là với bó buộc! Trở lại khuôn khổ sau lúc sổ lồng ta cảm thấy khó khăn làm sao. Nhưng nỗi vướng bận tâm trí lão giờ này không phải là chuyện đó: *Này ông chủ, tôi hỏi khí không phải xin ông bỏ qua cho, nhưng mục đích tôi về đây là để tìm mộ mẹ tôi... Chiều nay tôi ra nghĩa trang nhưng tìm mãi không ra. Liệu có phải người ta đã cải táng chăng?*

Chủ quán chau mày rồi bỗng đổi thái độ chế diễu: Mộ mẹ của bác? Chắc là bà cụ mất đã lâu lắm? - Từ năm 1952 . Hắn a lên một tiếng: *Bác có biết một triết gia trẻ Tây phương đã nói rằng so với những đột biến ngày nay, thế kỷ chúng ta chỉ nên tính bằng mười năm? Bác ạ, nếu bác chấp nhận lối suy nghĩ của triết gia nọ, chúng ta đã trải qua gần năm thế kỷ kể từ ngày bà cụ mất. Nếu lấy điểm bắt đầu của văn minh Thiên chúa giáo, chúng ta mới trải qua có hơn hai mươi thế kỷ, còn nếu cộng chung với các nền văn minh xưa như văn minh Trung Hoa chẳng hạn cũng chỉ mon men đạt quá năm mươi!... Với năm thế kỷ của bác bước đường đã bao nhiêu xa!* Không thèm để ý đến lối ngụy biện của chủ quán, mãi băn khoăn đến nấm mộ của người mẹ thân yêu, lão già lẩm bẩm như chỉ muốn nói với chính mình: *Sống gửi thác về; kẻ đã khuất về đâu nếu không có một mái nhà nhất định?* Chủ quán làm như đọc được ý nghĩ lão: *Thời này, thời toàn cầu hóa, đâu chẳng thể là nhà, đâu chẳng là quê hương. Riêng chung chỉ là việc tương đối. Ngày xưa người ta bất mãn vì sự riêng tư nên tìm cách cộng sinh. Cộng sinh thất bại, giờ này người ta đang trở về cùng cái riêng tư đó bác không thấy sao?"* Chủ quán đắc ý vì lối nói bóng bẩy của mình, ngửa cổ cười khan, bỏ lão già ngồi một mình trầm ngâm.

Liên tiếp nhiều ngày sau đó nếu không lần ra nghĩa trang thì lão xuống thị trấn; nếu không ra sức tìm lại mộ mẹ thì lại thăm hỏi tung tích những kẻ thân sơ mà lão hy vọng còn sống sót. Nhưng mọi dò hỏi đều dẫn tới ngõ cụt và mọi kể lể của lão được đón nhận bằng thái độ chế diễu. Lão là kẻ cuồng nhân giữa giòng sống chụp giựt rộn ràng vô nghĩa. Nhà họ Nguyễn không còn trên mảnh đất này, nghĩa trang làng Dương xuân thượng đã bị xóa dấu. Và mùa mưa tháng sáu của thành phố bắt đầu. Nhưng tại sao phải nói tới mùa mưa tháng sáu của thành phố? Là bởi vì thuở hàn vi, mỗi lần trời mưa buổi chiều, những cơn mưa giông xối xả trên những mái tôn xóm ngoại ô, còn là một anh thư sinh nghèo xác lão chịu đựng những cơn dằn vặt không nguôi; đến khi làm kẻ chinh phu lão cũng có dịp trở lại con đường bụi-đỏ-ngày-hè, lầy-lội-khi-mưa đó để mình tự hỏi mình *biết ai còn thương ai hoài mà giọt mưa vẫn rơi rơi đều cho lòng nhớ aiỂ...* Xẩm tối hôm ấy, lão trả tiền

phòng trọ, mang gói ra đi. Không ai thèm để tâm đến lão già một buổi đến trọ trừ người chủ quán trầm ngâm nhìn theo.

Nhật báo *Sông Hương* sáng hôm sau đăng tin trên Hải Vân quan có người nhảy xuống đèo tự tử nhưng xác chưa tìm được.

3.

Nguyễn mở mắt thấy người bạn vong niên đang ngồi cạnh. Cả người đẫm mồ hôi, chàng gắng nở nụ cười buồn cáo lỗi: *Chỉ là cơn mơ mà phải bận lòng huynh ưu lự.* Người lớn tuổi khoác tay: *Đệ hãy còn yếu, nên nằm yên nghỉ ngơi. Ta còn nhiều thì giờ trò chuyện, chớ có vội vàng... -Không đâu huynh ạ, em thấy hoàn toàn khỏe khoắn, nếu tâm hồn chưa yên tỉnh chỉ tại nỗi ám ảnh dữ dội của cơn ác mộng vừa quaỂ* Chàng toan gượng chống tay ngồi dậy nhưng Trần đã nhanh tay ấn chàng nằm lại và dứt khoát đứng lên từ giã, cốt để người bạn trẻ đủ thời giờ tỉnh dưỡng ...

Tự buổi ban sơ, khi tạo hóa bày ra kế hoạch A để tạo dựng nên trần gian, đã đặt căn bản trên hai nguyên lý sau đây: *cộng đồng phát triển và cộng đồng hủy diệt.* Vạn vật sẽ cùng nhau chen lấn để được có mặt (một cách hữu ích, nhiều khi không vì *hữu ích cho chính chủ thể* mà cho tập thể chung quanh nó ; do đó có những sinh vật có lý trí như con người chẳng hạn sẽ đặt câu hỏi về ý nghĩa của sự có mặt của nó nhưng vì quá ích kỷ nên nó không thể nào hiểu thấu rằng đôi khi sự hiện diện của nó không ích lợi gì cho chính nó nhưng cho cộng đồng ; điều đó phát sinh toan tính tự chấm dứt đời sống Ố đấy là một sai lâm quan trọng của tạo hóa : lẽ ra không nên *phú* cho con người nết ích kỷ !) trong một giai thì và rồi sau đó mất hút đi, tất cả theo một chu kỳ được chi phối công minh, hài hòa nhờ sự ngự trị bất khả nhượng chấp của nhị nguyên tính bao trùm trên tất cả mọi phạm trù của cuộc sống. Nguyên ủy, khoảng năm trăm năm mươi triệu cây số vuông không gian ấy còn hoang sơ, vấn đề tranh chấp không hề được đặt ra. Nhưng chỉ vì tham vọng vô độ của con người đã phá vỡ mất chu kỳ sinh hóa nơi vạn vật. Nhận ra nguy cơ, tạo hóa vội vàng thực thi kế hoạch B dù chưa được hoàn bị. Kế hoạch sau này không dựa trên nguyên tắc biện chứng bởi lẽ thế giới thứ hai không dựa trên nguyên lý động mà là nguyên lý tĩnh, không sinh không diệt. Có những kẻ chưa hề biết *thế giới trên này* đã tưởng tượng rằng có loại cây trường sinh sinh ra quả trường sinh và người ăn vào sẽ sống mãi mãi. Sai, đấy là chuyện hoàn toàn bịa đặt. Không có âm dương thì làm gì sinh sản được? Tất cả mọi giống mẫu ở đây đều được mang từ dưới ấy lên và khi đến đây mọi biến hóa ngừng lại: cây có sẵn hoa, hoa ấy không tàn, sinh vật gửi tới đang trên đà phát triển thì không phát triển thêm gì nữa nên cứ tươi tắn mơn mởn. Những con người đã trưởng thành một khi đến đây vì còn sót lại chút kinh nghiệm nhân gian nên họ tiếp tục sinh hoạt như hồi còn dưới ấy (kể cả sinh hoạt tình dục) nhưng không đưa tới một kết quả nào vì nguyên tắc sinh diệt hoàn toàn bị biến thể. Một điều quan trọng khác cũng nên nhấn mạnh để đánh tan những hiểu biết sai lầm: chúng ta tưởng rằng những kẻ sống trên này là được chọn lựa nhờ lối xử sự tốt đẹp đối với đồng loại và việc lên đến đây như là phần thưởng họ nhận được của đấng quyền năng. Không, tạo hóa không xây dựng thế gian trên căn bản *luân lý* mà trên căn bản *hợp lý* ...

Hai người bạn lại sánh vai dạo chơi bên nhau. Hai cụ già, một này còn thong dong quắc thước, còn một kia đã ra chiều đuối sức; kẻ quắc thước là Trần, người yếu đuối là Nguyễn.

- Bây giờ ngươi đã rõ rằng ngươi không trải qua một cơn mộng?

Nguyễn cười e thẹn:

- Lại một lần nữa huynh tỏ ra hơn đời. Tại sao đệ không nhận ra điều đó nhỉ? Nhưng huynh ạ, nhờ chuyến phiêu lưu vừa rồi mà đệ khám phá ra rằng dù ở đây chúng ta vẫn chưa thoát khỏi những ràng buộc của một sinh vật. Chẳng qua chỉ là một sự chọn lựa giữa hai điều kiện tuy khác nhau nhưng đều khắc nghiệt không kém. Một bên lấy mong manh làm nguyên tắc; bên kia dùng bất biến như một định đề. Đệ không biết phải chọn lựa thế nào đây. Vả lại trong tình cảnh chúng ta, sự chọn lựa không được đặt ra nữa. Lúc kẻ hèn này lần lên Hải vân quan đã tưởng rằng mình còn được phép chọn lựa dù là cách chọn lựa của đứa cùng quẫn. Bên tai đệ còn văng vẳng lời thầy Trang: Trời đất ký thác cho ta hình thể, dùng sinh mệnh làm ta mệt nhọc, dùng già lão để dạy ta an dật, dùng cái chết giúp ta nghỉ ngơi. Huynh đã dạy rồi mà đệ vẫn quên rằng triết lý là kết quả của những suy nghĩ về một hoàn cảnh mà không là một giải đáp phổ quát. Và điều này nữa cũng

quan trọng không kém: ở trần gian nhận thấy tính vô thường của vạn vật, người ta tưởng chừng một khi đảo ngược được tính chất này là đạt hạnh phúc; họ đâu biết hạnh phúc được cảm nhận chính nhờ chỗ mong manh ấy.

Trần phụ họa:

- Hơn nữa hạnh phúc không phải là **trạng thái** *mà chỉ là* **ý niệm.** *Suy cho cùng,* (Trần cười chua chát) *nếu chúng ta có khả năng sống thuần bằng ý niệm thì nơi nào ta cũng có thể sống được, có cần chi phải chọn lựa nơi này nơi khác? Cho nên người bôn ba tìm vào ảo mộng còn ta... Ông bỏ lững câu nói, đăm chiêu.*

- Đệ không rõ đến năm 2000 trời đất có sập không, nhân loại có bị tận diệt không như niềm tin của một số người, nhưng nếu có âu cũng là điều tốt vì tạo hóa sẽ xóa bàn làm lại bởi chính tạo hóa đã tạo ra con người, đã trao cho hắn quá nhiều quyền năng đến độ thay vì sống yên ấm cùng nhau, chúng đã sanh sát nhau và tự làm hại ngay cho bản thân chúng nhiều quá. Ngược lại, nếu cuối thế kỷ hai mươi quả đất còn nguyên vẹn, may ra con người sẽ cải thiện dần được đời sống của chúng. Người ta nói rất nhiều đến những tiến bộ kỷ thuật nhưng người ta không nói đến sự tiến bộ về tư tưởng. Bước tiến của loài người ở thế kỷ thứ 19 là chủ nghĩa Mác-xít, rồi cuối cùng cũng là một chủ nghĩa nhân bản không tưởng. Có sao đâu, một lần ngã là bao lần bót dại, nói như ông Tố Hữu. Còn chủ thuyết dân chủ? Túc-cơ-viên (1) và cách mạng 1789 của Pháp đã mở đường cho những cải cách mà có thể ngay chính kẻ khai sinh ra chúng cũng không tưởng tượng nổi những biến thái to rộng sau này. Bắt nguồn bằng cuộc tranh đấu cho quyền sống, con người phá bỏ chế độ nô lệ, chế độ nông nô, chế độ phong kiến, chế độ thực dân, chế độ phát xít và những chế độ vô nhân khác mà với bản chất hung dữ con người còn tiếp tục tạo tác trong mai sau. Họ vẫn tiếp tục, và họ còn tiếp tục. Riêng chúng ta, chúng ta chọn lựa một hình thức đấu tranh thụ động là sự vượt thoát, sự lìa bỏ. Nhưng có lẽ thời điểm này là thời điểm của một đổi thay to lớn, nếu ta còn ở dưới ấy.

Trần phá ra cười, cười rộ, tiếng cười của kẻ tuyệt vọng:

- Không ngờ ngươi đã ở xa hàng trăm năm đường đi ánh sáng (2) mà lý luận y hệt một tư tưởng gia tên Phủ-cố-gia-mộ (3) dưới trần. Năm nọ ta tình cờ đọc được cuốn sách của gã, cuốn Chung sử, hậu nhân. (4) *Gã không phải là gốc người Tây dương nhưng vì được giáo dục bởi nền văn hóa đó nên gã đã có cái viễn kiến lạc quan và ngây thơ của những kẻ đào tạo. Theo ý gã thì ý thức hệ dân chủ là ý thức hệ hoàn chỉnh nhất mà con người đã tưởng tượng ra được. Và vì đã hoàn chỉnh thì ...khoáng hậu. Nhưng ta hỏi ngươi: Đức quốc xã có xây dựng trên ý niệm dân chủ không? Người dân Liên bang xô viết có bầu cử theo đường lối phổ thông bầu phiếu không? Các xứ sở độc tài, toàn trị, quân phiệt nhất trên thế giới chẳng tung hô khẩu hiệu dân vi quí đó ư? Và ngày nay còn bao nhiêu xứ ở trần gian không mang nhãn hiệu dân chủ, cộng hòa mà thực sự đám đông có quyền quyết định hay chỉ một thiểu số nắm quyền sinh sát? Giới lập pháp có đủ khả năng tiên kiến mọi lạm dụng, mọi vi phạm quyền hành? Và đám cùng đinh có khả năng bày tỏ sự bất bình của họ?*

Bị bạn dồn vào thế bí, Nguyễn lúng túng:

- Chẳng lẽ lịch sử chỉ là một sự lập lại...

- Bởi bản chất con người muôn đời vẫn là những mẩu lập lại. Vì vậy không nên cải tạo thế giới mà chỉ nên cải tạo con người. Ngươi Huất-tỉnh-tồn (5) tiên kiến rằng những cuộc tranh giành mai sau bắt nguồn từ những va chạm giữa các nền văn hóa. Có hai tiêu điểm chính mà kẻ chăn dân ngày sau sẽ phải nhằm tới nếu y đủ đức độ của Nghiêu, Thuấn ngày xưa là nâng tầm hiểu biết của quần chúng và kiểm soát sự sinh sản (6)

- Liệu hai điều đó đủ để bảo đảm cho tương lai tốt đẹp của con người?

- Chúng không đủ đảm bảo khả năng tiêu diệt hoàn toàn xu hướng chiếm đoạt tranh giành của con người nhưng ít ra chúng giảm thiểu được phần nào lòng tham lam vô độ của họ. Sự hiểu biết và đạo đức là hai điều hoàn toàn không dính dáng gì với nhau, dù vậy kẻ hèn này vẫn tin rằng sự hiểu biết đúng nghĩa vẫn mang trong nó mầm mống của nết hạnh. Và nếu con người thực sự văn minh (7) thì điều kiện đầu tiên phải có là ý thức tôn trọng tha nhân. Từ đó y có cái nhìn đúng đắn. Và từ thái độ đúng đắn, y giang xa mọi tranh chấp vô bổ. Tránh được mọi tranh chấp vô bổ nhờ

thái độ an nhiên. Việc ngươi trở về dưới ấy là một hành động vô bổ. Việc thực hiện kế hoạch B của tạo hóa cũng là một thất bại. Ta đã nói với ngươi rồi đó nếu chúng ta có khả năng sống thuần bằng ý niệm thì nơi nào ta cũng có thể sống được, có cần chi phải chọn lựa nơi này nơi khác?

Nói chưa dứt câu, Trần đã đứng lên rủ áo ra đi. Kẻ còn lại mãi ngồi thừ suy nghĩ. Xa xa, chân trời về chiều trở mầu tím ngát, một vầng mây mờ vắt ngang, từ nơi đó vẳng lại tiếng hát, khoáng đạt ung dung:

Thương lang chi thủy thanh hề, khả dĩ trạc ngã anh;
Thương lang chi thủy trọc hề, khả dĩ trạc ngã túc (8)

Chú Thích

1 Tocqueville, Alexandre ; những danh tự riêng chỉ tên tuổi dưới đây đều được phiên âm theo lối đùa cợt rẻ tiền của người viết

2 Người viết không biết được khoảng cách của hai nơi, giữa trần gian và chỗ trú của hai nhân vật trong truyện là bao xa nên nói bừa như vậy

3 Francis Fukuyama (phiên âm theo lối chú thích 1 trên đây)

4 *"The end of history and the last man"* (F. Fukuyama) chỉ là một lối lộng ngôn, xin các vị thông hiểu hán học bỏ qua cho

5 Samuel P. Huntington, tác giả *"The clash of civilizations and the remaking of world order"*

6 Quan điểm này chúng tôi ngờ rằng ông Trần đã thuổng ý tưởng của Emmanuel Todd (xin xem Après l'empire) mà không thú nhận đấy thôi

7 Văn minh, suy cho cùng chỉ là hình thức của lòng tự kiêu (ý tưởng này của ông Trần, cam đoan ông không thuổng của ai) nên sử dụng mặt tích cực của nó

8 Mạnh Tử: *Nước sông Thương trong xanh thì ta giặt giải mủ ta; nước sông Thương đục thì ta rửa chân ta*

ĐẶNG ĐÌNH TÚY



Chợ Tết Đầu Làng
tranh sơn mài của nữ họa sĩ Thanh Trí (HoaKỳ)



truyện ngắn

THỊ TRẤN HAI CON DÊ

PHÙNG PHƯƠNG QÚY

Bên trái là núi Voi, bên phải là dãy núi đá vôi tên là núi Vân. Thị trấn nằm ở giữa, hình ô van, chỉ dài chừng cây số. Đầu phố là ngã ba giữa tỉnh lộ và quốc lộ chạy từ Hà Nội lên.

Tên thị trấn Hai Dê là do dân lái xe đường dài và dân buôn gỗ xuôi ngược qua đây đặt cho. Giữa phố có quán Sơn Dương, hiểu là quán dê núi, chuyên đặc sản thịt dê. Cuối thị trấn có Công ty trách nhiệm hữu hạn Đại Dương, cũng có thể hiểu là Biển lớn hay Dê to. Công ty Dê To chuyên buôn bán hàng lâm thổ sản. Mỗi khi có khách, Đại Dương thường mời cả sang quán Sơn Dương chiêu đãi. Các món tiết canh, tái dê, dê nướng vì thế mà nổi tiếng khắp nơi. Khách vãng lai đến quán Sơn Dương, được chủ quán hết lời ca tụng cách làm ăn năng động, uy tín của Đại Dương. Hai bên công việc khác nhau, nhưng hỗ trợ nhau đắc lực.

Chủ quán Sơn Dương là lão Ngô. Đầu hói chỉ còn lơ thơ mấy cọng tóc đằng sau gáy. Mặt lão tròn, thêm cái miệng rộng, ra dáng người quảng giao. Mỗi lần lão Ngô cười, mắt nhắm tít, mặt nở như cái bánh đa nướng. Lão chuyên cởi trần, phơi bụng phệ hở cái rốn sâu như bồ đài lá mít, còn chiếc quần chàm bạc màu đũng rộng thắt dây lưng lính, cạp buông trùm kiểu lá tọa. Chỉ mùa đông, lão Ngô mới mặc chiếc áo đại cán màu tím than cũ. Khách đến, dù sang hay hèn lão đều chạy ra cửa đón, chào như hát tuồng. "Xin chào! Xin chào! Quý hóa quá! Mời quý khách vào tệ xá!". Trông cung cách lão Ngô chẳng khác mấy thằng tiểu nhị trong phim tàu. Lão chịu khó chầu chực ngoài cửa với chiếc khăn màu cháo lòng vắt vai. Chủ quán mà lôi thôi như đứa ở, nhưng bên trong mấy em phục vụ lúc nào cũng quần áo sạch sẽ, mặt mũi sang choang. Có một mụ già choàng khăn đen, quần áo đen, mặt trắng bợt như xác chết, ngồi im lìm trong góc quán, đó là vợ lão Ngô, một mụ già khó đoán tuổi, chuyên ngồi quan sát khách ăn và thu tiền.

Trước quán Sơn Dương có một con dê đực béo buộc ở bãi cỏ. Hôm thì con đen, hôm thì con nâu khoang trắng. Cả hai con đều có cặp sừng nhọn hoắt quắp về phía sau, chòm râu lòa xòa dưới cằm. Thường chúng im lìm gặm cỏ hoặc nằm khểnh, có lúc động cỡn nhảy cuồng lên, húc lốp cốp vào chiếc cọc gỗ. Mỗi con luân phiên buộc trước sân quán hai, ba ngày tùy theo khách nhiều hay ít. Chúng không bao giờ bị làm thịt, vì đó là thương hiệu của quán. Tuy vậy lão Ngô vẫn cẩn thận thuê kẻ một cái biển đỏ chữ xanh, vẻn vẹn hai chữ Sơn Dương, treo trước cổng.

Bà Giám đốc công ty Đại dương là một phụ nữ còn khá trẻ, tên Hiền, người cao ráo, thon thả, tính nết đoan trang. Phải cái mặt bà hơi dài, kiểu "mặt ngựa". Là dân miền núi, nhưng quanh năm bà mặc áo dài truyền thống. Không biết bà có bao nhiêu chiếc áo, vì lúc thì áo lụa xanh, đỏ, tím vàng, khi thì vải chàm cách tân nhiều hoa văn lạ mắt. Bà Hiền thường nói vui với khách, mình là người luôn "gìn giữ bản sắc dân tộc". Trụ sở Công ty Đại Dương nằm khiêm tốn đầu phố huyện, nhà xây hai tầng nhưng nhỏ gọn, kiểu cách, trên nóc ngạo nghễ hai chữ Đại Dương hàn bằng sắt

sơn màu xanh lơ, có bóng điện nhấp nháy viền quanh, đập vào mắt những người ban đêm đến phố huyện. Công ty có chín người thì đến bảy là nam, chỉ có Giám đốc và cô thư kí là nữ. Ấn tượng nhất của Đại Dương là cái chòi nhỏ ngoài cổng có tay bảo vệ râu quai nón, vẻ mặt lầm lì và chiếc ô tô hiệu "lăng-gu-sơ" nằm giữa sân. Huyện miền núi này rộng nhất tỉnh, tài nguyên lâm sản còn khá nhiều, thuận lợi cho việc kinh doanh. Dù trong sân không có một cây gỗ, bó nứa, nhưng kho bãi của Đại Dương khắp mọi nơi, sẵn sàng cung ứng cho bất kỳ loại khách nào. Ông chồng bà Giám đốc là một cán bộ lãnh đạo huyện, quyền lực che kín một vùng.

Những doanh nghiệp dù to hay nhỏ, dù tư nhân hay nhà nước, đều biết điều không bao giờ dám qua mặt Đại Dương. Bà Hiền luôn xởi lởi, tạo điều kiện cho bạn bè, đàn em, nhưng cũng rắn mặt với những ai không chịu phục. Đã có hai trường hợp chứng mình điều này. Một là ông giám đốc Công ty Lâm sản Gió Mới trên địa bàn huyện. Ông này thường mỉa mai gọi các doanh nghiệp tư nhân là "Công ty vô trách nhiệm vô hạn", trong đó có Đại Dương. Bà Hiền ngứa mắt, chửi: " Đừng có ỷ là doanh nghiệp nhà nước. Toàn dựa vào ngân sách chứ tài cán gì. Giờ có phải thời bao cấp đâu". Thời gian sau, ông giám đốc Gió Mới ngậm ngùi rời vùng đất xôi mật về tỉnh làm chân Trưởng phòng kế hoạch. Trường hợp thứ hai là Sen lùn, một chủ đề khét tiếng ở phố huyện. Tuy lùn tịt nhưng hắn là người đàn ông đầy bản lĩnh, "chết lên, chết xuống" mấy lần, sạt nghiệp mà vẫn phải ngồi tù ba năm. Ra tù, Sen lùn về đầu quân cho Đại Dương, nổi tiếng vì các mánh khóe mua bán khôn ngoan, cộng thêm tình liều lĩnh, dám ăn thua với đám du thủ, du thực, khiến bà Hiền tin tưởng tuyệt đối. Chỉ ba năm, vốn liếng của Sen lùn đã có mấy tỉ đồng.

Chiếc "Lăng-gu-sơ" lượn một vòng, rồi dừng trước quán Sơn Dương. Hôm nay phiên trực của con dê đen. Nó hênh hếch cặp sừng, vểnh chòm râu dòm vào trong xe, rồi bỗng nhảy cẫng lên, khua rừng lốp cốp. Công ty Đại Dương hôm nay có khách mới. Lão Ngô đon đả chạy ra tận xe, xoa tay: "Xin chào! Xin chào! Quý hóa qu...á!". Lão tròn mắt, nghẹn họng. Bà Giám đốc hôm nay ăn mặc cực thoáng. Áo hở nách, hở ngực, váy ngắn lửng lơ ngang đùi. "Hầy dà! Hôm nay bỏ bản sắc dân tộc zdồi". Lão Ngô thầm than. Hai ông khách chắc người thành phố lên, ai cũng quần soor áo phông trắng như dân thể thao. Bà Hiền bả lả vỗ vai chủ quán: "Ông anh khỏe chứ! Có món gì đặc sản nhất, mang hết lên đây tiếp khách quý nhé". Lão Ngô chuyển chiếc khăn cháo lòng từ vai này sang vai kia, cúi đầu kiểu cách: "Có ngay! Có ngay! Hôm nay bản quán có tiết canh, tái, nướng, lẩu. Có cả rượu "hộp số" nữa ạ". Một ông khách thích thú ngắm cái bụng phệ lấp cả cạp quần của lão Ngô, kêu lên: "Ấn tượng quá! Thế này mới đúng là chủ quán vùng sơn cước". Ông kia dặn: "Này! Món tái dê nhớ lấy thêm nắm lá sung non nhá!". Lão Ngô cười hề hề. "Có ngay ạ! Rừng núi mà, lá gì cũng có". Miệng cười, nhưng mắt lão tít dính vào cặp đùi bà Hiền. Con mẹ này mặt ngựa nhưng có cặp đùi mới ngon chứ. Lâu nay nó "gìn giữ bản sắc dân tộc" nên lão chưa được chiêm ngưỡng. Chuyện lạ đây. Đôi mắt sắc lạnh như dao của mụ áo đen từ góc trong kia muốn xuyên thấu bộ ngực núng nính nửa kín nửa hở của bà Hiền, rồi xoẹt ngang cái mặt bánh đa của chồng. Mẹ ơi! Cái xác chết kia tinh thật. Lão Ngô lẩm bẩm, vào bưng thức ăn ra.

Món tiết canh dê làm hai ông khách ồ à luôn miệng. Bọn quán dê dưới thành phố còn khuya mới biết làm tiết canh vừa hồng đậm như bích đào, vừa giòn vừa dẻo thế này. Nhân thịt ngọt, ngầy ngậy, beo béo, đậm đà, thêm lá sung non chát, bùi. Có cả mấy chùm sung, qủa nào cũng nho nhỏ, mơn mởn. "Rượu hộp số đâu?". Hai ông khách gạt chai rượu cầm sang một bên, hỏi. Quán Sơn Dương có lệ mời khách khai vị bằng rượu cầm, không tính tiền, sau đó tùy khách thích loại rượu nào thì gọi. Cô tiếp viên mặt đỏ hồng hơi lửa, vội mang ra bình rượu thủy tinh bên trong ngâm ba cặp dái dê màu ngà mịn. Người ta nói, nhờ món rượu này, các quý ông hi vọng tìm lại sức mạnh của mình. Bà Hiền cười ý tứ. "Quê em có mỗi món này là đặc sản thôi. Hai anh uống vào biết ngay. Về Hải Phòng khéo chả quậy tung lên ấy chứ". Ông khách đầu húi cua, tóc đen nhánh nắm tay lại. "Xin cám ơn người đẹp! Anh em tôi xin quậy ngay ở đây được không ạ?". Ông khách tóc hoa râm tắc lưỡi. " Đúng là của quý, vừa to vừa đẹp, uống đến đâu biết đến đấy. Dê đực thế này, dê cái chắc còn ngon hơn!". Bàn tay thon đeo nặng mấy cái nhẫn vàng phát nhẹ lên lưng ông khách. "Anh cứ giúp em xong cái hợp đồng xuất khẩu gỗ đi, rồi thích dê nào em cũng chiều". Mấy cái ly cùng giơ lên, chạm đánh chát. " Nhớ nhé! Bọn anh nhớ dai lắm đấy!".

Bữa nay bà Giám đốc uống say quá, chẳng biết vì rượu nặng hay bà mệt mỏi. Những lần khác, bà vẫn cho đo ván cả đống đàn ông mà vẫn tỉnh bơ. Lúc ra xe, bà Hiền ngả nghiêng phải níu vào vai hai ông khách. Tới giữa sân, cả toán bỗng dừng lại, nhìn vào bãi cỏ trước quán. Hai con dê tự dưng húc nhau. Con nâu khoang trắng không phải phiên trực, nhưng bị kích thích bởi những tiếng cười, đã bứt dây chạy ra, trong khi con dê đen cố căng sợi dây thừng cản lại. Thế là đánh nhau. Dê khoang chạy vòng quanh, thỉnh thoảng lừa xông vào húc cho dê đen một nhát. Tức quá,

dê đen lấy đà lao thẳng vào đối thủ, làm sợi dây buộc cổ bị đứt. Một cú chí mạng đâm vào sườn dê khoang, nó đau quá kêu be be, vùng chạy lao thẳng vào đám thực khách.

Nghe bà Hiền "oái" một tiếng rồi ngã té sấp, may có hai ông khách giơ tay đỡ kịp. Chiếc sừng dê nhọn móc vào sau váy bà Hiền, hất ngược. Chiếc váy màu xanh rách toạc, phơi ra quần lót vải lưới đen và cặp mông tròn mịn. Lão Ngô mắt lác xệch, chạy ra xin lỗi khách. Hai ông khách vừa cười vang vừa đỡ bà Hiền lên xe, còn quay lại bảo lão Ngô. " Hai thằng dê đực này có cá tính đấy! Dám đắc tội làm rách váy mỹ nhân. Đề nghị ông chủ bán lại cho chúng tôi, đem về thành phố làm kỷ niệm". Lão Ngô rối rít: "Tạ lỗi! Tạ lỗi! Bản quán xin đền chiếc váy. Còn hai con dê này vốn là thương hiệu của quán, thật lòng không dám bán!". Bà Hiền nhoài ra cửa xe, mặt nhăn nhó thật đáng thương. " Cái lão bụng phệ kia, ai khiến lão đền váy. Chú Toàn đâu! Đưa cho lão Ngô mười triệu rồi lôi cổ hai con quỷ này về cho chị". Bà tươi cười nói với khách. "Em biếu các anh hai con quỷ này đấy!". Lão Ngô vội xua người nhà đi bắt dê lại. "Mười triệu hai con dê, được giá đấy, phải bán thôi".

Cuối năm, phu quân bà Hiền được chuyển lên tỉnh làm phó Chủ tịch ủy ban Mặt trận. Bà lo mất ăn mất ngủ. Cái họa đã rơi xuống đầu rồi. Tiếng là chồng thăng quan, tiến chức, thực ra là đến lúc hết quyền, hết lộc. Hồi đầu năm đi chùa, bà xóc thẻ và được thông báo: " Nữ chủ mệnh hạn khó thay. Đề phòng tốn của có ngày thiệt thân". Bà sợ toát mồ hôi, đã tìm thầy cao tay về cúng giải hạn tốn hàng chục triệu đồng. Thấy thì bảo ổn rồi, nhưng xét năm nay bà nhằm tuổi bốn chín, sao Thái Bạch chiếu nguy hiểm lắm. Kê đệm thế mà rủi ro vẫn tới. Sau khi chồng lên tỉnh, chuyến gỗ bạch đàn xuất khẩu gặp trục trặc, nằm mãi ở cảng. Riêng tiền lưu kho hàng tháng đã tốn mất bao nhiêu là tiền. Trước đó, hai ông bạn quý đứng ra bảo lãnh cho bà gửi ngoại tệ vào tài khoản một Công ty quen để mở LC. Như vậy mới dễ thanh toán với nước ngoài. Hợp đồng của họ chính là xuất số gỗ kia đi, trả thêm tiền vào tài khoản đã mở LC để đổi lấy một lô hàng điện tử của Hồng Kông trị giá nhiều triệu đô la. Bao nhiêu khôn ngoan, mưu mẹo bà quên hết, một lòng tin tưởng hai người bạn mới. Bà bỏ ngoài tai những ý kiến thận trọng của Sen lùn. "Chị hãy cảnh giác! Làm ăn với nước ngoài ú ớ Việt gian là chết". Nhưng bà cứ như bị bỏ bùa mê thuốc lú.

Hai ông bạn mới, từ ngày được biếu hai con dê béo thì mất tăm, không thấy mặt mũi đâu nữa. Bà Hiền mấy lần về Hải Phòng tìm mà họ đều tránh mặt. Đánh hơi thấy có biến, Sen lùn âm thầm rút vốn khỏi mấy khoản hùn hạp với Đại Dương. Nếu thua trận này, bà Hiền mất đứt năm triệu đô la và khoảng chục tỉ đồng tiền gỗ, không khéo Đại Dương phá sản.

Đang rối ruột thì thằng con trai của bà gây rối. Nó học Đại học kinh tế mở năm thứ hai. Con chị đã bỏ dở học hành đi lấy chồng, còn lại thằng em là niềm hi vọng của vợ chồng bà. Nó sẽ là một cử nhân thực thụ, chứ không như chồng bà, trong tay cầm hai bằng đại học mà vẫn chạnh lòng nghe thiên hạ đàm tiếu "dốt như chuyên tu, ngu như tại chức". Căn hộ bà mua cho con trai ở Hà Nội, dành để mai kia học xong nó ở lại thủ đô, không phải quay về rừng cho khổ. Thế mà nó dám bán căn nhà, ôm tiền theo con bồ già hơn tám tuổi, vào Sài Gòn ăn chơi, lêu lổng. Bà định vào nam kéo cổ thằng bé về, nhưng việc Công ty rối như canh hẹ nên chưa lúc nào mà đi.

Quán Sơn Dương từ ngày bán mất hai con dê thương hiệu, thấy ế khách. Người ta thấy vắng bóng hai con dê đực, tưởng lão Ngô đã đổi nghề. Một tay buôn gỗ dưới xuôi, một lần ghé quán thì gợi ý. "Sao ông không làm món "mộc tồn"? Món nhựa mận với dồi chó, ở đâu người ta không khoái". Lão Ngô xuôi tai, lật cái nắp hòm gỗ mối xông, kẻ hai chữ Mộc Tồn bằng vôi trắng. Thực khách quen dần với mùi riềng mẻ, mắm tôm, giá lại bình dân, chẳng phải tự ti kẻ giàu, người nghèo như hồi ăn đặc sản dê. Thế là quán Sơn Dương biến mất.

Hình như bà Hiền, Giám đốc Đại Dương bỏ đi ở nơi khác. Có dư luận rằng bà theo chồng ra tỉnh làm ăn. Có dư luận rằng, bà thề quyết tìm bằng được hai thằng đàn ông dám lừa cả tình lẫn tiền người hùng xứ núi. Riêng trụ sở Đại Dương thì bị ngân hàng niêm phong. Có mấy con ngựa suốt ngày gặm cỏ bên xong, ị bậy lung tung khắp sân.

Nhưng người ta vẫn quen gọi tên phố núi ấy là thị trấn Hai con dê.

.....

PHÙNG PHƯƠNG QÚY



Tho

XUÂN ĐẾN VƯỜN EM

THIÊN HÀ

Có chút nắng vàng rực rỡ
treo vườn em căng trái cấm xuân nồng
có chút gió lùa qua khe cửa nhỏ
mà nghe hồn se lạnh cõi mênh mông.

Xuân đến hay đi trời cũng nắng
vườn xuân em cũng sặc sỡ sắc hồng
Xuân đến hay đi trời cũng gió
cho vườn em mơn mởn tuổi thanh xuân.

Làm sao biết được nỗi buồn của gió
nhớ thương mây phiêu bạt tới phương nào
phương Xuân đó và phương em đó
phương anh buồn rung sợi nhớ lao xao.

Làm sao biết nỗi buồn của nắng
xót thay đời bạc tóc giữa trần ai
phương em trắng và phương Xuân cũng trắng
phương anh buồn căng mắt trắng đêm nay.

Xuân đến vườn em chờ đợi nắng
em phương nào em hỡi có hay
Xuân đến vườn em chờ đợi gió
bên chén rượu nồng chấp chới say.

THIÊN HÀ



bút ký

ĐÊM QUA SÂN TRƯỚC MỘT CÀNH MAI

MAI THỤC

Đ*inh tiền tạc dạ Nhất Chi Mai* (*Đêm qua sân trước một cành mai*). Là câu kết của bài thơ *Cáo Tật Thị Chúng* (Lời nói của một người bệnh tật viết ra để khuyên bảo mọi người) của Thiền sư Mãn Giác.

Thiền sư Mãn Giác (1052 - 1096) đời Lý để lại cho đời duy nhất một bài thơ. Một bài kệ, làm trước lúc tịch. Một bài thơ Thiền về Mùa Xuân & Đời người trong vòng quay biến dịch, luân hồi, vô thường, huyền diệu, sinh hóa, hóa sinh. An nhiên. Tự tại. Vượt lên sinh tử.

Cáo Tật Thị Chúng
Xuân khứ bách hoa lạc
Xuân đáo bách hoa khai
Sự trục nhãn tiền quá
Lão tòng đầu thượng lai
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.

Thiền sư Thích Thanh Từ dịch:

Xuân đi trăm hoa rụng
Xuân đến trăm hoa nở
Trước mắt việc đi mãi
Trên đầu, già đến rồi
Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai.

Đọc bản dịch của Ngô Tất Tố. Cụ dịch *trăm hoa cười*. Cụ yêu hoa, yêu đời, yêu Chị Dậu nên nhìn *Xuân đến trăm hoa cười*:

Xuân đi trăm hoa rụng
Xuân đến trăm hoa cười
Trước mắt việc đi mãi
Trên đầu già đến rồi
Đừng bảo xuân tàn hoa rụng
Đêm qua sân trước một cành mai

Thiền sư Mãn Giác nhìn hoa Mai nở mùa Xuân, thấu lẽ hiển nhiên của sinh diệt mà thoát ra ngoài sinh tử.

Nhờ hình tượng thơ *Đêm qua sân trước một cành mai*
bí ẩn, diệu huyền, thiêng liêng, trang trọng, thấm đẫm Triết lý Nhân sinh Phật giáo Lý- Trần, của Thiền sư Mãn Giác mà Hoa Mai trở thành biểu tượng Tinh thần của văn nhân, kẻ sĩ Thăng Long- Hà Nội.

Nguyễn Trãi viết ba bài thơ Hoa Mai ngợi ca Hoa Mai Thăng Long đứng đầu bảng Hoa mùa Xuân bởi Hoa Mai thanh sạch, màu trắng mong manh, trinh trắng đến nao lòng, chỉ kết giao với bậc hiền nhân, ẩn sĩ.

Nhà thơ Sái Thuận, tiến sĩ thời vua Lê Thánh Tông, là người giỏi văn thơ, yêu hoa cỏ. Mùa Xuân *trăm hoa nở* ông yêu thích nhất Mai Trắng: *"Phong tư như băng tuyết chẳng nhuốm bụi hồng/ Phẩm chất trong trẻo, hàm chứa vẻ thẹn của viên ngọc trắng".*

Cao Bá Quát viết câu đối thần phục Hoa Mai, biểu cảm khí phách của mình:

Thập tải luân giao cầu cổ kiếm
Nhất sinh đê thủ bái mai hoa
(Mười năm giao thiệp tìm gươm báu
Một đời chỉ cúi trước hoa mai)

Hoa Mai có nhiều loại khác nhau. Những người yêu Hoa Mai nhận biết trên thế giới có hai mươi bốn loài Mai.

Việt Nam có mười chín loại Hoa Mai: Hoàng Mai,
Nhị Độ Mai, Mai tứ Qúy, Nhất Chi Mai, Mai Trắng Thăng Long- Hà Nội, Mai Vàng Nam Bộ…

Mai Vàng nắng ấm Đào Thăng Long

Xuân đến trăm hoa cười. Thăng Long- Hà Nội Xuân rực rỡ một Trời hoa. Hoa Mai Vàng Nam Bộ và Hoa Đào Thăng Long trải gấm hoa, tô thắm sắc Xuân Hà Nội cuộn uốn hình chữ S. Dưới mưa Xuân lất phất. Trong gió lạnh mờ sương, sắc Mai Vàng rực nắng sưởi ấm lòng người Hà Nội.

Ngắm Mai Vàng trong phố nhỏ Hà Nội Xuân, trên con đường Đào Quất Nhật Tân, tôi như lạc vào rừng năng ban mai. Hương thơm ngập tràn và nôi nhớ mênh mang.

Nhớ Cha Rồng Mẹ Tiên chia nhau, mang con lên rừng xuống biển, mang Trống Đồng đi mở nước và giữ nước. Nhớ Tổ Tiên Việt xây Tháp Chàm trên đỉnh núi, thờ các vị Thần trông giữ Đảo Biển Núi Sông. Nhớ Huyền Trân dâng Tình yêu hàn gắn Tình Mẹ Việt. Nhớ chàng vượt sóng lớn, bão giông vùng vẫy Biển Đông…

Hoa Mai Trắng Thăng Long- Hà Nội

Mai Trắng miền Bắc và Thăng Long- Hà Nội, còn gọi là Chi Mai, cùng họ với đào, mơ, mận. Lúc chưa nở, nụ Mai màu hồng, khi nở dần chuyển màu trắng trong. Vài ngày sau màu trinh trắng chuyển sang phớt hồng rồi tàn. Cánh hoa trắng mong manh tan trong gió Xuân lành lạnh. Để lại lòng ta nỗi nhớ xôn xao.

Nhìn những cánh Mai Trắng bay tan, văn nhân, kẻ sĩ, thì thầm đọc thơ Mãn Giác Thiền sư:

Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết

Đêm qua sân trước một cành mai.

Hoa Mai trong thơ Mãn Giác Thiền sư là loài Mai Trắng miền Bắc (Chi Mai)

Ngày nay có nhiều loại cây hoa chơi Tết. Nhưng thẳm sâu trong lòng Thăng Long- Hà Nội, ẩn sĩ vẫn say mê loài hoa Mai Trắng đẹp bậc nhất trong "thập đại danh hoa" xưa.

Nay làng Nhật Tân- Hà Nội, có nhiều nhà trồng giống Mai Trắng quý này. Người yêu vẻ đẹp tinh tế của loài hoa Mai Trắng luôn tìm cho mình một cây Mai Trắng, lặng thầm tận hưởng vẻ đẹp cao sang của mùa Xuân Thăng Long- Hà Nội.

Theo nhà mỹ học, chuyên gia sinh vật cảnh Trịnh Thuận Đức, sử sách còn ghi về hoa Mai Trắng: "Đời nào người An Nam cũng cống hoa Mai. Nhờ có món cống phẩm ấy mà người Trung Quốc mới biết được vẻ đẹp đó".

Ông Đức, một người yêu Mai Trắng sành điệu của Hà Thành nói: "Mai Trắng đẹp nhất khi hàm tiếu. Lúc đó, trên cây có vài bông bắt đầu nở trắng, vài nụ phớt hồng he hé, lộc mơn mởn phía sau. Màu lá xanh non, hoa trắng muốt, đặt trên một bàn ghế gỗ, phía dưới lót một tấm lụa màu hay đặt một thau nước để cánh hoa rụng xuống rất đỗi nên thơ. Trong cái tiết trời mùa xuân, cùng với bạn tâm giao ngắm hoa thưởng trà là tuyệt nhất".

Mai Trắng kén người thưởng thức, dành cho người đồng điệu, tâm hồn tinh tế, cao thượng, thường là các cụ có tuổi, văn nghệ sĩ hay gia đình Hà Nội truyền thống. Ở Hà Nội, những bậc học giả, người trí thức, văn nghệ sĩ hay người có tuổi rất thích bày một chậu Mai Trắng ngày Tết. Mai Trắng đẹp là cây già, gốc đen bóng và các dăm nhỏ, được uốn tỉa tạo dáng hình, chở tâm tư, nhân cách người trồng, người thưởng hoa.

Hơn hai thập kỷ chơi hoa Mai Trắng, ông Lê Xuân Thủy ở Đông Anh- Hà Nội tâm sự : "Chơi nhiều cây cảnh nhưng mình vẫn thích nhất hoa Mai Trắng. Lúc thì nó mang cốt cách người quân tử ngay thẳng, kiên cường, khi lại như bóng dáng thiếu nữ mình hạc xương mai, cốt cách, thanh tao".

Người chơi Mai Trắng thường chăm chút cho bộ gốc rễ thật đẹp, cổ kính, phong sương, tán hoa đẹp và bông trắng muốt.

Ông Hiệp, người trồng Mai Trắng có nghề bảo: "Mai Trắng đẹp, quý ở bộ rễ, thân cành của nó. Nở điểm vài bông hoa thật to, thật trắng cũng đủ làm sáng bừng cả không gian. Cây Mai duyên dáng biết nhường nào khi có cả nụ, cả hoa thấy cả cái dáng phong sương, yêu kiều của nó".

Cội Mai Thăng Long

Tôi nhớ lại niềm hạnh phúc bất ngờ, in sâu trong ký ức tôi về *Cội Mai Thăng Long* mùa Xuân năm 2012. *Cội Mai Thăng Long* do một ẩn sĩ, nghệ sĩ, kẻ sĩ Hà Thành bỗng nhiên tặng tôi. Không xưng danh người tặng.

Trong cuộc đời cầm bút của mình *Cội Mai Thăng Long* là phần thưởng Tinh thần vô giá đối với tôi. Vô giá bởi vẻ Đẹp Thánh Thiện của *Cội Mai Thăng Long*. Vẻ Đẹp Thánh Thiện của đôi tay người trồng, người chăm sóc *Cội Mai Thăng Long*. Vẻ Đẹp Thánh Thiện trong cách mà người ẩn sĩ đã tặng tôi *Cội Mai Thăng Long*.

Ký ức *Cội Mai Thăng Long* còn tươi mới trên Mai Thục Blog:

"Cảm ơn Cháu Hằng Nga (sáng nay 16- 2- 2012) đã chuyển chậu Mai cổ kính, nhỏ xinh đến nhà tặng cô, đặt nơi bàn viết. Cội Mai thế trực, thế hoành, được một bàn tay, một tâm hồn tinh khiết chăm sóc, trong một không gian tinh khiết. Cội Mai đẹp Thánh Thiện với những bông hoa

trắng trinh đậu bồng bênh, những nụ hoa chúm chím sắc hồng, những cánh lá lộc xanh và nâu hồng bật lên từ bộ rễ chùm, và những nụ xanh nhỏ xíu ấp mầm hoa trắng xiu xíu nảy từ những cành nhỏ, vươn cao. Vẻ đẹp Thiên Thần ấy ngự trên cội Mai mơn man màu nâu đất, đã qua bao mùa Đông giá buốt, lại nở hoa.

"Chớ bảo Xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước, một cành mai"
(Thiền sư Mãn Giác)

Cội Mai Thăng Long

Trận gió hàn, tràn khung cửa sổ
Cháu ùa vào *"Ai tặng cây Mai"*
Thân Mai nâu già trong chậu cổ
Nụ chúm chím hồng, hoa trắng trinh
Lộc non nhú, lá bồng tơ nhện
Cành giao cành, nâng nụ đơm hoa
Những lớp rễ chông chênh quấn quyện
Bám đất nâu, thắm máu Mẹ hiền
Say lòng tôi, chiêm ngắm miên man
Cái Đẹp hiển hiện, vòng tay ấm
Hồn Thăng Long- Hà Nội là đây!
Mong manh, cánh Mai nhỏ bông bênh
Qua nghìn mùa Đông, chở Xuân lành
Khối Tình chôn chặt, nảy mầm xanh
Âm thầm trỗi dậy trong trinh trắng
Lạnh giao mùa, Mai ấp hồn tôi
Thánh thiện làn Mây Trắng Tình Yêu
Tình tôi gieo mỗi sớm mỗi chiều
Để Xuân này *"Ai tặng Cây Mai"*
Như trong mơ, tôi chờ, tôi đợi
Áng mây chiều Mây Trắng Tình Yêu
Người tôi yêu, tâm hồn trong trắng
Thăng hoa từ cay đắng buồn đau
Như bông Mai trắng trong trinh tiết
Tôi tôn thờ mảnh hồn tiết trinh
Một đời tôi đi tìm Hà Nội
Hà Nội tìm tôi tặng Hoa Mai
Mưa Đông rơi nhoà Hoa Mai rụng
Còn đây cội Mai nảy tơ lòng
Hà Nội & Tôi nặng ân tình
Gọi mình về Cội Mai Thăng Long.

Xuân Ất Mùi 2015 đang về Hà Nội Phố. *Cội Mai Thăng Long* ùa tràn trong tôi nỗi nhớ bâng khuâng. Đêm Xuân Thiền định, Thiền sư Mãn Giác tỏa hào quang đưa tôi về miền tĩnh lặng, an nhiên:

"Chớ bảo Xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước, một cành mai"

Hồ Gươm Xuân Ất Mùi 2015.

MAI THỤC



Tho

BÊN KIA MÙA XUÂN

TÔ MẶC GIANG

Em trở lại muộn màng trên lối nắng
Nghe tiếng đời trong áo lụa thời gian.
Thương hoa xưa một thuở nhớ cung đàn
Vài lá cỏ dịu mềm trong suối biếc.
Và mùa xuân, ôi ! mùa xuân diễm tuyệt
Cánh chim nào ngơ ngác buổi hoàng hôn,
Rót xuống chiều thăm thẳm tiếng Chiêu quân
Sầu đất lạ một mình thương núi lạnh !

Em trở lại ngậm ngùi bên cô quạnh
Con dốc ngày xưa, con dốc vu quy
Giòng sông đó, giòng sông buồn quay đi..
Những bến đỗ ngại ngùng ai ngóng đợi ?
Mong làm chi gió về mang nỗi nhớ.!
Trái tim này, xin gởi cánh chim sương
Đóa trăng này, man mác giữa trùng dương
Như mắt bướm thẹn thùng đêm hợp cẩn!

Em trở lại với hồn xuân bất tận
Phút đam mê như một thuở yêu người.
Sắc, hương xưa lồng lộng cuối bờ môi
Theo con sóng ngập ngừng trong giấc ngủ.

Những ngày ở Huế,1960

TÔ MẶC GIANG



truyện ngắn

MÙA TẾT

NGUYỄN LỆ UYÊN

Ông Hai Son đã già. Già lắm rồi. Ông một mực không chịu đi, nhưng con ông thì nói: Cha vẫn còn sức khỏe nên đi một chuyến cho biết xứ người. Xứ người và xứ ta thì có khác gì nhau? Ông phân vân. Ông từ chối. Viện mọi lý lẽ để từ chối chuyện trả hiếu của con cái. Cù cưa qua lại mãi trên dây nói, không xong. Ông chấp nhận thua cuộc vì không đủ lý lẽ với chúng, cuối cùng đành phải làm hộ chiếu, xin visa rồi leo lên máy bay. Hàng trăm người lần lượt leo lên. Áo xống đủ kiểu tây tàu, cà vạt, khăn choàng. Riêng ông độc nhất một bộ bà ba, dép nhựa. Mọi người ngó ông mỉm cười. Ông cũng nở nụ cười méo mó thu người ngồi suốt mười mấy tiếng. Xuống sân bay, con ông nhìn ông bằng ánh mắt khác, không như những người nhìn ông lúc lên máy bay. Cái nhìn khác lạ, hình như buồn, như không hài lòng...

Giờ thì ông ngồi đây một mình, ngồi chong ngóc nhìn tuyết rơi trắng xóa bên ngoài khung kính cửa sổ.

Hơn bốn năm rồi, ngày nào ông cũng ở nhà một mình, loay hoay với mớ kỷ niệm cũ kỹ nơi quê nhà, bởi xứ *Xi-Tô* này ông không có bạn, chung quanh toàn người lạ, nói thứ ngôn ngữ lạ. Mỗi lần giao tiếp chỉ thấy tội nghiệp cho đôi tay, thân hình và đôi khi cả chân nữa. Luôn vặn vẹo, luôn đưa lên đưa xuống, miệng há ra, môi vẩu lên, tay chỉ chọt, chân hươ hươ như người động kinh. Có khi người bản xứ cũng hiểu đôi chút, ông cũng hiểu đôi chút qua những cái gật đầu theo cảm tính, không mấy chắc chắn. Còn hai đứa cháu không khác chi bọn họ: *oong, hót quaa... ai đơn*...Chịu.

Ông cháu mà y như người khác xứ.

Chuyện trò bằng chân tay khiến ông chán ngấy, dẹp nỗi buồn sang một bên, lò dò bước vào nhà. Nhà trống trơn, càng buồn hơn. Đứng lên ngồi xuống, rồi tựa cửa nhóng ra ngoài. Tuyết phủ dày. Thẫn thờ bước lại giá sách, lấy ra một cuốn, giở vài trang. Cũng chữ a, chữ e, chữ h... nhưng ông không tài nào đọc được hiểu được, lòng buồn xo. Xớ rớ một lúc, ông quay qua nói chuyện với bà vợ đang ngồi trong khung kính. Ông nói nhiều chuyện với bà, từ hồi chận trâu, tắm sông tới khi lớn lên, nhìn nhau, lấy nhau... bao chuyện tân toan, tấm mắn ông thầm thì, lúc cao lúc thấp, nhưng thật ra chỉ mình ông nghe. Vợ ông cứ ngồi trong khung kính ngó ông và nở nụ cười muôn thuở.

Có bữa chịu không thấu, dằn lòng đợi đến chủ nhật, ông kêu vợ chồng thằng con ra ngồi trên ghế sopha, trước mặt mình:

-Cha nói thiệt. Quá đủ rồi, là chịu quá đủ rồi. Hai đứa con mua vé cho cha về.

Thằng con trai:

-Bên nhà không còn ai nữa. Ba cứ thui thủi một mình, tối lửa tắt đèn...

Con dâu thêm:

-Bên này có đủ mọi tiện nghi chăm sóc, kể cả sức khỏe, cha lo gì.

Ông cáu:

-Thằng Quảng kêu bên nhà mình cha thui thủi, nhưng còn bà con hàng xóm, còn nói được, còn nghe chuyện với nhau, chớ bên này cha thui thủi coi bộ nặng hơn, y như người câm ra dấu vậy.

-Thôi cha, mặc áo ấm vào rồi cả nhà ra ngoài *pạac* sưởi nắng, ăn trưa.

Ông cười rung lên, thiếu chút nữa là đứt hơi:

-Đó đó... bên này chạy đi tìm nắng, còn ở nhà nắng giàu vô kể. Nắng tràn xuống sân, chun tọt vô nhà... đâu có mắc công tìm kiếm?

Đó cũng là câu nói cuối cùng rớt đánh đụi xuống sàn nhà, giữa tiếng reo của hai đứa cháu: *ya...yaa... gâu pạac... yayaaa...*

Cái *gâu pạac* của cháu và hai con ông là bãi cỏ mút tầm mắt, là những đường đi uốn lượn, cây cối xanh um, bồn hoa, vòi nước, là những bà đầm nằm tênh hênh phơi nắng, trẻ con tung tăng chạy nhảy. Ngó quanh quất chẳng thấy ai da vàng mũi tẹt như mình, ngoại trừ cha con ông cháu đang ngồi dưới tán cây cổ thụ! Ông đưa mắt nhìn một vòng rồi nhìn lại chân tay mình, hình như còn bám nặng mùi bùn phèn ở đâu đó, thoang thoảng, bắt ông nhớ, nỗi nhớ mênh mông như đám mây trắng đang bay qua trên đầu.

Bữa nay chỉ mới giữa tuần, có nghĩa là còn ngồi đợi ba ngày nữa cha con ông cháu mới gặp mặt nhau đông đủ, có nghĩa là ông còn phải đứng nơi cửa sổ nhìn ra bên ngoài: những chiếc xe cố sức trườn trên lớp tuyết giống con trùn bị ném lên mặt đất, khó khăn, chậm chạp; hàng cây trước nhà trắng xóa in hệt những tảng bông gòn bám chặt, giống như hồi nhỏ nhà ông bắn bông vải bằng cây cung để kéo sợi, bám trắng người. Nhưng những mảng bông bám lên người chỉ cần đưa tay phủi nhẹ là sạch trơn. Còn màu trắng nơi quê người thì nhếch nhác, ẩm ướt toàn một màu trắng lạnh lẽo, tang tóc đến vô cùng.

Trời đất, xứ sở chi mà có mùa đông khắc nghiệt, lạnh buốt; xứ sở chi mà mọi thứ đều không giống quê nhà? Ông liếc lên tấm lịch móc trên tường. Lịch chỉ độc nhất có ngày tháng dương, không thấy một ô, một hàng ngày âm. Ông cố moi óc, sắp xếp: 1/20 có nghĩa là ngày 20 tháng Giêng lịch tây. Ông xòe hai tay ra đếm, cộng trừ. Vậy là nhằm ngày mùng 6 tháng Chạp ta. "Cha mẹ ơi!" ông kêu lên sắp tết rồi. Chỉ còn 17 ngày nữa sẽ đưa ông Táo. Đã năm cái tết qua đi ông không được đưa rước ông Táo, không được đốt vàng mã cho ông bà, ông Táo lên chầu Ngọc Hoàng cứ một bộ quần áo cũ kỹ từ những năm trước khi ông còn ở quê, nay thì rách rưới, tả tơi. Ở xứ *Xì Tô* này tìm đâu ra vàng mã, tìm đâu ra bộ quần áo, cả miếng cốm hộc đưa ông Táo về Trời? Năm ngoái, bí quá, nhớ quá ông loay hoay tìm giấy báo cũ ngồi cắt bộ quần áo cho ông Táo, tìm hộp bút màu của cháu tô vẽ lên. Những mảng màu xanh đỏ như bức tranh, không phải loại tranh làng Hồ mà của ông tự chế, lòe loẹt. Ông tự nhủ: miễn sao có bộ áo quần tươm tất cho Táo công là đủ. Nửa đêm, ông lén ra sau nhà để xe, bày chiếc bàn con đặt ba cây nến thay nhang đèn, một dĩa chocola thay côm, một chút mứt chery thay riêm gừng... Đang lâm râm khấn vái, thằng con bất ngờ xuất hiện, la lên giận dữ: "Trời! Cha? Kiểu này thì cháy ga ra như chơi. Ở xứ người mà cha chẳng hiểu gì cả? Táo tiếc gì, chỉ vớ vẩn". Ông giật mình ngó sững bộ mặt hằm hằm của thằng con. Nó bị Tây hóa rồi, đâu còn là con mình nữa. Ông thoáng nghĩ trong đầu và lẳng lặng dẹp tất, lẳng lặng vào phòng. Buồn mà không biết lấy ai chia sẻ cùng.

Ông nghĩ: không đưa, không rước, không cúng bái bằng những lễ vật cụ thể thì cúng bái đưa rước bằng tâm linh, bằng trí tưởng tượng. Hoàn cảnh mà, ông bà nào nỡ quở trách? Hăm ba tới ông sẽ làm theo cách đó. Sắp tết rồi.

Phải, ở quê nhà đang là mùa tết. Cái mùa thiệt lạ lùng. Mùa luôn làm ông xao xuyến dẫu cho lúc hãy còn trẻ hay đã già. Bắt đầu là thứ gió chướng mang chút hơi lạnh ngọt ngào nhuộm đầy màu nắng vàng trải rộng như dãi lụa, bầu trời lúc trong vắt lúc lơ thơ vài đám mây trắng vắt ngang rồi bất ngờ âm u bất ngờ nắng, bất ngờ rớt chút mưa xuân; những hột mưa chỉ đủ làm xoăn tí bụi đường thành những ô tròn bằng mút đũa. Rồi trong vườn, sân nhà những bông vạn thọ bắt đầu nở lúp búp và chỉ sau mươi hôm thôi là xòe ra rực rỡ. Loại hoa này mới lạ, lâu tàn, đơm kín như mâm xôi. Hèn chi ông bà đặt tên vạn thọ cũng phải. Loại hoa ấy, cùng với đất trời làm sáng rực lên một góc vườn. Bướm nữa. Bướm vờn quanh những cánh hoa và đâu đó tiếng chim hót rộn ràng, xoắn xít như bóng nắng muốn trói chúng lại rồi thả tung lên trời cao.

Xâm xẩm thì tiếng chày giã cốm bắt đầu nện thình thịch, hương cốm mùa Giêng theo tiếng chày bay lên, lan tỏa khắp các truông tre, thơm lừng lựng. Tháng Chạp, bếp nhà nào cũng đỏ lửa. Khói củi, khói than nồng nàn. Chảo riêm gừng sôi lục sục. Những mảng đường trắng bao lớp mỏng miếng riêm như thể các cô gái thoa chút phấn làm duyên... Tất cả những thứ đó, qua trí nhớ còm cõi khiến ông nôn nao như thể mình là đứa trẻ nít chờ ngóng mẹ mua bộ áo quần mới, giày dép mới.

Bốn mùa tết qua đi lặng lẽ nơi xứ người. Ai cũng dửng dưng với nó. Người bản xứ, không cùng văn hóa, ngôn ngữ đã đành một lẽ. Đến cả những lưu dân nơi quê người cũng không có chút thời gian hưởng mùa tết! Ông bạn già tận tít Cali năm ngoái gọi xuống: "Người đồng hương thì nhiều, cũng tết nhứt, bánh trái, chúc tụng... nhưng sao tui thấy nó lạt phèo". Ông hỏi cớ sao lại lạt phèo? Ông bạn già đáp: Không có mùa tết. Không có không khí tết như quê nhà! Nói và ông thở đánh xì và gát máy y như rằng đó là lời trăn trối với người bạn chân tình.

Suốt cả tuần, Hai Son cứ loay hoay với mùa tết của ông. Ông nhớ miếng thịt kho tàu, nhớ món cải chua, củ kiệu tôm khô và xị rượu đế, những lùm vạn thọ, cúc và lũ trẻ nít xúng xính áo mới, bao lì xì màu đỏ tươi và cả câu hò mang mang tận xóm dưới... chúng quyện với mùi nhang khiến chỗ nào cũng thơm ngan ngát.

Giá như có đôi cánh, ông sẽ bay lên, bay ra khỏi xứ tuyết trắng xóa buồn thảm, bay về tận ngôi làng bé nhỏ của mình ngay lập tức để hưởng trọn vẹn mùa tết ngọt ngào.

NGUYỄN LỆ UYÊN



NÉT XUÂN HÀ NỘI

HOÀNG BÍCH NGA

Vào những năm 1970, cứ mỗi khi chợ hoa tết được mở ở phố Hàng Lược, Hàng Mã và những con phố quanh đó là tôi rất hay đứng ngắm chợ hoa từ trên ban công tầng 4, ngôi nhà 14 Thuốc Bắc. Bởi từ trên cao nhìn xuống, thấy dòng người qua lại rất vui mắt, từ khi chợ hoa mở cho đến khi chợ tàn. Nhìn thấy hoa đua sắc là thấy mùa xuân ùa vào Hà Nội, từng ngõ ngách, từng lối đi, xuân phủ dày không gian Hà Nội.

Sau khi dùng cơm chiều xong, cả nhà tôi đi thăm chợ hoa. Từ khi chợ hoa mở, tối nào cả nhà cũng dạo chợ hoa, vì lúc ấy các con đã nghỉ học, tối không phải lo học bài.

Tôi và chồng đi bên nhau, để hai con trẻ tung tăng ngắm nhìn những bông hoa đẹp, và những đồ chơi dân gian làm bằng bìa, làm bằng bột nếp, bằng nan tre...nhưng trông rất bắt mắt. Các cháu rất thích một đồ chơi bằng bìa cứng cắt rất khéo, đó là một chú khỉ đang gảy đàn. Khuôn mặt chú rất hài hước, nụ cười rộng ngoác như xé rách cái hàm choắt của chú. Tay chú đang gảy cây đàn ghi ta trông khá thiện nghệ, chân giơ lên, hạ xuống theo nhịp của đôi tay gảy đàn. Đồ chơi sinh động, các con không dứt ra được, chúng tôi mua cho con, giá phải chăng nhưng chúng rất vui, cứ chơi hoài, cho đến khi không chơi được nữa.

Hoa tết đủ các loại. Tôi thích ngắm những bông hồng. Hồng nhung đỏ thắm, gợi nhớ tình yêu nồng đậm của các đôi tình nhân. Bông phấn hồng e ấp như cô gái mới lớn. Hồng trắng tinh khiết, mỏng manh như đời người thiếu nữ. Những bông hồng vàng như sự bí ẩn của đời người. Có người nói màu vàng là màu của sự bội phản, có người lại lại nói, bông hồng vàng chứa đựng những tình cảm sâu nặng của các mối tình ngang trái... Riêng tôi, cứ bông hồng nào thơm ngát, màu gì cũng được, tôi đều rất thích Tôi nâng niu bông hồng, cắm nó vào chiếc lọ thuỷ tinh nhỏ, đặt trên chiếc bàn nhỏ mà tôi hay ngồi để được ngắm hoa cho lòng thư thái. Hoa hồng Hà Nội hồi đó rất thơm và không độc bởi những chất bảo vệ hoa như bây giờ. Người trồng hoa bây giờ dùng thuốc cho hoa nở đúng ngày Tuần, Rằm và mồng Một âm lịch hàng tháng, những ngày kỷ niệm, như ngày Valentine, ngày 8/3...

Những năm ấy chưa có nhiều hoa ngoại, chủ yếu là hoa của vùng Nghi Tàm, Quảng Bá, Nhật Tân và những vùng gần Hà Nội đưa về. Người ta có thể ôm hoa, ngửi hoa mà không sợ bị chất độc đe doạ.

Những loài hoa khác như thược dược, cẩm chướng, địa lan, những bình thuỷ tiên với hoa vươn thẳng, trắng muốt được gọt tỉa công phu điểm tô cho chợ hoa phong phú. Hoa phong lan, đủ loại, hồi đó rất quí hiếm.

Rồi những cành đào tuyệt đẹp được đem bán, cành đào đó đã nuôi dưỡng trong vườn. Đào Hà Nội phần lớn được trồng ở làng Nhật Tân. Cứ mùa xuân đến, trai thanh, nữ tú và những người yêu đào hay đến vườn đào tươi thắm của Nhật Tân để chiêm ngưỡng. Chủ nhân của các vườn đào chăm bón, nâng niu hàng năm trời để tết có đào kịp hé nụ đem bán. Các cây đào thế được trồng trong chậu, tạo dáng rất mềm mại với những hình, thế phù hợp với thị hiếu người mua.

Cành đào mua về có thể cắm vào lục bình, cân đối với không gian của nhà mình. Những chậu đào thế thì lại hợp với những gia đình ưa bài trí theo kiểu văn hoá xưa, mang tính truyền thống.

Hồi ấy, chẳng có những cành đào to tướng được chặt từ núi rừng Tây Bắc mang về như ngày nay, bởi, người Hà Nội có thú chơi tao nhã, vả lại, nhà cũng chẳng to như bây giờ, phương tiện đi lại khó khăn, làm sao chở được những cành đào lớn, như bị phạt đi, lấy cắp đi những nét đẹp của núi rừng, mang về Hà Nội phục vụ cái thú chơi ngông của một số người ! Và nữa, vườn đào Nhật Tân đâu còn như xưa, cái mênh mang, bạt ngàn của làng hoa đào đã đi vào dĩ vãng, đem lại cái nhớ day dứt cho người yêu đào.

Còn quất thì, lá nhỏ, xanh thắm, quả cũng nhỏ, nhưng hoa và quả quất rất thơm. Tết, chơi quất qua rằm, hái từng quả quất, rửa nước muối, ngâm đường sẽ đươc một loại nước giải khát lành, để lâu lại giống như một vị thuốc dùng để chữa ho. Quất ngâm muối cũng vậy, là vị thuốc của mỗi gia đình. Quất nay khác hẳn quất xưa, trông quả to hơn, màu quả đẹp hơn và quả ở trên cây lâu hơn nhưng chỉ để ngắm chứ không dùng quả làm vị thuốc quí được vì cả cây quất đã được phun thuốc để giữ cho cây, quả lâu hỏng.

Người bán hoa ở chợ hoa xưa mời chào nhẹ nhàng, vui vẻ. Họ nói, phải có cách giữ hoa, giữ quất để tết hoa mới làm nụ và nở đúng vào những ngày tết đấy. Cây quất phải có quả chín, quả xanh, có hoa thơm ngát người mua mới thích.

Hồi ấy giữ hoa đâu có dễ như bây giờ. Vì thế, kỹ thuật giữ hoa được tươi và nở đúng ngày khách mong đợi trước đây rất kỳ công, chỉ những nghệ nhân trồng hoa mới nắm được kỹ thuật này.

Có những người bán hoa, gần đến giao thừa, hoa chưa bán hết, quần áo mong manh, cái rét cuối năm như cào xé, họ mong chờ những người khách cuối cùng. Họ vừa bán vừa tặng người mua, vì, chẳng ai đi chợ mà lại mang hoa về, bán rẻ một chút cũng được để khỏi vương vấn với món hàng hoa của mình, để kịp về nhà đón giao thừa.

Thời bao cấp, chẳng có nhiều thứ để dùng đón xuân. Từ gạo nếp, đậu xanh, thịt lợn để gói bánh chưng, làm giò lụa, giò thủ và nhiều món ăn khác nữa cho ngày tết, người Hà Nội phải chuẩn bị từ khá lâu. Thực phẩm cho ngày tết được bán theo tem phiếu, rất hạn chế cho việc làm cỗ ngày tết nhưng người Hà Nội vẫn xoay xoả được. Có người còn tự nuôi lấy lợn, gà ngay trong những ngôi nhà nhỏ bé của mình để cùng bà con, cô bác ăn tết. Cái khó ló cái khôn, lâm vào hoàn cảnh nào người Hà Nội cũng có những ứng xử phù hợp.

Nay, Hà Nội đã khác nhiều. Đời sống của người dân, cảnh quan của Thủ đô đổi mới từng ngày. Đường phố Hà Nội đẹp, hiện đại, khang trang. Những siêu thị, trung tâm mua bán, những ngôi nhà đẹp, hiện đại mọc lên khắp nơi. Người Hà Nội, đa phần không phải lo nhiều đến cơm áo, gạo tiền. Tết nay, người Hà Nội có nhiều thú vui hơn, họ hay đi du lịch. Xa Hà Nội, xa nhà, nhưng trước khi đi họ vẫn chỉnh chang ngôi nhà thân thương của mình để đón tết. Hoa đào, quất, cây cảnh...là nét xuân không thể thiếu của người Hà Nội. Người Hà Nội khá tinh tế khi thưởng thức những món ngon ngày tết. Ăn, uống là thú vui được lựa chọn, không xô bồ, chém to, kho mặn.

Xuân về, tết đến, sắc xuân phủ trên đôi môi của những cô gái Hà Thành và trên những nụ cười của các chàng trai Hà Nội. Người và cảnh, cây và hoa xuân của Hà Nội hoà quyện tạo nên cái đẹp riêng của Hà Thành mà không phải nơi nào cũng có được. Bạn cứ đến Hà Nội chơi tết sẽ thấy, nơi này đa dạng sắc màu, trong cái ồn ào vẫn tìm được sự tĩnh lặng. Trong cái mênh mang của đất trời vẫn tìm thấy sự sâu lắng của tâm hồn người. Người Hà Nội sẽ tiếp bạn bằng những món ăn ngon, vừa mang tính truyền thống vừa hòa quyện với ẩm thức sáng giá của bốn phương. Mến khách, một biểu hiện nét đẹp của người Hà Nội.

Sự chân tình và lịch thiệp níu khách đến thăm nhà. Thăm nhà nhau, chúc tết nhau đầu năm là truyền thống mà các gia đình Hà Nội, cũng như các gia đình người Việt khác thường làm.

Ở Hà Nội có nhiều chỗ chơi Tết lắm. Có những người, tuổi đã cao, nhưng trước thời khắc giao thừa vẫn đi xe máy hoặc trải bộ trên phố phường Hà Nôi để ngắm người, ngắm phố phường tĩnh lặng đêm cuối năm. Vì những ngày này, Hà Nội rất vắng. Ta dạo chơi trên đường phố, trên các bờ hồ ở ngay trung tâm Hà Nội như Hồ Gươm, Hồ Hale, hồ Ngọc Khánh, hồ Bảy mẫu, hồ Ba mẫu, Hồ Tây, hồ Trúc bạch...mới thấy Hà Nội đẹp, đa sắc với sự phối hòa của thiên nhiên và sự xây đắp của con người. Mặc dù, có những công trình mới xây có phá nét cổ kính xưa, nhưng đa phần, hình hài của Hà Nội vẫn được lưu giữ . Những di tích lịch sử của Thành đô luôn luôn dập dìu người thăm viếng. Hầu như phường nào cũng có chùa hoặc nhà thờ công giáo, nhà thờ tin lành được người dân góp công tu bổ, để cho mỗi năm, khi tết đến, tâm linh của con người được thỏa nguyện, họ đến các cơ sở tôn giáo để cầu chúc cho gia đình mình, cá nhân mình được Phúc- Lộc- Thọ - An khang và hạnh phúc.

Hàng chục năm nay, những cô cậu học sinh, sinh viên, những văn nhân và trí thức Thủ đô hay chọn Văn miếu Quốc tử giám làm nơi xuất hành đầu năm. Cái sự học đã được người Hà Nội coi là cái gốc của sự phồn vinh và nếp sống hiếu nghĩa trong các gia đình. Vì họ tin, khi trí óc được khai sáng, con người sẽ biết phân biệt cái đúng, cái sai, cái thiện, cái ác...con người sẽ đến được với Chân- Thiện- Mỹ.

Những chàng trai, cô gái đang yêu, những người muốn hạnh phúc gia đình viên mãn hoặc gặp những trắc trở trong tình yêu đôi lứa, họ hay chọn chùa Hà- thuộc Cầu Giấy Hà Nội làm nơi đi lễ đầu năm, cầu cho mình được hạnh phúc và tai qua, nạn khỏi.

Ở đường phố Hà Nội cổ, xưa, những ngôi nhà kiến trúc theo kiểu Pháp vẫn giữ được nét đẹp hài hòa, thanh thoát mà sang trọng. Nhà Hát Lớn, xây dựng 1901, nhà Viễn đông Bác cổ xưa- nay là Viện bảo tàng lịch sử, Phủ Toàn quyền hay Phủ Chủ Tích, xây dựng năm 1902. Nhà khách chính phủ- Bắc Bộ phủ trước đây và khách sạn Metropole trên đường phố Ngô Quyền. Tòa án Tối cao trên đường Lý Thường Kiệt . ...vẫn là những nơi du khách đến chơi xuân Hà Nội nên lưu tới.

Những hàng cây cổ thụ trên đường Phan Đình Phùng. Hoàng Hoa Thám, Trần Phú, Chu Văn An, Đường Láng...vẫn uy nghi, xanh bốn mùa, tỏa bóng râm trong ngày hè oi ả và tĩnh lặng, trầm tư trong những ngày đông lạnh giá, đâm chồi nảy lộc xanh mướt khi xuân sang.

Xuân đến, Hà Nội đẹp lạ lùng. Những nét thanh lịch trong nếp sống của người Hà Nội có bị phôi pha bởi một số người không có ý thức gìn giữ. Nhưng, đa số người Hà Nội xưa, nét thanh lịch đã ngấm vào máu, chẳng thể mất đi. Và nữa, có người không có gốc gác lâu đời ở đây, nhưng họ ý thức được mình sẽ học được nếp sống văn minh, thanh lịch dễ dàng hơn khi được sống ở đất đô thành ngàn năm văn hiến. Bởi cái đẹp không dễ tìm nhưng cũng lại rất khó mất nếu nó được lưu giữ trong thẳm sâu nếp sống, tâm hồn của những người Hà Nội.

Hà Nội, viên ngọc quí của nước Nam vẫn đẹp đến nao lòng khi ai đã từng sống và qua đây ./.

HOÀNG BÍCH NGA



XUÂN AN NHIÊN

BẢO LỄ

Ngày xuân đến, thế gian khoe áo mới. Cái tuổi thơ hồn nhiên cũng cạn dần nhường cho mái tóc điểm sương nếu cuộc đời diễm phúc tồn tại. Ôn cố tri tân, miên man đất trời với bao thành hư còn mất.

Dù cho "Nhân diện bất tri hà xứ khứ, Đào hoa y cựu tiếu xuân phong" (Thôi Hộ) với cái cảm người xưa đâu tá, chỉ thấy hoa đùa trong gió xuân về?...

Với con người bình thường với suy tưởng cùng hồ bao vui buồn trút lên thế sự thăng trầm, ngụp lặn sinh tử thì dưới cái nhìn của người xem thời gian bao giờ cũng xuân lại là chuyện khác.

Xuận đến thật nhẹ nhàng, ý tứ, thầm thỉ như cô gái tuổi mười tám:

Khả liên vô hạn thương xuân ý
Tận tại đình châm bất ngữ thì.
(Xuân nhật tức sự- Huyền Quang Thiền sư)
(Tạm dịch:Thương xuân không sao nói hết,
chỉ biết đọng lại trên đường kim mũi chỉ)

Xuân trong đạo Phật là Xuân của tất cả mọi loài chúng sanh ở mười phương pháp giới. Chính các Thiền sư đã coi chân như một sinh vật tiềm ẩn trong vạn vật.

Nhà sư Chân Không đã có câu kệ mang ý của bài thơ Mãn Giác:

Xuân khứ xuân lai nghi xuân tận,
Hoa khai hoa lạc chỉ thị xuân."
(Xuân đến xuân đi ngỡ xuân hết,
Hoa nở hoa tàn ấy vẫn xuân.)

Đó là cảm quan thiền của thiền sư ở thế kỷ XI về mùa xuân.Thế nhân hay dao động buồn, vui trước dòng đời biến ảo vì chưa thấu rõ quy luật thành, trụ, hoại, diệt của vạn vật. Dưới tuệ nhãn của thiền sư, thật tướng của mùa xuân hiển lộ rõ, dù hoa nở hay hoa tàn, xuân đến hay xuân đi đó vẫn là xuân. Như vậy chân như có gốc ở tâm "Tâm là Như Lai Tạng", các pháp có tính bắt nguồn từ tâm. Trong quy luật sinh diệt này người ta còn nhận ra cái không sinh diệt "đó là Phật pháp bất ly thế gian" .

Không cảm khái như Nguyễn Du tự day dứt gởi lòng mình vào không gian phút giây thay màu đổi dạng, dù thấy cảnh xuân vốn là nhập đề của một trang thơ đời:

"Cỏ non xanh rợn chân trời
Cành lê trắng điiểm một vài bông hoa", thế nhưng:
" Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ".

Ngỡ ngàng qua một đêm xuân, Mạnh Hạo Nhiên nhà thơ Đường cũng bật thốt:

Dạ lai phong vũ thanh,
Hoa lạc tri đa thiểu? (Xuân Hiểu)
(Tạm dịch: Gió mưa xào xạc trong đêm
Cánh hoa nào biết rụng thêm ít nhiều?)

Cụ Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm càng cảm khái hơn cho thân phận già yếu bệnh tật trong lúc đất trời đang trở mình giao mùa:

"Lão lai khước dữ bệnh tương kỳ"
(Già đến lại cùng với bệnh tật lại gặp nhau)

Cuối trời chiều thảng thốt câu thơ của Bà Huyện Thanh Quan bỏ hết chuyện đã qua để quay nhìn về cố hương khi người và cảnh là một.

Gác mái, ngư ông về viễn phố
Gỏ sừng, mục tử lại cô thôn.
(Chiều hôm nhớ nhà).

Xuân có tự bao giờ hỏi ai để biết? Xuân mang đến những gì, chỉ hỏi chính mình mới có thể hay? Trong cuộc đời có những điều khi hỏi hết mọi người mà cũng không cách nào để hiểu được,

vậy thì nên tự hỏi chính mình. Thiền Tăng cũng đang trãi nghiệm của chính cuộc đời mình từng phút giây khi xuân đến. Khứ lai tự tại, duyên hợp duyên tan, mặc cho đến đi, kệ cho tan hợp, xuân của Thiền Tăng luôn còn mãi mãi, mặc cho khứ lai của cuộc đời nào ảnh hưởng gì đến xuân, Thiền sư và xuân chỉ là một tướng, xuân và Thiền sư vẫn một sắc thôi.
Chính vì trong ý đợi xuân nên vuaTrần Nhân Tông đã hân hoan diễn bạch:

Niên thiếu hà tằng liễu sắc không,
Nhất tâm xuân tại bách hoa trung.

(Tạm dich:Tuổi niên thiếu hai chữ sắc không chưa từng hiểu rõ, chỉ thấy xuân về tâm mình vui rộn cùng với trăm hoa.)

Và xem xuân là tướng sinh ra đời người trong năm "Nhân chi sanh tướng, tuế nãi xuân thì" vì hoàn cảnh có khác nhau nhưng ai cũng có một tuổi xuân tràn trề ước vọng.

Xuân đến đâu có ý làm cho cỏ cây xanh tươi rồi khô héo, để cho con người khôn lớn rồi già nua, tất cả chỉ là sự vần chuyển tự nhiên của trời đất, là định luật của vô thường "sanh- trụ- dị- diệt" mà thôi. Có hiểu được như vậy thì với xuân mới đủ tình đủ vị, và nếu ngộ được lẽ thường tình ấy thì cùng xuân "trẻ mãi không già", vui mãi vẫn vui.

Xuân vốn là như vậy vui buồn lẫn lộn, ý xuân có khác gì, được mất, có không. Cái không tưởng con người cứ bám víu đi tìm là vòng đời quá hạn hữu muốn là vô hạn. Con chim én biểu trưng thời xuân kia đâu biết mình quá đoản mệnh vì không có tầm nhìn vượt quá vòng đời chính minh, khi chúng ta là con người nên nghĩ khác. Tại sao con người cứ đi tìm trong một thế giới vật chất hỗn độn không gì bất biến hay tồn tại vĩnh viễn mà ít khi nào bằng lòng với chính nó, mà điểm dừng lại là khi nhìn vào chính mình. Thật lạ!

Nhất thiết hữu vi pháp,
Như mộng ảo, bào ảnh,
Như lộ diệc như điển,
Ứng tác như thị quán. (Kinh Kim Cang)
(Hết thảy pháp hữu vi, như mộng ảo bọt nước,
như điện chớp sương sa, nên quán sát như vậy).

Thế giới vật chất kia chỉ là nhận thức trong ta, nên thấu xét về chúng chỉ là hình tướng của thực tại, không có đến và đi mà cũng chẳng mất và còn. Và, vua Trần NhânTông đã thể hiện một cách cụ thể qua câu kệ với Pháp Loa :

"Nhất thiết pháp bất sinh
Nhất thiết pháp bất diệt
Nhược năng như thị giải
Chư Phật thường hiện tiền
Hà khứ lai chi hữu"
(Hết thảy pháp không sinh,
Hết thảy pháp không diệt;
Nếu biết được như thế,
Chư Phật thường hiện tiền.
Vậy còn có gì là đi với đến)

Những nhận thức sai biệt "Tri kiến lập tri" khi chúng ta nhìn vào hiện tượng sự vật rồi lắp ghép vào đó tậm sự chính mình để cảm nhận sự vui buồn, có không, đến đi. Làm sao thoát khỏi những trói buộc của khái niệm để có một xuân trong thu tàn đông buốt?

Cớ chi Đỗ Phủ phải buồn rầu:

Tuyệt tri xuân ý hảo
Tối nại khách sầu hà (Giang mai)
(Tạm dịch: Ý xuân luôn trọn đẹp, Lòng khách sao lại buồn ?)

Xuân ở quanh ta đầy tin tưởng ước vọng, chuyện ở cõi ta bà này dù " hoa nở, hoa tàn" vẫn là xuân. Quên đi chuyện hỉ nộ ái ố để trong tâm tinh khôi một nụ cười. Nếu nhận đúng được vấn đề thì chúng ta chẳng có gì băn khoăn, thoát được khỏi định kiến phân biệt của thế giới vật chất kia, để thấy xuân kia vẫn an nhiên trú tại tâm hồn. Và thế là, xuân đã " bất lai diệt bất xuất", không đến không đi...

BẢO LẾ



truyện ngắn

KHOẢNG TRỐNG MÙA XUÂN

HẠO NHIÊN NGUYỄN TẤN ÍCH

Hôm qua, nhân chuyến chở gạch ngói tại thị trấn Madagui, Hạnh đến khu kinh tế mới Cát Tiên để báo cho Cẩm Thi biết Tuấn được ra tù. Chậm lắm là ngày mai chàng sẽ về đến nơi. Đó là tin tức Hạnh nhận được từ bức thư của cụ Thuần, bố nàng gởi về.

Nhân ngày Tết Nguyên Đán sắp đến, Hạnh mang biếu Tuấn một chiếc áo vét-tông, loại hàng "xi-đa" của nước ngoài cứu trợ. Chiếc áo còn khá tốt, bằng loại vải nỉ màu xám xanh có những sọc nhỏ trắng vừa lịch sự lại vừa có thể "trị" được cái rét nứt da của mùa Đông trong thung lũng đầy uất khí nầy. Được tin bất ngờ, Thi ôm chầm lấy Hạnh, vùi mặt vào vai bạn để che giấu những giọt nước mắt vui mừng.

Từ khi đứa con gái của Cẩm Thi và Tuấn bị bệnh sốt xuất huyết bỏ mình tại khu đầm lầy này, cuộc sống của nàng vô cùng ảm đạm. Nỗi đau buồn, thương tiếc đứa con thân yêu khiến Thi hụt hẫng. Nàng như chiếc lò xo mất hết xung lực. Tương lai là bóng mây chập chùng vây bũa, chỉ còn sót lại chút lửa sưởi ấm trái tim cô đơn của nàng là niềm hy vọng nhỏ nhoi vào ngày đoàn tụ của chồng. Đã nhiều lần Hạnh khuyên nên bỏ khu kinh tế mới này đi nơi khác nhưng Thi không muốn rời xa nấm mộ đứa con gái yêu quý của mình.

Việc đầu tiên của Cẩm Thi là sửa soạn và quét dọn túp lều cho sạch sẽ, thoáng mát. Mua chiếc chiếu mới thay chiếc chiếu trải giường đã mòn, và một chiếc gối độn bông gòn dành riêng cho Tuấn. Kéo tấm màn gió qua một bên để lộ chiếc giường với hai cái gối đặt song song bên nhau khiến lòng Thi bỗng dưng rạo rực, đỏ mặt thẹn thùng. Đã mười năm vò võ đợi chồng, đêm về nghe ray rứt niềm cô đơn. Hôm nay, tinh thần phấn chấn, Thi chợt nhớ đến bài thơ của Tuấn gởi cho nàng ngày mới vào tù. Chàng đã dịch theo ý bài thơ Xuân Tứ của thi hào Lý Bạch nói lên tâm sự của người vợ chờ chồng:

Đất Yên cỏ mọc tơ xanh
Bãi dâu đượm nét thiên thanh xứ Tần
Ngày về chàng nhớ bao lần

Bấy nhiêu lần thiếp như dần ruột đau
Gió xuân nào biết cho nhau
Bỗng dưng lay động màn sau làm gì ?!

Thi trải một tấm vải nhựa màu xanh nhạt lên mặt chiếc bàn nơi phòng khách. Cái áo vét-tông, quà Tết của Hạnh tặng cho Tuấn được choàng lên thành chiếc ghế dựa. Đứng ngoài xa nhìn vào cái phòng khách tý hon ấy, lòng Thi thấy rộn lên những kỷ niệm êm đềm của ngày nào vợ chồng nàng đến thành phố Đà Lạt hưởng tuần trăng mật sau ngày lễ thành hôn. Trong căn phòng lớn của khách sạn, trên bàn xa-lông, một bình hoa tươi được chăm sóc mỗi ngày. Những đóa hồng nhung hàm tiếu hương thơm thoang thoảng. Chợt, Thi nảy ra sáng kiến phải có bình hoa trên bàn ăn. Chồng nàng dù là một quân nhân nhưng tâm hồn lại như một thi nhân, mơ mộng và đa tình. Ở đây đủ loại hoa rừng mình có thể góp nhặt được một bình hoa rực rỡ sẽ tăng thêm phần trang trọng cho bữa cơm đoàn tụ và mang chút hương vị ngày Xuân. Thi thâm quyết định.

Buổi sáng, khi sương đêm còn đẫm ướt lá rừng, mặt trời chưa nhuộm vàng trên đỉnh dãy núi cao, Thi đã cắp rổ đến ven rừng chọn cắt những cánh hoa dại có màu sặc sỡ nhất đem về chưng trên bàn ăn. Bên cạnh bình hoa, nàng đặt sẵn hai cái chén cùng hai đôi đũa. Nàng nấu một xoong cơm, đặc biệt gạo trắùng không độn sắn như mọi ngày. Một đĩa thịt heo kho, một đĩa rau muống luộc. Thi nhớ lại những bữa cơm thịnh soạn ngày trước, Tuấn lúc nào cũng thích món cá biển chiên dòn. Nàng vội vã đóng cửa cẩn thận rồi đạp xe chạy ra thị trấn Madagui cách nhà khoảng bốn cây số, mua cho được lát cá biển để đãi chồng.

**

Dưới bầu trời nắng ấm của tiết lập Xuân, con tàu Thống Nhất xuôi Nam lướt qua những cánh rừng cao su bạt ngàn của miền Nam. Trong toa tàu chất đầy hàng hóa, hai người, một già một trẻ ngồi bệt trên sàn tàu. Cả hai mặc áo quần tù. Thân thể người nào cũng gầy gò, xanh xao.
Cụ già ngồi bên lên tiếng hỏi :

- Hôm nay là ngày 29 tháng Chạp, chỉ còn mười mấy tiếng đồng hồ nữa là lễ đón giao thừa, cậu định về đâu?

Người tù trẻ hướng mắt nhìn qua khung cửa tàu, buồn bã trả lời :

- Bố mẹ cháu đã qua đời từ lâu. Giờ đây cháu không còn một ai thân thích. Cách đây bốn năm vợ cháu sống tại khu kinh tế mới Cát Tiên có nhờ một người mang vào trại tù ít quà và một bức thư báo tin đứa con gái của cháu đã chết vì bệnh sốt xuất huyết. Từ đó đến nay bặt tin nàng. Tuy nhiên, cháu sẽ đến Cát Tiên tìm vợ cho trọn tình trọn nghĩa. Trong thâm tâm, cháu làm sao tin được mười năm qua nàng ở vậy chờ chồng. Điều bán tín bán nghi là bốn năm sau cùng, nàng không hề viết cho cháu một lá thư nào. Nếu vợ cháu có sang thuyền khác, cháu cũng chẳng hề giận hờn, trách móc. Cầu mong cho nàng có được hạnh phúc với người chồng mới. Ông cụ nhìn người bạn tù trẻ, an ủi :

- Tuổi trẻ của cậu còn có điều kiện gầy dựng lại tương lai, bi quan làm gì cho mất nhuệ khí.

Tiếng còi tàu bỗng hú vang báo hiệu đến trạm dừng đã cắt ngang câu chuyện giữa hai người. Anh tù trẻ đứng lên, lễ phép bắt tay người tù lớn tuổi khi con tàu vừa ngừng hẳn trên sân ga. Ôm trên tay chiếc túi bằng bao cát, anh ta bước xuống tàu hướng về ngã ba Dầu Giây.

Chiếc xe khách hiệu Renault chạy ì ạch trên quốc lộ 20 trực chỉ đến huyện Đạ- Hoai tỉnh Lâm Đồng. Trải qua mấy tiếng đồng hồ ngồi ép mình trong lòng xe nhét đầy hàng hóa, người tù uể oải bước xuống xe tại ngã ba Madagui rồi thuê xe ôm vào khu kinh tế mới Cát Tiên.

Sau khi dò hỏi biết rõ nhà của Lê Thị Cẩm Thi đang ở, người tù xăng xái đến căn nhà lá nằm cạnh bờ suối. Lòng anh rộn ràng nhìn căn nhà trước mặt đứng im lìm như cam chịu cái nắng hầm hập của núi rừng. Cạnh nhà là con suối, nước chảy róc rách dưới những tảng đá nằm phơi mình giữa dòng nước trong. Anh hồi hộp tiến vào trước mặt nhà rồi gõ vào cánh cửa. Yên lặng. Người tù vòng ra sau nhà. Trên bếp là xoong cơm còn ủ than hồng. Anh lại vòng quanh ra phía trước. Nhìn qua cửa sổ nơi phòng khách, anh trông thấy trên chiếc bàn ăn với hai cái chén, hai đôi đũa và một bình hoa tươi. Anh nghĩ, có lẽ vợ anh chuẩn bị đón Giao thừa, rồi chú ý đến chiếc áo vét-

tông đàn ông choàng trên lưng dựa của chiếc ghế ngồi khiến anh tái mặt. Nhìn sâu bên trong là chiếc chõng tre có hai cái gối đặt song song trên đầu giường. " Thế này là thế nào?", người tù tự hỏi. Rõ ràng là vợ anh hiện đang sống chung với một người đàn ông khác. Thoạt tiên, anh tự an ủi : " mình tìm lầm nhà" nhưng khi tấm ảnh của con gái anh trên trang thờ đập vào mắt khiến anh lặng người. Trái tim anh tưởng chừng như có bàn tay vô hình bóp chặt, cơn đau đớn tận cùng làm tê liệt cả tứ chi. Nước mắt ứa ra chảy ràn rụa trên khuôn mặt xanh xao của người tù đang đứng chết lặng trước thềm nhà. Chợt tiếng chim khách vang lên trên ngọn cây cao bên dòng suối. Anh sực tỉnh, vội lấy bút viết vài dòng nguệch ngoạc vào một mảnh giấy nhỏ, gài vào cánh cửa liếp, rồi rời căn nhà như chạy trốn.

Cẩm-Thi lật đật đạp xe về nhà, mồ hôi ướt đẫm lưng chiếc áo bà ba. Trên ghi-đông xe treo lủng lẳng chiếc làn đựng lát cá và ve dầu phụng mới mua. Dựng xe vào gốc cây trước sân, nàng dáo dác nhìn quanh. Chẳng có ai. Thi yên tâm mở cửa vào nhà. Bất ngờ mảnh giấy nằm trong kẹt cửa rơi xuống đất. Mở mảnh giấy ra, Thi bàng hoàng nhận ra chữ viết của Tuấn : *"Chúc mừng hạnh phúc mới của em. Vĩnh biệt con gái yêu thương của Ba" !*

Thi vứt tờ giấy xuống nền nhà rồi ôm mặt khóc tức tưởi...

**

Thời gian thấm thoắt trôi...

Từ khi Tuấn rời căn nhà của Cẩm Thi, không ai biết điều gì đã xảy ra. Chuyện của hai người tưởng chừng như đi vào quên lãng.

Đầu năm 1990, Hạnh và con đến Mỹ theo diện đoàn tụ với chồng. Hai năm sau 1992, ông cụ Thuần lên đường định cư tại Hoa Kỳ theo diện cựu tù nhân chính trị. Người tù lớn tuổi cùng về với Tuấn trên một chuyến tàu xuôi Nam vào những ngày giáp Tết chính là ông Thuần bố của Hạnh. Hiện gia đình của họ sống sum họp tai thành phố Stockton thuộc miền Bắc California. Đời sống của vợ chồng Hạnh đã tạm thời ổn định.

Hạnh đẩy chiếc xe đi chợ đựng đầy thức ăn băng qua khu parking đến xe của nàng đậu từ xa. Chợt một người đàn ông hai tay xách mấy túi nylon đựng thức ăn đi lướt qua mặt nàng. Nhìn nghiêng khuôn mặt người ấy có nét hao hao giống Tuấn. Nàng nhanh chân vượt qua để nhìn tậân tường khuôn mặt của anh ta. Hạnh vẫn còn hoài nghi bởi đã gần hai chục năm rồi có thể bị nhìn lầm - nàng nghĩ. Nhưng để cho chắc chắn, nàng hỏi :

- Xin lỗi, có phải anh là Trương Đình Tuấn, chồng của cô Lê Thị Cẩm Thi ở Việt Nam.

Người đàn ông ngạc nhiên đứng lại nhìn Hạnh một hồi lâu, lên tiếng :

- Xin lỗi, tôi chưa được hân hạnh biết cô. Ngưng một lát như để gợi lại trí nhớ của mình, anh ta tiếp:

- Vâng, tôi là Tuấn, người chồng trước của cô Thi.

- Thế ai là người chồng sau ? Hạnh bực bội xẵng lời.

- Làm sao tôi biết được ?

- Nầy anh Tuấn, anh đã nhận ra tôi là ai chưa ?

- Tôi nhớ đã có lần gặp chị nhưng quên tên.

- Hạnh đây, bạn của Cẩm Thi vợ anh đấy.

Tuấn vừa kịp ồ lên một tiếng thì Hạnh đã chận ngay :

- Tôi sẽ không xin lỗi anh cho dù lời nói của tôi sau đây có cộc cằn, thô lỗ : Anh là một người chồng rất hồ đồ và tàn nhẫn. Đã sáu năm qua tôi cố ý tìm anh để thanh minh cho Thi, nhưng hoài công. Có lẽ Thượng đế thấy rõ lòng Thi, cho nên hôm nay trời dun dủi cho tôi gặp được anh. Tôi cần nói chuyện với anh về Thi, và sẵn dịp mời anh đến nhà sẽ gặp ông Thuần bố tôi. Ông cụ thường hay nhắc đến tên anh luôn. Đây là số điện thoại và địa chỉ của tôi. Chiều mai tôi mời anh đến nhà dùng cơm gia đình. Hy vọng anh không từ chối. Tôi sẽ cho anh biết tin tức về Thi, một người vợ chung tình và rất đáng ca ngợi. Hạnh nói xong đẩy xe đi. Tuấn chần chừ muốn hỏi thêm

điều gì đó, nhưng nàng không quay đầu lại.

Cuộc gặp gỡ giữa cụ Thuần và Tuấn khá cảm động. Hai người quấn quít bên nhau nhắc lại những năm tháng khổ lụy trong tù. Sau bữa cơm, Hạnh xin phép cha và chồng được nói chuyện riêng với Tuấn.

Nàng đặt hai ly nước trên chiếc bàn nhỏ dưới mái hiên trước nhà, rồi mời Tuấn ngồi.

Không cần mào đầu, Hạnh đi thẳng vào vấn đề :

- Đã sáu năm rồi tôi và Thi mang uẩn khúc trong lòng chưa được giãi bày. Hôm nay, tôi mong muốn được anh giải thích nguyên nhân nào anh đã quyết định rời bỏ căn nhà của Thi ra đi không trở lại ?

Tuấn nhìn Hạnh, với ánh mắt đượm buồn chàng nhỏ nhẹ trả lời :

- Như chị biết đó, bốn năm sau cùng trong tù, vợ chồng tôi đã mất tin tức của nhau. Ngày tôi ra tù là hoàn toàn bất ngờ đối với Thi. Niềm hy vọng của tôi là Thi vẫn đợi chờ. Nhưng khi tìm đến căn nhà trong khu kinh tế mới Cát Tiên, thì than ôi, một cảnh tượng phũ phàng đập vào mắt tôi : Hai cái gối trên giường ngủ. Hai cái chén, hai đôi đũa, một bình hoa đặt sẵn trên bàn ăn. Còn có cả chiếc áo vét-tông đàn ông treo trên thành ghế dựa. Khung cảnh đó đủ nói lên cuộc sống hạnh phúc của một cặp vợ chồng. Hẳn chị trách tôi không đủ can đảm để ngỏ lời chia tay với Thi chăng ? Đúng vậy, tôi không thể chịu đựng thêm cơn đau xé lòng nếu phải đối diện trước cảnh vợ tôi cùng với người đàn ông khác dắt tay nhau về căn nhà hạnh phúc đó. Tôi không hờn giận Thi, chỉ buồn cho thân phận hẩm hiu của mình.

Nghe qua lời kể của Tuấn, Hạnh đưa hai tay lên trời, một cử chỉ phân trần rồi chua xót thốt lên :

- Thi ơi, mày đã đoán đúng với sự suy nghĩ của chồng mày ! Chúa ơi, chẳng lẽ Người sắp đặt ra cảnh chia lìa ấy sao ?

Hạnh hướng mắt nhìn lên bầu trời cao như đang cầu nguyện. Khi tâm tư bớt xao động, nàng lên tiếng :

- Ngày đó, tôi đã trách anh, trách thậm tệ, Tuấn ạ. Tôi trách anh đã hành xử hết sức độc ác đối với Thi. Bây giờ thì tôi hiểu. Sự lầm lẫn đó do ngoại cảnh tạo nên một cách vô tình nhưng không kém phần tai hại. Tuy nhiên, xin anh hiểu cho rằng, Thi trang trí chiếc bàn ăn đó là chuẩn bị cho bữa cơm đón anh về. Chính tôi là người báo cho Thi biết tin anh được ra tù qua thư của Ba tôi gởi. Chiếc áo vét-tông là món quà Tết của tôi đã mua biếu anh mặc ấm chống lại cái lạnh của khu rừng già. Anh có biết lúc anh tìm đến nhà là lúc Thi chạy ra chợ mua cho được khoanh cá biển mang về. Nó tâm sự : "Ngày trước Tuấn rất thích ăn món cá mình chiên".

Nghe đến đây, Tuấn trố mắt nhìn Hạnh, da mặt của anh bỗng tái nhợt, những giọt mồ hôi rịn ra trên vầng trán đã xuất hiện vài nếp nhăn. Không để ý đến sự biến đổi tâm trạng của Tuấn, Hạnh tiếp :

- Sau khi đọc mảnh giấy anh để lại, Thi đã vật vã khóc suốt ba ngày liền. Rất may là tôi đến thăm kịp thời, không thì Thi đã quyên sinh bên mộ con gái rồi.

- Thế chị có biết hiện giờ Thi ở đâu. Nàng có khỏe mạnh không ? Tuấn nôn nóng ngắt lời Hạnh.

- Tôi đã an ủi và khuyên nhủ nhiều lần, Thi mới rời khỏi khu kinh tế mới. Tôi giới thiệu Thi với tổ hợp Gạch Ngói huyện Đạ- Hoai của anh rể tôi. Họ nhận nó vào giữ chân thư ký kế toán. Ngày tôi rời Việt Nam lên đường sang Mỹ, Thi có xuống Sài Gòn tiễn mẹ con tôi lên máy bay. Hiện giờ, chúng tôi vẫn thư từ với nhau. Mới đây, tôi nhận được thư của Thi, có vài thay đổi trong cuộc sống của nó. Lát nữa, tôi sẽ cho anh xem thư của Thi. Bây giờ anh có thể kể cho tôi nghe về anh, từ lúc anh rời khỏi căn nhà của Thi ?

Ánh mắt thất thần của Tuấn ngước nhìn Hạnh. Chàng nâng ly hớp một ngụm nước cho thấm giọng, chờ hồi lâu chàng mới lên tiếng :

- Ngày đó, tôi rời khỏi căn nhà của Thi, nói đúng hơn là chạy trốn. Tôi lội bộ trên con đường đất đỏ dưới cơn nắng gay gắt đến bến xe đi Sài Gòn mà thần trí của tôi lúc bấy giờ không khác gì kẻ mộng du. Đến Sài Gòn, tôi đã cố tâm tìm nhà của bác Thuần, bố chị trong khu Bàn Cờ nhưng

người nào cũng lắc đầu không biết. Tôi đành đến nhà người bạn học của tôi hồi còn trung học tam trú qua một đêm. Phần vì sợ công an hỏi giấy tờ, phần cha mẹ của thằng bạn sợ người mặc áo quần tù, tôi đành gượng gạo mượn của bạn tôi bộ sơ-mi quần mặc tạm. Tôi biết cuộc sống của gia đình bạn tôi vô cùng gieo neo. Sáng ngày hôm sau, tôi đang lang thang trên đường Phan Thanh Giản, một người đạp xít-lô rà xe mời tôi. Chợt hắn la lên : " Đại úy Tuấn ! Đại úy về hồi nào ?" Tôi hoảng hốt quay nhìn hắn, thì ra là Trung sĩ Hiển, thuộc cấp của tôi ngày xưa. Hiển thúc tôi lên xe chở về nhà. Hắn đã nuôi tôi suốt mấy tháng trời và cũng nhờ Hiển bảo lãnh với chủ ghe cho tôi thiếu nợ để cùng với gia đình hắn vượt biển trong chuyến đi đầy nguy hiểm.

Hạnh ngắt lời :

- Thế bây giờ anh ở đâu ?

- Tôi thuê phòng của một gia đình người Việt trong thành phố nầy. Khi qua Mỹ rồi, tôi đã gởi cho Thi hai lần thư nhưng chẳng thấy hồi âm. Khi nghe chị kể sự thực về Thi lòng tôi vô cùng đau xót. Tôi hết sức ân hận sự hồ đồ của mình đã làm cho vợ tôi phải chịu muôn vàn đắng cay. Lỗi tại tôi. Lỗi tại anh muôn phần, Thi ơi !

Tuấn vừa nói vừa đấm vào ngực mình rồi ôm mặt khóc nấc lên. Chàng khóc tự nhiên trước mặt Hạnh. Những giọt nước mắt ướt đẫm lòng bàn tay chảy thành dòng rơi xuống nền hè. Không để cho Tuấn thấy dòng lệ của mình cũng đang chảy ràn rụa, Hạnh đứng lên vào nhà. Nàng cảm thông cho Tuấn nhưng lại càng xót xa và thương cảm cho thân phận của Thi. Hạnh lấy giấy tissue chậm khô nước mắt mình trước khi mang cả hộp ra trao cho Tuấn.

Chờ cho Tuấn qua cơn xúc động, Hạnh đặt bức thư của Cẩm Thi trước mặt chàng. Tuấn vội lấy bức thư mở ra đọc :

"Đạ Hoai, ngày...

Hạnh thân mến,

Không như những lần trước, lần nầy mình hồi âm thư của Hạnh chậm đến hai tháng. Một thời gian dài để suy nghĩ, đắn đo chọn cho mình một con đường thích hợp. Mình quyết định thôi việc trong Tổ hợp Gạch ngói của anh rể Hạnh. Vợ chồng anh chị Nghiêm xem mình như đứa em gái. Anh chị khuyên Thi nên lấy chồng để có nơi nương tựa. Anh còn giới thiệu cho mình ông cán bộ trưởng phòng thương nghiệp huyện. Một hôm anh ta đến văn phòng tổ hợp để ký hợp đồng trao đổi hàng hóa hai chiều, rồi rà rẫm bên Thi mở lời tán tỉnh. Bất chợt dạ dày của mình quặn thắt từng cơn, nước dãi tuôn ra đầy miệng. Không đè nén được, mình bụm miệng chạy ra ngoài nôn ọe như người đàn bà có triệu chứng cấn thai. Nhìn vào bụng mình, anh ta cười, nhe hàm răng vàng nhựa thuốc, bảo:

- Anh tình nguyện làm bố đứa bé trong bụng đấy.

Không có một lời tán gái nào bất nhã, vô duyên hơn câu nói của hắn. Máu nóng bốc lên tới đỉnh đầu, mình trả đũa ngay :

- Nếu sự thật đúng như vậy thì đứa bé vô phúc quá bởi nó có một người cha như ông !

Anh ta đi rồi mà nỗi ấm ức trong Thi vẫn còn. Hắn đã đánh giá những người vợ có hoàn cảnh như bọn mình như thế đấy. Mình gục đầu trên bàn khóc tức tưởi cho đến khi có tiếng kẻng dùng cơm tối vang lên.

Chẳng biết hiện giờ Tuấn ở đâu. Nếu anh ấy quẫn trí, rủi ro có mệnh hệ nào thì chính mình là người gây nên tội. Đã mười mấy năm rồi mà hình ảnh của Tuấn không hề phai mờ trong tâm trí mình. Đêm nào mình cũng mơ thấy anh ấy, khi thì trách hờn, khi thì âu yếm. Mình biết Tuấn đã phải chịu đựng nỗi đau xé lòng khi nhìn thấy cảnh trí trong nhà mình đã khiến cho anh hiểu lầm. Nghĩ đến thân thể gầy gò yếu đuối của Tuấn thất thểu trên đường, nhiều đêm mình khóc, nước mắt ướt đầm cả gối. Tuấn không thể nào thấy được tình yêu của mình đã dành cho anh ấy sâu đậm đến mức nào.

Hương Thơ là đứa con gái duy nhất của mình và Tuấn. Nó mất đi đã mang theo một nửa trái tim của mình. Giờ đây Tuấn đã bỏ mình ra đi biền biệt là chàng đã làm khô héo nửa quả tim còn lại . Vì vậy Thi đã quyết định làm theo hạnh nguyện mấy năm nay là vào chùa tu tịnh. Mình nguyện

dành phần đời còn lại cho Phật pháp. Hiện giờ mình đang ở chùa Sư Nữ thuộc xã Phương Lâm trên quốc lộ 20. Sư phụ chưa cho mình xuống tóc. Sư bảo: "Xuống tóc là đệ tử bắt đầu vào đời sống của một sa-di. Nhìn cặp mắt đệ tử, thầy biết con chưa dứt bỏ được trần tục. Bi lụy, sầu não, nhớ thương là những mối tơ vướng mắc của người bước vào đường tu tịnh. Hãy ở lại đây tu tập hằng ngày rồi đệ tử sẽ vứt bỏ dần mọi vọng tưởng, vọng động, phiền não và khổ đau. Mai sau tâm hồn con sẽ an nhiên tự tại".

Hạnh ơi, hàng ngày mình cầu nguyện đức Phật A-Di-Đà phò hộ cho gia đình bạn luôn luôn hạnh phúc nơi xứ người. Mình cầu xin đứùc Quan Thế Âm bảo hộ cho Tuấn vượt qua những thăng trầm và khổ đau trên đường đời. Cầu chúc Hạnh và gia đình thân tâm thường an lạc.

A Di Đà Phật.

Lê Thị Cẩm Thi

Tuấn cẩn trọng xếp bức thư bỏ vào phong bì trao cho Hạnh. Chàng đứng lên, nói với Hạnh :

- Ngày mai tôi xin gấp giấy tờ về Việt Nam để gặp Thi. Hy vọng nàng sẽ tha thứ lỗi lầm cho người chồng nông nổi nầy. Tôi nguyện với lòng sẽ mang hạnh phúc cho nàng để bù đắp lại những năm tháng khổ đau mà vợ tôi đã trải qua. Lời tri ân gởi đến chị chưa đủ để đền đáp nghĩa tình mà chị đã dành cho vợ tôi. Cho tôi nhắn lời xin lỗi Bác Thuần và chồng chị. Tôi cần phải lên đường càng sớm càng tốt.

Đưa tay ra hiệu chào tạm biệt Hạnh, Tuấn hối hả băng qua đường lên xe phóng về nhà.

***

Tuấn xuống phi trường Tân Sơn Nhất, bao xe taxi chạy thẳng đến Phương Lâm. Ngôi chùa Sư Nữ nằm sâu nơi chân núi cách quốc lộ 20 chừng vài cây số. Tuấn phải xuống xe lội bộ qua cánh đồng bắp. Ngôi chùa tuy nhỏ nhưng trông uy nghi giữa vườn cây trái xanh tươi. Tuấn không đi thẳng vào chánh điện mà vòng qua khu nhà khách. Chợt vẳng lên tiếng A Di Đà Phật, rồi một ni cô mặc áo nâu sòng, bưng trên tay một rổ trái cây từ góc vườn xuất hiện trước mặt chàng :

"A Di Đà Phật, quý khách muốn vào lễ Phật" ?

Tuấn đứng như chôn chân nhìn người sư nữ. Sư nữ cũng nhìn chàng đăm đăm. Một khắc sau, rổ trái cây trên tay ni cô rơi xuống đất vung vãi, nàng nấc lên :

- Ôi anh Tuấn !

Người sư nữ khuỵu xuống. Tuấn vừa kịp đưa tay đỡ nàng rồi ôm chặt tấm thân tiều tụy của vợ vào lòng, chàng kêu lên :

- Thi ơi, tại anh mà ngày nay em ra nông nỗi này !

Tuấn áp mặt mình vào mặt vợ, nước mắt chàng làm ướt đẫm khuôn mặt tái xanh của Thi khiến nàng tỉnh lại. Mở mắt nhìn Tuấn và lệ nàng cũng bắt đầu tuôn chảy, chan hòa với nước mắt của chồng.

Từ nãy giờ, ni sư trụ trì đã chứng kiến cảnh trùng phùng của cặp vợ chồng sau mười sáu năm chia ly. Ngài nở nụ cười thanh thoát, rạng rỡ tâm Phật nói với hai người :

- A Di Đà Phật, thầy mừng cho đệ tử được đoàn viên với chồng. Âu đó cũng là duyên nghiệp. Cầu mong cho con trở về với đời sống trần tục được nhiều phước hạnh và viên mãn.

Bước chân của vị sư già hướng về nơi chánh điện. Tiếp theo là tiếng mõ cầu kinh vang lên từ dưới chân bệ thờ của đức Thế Tôn.

Vầng tà dương rạng hồng tròn trịa gác mình trên đỉnh núi cao. Hai người vẫn chưa rời nhau, họ cùng quay nhìn về đỉnh núi hướng tây vừa xuất hiện bảy sắc cầu vồng khi ánh mặt trời sắp khuấùt sau dãy núi mờ sương như báo hiệu mùa Đông đã qua rồi và mùa Xuân trở lại./

HẠO NHIÊN NGUYỄN TẤN ÍCH



truyện ngắn

CHIỀU GIÓ

HÀ NGUYÊN

Tặng những người từng sống ở Vĩnh Long trước 1975.

Bây giờ là buổi chiều cuối năm. Trong thời khắc giao mùa chộn rộn này, hầu như mọi người, ai ai cũng vội vội vàng vàng, cố gắng giải quyết cho xong việc ngoài phố, rồi trở về một nơi nào đó được xem như là tổ ấm của mình, chuẩn bị mọi thứ để đón chào mùa xuân mới! Như chỉ trong một đoạn đường nhỏ hẹp, đã có rất nhiều dấu chân đi qua, rầm rập những bước chân đời qua lại bộn bề. Thông qua hình ảnh những bàn chân, người ta có thể thấy được niềm hạnh phúc của người giàu có đan xen với nỗi bất hạnh của những kẻ nghèo! Có những đôi chân nhỏ nhắn nuột nà mang hài đỏ cài hoa lóng lánh, có những bàn chân to đùng với đôi hia bóng loáng, có những bàn chân cong queo tàn tật kèm theo nạng gỗ, lại có cả những bàn chân trần dính đầy bùn đất cáu bẩn ...

Dọc theo lề con lộ nằm cặp theo mé sông là chợ hoa Tết với đủ các loài hoa muôn hồng nghìn tía đang khoe sắc hương. Nào là cúc đại đóa với màu vàng kiêu sa, nào là hoa hồng tượng trưng cho tình yêu có các màu đỏ, vàng, trắng, phớt hồng..., nào là tulip, nào là dạ yên thảo, rồi cẩm chướng, thược dược, cẩm tú cầu... Xen kẻ trong muôn hoa rực rỡ hương xuân kia là bóng dáng những nông dân vận áo quần lam lũ, chủ nhân của các gánh hàng hoa. Còn những khách mua hay ngắm hoa đi rảo rảo loanh quanh các hàng hoa để tìm món hàng mình ưng ý. Tiếng huyên náo, tiếng cò kè ngã giá bớt một thêm hai, tiếng xe chạy ngang qua ... mọi thứ như khuấy động những giây phút hấp hối buổi chiều cuối cùng của năm cũ.

Duy chỉ có một người đàn ông vừa mới bước qua khỏi tuổi trung niên với dáng vẻ, phục sức sang trọng là chẳng có vẻ gì gấp gáp cả! Dường như ông ta đến từ một nơi nào đó rất xa xôi và đã ngồi trên chiếc ghế đá cạnh bờ sông Cái này đã lâu, mặt hướng về phía dòng sông. Thỉnh thoảng, ông ta đảo mắt nhìn lơ đãng mọi thứ chung quanh. Không biết bao nhiêu năm rồi, cứ vào buổi chiều cuối cùng của năm, ông đều đến đây để kiếm tìm một kỷ niệm, hay nói đúng hơn là MỘT NGƯỜI. Đó là một người con gái, người yêu đầu đời của ông, người đã biến mất khỏi cuộc đời ông suốt ba mươi mấy năm nay mà chẳng hề để lại dấu vết gì! Và năm nào cũng vậy, hình bóng của người con gái ấy cũng chỉ như bóng chim tăm cá, mọi tin tức về nàng tựa như những vũ điệu trong bóng mờ.

Khi ánh hoàng hôn tắt lịm phía chân trời, báo hiệu ngày đã lụi tàn, ông thở dài và đứng dậy, có vẻ như đang sắp sửa rời khỏi chỗ ngồi. Bỗng nhiên, ông ta giật mình như bị điện giật khi ánh mắt chạm vào một người đàn ông trông có vẻ quê mùa đang ôm mấy cành mai đứng lẫn trong đám người lố nhố phía đàng xa.

"Trời ơi!". Ông ta thảng thốt kêu lên thành tiếng và bước những bước đi dài hơi xiêu vẹo về phía người đàn ông kia. Đôi khi ông ta loạng choạng suýt ngã vì bị đám đông xô đẩy, nhưng cuối cùng ông cũng đã đối diện người mà ông cần tìm gặp!

- Đã gần bốn mươi năm rồi, phải không anh Tư? Sau những giây phút yên lặng vì xúc cảm ngập tràn, cuối cùng người đàn ông có dáng vẻ sang trọng mở lời trước.

- Ông... anh Thụy! Thật bất ngờ quá! Người đàn ông được gọi là "anh Tư" đáp lại:

Thế là họ cùng ôm chặt lấy nhau. Rồi bỏ mặc dòng người đang hối hả ngược xuôi, họ cùng nhau trở về quá khứ, thuở tóc họ hãy còn xanh, thuở dấu chân chim của thời gian chưa hằn lên

đuôi mắt họ!

Giữa dòng đời rực rỡ hương sắc mùa xuân kia, đâu có ai biết rằng chính họ đã từng là nhân chứng sống của một thời kỳ đáng nguyền rủa, một thời kỳ đáng để lụi tàn theo thời gian ...

**

Chẳng biết tự bao giờ, người ta xây một cái cầu tàu de ra ngoài ngả ba sông, nơi con sông Cổ Chiên tiếp giáp với sông nhánh Long Hồ. Ngày xưa, cái ponton này từng là bến tàu khách, lúc nào cũng nườm nượp người đi kẻ đến. Từ ngày khói lửa chiến tranh lan tràn đến sát thành phố, người ta trưng dụng nó trở thành nơi neo đậu của những chiếc tàu chiến. Đôi khi, mặt ponton cũng là nơi mấy chiếc trực thăng hạ cánh để tải thương. Vì thế, ngày ngày luôn có những chiếc xe quân sự, xe cứu thương túc trực. Cứ mỗi lần có tiếng đại bác vọng về đì đùng, râm rì tiếng máy bay ngang qua bầu trời phố thị, hoặc rầm rập tiếng xe nhà binh, thì nơi cầu tàu oan nghiệt đó lại xuất hiện rất nhiều tử thi và người bị thương! Có những lúc chiến sự nổ ra ác liệt, người ta chứng kiến máu nhuộm đỏ cả một đoạn đường! Hình ảnh những người lính đang gấp gáp chạy theo những chiếc băng ca dính đầy máu dưới ánh sáng chập chờn của hỏa châu trông thê lương tựa như cảnh tượng nơi hỏa ngục!

Mặc tình cho chiến sự đang xảy ra kề cận, trong dãy Bungalow nằm sát nách với ponton là vũ trường "Kim Sơn". Ngày ngày, kề bên địa ngục có thật là cái thiên đường giả tạo, nơi những quý ông thừa tiền, thừa tình nhưng vẫn cứ muốn đến chơi cho thỏa thích vì không biết ngày mai sẽ ra sao; hoặc các quý cô hay quý bà nạ dòng muốn tới đó để bẹo hình bẹo dạng; hoặc các binh sĩ vừa trở về từ mặt trận, họ quan niệm thà cứ chơi đi, chơi đả đời đi rồi chết bởi những viên đạn vô hình không biết xuất hiện từ nơi nào! (Trong chiến tranh, người ta khó có thể nhận biết ai là người thù, họ từ đâu đến và biến mất như thế nào!) Tấp nập ra vào nơi đây là các cô gái áo quần lòe loẹt, phấn son diêm dúa. Họ đeo thẹo sát cánh những người lắm tiền nhiều của no cơm rửng mỡ hoặc các sĩ quan còn độc thân. Mặc tình cho cái chết đang lơ lửng trước mắt, đêm đêm họ vẫn cứ ôm ghì siết lấy nhau dưới ánh đèn màu nhấp nháy của cái thiên đường giả tạo ngay kề bên địa ngục có thật này!

Thụy là nhân viên tạp vụ của vũ trường Kim Sơn. Công việc chính của anh mỗi đêm là quét dọn hai dãy nhà vệ sinh - cả nam lẫn nữ -. Với công việc này, thoạt đầu, khi chưa quen việc, Thụy thường bị triệu chứng ọi mửa mỗi khi nhìn thấy các thứ ô uế. Nhưng dần dà, anh lại thích nghi với nó; bởi vì, những đồng tiền "boa" hậu hĩnh của các quý bà, quý ông đã làm cho Thụy quên đi cái cảm giác khó chịu khi ngửi mùi xú uế!

Phía sau vũ trường là dãy ban công nhìn thẳng xuống ponton, nơi hiện là bến tàu quân sự.. Còn bên kia sông là cù lao An Bình thuộc dãy cù lao Minh thấp thoáng sau những rặng thủy liễu mọc chi chít kéo dài cho đến tận khúc ngoặt của mũi Đầu Ông Vố. Ngày ấy, phía bên kia sông hãy còn hoang sơ lắm! Những lúc rãnh rang vào giữa khuya, Thụy thường ra đứng ngoài ban công thả tầm mắt nhìn bao quát chung quanh. Từ lâu, anh đã có thói quen đêm đêm nhìn xuống vực nước xoáy, chỗ tiếp giáp của ngã ba sông. (Chỗ nước vận này, thỉnh thoảng nổi lên một số chồng chổng không đầu!). Rồi lần lượt anh nhìn vào từng chi tiết các sự việc, chẳng hạn trên sông đang có bao nhiêu con thuyền quay mũi về đâu, con nước đang ròng hay đang lớn, có bao nhiêu giề lục bình xanh rờn trôi theo dòng nước ... Cũng có đôi khi vào những đêm trăng sáng, Thụy hướng mắt nhìn lên bầu trời chi chít sao, tâm hồn như ngất ngây trước sự huyền diệu của vũ trụ. Nhưng cũng có đôi khi anh chỉ lơ đãng thả cái nhìn mơ hồ trên tổng thể.

Một đêm, không gian quen thuộc của Thụy bị chiếm hữu bởi Dạ Hương, một ca sĩ trẻ của vũ trường. Dõi theo ánh nhìn của Dạ Hương, anh thấy nàng thường xuyên chú ý nhìn rất lâu về phía vùng tối đen của dãy cù lao Minh. Sau nhiều đêm như thế, có lần Thụy đã bạo dạn tiến đến gần Dạ Hương, bày tỏ thắc mắc của mình. Lần đó, Dạ Hương đã nhìn chằm chằm thật lâu vào Thụy, sau đó chỉ nói gọn một câu: "Có bạn ở nơi ấy!"

Ở Kim Sơn, Dạ Hương không phải là ca sĩ ngôi sao. Đêm đêm, nàng thường hát nhạc tiền chiến của Đoàn Chuẩn-Từ Linh hay những bản tình ca của Ngô Thụy Miên, Trịnh Công Sơn. Thế nhưng, giọng hát ủ ê, nhan sắc cũng dễ nhìn cộng với mái tóc dài liêu trai của nàng cũng đã khiến cho không ít người khác phái phải trồng cây si! Tuy nhiên, điều đáng nói nhất là phẩm hạnh của nàng. Khác với phần lớn ca sĩ khác là có cuộc sống thác loạn, tính tình Dạ Hương rất đoan trang, mẫu mực. (Đôi khi, Thụy có cảm tưởng rằng trong đầu nàng đang ẩn chứa nhiều điều bí ẩn!)

Sau lần đó, có vẻ như Dạ Hương bắt đầu chú ý đến Thụy. Mỗi lần ra vào nhà vệ sinh, gần như bao giờ nàng cũng ban phát cho Thụy một cái liếc mắt hoặc một nụ cười mỉm. (Điều này khiến cho Thụy cảm thấy ấm lòng, cái ấm lòng của một người bình thường đang làm một nghề tầm thường, hèn mọn). Thỉnh thoảng, mỗi khi tình cờ gặp Thụy trên ban công, Dạ Hương nói với anh đôi ba câu vớ vẩn về thời tiết ngày hôm đó hoặc chuyện vật giá đang leo thang vùn vụt. Mặc dù ngày nào Thụy cũng gặp nàng, thế nhưng những gì anh biết về nàng rất mơ hồ, lập lờ. Vì thế, anh luôn ao ước mình có thể chia sẻ với nàng một chút gì đó! Và hầu như bao giờ nàng cũng tìm cách khước từ mọi câu hỏi của anh, hoặc đẩy nó sang câu chuyện khác!

Thái độ, cử chỉ của Dạ Hương đã khiến cho trái tim một thanh niên chất phác, làm một công việc tầm thường và hèn mọn như Thụy luôn dao động! (Ôi, phải chăng là sự dao động của một Quasimodo trước một Esméranda ma nữ?). Là một chàng trai có tâm hồn nhạy cảm, nên sau những tín hiệu nhỏ nhặt ấy, Thụy định thu mình và dừng lại. Thế nhưng, việc từ bỏ một con người mình chưa hiểu thấu phải chăng là điều hết sức khó khăn? Dần dà, hình bóng của Dạ Hương luôn ngự trị trong trái tim của Thụy. Anh đã yêu nàng tự lúc nào không biết...

**

Mùa hè năm ấy, chiến tranh càng lúc càng trở nên khốc liệt. Khói lửa chiến tranh bay mù theo gió, lan tràn khắp nẽo quê hương. Không khí chết chóc bao trùm khắp mọi nơi. Riêng ở vũ trường Kim Sơn hình như không khí càng lúc càng trở nên cuồng loạn hơn. Người ta lao vào cuộc chơi hệt như những con thiêu thân. Những chiếc áo trận còn đậm mùi thuốc súng càng ngày càng xuất hiện đông đúc hơn cùng với những pha quậy quạng của bọn xã hội đen xảy ra nhan nhản ngay trong lòng phố thị. Phòng trà, vũ trường là mục tiêu chính cho các cuộc giành gái, bắn giết lẫn nhau của bọn lính chiến từ chiến trường trốn về. Hết tương lai rồi!

"Chơi đả đi rồi ngày mai chết!" Đó là câu nói đầu môi của những kẻ vác súng đi quậy phá. Họ rất muốn bị bắt, bởi vì bị bắt ở tù để khỏi phải ra chiến trường, mà khỏi ra chiến trường đồng nghĩa với được sống!

Một lần, khi đổ rác thải vào ban đêm, tình cờ Thụy bắt gặp Dạ Hương đang tiếp xúc với một người trong đám loạn binh kia! Liền sau đó, người ấy vội vàng leo lên chiếc Mobilette đen, phóng rất nhanh rồi biến mất trong màn đêm. Rồi nhiều lần như thế đã lập đi lập lại! Có mấy lần Dạ Hương dọ hỏi Thụy đã nhìn thấy những gì, và nàng luôn cảm thấy an tâm qua cách trả lời của Thụy. (Thật ra, Thụy chẳng hiểu gì việc làm của Dạ Hương và người lính trẻ kia. Nhưng đối với một người đã trao trọn trái tim cho nàng, thì chẳng có việc gì Dạ Hương phải lo ngại cả!)

Qua những lần đó, hình như Dạ Hương nhận biết được tình yêu đơn phương của Thụy. Phần Thụy, anh luôn dành cho nàng trọn vẹn cảm giác biết ơn, lòng ngưỡng vọng và cả những rung cảm đầu tiên. Nàng vẫn như hiện diện ở mọi ngõ ngách trong tâm hồn anh.

Rồi một buổi sáng nọ, Dạ Hương nhờ Thụy chở nàng tới một ngôi chùa nhỏ miệt ngoại ô. Thụy đã không khỏi ngạc nhiên khi khám phá ra vị sư trẻ Dạ Hương gặp lần này không ai khác hơn là nhân vật mà nàng đã thường gặp gỡ hàng đêm ngoài vũ trường Kim Sơn!

Thỉnh thoảng Thụy lại đèo Dạ Hương trên chiếc Dame cà tàng của anh đến ngôi chùa nọ. Đôi lúc, anh cũng đi một mình đưa thư cho vị sư nọ theo sự cậy nhờ của nàng...

Một hôm, chính Dạ Hương đã đề nghị rủ Thụy đến căn gác trọ của nàng ở một xóm lao động bên Thiềng Đức. Hôm đó, tự tay nàng đã nấu cơm mời anh ăn, một bữa cơm thật đạm bạc với món bầu luộc chấm với cá lóc kho tộ, tuy đơn sơ nhưng đối với Thụy là từ trước đến giờ anh chưa được ăn bữa cơm nào ngon hơn thế!

"Dạ Hương muốn gặp Thụy ngay đêm nay, sau giờ làm". Đó là lời nhắn của Dạ Hương. Đêm đó, khi Thụy đến, Dạ Hương đã chuẩn bị sẵn hai cây đèn cầy, một ốp nhang, một dĩa trái cây và một lít rượu Sơn Đông. Tất cả được đặt trên một cái ghế chông chênh, trên đó có sẵn một khung hình nhỏ của một người phụ nữ và một người đàn ông tuổi độ trung niên. Dạ Hương bảo với Thụy đó là di ảnh của cha mẹ nàng! Dưới ánh sáng tù mù của hai ngọn bạch lạp, cả hai cùng ngồi đối ẩm. Nàng đã khóc trước mặt anh khi kể thảm cảnh của gia đình nàng khiến nàng phải mồ côi mồ cút: ngày xưa, cha đi chăn vịt ngoài đồng bị trực thăng "cá lẹp" bắn nát thây! Còn mẹ phải mất xác lúc dân làng tản cư khỏi vùng chiến địa do đạn pháo trên sông! Phần Thụy, anh cũng đã cho nàng biết cuộc đời anh cũng bạc phước chẳng khác chi nàng: lớn lên mà chẳng hề biết ai là người sinh thành ra mình, phải lăn lóc hết gia đình này sang gia đình khác với đủ thứ cay đắng mùi đời! Cũng đêm đó, Dạ Hương đã tự nguyện trao thân cho Thụy. Lần đầu tiên trong cuộc đời, Thụy mới biết thế nào là ái ân; và thật diệu kỳ thay, đó lại là xác thân của một trinh nữ!

Thế nhưng, sau cái đêm hai người đưa nhau lên tận đỉnh Vu Sơn ấy, Dạ Hương lại biểu hiện những thái độ kỳ lạ! Mỗi lần gặp Thụy, nàng trở lại bản tính lãnh đạm cố hữu. Thoạt đầu, tâm hồn Thụy chưa nhận biết điều đó! Qua những chuỗi sự kiện biểu hiện, Thụy bắt đầu mơ hồ cảm nhận: phải chăng đêm ấy chẳng qua chỉ là sự cuốn hút nhất thời của bản năng có hai thuộc tính trái ngược nhau? Liệu sự yêu thương của anh đối với nàng có được thấu hiểu, đồng vọng hay chăng? Phải chăng, chai rượu Sơn Đông kia không là rượu giao bôi, nên khi nhấp vào men yêu của nó không thể tơ vương và tình yêu chỉ là dấu chân gió chạy?

**

"Khi trở dậy ở một kiếp sống khác, mình sẽ là ai?" Anh đã tự hỏi như thế, khi tỉnh thức với những cơn đau đến tột cùng của thể xác. Từng sự kiện như những thước phim quay chậm khi ký ức Thụy vừa hồi phục. Anh bật chồm dậy khi chợt nhớ đến Dạ Hương, và cũng chính vừa lúc nhận biết một bên chân của anh đã lìa xa khỏi thân thể của mình cùng với vô số vết thương chi chít trên cơ thể!

... Đêm ấy, Thụy còn nhớ rõ chính Dạ Hương đã nhờ Thụy mang dùm nàng một túi xách thật nặng được bọc kín từ tay vị sư trẻ trước cửa vũ trường vào tận bên trong. Trước khi quay đi, Dạ Hương đã nhìn thật sâu vào mắt của Thụy và nói khẻ: "Khuya nay mình sẽ gặp lại!" Lẽ ra đêm ấy là ngày Thụy được nghỉ phép, nhưng cuối cùng phải làm tăng ca vì Tỉnh trưởng tổ chức đột xuất một đêm party dành để chiêu đãi nhiều cố vấn Mỹ, quan chức chính quyền và sĩ quan cao cấp tại Kim Sơn.

Một tiếng nổ long trời, rồi nhiều tiếng nổ nữa tiếp theo... Có rất nhiều, rất nhiều tiếng gào thét của những người bị thương. Lửa bùng cháy ở khắp mọi nơi... Thụy chạy băng băng xuống cầu thang,nhưng không cố thoát ra khỏi vùng nguy hiểm mà lại đi tìm Dạ Hương. Anh đang cố gắng tìm kiếm nàng trong làn khói mịt mù, giữa hàng đống người ngập ngụa máu. Rồi lại thêm cả những tiếng nổ tiếp theo và cả một khúc tường đổ sập xuống người Thụy...

Một thời gian dài sau đó, Thụy rơi vào một trạng thái thật kỳ hoặc mà từ trước đến giờ chưa có tiền lệ xảy ra: anh có cảm giác như đang bềnh bồng giữa những làn sương mù. Tri giác như không còn hiện hữu, mọi thứ diễn ra trước mắt anh theo một chiều hướng mất nét, nhòa lẫn và ngưng đọng. Hình như linh hồn anh đang từ từ nhích dần xa thể xác...

Thoạt đầu, linh giác anh cảm thấy lo sợ khi nghĩ đến cái chết. Nhưng dần dần, anh lại thấy vô cảm trước nó; bởi vì, anh chợt nhận ra cái chết không còn gắn với nỗi âu lo, mà trở thành cánh cửa để giải thoát khỏi khổ đau thực tại. Anh nhích dần, nhích dần, cố dứt bỏ từng mẩu ký ức về

cuộc sống để chọn cuộc ra đi thanh thản nhất, không hân hoan mà cũng chẳng muộn phiền! Duy chỉ có một điều thật kỳ lạ là trong quãng thời gian ấy, hình bóng của Dạ Hương không hề hiện hữu trong những giấc mơ của anh!

Thụy đã trãi qua nhiều ngày, nhiều đêm như thế, cho đến khi tai anh không còn văng vẳng những tiếng kèn cất lên, vừa như một tụng ca vừa như một khúc ca bi thiết, não nùng theo tiếng thở dài của các linh hồn phiêu dạt...

"Dạ Hương, em ở đâu?". Nàng là nguồn gốc của mọi cơn đau lẫn niềm hạnh phúc vẹn toàn nhất của anh, vì thế, khi trở lại với cuộc đời, ngày nào anh cũng tìm, cũng kiếm nàng trong vô vọng! Thế nhưng, hình bóng nàng luôn là một ẩn số, mọi tin tức về nàng đều rất mơ hồ, lập lờ! Việc tìm kiếm nàng, mọi thứ dường như chưa bao giờ bắt đầu, cho nên anh không thể tìm được điểm kết thúc cho nó.

Một tháng, hai tháng, ba tháng, rồi nhiều tháng trôi qua kể từ ngày Dạ Hương mất tích. Đôi lúc, Thụy cảm thấy cay đắng khi nghĩ rằng nàng đã làm cho anh bị tổn thương quá đỗi! Cũng có đôi lúc anh nghĩ rằng thà anh chết đi, thà rằng anh không còn trên cõi đời này thì sẽ dễ chịu hơn là còn sống, sống với những nỗi khắc khoải, muộn phiền vì nàng. Nàng không hề nói với anh bất cứ điều gì về công việc bí mật của nàng, dẫu giữa anh và nàng đã có với nhau một đêm ngà ngọc, dẫu đã từng đến với nhau một lần tận cùng bóng lần bóng trập trùng!

Những ngày sau đó, dẫu rằng Dạ Hương quan trọng đối với Thụy như thế nào, anh cũng đã tìm mọi cách để quên nàng. Thế nhưng, sự phai lãng đi, chỉ là một cách chữa lành của thời gian hay là sự đè nén của hàng trăm nỗi đau khác! Để khi được gợi nhắc lại, mọi ký ức dù chôn sâu thế nào cũng sẽ được tái sinh, mọi cơn đau dù nhòa phai thế nào vẫn sẽ lại âm ỉ. Khi mọi cảm giác trở thành hiện thực thì thời gian sẽ mất đi khả năng đong đếm của nó! Nhưng dù sao đi nữa, bây giờ nàng đã trở thành ảo ảnh. Dẫu rằng nàng đối với anh tựa như hơi thở thì anh cũng sẽ phải thức dậy để sống cuộc đời thực của mình...

**

Ông Tư chính là vị sư trẻ ngày nào! Qua câu chuyện, ông nói rằng ngày xưa Dạ Hương và ông cùng ở chung trong tổ công tác thành. Ông cũng đã xác tín với ông Thụy một điều quan trọng:

-Dạ Hương đã chết mất xác! Đêm xảy ra vụ nổ, sau khi giao cho anh chiếc túi xách, tiếp theo là vụ nổ xảy ra, trước khi tháo đi, tôi đã lảng vãng ngoài đường để ngóng tin tức của Dạ Hương. Và trước đó, nàng có nhờ tôi trao lại cho anh quyển nhật ký của nàng.

-Thế quyển nhật ký ấy bây giờ ở đâu? Cô ấy đã viết những gì? Ông Thụy nêu ra câu hỏi với ông Tư sau một lúc chết lặng cả hồn.

-Tôi hiện còn cất giữ! Ông Tư trả lời.

-Anh đã đọc qua rồi phải không?

-Tôi chưa hề xem qua nhật ký của cô ấy vì tôi sợ điều đó sẽ làm tổn hại đến vong linh của nàng, nhưng tôi khẳng định một điều là cô ấy rất yêu anh!

-Nàng đã nói với anh điều đó lúc còn hiện hữu ư?

-Phải. Cô ấy đã nhiều lần khẳng định với tôi như vậy!

-Tại sao cô ấy tâm sự với anh?

-Bởi vì cô ấy biết...chính tôi cũng yêu cô ấy như anh!... Anh biết không, ngày ấy, mỗi lần nghe nàng tâm sự, tôi đều ghen tức với anh!

Ông Tư chợt nhớ đến một điều quan trọng khác:

-Nếu như tôi nhớ không nhầm thì đêm đó anh được nghỉ phép?

Ông Thụy cảm thấy bàng hoàng khi chợt nhớ lại chuyện xưa. Phải rồi, nàng không hề có ý hại ông! Thế mà, trong nhiều năm ông đã nghi ngờ tình yêu của nàng. Cho nên, trời đã trừng phạt ông, để mấy mươi năm qua, nàng không hề đến với ông dù trong những giấc chiêm bao...

Đôi bạn, sau gần bốn mươi năm chia cách, giờ đây tóc đã điểm sương...

Tháng 6/2011

HÀ NGUYÊN



Tho

ĐÊM TRỪ TỊCH

NGUYỄN CHINH

rồi em cũng như mây
bay cuối trời quên lãng
còn một mình ta
lạc lõng một màu trăng

thăm thẳm trời đêm
biển sâu thét gọi
sóng vẫn vô tình
vỗ mãi nẻo mù khơi

rồi em cũng như ta
mịt mờ phương hướng
tình yêu còn gì?
là da diết nhớ thương

ta không thể cùng em
về chung lối mộng
đêm trừ tịch lạnh lùng
đưa tiễn một mùa đông.

NGUYỄN CHINH



truyện ngắn

MÙA XUÂN BAY XA

MANG VIÊN LONG

Chị Tám ngồi trên kệ đá nhà bà Thể hút sáng từng hơi thuốc ngắn nói chuyện trong bóng tối với bà Quận. Chà tháng nầy mà ổng nắng ghê quá há bà? Bà quận nằm co trên ghế bố kéo chăn đắp kín đầu trốn muỗi nói vọng ra lè nhè. Nắng vậy chớ nổi khùng ổng mưa chết lận, mưa vuốt mặt không kịp, tháng chín tháng mười năm kia ổng mưa lèm nhèm tối ngày đến Tết thằng Hai tui chống ghe sát cửa nhà, đem nếp đậu tới làm bánh chưng, lên phố gặp ông Tám đang đi chôn thằng Kiệt ở cây Đa Rồi đó ... Chị Tám bình yên trong dáng ngồi thẳng dựa lưng vào vách vẫn điếu thuốc loè sáng trên tay. Giọng nói chị chậm và đều. Bà còn nhớ hồi ổng lên mua chịu mấy khúc bánh không? Giọng bà Quận nghe rõ hơn như vừa tỉnh một cơn ngủ bất chợt ngắn ngủi. Bà nhắc tui nghĩ thương thằng Tám, tội nghiệp mua mấy khúc bánh về mà không ăn được miếng nào. Tui nghe *nẫu* nói nó bị bắt hôm hăm mấy tết phải không? Hăm tám. Chà trật ăn Tết hả? Giọng bà Quận bỗng nghe nhỏ lại. Nói như thở. Bà kéo chăn lòi đầu ra ánh sáng điện từ trong nhà chị Thể hắt ra làm đôi mắt bà nhíu lại, trông rõ vết hằn trên mặt. À, bà Tám, ông Tám đợt nầy có về được không? Không biết chừng bà ơi. Hôm *nô en* cũng không được ... Kỳ Quốc Khánh chào mừng tân tổng thống gì đó *nẫu* về biết mấy mà ổng đâu có về được. Cứ ngồi chờ lễ hoài ... Mấy ông bạn ổng về, tới thăm nói ổng ở nhà ông toà án, may áo quần cho lũ con ông toà án, đi bẻ lá cho dê ăn cũng sướng lắm. Sao lâu nay tui không thấy nó về ghé thăm một chút? Hôm ổng về một bận bà gặp đó rồi thôi, đâu có về được nữa, ở tù mà bà nói như đi chơi đâu dễ vậy, làm sao về? Bà Quận xoay người nằm nghiêng hướng về phía chị Tám, ngóc đầu lên khỏi gối. Ở tù thì ở chớ, cho *nẫu* về thăm vợ con, mấy năm rồi đâu có thấy tăm dạng, làm sao chịu được bà? Tiếng chị Tám cười thật trầm thật nhạt - bà nói sao dễ nghe dữ. Có vậy như tiên còn gì? Ông bà mình có nói một ngày ở tù bằng một ngàn ngày ở ngoài bà không biết sao? Số là ổng không ghé về thăm được nhưng vì ổng dẫn mấy "ông phạm" đi nhà thương, rồi sẵn tạt qua nhà bẻ lá thầu đôi, vào nhà một chút nhìn mặt thằng Hạ em chớ hồi ổng đi nó chưa đẻ, làm sao ở lâu bà? Tui biểu thằng Hạ anh đi mua bánh mì, mà ổng đâu có ăn kịp ... Bà Quận quơ quơ cánh tay gầy đét như que củi xua muỗi, cằn nhằn từng tiếng. Ối muỗi gì mà muỗi dữ giằn, mới thò đầu ra nó bu lại cắn rát da, hồi ở nhà quê mình đâu có muỗi phải không bà? Thôi chớ còn nói gì nữa, gió mát lạnh ngủ sướng lắm, không nghe một con kêu nữa. À mà sao ở phố muỗi quá muỗi hả bà Tám? Muỗi ở mấy đống rác ngoài

phố chớ ở đâu. Hèn gì ở trại thằng Hai tui lũ con nó bị sốt rét hoài hoài, uống mấy viên thuốc Mỹ rồi mà không ăn nhằm, đứa nào đứa nấy xanh như tàu lá chuối. Chị Tám vứt mẩu thuốc bay đi, lằn sáng đỏ vẽ ra một vòng cung yếu ớt. Thì tản cư cứ dồn lên phố lên trại miết, thét rồi muỗi nhiều chớ gì bà. Bà Quận nói như than. Nói gì nói chớ ở nhà quê mình thôi sướng nhất, Chị Tám tiếp lời bà Quận. Chiều chiều ra đồng thăm ruộng gió mát rộng rãi, tối tối ăn ba hột mắm muối, bắt ghế ngoài sân nói chuyện tới khuya lăn ra hè ngủ, không muỗi không ồn ... Bà nói tui nhớ gian nhà tui mới cất, bán ruộng cất, ở không được mấy lăm ngày chạy đi bỏ lại hết, không biết còn gì mất gì nữa chớ. Vái trời cho căn nhà còn nguyên. Thôi bà ơi nghĩ gì cho mệt, thời nầy sống đó chết đó còn người là phúc, anh Hai thằng Năm chạy được là may chớ *nẫu* chết lu bù ... Nhà tui ruộng tui vườn tui heo tui cũng bỏ sạch, chạy hai tay không đó sao? Súng đạn đến đâu làm bà con mình khổ đến đó hả bà? Lời nói của bà Quận như kéo chị Tám trở về với những khốn khổ hiện tại. Chị vụt chặc lưỡi kéo co hai chân ôm sát vào lòng. Chị nói như để tự tính lại với mình. Tui nhờ trời không vốn không liếng mà cũng nuôi được bốn đứa con. Hôm ổng bị bắt đi có bao nhiêu dồn cho ổng hết trơn, tháng Chạp ổng may cũng bộn bộn nhưng mẹ con tui ở nhà có mấy trăm bạc ... Xoay đi bàn chè một ngày kiếm năm ba chục, hồi chiều mua thùng mì bán lời có mấy chục bạc, cũng có vài củ cho con nó ăn. Hổm rày bán bắp mót cũng được trăm hai để đó mai mua áo Tết cho thằng Hạ em, còn lũ kia lớn rồi mặc sầy sầy cũng xong. Bà Quận nãy giờ nằm im như ngủ chợt nói thở ra. Đây rồi ông Tám về nhà được thì lũ nhỏ với bà sướng lắm đó. Đủ vợ đủ chồng làm ăn nó cũng đỡ hơn, chứ sướng sao nổi bà? Bà nghĩ một mình tui xoay sao nổi? Cũng trông ngày trông đêm, van vái cho ổng về Tết nầy may vá kiếm thêm cho đủ tiêu, thời nầy sống nay chết mai ham làm giàu chi bà. Hôm ở Phú Ân chạy xuống đây, tui thấy *nẫu* chết thiệt nhiều, đếm không hết, nhà cháy thiệt nhiều đâu lấy gì được. Tui bỏ lũ nhỏ vào bầu, gánh chạy trối chết. Có đàn ông trong nhà cũng đỡ, đằng nầy ổng không có, hôm đó tui muốn khóc ròng bà ơi ... Bà Quận không trả lời, nằm thiêm thiếp. Chị Tám nói bâng quơ. Chà, mới đó mà ngủ liền, bà già có ngủ chút đỉnh cũng đỡ mệt đi ... Chị Tám mở nắp thùng quẹt bỏ rơi xuống sàn khua lên tiếng động khô. Chị đánh lửa châm tiếp thuốc hút chậm chạp. Chị Thể đẩy mạnh cánh cửa ngoái đầu nhìn ra ngoài. Ánh sáng điện vụt bay ra ngoài sân.

- Ủa bà Tám còn thức à? Bà nói bỏ thuốc sao còn bập bập vậy?

Chị Tám cười trong tối. Điệu ngồi, giọng nói, tiếng cười của chị như phát ra một sự yên phận cùng cực. Như tượng đá trơ thân mưa nắng không còn mơ ước. Chị đưa điếu thuốc lên miệng hít một hơi, ánh sáng lóe lên chói trước mắt.

- Ờ, cũng hút chơi cho vui, buồn buồn hút chơi vậy chớ đâu có ghiền bà...

Chị Thể lách người hẳn ra ngoài lại gần, đứng dựa vào cột.

- Trời ơi, hồi ông Tám còn ở nhà, ổng hút liên miên há bà?

- Nói gì nữa, xưa ông Tám tui hút mới ghê. Giờ lần nào thằng Hạ anh lên thăm cũng dặn mua thuốc, ở trung tâm đâu có bán thuốc. Năm thằng Kiệt chết, ổng hút một ngày ba bốn bao *Bát tô* đó bà. Học trò học may biết tính cứ đem tạ cả *túp* bà ơi .

- Sao mà giống ông Thể tui quá đứng đâu là khói lên như đầu máy xe lửa, nằm bên ổng hôi hôi không chịu được.

Chị Tám chợt cười lớn.

- Vậy sao cũng có con ?

Giọng chị Thể khàn đi tự nhiên nghe như còn vướng vất trong giấc ngủ.

- Ổng hút thì hút chớ vợ chồng mà làm sao không có con được bà? Ông Tám ở tù chớ ở nhà bà cũng có cả đùm chớ nói gì tui ...

- Tui hết con rồi bà ơi, ông thầy Sáu nói tui hết con rồi. Lo cho mấy đứa nhỏ bắt hụt hơi, thời này có con nhiều chi cho khổ.

Chị Tám đưa tay mò trong túi áo lấy ra một điếu thuốc *Ruby* lẻ chìa về phía chị Thể.

- Hút hơi bà.

- Thuốc gì đây ?

- *Ruby*, thằng Miên nó xin trên bác nó.

- À thằng Hiệp ở trên đó không buồn há bà?

- Có thằng Miên chạy lên xuống cũng đỡ, chớ ở nhà tui coi sao cho xuể? Lo ăn lo mặc lo đủ chuyện, đâu có dạy nó được. Thằng Hạ anh với thằng Miên đã bắt đầu tập đánh bài rồi đó bà ơi. Hồi chiều nổi xung tui đánh thằng Miên lằn ngang lằn dọc cũng vì hút thuốc. Nó cầm điếu thuốc *Salem* phì phà hỏi thuốc đâu có nó nói Mỹ cho, lục trong túi nó thấy mấy điều *Ruby* nữa ...

Bà Thể cười khè khè:

- Nó buồn để nó hút, lớn nó cũng hệt ông Tám mà...

- Buồn gì bà? Bắt chước lũ trẻ ngoài phố, theo mấy ông Mỹ xin thuốc xin kẹo... Hôm trước cầm về đưa cho thằng Hạ em mấy miếng *sô cô la* tui đã đánh rồi, không chừa, có ông Tám ở nhà ổng treo lên mái hiên nó mới sợ.

- Tết nầy liệu ông Tám có về được không bà ?

- Về gì nữa, ông tòa án kêu không có tên, tết nầy không về thì đợi đến Quốc Khánh *Nô en*... cứ ngồi chờ lễ hoài. Năm nay ông Thành bên kia cũng đem vải đến chờ, tui biểu đem nơi khác, ở tù mà hơi sức nào chờ.

- Ổng bị xử chưa bà?

- Đâu có xử xét gì, giam khan vậy không chừng *nẫu* quên trong đó thấu chết...

Chị nói như chực khóc:

- Chẳng thà có tội gì kêu tù mấy năm mấy tháng cũng cam, ngồi hoài trong đó mẹ con tui buồn lo không làm ăn gì được.

Giọng chị thật ướt:

- Bà nghĩ thử coi mấy năm nay đâu có sắm cho lũ trẻ được manh áo nào? Bác nó không giúp, còn chê tui không biết làm ăn ... tui đâu có yên được bà, không làm lũ con nó đói, tui chẳng thiết làm gì nữa bà ơi ...

Chị Tám dừng lại và khóc thật mùi. Chị cuốn ống quần, lau nước mắt. Chị Thể đứng lặng hút từng tí từng hơi thuốc. Những đêm gần xuân nhưng trời nóng như hè. Khu nhà bà Huế - kho - bạc bên kia khu vườn còn chong điện đánh bài. Tiếng lũ nhỏ nói cười phía sau khi mặc thử những áo quần mới, vọng lại nghe rõ trong sự yên lặng của hai người. Chị Thể buông thõng một câu rồi vào nhà đóng cửa:

- Thôi buồn gì nữa bà, rán dợi rán lo cho tụi nhỏ đi. Buồn hoài có ai xót thương mình đâu?.

**

Thằng Miên và thằng Ha-Anh không rời góc nhà chị Thể khi chị Tám đội thúng xôi bắp đi. Lũ nhỏ có thói quen tụ tập lại đánh bài ăn dây thun hay những tấm giấy bầu cử Tổng thống, thượng và hạ nghị viện thay tiền bạc. Chúng rủ rê nhau kéo xuống bến ghe, chực ở trụ sở ấp ngay buổi chiều bỏ phiếu xong. Thằng Miên phân công thằng Hạ - Anh coi nhà và trông chừng chị Tám. Đêm bầu cử Tổng thống nó chờ đến suốt sáng để đem về một ôm những phiếu bỏ. Chị Tám tưởng nó ngủ với con chị Thể, nên sáng đến mới gặp nó trở về. Chị đem đốt sạch hết, nó mang tiền mua lại một đồng một trăm tờ để nặn bài. Thằng Minh con chị Thể tỏ ra rành các môn đánh bài nên lúc nào cũng thắng cuộc. Minh bỏ bộ bài xuống, lũ nhỏ ngồi chung quanh. *Các tê* hay xì ? Thằng Minh hỏi. Thứ gì cũng được. Thôi bài cào cái đã. Được. Thằng Miên làm cái chia bài thật nhanh. Thằng Hạ - Anh ngồi giữ đống giấy bạc. Cái bao nhiêu? Không cần biết. Thôi bù rồi tám. Sức mấy mà bù con. Thằng Minh kêu tám điếm con ơi. Thằng Lô? Tao bù chẵn. Miên vồ *đống bạc* của thằng Lô, gãi đầu. Gương mặt thằng Hạ - Anh sáng lên vụt sa xuống ái ngại. Thằng Minh anh ăn được không? Sức mấy mà ăn ông mầy? Thắng Miên thở dài. Cái xuôi. Mấy điếm? Năm. Thôi chung cho ông. Thằng Hạ - Anh tính từng tờ giấy trả cho thằng Minh. Những ván bài kế tiếp thay đổi theo sự đề nghị của thằng Lô. *Xì lác* đi các bồ? *Xì lác* thì *xì lác*. Thằng Mèo nãy giờ mới lên tiếng. Nó ngồi chồm hổm, áo rách hở lưng giống như người đánh bạc nghề. Khuôm mặt nó nặng trĩu với những con bài trên tay. Bọt nữa thôi cha? Nó vẫn ngồi yên nhìn chăm chú những con bài. Thôi hả? Nó vẫn ngần ngừ. Thôi. Thằng Lô đưa chìa bộ bài về phía thằng Miên. Xin một con đầm. Thằng tây cũng được. Nó vật ra ngay con đầm, choàng tay ôm lấy thằng Hạ - Anh. Chuyến nầy thua nữa tao cùi. Thằng Lô chìa bài ra trước mặt cho tất cả thấy. Bây giờ đến phiên mỗ bọt. Mười ba điếm rồi, cho xin con tám đi. Nó thò tay trịnh trọng rút một con bài trên tay thằng Minh. Nó chập

vào con bài cũ, giơ cao lên quá đầu, nặn. Trống chân cho ông nhờ. Con bài ra đầy đặn quá một nút. Chỉ lên xuống một nút là ông ăn tụi bay hết. Nó chung cho tất cả và đứng dậy. Tao hết rồi đứa nào cho mượn chiều tao mua trả? Không đứa nào lên tiếng. Thằng Lô bỏ đi, quay lại nói gỡ. Tết tao có nhiều tiền không thèm đánh với tụi bay. Và lửng thửng đi. Thằng Lô bỏ cuộc thì có con Ngỏ, cười. Một tay nó xốc thằng nhỏ, tay khác cầm những con bài. Con Ngỏ là một con bài lúc nào cũng có mặt nhưng chỉ thế vào đứa nào thua sạch. Thằng Miên nhìn đống giấy của con Ngỏ, cười. Lũ mình rán ăn hết để nó đi bán ba cho Mỹ cho rồi. Nó đi làm cho Mỹ như má nó cũng có tiền lắm, chớ mầy tưởng. Con nhỏ có lỗ mũi cao hai mắt lông mi nhiều, sáng đục như lai cười ngây thơ. Tao cũng bán bia cho Mỹ, nó tìm tới thăm má tao hoài mầy ơi... Nó cho tao tiền nhiều lắm chớ bộ. Thằng Mèo xen vô. Thôi bà ưng Mỹ cho nhiều tiền. con nhỏ thúc một cùi tay vào hông thằng Mèo, cười khúc khích. Ông ưng chớ ai ưng. Ba mầy cũng đi làm sở Mỹ đó chi? Cuộc đánh bài có con Ngỏ lúc nào cũng ồn ào. Chúng kéo dài đến khi chị Thể đi chợ về vác chổi rượt hay chị Tám bán hết thúng xôi gọi léo xéo ngoài ngõ. Thằng Minh trông thấy chị Thể trước khi chị nhận ra nó, vội bỏ vào nhà nằm vắt chân lên võng, ôm quyển sách tập đọc ngâm nga. Thằng Miên thu dọn lại những tờ giấy phiếu, giao cho thằng Hạ - Anh giữ, vô nấu cơm. Chị Tám trở về sau đó với những đồng bạc kên trong túi ni nông.

- Nãy giờ em chưa thức sao Miên?

Tiếng thằng Minh ở dưới bếp vọng lên:

- Dạ chưa ?

- Sao khói quá vậy mầy?

- Con nấu cơm.

- Em đâu ?

- Nó chơi với thằng Chơn thằng Cu đen đằng nhà ông Thành.

- Mầy bỏ em nghe Miên?

- Đâu có, nó mới ở nhà...

- Chớ không phải mầy mới đi đánh bài về na?

- Đâu có.

- Ăn cơm nguội chưa?

- Rồi.

- Sao còn nhiều dữ?

- Thằng Hạ - Anh nó không ăn.

- Kêu em về nó ăn xôi, mau ...

Thằng Miên vừa vụt đi thì ông Tám bước vào với hai người lính. Chị Tám vui mừng trong sửng sốt. Hai người lính trút súng ở vai, dựng vào vách, ngồi hút thuốc ở chiếc chõng tre.

- Con đâu ?

- Nó mới đi chơi đâu đó.

Buổi trưa vào xuân trong con xóm ẩn sâu, xa đường phố chính, trông im vắng. Căn nhà tràn ngập không khí lạnh. Ánh nắng vẫn giữ một màu chói mắt trên những lá ổi trong vườn bà Huế.

- Đi mua ít thuốc.

Chị Tám ra ôm cột hiên nhà réo gọi thằng Miên, giọng ngập ngừng:

- Miên ơi... Về mau.

Ông Tám với dáng điệu đứng ngồi không yên:

- Em mua cho anh ít thuốc đưa ít tiền, không về bận nầy chắc lâu ... Phải gia hạn tới sáu tháng nữa, ông giữ ngục nói anh nghe. Đằng nào cũng phải chịu chớ hi vọng gì ... biết đâu *nẫu* quên.

Một người lính nằm dài trên chõng, một người lính ngồi khõ tay kêu lốp bốp trên bàn.

Người lính nằm ở võng nói:

- Mau lên cho *nẫu* về hớt tóc tắm rửa, cùng năm mãn tháng đầu cổ như ma...

Tiếng một người lính hỏi:

- Mầy được về ngoải không mầy ?

- Đm về làm gì đến mồng năm?

- Đm tao có còn đồng nào đâu mà về mầy ? Còn cho vay đi?

- Tiền tháng nào tính hết tháng nấy, đào đâu ra, có gởi mẹ gì về cho vợ con đâu, tiền vợ tiền con lãnh ăn hết trơn…

- Tháng nầy không biết chừng cho nửa tháng lương như năm ngoái đó mầy…

- Có vậy mới đỡ khổ, có vậy mới đi đứng nổi chớ mầy!

Thằng Miên kéo tay thằng Hạ - Anh chạy về dừng lại ở cửa nhìn hai người lính, thoáng thấy ông Tám, reo lớn :

- Ba về ăn tết, tao biết ba về, ba tao về tụi bay …

Ông Tám cúi xuống bồng thằng Hạ - Anh, hôn phớt lên má, bỏ vào trong với hai người lính. Giọng ân cần :

- Mấy anh ăn cơm với lũ tui rồi hãy về, tui còn có chút chuyện nói với nhà tui… Không mấy khi các anh ghé lại nhà. Cơm rau mắm thôi. Hai người lính nhìn nhau cười do dự.

- Sao cũng được nhưng mau mau cho tui về tắm rửa chớ hết ngày hết tháng rồi đó cha ơi!

Ông Tám cười nhe răng, lòi chiếc răng vàng ngã mầu nâu. Nụ cười nở ra gượng gạo rồi tắt hẳn như bao nổi phiền muộn đang dồn nén. Chị Tám đưa tiền cho thằng Miên đi mua thuốc, dúi nắm tiền còn lại vào túi ông Tám. Còn bao nhiêu đó. Ông Tám không nói gì, vẻ mặt hơi tái. Chị Tám quay xuống bếp, ông Tám đi theo. Người lính nằm buồn ca vọng cổ.

"THUỞ BAN ĐẦU …ta mong gặp em bên chấn song rũ rượi u sầu. Đôi mắt ấy vương hình bóng cũ, con tim nầy còn thơ tình cảm một ngày xưa . Nhưng dè đâu phải ngỡ ngàng tan mộng yêu đương ta đau xót chừng nghe như nghẹn thở, nàng đành là cô gái phong trần dày dạn sống trong lầu xanh là một ả giang hồ …". Người lính ngồi ở bàn đấm ầm ầm sau mỗi câu xuống giọng. Thằng Hạ - Em vùng dậy khóc thét. Má ơi má ơi. Chị Tám đặt mâm cơm lên bàn còn ngút khói. Những cái hột vịt dự trữ ba ngày Tết được đem ra chiên. Dĩa dưa món thu đủ củ cải, đậu phộng để dành lúc không có gì ăn cũng mang ra đầy đặn. Trên hai bát canh tôm khô lỏng chỏng những nước, con ruồi ngã lăn ra chết. Chị Tám bồng thằng Hạ - Em đưa cho ông Tám xuống nhà bếp so chén đũa. Hai người lính và hai đứa con, tất cả là bốn. Ông Tám ghé tai chị Tám nói nhỏ. Chị Tám gật đầu. Thằng Miên dẫn luôn thằng Hạ - Anh đi chơi không về kịp. Xin mời các anh ăn trước, lũ tui ăn sau cũng được. Người lính nằm ở chõng nhét quyển bài ca vào túi sau ngồi nhỏm dậy. chà món dưa nầy mà có ba xị đế thì tuyệt hả mầy? Tết lại đằng Thiếu úy mình chắc hớp được *quích qui sê vơn* …Tao nói thiệt với mầy lúc chưa vào lính tao chẳng biết uống xá xị, vào chưa đầy năm đã nhậu đế hạng nặng, đánh bài một cây … nhất là hồi còn đóng ở Củng Sơn, nghĩ lại thiệt lũ mình hư ghê phải không mầy? Chờ thằng Minh đi mua giúp rượu về, không thấy thằng Miên và Hạ - Anh, cả hai bắt đầu ăn. Chị Tám đỡ thằng Hạ - Em trên tay ông Tám lui ra nhà sau. Ông Tám chui vào nằm trong tấm phên che ngăn đôi nhà trên và nhà dưới. Nơi đó là chỗ ngủ của chị Tám và thằng Hạ - Em, chiếc giường cũ gãy một chân phải kê đá. Mùng màn vá nhiều nơi nhiều màu, trở màu vàng khói. Tiếng ông Tám gọi vọng ra. Tám ơi. Chị Tám bước vào buồng. Giọng chị Tám nói gì lí nhí. Hai người lính ăn có chút rượu nên nói càng lớn tiếng. Mầy nghĩ coi tao bỏ nhà đi miết mà Tết cũng không về được, bỏ mả bỏ mồ ai cúng ai giỗ? Mấy cái mả chôn ở phía bển làm sao mà dãy? Đm chiến tranh … Thằng Miên trở về với hai túp thuốc *Bastos* xanh. Trên tay thằng Hạ - Anh có bộ bài nhỏ, mới tinh. Miên dắt tay em chạy như bay vào nhà, đứng lại đột ngột, thập thò ở cửa buồng. .. Chợt người lính dừng ăn dừng nói lắng nghe tiếng kêu của chiếc giường trong buồng chị Tám vang lên từng chặp...

***

Ông Tám được phép về thăm nhà vội vã ra đi vội vã. Chị Tám còn lại với lũ con với nỗi buồn chán ngùi ngùi. Chị ôm thằng Hạ - Em trong lòng thẫn thờ đi long rong ngoài ngõ. Buổi chiều xuống chậm có gió rộng. Thằng Miên vẫn dắt thằng Hạ -Anh lên ngã năm, tìm những trái pháo rơi của những căn phố cúng cuối năm. Chị Tám không giữ nó ở lại vì chị biết ở nhà không có gì cho

chúng vui. Và chị cũng không muốn nhìn thấy chúng buồn. Căn nhà còn lại tối đen trống trải như vắng người ở. Chị Tám vào nằm ở buồng rồi trở ra hiên. Thằng Hạ - Em ngủ thiếp ở chõng, chợt chị vào ẵm con dậy. Con sẽ thức với mẹ. Thằng Hạ - Em mất giấc, khóc dẫy trên tay. Bà Quận đem cái ghế bố ra sân tìm giấc ngủ sớm. Chị Thể đang đun thùng bánh tét sau nhà nói nhì nhằng từng tiếng với ông Thể. đánh bài chi ác nhơn ngày hết tết tới mà không biết lo. Trăm chuyện cũng con nầy. Mê mấy ông tướng gì mà dữ ... Chị Tám ôm thằng Hạ - Em ngồi thừ dựa cột. Ông Thể dựng xe ở hàng rào hấp tấp chui vào nhà. Chị Tám lên tiếng hỏi:

- Ông Thể tìm tui hả ?

- Ủa, đèn đuốc đâu mà tối om om vầy?

- Thây kệ thắp đèn chi, ngồi đây chơi cũng vui ...

Ông Thể hạ giọng thấp:

- Còn ít nhiều cho mượn đỡ vài trăm sáng mai trả coi?

- Tiền đâu nữa không có ăn đây ông khéo hỏi.

Ông Thể ngồi xuống bên thềm hè:

- Chớ vốn bà mấy trăm đâu? Tui mượn trả lời...

- Góp đưa cho ông Tám hết trơn, không còn xu dính túi, tui có đưa ông mượn chớ để ông nói làm chi nhiều?

Ông Thể kè nè dắt xe ra ngõ thì gặp bà Thể. Ông đi đâu tối ba mươi sáng mồng một còn đi vậy? Mấy ông tướng bắt ông hả ? Đánh bài gì không biết đến ngày tháng ... Nợ nần đầy đầu trả chưa hết. Ông Thể nói rù rừ. Tao đã nói bỏ rồi mà còn nhắc hoài. Bà Thể nói thét lên. Mỹ về nước ông mới bỏ lận. Ông mà bỏ mê bài bạc thì thiên hạ thái bình. Ông Thể ở cái thế buột phải đem xe vào nhà cất, bỏ những lời chị Thể nheo nhéo ở ngoài sân, xuống bếp tìm cơm ăn. Chị Tám quẹt lửa châm một điếu thuốc. giọng chị Thể dịu hẳn. Bà Tám không gởi gì tui nấu cho? Có gì mà gởi? Ít khúc bánh cho tụi nó ăn cho vui. Ông Tám về có bao nhiêu dồn cho ổng hết trơn ... Vậy mẹ con làm sao? Thây kệ còn mấy ký gạo ăn qua bữa rồi tính. Bà Quận rời ghế bố đến ngồi dựa vào lưng chị Tám. Tết nầy đi đâu không bà? Không, đi đâu cho mệt, lũ trẻ nó có về bác nó thì về. còn bà? Chiều mồng một tết lên thăm mấy đứa cháu trên trại. bà dừng một lát, hay bà đi với tui cho vui? Chị Thể đi tạt qua nói lơ lửng. Thôi bà ơi, bà Tám mà đi đâu bà mời cho mệt. Bả buồn thúi ruột... Tui cũng ngán ông Thể thiên lôi có bao nhiêu dành dụm đem cúng hết, phát chán không muốn làm gì, đi đâu. Chị Thể quay trở lại thùng bánh chưng đẩy mấy khúc củi to vào giữa, gió thổi bay những đóm sáng lên cao. Chị Tám nhìn chăm chú vào đống lửa đỏ. Đôi mắt chị cứng, gương mặt trống không. Gió thổi ngọn lửa bốc cao. Chị nhớ ngọn lửa thùng bánh hồi còn ở dưới quê. Chị và ông Tám thay phiên nhau canh để khỏi bị trộm, khỏi bị cháy. Cũng tiết trời lành lạnh gió thổi từng cơn, ngọn lửa bốc cao sưởi ấm. Lúc đó thằng Kiệt ba năm ba tuổi đã biết thức đêm chờ bánh tét chín. Thằng Kiệt chết đi chị bắt đầu khổ, mấy ông già xưa nói đúng lắm... biết vậy mà chị không giữ nổi thằng Kiệt. Vì vậy thằng Kiệt chết như những hi vọng chị chết. Chị sau nầy cứ đinh ninh chính thằng Kiệt đã đem lại cho chị những khốn khổ không có cách xoay xở, nhưng chị còn nhớ Kiệt như những kỷ niệm thật đẹp với anh Tám như sự thiêng liêng tin tưởng cuối. Ngọn lửa tiếp tục cháy hừng khơi dậy ở chị những thương nhớ dĩ vãng. Bà Quận thở dài thường thượt, chống hai tay lên gối đứng dậy lại nằm co trên ghế bố. Ông Thể nằm tòn ten trên võng ôm cái *radio* vặn nghe tân nhạc. Tiếng hát của một nữ ca sĩ thật ấm bay xa ra đầu ngõ. Chị Tám rời chỗ ngồi, đi lững thững. Chị có ý chờ thằng Miên và thằng Hạ - Anh. Hai đứa vẫn đi đâu mất. Pháo nổ ròn hơn trên phố. Từng tia sáng vụt lên trời từng tiếng súng nổ. Tiếng đại bác ở tháp đì đùng vang vang lao đi trong đêm sâu đều đặn. Chị Tám đứng chờ ở đầu hẻm tối mù. Tiếng pháo bổng nổ gấp rút chạy dài từng dãy phố. Ánh sáng vụt cháy đỏ trên bầu trời đầy sao. Hỏa châu từ các đồn lính tung lên như pháo bông. Giờ giao thừa à? Giờ giao thừa rồi. Chị Tám nói nhỏ với mình. *Thằng Miên thằng Hạ - Anh đi đâu mất tăm rồi cà ...*

Tuy hòa, những ngày cuối năm19 67

MANG VIÊN LONG



Thơ

LỘC NON VƯỜN NGƯỜI

KIÊM THÊM

tôi thuê mảnh vườn xanh
ươm một cành lộc biếc
gieo xuống đời cô liêu
một heo may đã mất

tiết xuân trời rộn rã
chim múa hát vang lừng
em vịn cành nguyệt quế
tôi ngậm trái khổ đau

hoa vườn người vẫn nở
thơm trái mộng còn xanh
đời ai vui phía trước
đời ai buồn trăm năm

có có đời thanh xuân
đá có màu ngọc biếc
rêu sống đời em anh
tôi chia lìa thảm thiết

đất trời vốn vô tình
sao cho nhau tiễn biệt
mây có phút xum vầy
tôi có đời hiu quạnh

tôi đâu dám so bì
với đời xanh của lá
với lộc non của cành
nhưng xin lời thân thiết

hoa có nụ tầm xuân
chim có đời tình tự
gió hát lời yêu thương
tôi có đời lữ thứ

lộc non đã đơm cành
nghĩa là xuân đã tới
lòng đã vốn vô tình
tôi đâu người trông đợi

sống đời chẳng hoài mong

KIÊM THÊM



truyện ngắn

MÙA XUÂN NÀY NÓ ĐÃ CÓ NƠI ĐỂ VỀ

TRÚC LINH LAN

Cô giáo ra đề bài văn "Hãy viết về ba mẹ em". Nó ngồi cắn viết hoài, nó không biết viết gì. Từ khi nó bi bô học nói, nó chỉ biết có má Hoa của nó, một người phụ nữ to lớn ấm áp và rất yêu thương nó. Lớn lên một chút, nó được mấy người hàng xóm "tám" cho nó biết được một chút về thân thế của nó. Nó được bà ngoại lượm về từ một bệnh viện. Mẹ nó người đàn bà nào đó khi sinh nó ra thấy nó phiền phức nên gói nó quăng ở một góc bệnh viện, bà ngoại nó đi khám bệnh, thấy thương đem về nhà cho mẹ nó một phụ nữ không chồng nuôi hủ hỉ cho vui. Nó không biết gọi ba, vì nhà nó đâu có ai là ba .

Nó được cưng chiều, đòi gì được nấy. Cuộc sống bình yên hạnh phúc, ngày lễ, ngày tết má nó dẫn đi sắm đồ mới, đi chơi, thăm bà con, ai cũng thương yêu, lì xì cho nó thật nhiều tiền mới.

Buổi chiều tháng năm sắp nghỉ hè rồi, má nó hứa sẽ đưa nó đi Vũng Tàu tắm biển, nó háo hức lắm. Nhưng rồi má nó bệnh, phải vào viện. Má nó mất, cuộc đi của má nó thật nhanh, vào nhà vệ sinh té xuống và đi thật nhẹ tênh, hồn má nó thảnh thơi ở cõi hư vô nào đó, bỏ nó lại trần gian một mình. Nó khóc lóc , kêu gào.

Từ đó nó trở thành gánh nặng cho nhiều người. Họ sắp xếp nó ở nhà này vài ngày, ở nhà kia vài ngày, nơi nào nó cũng căm ghét quậy phá. Cuối cùng nó được đưa vào chùa. Giữa hương khói mù mịt của thiện nam, tín nữ, giữa các sư cô chán trần đời cát bụi, nó là một cục nợ chà bá không chay lạt, không kinh kệ, hổn hào, coi khinh những lời khấn nguyện tham lam, dối trá…Nó trốn nhà đi chơi…Cuối cùng chịu hết nổi Sư cô thuê một chiếc xe tải, đưa nó ra đồn công an phường làm giấy từ nó, các cô chú ở đồn công an động viên hết lời nhưng sư cô nhất quyết đưa nó vào nhà trẻ mồ côi này. Các cô chú công an phường cũng thương lắm động viên nó sống tốt họ cho đường, sữa đem theo.

Nó lại tiếp tục quậy tưng bừng. Các thầy cô ở đây, các bạn trẻ ở đây dỗ dành nó.

Nó giận má nó, giận cuộc đời này sinh nó ra rồi bạc bẽo với nó. Nó khóc.

Thời gian trôi, không ai quăng nó đi đâu nữa, nó lại chung mâm, chung phòng với nhiều bạn mồ côi khác, mỗi số phận, mỗi cảnh đời. Hình như nó hiểu ra nhiều điều. Mỗi mùa lá bàng thay lá, mỗi mùa bằng lăng trổ bông, hoa hoàng hậu vàng rực sân trước, hoa sứ thơm lừng trong đêm… Hoa mai nở, xuân lại về. Nó lớn dần, biết yêu thương mọi người, biết thông cảm với bạn bè, Biết quí trọng bản thân nó…Cám ơn cuộc đời cho nó góp mặt để nó biết vui, biết buồn, biết ước mơ!

Cám ơn không gian thân thiết này đã nuôi dưỡng nó, rèn luyện nó thành người biết phải biết quấy.

Tết không biết về đâu? Nó giận Sư cô đã thề không thèm trở lại chùa. Cô giáo ở đây nói với nó: Mẹ con mất, người ta không phải cật ruột, nhưng đã cưu mang con, nuôi dưỡng con. Vậy là tốt rồi. Con phải biết ơn họ. Hãy về thăm họ và cho họ biết con đã ngoan, học giỏi, con sẽ thành người tốt.

Đó là một cái tết thật vui. Nghe lời cô giáo nó về thăm chùa, với giấy khen, với quà tết mà nhà trẻ mồ côi cho nó, với đôi lời biết ơn. Sư cô cảm động và cũng mừng khi nó về, vui khi nó tiến bộ. Nó có nơi lại về mỗi ngày hè, ngày tết. Anh chị họ nó hay ghé thăm cho quà, cho quần áo mới, hàng xóm mẹ nó ghé cho sách, tập…Nó không một mình, không cô đơn.

Có lần cô phóng viên Đài truyền hình đến phỏng vấn hỏi nó có ước mơ gì. Nó buộc miệng: Ước gì được gặp những người sinh ra nó rồi ruồng bỏ nó một lần. Một lần thôi cũng được. Nhưng ước mơ chỉ là giấc mơ!

Từ đó nó ngộ ra một điều, không phải có huyết thống họ hàng mới yêu thương nhau. Tình yêu nối từ trái tim này đến cho trái tim khác bằng sợi dây nhân ái, trái tim nhân hậu biết cảm thông và tin cậy. Nó đặt tên là:

Sợi dây yêu thương!

TRÚC LINH LAN



KÍ ỨC VỀ DÊ

VŨ THẾ LONG

Nhà hiền triết và bầy dê vui tính

Trẻ con Hà Nội xưa thuộc lòng bài ca dao trong sách tập đọc:

"Kì nghỉ hè
Ta về quê
Lên bờ đê
Đi chăn dê…"

Cứ đến kì nghỉ hè thì lũ bạn tôi quê quán ở các tỉnh lại được bố mẹ gửi về quê với ông bà họ hàng. Không biết chúng có đi chăn dê hay không nhưng ở quê ra chúng thi nhau kể chuyện được đi chăn trâu, chăn bò mò cua , bắt ếch…Tôi nghe mà thèm.

Quê tôi là nội thành Hà Nội chẳng thấy ai chăn dê cả. Lũ chúng tôi chỉ biết đi đá bóng, đổ dế, bắt ve sầu. Cùng lắm thì chơi trò bịt mắt bắt dê là hết. Nào biết con dê hình thù nó ra sao đâu.

Bỗng một hôm, thằng bạn tôi ở đầu đại lộ Lý Thường Kiệt rỉ tai: "Tao vừa thấy có một ông lão chăn dê ngoài phố , mày có muốn đi xem dê không?" Tôi thích quá ba chân bốn cẳng chạy theo ngay . Thằng bạn dẫn tôi đến chỗ vườn hoa Tao Đàn trước cửa trường Đại Học . Ra đến nơi, thấy một ông già mặc bộ quần áo ta, tay phe phẩy cái quạt giấy ngồi đọc sách trên ghế đá. Cách đó không xa , trên bãi cỏ có đôi dê một dực, một cái. Con đực sừng cong, râu dài. Con cái nhỏ hơn . căng bàu sữa và một lũ dê con đang tung tăng gặm cỏ. Tôi khoái chí nhìn bầy dê nhai cỏ. Có con ị ra một bãi phân toàn là những hạt tròn tròn đen đen như những viên bi nhỏ.

Mãi sau này, mẹ thằng bạn rủ tôi đi xem dê cũng là người làm việc trong trường Đại Học nói cho mới biết: ông lão chăn dê ấy chính là vị Giáo sư Luật sư nổi tiếng lúc bấy giờ.

Ông ấy có đến hai bằng tiến sỹ bên Pháp lúc mới 23 tuổi . Không được sử dụng dúng chỗ, chẳng được lên bục giảng chẳng lẽ "ngồi chơi xơi nước" ? Ngài Luật sư bèn nghĩ ra một công việc mới: Mua đàn dê rước ra chăn ngay trước cửa trường và nhàn tản đọc sách chăn dê lặng lẽ nhìn thời cuộc.

Cái hình ảnh ông lão chăn dê và đàn dê ấy cứ ám ảnh tôi trong suốt cả cuộc đời. Sau này đọc sách và theo dõi thời cuộc tôi càng hiểu hơn cái nhân tình thế thái và rõ thêm thái dộ của một trí giả trước thời cuộc nó ra làm sao. Mỗi người ứng xử theo mỗi cách. Cùng lắm thì vứt tất cả.

Bỏ quan trường, công danh đi chăn dê, âu cũng là một giải pháp, một thông điệp của kẻ sĩ cái thời ấy.

A B C ăn thịt dê.

Thuở nhỏ, tôi không một lần được ăn thịt dê. Theo mẹ đi chợ, tôi chẳng thấy người ta bán thịt dê bao giờ trong khi lợn gà vịt , ngan ngỗng , thịt bò thịt trâu, thịt chó thì đủ cả riêng món thịt dê thì chẳng thấy. Trong các dịp giỗ tết của họ nhà tôi. To nhất thì có mổ bò, bê thui hoặc mổ lợn. Thịt dê chưa bao giờ xuất hiện trên mâm cỗ cả. Ở Hà Nội thuở ấy hầu như chẳng có mấy tiệm ăn có món thịt dê.

Mãi đến những năm đầu của thập kỉ 60, ở một số góc phố Hà Nội, người ta mở ra những quán bán thịt thú rừng và một số đặc sản . Tôi còn nhớ đoạn giữa phố Lê Văn Hưu Hà Nội người ta lợp ra một cái quán ngoài vỉa hè. Quán này có tay đầu bếp trứ danh chuyên bán các loại thịt thú hoang . Nào là lợn rừng, hươu nai, cầy cáo. Thậm chí có cả thịt hổ. Đôi khi người ta bắt về mấy chú dê buộc vào gốc cây kêu be be ầm phố. Lũ chúng tôi đi học về thường dừng lại lấy cỏ cho dê ăn, có đứa cầm que chọc dê. Ngày ấy, lão chủ quán bầy một lô các bình rượu thủy tinh trong ngâm đủ thứ. Bình thì ngâm bao tử hươu, pín hổ, rắn hổ mang…Đặc biệt có một cái bình to, trong ngâm đến hơn chục quả "cà dê". Người ta bảo cái đấy là rượu cho đàn ông bổ lắm…

Thời chiến tranh, bao cấp, thịt dê hầu như vắng bóng trong các bếp ăn, cửa hàng ăn uống mậu dịch hay các quán ăn Hà Nội. Thịt dê với đa số dân Hà Nội vẫn là một món ăn xa lạ không mấy người có dịp được thưởng thức.

Tôi xa Hà Nội sơ tán lên rừng Thái Nguyên và theo học ngành Động Vật học. Nơi tôi ở thời sinh viên tuy là rừng núi chân Tam Đảo nhưng hầu như cũng chẳng thấy nhà nào nuôi dê.

Thầy Động Vật học của tôi dạy: "Con dê là vật nuôi của người nghèo. Nuôi dê không tốn lương thực làm thức ăn. Dê có thể ăn đủ các loại lá…Sữa dê bổ, thành phần dinh dưỡng đầy đủ và còn hơn cả sữa bò…" Học theo sách vở là thế nhưng gần như con dê cũng chưa dược nuôi phổ biến ở nhiều nơi như bây giờ. Sau này, qua thực tế tôi mới hiểu thêm rằng tuy con dê là "Vật nuôi của người nghèo" thật nhưng ở một số vùng trên thế giới vì phát triển đàn dê bừa bãi nên lũ dê đã tàn phá hết cỏ cây góp phần nhanh chóng biến đất đai thành sa mạc cằn cỗi.

Thế rồi, sau nhiều năm công tác, sống ở khắp nơi nhưng tôi cũng chưa có dịp nào được thưởng thức món thịt dê cả. Thời bao cấp, khó mà có thể mua nổi miếng thịt dê dù rằng đi đây đi đó thấy người ta vẫn thả dê trên núi. Tôi chỉ biết đến món dê qua sách vở.

Tôi cũng chưa hề được xem làm thịt dê bao giờ. Chỉ nghe nói trước khi làm thịt dê, người ta cho dê uống rượu rồi đánh cho nó chạy, vã ra hết mồ hôi. Sau khi chọc tiết lấy tiết hãm tiết canh và pha vào rượu, con dê được mổ bụng và rồi người ta nung một tảng đá cuội lớn cho thật nóng bỏ vào trong bụng dê , khâu tạm lại và lấy rơm thui . Trong nóng ra, ngoài nóng vào, thế là thịt dê tái vừa độ. Chỉ thái ra mà chấm tương gừng …Nghe nói vậy nhưng cũng chẳng biết thực hư ra sao

Thế rồi số trời run rủi, tôi phải tự tay tham gia bắt dê, làm thịt dê và nấu món dê. Đây một thử thách mà trong đời tôi chưa bao giờ gặp phải.

Ngày ấy, cả nhóm chúng tôi đang có cuộc khai quật khảo cổ học ở đảo Cát Bà. Đang trời quang mây tạnh bỗng một trận bão lớn xuất hiện. Cả đoàn chui trong căn nhà lá ọp ẹp gió vặn cột kèo, căn nhà kêu răng rắc. Cả đoàn khai quật phải vất vả cùng gia đình ông dân chài ra sức kéo dây buộc các góc nhà chỉ chực tung lên trong trận cuồng phong dữ dội. Bão qua, nhà ngiêng, may không đổ. Cả đoàn phân nhau người thì chống lại nhà cửa, lợp lại mái. Tôi là anh trẻ nhất nên được phân cùng trưởng đoàn leo lên trại dê của Hợp Tác trên đỉnh núi để thương lượng mua con dê về làm thit cho cả đoàn.

Hai anh em hì hục khiêng con dê từ trên đỉnh núi xuống hang núi bên dưới để mổ thịt. Một cậu trong đoàn khoe " Tớ là dân Ninh Bình, mổ dê dễ ẹc. Để tớ ra tay!" Cậu ta chặt một khúc tre nhỉnh hơn cái xe điếu. Vạt một đầu thật sắc để làm cái ống dẫn tiết. Con dê bị trói thật chặt, kêu vang cả hẻm núi thảm thiết. Cậu bạn tôi dùng dao sắc vạt miếng da ở cổ dê rồi loay hoay tìm mạch để chọc chiếc ống sắc nhọn vào hứng tiết. Lúng túng mãi không xong. Rốt cuộc cũng chọc được vào động mạch và lấy được ít tiết dê cho vào xong nhôm. Vất vả mãi mới mổ xong con dê. Cả một cỗ lòng to tướng và đống ruột chẳng biết làm gì , đành vứt xuống biển để cúng Thủy thần.
Tôi đề nghị giữ lại bộ xương để làm mẫu nghiên cứu cổ động vật, vì thế phải tự tay lọc thịt và giữ

nguyên bộ xương làm mẫu cho phòng thí nghiệm. Thịt dê chẳng biết nấu nướng ra sao, anh em tự sáng tác xiên chả nướng trên lửa. Xương hầm đu đủ xanh có sẵn trên núi. Cuối cùng, cả đoàn xì xụp thưởng thức món thịt dê tự chế chẳng theo một bài bản nào.

Ăn xong mà hỏi thịt dê ra sao cũng chẳng ai biết nó thế nào nữa. Thời ấy có thịt mà ăn là qúy lắm rồi. Sống ngoài đảo mà cả tháng cũng chỉ mấy con cá nhép.

Đợt ấy tôi được một mẻ thu hoạch lớn là có được một bộ xương dê để làm mẫu so sánh. Bộ xương nay vẫn để trong phòng thí nghiệm. Mỗi lần nhìn thấy nó tôi lại nhớ đến trận thịt dê năm xưa.

Sau thời kì kinh tế mở cửa, nhà hàng, quán xá thi nhau mọc ra khắp nơi. Các quán nhậu đã có đủ các món dê. Thịnh hành nhất vẫn là dê tái chanh, dê xào lăn và quán chuyên dê thì có cả dê nướng tảng, dê hầm thuốc bắc, tiết canh dê, rượu tiết dê và món độc đáo hơn cả là rượu "cà dê".

Tôi vốn không thích thú gì với các loại rượu thuốc ngâm dộng vật nhưng có một lần, cậu bạn làm trong ngành trùng tu di tích vừa thắng quả đậm. Thế là cậu ta ép cả nhóm bạn thân sang tận Gia Lâm để làm một bữa nhậu dê cho thêm khí thế. Phải nói không khí trong cái quán ấy rát sôi động. Các em chân dài thi nhau tiếp thực khách rượu tiết dê. Ông chủ tiệc ép mỗi người 1 cốc rượu cà dê cho thật phê. Cô phục vụ chân dài đem đến cho tôi một cái cốc thủy tinh trong có quả cà dê. Cô dùng một củ xả đập dập và lấy thìa nghiền cà dê tan trong cốc, dùng củ sả khuấy đều rồi rót cho mỗi anh một li.

Tôi vừa ngậm vào một ngụm mà thấy rợn cả người. Cái vị tanh tanh của cà dê nó chẳng hợp tý nào với khẩu vị uống của tôi. Đành nhắm mắt ực một cái để chiều chủ nhân và chiều cô gái trẻ. May mà không bị phun ra trong bàn nhậu. Tôi cạch đến già cái món rượu cà kinh khủng này.

Tôi chẳng tin rằng cứ uống rượu cà dê vào thì sẽ "phừng phừng máu dê" như có người đã từng đọc bài thơ ca ngợi:

"Tái dê chấm với tương gừng

Ăn vào nó lại phừng phừng máu dê

Đêm về vợ mới tỷ tê

Ngày mai anh lại tái dê tương gừng..."

Sau này, tôi có nhiều dịp được thưởng thức nhiều bữa tiệc dê ở khắp các vùng miền khác nhau. Từ dê núi Ninh Bình cho đến dê Ấn Độ ở Ninh Thuận, Bến Tre. Ăn đủ món từ cà ri dê cho đến tiết canh, hầm táo tầu, thuốc bắc...Mỗi nơi mỗi vẻ. Người ta liệt kê ra đến hơn hai chục món. Với tôi, cũng có món hợp khẩu vị, cũng có món không hợp. Mỗi người một ý thích. Ẩm thực là vậy mà.

Riêng cái khoản "ăn vào nó lại phừng phừng máu dê" thì hình như với tôi nó chẳng có tác dụng gì cả.

Chẳng biết tôi nhận xét như thế có đúng hay không. Hay là do cái tạng của tôi nó không hợp lắm với cái món thịt con be be này.

Tôi cầm tinh con lợn. Các thầy xem số bảo rằng "Hợi mão mùi tam hợp". Tôi nghiệm thấy các bạn bè cầm tinh con dê của tôi nhiều người rất thành đạt và hầu hết đều là những người bạn rất hợp với tuổi "con ủn ỉn" của tôi. Riêng với món thịt dê thì tôi thấy nó không được "hợp" lắm so với thịt trâu thịt bò hay thịt gà thịt vịt...

Nghĩ gì nói vậy mong các bạn yêu thích món thịt dê thông cảm nhé.

Riêng tôi, dù có chán đời đến mấy thì cũng chẳng bao giờ bày tỏ nỗi chán chường của mình như vị hiền triết xưa bằng cách bỏ nhiệm sở đi chăn dê cả. Mà có muốn chăn dê ở giữa Hà nội này thì lấy đâu cỏ mà chăn bây giờ? Bê tông hóa, gạch đá tảng lát hết hè phố rồi còn đâu?

Hà Nội 24-12-2014

VŨ THẾ LONG

tranh của hoạ sĩ Lưu Trọng



HƯƠNG VỊ NGÀY XƯA

DƯƠNG PHƯƠNG TOẠI

Tới hơn mười lăm năm, cậu em vợ tôi ở nước ngoài mới về thăm quê hương. Làng cậu đây rồi! Trước ngày cậu đi làng còn nghèo lắm! Nơi ấy là cái nôi gửi lại một chuỗi tuổi bé thơ lang thang chạy trước mảnh diều giấy, chạy trên cánh đồng, theo những cơn mưa dầm dề, những trưa nắng chói chang. Con mương trước cửa chùa. Cây cầu gỗ cheo leo. Cái ao sau nhà ông Khán... Chao ôi! Tuổi học trò trốn học đi đơm lờ, bắt cá, móc cua đồng, cất vó tép...Rõ ràng còn đó như có một thằng bé lưng trần đen đúa, tóc khét nắng, đu lên cành ổi dẻo quẹo rồi đột ngột buông tùm cả người xuống mặt ao...

Sau bữa cơm gặp mặt, cậu cho biết được về quê ba tháng. Như vậy là cậu được ở nhà ăn Tết. Thật vui quá! Cậu muốn mẹ và các anh các chị đừng bày vẽ ăn uống. Ở nước ngoài, em chẳng thiếu thứ gì, thịt thựa, bơ sữa, quanh năm. Chỉ nhớ mỗi rau muống, dưa gang, mắm cáy, muối vừng và tình người quê ta! Cậu quay sang nói với tôi:

- Anh biết không? Lúc về đến đầu làng thấy đám trẻ đeo mấy cái giọng tre, tự dưng em thèm món cá đồng nấu củ chuối, nấu khế chua, nhất là nấu me đến thế! - Cậu cười ý nhị: - Me làng ta chua có tiếng. Me chua, nhưng người làng ta đâu có chua! Con gái làng ta xưa nay đẹp nhất vùng!...

Tôi cảm phục:

- Cậu đi xa mà vẫn không quên hương vị quê nhà, vẫn ao ta nước mát!

Rồi cậu bảo chúng tôi:

- Mai mốt các anh các chị đãi em một bữa cá mại đen, cá ngạnh xem sao? Em nhớ những ngày mùa mưa tháng sáu theo bố vào làng Hưng Học mua lờ mang ra đồng Năn đơm cá. Gặp buổi mưa nhiều, được toàn cá mại đen, nặng trĩu cả lờ. Thích thật! Lại nhớ những sáng cùng ông nội đi giũ cá ngạnh ngoài sông Đồng Họ ven đê, lội đến ngang ngực và giật cá cứ phăn phắn, sướng cả tay...

Nghe cậu say sưa mà tôi giật mình. Tưởng em ước thứ sơn hào hải vị gì, bây giờ lo dễ ợt.

Xuống chợ Cốc, cả phụ tùng tên lửa cũng có. Nhưng cái món cá mại đen, tức cá mại cờ với cá ngạnh thì... quả là đánh đố chúng tôi. Còn khó hơn cả kiếm măng mùa đông! Đề tài rất đơn giản mà thực hiện đâu có dễ. Giữa thời buổi xóm quê đang hóa dần phố xá, đồng ruộng chỗ nào cũng nhiễm hóa chất, đạm, lân, thuốc trừ sâu, trừ cỏ...Đến đám trẻ con cháu chúng tôi đây cũng có thể không biết con cá mại cờ, con cá ngạnh nó làm sao! Đang mạch vui khen làng thôn thay đổi diện mạo, bỗng dưng cậu chuyển sang chuyện mại cờ cá ngạnh, chúng tôi ai cũng nao nao nhớ lại ngày xưa dân dã ngói tranh...

Ngày xưa...Những cơn mưa "tháng sáu máu rồng" chan hòa mặt đất. Đám trẻ chúng tôi trong xóm thường rủ nhau từng tốp chạy ùa ạt ra đồng. Đứa xách nơm lội trên ruộng đầy tràn nước đục chụp cá tùm tụp. Đứa kê giành vào miệng cống qua đường đón chắn cá mại trắng, cả cá tần ghi nhỏ xíu mắt to, long lanh như hai hạt ngọc...Tôi thích đi dọc các rãnh ruộng mạ xem đàn cá mại cờ mừng nước. Chúng đua nhau uốn lượn cái đuôi cờ y như đoàn quân diễu hành giương cờ đắc thắng. Gặp lỗ nước chảy, chúng lại ào xuống như lao qua thác. Hoặc tôi lại cúi lưng ngắm những chú mại cờ tách đàn bơi len lỏi trong bụi năn, thỉnh thoảng lại lao lên đớp mồi đánh tép một cái như gãi ngứa vào mặt nước phẳng lặng. Có con còn ngậm lấy tẹo đuôi của bạn, lay đi lay lại tỏ vẻ đầy thích thú, tinh nghịch.

Xóm tôi có nhóm trẻ hay đi câu cá ngạnh. Quê tôi gọi là giũ ngạnh. Chân bờ rào, bờ dong riềng, đám đất chạn rửa nào cũng bị chúng tôi cày xới tìm giun đất sống cho vào ống bơ, ống vầu để làm mồi câu cá. Đầu đội chiếc nón tuột vành, lưng đeo mảnh áo mo cau, chúng tôi đứa ngồi xổm trên bờ, đứa lội ra vạ sông ngập đến thắt lưng. Tay vung cần câu trúc, cần câu tre vót lấy, quăng vút sợi cước dài có lưỡi câu xiên khẩu mồi giun ra và giũ giũ đầu cần câu vào mặt nước kêu tom tõm. Đó chính là tiếng gọi nhử lũ cá ngạnh phàm ăn đến. Tiếng tom tõm chưa dứt, vòng tròn nước chưa kịp khép thì chiếc phao bằng mẩu muồng muồng khô đã chúi xuống. Tôi vội giật mạnh lên, cần câu quay vun vút trong không gian. Con cá ngạnh to bằng ngón tay cái mắc câu. Nơi lưỡi câu phát ra tiếng kèng kẹc, kèng kẹc thật hấp dẫn. Lúc gặp được đàn cá ngạnh đi đông, giật cần câu không thấu. Chốc chốc ngón tay gỡ cá lại bị cắm gai ngạnh của chúng nhức buốt. Gai ngạnh non không sao, chứ cắm phải gai ngạnh già thì buốt tới óc. Buốt mà vẫn thích, vì nhìn sang hỏi thăm nhau: - Mày được nhiều chưa? Tao lưng giọng! Thằng Hoài Ngớ, thằng Vấu Nhì đã được đầy rồi! Hai thằng ấy dái đen nên bao giờ cũng sát cá...

Cha tôi rất chuộng món cá ngạnh nấu với củ hay quả chuối hột non và cây rọc mùng thả tái. Thời ông làm lý trưởng, có lần làng cử bác Đoàn Ngảnh (là người chuyên giúp việc chia phần rất khéo trong làng) đội khệ nệ một chiếc thủ lợn to gần kín lòng chiếc mâm đồng đến biếu. Ông xua tay: "Thôi Thôi! Coi như tôi đã nhận rồi. Tôi cho bác mang về nhà để cho cô ấy với các cháu nó ăn! Khổ lắm! Cầm dao chia phần cho làng thì tài, không ai chê được, mà phần mình thì không biết có miếng nào đến miệng? Hôm nao cháu nó câu được, cứ cho tôi mớ cá ngạnh là báu nhất"...

Được mớ cá ngạnh tươi còn giãy, cha tôi bận mấy cũng tự tay mình đi đào củ chuối hột non và thái nhỏ như miến đem ngâm vào chậu nước lã, khỏi thâm. Mẹ tôi luộc nhôi cá, vớt ra rổ cho ráo rồi gỡ hết ba cái gai to. Chỉ còn thân cá trơn tuột. Cá luộc được đảo trong chảo mỡ, rim hành, cà chua. Liệu cơ cho nước và quả bứa vào nấu chua. Sau mới nấu với củ chuối, rọc mùng. Nồi riêu cá ngạnh đơm ra váng mỡ nổi vàng óng, béo ngậy, tỏa hơi nghi ngút, ăn ngon tưởng quắt tai. Nhưng cha tôi bảo:

- Bữa đầu ăn gọi là thôi. Còn để bữa sau nấu lại, mới là người biết ăn cá đồng...

Quả đúng thế thật! Giống cá ngạnh hai lửa mới tuyệt làm sao! Bây giờ nhiều khi muốn ăn, mà không kiếm đâu cho được.

Chiều cậu em, lâu lắm mới có dịp cả nhà được vui vẻ thế này, mấy chị em gái sau đó tỏa đi mỗi người một chợ, tìm mua cá mại cờ, cá ngạnh. Nhưng chẳng chợ nào có. Một bà hàng cá chợ Cốc còn đáo để mắng vợ tôi: "Cô khùng hay sao lại đòi cá mại cờ, cá ngạnh thời buổi này?" Dì em thì xuống chợ Đình Lưu Khê, chợ Vị Dương. Cũng chịu. Dì mua được mấy cân ngán cùng sò huyết và một cân tôm sú hí hửng đem về, nghĩ cậu sẽ bất ngờ. Ai dè cậu em trợn mắt:

- Các chị có chiều em được mãi không? Tưởng em không biết gì những thứ này đấy à?

Dì em tôi cười xuê xoa:

- Cũng rẻ ấy mà!

- Rẻ bao nhiêu? - Cậu em vặn lại. Dì em lúng búng trả lời:

- Sò ngán rẻ thôi. Riêng có tôm sú đây là đắt này. Một trăm tám mươi nghìn một ký lô, cậu ạ!

- Vậy mà chị khen rẻ, định giấu em. Bằng hơn tạ thóc. Nông dân mình ít ai dám đổi thóc lấy tôm ăn? Thứ này em vẫn được ăn luôn. Khách sạn, nhà hàng chả thiếu...Em về chơi, cốt rau mắm sơ sơ xong việc thôi!

Phải đến nửa tháng sau. Hôm ấy thứ bẩy. Chúng tôi lại họp mặt ở nhà bà ngoại. Mọi người đang chăm chú theo dõi chương trình "*Gặp nhau cuối tuần*" trên VTV3 thì có tiếng xe ôm tít còi inh ỏi ngoài cổng. Vợ chồng tôi nhanh chân chạy ra. Một chị phụ nữ bịt khăn kín mặt để tránh nắng, chỉ hở hai con mắt, xuống xe, tay xách một cái bao xác rắn. Chị trút bao, lộ ra một chiếc lờ đơm cá giếc bọc bẹ chuối còn ướt trương, vội vã nói:

- Hàng độc đấy! Bác bá nhận cho em. Chị Hà nhờ em mua hộ, dặn từ mấy hôm trước. May quá dịp này có mưa. Phải rình người ta vừa đơm ngoài đồng về, em mới tranh mua được. Chẳng nơi nào kiếm được món này đâu. Họa chăng đồng Năn Hà An còn mái chua là có thể có thôi!

Thì ra là một mớ cá mại đen! Vợ tôi đón lấy bọc "tặng phẩm quí hiếm". Tôi nói nhỏ: Thế là vợ chồng mình thua dì Hà rồi!

Cậu em tôi đổ cá vào chậu nước mưa. Con đen, con xám, con vẩy đỏ còn tươi nguyên, nhảy tanh tách vung cả ra ngoài chậu. Chúng bơi dày đặc, quẫy lượn thỏa thuê, khoái chí. Cậu em chọn lấy hai con to nhất, đẹp nhất thả vào cái bát nhựa. Ngẫm nghĩ thế nào, cậu đứng dậy bê chiếc bình rượu tây bốn, năm lít gì đó hạ xuống nền nhà. Rượu trong bình đã tiếp khách còn chừng già nửa. Cậu dồn rượu vào mấy cái chai, xếp lại. Loáng sau, chiếc bình đã được rửa sạch sẽ, đổ nước mưa trong vắt, pha thêm ít nước ruộng tới lưng. Cậu thả hai con mại cờ vào đó. Nhìn qua thành bình, hai con mại cờ tự dưng to phình lên, quét hai cái đuôi dài như hai cái chổi. Chúng lượn quanh bình nhìn nhau, đôi mắt đen tí long lanh, cái miệng nhỏ tẹo hớp hớp thật dễ thương. Cu Thắng, cu Thế, cái tí Hường vỗ tay reo ầm ĩ :

- A ha! Nhà mình có bể cá rồi! Ông trẻ ơi, thả mấy con nữa vào. Cho ít cơm, ít cộng cỏ cho nó ăn đi...

Cậu em ngẩn ngơ ngắm nghía chiếc bình cá. Cậu như sống lại tuổi bé thơ ngày nào cũng vô tư như bọn trẻ bây giờ...

Bữa chiều ấy hóa ra lại bận và vui. Người thái ớt, thái lá lốt, giã gừng. Kẻ thái quả chuối hột xanh. Cậu thì trèo lên cây me hái trái non, nhưng cũng đủ chua. Riêng chỉ còn thiếu khoản mẻ. Bà mẹ vợ tôi đi lần khắp xóm không ai có, đành xin bát bỗng rượu đem về. Cậu em vẫn mạch ký ức ngày xưa:

- Thời ông bà nội với bố mình còn sống, bao giờ trong nhà cũng nuôi một hũ mẻ. Mỗi hôm thả vào một bát cơm nguội. Mẻ sống qua ngày này tháng khác. Có cá đồng về là nấu được ngay, vừa khử tanh lại vừa thơm ngon!

Cậu gặng vợ tôi:

- Chị có nhớ không? Một lần em trêu chị. Chị đuổi em chạy khắp quanh nhà. Lớ ngớ thế nào, chị vồ hụt em, vồ luôn vào hũ mẻ, làm đổ lênh láng hết sạch. Sợ bố về sẽ mắng hai chị em, em đánh liều vặt mấy quả bòng chua, gạ thằng cu Ma Toi về lấy hũ mẻ nhà nó trút sang hũ nhà mình. Keo ấy thoát trận...

Mải bươn trải với cuộc sống làm ăn, dông dài với những cuộc rượu bia, tiệc tùng thịnh soạn...Thú thực bữa đó, nhờ cậu em, chính tôi mới có dịp được hưởng một bữa riêu cá mại cờ ngon bùi, béo ngậy đến thế. Tôi phân bua:

- Cậu ơi! Chị cậu nấu ăn cũng nghệ lắm. Nhưng bây giờ lấy đâu ra mại cờ được? Thừa nhận rằng cậu đi Tây mà vẫn vấn vương hương đồng gió nội. Xin chịu cậu!

Cậu em tôi hạ đũa, mắt sáng lên:

- Hôm nào ra Giêng Hai có mưa to, anh em mình thử đi giũ ngạnh ngoài đê xem sao. Biết đâu lại có đấy!

Đến nước này, tôi cũng đành hạ đũa kêu lên:

- Cậu lại đánh đố các anh các chị nữa rồi! Mại cờ ư? Cá ngạnh ư? Có mà lội ngược ngày xưa!

DƯƠNG PHƯƠNG TOẠI



truyện ngắn

XUÂN MỚI

TRẦN MINH NGUYỆT

Cơn mưa bất chợt làm mọi người đang ngược xuôi trên đường bị ướt sũng.Mai ngủ dậy muộn nên vội vàng chạy xe đến công ty cũng không kịp nghĩ đến cơn mưa mà mang theo áo . Nàng chạy băng trên dường bất chấp cả mưa, gió. Mai không muốn mọi người trong công ty nhìn cô đến muộn với ánh mắt thương hại một chút nào.!

Mọi chuyện đến và đi giống như một giấc mơ . Mai hiểu điều đo sẽ xảy ra, vậy mà cô vẫn thấy lòng buồn chi lạ. Cô vẫn đi làm, vẫn cười, vẫn nói cùng mọi người, nhưng khi có một mình lý trí không thắng nỗi con tim, Mai khóc thật nhiều, Và chỉ có nước mắt mới giúp được côvơi đi được nỗi đau đang dằn xé trong tim.

Khi còn là con gái, cô giống như một con sơn ca vậy- hồn nhiên, yêu đời, suốt ngày hót ca , vui cùng đất trời, không hề lo nghĩ. Nét mặt lúc nào cũng rạng ngời hạnh phúc.Vậy mà mới 3 năm lập gia đình chung sống cùng Nam, Mai trở nên tiều tuỵ, thân xác rã rời, và đôi mắt thâm quầng buồn vương lúc nào lệ cũng như rươm rướm lệ.

Nam,- Chồng cô, một kỉ sư tin học, dạy tin học cho một trung tâm, thu nhập cũng khá. Anh là con trai cả của gia đình, sau Nam còn 6 đứa em nữa. Đứa nhỏ nhất đã 16 tuổi rồi.Mẹ chồng cô đã mất khá lâu. Ba chồng cũng thường đau yếu, không làm gì ra tiền nữa. Kinh tế gia đình một tay anh gánh vác. Mai về sống cùng anh, làm con dâu, cô đã nguyện với lòng mình, toàn tâm, toàn ý lo cho gia đình nhà chồng, xem những đứa em chồng như là em ruột của mình.

Cuộc đời vốn không phẳng lặng yên ả như nước mặt hồ thu. Mấy cậu em trai rỗi việc, bất hòa, gây gỗ đánh nhau luôn. Mai không có một ngày bình yên nào cho cuộc sống gia đình hạnh phúc Thậm chí, ăn cũng bữa đói, bữa no- giấc ngũ muộn màng chập chờn đầy mộng mị. Vì làm việc quá sức, sinh hoạt không đều độ- ăn ngủ cũng thất thường, Cái thai trong bụng cô bị sẫy, chết lưu khi vừa được 3 tháng. Sức khoẻ của Mai từ đó suy yếu dần dần- tiền bạc dành dụm được từ thời con gái cũng dần cạn hết.. Cô chỉ còn có tiền lương lãnh mỗi tháng nên không còn đủ chi phí cho gia đình nữa. Từ đó những lần cải vả , đi đến xô xác ngày càng nhiều hơn. Và một chiều sau giờ làm việc trở về nhà Mai bỗng thấy cậu em kề Nam đã đập nát cửa sổ tạm ở phòng cô- lấy mền chiếu, quần áo của cô quẳng ra ngoài sân. Cậu em còn lớn tiếng bảo vợ chồng cô

phải dọn đi ra khỏi nhà. Nhưng Nam, chồng cô – vì nặng tình nhà, và lo sợ ba buồn- nên đã đồng ý chi ra một tháng 2 triệu cho cậu em, xem như thuê nhà để ờ. Dầu vậy-vợ chồng Mai vẫn phải lo việc ăn uống, ơn nghĩa cho gia đình. Đã khổ lại gặp cảnh khổ hơn- Mai luôn bị ốm đau nhưng không dám đi bệnh viện để chữa trị! Cô tự tìm kiếm những lá thuốc nam nghe người mách bào mà nấu uống qua ngày....

Nam thờ ơ, yếu ớt đến nỗi ai nói gì cũng nghe theo và tin một cách mù quáng vào bói toán.! Nhà rối như tơ vò, vậy mà anh cứ đi coi hết thầy này, đến thầy kia- và bầy mân cỗ cúng luôn vì nghe thầy bảo cậu em bị ma nhập nên quậy phá ?. Nam không chia sẻ ,an ủi với nỗi khổ của Mai, mà chỉ quan tâm đến bản thân, lo cho gia đình anh thôi. Đã vậy, Nam còn ghen tuông vô cớ , khiến Mai càng thêm khổ tâm! Là kế toán trưởng của công ty, thỉnh thoảng Mai cũng có những cuộc họp bất thường, nhũng lần gặp gỡ xã giao- và mỗi lần như vậy, Nam đã trút lên cô bao điều cay đắng phủ phàng. Mai chỉ biết cắn răng- âm thầm chịu đựng. vì không còn biết làm gì hơn. Cô nghĩ, nếu nói ra- chỉ thêm buồn, thêm xấu hổ hơn mà thôi. Nhớ lại- lúc mới cưới nhau- Nam đã đi xem bói, nghe thầy nói cô có số hồng nhan, nên Nam càng tin nhãm- càng hành hạ- làm khổ nhiều hơn!, Lúc nào cô cũng bị Nam nói những lời cay độc khó nghe về các mối quan hệ của cô ở công ty

Cha chồng của Mai rất đau buồn vì các cậu con không có công việc làm, sinh chuyện hư hỏng- luôn kình cải bất hòa mà.Ông không có cách nào khuyên bảo được nên bệnh tiểu đường trở nặng Đôi khi thấy con gây gỗ, đánh nhau,\-nóng lòng vào can ngăn- nhưng ông cũng đã bị chúng đánh trúng luôn. Từ hôm bị "nhận" chiếc ghế ném lại từ xa của cậu con giữa- gảy tay phải băng bột, ông đã thật sự thất vọng về những đúa con không còn có trái tim của mình. Bênh tiểu đường của ông ngày càng nặng- cọng với nỗi muộn phiền thất vọng cùng cực- ông đã trút hơi thở cuối cùng vào giữa đêm mà không ai hay biết?

Sau tang lễ 3 hôm, Nam kiếm chuyện trách cứ cô. Anh bảo cô không sinh con được, không lo chu toàn cho cha mình,- ngày nào cũng đi từ sáng sớm đến chiều tối mới về đến nhà. Nói tóm, Nam đã hằn học, chi chiết với Mai nhiều chuyện mà cô không hề có! Mai cảm thấy mình bị oan, bị bỏ rơi-niềm hy vọng cho một mái ầm gia đình đã thật sự tan vỡ trong ước mơ ngày đêm của cô!

Quê của Mai ở xa- tận ngoài Thanh Hoá - nên cô không thể về nhà cha mẹ xin che chở nương náu được Ngày cô đi làm việc ở công ty. Ăn ỏ luôn trong phòng dành riêng. nhưng cô rất sợ khi đêm về. Hằng đêm -một mình cô lang thang quanh mấy ngã đường dọc theo công viên -hết nơi này đến nơi khác- cho tới tận khuya mới về phòng trọ một mình. Cô luôn tin vào số phận và chỉ với lòng tin chân thành như vậy cô mới có thể tìm chút niềm an ủi mà đi hết quảng đường còn lại của đời mình...

Và nhân duyên an lành dành cho người nhân hậu đã thật sự đến với Mai vào một buổi chiều đầu Xuân năm ấy-khi cô tình cờ gặp lại Lương –người bạn thời sinh viên năm nào đã hơn một lần ngỏ lời yêu cô trong đêm liên hoan giã từ trường trong góc quán café Văn. Lương đã rất vui mừng nhận ra Mai . Anh xin phép đến ngồi cùng bàn với Mai- trò chuyện. Lương cho biết anh vẫn chưa lập gia đình- và vẫn chân thành đến với cô khi biết đời cô đã một lần dang dở, đau khổ!

Lương nhìn Mai với đôi mắt trĩu nặng yêu thương : " Em hãy quên quá khứ đi-vì nó đã qua rồi! Hãy cùng nhau sống hết lòng cho hiện tại em nhé? Trước mắt chúng ta là tương lai- ngày mai cũng sẽ tốt đẹp như thế..."

Và Mai đã ngã đầu lên vai anh- khóc sướt mướt :

- Em cám ơn Anh ! Mai thì thầm-Anh đã cho em mùa Xuân –mùa Xuân của một đời người anh ạ!

TRẦN MINH NGUYỆT



truyện ngắn

BẢNG LẢNG NHƯ HOA MÙA XUÂN

PHAN TRANG HY

Như lệ thường, gần đến Tết, tôi chạy xe vòng quanh phố. Mọi thứ như đang vươn sức xuân. Mảng tường nhà ai đang được sơn lại. Con phố nhỏ ấm và sáng hơn. Cờ hoa rợp phố như thể đất nước được mùa.

Nhìn người ta mua sắm Tết cũng là điều thú vị với tôi. Tưởng chừng như tôi đang sắm Tết. Nào là kẹo mứt ; nào là bánh chưng, bánh tét ; nào là chả giò ; nào là mọi thứ... Hàng hóa như theo người về nhà vui Tết. Một chút rượu làm hân hoan mọi nỗi lòng trong năm mới ; một chút hạt dưa làm hồng môi ngọt của ai ; và cả một chút tờ báo xuấn trải lòng người cùng Tết ...

Tôi gửi xe và vào chợ hoa xuân. Đầy hoa ! Hoa ngợp trước mắt tôi. Ngày thường dễ gì thấy hoa như thế ! Ước gì trên những con đường lớn Đà Nẵng cũng có hoa đẹp quanh năm ! Chỉ toàn là cái đẹp, toàn sự tốt lành đang ẩn hiện trên mỗi loài hoa, ai mà chẳng thích ?

Tết đến mà có một chậu mai chưng thiệt là tuyệt ! Và tôi cố tìm cho được một chậu vừa ý mà lại vừa túi tiền. Có mai, căn nhà như sáng thêm lên, như mùa xuân ngập cả nhà. Vợ chồng con cái gắn chặt nhau hơn trong những lần mai nở. Và bè bạn nói những điều tốt đẹp cho nhau khi Tết đến xuân về. Dại gì ta nói xấu nhau ! Sao ta không nói tốt về nhau, nếu được ?

Đang chú mục vào môt chậu mai, đang thưởng thức để tìm thêm cái đẹp, cái tốt trong mai để đem về còn khoe với vợ con, bằng hữu. Bỗng nhiên, có cái vỗ vai của ai đó làm tôi giật mình . Quay lại nhìn, tôi ngờ ngợ thấy gương mặt quen quen. Ấp úng, tôi hỏi : " Ông ... Ông là ..? ". Người đàn ông giờ đối diện với tôi cũng ấp úng : " Xin lỗi có phải ... Ông là ...". Tôi thấy quen quá, nên nói luôn : " Tôi là An ". Người đàn ông nói : "Tôi là Thanh, bạn cũ của ông đây!". Hai chúng tôi mừng nhau không thể tả .

Chúng tôi tìm một quán nước gần đó để trò chuyện. Tôi được biết Thanh từ thành phố Hồ Chí Minh về quê ăn tết. Hắn ta – tôi phải gọi như thế để nhớ lại cái thuở còn thanh niên – về quê lần này tiện thể vừa để tìm người yêu cũ. Gần 20 năm mà hắn vẫn không quên cô ấy dù đã cả hai đã có gia đình. Hắn chỉ cười buồn và trải lòng cho tôi nghe.

... Kể từ dạo ấy, cái thuở hai đứa hắn cảm lòng nhau. Lòng của hắn như có kiến đốt. Hắn ăn cũng không ngon, hắn cười cũng chưa hết cở. Nói tương tư thì không đúng lắm, hắn chưa đến nỗi phải nằm liệt gường bởi yêu. Vả lại, yêu mà bị bệnh thì ai dám yêu. Yêu như thế quả là khổ sở. Mỗi lần ra đường, đầu óc hắn vẩn vẩn vơ vơ. Ngó thấy ai có cái dáng dấp của cô ấy thì hắn mừng, tưởng như là gặp cô ấy. Nhiều khi buồn, hắn bâng quơ lấy xe chạy vòng vòng khắp phố, không biết là chạy đi đâu. Hắn chạy xe qua nhà cô ấy bao nhiêu lần, hắn cũng không nhớ hết. Mỗi lần như thế, hắn đều ước ao gặp cô ấy. Điều ước ấy có lúc xảy ra nhưng là những lúc tình cờ. Tình cờ mà gặp nhau, còn cố tình cũng chưa thể gặp nhau, âu đó cũng là cơ duyên, hắn nghĩ vậy. Và chuyện của hắn, ban đầu cũng là sự tình cờ của những lời bông đùa, như ngọn gió bỡn cợt trên cành hoa xuân, như ngọn nắng đùa trên cỏ, như cánh diều bâng khuâng treo gió trên nắng mùa xuân và như sự bông đùa của gái trai muôn thuở. Nhưng rồi, như sự ngẫu nhiên của trái tim, của sự chân thành, chúng đã yêu nhau. Yêu nhau thôi, yêu nhau tha thiết, yêu bằng cả ngôn ngữ của tình yêu, yêu bằng mắt bằng lời, bằng cả nỗi lòng thơ ca của chúng. Kể cũng lạ, bình thường hắn ít viết, viết không nổi một câu thơ, thế mà khi chúng yêu nhau thì không biết cớ sao, hắn lại làm thơ, làm rất nhiều thơ, mà bài nào cũng được. Lần đầu tiên cô ấy đọc thơ hắn, cô ấy chỉ cười, nụ cười bây giờ hắn vẫn còn có cảm giác ngọt lịm. Còn gì đẹp bằng khi có kẻ tri âm, tri kỷ.

Và mặc nhiên chúng coi nhau là tri kỷ, tri âm .

Không biết sao hắn biết cả tên cha, tên mẹ, tên em trai, em gái của cô ấy, biết cả số nhà, số điện thoại. Và cô ấy biết hắn thích gì. Kể cả chuyện riêng tư, cô ấy cũng kể hắn nghe .

Thế nhưng ! Đời mà ! Biết bao sự "thế nhưng" trong cuộc đời này . Chúng yêu nhau, quả là vậy ! Thế nhưng chúng vẫn không thể sống cùng nhau. Yêu nhau mà sống được với nhau thì quả là tuyệt rồi ! Thế nhưng, đâu có phải yêu nhau là phải sống với nhau. Nhiều lúc hắn tự an ủi cho riêng mình, như là một sự ru lòng mình yên tĩnh.

Đã 20 năm xa cô ấy. Hắn đếm ngón tay là đã 20 năm ; hắn tặc luỡi là đã 20 năm . Nơi cô ấy ở trước đây giờ đã khác. Người cũng khác, toàn là người lạ. Hắn cảm thấy buồn buồn. Dễ gì gặp cô ấy để khen cô ấy có cái áo đẹp ; dễ gì gặp cô ấy để cả ngày hắn trọn niềm vui. Như một định mệnh, lẽ hợp tan là thường tình của trời đất. Hắn biết cái quy luật ấy, cố nín lặng chịu đựng nỗi nhớ của riêng mình.

Đặt ly cà phê xuống bàn, tôi hỏi hắn:

- Thế ông không yêu vợ ông sao ?

Hắn trố mắt nhìn tôi, chửng hửng:

- Sao không yêu ? Không yêu vợ con thì yêu ai ?

Tôi gặng hỏi :

-Thế sao ông còn nhớ cô ấy ?

Giọng hắn như lạc vào cổ tích :

- Kỉ niệm, ai mà không nhớ ! Vả lại, cái tôi của thằng đàn ông đầy tham lam lắm ông ạ ! Nhất là trong tình yêu ! Có vợ có con rồi mà vẫn muốn có người yêu như là sự khẳng định mình với trần gian này, không biết tôi nói như thế có quá không ?

Im lặng...

Và tôi. Tôi không thể giấu lòng mình. Tôi cũng có vợ có con rồi ; tôi cũng muốn quên " cô ấy của tôi ", nhưng đâu dễ gì quên. Chỉ có kẻ vô tình mới không để ý đến nhau, mới dễ quên nhau. Và chỉ có kẻ dửng dưng, đâu cần ai để nhớ !

Tôi nhớ như in, hầu như ngày nào tôi cũng ghé quán cà phê cô ấy. Nắng cũng như mưa, thời tiết dẫu thay đổi nhưng tôi cứ như là đúng hẹn cùng cô ấy. Chỉ có thế thôi mà tôi đã cảm lòng bởi sự chân thành của cô ấy. Rồi, Đà Nẵng chỉnh trang đô thị. Nơi cô ấy bán được giải tỏa để mở rộng đường. Cô ấy không còn bán cà phê, cô ấy chuyển sang làm nghề khác. Tôi không còn cớ để gặp cô ấy. Chỉ còn nỗi nhớ xốn xang. Nhiều lúc đi trên đường, bất chợt, tôi thấy một số xe của ai đó, nếu chỉ cần có một con số hoặc chỉ cần màu xe gần giống xe cô ấy là tôi lại nghĩ đến cô ấy, hoặc nhiều lúc tôi làm thơ, thơ đâu chẳng thấy, chỉ thấy trên giấy tòan là tên cô ấy.

Tôi vẩn vơ nghĩ về cô ấy, nghĩ về tình yêu. Tình yêu cũng như hoa kia. Bạn có thể thích hoa, nhưng đâu có thể đem về nhà tất cả hoa mình thích .

Chỉ cần một cành hoa , nhà bạn cũng Tết rồi !

Tôi bắt tay chào Thanh. Tôi vào chợ hoa xuân. Trên đường về nhà, trên xe, một chậu mai vàng

cùng tôi chào đón mùa xuân .

Tháng Giêng - 2009

PHAN TRANG HY



Tho

GIẤC XUÂN

NGUYỄN NGỌC THƠ

Nắng vàng
rắc đọt mưa thưa
rớt xuyên qua áo xanh vừa
lối ra

động đào
khép nụ nõn nà
càn khôn hé mở bài ca
xuân thì…

chào xuân!
gió hát điều gì?
sao cành mai nở cánh thì
đong đưa

thanh tân
hẹn chín giao thừa
ngàn cây nội cỏ ta bà
giấc xuân!

Sài Gòn,Thềm Xuân 2014

NGUYỄN NGỌC THƠ



truyện ngắn

MƯA ĐÊM MÙA XUÂN

TỪ KẾ TƯỜNG

Cơn mưa ập xuống vào lúc nửa đêm đã đánh thức Trà dậy, căn phòng không để đèn, tối om. Trà nằm trong bóng tối lắng nghe tiếng mưa đổ bên ngoài, Trà giật mình vì có một con mắt đỏ nhỏ xíu đang nhìn mình. Con mắt đỏ bất động ấy ở phía đầu tủ sách, nó không đủ sức mạnh xuyên qua bóng tối, chỉ là một đóm sáng nhỏ nhưng cũng đầy vẻ dọa nạt khiến Trà sợ hãi. Cô liên tưởng đến một ngọn đèn ma, rồi lại nghĩ tới con mắt của một loài rắn độc và Trà gần như khiếp đảm trùm kín cái mền dày. Nhưng một lúc sau, Trà sực nhớ ra chiếc máy hát đĩa để trên đầu tủ sách. Thôi rồi, Trà đã quên không tắt máy khi nghe nhạc trước lúc ngủ. Cho nên khi băng nhạc dứt, đèn báo của máy vẫn sáng. Đó là con mắt đỏ của máy ở chế độ stanby.

Trà mỉm cười, tự trách cái tính nhát gan của mình và tung chiếc mền đang đắp, choàng dậy nhảy xuống giường tắt chiếc máy hát. Không hiểu giờ này mẹ về chưa? Và Trà cũng sực nhớ cô chưa hề nghe tiếng chuông gọi cổng, nghĩa là bà Loan cũng chưa về. Trà không mở đèn, cô đi loanh quanh trong căn phòng và mở một cánh cửa sổ để nhìn ra bên ngoài. Cơn mưa thật to nhưng không ào ạt, những giọt mưa hiền hòa rơi trên cây lá trong vườn. Đó là một cơn mưa đêm mùa xuân. Những cái cây im sững, thu bóng trong mưa đêm, như những bóng người co ro bất động.

Bây giờ Trà mới thấy đói bụng, cơn đói cồn cào làm Trà thấy khó chịu. Tuy nhiên, cứ nghĩ tới chuyện xuống nhà, mò vào trong bếp để làm thức ăn, Trà thấy ngại ngùng, lười biếng. Chiếc tủ lạnh nhỏ đặt trong góc phòng của Trà cũng đã hết thức ăn, trái cây cũng không còn từ mấy ngày nay mà Trà cũng buồn mua. Cơn mưa dai dẳng này đã đến trong giấc ngủ mệt mỏi của Trà và hình như Trà chỉ chợp mắt chừng khoảng một tiếng đồng hồ trở lại thôi. Trà biết với cơn mưa sụt sùi thế này, và thức dậy lúc nửa đêm, Trà sẽ khó mà dỗ được giấc ngủ trở lại.

Bỗng có tiếng chuông gọi cổng. Tiếng chuông vang lên trong mưa làm Trà giật mình. Người gọi chuông nhấn lại lần thứ hai, vội vã hơn. Trà bật công tắc đèn và mở cửa phòng chạy xuống nhà. Không thấy cây dù đi mưa để chân cầu thang như thường lệ, Trà chạy ra khoảng sân, cảm thấy những giọt mưa lạnh buốt quất vào mặt mình. Chú Phan và mẹ hiện ra, hai người say khướt. Chú Phan ướt ngoi ngóp đang lảo đảo dắt xe vào nhà, còn mẹ gần như đứng không nổi phải vịn vào Trà. Cô nhìn mẹ thở dài, bà Loan cũng ướt ngoi ngóp và lạnh run.

- Cháu dẫn mẹ vào nhà nhanh lên, bị mưa trong lúc say rượu dễ bị cảm lạnh lắm đấy – Chú Phan vừa dựng chiếc SH vừa lè nhè nói.

Trà làm thinh dìu mẹ lên cầu thang. Vậy là đêm nay chú Phan sẽ ở lại. Trà cảm thấy khó chịu và không muốn nhìn thấy gương mặt đỏ nhừ như con gà chọi của người đàn ông đó. Đêm nào cũng vậy, ông ta cứ chở mẹ Trà đi uống rượu, đi nhảy, ít khi về trước nửa đêm và bao giờ hai người cũng ở trong một cơn say ít hay nhiều. Những lúc say lảo đảo chú Phan thường lấy cớ để ngủ lại. Tối nay cũng vậy.

Đặt mẹ nằm yên trên giường, Trà mở tủ quần áo của mẹ lấy bộ quần áo ngủ và một chiếc khăn lông mang tới. Trà nói:

- Mẹ thay quần áo đi, không thể để người ướt ngoi ngóp như vậy được đâu.

- Để đó chú lo cho me.

Chú Phan đứng sau lưng Trà, lên tiếng. Trà khẽ liếc nhìn người đàn ông không phải là ba cô đứng trong căn phòng của mẹ tự nhiên Trà thấy bực tức. Trà có cảm tưởng sự xúc phạm ấy không phải chỉ có đối với cô, mà đối với cả ba mình nữa.

Trà nổi nóng:

- Tại sao chú cứ rủ mẹ cháu đi uống rượu hoài vậy, đêm nào cũng say sưa. Cháu chán quá rồi.

Chú Phan cười cười:

- Cũng là bàn chuyện làm ăn mà thôi, người ta ép mẹ cháu uống. Biết làm sao được. Và đây cũng là buổi gặp gỡ để bàn chuyện làm ăn cho năm mới.

- Chú cũng ép mẹ cháu uống chứ gì?

- Cũng để mẹ cháu vui thôi, bởi vì mẹ cháu luôn luôn than buồn chán, chú biết làm sao hơn được? Khi buồn người ta sẽ uống rượu cho say để quên buồn.

- Chú đừng ngụy biện. Chú vừa nói đây là buổi gặp gỡ, tiếp khách để bàn chuyện làm ăn trong năm mới. Thế thì tại sao lại buồn?

- Mẹ cháu buồn vì có lý do riêng. Hơn nữa trong niềm vui vẫn có nỗi buồn và trong mùa xuân cũng còn hơi hám của…mùa đông chứ. Khi nào lớn lên, biết yêu rồi cháu mới hiểu.

Trà giận dữ bỏ xuống nhà ngồi trong ghế xa-lông ở phòng khách, bỏ mặc cho chú Phan chăm sóc mẹ. Trà đã chán ngấy cảnh mẹ say sưa, nằm lăn lóc, người nồng nặc mùi rượu, mùi bia. Tại sao mẹ lại có thể sống buông thả như vậy được nhỉ? Lâu nay khi viết thư cho ông Toàn, Trà không bao giờ đề cập tới mối quan hệ của mẹ và chú Phan. Trà không muốn cho ba buồn và thất vọng về mẹ, người đàn bà mà một thời ba yêu thương , quí trọng. Nhưng hành động bao che giấu diếm này, Trà cũng thấy mình có lỗi với ba rất nhiều.

Ở bộ ghế xa-lông này, hồi chưa bỏ nhà đi, ba đã thường ngồi hút thuốc lặng lẽ. Cái tẩu thuốc của ba giống như ống khói của con tàu đi biển, lúc nào cũng phun ra những cụm khói khét lẹt. Trà rất sợ mùi khói thuốc của ba, nhưng lại thích mồi thuốc vào tẩu giùm ông, bao giờ cũng vậy, Trà giành công việc nhồi thuốc, sau đó mới đưa tẩu thuốc cho ba hút. Có khi hai cha con ngồi đối diện nhau, ông Toàn ngắm con gái và bảo Trà: "Lớn lên con gái của ba sẽ là một cô gái đẹp, nhưng số phận có thể không may". Trà có hỏi tại sao, ba không giải thích, chỉ cười. Có phải số phận ấy đã đến với Trà đúng như lời ba đã từng nói không?

- Trà nghĩ gì thế? – Chú Phan đi xuống nhà ngồi ở chiếc ghế của ba và lên tiếng hỏi Trà.

- Cháu đang nghĩ tới ba. Mấy mùa xuân rồi ba cháu vắng nhà. Trong căn nhà này không có ba, cháu thấy vắng vẻ quá, nhất là những ngày đầu năm, lại có mưa đêm.

Chú Phan sững người, nhưng sau đó là một giọng cười cố tạo sự vui vẻ:

- Ông ấy có cho cháu biết bỏ mẹ để đi đâu không?

- Không.

- Chắc Trà nhớ ba lắm hả?

- Đúng.

- Trà cũng rất thương ba, phải không?

- Dĩ nhiên.

- Nếu ba Trà quay về thấy chú ở đây rồi ông ấy sẽ ở đâu?

Câu hỏi chú Phan làm Trà tức giận. Trà nhìn chú bằng cặp mắt căm thù:

- Ba Trà về ở trong ngôi nhà này cùng mẹ con cháu chứ ở đâu. Còn chú là người ngoài, tức nhiên chú phải ra đi. Nhưng tại sao chú lại hỏi như vậy?

- Chú buột miệng hỏi thế thôi.

- Tưởng chú biết rõ vấn đề này hơn ai hết chứ – Trà cười mỉa mai.

- Cũng chưa chắc – Chú Phan khinh khỉnh nói.

- Mẹ cháu thế nào?

- Ngủ say rồi.

- Chú không về nhà sao?

- Chú ở lại.

- Vậy cháu đi ngủ đây.

Trà đứng lên, cô tỏ thái độ bực dọc bằng cách xô cái ghế thật mạnh. Sau đó Trà đi lên cầu thang để về phòng mình. Chú Phan chỉ nhìn theo buông ra một giọng cười nhạt nhẽo. Người đàn ông này luôn luôn có thái độ dễ ghét. Không bao giờ Trà có cảm tình với ông ta. Trà nằm vật ra giường, cô ôm chiếc gối dài vào lòng cảm thấy nỗi chán chường đè nặng tâm hồn mình như cả một sức mạnh vô hình chợt xô tới. Cơn mưa xuân vẫn đổ bên ngoài, tiếng mưa đêm nghe buồn thê thảm, dù nó mang lại nỗi xôn xao của một năm mới. Hay tại Trà đang có tâm sự ,đang nhớ ba nên không vui? Trà cố nhắm mắt dỗ giấc ngủ, nhưng không làm sao ngủ nổi.

Có tiếng gõ vào cửa phòng, rồi tiếng của chú Phan:

- Trà ơi, cháu ngủ rồi à?

Trà làm thinh. Chú Phan tiếp tục gõ cửa và nói:

- Chú biết cháu chưa ngủ đâu, cháu làm gì trong phòng vậy?

Trà cáu quá, gắt lên:

- Cháu ngủ chứ làm gì, còn chú, sao cứ phá người ta hoài vậy?

Chú Phan cười:

- Chú muốn nói chuyện với cháu.

- Chú say rồi, đi ngủ đi, có gì sáng hãy nói.

- Sáng mai cháu đi học rồi, làm sao mà nói?

- Cháu sẽ không đi học nữa.

- Tại sao?

- Chú không cần biết.

- Cháu không mở cửa sao?

- Không.

- Cháu giận chú lắm à?

- Không biết. Nhưng chú đừng làm ồn nữa, hãy lịch sự một chút. Cháu ngủ đây.

Và Trà im lặng giả vờ ngủ, nhưng thật ra Trà không tài nào chợp mắt được. Hai mắt cô mở thao láo nhìn lên đỉnh mùng. Trong đêm tối chỉ có tiếng mưa, tiếng đồng hồ để bàn nhích từng phút rời rạc, cô đơn. Thái độ của chú Phan thật kỳ lạ, cứ nghĩ tới gương mặt của người đàn ông này tự nhiên Trà cảm thấy sờ sợ và căm ghét.

Có lẽ biết Trà sẽ chẳng bao giờ mở cửa nên chú Phan bỏ xuống nhà. "Ông ta khùng chăng?"Trà tự hỏi như vậy, và vùi mặt vào chiếc gối. Và chẳng bao lâu cô ngủ thiếp đi.

Chú Phan đã đi từ sớm, có lẽ lúc đó Trà hãy còn ngủ. Cơn mưa đêm qua để lại cho buổi sáng khoảng không khí lạnh và bầu trời trong sạch như được lau kỹ bụi bặm. Bà Loan sau một giấc ngủ vùi, sáng ra đã tỉnh hẳn. Bà lên phòng Trà, đứng ở cửa hỏi con gái:

- Sáng nay con không đi học thêm à?

- Con mệt quá. Vả lại những ngày đầu năm còn được nghỉ Tết.

- Xuống nhà ăn sáng với mẹ.

- Con cũng không thấy đói.

Thật ra Trà rất đói, hồi hôm vì lười biếng Trà đã nhịn đói mà ngủ. Tuy nhiên, Trà ngại phải ngồi đối diện với mẹ. Có thể chú Phan chẳng nói gì với mẹ, nhưng câu chuyện căng thẳng giữa Trà và chú cứ làm Trà ngại ngùng.

- Không đói cũng phải ăn. Dạo này mẹ thấy con thay đổi và gầy lắm rồi. Tại sao vậy?

- Con không biết.

- Hồi hôm mẹ say lắm phải không?

- Gần như mẹ không còn biết gì hết – Trà đáp.

- Bậy thật.

Trà theo mẹ xuống nhà. Bữa ăn sáng đã được bà Loan làm xong từ lúc bà ngủ dậy. Vẫn chỉ có hai mẹ con ngồi đối diện nhau ở bàn ăn. Trà nhai bánh mì mà chẳng thấy ngon.

Trà nhìn mẹ nói:

- Sáng nay mẹ có đi đâu không?

- Phải đi lo chuyện làm ăn chứ, mẹ không ở nhà được đâu. Nhưng con hỏi như vậy để làm gì?

- Và tối về mẹ lại say?

- Đâu phải hễ về nhà là say, hình như con có ác cảm với mẹ. Đúng không?

- Tốt nhất mẹ đừng say sưa như vậy nữa, mẹ hãy nghĩ tới ba con một chút.

- Lúc nào mà mẹ không nghĩ tới ba con, mẹ đã không làm như vậy.

- Con không có quyền trách mẹ – Bà Loan cũng nghiêm giọng.

- Con không còn chịu đựng nổi nữa rồi – Trà hét lên.

- Tôi cũng không còn chịu đựng nổi nữa rồi – Bà Loan cũng hét lên.

Trà buông đũa nói:

- Tốt nhất là mẹ bảo chú Phan đừng bao giờ tới nhà này nữa, còn mẹ có còn nghĩ tới ba con hay không thì tùy mẹ. Con chán nhìn thấy cảnh này quá rồi.

- Cô không phải dạy khôn tôi.

Bà Loan cũng buông đũa, hai mẹ con dìu nhau, gầm gừ. Trà không ngờ mẹ có phản ứng như vậy, mặt bà tái xanh vì tức giận. Trà cũng giận mẹ không kém, nhưng cô không biết nói gì hơn. Trà cứ nhìn sững mẹ, nước mắt trào ra. Trà đứng lên nói một cách dứt khoát:

- Nếu chú Phan còn về trong ngôi nhà này thì con sẽ bỏ đi.

Và Trà bỏ chạy về phòng mình, cô nằm vật trên giường, úp mặt vào gối khóc nức nở. Trà oán giận mẹ vô cùng, đồng thời cũng căm thù người đàn ông đã lợi dụng mẹ cô trong hoàn cảnh khó khăn đã cướp mẹ ra khỏi vòng tay của ba Trà. Người đàn ông ấy là chú Phan, Trà sẽ thù ghét ông ta suốt đời.

- Trà ơi, mở cửa cho mẹ.

Bà Loan vừa gõ cửa vừa gọi con gái, nhưng Trà không muốn mở cửa, không muốn nó chuyện với mẹ trong lúc này. Và Trà làm thinh.

- Mẹ muốn nói chuyện với con.

Trà thét lên:

- Nhưng con không muốn nói chuyện với mẹ. Con muốn được yên.

- Thôi được, tối về mẹ sẽ nói chuyện với con.

Bà Loan bỏ đi, tiếng chân bà xa dần. Trà vẫn khóc trong chiếc gối còn thơm mùi tóc của cô. Nước mắt làm vơi một phần nỗi buồn. Trà nằm ngửa nhìn lên trần nhà mênh mông này nữa, mẹ đã đi. Tiếng con chim sâu ríu rít trên cành cây mận ngoài cửa sổ, nó đang tìm bắt sâu, không biết con chim đang vui hay đang buồn.

Trà xuống nhà rửa mặt, khi nhìn vào tấm gương soi gắn trên tường Trà bỗng giật mình khi thấy gương mặt mình tái xanh, tóc tai rũ rượi, đôi mắt có quầng thâm. Trà thấy trong gương mặt mình lạ lẫm, giống như gương mặt của một người con gái nào khác.

- Trời ơi...

Trà kêu khẽ và ôm lấy gương mặt lạnh tanh của mình chạy ra phòng khách ngồi xuống chiếc ghế xa-lông rộng. Một cảm giác sợ hãy dâng lên làm Trà thấy bàn tay của mình run lẩy bẩy. Không ngờ chỉ trong vòng một tuần nay mà Trà xuống sắc đến như vậy. Trà dùng hai bàn tay chà xát lên gương mặt mình, chà đến khi gương mặt nóng lên, rồi Trà dùng khăn lau những giọt nước còn bám trên chân tóc ở hai bên thái dương.

- Sao ta lại giống một con khùng quá đi.

Trà nghĩ như vậy và thừ người nhìn ra cửa sổ. Trong mắt Trà hiện ra một chùm hoa đỏ rực rỡ, chùm hoa đó đang đong đưa trong ánh nắng. Hàng cây già sát tường rào nhà Trà đã đơm đầy lá non sau một đêm mưa xuân, và bật ra chùm hoa đỏ lạ lùng, chùm hoa tuyệt đẹp nhưng trông quá lẻ loi, lẻ loi như Trà vậy trong căn nhà rộng thênh thang này trong những này đầu năm mới. Trà nhớ thương ba đến lịm người và rồi những giọt nước mắt tự nhiên trào ra không kềm nén được. Trà ơi đừng khóc. Đừng khóc trong mùa xuân đang tới.

TỪ KẾ TƯỜNG



ĐÊM 30

ĐÀM LAN

Có một đêm 30 khác hẳn 11 đêm 30 trước đó. Một đêm 30 mà hầu hết những trái tim có nhịp đập khác hẳn 11 đêm 30 trước đó. Đêm 30 ấy có nhiều nhiều đôi mắt không buồn ngủ, có nhiều nhiều mảnh tâm tư ngổn ngang cũ mới sắp chồng lên nhau, có nhiều nhiều tấc lòng bỗng nhiên mà nghe chênh vênh nao nuối trong một thời khắc.

Đêm 30 ấy là cái thời đoạn dấu mốc mà từ bao giờ không biết con người đã dùng để chia thành những khấc thời gian. Và cũng chính từ dấu mốc này mà khiến cho một đêm 30 không giống với 11 đêm 30 trước đó. Cái đêm 30 này đã làm tâm trạng người người mang mang lẫn lộn bao cảm xúc. Người đi xa mấy cũng vội vã trở về cho kịp trước đêm 30. Tất cả các phương tiện giao thông đường dài được huy động hết công suất cho những chuyến trở về. Và nếu như vì bất kỳ một lý do nào đó, người đi xa không thể có mặt tại nơi thân thuộc đầm ấm vào thời khắc đặc biệt của một đêm 30 đặc biệt, thì sẽ phải dầm mình trong nhung nhớ ưu tư của một đêm 30 riêng mình. Cho dù trên tất cả các địa danh có cùng ý nghĩa của một đêm 30, thì vẫn luôn có những cảm trạng khác nhau của những người không thuộc về địa danh sở tại. Cho dù trên nền trời của đêm 30 ấy đâu đâu cũng bung toả những chùm hoa lửa rực rỡ, đâu đâu cũng có những ánh sắc lung linh huyền hoặc của phút giao mùa, thì vẫn có một cảm giác chống chếnh mênh mang của những trái tim cô lẻ. Những trái tim phập phồng nhịp đập hướng về một phương trời với bao lời yêu dấu nguyện cầu.

Đêm 30 còn có thể gọi là Đêm Nguyện Cầu.

Người ta nguyện cầu bao đau thương mất mát qua đi và đừng đến. Người ta nguyện cầu những yêu thương hạnh phúc cho nhau, nguyện cầu sự bình an và may mắn, nguyện cầu sức khoẻ và sự thành công, nguyện cầu những ngày sắp tới là những niềm vui đầy hứa hẹn. Nguyện cầu trong linh thiêng đất trời. Nguyện cầu trong hương trầm thanh thoát. Nguyện cầu trong lung linh ngọn hồng lạp, trong thoang thoảng khói nhang, trong đức tin tôn giáo. Những nguyện cầu chung riêng cứ thành kính mà gửi đến những đấng quyền linh ở một nơi tít tắp xa mờ nào đó. Những đấng thần linh ấy dù chưa một lần, và trên thực tế thì không thể nào, xuất hiện trong con mắt nhân gian, nhưng trong phạm vi của niềm tin thì thế lực thần quyền ấy luôn tồn tại và mặc nhiên có trách nhiệm đem đến cho nhân loại muôn triệu điều ước muốn. Vậy nên dù không biết những ước nguyện của mình có được hiện thực hoá, thì những lời nguyện cầu vẫn mang đi một sự trông mong. Trong đêm 30 thì hầu như không một ai là không có ít nhất một lời nguyện ước. Bởi ước vọng luôn là một thành tố của cuộc sống. Và trước mỗi khấc đoạn thời gian thì không thể thiếu một lời nguyện cầu cho chặng đường phía trước.

Đêm 30 còn có thể gọi là một Đêm Tổng Kết.

Ít nhất cũng là một sự tổng kết ngắn cho cả 11 đêm 30 trước đó. Có thể tổng kết một cách cụ thể, cũng có thể tổng kết một cách trừu tượng, đa phần là sự tổng kết không văn bản. Người ta luôn có một tâm niệm nhìn lại những gì mình đã đi qua, những hay đở, được mất, những buồn vui và cả những dại khôn. Có khi không hề cố tình, mà vô hình trung người ta vẫn điểm lại một số sự kiện của cá nhân mình và của cả những người thân. Những sự kiện lớn và cả những điều nho nhỏ. Khi nhìn lại ấy, người ta bỗng như ngộ ra được một phần sống rất rõ ràng, rất đáng kể, có khi là rất đáng tự hào, cũng có khi rất đáng xấu hổ, nhưng dù với tính chất nào thì cũng là một bản tổng kết vào một thời khắc. Bản tổng kết này gần như mang một tính chất đúc rút, nhận thức và củng cố. Cái được sẽ được phát huy thêm, cái hư sẽ được sửa chữa. Trong phạm vi tâm thức, bản tổng kết này sẽ gián tiếp đưa ra những lời hứa, và những lời hứa ấy lại đóng vai trò một cái

đích cho sự tiếp tục tiếp tục.

Đêm 30 còn có thể gọi là Đêm Đoàn Tụ.

Suốt cả 11 đêm 30 trước đó, người ta tất tả phương xa, người ta ngùi ngùi thương nhớ, người ta mỏi mong khắc khoải, thì đêm 30 này đây, người ta sẽ được đền bù bằng những nụ cười, những tiếng líu lo, những vòng tay ấm áp, những ánh mắt nồng nàn, những hành động chăm sóc với bao thân thương gần gũi. Người ta nhìn nhau với cái nhìn săm soi một cách thiện chí, quan tâm và ưu ái. Này, con gầy đi đấy, ăn uống vào chứ, đừng có ham làm quá…hoặc…trông mẹ khoẻ ra con cũng mừng… hoặc… chị xanh nhiều đấy, dành chút thời gian cho mình nghỉ ngơi đi, cố quá lại…hoặc…nhìn anh phong độ hẳn lên, trúng quả à…hoặc…con trai bố trưởng thành thật rồi, trông ra vẻ quá… hoặc… con gái mẹ có người yêu rồi phải không? Trông cô rạng rỡ thế mà… hoặc… ôi cháu của cô lớn thế này rồi á, xinh quá…hoặc… bà ơi, răng bà yếu hơn năm trước rồi, cháu mua cái này mềm cho bà ăn được này… hoặc… râu ông trắng như cước ấy, trông ông thật đẹp lão… hoặc… hoặc… hoặc… Biết bao lời vui lời buồn người ta trao về nhau trong đêm 30. Tại sao lại phải là đêm 30? Là bởi những khoảng thời gian trước đó, người ta còn tất bật với bao sắm sanh chuẩn bị lớn nhỏ, còn bộn bề với những loanh quanh cũ mới, chỉ đến khi bước vào khoảnh khắc thiêng liêng của phút giao mùa, tâm thức người ta mới có một khoảng lặng, tâm hồn người ta mới có linh khí tụ về, tâm tư người ta mới thức dậy nhịp cầu giao cảm, và người ta mới thật sự cảm nhận được chiều sâu thương thiết của khối tình thâm.

Một đời người có rất nhiều đêm 30 như thế. Có thể khác nhau một chút khí sắc theo từng lứa tuổi, theo từng bối cảnh trầm thăng, theo từng cảm trạng bi tráng, nhưng luôn có chung một hàm nghĩa. Đêm 30 của những khắc đoạn thời gian mang nhiều cảm niệm theo suốt chu trình cuộc sống mỗi con người.

ĐÀM LAN





ANH CHO EM MÙA XUÂN – TIẾNG THƠ KIM TUẤN

PHAN VĂN THẠNH

Phải nói sau 75,mỗi năm – mỗi Tết bên cạnh mai vành,bánh chưng xanh,dưa hành,câu đối đỏ còn có nhạc xuân nhưng khoản này do hạn chế phổ biến nên dân tình miền Nam đón Tết cảm thấy thiếu thiếu … khắc khoải – đâm ra lại càng đau đáu nhớ. Nhạc xuân thời chiến gắn với không gian văn hóa ngày cũ đầy nỗi niềm tâm sự .Giờ đây theo thời gian phôi phai - *không gian nghe-người nghe* nhạt nhòa - giai điệu xuân xưa chỉ còn là hoài niệm riêng tư trong góc khuất tâm hồn của những ai còn nhớ …

Tôi lần dấu tìm đến bài thơ "**Nụ hoa vàng ngày xuân**"của **Kim Tuấn** – (Nguyễn Hiền phổ nhạc với tựa **Anh cho em mùa xuân**) chợt bắt gặp "**Thời của trái tim hồng**"(*) - tập thơ thanh mảnh,tranh bìa là nét cọ hư ảo của Trịnh Công Sơn – xuyên suốt (29 bài) là giọng thơ hiền hòa,êm dịu nồng nàn nghe rất Huế - thủ thỉ gọi mời…

Thơ Kim Tuấn như ủ men làm rạo rực lòng người,làm xốn xang cả trời xuân - chất nhạc tự có trong thơ anh đã được nhạc sĩ Nguyễn Hiền khéo léo khai thác tinh tế :

- Anh cho em mùa xuân
nụ hoa vàng mới nở
chiều Đông nào nhung nhớ
đường lao xao lá đầy
chân bước mòn vỉa phố
mắt buồn vin ngọn cây

-Anh cho em mùa xuân
mùa xuân này tất cả
lộc non vừa trẩy lá
thơ còn thương cõi đời
con chim mừng ríu rít
vui khói chiều chơi vơi
(**Nụ hoa vàng mùa xuân** – trang 66)

Nhà văn **Võ Hồng** trong thư riêng ngày 8/7/1971 - (in bìa sau tập thơ), đã cảm nhận "…Tôi được đọc thơ anh đã lâu,nhất là cứ vào tối ba mươi tết mỗi năm là tôi đón đợi nghe bài thơ được phổ nhạc của anh.Có một cái gì dịu dàng trong đó.Có không khí của mùa xuân trong đó,mùa xuân trong lòng người xưng em. **Anh cho em mùa xuân**.Tôi liên tưởng đến bài **Sonnet** của **Arvers**.Nhất định là nó sẽ sống như Sonnet d'Arvers, như **Valses** của **Johann Strauss**…".

Thơ Kim Tuấn sâu lắng tha thiết – hình tượng thơ có sức gợi mở liên tưởng phong phú,tạo được hiệu quả cảm xúc thẩm mĩ :

- Bàn tay có gì đâu,sao nói thật nhiều điều
Có mười ngón để đếm ngày,đếm tháng
Đếm những giờ hạnh phúc bên nhau
Đếm những trang thư dù mực đã nhạt màu
Những trang thư đọc hoài không biết chán
(**Bàn tay** – trang 8)

- Tháng giêng Saigon anh làm thơ yêu em,câu thơ dung dị ,đẹp như lời tỏ tình sóng sánh mật đời yêu thương – gửi đi và cài lại :

Buổi chiều mù mưa bay xa trời thành phố

Tháng giêng Saigon – nỗi lòng anh thế đó
Rất nồng nàn,khi nghĩ đến em yêu …

Tháng giêng Saigon cho tròn nghĩa yêu thương
Đường về nhà em hàng cây vừa thay lá
Như sóng xôn xao,sóng vỗ về bến đá
Lúc em qua cầu em đến cùng anh
(Tháng giêng Saigon anh làm thơ yêu em – trang 11)

Cũng cần nói thêm về bài thơ **Nụ Hoa Vàng Ngày Xuân**, Kim Tuấn cho biết :

- "Tôi làm bài thơ này để nhớ về quê mẹ : Hà Tĩnh – vùng đất sỏi đá nhiều hơn cơm gạo với mơ ước "Đất mẹ gầy có lúa" – có lúa chứ không phải cỏ lúa như nhiều người vẫn hát nhầm (cỏ lúa thì phải nhổ đi chứ ai lại mơ ước có thêm!). Bài thơ này tôi sáng tác vào đầu thập niên 1960, sau đó in trong tập Ngàn Thương (chung với Định Giang) và được nhạc sĩ Nguyễn Hiền phổ thành ca khúc. Đã có nhiều ca sĩ thể hiện bài hát này nhưng tôi thích giọng ca của Hà Thanh hơn cả và điều làm tôi ray rứt là cho tới nay vẫn chưa nói được với nữ ca sĩ này một lời cám ơn…"

Kim Tuấn đã thổ lộ như vậy trong một cuộc phỏng vấn trung tuần tháng 11/2002 tại văn phòng Trường dạy tiếng Anh và dạy nghề Thăng Long(Q.4). Kim Tuấn đột ngột qua đời vào lúc 1 giờ ngày 11/9/2003 bởi căn bệnh nhồi máu cơ tim.

Trường hợp nhạc sĩ Nguyễn Hiền phổ thơ Kim Tuấn

Nhạc sĩ Nguyễn Hiền đã kể lại trường hợp ông đã phổ bài thơ ***Nụ Hoa Vàng Ngày Xuân*** của Kim Tuấn như sau :

- "Đó là ngày mùng 5 Tết 1962, tôi đi làm trong một không gian vẫn còn hơi hướm tết. Đến sở, trên bàn làm việc của tôi có một tập thơ còn thơm mùi giấy mới. Đó là tập 40 bài thơ của các nhà thơ Vương Đức Lệ, Định Giang, Kim Tuấn và một người nữa tôi không nhớ tên. Tôi lần giở đọc qua từng bài và bắt gặp bài thơ *Nụ Hoa Vàng Ngày Xuân*.

"Đó là một bài thơ ngũ ngôn đầy ắp hình tượng và rất giàu cảm xúc. Vậy là chỉ trong buổi sáng hôm đó tôi phổ nhạc xong bài thơ. Điều buồn cười là tôi lấy luôn 3 câu thơ đầu tiên phổ thành 1 câu nhạc (Anh cho em mùa xuân, nụ hoa vàng mới nở, chiều đông nào nhung nhớ…) thấy rất "ngọt" nên cứ thế mà phát triển bài thơ thành ca khúc. Tôi lấy câu thơ đầu tiên để đặt tên cho ca khúc này. Sáng hôm sau có một nhà thơ còn rất trẻ xưng tên là Kim Tuấn đến gặp tôi, hỏi : "Có gửi cho nhạc sĩ một tập thơ, không biết đã nhận chưa ?". Tôi trả lời : "Nhận được rồi và riêng bài thơ Nụ Hoa Vàng Ngày Xuân của Kim Tuấn thì tôi đã phổ thành ca khúc".

"Kim Tuấn rất ngạc nhiên và sau khi nghe tôi hát thì anh rất vui. Tình cờ ông Giám đốc Hãng đĩa Asia cũng có mặt. Ông ấy lấy bài hát giao cho ca sĩ Lệ Thanh thâu đĩa và sau đó hát trên đài phát thanh. Từ đó, tôi và Kim Tuấn đã có một mối quan hệ – mối duyên văn nghệ rất tốt đẹp… 3 ngày trước khi tôi lên máy bay sang định cư ở Mỹ (1988), Kim Tuấn rủ tôi đi uống cà phê, chúng tôi đã chia tay nhau thật vui vẻ. Ai ngờ, đó là lần cuối cùng của chúng tôi…". (Nguồn internet)

****

Giữa bộn bề của đời sống,thơ là tiếng lòng sâu thẳm,là phương tiện giãi bày - kết nối với tha nhân - trò chuyện với chính ta – vì lý do nào đó tiếng thơ tắt lịm trong cõi lòng của một dân tộc yêu thơ chắc chắn"cái tôi chủ thể - cái tôi trữ tình" sẽ rơi vào cô đơn ghê gớm !

Đến với "**Thời của trái tim hồng**",chạm vào giai điệu ***anh cho em mùa xuân*** giữa thời khắc giao mùa – ta nghe như đầy vũ trụ xuân hồng miên viễn .

(Saigon,05/01/2014)

(*) "**Thời của trái tim hồng**"-NXB tổng hợp Sông Bé 1990 – nhà thơ Kim Tuấn tên thật Nguyễn Phước Vĩnh Khuê,sinh năm 1940 tại Thừa Thiên-Huế - là hậu duệ 5 đời Tùng Thiện Vương Miên Thẩm - ông mất ngày 11/9/2003)

PHAN VĂN THẠNH



truyện ngắn

TÌNH YÊU TRONG NGÀY ĐẦU NĂM

DƯƠNG LEH

4g30 sáng, ngày mồng một Tết.

Tôi lặng lẽ đẩy chiếc xe máy ra cửa, với tay tắt ngọn đèn nhà trước, nhẹ nhàng đóng cửa cẩn thận, rồi lên máy từ từ cho xe chạy ra đường. Giờ này chồng tôi còn đang say ngủ ở phòng bên cạnh, và con gái cũng đang say sưa với giấc mơ đang ở bên cạnh anh chàng bạn trai ngày ngày đưa đón.

Đường vắng hơn bao giờ hết. Thời tiết đang ở trong mùa lạnh. Ánh đèn đường không sáng lắm càng làm cho quang cảnh phố xá chung quanh thêm phần lạnh lẽo.

Mồng một Tết. Giờ này chắc chắn mọi người hầu hết đang ở nhà mê man ngủ vì cảm thấy mỏi mệt sau lễ nửa đêm hay đi chùa đón giao thừa.Tất cả mọi gia đình đều chuẩn bị cho buổi sáng mồng một họp mặt gia đình trong trạng thái hân hoan chào đón ngày đầu tiên của đầu năm mới. Hầu như không ai muốn lấy một lý do gì để vắng mặt khỏi gia đình vào giờ phút thiêng liêng này.

Nhưng bây giờ đây tôi đã hẹn để đến với anh ấy.

Khi tôi đến bãi giữ xe bên hông công viên, anh ấy đã chờ ở đấy tự bao giờ. Bãi xe trống vắng, chỉ lác đác vài chiếc. Tôi cảm thấy có một xúc động nhè nhẹ khi thấy anh cũng đã bỏ gia đình để đến với tôi vào buổi sáng đầu năm. Sở dĩ chúng tôi gửi xe bên hông công viên vì bãi xe phía trước công viên bên kia đường, chúng tôi thường gửi, đã nghỉ Tết. Tất cả mọi người làm việc tại hai bãi giữ xe này đều biết mối quan hệ chúng tôi. Họ đều cho chúng tôi rất đẹp đôi. Anh ấy cao ráo, tôi thì đứng vừa ngang tai anh. Chúng tôi mặc áo ấm thong thả đi như những cặp tình nhân đang dạo chơi trên những con đường hoa Đà Lạt, ngập tràn hạnh phúc. Tôi thật sự có niềm kiêu hãnh khi đi bên cạnh anh ấy, nhất là với vẻ bề ngoài rất trí thức của anh, cho nên tôi thường chỉ cho anh ấy đi ngang những nơi tôi biết có những người quen để họ nhìn thấy niềm hạnh phúc của

tôi. Tôi biết khi nhìn chúng tôi không ai nghĩ rằng chúng tôi đi bộ là để tập thể dục buổi sáng. Ngay cả tôi, tôi cũng không cho đây là buổi tập thể dục buổi sáng mà là thời gian để anh sưởi ấm tôi cho dù thời tiết nóng hay lạnh. Cũng có người ở bãi giữ xe cho rằng tôi lăng loàn, bỏ chồng, bỏ con chạy theo một ông già mà sức khỏe đang đến hồi xuống dốc. Họ chỉ đoán già đoán non là tôi kết anh ấy là để vòi tiền dù bề ngoài anh không có vẻ gì là một đại gia, mặc dù vóc dáng này cũng không phải là một kẻ nghèo hèn. Tôi mặc kệ, họ nghĩ sao thì nghĩ.

Tôi thong thả đi bên cạnh anh ấy. Tôi đi thật sát, như chen, nén, tan loãng vào thân thể anh và cảm thấy vô cùng ấm áp. Điều này biến thành thông lệ và tôi trở thành một kẻ nghiện. Tôi nghiện làn hơi đàn ông của anh ấy, cho nên hầu như không buổi sáng nào tôi bỏ không đến với anh để được anh sưởi ấm trước khi bắt đầu một ngày mới tại cơ quan làm việc. Mỗi khi tôi thức dậy trễ, tôi vội vội vàng vàng chạy nhanh tới chỗ hẹn trong khi anh đang đi lòng vòng chờ đợi. Thỉnh thoảng tôi đi bơi vào buổi sáng , nhưng luôn luôn sau khi đi dạo với anh ấy, coi như động tác làm nóng trước khi nhào xuống hồ bơi.

Vào những ngày nghỉ, tôi thường đưa anh đi ăn hay giải trí chỗ này chỗ nọ. Mỗi lần như vậy, tôi ngồi xe máy chở anh ngồi phía sau, giống như những anh Việt kiều mỗi khi về Việt Nam thường để người tình hay bạn gái chở xe máy ngồi phía sau đi dung dăng dung dẻ khắp đường phố Saigon. Điều này làm tôi vô cùng thích thú. Anh ngồi phía sau như bao phủ lấy tôi. Thân hình cao lớn của anh ôm tôi trọn vẹn vào lòng.

Có lần anh muốn tôi dẫn anh đi khiêu vũ. Tôi đã đến nhà anh để chở anh đến một tụ điểm ở gần đó. Suốt buổi khiêu vũ, tôi chỉ nhảy với anh vài ba bản với những điệu dễ, phổ biến. Còn những điệu khó thì những người đàn ông khác mà tôi từng quen biết, mời tôi nhảy vì biết tôi nhảy giỏi. Tôi đã học khiêu vũ nhiều năm rồi. Ra về, anh có vẽ buồn và có phần ghen tức vì nhảy còn quá kém nên tôi đã phải nhảy với những người đàn ông khác mà thông thường những điệu khó có những động tác tạo dáng và ôm sát. Tôi thấy thương anh quá và an ủi anh rằng khiêu vũ thỉnh thoảng đi một lần, xong rồi về không ai biết ai. Riêng anh đã có tôi sát bên cạnh vào mỗi buổi sáng rồi.

Tôi không nhớ đã cùng anh ấy vào khách sạn bao nhiêu lần, nhưng chỉ đến lần sau cùng gần đây nhất khi ra về tôi bỗng dưng tự hỏi, như vậy có phải là phản bội với chồng với con không? Thậm chí, ngày mồng một Tết tôi không ở bên cạnh chồng để cùng tận hưởng niềm hạnh phúc trong ngày đầu năm mà lại lén lút đến với một người đàn ông khác, đem thân thể cho anh ấy hưởng thụ. Tôi chưa phải ly thân, hay ly dị với chồng. Tôi vẫn còn một gia đình êm ấm, dù chồng tôi có phần cao tuổi, sức khỏe yếu kém. Con cái tôi đã trưởng thành có đứa đang sống ở nước ngoài có gia đình đàng hoàng. Đứa con gái còn ở đây cũng sắp sửa lập gia đình. Giả sử sui gia của tôi biết được mối quan hệ của tôi với anh ấy liệu họ có thông cảm được không hay là sẽ cho tôi là một người phụ nữ không đàng hoàng rồi khinh thường con cái tôi? Điều làm tôi lo lắng nhất là nếu những đứa con tôi biết được chúng sẽ nghĩ sao về tôi? Có người khi thấy tôi quán xuyến toàn bộ công việc gia đình, một tay chăm sóc con cái cho đến khi chúng trưởng thành, được đi du học nước ngoài, họ đều cho rằng tôi là "người vợ và người mẹ tuyệt vời." Có còn tuyệt vời không nếu họ biết sáng nào tôi cũng đến với một người đàn ông khác không phải là chồng để được ôm vai âu yếm, thong thả đi trên những con đường có nhiều bóng cây cơ- nia. Tuy nhiên tôi thấy có phần bất công đối với phụ nữ. Trong khi nhiều người đàn ông được có quan hệ lãng mạn hết người phụ nữ này đến người phụ nữ khác, thì người vợ ở nhà lúc nào cũng phải âm thầm chịu đựng cuộc sống khép kín cho đến khi về bên kia thế giới.

Mặt trời dần dần xuất hiện đem ánh sáng lan tỏa trên khắp những mặt đường giờ này vẫn còn trống vắng. Tôi từ giả anh ấy lên xe ra về làm người đầu tiên "đạp đất" vào nhà trong năm mới.

DƯƠNG LEH



truyện dịch

MÁI ẤM TÌM VỀ

nguyên bản của NEDRA TYRE

VŨ ANH TUẤN chuyển dịch

Suốt đời tôi, tôi luôn luôn mong ước có được một mái ấm để tránh nắng, che mưa. Tôi không mơ một cái gì to lớn, vĩ đại, mà chỉ mơ về một căn phòng nhỏ, bốn bức vách mới, thơm nức mùi vôi mới quét, một vài món đồ dùng nho nhỏ xinh xinh, và một khung cửa sổ, vừa đủ ánh dương để một vài bình hoa be bé giữ được nét tươi tốt. Vâng, ước mơ của tôi chỉ nhỏ bé như vậy thôi. Tôi không mong ước được phủ phê tình yêu, tiền bạc, áo quần, mặc dù tôi là một cô gái khá xinh đẹp, và quần áo đẹp có thể làm tôi xinh đẹp hơn - tôi nói rất thành thật, không hề mảy may khoe khoang.

Nỗi bất hạnh đổ xuống đầu tôi ngay từ khi tôi mới mười lăm tuổi. Đó là thời điểm mẹ tôi lâm trọng bịnh, và mọi việc trong nhà như săn sóc cho ba tôi và hai ông anh trai - cố nhiên là cả việc nuôi bệnh nhân là mẹ tôi nữa - đều nằm gọn trong trách nhiệm của tôi. Một thời gian ngắn sau đó, ba tôi buộc phải bán trang trại và chúng tôi dọn về thành phố ở. Tôi không muốn nhớ lại căn nhà ổ chuột của chúng tôi ở gần đường xe lửa, dù rằng lúc đó tôi vẫn cho là mình còn may mắn có chốn che nắng đụt mưa; cuộc sống vào lúc đó cực kỳ khó khăn và không thiếu gì người không có nổi một mái nhà dột nát, mỗi khi mưa thì chẳng có đủ chậu, bát hay thau để mà hứng nước.

Mẹ tôi là người đau liệt giường, nhưng ba tôi lại là người "đi xa" trước - cuộc sống ở thành thị không thích hợp với ông. Vào lúc ba tôi mất, hai anh tôi đã lập gia đình, mẹ tôi và tôi dọn đến ở một căn phòng nhỏ trông ra một con hẻm mà ai nấy đều vác rác rưởi tới đổ. Các anh tôi thỉnh thoảng đảo về nhà và cho mẹ tôi và tôi vừa đủ để sống đỡ, mặc dầu các chị dâu của tôi cằn nhằn họ.

Tôi làm hết sức để mẹ tôi có thể cảm thấy thoải mái. Tôi chiều tất cả mọi tính khó của mẹ. Tôi yêu mẹ vô cùng. Hơn nữa tôi có lý do để mong mẹ tồn tại càng lâu càng tốt. Tôi biết là ngày nào mẹ còn thở, ngày ấy tôi còn một mái ấm, dù nó tồi tàn mấy đi nữa! Tôi lo sợ không biết chuyện gì sẽ xảy đến với tôi ngày mẹ không còn nữa. Tôi không có bằng cấp cao, không có một xu kinh nghiệm làm việc ngoài đời, và tôi biết chắc các chị dâu của tôi sẽ không cho tôi tới ở nhà họ, đồng thời cũng sẽ không cho các anh tôi giúp đỡ tôi sau ngày mẹ mất.

Rồi ngày đó cũng tới, mẹ tôi từ giã cõi đời, với một nụ cười trên môi, cảm ơn tôi đã chăm sóc cho người cho tới phút chót.

Ngay tức khắc các chị dâu của tôi, Norine và Thelma, ra tay ngay và tôi bị đẩy ra ngoài đường ngay từ phút đó. Từ đó cái ám ảnh đêm nay biết mình về đâu, chiếm lĩnh tâm hồn tôi và chẳng bao giờ rời tôi nữa.

Tôi được xả hơi đôi chút khi ông Williams, một người đàn ông góa vợ, già hơn tôi hai mươi bốn tuổi xin nhận tôi làm vợ. Tôi tự nguyện sẽ là người vợ tốt, và tôi đã thực sự chăm sóc, yêu thương ông. Nhưng, căn nhà mà chúng tôi sống chung, ôi nó bẩn thỉu biết bao, và nước non thì chảy nhỏ giọt. Tôi phải đá vào ống nước đến sứt cả chân, mới có được chút nước mà dùng.

Rồi ông Williams lại cũng ngã bịnh và phải nghỉ không tiếp tục trông nom được cái tiệm sửa giày nhỏ bé của ông. Ông có được chút ít tiền dành dụm, vài tờ công khố phiếu và một chút tiền bảo hiểm thương tật, nhưng tất cả đều hết nhẵn trong khoảng sáu tháng trời sau.

Tôi đã làm tất cả những gì tôi có thể để ông được tiếp tục vui sống. Tôi giặt giũ và luôn luôn giữ cho áo quần ông sạch sẽ thơm tho, và luôn luôn thu xếp cho cạnh chỗ ông nằm có một bình hoa nhỏ. Tôi còn thúc dục hai cô con gái của ông gửi thiếp thăm hỏi sức khỏe ông và họ cũng có gửi được một hai lần. Tôi còn viết thơ gửi ngay cho ông, giả làm các khách hàng cũ vẫn nhớ tới ông và chúc ông mau lành bệnh.

Và đương nhiên là khi ông mất, hai đứa con gái của ông có mặt ngay tại chỗ để chia nhau chút đỉnh tiền do bán căn hộ tồi tàn của ông. Tôi cũng chẳng giận họ - tôi không ưa cãi cọ phân bua vì những tính xấu của con người.

Tôi ghét nhớ lại những nỗi khổ cực tôi đã phải chịu sau ngày ông Williams mất. Điều đau khổ nhất là tìm một nơi chốn để trú chân, bởi vì dù sao đi nữa người ta vẫn có thể tìm quanh quẩn đâu đó được đồ ăn. Có thiếu gì thùng rác để lục lọi - đôi khi bạn có thể kinh ngạc sao trong đời có nhiều kẻ phung phí, thừa thãi đến thế! Có khối thứ đồ ăn tốt mà họ thẳng tay quăng đi! Một đôi khi tôi rảo vào các siêu thị vờ thử ăn một vài thứ trái cây để chọn mua. Tôi không tìm ăn những trái ngon nhất, mà chỉ lấy những trái quá chín, hoặc hôi thối mà nếu tôi không lấy chắc người bán cũng vất đi. Tôi không tham ăn như một chú heo, mà chỉ ăn vừa đủ để giữ cho mình được sống. Như vậy, các bạn thấy đấy, tôi vẫn xoay sỏa để sống được qua ngày. Các công việc nuôi bệnh tôi kiếm được chỉ cho phép tôi mướn những phòng ngủ bẩn thỉu tồi tàn. Tôi không phải là một y tá chuyên nghiệp nhưng tôi có kinh nghiệm nuôi bệnh; những người dùng tôi vẫn bảo vì tôi không có bằng cấp nên không thể có được lương bổng cao. Họ thực sự chỉ cần tôi hầu hạ thân nhân bệnh tật của họ trong đêm, và cho rằng công việc của tôi chỉ đáng được cho ăn và cho ngủ nhờ thôi.

Tôi yêu thương tất cả những người bệnh tật đó cũng như tôi đã yêu thương mẹ tôi và ông Williams, và tôi không bao giờ muốn cho họ chết - trước là vì quyền lợi của họ, sau là vì quyền lợi của chính tôi vì tôi ghét việc lại phải đi tìm chỗ khác mà ở.

Vì chỉ được cho ở và chỉ được nuôi cơm, cuộc sống của tôi thiếu thốn quá. Mỗi khi tôi mở miệng xin con cháu, anh, em những người bệnh thêm chút đỉnh tiền bạc để mua các đồ cần dùng, họ đều nhìn tôi như là kẻ đang tống tiền họ. Với họ, được cho ở nhờ và được nuôi cơm đã là quá đủ với tôi. Do đó, dù không muốn nói ra, tôi phải thú nhận đã có những lúc tôi ăn cắp vặt. Tôi chỉ lấy những thứ họ bỏ xó trong đáy hòm hoặc để quên ở trên các kệ cao. Tôi lấy những thứ đồ lặt vặt đó rồi đem bán cho những ổ bán lạc xoong; nhưng mỗi khi bán được một đồng, thì khi về tôi lại cố gắng làm một việc gì cho đáng với một đồng đó, thí dụ như giặt quần áo, lau nhà vv... Nhưng dù sao đi nữa thì tôi cũng đã có ăn cắp của họ... Tôi thừa nhận như vậy.

Nhưng, tôi không ăn cắp cái hộp bằng bạc đó!

Đối với chiếc hộp bằng bạc đó tôi hoàn toàn vô tội. Do đó, khi viên cảnh sát đó xông lại giựt cái hộp ở tay tôi, tôi đã né sang một bên, và có thể đã vô tình đẩy anh ta một cái khiến anh ta ngã xuống cầu thang và thiệt mạng. Anh ta không có quyền hành động như vậy khi cái hộp bạc đó là của tôi, mặc dầu cô cháu gái của bà Crowe nói gì cũng vậy!

Năm mươi ngàn cô cháu gái cũng không thể làm cho cái hộp đó không phải là của tôi!

Dù sao đi nữa thì viên cảnh sát đã thiệt mạng, mặc dầu tôi đâu có muốn anh ta phải chết. Rồi tôi nghĩ trong đầu rằng tuy tôi không ăn cắp cái hộp bằng bạc của bà Crowe, nhưng cũng đã có những lúc tôi ăn cắp vặt, và bây giờ tôi phải đền tội, có vay tất có trả, tôi đã thấy ông mục sư nói vậy.

Sự việc đã xảy ra luôn luôn mơ hồ, mông lung trong đầu óc tôi; tôi thực sự không để tâm nhiều đến những gì đã xảy ra, và cũng chẳng nhớ được.

Bà Crowe là người bệnh tốt nhất mà tôi đã phục vụ. Bà bị liệt và hầu như không cử động gì được. Tôi không nghĩ là người y tá làm việc ban ngày cho rằng chị ta có bổn phận phải xoa bóp cho bà, nên mỗi đêm tôi đều xoa bóp cho bà và bà cảm thấy rất thoải mái, dễ chịu. Bà cảm ơn tôi từng tí một, khi tôi kê cho bà chiếc gối, khi tôi rỏ vài giọt nước hoa vào vành tai bà, khi tôi trải lại khăn giường.

Thỉnh thoảng tôi giỡn với bà và giả đò nói rằng tôi biết xem bói. Tôi cầm tay bà và nói bà và nói bà sẽ có một ngày tuyệt đẹp, nhưng phải cẩn thận đối với một chàng trai lạ mặt tóc vàng - tôi nói bậy bạ như vậy cốt để làm bà vui cười. Bà rất ít ngủ trong đêm, nên thường lấy làm thích thú được kể cho tôi nghe về thời niên thiếu của bà và về người chồng đã quá cố.

Nhưng rồi bà yếu dần, yếu dần, và hai đêm trước lúc bà qua đời, bà bảo tôi rằng bà muốn làm một cái gì cho tôi, muốn tặng tôi một cái gì đó, nhưng tiếc thay trước khi đau ốm bà đã ký giao tất cả tài sản của bà cho cô cháu gái. Nhưng dù thế nào đi nữa, bà mong rằng tôi vui vẻ nhận chiếc hộp bằng bạc của bà. Tôi đã cảm ơn bà. Tôi thích thú vì biết bà thương tôi nên mới cho tôi cái hộp bằng bạc. Tôi chẳng biết sẽ dùng cái hộp để làm gì. Kể ra thì có thể dùng để để những đồ nữ trang rẻ tiền, nhưng tôi có tí nữ trang rẻ tiền nào đâu? Chiếc hộp có vẻ là một vật rất quý giá đối với bà Crowe, mỗi khi bà nhìn vào nó thì mắt bà sáng lên, và bà luôn giữ nó ở bên mình.

Vậy hôm bà qua đời, người cháu gái của bà mà tôi gặp lần đầu tiên cho tôi nghỉ việc. Tôi nhặt nhạnh vài thứ đồ lặt vặt và cái hộp bạc để ra đi. Tôi không đi đưa đám bà được vì tôi được biết tang lễ sẽ cử hành một cách thật riêng tư, vả lại nếu muốn đi tôi cũng chả có quần áo để mà mặc.

Tôi vẫn còn được vài Đô nên tôi mướn một chỗ tạm trú trong một tuần. Đây là nhà trọ tồi tệ nhất mà tôi đã xử dụng. Trời lạnh cóng và không có một chút hơi ấm nào lên tới lầu ba là nơi tôi ở. Trong căn phòng có những bức tường loang lổ và có sàn nhà đầy những chú gián, tôi quấn tất cả những áo quần tôi có vào người và ngồi chờ nắng lên để có được chút hơi ấm. Bỗng nhiên, cô cháu gái của bà Crowe, đầu đội nón lông thú, mình mặc áo choàng mũ bằng lông thú lộng lẫy, chân đi giầy bốt đen bóng lộn, chạy ào vào trong phòng tôi. Mặt cô ta tím bầm vì giận dữ, khi cô thét bảo tôi rằng đã tìm được nơi tôi ở vì nhờ một thám tử tư, và tôi phải trả lại món tài sản của cô mà tôi đã đánh cắp. Tôi ngớ người, không nói lên được một lời, trong khi cô ta tiếp tục gào thét rằng nếu tôi chịu trả lại cái hộp bằng bạc thì cô sẽ bỏ qua không thưa kiện. Khi lấy lại được lời nói, tôi cho cô ta hay là cái hộp bạc là do bà Crowe cho tôi; cô ta hỏi tôi có bằng cớ gì chứng minh lời nói đó, và tôi trả lời rằng: khi ai cho tôi cái gì thì tôi cảm ơn, chứ không hề nghĩ tới đòi bằng chứng hoặc nhân chứng. Sau cùng tôi cho cô ta biết là không có cái gì có thể làm cho tôi rời bỏ cái hộp bằng bạc bà Crowe đã cho tôi.

Cô ta đứng đơ người và thở hồng hộc.

"Rồi mày biết", cô ta hét lên, rồi bước ra khỏi phòng.

Căn phòng trở nên lạnh lẽo hơn bao giờ hết, và răng tôi đánh lập cập.

Một lúc sau, tôi nghe thấy tiếng chân người lên cầu thang thình thịch. Tôi biết là cô cháu đã thực hiện lời đe dọa, và đang mang cảnh sát lại bắt tôi.

Tôi sợ run lên, và bồn chồn chạy quanh trong phòng như con chuột bị con mèo đuổi đàng sau. Tôi nghĩ nếu cảnh sát xét phòng mà không tìm thấy cái hộp, thì tôi có thể có thì giờ để quyết định sẽ phải làm gì. Tôi lấy cái hộp ra khỏi cái tủ nhỏ, mở cửa sau và chuồn ra cầu thang phía sau căn phòng. Từ lầu ba xuống tới mặt đất, cầu thang này hầu như thẳng đứng và các bậc thang đều bị tuyết phủ và đóng băng. Tôi định leo xuống tìm chỗ dấu cái hộp, trong bụi rậm, hoặc trong một

thùng đựng rác nào đó. Tôi bắt đầu bước xuống và trượt chân. Cái thành cầu thang đã cứu tôi, tôi một tay nắm lấy thành cầu thang, một tay cố giữ cái hộp bạc; dần dần tôi lấy lại được thăng bằng, và đặt chân trên các bậc thang đóng băng để lần xuống.

Xuống được nửa đường, tôi bỗng nghe thấy có ai réo tên tôi. Rồi tôi thấy một người to béo đang đuổi ở ngay sau lưng tôi, hắn nhảy hai ba bậc thang một. Tôi chưa từng thấy ai có vẻ mặt hung bạo giận dữ như thế! Rồi hắn tới sát sau lưng tôi, giơ tay về cái hộp bạc.

Tôi né để không bị hắn tóm được, và hắn chửi tôi thậm tệ. Có thể tôi đã đẩy hắn. Tôi không dám chắc là tôi đã đẩy - không dám chắc một tí nào!

Dù sao đi nữa hắn trượt chân và té xuống, té xuống, rồi xuống tới đất, hắn nằm bất động luôn. Đầu hắn gối trên nấc thang cuối cùng và thân xác hắn nằm sát bờ tường.

Rồi, y như một con chó nhỏ muốn chạy theo chủ nó, chiếc hộp bạc rớt khỏi tay tôi, nẩy nẩy trên các bậc thang, rồi rớt ngay cạnh tai bên trái của nạn nhân.

Óc tôi đông lại. Tôi cảm thấy như bị tê liệt. Rồi tôi hét lên.

Những người ở trong nhà trọ đó và những nhà kế cận đều mở toang cửa để xem chuyện gì đã xảy ra, rồi một vài người bắt đầu chạy về phía sân sau. Viên cảnh sát cùng đi với người chết ra lệnh cho họ phải đứng giãn ra xa. Một lúc sau có thêm nhiều viên cảnh sát tới, họ mang xác người chết đi và giải tôi về nhốt ở đồn cảnh sát.

Ngay từ lúc đầu, tôi đã không thích người luật sư trẻ mà tòa chỉ định biện hộ miễn phí cho tôi. Tôi thấy chẳng có thể bấu víu gì được vào hắn ta và còn cảm thấy không thoải mái khi hắn ta có mặt. Tên hắn ta là Stanton. Dĩ nhiên là hắn ta có một cái họ, nhưng hắn ta không muốn tôi biết họ của hắn và bảo tôi gọi hắn ta là Bat, như các bạn của hắn thường gọi.

Hắn luôn luôn tươi cười và trấn an tôi, khi mà chẳng có gì đáng tươi cười và trấn an cả; lẽ ra hắn phải biết rõ như vậy, thay vì phỉnh gạt tôi với những hy vọng hão huyền.

Niềm an ủi duy nhất của tôi là Mẹ, Cha, và ông Williams đều đã chết, và điều ô nhục của tôi không ảnh hưởng được tới họ nữa.

"Không sao đâu", tên luật sư luôn luôn bảo tôi vậy cho tới giờ chót để rồi sau đó hắn rêu rao là hắn bất nhẫn khi tôi bị kết tội chống lại nhân viên, công lực, gây thiệt mạng cho một cảnh sát, và ăn trộm nữa - đã có sự bàn cãi rất hăng về điểm tôi có cố ý và ăn cắp hay không. Đương nhiên là tôi có ăn cắp cái hộp bạc đâu, nhưng cái khổ là chẳng có ai chịu tin là như vậy.

Nhìn cử chỉ, hành động, và cách nói năng của hắn, người ta có thể tưởng là hắn bị kết án chứ không phải tôi. Hắn gọi đó là một bất công lớn, một sự nhầm lẫn lớn của công lý, làm người ta tưởng đang sống trở lại ở thế kỷ thứ mười tám, khi trẻ em cũng bị treo cổ.

Đó là một cách hắn nói quá thôi, ở đây chẳng có ai bị treo cổ, cũng chẳng có ai là con nít. Viên cảnh sát đó đã chết, và tôi cũng có phần lỗi trong cái chết đó. Có lẽ tôi đã đẩy hắn cũng nên. Tôi không dám chắc. Trong thâm tâm tôi tuyệt đối không mong sự dữ cho anh ta. Tôi chỉ quá sợ thôi. Nhưng dù sao anh ta cũng đã thiệt mạng. Còn về việc ăn cắp thì tôi không ăn cắp cái hộp bạc đó, nhưng lúc trước cũng có lúc tôi đã ăn cắp, nhiều hơn một lần là chắc.

Và rồi điều kỳ diệu đã xảy đến ngay khi tôi được đưa về trại giam. Thật là cả một phép lạ. Suốt đời tôi, tôi vẫn mơ ước có riêng một căn phòng xinh xắn, một mái ấm, và giờ đây, tôi đã có được đúng những gì tôi mơ ước.

Căn phòng tuy thuộc về loại nhỏ, nhưng nó chứa đựng tất cả những gì tôi cần, ngay cả một cái la-va-bô có nước lạnh và nước nóng; tường thì mới sơn, và rồi họ còn cho tôi được lựa chọn giữa một cái ghế đu đưa hay một cái ghế bành. Tôi còn phải quyết định sẽ dùng khăn trải giường màu gì nữa. Cửa sổ nhìn ra một khi vườn có cây cối, và bà trưởng trại còn nói tôi được phép đến nhà ươm cây để chọn một vài thứ cây có thể trồng trong chậu, để để trong phòng của tôi. Ngày hôm sau tôi lựa một vài bông cúc vàng và một loài hoa trắng, bông nhỏ li ti.

Tôi không quan tâm tới sự hiện diện của các chấn song sắt nơi cửa sổ một tý nào. Trong thời đại nhiễu nhương này, thiếu gì dinh thự, lâu đài cũng phải có chấn song sắt để đề phòng bọn trộm đạo. Còn nói về các bữa ăn - tôi đơn giản không thể tin rằng trên đời lại có thể có những thức ăn ngon như vậy. Người nữ tù nhân phụ trách ẩm thực đã thụt két của một đại công ty lương thực, nơi chị ta làm việc và đã ngoi lên, từ chức vụ bếp phụ tới chức vụ thủ quỹ.

Các người bạn tù khác đều rất thân thiện, và mỗi người trong họ là mỗi cảnh đời đặc biệt, khác thường. Một vài nữ tù nhân một đôi khi sử dụng tiếng Đức, hoặc những từ chỉ có thể thấy được viết trên tường những nhà cầu công cộng, nhưng khi bị khiển trách, họ lại biết xin lỗi hẳn hoi!

Một đôi khi cũng có vài kẻ nổi tam bành và cũng có xảy ra chuyện cấu xé, giật tóc nhau, nhưng không bao giờ có chuyện quá nghiêm trọng. Ngoài ra lại còn có cả một ca đoàn - tôi không biết hát nhưng lại rất yêu âm nhạc - mỗi tuần vào sáng thứ ba, có một buổi hòa nhạc ở nhà nguyện, và tối thứ năm nào cũng có chương trình chiếu phim, đương nhiên là miễn phí; ai nấy chỉ việc cắp đít vào xem rồi muốn ngồi đâu thì tùy.

Mỗi người trong chúng tôi được giao một công việc, và tôi được điều về bệnh xá của nhà lao. Nơi đây cả ông bác sĩ và cô y tá đều "chịu đèn" và khen tôi. Ông ta nói lẽ ra tôi phải được huấn luyện để trở thành nữ y tá thứ thiệt; theo ông, bệnh nhân có lòng tin tưởng ở tôi, và tôi có khả năng giúp họ chóng bình phục. Không biết ông ta nói có đúng không, nhưng tôi thực sự cảm nhận thấy mình có năng khiếu nuôi bệnh, vì lòng tôi luôn luôn ưa thích giúp đỡ những ai đau ốm, khổ sở.

Tôi vui mừng đến nỗi nhiều đêm không nhắm mắt được. Những đêm như vậy tôi bật đèn cho sáng, để ngồi ngắm nghía những món đồ dùng mộc mạc, dễ thương, và bốn bức tường mới sơn, mùi sơn còn thơm phức. Khó mà tin được rằng giờ đây tôi có được một mái ấm tuyệt diệu dường này. Tôi nhớ mãi có một buổi chiều tôi đã ăn tới hai bát súp măng trong bữa tối, vì trong bữa đó tôi đã so sánh sự phủ phê của mình với những ngày đói khổ lúc trước, khi phải lân la vào các chợ tìm các trái cây thối ăn cho đỡ đói lòng.

Nhưng rồi, bất hạnh thay, một ngày kia tên luật sư đó lại bất ngờ tái xuất hiện. Hắn luýnh quýnh nhảy múa quanh tôi, mồm liến thoắng những lời chúc tụng rằng đơn kháng cáo của tôi đã được xét lại, và hắn còn nói lung tung rất nhiều từ về luật pháp gì nữa mà tôi không hiểu, nhưng tựu chung là, nhờ tài ba và lòng tốt của hắn, tôi đã được trả lại tự do và, như chim sổ lồng, tôi có thể rời nhà tù ngay lúc này. Hắn bảo chị trại trưởng hãy tạm giữ đồ đạc của tôi để tôi trở lại lấy sau, rồi lôi tuột tôi ra ngoài, nơi các phóng viên báo chí và nhiếp ảnh đang tụ tập chờ đợi.

Ngay khi các máy quay bắt đầu quay rè rè và các phó nhòm bắt đầu giơ máy lên ngắm, hắn hôn vào má tôi và gài vào ngực tôi một bông hồng.

Hắn làm một bài diễn văn ngắn đại ý nói một sự nhầm lẫn tệ hại của công lý đã được điều chỉnh và vô hiệu hóa. Bị thúc đẩy bởi lương tâm nghề nghiệp và lý tưởng bênh vực kẻ yếu hèn, hắn đã cố gắng tìm được những nhân chứng xác nhận rằng bà Crowe đã thực sự cho tôi cái hộp bằng bạc - thì ra khi cho tôi cái hộp bà có nói cho chị người làm và bác làm vườn biết. Thoạt đầu, họ từ chối ra làm chứng vì không muốn dây dưa gì với cảnh sát, nhưng hắn đã thuyết phục được họ, vì công lý và nhân đạo, mà ra tay cứu vớt tôi. Ngoài ra, hắn cũng đã lục lọi trong hồ sơ của nạn nhân và được biết rằng người này bị coi là không còn thích hợp với chức vụ cảnh sát, và một nhà tâm lý học đã có thông báo cho ông cảnh sát trưởng là không nên tiếp tục sử dụng viên cảnh sát này

nữa, nếu không có ngày tai họa sẽ xảy đến cho hắn, hoặc cho một người bị tình nghi nào khác. Điều tức cười là trong lúc nói vào micro, tên luật sư luôn luôn túm chặt tay tôi, hắn làm như tôi là đứa trẻ lên ba, có thể vùng bỏ chạy bất cứ lúc nào. Tôi đứng thần người ra để nghe hắn nói. Khi hắn nói xong, tôi nghe thấy các phóng viên báo chí khen hắn rằng: "giống như người chú và người anh của hắn", hắn cũng sẽ dành được ghế thống đốc, nhưng ở một hạn tuổi trẻ hơn rất nhiều! Sau đó tên luật sư ngoác miệng cười trước ống kính, khoa khoa tay để tạm biệt, và đẩy tôi lên xe hơi của hắn.

Tôi sợ tái người. Thôi rồi! Cái mái ấm mà tôi đã may mắn có được giờ đây đã không còn nữa. Cơn ác mộng của những ngày xưa cũ lại đang trở lại - tôi tự hỏi ngày mai sẽ ra sao, phải làm những gì để có ăn, phải ăn cắp vặt thêm bao nhiêu lần nữa? Tất cả mọi khổ đau đó chỉ nhằm để được sống lê lết qua ngày!

Chưa chịu bỏ cuộc, các máy quay phim và các phóng viên nhiếp ảnh vẫn đeo theo xe chúng tôi.

Một phóng viên nhiếp ảnh bảo tôi hạ tấm kính xe ở phía tôi ngồi xuống thật thấp, và rồi tôi nghe thấy đập vào tai tôi những lời đàm thoại của hai người nào đó ở phía sau. Tai tôi thính lắm, hồi còn mồ ma ông cụ, cha tôi thường nói tôi có thể nghe thấy tiếng sấm ở cách xa ba tiểu bang! Trong sự ồn ào hỗn loạn, tôi nghe thấy rõ ràng có ai đó ở phía sau nói: "Thật quá lắm, ông thấy không? Bat của chúng ta đang chứng tỏ rằng hắn là anh hùng bảo vệ những kẻ khốn cùng đấy. Mấy lần trước hắn đã dùng nhiều thủ đoạn để tự quảng cáo mình như là một kẻ bảo vệ thanh thiếu niên. Giờ thì hắn thủ vai người hùng bảo vệ kẻ nghèo khổ, thân cô thế cô. Lẽ ra hắn phải đưa ngay những chứng cứ về người cảnh sát bị chết, và đưa ngay hai nhân chứng kia ra, thì làm cóc gì có vụ xử, hoặc chuyện kết án. Nhưng nếu hắn làm như vậy thì hắn tự quảng cáo thế quái nào được? Nên hắn phải sắp xếp sự việc theo cung cách quá ư thủ đoạn của hắn!" Tôi lại nghe thấy người đối thoại luôn luôn nói "anh nói trúng phoóc" sau mỗi câu nói của người kia.

Rồi chúng tôi rời bỏ đám đông, nhưng tôi không dám nhìn về phía sau, vì con tim tôi tan nát, khi phải rời bỏ mái ấm mà suốt đời tôi hằng mơ ước.

Tên luật sư đưa tôi về văn phòng của hắn. Hắn bảo tôi rằng hắn mong là tôi không nên quan ngại vì một số công việc bận rộn, nhưng hào hứng, trong mấy ngày sắp tới. Hắn đã sắp xếp một vài sự xuất hiện trước ống kính và trước công chúng cho tôi. Sáng mai tôi lại phải lên tivi nữa, nhưng chẳng có gì đáng lo ngại, hắn sẽ luôn luôn ở bên tôi, để giúp đỡ tôi, như hắn đã làm trong suốt thời gian tôi lâm nạn. Tôi chỉ phải làm một việc duy nhất là tuyên bố trên đài truyền hình là tôi được trả tự do là nhờ ở sự giúp đỡ chân tình của hắn. Tôi nghĩ lúc nghe hắn nói vậy, nét mặt tôi lộ vẻ ngạc nhiên lắm hay sao, mà hắn vội bảo tôi "tuy em không có tiền trả thù lao, nhưng những việc em đang làm đủ trả ơn tôi - không phải bằng tiền, mà bằng cách nói cho mọi người biết tôi là người bạn thân thiết, người bảo vệ những kẻ bất hạnh như em".

Tôi bảo hắn rằng tòa đã chỉ định hắn cãi cho tôi miễn phí, nhưng quan điểm của hắn là tôi có thể trả công hắn bằng cách nói cho công chúng hay là nhờ hắn, nhờ sự tài giỏi và lòng tận tụy của hắn, mà tôi được trả tự do. Hắn nói điều quan trọng nhất là phải nói cho rành rọt khi xuất hiện trước ống kính truyền hình. Hắn cho biết, hắn sẽ đích thân chỉ cho tôi cách nói cho thật hiệu quả, nhưng bây giờ thì hắn phải vào văn phòng để dặn nhân viên của hắn lo mấy việc trong lúc hắn bận với tôi. Khi hắn bước vào buồng phía trong và đóng cửa lại, tôi thấy hắn nói có lý. Đúng là nhờ hắn mà tôi được tự do. Nhưng, hắn không thể nào biết được là với tôi, HẮN KHÔNG NHỮNG KHÔNG ĐƯỢC BIẾT ƠN, CA TỤNG, MÀ HẮN CÒN ĐÁNG BỊ NGUYỀN RỦA NGÀN LẦN, ôi tên luật sư láu cá, gian manh, cà chớn, giầu mà vẫn ham!

Quỷ thần nào đã dẫn lối chỉ đường cho hắn bứt tôi ra khỏi mái ấm thân yêu mà tôi cả đời mơ ước, ra khỏi những công việc làm mà tôi ưa thích, và nhất là ra khỏi những bữa ăn tuyệt diệu mà tôi chưa được tận hưởng!

ĐÂY LÀ LẦN ĐẦU TIÊN TRONG ĐỜI TÔI THẬT SỰ THẤU HIỂU THẾ NÀO LÀ KHINH GHÉT

MỘT CON NGƯỜI!

Tôi cực kỳ thù ghét hắn!

Hôm ở tòa, khi tôi bị kết án giết người, đã có rất nhiều sự bàn cãi và nhiều ý kiến đối nghịch nhau về điểm tôi cố ý hay vô tình.

Lần này thì không cần một sự bàn cãi ấm ớ nào cả.

Lần trước tôi thực bụng không mong có điều bất hạnh gì xảy đến với viên cảnh sát đuổi bắt tôi. Nhưng bây giờ, tôi thực sự mong điều bất hạnh lớn nhất, ập ngay xuống đầu tên luật sư gian manh này.

Tôi lượm con dao rọc giấy trên bàn của cô thư ký tiếp tân, đưa tay ra rà xoát độ sắc bén của lưỡi dao. Tôi đợi ở sau cửa, và rồi khi hắn bước ra, tôi lấy hết sức bình sinh lụi thẳng vào người hắn, tôi lụi đi, lụi lại, lụi đi, lụi lại nữa… cho thật đã tay…

GIỜ THÌ TÔI ĐÃ DÀNH LẠI ĐƯỢC MÁI ẤM THÂN YÊU - CĂN PHÒNG LÝ TƯỞNG NHƯ TÔI HẰNG MƠ ƯỚC…

VŨ ANH TUẤN



Tho

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

TRÚC THANH TÂM

Rượu xuân tràn ngập tiếng cười
Rượu tình duyên tặng những người đang yêu
Rượu đời vinh nhục giàu nghèo
Rượu nhân nghĩa rót chia đều thế gian .

TRÚC THANH TÂM



tản bút

TẾT Ở ĐÌNH BẢNG XƯA

NGUYỄN KHÔI

Ấy là vào thời trước năm 1945...

Sắp đến tết,bọn trẻ con chúng tôi thích lắm.cứ ngóng đợi từng ngày:thích tết là vì được nghỉ học,tha hồ chạy nhảy vui đùa không bị ai trông nom đe nẹt.Thích tết vì được Mẹ may cho quần áo mới,được theo Mẹ về chúc tết bên ngoại và chắc mẩm là được ông bà ngoại,các dì các cậu "mừng tuổi thằng Cò" những đồng xu đồng kẽm xâu đầy nặng trĩu 2 đầu giải rút quần,còn những đồng hào bằng kền thì phải buộc thắt nút trong một miếng lụa giấu nhờ vào trong cạp váy hay hầu bao của Mẹ.Tiền xu thì để đánh đáo ,ăn quà dần và mua quà cho em,mua bánh đa cho ông nội nhắm rượu;. tiền hào thì để mua giấy bút mực đi học. Thích tết nữa là vì sáng mùng một ,ăn mặc chỉnh tề,sau một tràng pháo chuột khai xuân nổ đì đẹt,khói mù ở giữa sân,tôi theo Thầy tôi-2 bố con lên nhà trên thắp hương trên bàn thờ lễ gia tiên (mà bàn thờ bao giờ cũng hướng ra đường) rồi xuống nhà ngang chúc tết ông bà nội...xong,Thầy tôi bưng mâm cỗ,tôi xách cút rượu lũn cũn chạy theo lên đền Đô dâng "ngự thiện" cúng các bậc tiên Vương (8 vị Vua nhà Lý).

Ở nhà...ông nội tôi,sau mấy tuần trà,ông dạo bước trước hiên nhà ngắm dò lan,dò huệ,dò thủy tiên,trông chậu quất,gốc đào mà Bác trưởng mua từ Hà Nội về biếu ông từ hôm 23 tháng chạp.Khi con yểng kêu lên"nhà có khách" là bố con tôi đã đi lễ về. Mâm cỗ dược Thầy tôi hạ xuống đúng cái vòng tròn giữa chiếu cạp điều trải trên phản gỗ.

Bà nội tôi đi lấy thêm mấy thứđồ ăn ,chai rượu Làng Vân do bác rể gửi tết...Vào mâm,ông nội tôi ngồi trên đúng vị trí số 1 ,số 2 bên phải là Thầy tôi,rồi tới tôi,bà nội ngồi bên trái phía ngoài đầu nồi.Thầy tôi rót rượu mời ông bà rồi mới rót cho mình.Ông tôi nâng chén chúc bà và các con cháu một năm mới mọi điều tốt lành,hanh thông...Riêng thằng Cò-cháu nội (con của con trai út),ngồi cạnh ông đây thì được "hớp" theo ông một ngụm rượu cay,thơm ngào ngạt bừng nóng cả mặt.Ông tôi trân trọng xem (bói) đôi chân gà,đồng thời giảng giải cho Thầy tôi thế nào là "cát","hung",là "xái"...và hứng khởi ngâm một câu thơ chữ Hán "tiền lộ định tri thiên hữu nhãn"...rồi rung đùi cùng cả nhà nâng chén mừng xuân mới.

Tết ở Đình Bảng xưa nay không phải là tết để ăn (vì cả năm trong làng có trên 200 ngày cỗ đám khao vọng linh đình.Sự ăn uống của dân làng hàng ngày cơm thịt cá giò chả là chuyện thường).Tết ở Đình Bảng là tết thăm viếng,đi lễ cầu may,cầu tài lộc...Dân Đình Bảng,phải có đến non nửa là đi buôn bán kinh doanh lập nghiệp khắp nơi (kể cả sang Âu Mỹ...) Gia đình và Tổ quốc là rất thiêng liêng...Do vậy,tết là dịp về thăm quê,lễ các Vua nhà Lý.Người Đình Bảng xưa ,ngày tết gặp nhau,câu cửa miệng là chào rồi chúc : năm mới...làm ăn phát tài bằng mười năm ngoái. Trời ren rét ,nhưng không khí thì đầm ấm vui vẻ...

Ăn tết ở Đình Bảng ngoài các món cổ truyền: giò, nem, ninh, mọc, thịt gà lá chanh, cá chép kho khô, chân giò nấu măng, thịt quân (mỡ),dưa hành...Phong phú nhất là các món bánh:xu xuê, bánh gio, bánh chưng, bánh gai, bánh mật...rồi chè lam, kẹo lạc, xôi vò chè đường, chè kho, hạt dưa ,các loại mứt ...tùy đối tượng khách đến chúc tết mà gia chủ bày ra tiếp.

Về sinh hoạt văn hóa:ban ngày ở bãi sân đình,sân chùa có đánh đu,đánh cờ người,chọi gà,kéo co,đá cầu..có múa rối trên hồ bán nguyệt ở cửa đền Đô,.tối có hát tuồng,chèo,diễn kịch ở rạp,sân đình đông vui không khác gì ngày hội -thật là vui như tết là vậy...

NGUYỄN KHÔI



TRẨY HỘI HÀNH HƯƠNG

CỐ GIÁO SƯ NGUYỄN ĐĂNG THỤC

Tháng Giêng ăn tết ở nhà,

Tháng Hai cờ bạc, tháng Ba hội hè

Sau các hội trai gái ở hang động Thẩm Lệ Yên Bái và hội hát quan họ ở Cầu Lim, tức là núi Lim, có tính cách khích động vào nhịp sống của bốn mùa trong vòng tuần hoàn của một năm nông nghiệp:

Xuân sinh, Hạ trưởng, Thu liễm, Đông tàn.

Mùa xuân nảy nở, mùa hạ trưởng thành, mùa thu rút về, mùa đông chứa đựng.

Chúng ta thấy xuất hiện ở nông thôn Việt Nam xưa cái cảnh tượng trẩy hội, già trẻ lũ lượt gánh gồng, người bồng người bế, bỏ nhà cửa sau luỹ tre, để tìm vào các nơi hang động có danh tiếng linh thiêng. Ở Bắc Việt hang động linh thiêng nhất có Động Hương Tích, Đền Sòng, Phố Cát, Phủ Giầy, Kiếp Bạc, Đền Hùng.

Theo lịch trình tiến hóa của đời sống tín ngưỡng bình dân nông nghiệp cổ xưa ở Việt Nam, chúng ta có thể nhận thấy ở động Thẩm Lệ là tình cảm ở trình độ bản năng sinh lý, đem thái độ sống hiện thực để diễn tả cái vũ trụ quan thần bí của nguồn sống tràn ngập, sống của người với sống của cây cỏ, trong ấy tín ngưỡng với tình dục chưa phân biệt. Ở đồi Lim với tục hát giao duyên, quan họ thì sinh dục ly khai với tín ngưỡng, mất tính cách văn nghệ. Về sau đấy là trình độ tình cảm đi đến tín ngưỡng thần bí tập thể. Cả ba trạng thái sinh hoạt tình cảm ấy vẫn lấy thiên nhiên, hang động làm bối cảnh. Cho nên có thể nói được rằng không có cảnh thiên nhiên thì người dân Việt hầu như không có hứng thú để sinh hoạt, vì thiên nhiên đối với họ là nguồn khởi hứng độc nhất cho tình cảm và tín ngưỡng vậy. Qua thiên nhiên, nhân dân nông nghiệp tìm nối lại cái nguồn sống phân hóa ra cá nhân, xã hội với các nguồn sống vũ trụ bằng các cuộc biểu diễn văn nghệ với cái tập thể như các cuộc hát giao duyên trong Động (Thẩm Lệ), trên Đồi (Đồi Lim), hay là qua những cuộc trẩy hội hành hương (Phủ Giầy, Kiếp Bạc, Hương Tích).

Về cuộc biểu diễn văn nghệ tập thể, đã trình bày ở bài "Mùa xuân với đời sống tình cảm Việt Nam".

Nay hãy nhận xét ý nghĩa về tục trẩy hội hành hương qua thực kiện như người ta đã quan sát được.

Alfred Meynard, viết trong Revue Indochinoise – Mai 1928. về các cuộc hành hương Việt Nam ở miền Bắc như sau:

"Những tham vọng làm cho thế giới đảo điên và những điều ác làm cho nó hỗn loạn. Nhưng ở trên tất cả sự biến đổi, trong thế giới vẫn còn cái gì không biến đổi, ấy là sự cố gắng không ngừng của mọi người từ kẻ ngu đến bậc trí để thu cái vô hình vào trong giới hạn hữu hình. Xét cho kỹ thì đấy chính là ý nghĩa trọng tâm của đời sống mà tất cả hành vi cử chỉ, ý thức hay vô thức cũng chỉ là dấu hiệu vẽ trên mặt cái thần bí. Tất cả chúng ta đều biểu diễn tấn tuồng hài kịch ngắn ngủi của chúng ta trước cái màn phông rủ kín mà chúng ta buộc phải trực giác cảnh trí ở tại bên trong đàng sau bức màn. Và các đào kép đang cười cười nói nói đều cảm thấy tiếng cười tiếng nói lạnh đi dần khi khán giả bỏ ra về.

"Tôi cho rằng cái điều mâu thuẫn giữa phương Tây và phương Đông mà hiện nay người ta đang thắc mắc chẳng phải là một vấn đề phức tạp gì lắm như người ta đã tưởng. Nó quy về có một điểm là người phương Đông đem cái vô hình xuống cuộc đời hàng ngày của họ. Họ sống với thế

giới thần bí ấy nhờ có những cái gì họ tưởng đã thấy được. Trái lại người Âu Tây sống bên lề cái vô hình và không thân mật với nó, phủ nhận nó nữa vì không biết có nó. Hay là nó xô vào đấy mà không nhìn.

"Cái sự mâu thuẫn ấy, ai là người biết nhìn với con mắt có thiện cảm chứ không phải thái độ nhân nhượng của kẻ tự ý đi đầy biệt xứ, thì có thể nhận thấy hàng ngày ở tại cái gì mà chúng ta khinh bỉ cho là những mê tín Việt Nam. Chúng ta làm như là trong tất cả thế giới và đối với tất cả các tín ngưỡng, những điều mê tín tôi sợ không phải là cách diễn tả tương đối cái chân lý ngoài giới hạn của người thường. Ở dân tộc Việt Nam mà tục lệ tín ngưỡng đã pha trộn và thâu tóm thần bí tâm linh của Phật giáo với chủ nghĩa ma thuật (magique) Lão giáo vào trình độ thô sơ, thì một phần hoạt động và tư duy đáng kể đã dành cho phương diện vô hình của thiên nhiên. Đời sống hàng ngày của họ đã thêu dệt bằng những đề tài tối tăm là những đề tài chính thức. Vào dịp mùa xuân có rất nhiều hội hè tượng trưng cho những quyền năng thần linh hành động trong thế giới. Và mặc dù cách thức của họ đối với chúng ta có lạc hậu đến đâu nữa, những cách thức ấy cũng bảo tồn những nghi lễ mà chúng ta thấy sự đồng nhất tính trong chủ nghĩa bí truyền của tất cả cách thờ cúng. Chẳng nói đến nghi lễ dâm dục của một số bộ lạc Thái, trà trộn thiêng liêng của tình dục nam nữ, diễn tả nhịp điều hồi xuân, trong ba tháng đầu năm của Việt Nam cũng có rất nhiều nghi lễ nhờ đấy mà người ta hợp tác với thần linh hay là bắt buộc thần linh giáng xuống sống một lúc gần người, cùng với người san sẻ những lo âu, mong mỏi.

"Ở Phố Cát trên đường từ Hà Nội đến Thanh Hóa có một số đền xa cách nhau thờ bà chúa Liễu Hạnh, con Ngọc Hoàng Thượng Đế, một trong hàng ba tiên nữ từ cõi Thiên cung Lão giáo giáng xuống giữa phàm trần. Chung quanh đền là những đồi núi rừng cây bao bọc lấy những cái hồ nước trong lặng suốt tận đáy. Khách thập phương đến hành hương đều múc nước uống sau khi dâng cúng lên các bàn thờ trên bờ hồ.

"Vào những ngày đầu tháng ba có hội đức Thánh Mẫu mà sự thờ phụng dành cho phụ nữ, những bà đồng ở vậy đồng trinh từ nhỏ đã biểu thị khả năng môi giới thần linh. Hội bà đồng, bầu lên một bà chủ tích lãnh đạo có tuổi, cùng nhau đèn nhang chăm nom bàn thờ Thánh Mẫu và tổ chức các lễ chầu có tính cách ma thuật để kỷ niệm Thánh Mẫu hay một vị thần linh của tam phủ được phụng thờ ở đây. Vào những dịp Hội, các bà đồng ở riêng một nơi theo trai giới. Người ta thường thấy các bà quanh quẩn dưới bóng bàn thờ có đèn nhang nhật dạ, để dâng mình cho bóng thần linh mà các bà tin mình là môi giới để thay mặt ban truyền lời sấm tiên tri. Chung quanh các bà ấy có bày những đức tính tượng trưng của tam phủ và khăn chầu áo ngự (đỏ, xanh, trắng), các bà này phỉa mặc tuỳ theo giá hầu kế tiếp. Một điệu nhạc buồn kèm theo lời cung vẫn đọc. Khói trầm nhang, âm thanh và vận động đảo đầu các bà đồng bốc đồng, mắt nhìn chăm chú vào một điểm sáng: các bà múa tại chỗ một vài bước ngắn run rẩy, giơ ngang cánh tay, ngón tay chỏ xuống đất. Người xung quanh lắng nghe kính cẩn những lời toàn khó hiểu.

"Ngày thứ ba hội Thánh Mẫu Liễu Hạnh, các bà đồng phải rước sách linh đình kiệu đức Mẫu từ đền nọ sang đền kia qua cánh đồng. Không có giáo hội nào tham gia vào cuộc lễ ấy mà tất cả các làng lân cận và vô số thập phương từ Bắc Việt, Trung Việt đến hành hương đều tham gia vào cả. Chiêng, trống đi trước, cờ quạt hai bên, cuộc rước bắt đầu buổi sáng từ đền giữ thần tích của Mẫu, để lại trở về đấy buổi chiều. Chỉ có bà đồng có vinh dự vác trên vai những đồ thờ: bàn thờ có hương hoa; hòm sắt đựng quần áo sặc sỡ bằng giấy, khăn, gương, lược của Thánh Mẫu, rồi kiệu võng, ngai có bài vị nơi vía ngự giáng nhất thời. Mười sáu bà đồng, mặc khăn chầu áo ngự giống nhau, đi hàng trước bước giật lùi trước kiệu Thánh. Mười sáu người nữa theo sau chung quanh võng của bà đồng chủ tịch. Các bà giơ những lư hương trầm, rắc hoa, lấy quạt che chỗ Mẫu ngự. Kiệu ở trên vai các bà đồng khoẻ mạnh, ấy là trung tâm cuộc rước. Trung tâm ấy ấn định nhịp đi. Các người mang kiệu không có vẻ vác một cái gì nặng nề, mà trái lại hình như gắn liền vào với Kiệu, làm thành phần của Kiệu vậy. Các bà buớc đi nhịp nhàng, khi chạy, khi dừng hay chậm chạp, không nhìn trước mặt, không để ý nghĩ về đường đi sẵn hay chướng ngại vật ghê gớm. Ngai của Thánh Mẫu trên vai uyển chuyển của họ hình như nhảy múa nhẹ nhàng không bao giờ tỏ ra một vận động bất ngờ như vấp chân chẳng hạn. Cứ như thế mà Liễu Hạnh dẫn dắt các con đồng một cách thúc đẩy, không có thể chống cự, lại chắc chắn và lướt đi trong rừng cờ long như có một sức mạnh oai linh, vô hình mà hiện thực. Xa trông trong bầu trời quang sáng, đám rước linh đình như một cuộc chạy đua rất trật tự vậy.

"Chiều về, Kiệu lại đưa vào trong đền. Các bà khiêng kiệu, trước bàn thờ nhảy múa nhịp nhàng, chân hơi động đậy, tay giơ lên khum khum, đầu ngón tay chỉ xuống đất. Bên ngoài các hàng quán lên đền và quần chúng đông nghẹt, kín đáo vui đùa chung quanh thần linh của họ".

Trên đây là cảnh tượng trẩy hội đền Sòng hay Phố Cát thờ Thánh Mẫu đại diện nguyên lý Mẹ là bà chúa Liễu Hạnh được nhân dân tín ngưỡng như một nàng tiên hiện xuống trần gian để làm môi giới cho những lý tưởng và nguyện vọng thiên thai của giới phụ nữ bình dân Việt Nam. Tác giả lấy con mắt của một người phương Tây, đã nhận xét rất tỉ mỉ những bộ điệu, cử chỉ, diện mạo, màu sắc, âm thanh để cố cảm thông với tâm trạng đặc biệt nhất thời của tín ngưỡng nông nghiệp, tín ngưỡng vào một nguồn sống trong trường cửu. Những nguồn sống ấy biểu diễn trên ba bình diện của màu sắc tượng trưng: đỏ, xanh, trắng; đỏ tượng trưng cho bản năng tính dục; xanh tượng trưng cho trạng thái trong sáng, thanh tao và trắng tượng trưng cho tâm hồn siêu hóa. Ba bình diện đó đã do đời sống của Liễu Hạnh làm môi giới. Sự tích của bà, chúng ta sẽ phân tích sau này với dòng tư tưởng Đạo nội Việt Nam. Ở đây xin hãy tiếp tục theo gót nhà khảo cổ Alfred Meynard để quan sát hội hành hương Kiếp Bạc, nơi thờ một vị anh hùng dân tộc cái thế siêu quần tượng trưng cho nguyên lý Cha của nhân dân. Ca dao nói: "Tháng tám giỗ cha, tháng ba giỗ mẹ". Giỗ cha chính là hội đền Kiếp Bạc.

"Một quần chúng đội lễ tiến lên cửa đền giữa hai hàng quán tranh. Chúng tự thập phương đi đến trong hàng dài theo các nẻo đường hay trên các mui thuyền mà làn khói hương đã đun đẩy trên làn nước đục. Những ngày đêmt rải qua đã làm cho họ mỏi mệt. Bây giờ họ đã tới nơi, họ vội vàng bước vào cõi mộng của một đời, họ chia ra vào các cửa hàng, nào ăn, nào uống, nào hút. Một đội quân buồn tẻ, nâu sồng nặng nề chuyển động cùng một điệu như là một con vật khổng lồ. Diện mục của họ giống nhau, xấu xí như nhau không một ai có cá tính, dần dần tiến vào cửa điện. Không có gì làm cho cảnh thiên nhiên xơ xác bằng sự có mặt của một đám đông. Ở đây giữa trưa ánh sáng bị mây che làm cho bàng bạc ghê gớm, bao phủ trên tất cả sự mật một màu hí kịch. Cái đám đông người dầy đặc ấy in vào nền trời một cái bóng vô hình tai hại cũng như nó nhiễm ố vào cảnh thiên nhiên tinh khiết một mùi ô trọc. Nhưng bóng cây cổ thụ rườm rà bao bọc lấy những tiếng tự trong quần chúng nổi lên, kéo nó xuống đất và giam tác giả của chúng lại.

Đây là một cảnh tượng của thính giác:

"Một hiệu âm nhạc bất hòa và liên tiếp nổi lên trong một khung cảnh vây kín của đèn: đây là bối cảnh, hai ngôi hành lang chặn tầm con mắt hai bên, mặt trước là một tam quan với những cành đa rườm rà chằng chịt thành một mái nhà. Người ta bước vào một không khí linh động, những tiếng chặn lấy họng anh, làm choáng tai anh đồng thời vây bọc lấy anh trong bầu không khí trống rỗng và ồn ào tiến đến và không rời anh nữa. Người ta thấy ở giữa một đám mây âm hưởng giao động mà không lẫn lộn. Và người ta ngắm nhìn một thế giới lạ kỳ phát xuất ra những tiếng ồn ào như là một bức tường dày và trong suốt. Trong đám âm thanh xung đột lẫn nhau, mỗi người tự nhận ra mình trong toàn thể không ai lạc mất, tai nhận ra tiếng của trống, của chiêng, của mõ và của ống sáo lanh lảnh ở trước bàn thờ, càng như bao vây bằng một lớp âm điệu bất hòa. Trước khi nhìn hãy nghe đã. Anh cảm thấy có một sự ám ảnh: âm thanh ở đây cũng có hiệu quả của tiếng gọi thôi miên huyền ảo. Và đồng thời vừa như chìm đắm trong cái trào lưu ồn ào, bị nó xô đẩy, mỗi người dự lễ có vẻ chỉ chú ý đến phạm vi riêng của mình trong điệu hòa tấu. Từng nhóm đàn ông và đàn bà, nhóm nọ chen vào nhóm kia, phần nhiều tiều tuỵ rách rưới, cộng đồng hợp tác vào đám ồn ào choáng hồn ấy. Nào trên không trung văng vẳng điệu nhạc du dương, nào tiếng khẩn cầu, trong khi tiếng thét quan tướng, tiếng sai âm binh tan chìm vào trong. Kẻ lặn chìm choáng váng với sự chìm lặn vào trong đêm tối dày đặc để rồi mở mắt ra thấy một vũ trụ trong suốt. Khách du ngoạn đi tới thấy sự ồn ào, dừng ngắm nhìn. Có những miệng há hốc ra trước mặt họ, ghê tởm với những tiếng thốt ra đã sâu vào không trung. Khách đứng ngắm một dân tộc múa may quay cuồng. Thế giới điệu bộ biểu lộ trước mặt, phân biệt với thế giới âm thanh. Một vài bộ mặt nổi lên có thể tóm tắt đặc tính của hội lễ.

"Ở mỗi nhóm người, có một loại thầy cúng điều khiển nghi lễ: đầu y quấn trong vuông nhiễu đỏ, mắt đeo mục kính gọng đồng, miệng lẩm nhẩm không ngừng những lời nói bí hiểm. Tay phất lá cờ, hay chiếc gậy, móng tay dài, bóng vì cáu ghét. Miệng quát tháo những tiếng, những khẩu hiệu mà đệ tử nhắc lại nhỏ hơn: đây là những tên huý của tất cả ma quái có tiếng khéo ám ảnh vào thân hình người. Và kẻ nào bị chúng làm thì phải đuổi chúng ra khỏi thân hình của kẻ ấy, sợ chúng

làm cho đàn bà không có con, điên cuồng, hay sinh ra những quái thai trong bụng, sợ chúng làm cho đàn ông tàn tật, lẩn thẩn. Phần nhiều những kẻ bị ma làm được đưa về đây để trừ tà bắt ma đều là phụ nữ, một con thú kinh ngạc về căn bệnh của mình. Ở mọi nhóm quây tròn mà lời hô cầu tiếp diễn, người ta thấy một thân hình mềm nhẽo nấc lên từng hồi, động đậy như một cục giẻ rách, quỳ xuống đất, đầu và mình vặn tròn quay luôn hồi không mỏi sát mặt đất. Mắt lộn ngơ ngác, da tái mét như là đã uống rượu say mềm, tóc xõa, tay vặn vẹo cố bám vào không trung để rồi rơi xuống lại vươn lên. Sau hết cái thân hình ấy vật xuống đất trong cát bụi như là một hình nhân mà đứa trẻ vứt đi. Thầy bắt tà, chồng, con, họ hàng xúm lại gọi tên. Nhưng bệnh nhân đứng lên, hoặc đi chập choạng như đi trong mê về phía cửa đền và ở đấy, trên đầu tóc xoã rối bời, hai tay giơ lên, bàn tay thõng xuống, y bèn nhảy tại chỗ, chợt ù té chạy như ma đuổi trước một cái gì y thấy, rồi lại té ngã xuống để lại đứng lên cho đến khi kiệt sức, người nhà khiêng ra sân đền. Chắc hẳn y đã nôn mửa bóng ma làm y vì chung quanh hoan hỷ và người ta đem đến trước bàn thờ bệ đá nộp những khí giới cờ quạt nhỏ xíu đã dùng để đánh đuổi tà ma. Người ta đốt vàng mã, tờ sớ tấu và gia đình mãn nguyện chạy vội đến cỗ bàn, còn bệnh nhân đi theo như sống lại và thản nhiên.

"Ở hội Kiếp Bạc này có nhiều hình thức phụ thần phục quỷ mà sự nhộn nhịp ồn ào có lúc nào ngừng hay là ngừng những tiếng kêu thét và ngân nga, không một lúc nào tan loãng khói nhang nghi ngút kèm theo lời khẩn cầu của chúng sinh lên đường về trời. Trong một đám có vẻ náo nhiệt đến cực độ, tôi thấy một người tự mình không biết đã làm mồi cho ác quỷ nào, đang hiến thân với tất cả tin tưởng cho các thầy phù thuỷ sai khiến. Y quỳ xuống đất, yên lặng đối với lời quát mắng của ông thầy, chỉ biểu lộ ý nghĩ đơn thuần của mình bằng cử chỉ giật gân và mau lẹ của tay chìa ra trước một tờ giấy trắng. Y duỗi ra, dụt vào như có một sức mạnh bí mật điều khiển. Sau cùng với hồi trống dồn mau, hai tay vặn vẹo áp xuống tờ giấy và dính liền vào đấy như có keo hồ. Người ta lấy mực tàu khuôn theo hình bàn tay, rồi người ta gấp tờ giấy làm bốn, trên ấy có vết tay như dấu hiệu của ác quỷ tha cho bệnh nhân không ám ảnh nữa. Rồi người ta hóa tờ giấy ấy đi, để cho ma lực trở về với yếu tố của nó.

"Khắp nơi dưới bóng cây đa rườm rà linh thiêng có những đám bắt ma đuổi tà như thế. Khoa ma thuật quy vào có sự nhắc đi nhắc lại một khẩu hiệu, một lời chú. Trên mặt đất không thấy có dấu hiệu của một xúc động, một ý muốn, một sợ hãi hay một nhiệt thành gì cả. Họ đuổi tà với bộ điệu như họ giã gạo. Và trí tưởng tượng của tín đồ nghèo nàn đến nỗi không tự hỏi xem lý do của sự bố thí thô thiển ấy ở đâu nữa. Cả hai bên đều không thể suy nghĩ hơn là những cử chỉ tập truyền. Cho nên họ đến đấy do cùng một sức mạnh đun đẩy mà họ tín ngưỡng, đã ám ảnh họ.

"Trước cửa đền đều có một cái giếng do một người phụ nữ trẻ trông coi, không cho quần chúng lai vãng thỉnh thoảng giơ cao một cái gậy tre lên. Hễ chị ta bỏ đi kiếm trầu, vắng thì một lũ rách rưới sấn đến miệng giếng. Nước thiêng đem lại tuổi xuân và sức máu, được họ vục cả bằng hai tay run run và có những bà già uống lấy uống để cái hớp hy vọng nguồn sống, hay những kẻ ăn xin cùi cụt rửa những vết thương với dọc vọng sức mạnh và khang kiện. Uống được hớp nước, những miệng méo mó tìm thấy nụ cười và những bộ mặt quỷ sứ toe toét như con nít. Nhưng chị canh gác đã trở về thì đàn ngươi bỏ chạy, tự đắc đã cướp được nguồn trường sinh một vài giọt mát mẻ.

"Đến đây thờ một vị tướng quân Việt Nam đã chiến thắng quân Nguyên vào thế kỷ XIII. Tượng của ngài dữ tợn, được để kín trong cung sâu, còn mộ thì được giấu kỹ. Triều đình đã sắc phong cho nhân dân thờ phụng vào bậc thần linh. Các pháp sư coi là bậc thánh và phụ nữ đến cầu đảo lấy một dòng dõi anh hùng. Ngài là tổ các pháp luật; trong bầu không khí nhân diện của ngài ngự trị thì tà ma không dám bén mảng và nhân dân bốn phương kéo đến để tìm sức mạnh giải thoát khỏi những ám ảnh độc ác tà ma.

"Vị thần chinh phạt này có đệ tử của ngài gồm bô lão đứng tuổi tự hiến thân cho ngài và nhận là môi giới thần linh của ngài. Mặc áo đỏ, họ đi ra đi vào tự cho là quan trọng, mặt bự rượu. Khi nào bóng ốp vào thân hình gầy còm của họ, họ là hiện thân của thần linh họ thờ và bấy giờ họ có thể điều khiển vong hồn ám ảnh bệnh nhân để thủ hưởng những lạc thú trần tục. Bởi thế mà họ được nhiều bổng lộc và địa vị của họ đứng cao ở trên hàng tín đồ lúc nhúc sợ sệt. Họ không phải độc nhất được hưởng lộc thánh. Đầy sân đền cón nhiều hạng thầy cúng, thầy bói, thầy phù thuỷ. Mắt đeo kính trắng, ngồi quỳ trước kỷ có giấy mực bút nghiên, sách bói, đồ biểu bát quái, họ chờ khách hàng kéo đến hỏi han mua bán sản phẩm tinh thần và vật chất nữa.

"Cứ như thế mà dân tộc da vàng tiếp thụ lớp bụi phủ của những đại ý tưởng truyền thống của chủng tộc. Dân tộc này không có vẻ nghi ngờ nguyên lai và hậu quả của những ý tưởng ấy vì họ coi chúng là thuộc tính của đời sống hàng ngày cũng như những công việc tầm thường phàm tục khác của nó.

"Ở chỗ như Kiếp Bạc, cả một dân tộc phô bày sự bí mật của nó. Những điều người ta trông thấy và những cái gì người ta nghe thấy chứng minh sự cuồng nhiệt mà nhân loại ở đây như những con nít kinh hoàng bám chặt lấy tay quyền lực Tử thần hơn là lần mò tìm lấy sự sống."

Trên đây, theo con mắt quan sát của một nhà khoa học Tây Âu, là cảnh tượng tín ngưỡng bình dân vào một vị thần chiến tranh, một anh hùng dân tộc đã vào sinh ra tử trong rừng gươm giáo, núi xương, sông máu để bảo vệ giang sơn. Nhân dân đã siêu hóa cái kỷ niệm rùng rợn của dân tộc vào một vị đại diện oanh liệt là Đức Thánh Trần, tượng trưng cho những mãnh lực phi thường chẳng khác gì những mãnh lực ma thuật của thiên nhiên. Bởi thế mà nghi lễ có màu thần bí dữ tợn, để truỵ lạc vào mê tín tà ma. Nhưng tín ngưỡng ấy tự nó không có gì mê tín, chẳng qua cũng chỉ là một sự đồng hóa mãnh lực dân tộc với mãnh lực thiên nhiên, hoài bão sức mạnh phi thường của nhân dân để bảo vệ tự do độc lập. Thánh Trần đại diện nguyên lý Cha cũng như Chử Đồng Tử, đối với nguyên lý Mẫu là Liễu Hạnh cũng như Phật Bà Quan Âm hay Quan Âm Thị Kính. Nguyên lý Cha bao giờ cũng can trường, hùng dũng, bạo động chứ không êm đềm, dịu dàng như nguyên lý Mẹ. Nhưng cả hai nguyên lý đều bổ túc cho nhau để biểu diễn cuộc sáng tạo, bảo tồn và huỷ diệt của vũ trụ như Ấn Độ giáo đã quan niệm và mô tả đầy đủ qua bức tượng Bà Đen (Kali la Noire) tượng trưng tạo hóa tay cầm đầu lâu, tay cầm dao quắm, nhảy múa trên thân thể Siva nằm như chết. Và nhà đạo sĩ Ấn Độ trứ danh cận đại giải thích rằng: "Nhân loại phải chết đi trước khi thần linh biểu hiện ra. Nhưng lại đến lượt thần linh biến đi để nhường chỗ cho một sự biến hiện cao hơn của nguyên lý Mẹ sung sướng hoan hỉ. Chính trên thânhình của thần linh chết (Siva) mà thánh Mẫu nhảy múa vũ điệu thần tiên" (Enseignement de Ramakrisna 1368)

Có lẽ cũng vì những nguyên nhân thần bí vượt quá bình diện quá thông thường mà dân chúng Việt Nam đã nhìn Đức Thánh Trần qua màu sắc tử thần có quyền năng ma thuật dữ tợn: nào thắt cổ, nào xuyên linh, nào cắt lưỡi, hay bắt tà ma, chữa bệnh bằng bùa dấu, tàn nhang, nước thải.

Nhưng ở chùa Hương Tích thì sự trẩy hội hành hương phô diễn ra một cảnh tượng và ý nghĩa khác với hành hương Kiếp Bạc hay Phố Cát.

"Phủ Giầy, Kiếp Bạc cùng mấy nơi khác nữa, như Phạm Quỳnh đã viết, thì tuy sự lễ bái có thịnh mà đã biến thành những chỗ buôn thần bán thánh cùng những trường luyện quỷ trừ ma không còn gì là cái thú vị về tôn giáo nữa. Duy có chùa Hương, hòa hợp với thú thiên nhiên một nơi phong cảnh có một trong cõi Bắc với cái nghĩa mầu nhiệm và đạo tu hành rất cao của trời Tây, là chốn cao thượng hữu tình hơn cả".

(Trẩy chùa Hương – Thượng Chi Văn Tập II) Và A.Meynard cũng viết:

"Nếu một đám dân chúng Việt Nam có thể cảm thông vào một lòng tin Phật giáo hay là cái gì mà tin như thế thì chính là phải tìm ở Hương Tích.

"Trong cái động phong phú và danh tiếng này khách thập phương đến hành hương vô kể suốt cả tháng hai để cung kính và lễ bái cầu nguyện tỉ mỉ, ngõ hầu cho số phận được đổi thay theo chiều hướng họ mong muốn nhất và nhất là để có được một dòng dõi thừa tự. Từ trong đền ở chân núi đi ra một con đường khúc khuỷu leo lên cái động màu nhiệm đượm một không khí điện lực nặng nề với tất cả khát vọng của trần giới. Đức từ bi dạy sự giải thoát thì người ta lại cầu nguyện ngày đêm để thắt chặt hơn những hệ luỵ của chúng sinh tự tạo cho mình.

"Cảm tưởng êm đềm là cái bước đi đến chùa chậm chạp trên những thuyền nan nhẹ lướt trên mặt nước giữa phong cảnh biến ảo luôn luôn. Khách hành hương chào nhau một tiếng nam mô, một khẩu hiệu đối với họ không có ý nghĩa. Tiếng đàn nhị réo rắt càng bộc lộ cảnh yên lặng của chiều tà thỉnh thoảng có giọng đàn bà tụng kinh.

"Nhưng trước khi thưởng thức những thích thú êm đềm ấy, người ta còn phải vượt qua cái vòng địa ngục Phật giáo cuối cùng, cái hàng rào những ngạ quỷ, những ma đói cố làm cho người ta nghe thấy những tiếng than thở của thế giới người sống.

"Những con ma ghê tởm hợp thành cái hàng rào những kẻ bẩn thỉu lăn lộn trong bùn phân để lộ ra những vết thương rùng rợn qua những mảnh giẻ rách thối tha. Chúng là những vật hy sinh, những con thiêu thân cho tất cả những sự đê hèn và tội ác và có lẽ họ làm cái cớ cho những người đi lễ thu lượm được chút ân huệ gì bằng sự bố thí vài đồng xu nhỏ. Cảnh tượng ghê tởm hơn nữa là cảnh tượng những đứa trẻ mà một người ma ấy bế trong tay ngồi hay nằm với chúng trong bùn, đấy là những kẻ chịu tội nhỏ bé yên lặng mà sự nhịn đói nhịn khát, sự đau khổ, sự hành hạ đã bắt chúng chịu đựng quá lâu đến có vẻ không có biết đau khổ là gì. Không một con mắt từ bi nào chịu ngừng vào những con bọ thoi thóp ấy để kéo chúng ra khỏi một lúc cái cảnh ngộ côi cút, chịu đựng. Không một kẻ hành hương nào trên con đường Phật giáo hiểu được cái sự bình luận ghê gớm ấy của mệnh số".

(*Pelerinages Annamites – Revue Indochinoise No 23 Mai 1928*)

Tại sao tất cả thống khổ của xã hội Việt Nam lại tìm hẹn hò đến ngày hội Chùa Hương để tụ tập cả ở đây? Phải chăng để cảnh tỉnh lòng từ bi của khách mộ Phật? Phải chăng để thức tỉnh chút lòng bác ái của khách thập phương? Thật là khó hiểu.

Nay hãy thử xem ngọn bút và con mắt của một khách nhân văn Việt Nam nhận xét và mô tả.

"Động Hương Tích, thuộc sơn phận làng Dục Khê, Yến Vĩ, phủ Mỹ Đức, tỉnh Hà Đông, tục truyền là nơi hóa thân của Đức Phật Bà Quan Âm. Đức Quan Âm theo trong sách Phật không phải là phật bà và đạo Phật vốn không có phân biệt nam thần nữ thần, chỉ có chia ra các hạng Phật mà thôi: dưới Phật có hạng Bồ tát (Bodhisattva), là bậc tu hành đã gần thành đạo, chỉ còn một kiếp nữa là thành Phật. Đức Quan Âm chính là bậc Bồ Tát, cứ trong kinh Ấn Độ tên là Avalokitecvara. Trong kinh nói rằng ngài đã sắp thành Phật mà chưa muốn vào Cực Lạc vội, ngài tự phát nguyện rằng: bao giờ nhất thiết chúng sinh trong trần thế đều thoát khổ, thoát nạn cả, bấy giờ ngài mới chịu thăng Phật, hễ còn một mảy bụi trần bị trầm luân thì ngài còn ra tay tế độ...

"Thế mà Đức Bồ Tất Quan Âm tự Tây thiên qua Trung thổ, tự Trung thổ xuống Nam bang, nghiễm nhiên biến thành một vị nữ thần. Hay là Đức Bồ Tát cao xa quá mà người thường muốn vẽ hình thờ không biết hình dung ra làm sao, bèn nghĩ ra hình người đàn bà để biểu cái lòng từ thiện nhân hòa? Cũng có lẽ, nhưng Bồ Tát nhất biến thành nữ thần mà nữ thần nhất biến thành bà "Quan Âm tống tử"... Từ đó quốc dân tôn sùng Đức Quan Âm chỉ vì tin rằng ngài có phép giúp được sự sinh đẻ cho người ta... Rồi mỗi ngày người ta phụ họa thêm vào, đặt ra những chuyện con gái vua Trang Vương hóa thân thành Phật, chuyện nàng Thị Kính cắt râu cho chồng, tuy đều có ý khuyến giới cả mà sánh với tích cũ trong Tam tạng sai lạc biết bao nhiêu.

"Chính cái điểm biến thái ấy mà Phạm Quỳnh lấy con mắt của trí thức đứng ngoài tín ngưỡng đã cho là sai lạc, thì lại là đặc trưng của dân tộc tính Việt Nam, dân Việt không thâu hóa cái gì ngoại lai mà không có sự biến hóa đi, vì có như thế thì mới có sáng hóa? Ngay như đối với văn hóa Tàu mà dân Việt đã chịu ảnh hưởng sâu rộng sau ngàn năm đô hộ, đến thời độc lập nhà vua thấy nho sĩ hay học theo Tàu đã phải cảnh cáo:

"*Quốc gia tự hữu thành hiến, Nam Bắc các dị*".

Lời dụ của Minh Tông hoàng đế phản đối Lê Quát và Phạm Sư Mạnh muốn thay đổi chế độ theo Tàu: "Nam Bắc khác nhau, quốc gia tự có hiến pháp rồi".

Hay là đời Nghệ Tôn hoàng đế, nhà vua thường nói: "Tiên triều ta lập quốc là tự có pháp độ riêng chứ không theo của nhà Tống. Bởi vì Nam Bắc đều tự chủ lấy nước mình, không nên phóng chép của nhau. Duy từ niên hiệu Đại Trị (1358-1369) nhân bọn tư sinh chấp chính, không hiểu cái ý sâu lập pháp của tổ tôn, bèn đem cả phép cũ mà đổi theo như tục lệ Tàu, như là những việc về y phục, ca nhạc, còn nhiều việc khác nữa. Vậy từ nay việc chính trị buổi đầu nhất thiết phải tuân theo về điển lệ năm Khai Thái (1324-1329)

(*Theo Nguyễn Trọng Thuật trong Triều đình cái án Quốc học, Nam Phong*).

Như vậy thì về tín ngưỡng đối với dân chúng bình dân vô học lại càng phải có sự tự động biến hóa. Cho nên từ Phật Quan Âm bên Ấn Độ là đàn ông với lý tưởng đại từ đại bi đối với tất cả chúng sinh, để rồi du nhập vào Tàu thành Phật Quan Âm tống tử với lý tưởng dòng dõi lâu dài, đến sang bên Nam Việt thành Quan Âm Thị Kính với lý tưởng nhẫn nhục "tò vò nuôi nhện", chịu

tiếng thị phi, một lòng tuẫn giáo với tình mẫu tử không oán thù như thế có chi là thấp kém, không chính đáng về mặt tín ngưỡng?

Nay hãy tiếp tục theo dõi con mắt nhà văn sĩ quan sát hiện tượng tín ngưỡng của quần chúng trẩy chùa Hương:

"Nay thử xét trong đám đông ấy biểu lộ cái "lòng tôn giáo" ra thế nào. Các đám đông ở nước mình thật là không có kỷ luật, không có trật tự gì cả, rất tào tạp, rấ hỗn độn; dẫu ở nơi lễ bái tôn nghiêm cũng kẻ đi người lại, kẻ đứng người ngôi, nói nói cười cười, kêu kêu gọi gọi, ồn ào lộn xộn, khó mà nghiệm cho được cái tâm lý chung những người ngẫu nhiên tụ họp lại đó. Lại thêm khói hương ngùn ngụt, mùi người xông ngạt, tiếng chuông tiếng trống tiếng mõ đinh tai, đứng trong đó mà ngột người, không biết đâu mà dò xét. Xong nhận cho kỹ dầu trong đám ồn ào cũng có nhiều người cái mặt rầu rầu, con mắt lim dim như ngoan như độn, như dại như ngây, tưởng giả sét đánh bên mình cũng không tỉnh. Những người ấy chính là người thành tâm tín ngưỡng đó, chứ không phải những kẻ lau nhau láu táu, miệng khấn tay vái, tiếng nhỏ tiếng to, bao nhiêu tâm niệm thành kính ra chân tay mồm miệng cả. Chắc lòng tín ngưỡng của người mình cho thắm thiết đến đâu cũng không có cái tính cách hăng hái hoạt động như lòng sùng đạo của người Âu châu thời xưa, người Ấn Độ bây giờ. Tính người mình hiếu tình mà đạo Phật lại là đạo "thiền định", lấy định tính tâm thần làm hay hơn cả, nên cảm hóa người ta là êm đềm thấm thía, dần dần mà tới, lần lần mà vào, nhưng đã cảm đến nơi thời như mát mẻ trong lòng, khoan khoái trong trí như thoát ra ngoài chốn trần ai mà siêu thăng lên cõi cực lạc vậy. Nên đạo Phật không có làm cho người ta mê tín bao giờ, ai tin là tỉnh mà tin, sáng mà tin, đằm thắm êm đềm mà tin. Song đạo Phật không làm người ta mê tín, nhưng cũng không khiến được người ta vì đạo mà hy sinh mình đi như các tôn giáo khác, đó có lẽ cũng là một nhược điểm của Phật giáo vậy...

"Đến khuya khuya thì ngoài núi chim gõ mõ, trong chùa người tụng kinh, các bàn thờ Phật đèn nến sáng choang, hương hoa ngào ngạt, kẻ lễ người cầu, đứng chật mấy gian chùa rộng. Đi dạo một lượt khắp chùa, gian nào, buồng nào, thậm chí đến ngoài sân, đến đường đi, cũng chật ních người, kẻ đứng người ngồi, kẻ nằm ngang, người nằm dọc, không có chỗ nào mà lách chân được. Ăn nằm lấm lap, thật người mình coi rẻ cái thân thể quá, lấy rằng đi lễ được phúc đức, càng lầm thân bao nhiêu càng được phúc bấy nhiêu."

Cảm hứng nghệ thuật. Trên đây là nhận xét cảnh tượng tín ngưỡng của quần chúng, tuy ồn ào lộn xộn mà cũng có người quên hết chung quanh, biểu lộ một trình độ trầm tư yên lặng một mình riêng chiếm một cảnh giới siêu phàm để tự quên mình vào đấy. Đây là khoảnh khắc sống với thần linh vậy. Hiệu quả ấy tự đâu mà có được, phải chăng vì ân điển của thần phật đã ban cho, hay còn vì cái chi khác? Sở dĩ khách thập phương từ xa lặn lội đến đây không phải chỉ vì thần phật mà thôi, mà còn là vì cảnh đẹp danh tiếng của thiên nhiên. Một đặc trưng tôn giáo phương Đông là các nơi thờ cúng được phối hợp với cảnh thiên nhiên thành một hòa điệu phong phú hữu tình.

Sơn bất tại cao hữu tiên tắc danh

Thủy bất tại thâm hữu long tắc linh

Núi không vì cao có tiên thì danh tiếng

Nước không vì sâu có rồng thì linh thiêng.

Song chỉ giới trí thức văn nghệ sĩ mới ý thức được điểm ấy, còn dân chúng chỉ biết tin và sợ, hay cầu phúc cầu đức cụ thể, kéo thế giới thần tiên xuống khuôn khổ trần thế theo tầm ý tưởng của chúng. Trong con mắt của Phạm Quỳnh thì "phàm cảnh sơn nham không có đẹp ở trái núi hay ở viên đá, mà phần nhiều đẹp bởi cái khí sắc mỗi lúc tùy trời u ám hay trời sáng sủa, buổi chiều dương hay lúc tịch dương, mặt trời ánh sáng, sắc núi đậm phai mà mỗi lúc khác nhau. Bây giờ đã trở về chiều, mặt trời đã xế, đứng tận trong cùng động nhìn ra ngoài cửa động thật là một bức tranh tuyệt bút. Khói hương đưa ra cửa động mờ ám như đám sương mù, mặt trời phản chiếu, nửa đỏ nửa vàng, bóng cây phất phới như thấp như cao, đứng trong nhìn ra như trông qua một cái gương mờ. Bây giờ tưởng bước chân ra cửa động là tiện thị để mình vào nơi mộng cảnh nào, theo sương mù mà bay bổng lên mấy tầng mây, có lẽ đây chính là cõi Tây thiên Tĩnh thổ vậy".

Hoặc ở chỗ khác, cảnh thiên nhiên thiên hình vạn trạng biến ảo của động Hương Tích khiến cho

tác giả liên tưởng đến hội họa và thi văn Tàu.

"Đi đò chừng mất một giờ, phong cảnh thật là ngoạn mục. Hai bên núi đá, một dòng sông con chảy giữa, núi thâm thấp, nước quanh co, coi thực như một bức tranh sơn thuỷ của Tàu. Càng nhìn lại càng bái phục cái họa học của người Tàu, nhất là cái lối thuỷ mạc, thật là khéo vẽ những cảnh thiên nhiên, màu trời sắc nước, màu cỏ bóng cây mung lung phiêu diêu, như gần như xa, các nhà danh họa Tàu thật là có tài diễn xuất được cái thi vị phảng phất trong cảnh vật như mang cái tinh thần người ta vào trong cõi mộng tuyệt trần. Ngồi trong cái đò lênh đênh ở giữa khoảng non nướcnày, tưởng như đứng trước một bức tranh Thạch tiêu cực lớn; mà lắm khi đứng ngắm lâu một bức tranh sơn thuỷ lại tưởng tượng như mình thiết thân ở giữa cái cảnh non nước này: học thuật mà đã đến được bực ấy, đến bậc biến thực ra mộng, mộng ra thực khiến trong trí người ta mơ màng không biết mộng hay là thực, thực hay là mộng, thời thật là tuyệt diệu vậy. Người Tàu đã có cái họa học như lối tranh thuỷ mạc, lại có cái thi học như lối thơ Đường thi, đứng trước nơi phong cảnh hữu tình, ngâm lên một vài câu tuyệt diệu, thật không có cái thuật gì làm cho tinh thần người ta tự nhiên mà bay bổng lên cõi tuyệt trần nhẹ nhàng vô cùng êm ái ví cũng như nước chảy mây trôi. Núi cao quá thường làm cho người ta rợn, sông rộng quá thường làm cho người ta ghê, mà non kia nước này thật là vừa bằng cái sức người tưởng tượng nên coi ra rất là mỹ miều khả ái. Mỗi dãy mỗi trái đều có tên riêng, tuỳ hình mà đặt; đây là con Vân dương ăn cỏ, trông cũng phảng phất như hình con voi chúc vòi xuống ruộng lúa, bên đầu lại có chỗ cong như hình cái tai, mới nhìn không ai nhận mà đã có người gọi tên lên rồi, thì càng nhìn càng thấy hệt như con voi, mới biết danh hiệu thật là có ảnh hưởng đến sự tưởng tượng nhiều lắm vậy; lại kia là núi Mâm xôi con Gà, trông cũng mường tượng như con gà đặt trên mâm xôi thật. Ôi! Cái trí biến hóa của người ta thật là vô cùng vậy."

Từ cảnh thiên nhiên nghệ thuật hóa là tinh thần văn nghệ hay thẩm mỹ học truyền thống Á Đông, động Hương Tích còn đưa đến đời sống tín ngưỡng vào tình thương yêu vô hạn hoạt bát của Phật Bà Quan Âm như tác giả đã khách quan mà quan sát thấy:

Lòng tín ngưỡng **-** "Giữa trưa thì cả đoàn trẩy vào chùa Trong tức là vào động. Có đem theo mấy bộ đăng sơn để phòng chỗ nào mỏi chân thời lên cho đỡ mệt. Nhưng bọn mình xem ra ai cũng có cái "lòng tôn giáo" cả, nên ai cũng đủ sức nhẫn nại mà chịu chân chồn gối mỏi, miệng khát, cật uốn, trong ngót hai giờ đồng hồ, không cần phải dùng đến đăng sơn mấy. Kể đi như vậy đương giữa trưa cũng mệt thật, không phải rằng đường đi có khó khăn nguy hiểm gì, nhưng lắm chỗ dốc quá cứ trèo ngược mãi lên, mỗi bước chân phải nâng cả ngót năm chục cân nặng thân thể mình lên, nên mỏi quá, nhọc quá. Người nào phì mập đến bảy tám mươi cân mà cứ trèo như vậy luôn trong hai giờ không nghỉ, trên trời thời nắng chang chang tưởng đến đứt hơi ra được...

"Có lần bà cụ đã già mà đi son són như ta đi ngoài đường phố, không ra dáng mệt nhọc gì, tin rằng đi việc lễ bái phúc đức thời Phật phù hộ cho, coi đó đủ biết cái lòng tín ngưỡng mạnh là dường nào. Không gì cảm động bằng chợt đến khúc đường vắng khuất núi cao, trông thấy bà lão tay lần tràng hạt, tay cầm gậy tre, chân đi bước một, miệng đọc Nam mô, tiếng vang động bên sườn núi, dưới gốc cây, nghe ai oán vô cùng, tưởng như tiếng tự trong thâm tâm mà ra, kêu được hết cái nỗi khổ của loài người. Đến những chỗ ấy Trần Quân (Trần Trọng Kim) coi nét mặt rầu rầu, giọng nói bùi ngùi mà rằng: "Không biết sao, mỗi lần tôi nghe tiếng kêu cầu ai oán mà cái lòng thương nhân loại nó lai láng vô cùng. Loài người ta thật là đau khổ quá. Nếu không cực khổ thời sao có những tiếng kêu não nùng như vậy. Biết rằng kếu với ai và có ai nghe hay không? Nhưng những lúc khổ cực tưởng giá có người bảo cứ đập đầu vào trước hòn đá kia là bớt được sự khổ não trong lòng, thời cũng nhiều người đập đầu mà kêu khóc được. Cái khổ ở đời thật là vô hạn, mỗi lần nghĩ đến mà tôi thương người ta không biết thế nào mà nói.

"Ôi! Chính cái lòng thương người đó nó là nguồn gốc của mọi tôn giáo ở đời. Cũng chỉ vì cái lòng thương xót người đời đau khổ, thương ngừơi đến vô cùng vô hạn mà những bậc giáo chủ như Phật tổ, như Giatô, mới kiệt tinh cũng chịu khổ chịu nhục để tìm cho người ta con đường giải thoát. Bởi thế nên đạo nào cũng đáng tôn, nhất là những đạo lấy lòng từ bi bác ái mà cảm hóa người đời. Trần Quân xưa nay vẫn ham đạo Phật, lấy cái triết lý Phật giáo làm thâm cao, lại vốn mang cái chủ nghĩa yếm thế nên vào đến chốn này, cảm cái khí vị từ bi nó phảng phất trong cõi sơn nham này mà tự nhiên lòng thương lai láng, nói ra những lời bi đát như vậy."

Trở lên là hai trạng thái sinh hoạt cộng đồng về tình cảm và về tín ngưỡng tập thể bình dân đặc biệt của xã hội nông nghiệp Á Đông, như còn phô diễn ra trước mắt các nhà quan sát ngoại quốc cách đây mấy chục năm về trước. Nay hãy đi sâu vào trong tâm hồn nông dân để tìm những cảm nghĩ của họ qua thần thoại truyện cổ và tục ngữ phong dao.

CỐ GIÁO SƯ NGUYỄN ĐĂNG THỤC



Thơ

RẤT NHỚ QUÊ NHÀ KHI TẾT ĐẾN

LÃ THỊ HIỀN

Đi đâu vẫn nhớ quê nhà
Cua đồng, rau muống, tương cà,muối dưa
Bờ tre xanh mát gió lùa
Trưa hè bé ngủ võng đưa êm đềm
Loang chiều chuông đổ tầng trên
Mâm chiều úp tím trăng lên lững lờ
Dạt dào sóng vỗ yêu bờ
Thuyền chài dụ cá tỏ mờ đèn xa
Diều lên cho sáo ngân nga
Vi vu thương nhớ thiết tha gọi làng
Hoàng hôn nắng trốn trăng vàng
Trâu bò no cỏ rộn ràng về thôn
Ngày mùa ngõ ngập rạ rơm
Chả rươi ngào ngạt cốm thơm tháng mười
Lợn gào gói bánh chưng thôi
Em đi chợ tết nói cười giòn tan
Bãi đu nhộn nhịp giữa làng
Trai thanh ,gái tú mơ màng bổng bay
Thị Mầu yêu đến ngất ngây
Tội yêu bị phạt tối nay ngoài đình
Gốc đa, bến nước quê mình
Ngàn đời lồng bóng tự tình lứa đôi
Mặc cho các cụ lắm lời
Che trăng vườn chuối đất trời ngả nghiêng
Nét xưa đang mất dần duyên
Cầu sang sải nhịp bỏ quên bến đò

LÃ THỊ HIỀN



NHỮNG NIỀM VUI TRONG HỘI LIM

VŨ KIÊM NINH

Năm 1997, tỉnh Bắc Ninh tái lập, hội Lim được mở lại đúng ngày 13 tháng Giêng nên mọi nơi kéo nhau về dự hội đông lắm. Đường đi xứ Bắc vẫn còn sương ẩm đầu năm, người đi chìm trong sương, và cảnh vật bên đường cũng chìm trong sương .

Phố Vân Tương trên đường 1A , nơi có làng Lũng Giang, có đám rước thần đi tới hội Lim và xa xa trên một ngọn đồi thấp, hàng ngàn người đã đến. Họ đi từ đâu, họ đến từ đâu nào ai được biết, nhưng cứ nhìn cái vẻ mặt vui tươi thành kính của họ khi bước đến chùa Lim ta hiểu Hội Lim đó đi vào lũng người từ bao đời trước.

Đoàn người hành lễ, rẽ qua khu sân khấu, ở đó, Sở Văn hóa tỉnh Bắc Ninh đang tổ chức một cuộc thi hát dân ca quan họ

Đám rước từ Lũng Giang đang chầm chậm đi trên đường phố. Mặc cho những vướng mắc cản trở, năm nay đình Lim xây lại, đám rước Thánh Bà tưng bừng đông vui Những ông tổng cờ, tổng trống ăn mặc cổ trang , như một võ tướng đánh trống, khua chiêng vang vang trên phố.

Như một phép mầu, cả một khu đất nền đình cũ từng bị san ủi làm nơi xây Hợp tác xã mua bán, nay chỉ một sớm mai dân đến dọn sạch để xây nên ngôi đình, tuy nét cổ kính không còn , nhưng cứ nhìn cái đình to đẹp ấy, mọi người đều thấy vui vui.

Hội Lim thế là đã mở lại sau nhiều năm "đắp chiếu im lìm" làm vui lòng biết bao người. Trong cái vui chung ấy, tôi gặp ông Nguyễn Hữu Huệ ,một ngơời dân Lũng Lim đã nhiều năm kiên trì gìn giữ hội Lim. Bây giờ xuân về hội mở, trong niềm vui chung, ông kể cho tôi nghe một số nét về Hội Lim .

Chuyện kể rằng hội Lim là một hội lệ của vùng quê Kinh Bắc, mỗi lần đến tháng giêng người khắp nơi lại nô nức kéo về xem hội và nghe hát quan họ. Trong khung cảnh mùa xuân, nơi nơi đều có hội mà Hội Lim sức quyến rũ bởi những câu hát quan họ trữ tình , đằm thắm , với cách ví

von nói cảnh sinh tình đã làm du khách đi dự hội mê mải. Ai đó một lần đến Hội Lim khi chia tay ra về, làm sao mà không bâng khuâng nhớ nhung vì câu hát "người ơi người ở đừng về "

Cuối năm nào cũng vậy, từ tháng Chạp tại các làng trong tổng Nội Duệ rộn rịp sửa lễ đi dự Hội.

Vui Tết xong, từ ngày 7 tháng Giêng các làng mời mọi người ra đình bàn việc. Trong buổi họp đó, làng sẽ cắt cử các ông làm cai đám , tổng cờ, tổng trống, tổng chiêng, cắt cử các trai làng vào các chân khiêng kiệu , cầm cờ, dắt ngựa ...

Tục lệ làng trong ngày hội có dâng cỗ Thánh, đó là lễ quan hèm cỗ chay gồm kẹo vừng, chè kho, mứt nộm , người nào đến vai làm Cai Đám cũng phải chuẩn bị hàng trăm cái kẹo vừng , mỗi cái to như bát cơm để sau khi giã đám có quà biếu hàng giáp mỗi ngời mỗi cái. Ngoài lễ dâng của ông Hội, các gia đình cũng làm kẹo vừng, chè kho để con gái đội theo đám rước dâng cúng Vua Bà,

Tục lệ làng Lim cho phép các em gái từ 13 tuổi nếu có thanh có sắc sẽ được các liền chị thưa với gia đình xin cho phép đi "ngủ bạn". Đi ngủ bạn nghĩa là các cô gái đó hằng đêm ở bên liền chị, được các liền chị rèn cập cho đến năm 18 tuổi đã vững giọng hát, mới được các liền chị cho phép theo đi hội hát với quan họ làng khác. Lệ làng còn truyền đến bây giờ không cho phép các liền anh - liền chị cùng làng được hát đối với nhau, không cho phép các liền anh- liền chị hai làng đã kết nghĩa được kết hôn với nhau

Mùa xuân đến, trai gái làng này gập trai gái làng kia tỏ tình với nhau qua lời hát, uốn lời trao duyên trong ngày hội để rồi lại chia tay "người về con nhện giăng mùng" họ dặn nhau "xa em xin chớ đứng ngồi với ai". Bởi cái nỗi ai oán đó mà nhiều người khách đi dự hội Lim cảm thấy diễn viên đang hát hộ lòng mình nên hội đông khách vì lẽ đó

Ngày xưa , hội Lim không những có tế thần, rước sách và hát quan họ vào ngày đầu xuân, mà hội còn có nhiều trò chơi khác như nam nữ đánh đu, đấu vật, đánh cờ người và chọi gà, nhưng đặc sắc là thi tài dệt vải giữa các giáp, các làng với nhau

Đã có nhiều năm hội Lim tổ chức thi dệt vải, một nghề truyền thống của làng. Người ta thường nói "gái Nội duệ cầu Lim" cũng là nói đến sự đảm đang tinh xảo của các cô gái thợ dệt làng Lim.. Các cô gái làng từ tấm bé đến lớn đã quen với công việc quay tơ đánh ống, giăng mắc sợi ngang sợi dọc để rồi ngồi lên ghế ,đêm ngày chăm chỉ đưa thoi

Thi dệt vải tổ chức tại Đình Hàng Vải, ai muốn dự thi thì ghi tên và tự mang khung cửi của gia đình đặt tại nơi quy định. Các khung cửi dự thi đặt song song cách đều nhau, người dự thi và gia đình phải chuẩn bị xong mọi công việc ngay từ ở nhà mình, sao cho khi đến hội người dự thi chỉ việc ngồi trên khung cửi chờ hiệu lệnh là bắt đầu dệt

Người chấm thi là các bà các mẹ giỏi nghề canh cửi , đã từng đoạt giải thi dệt nhiều năm, vừa quan sát theo dõi các cô thợ thao tác, vừa chấm điểm, ghi lỗi nếu ai đó mắc phải.

Các cô gái dự thi dệt vải đều là những cô gái thanh tân, xinh đẹp , thạo nghề canh cửi, phần lớn họ là những "liền chị" đã đi hát quan họ khắp nơi. Tuy dày dạn trận mạc như vậy, thế mà khi ngồi trên ghế đợi hiệu lệnh thi, họ cũng hồi hộp lắm. có người tỏ ra lúng túng vì trong đình lúc này đã đông đủ các ông bà trong làng đến xem thi dệt vải. các cô phân tán tơ tưởng, có người luống cuống đánh rơi thoi hay làm đứt sợi, thế là bị loại ngay ra khỏi cuộc thi.

Trong bài thơ tả cảnh dệt vải, nữ thi sĩ Hồ Xuân Hương đã viết :

Thắp ngọn đèn lên thấy trắng phau
Con cò mấp máy suốt đêm thâu
Hai chân đạp xuống năng năng nhấc
Một suốt đâm ngang thich thích mau
.....

Cái miếng gỗ đẽo hình con cò nếu ở nhà được buộc chặt vào xà nhà, trong cuộc thi tài này, con cò buộc trên đỉnh khung giữ vai trò rất quan trọng cộng với việc kê khung sao cho cân bằng, bởi vậy "con cò" mang tính chất quyết định giữ cho mặt vải phẳng, hai bên mép căng đều. Đây là công việc quan trọng của người con gái đi thi nên nhiều cô được mẹ truyền dạy mọi bí quyết trong

nghề, nên ít có trường hợp rơi thoi, đứt sợi

Tuy cuộc thi dệt không phải là cuộc chơi quan họ, nhưng các cô gái vừa dệt vừa hát một mình. Tiếng hát véo von của các cô, tự làm yên lòng thí sinh trong khi thao tác . Các cô gái dự thi đã hát những bài như "ngồi tựa mạn thuyền" "ngồi tựa song đào", 'con nhện giăng mùng"....Người dự Hội Thi dệt vải vừa lắng nghe lời hát, vừa ngắm từng khuôn mặt ửng hồng lấm tấm mồ hôi, nghe tiếng thoi reo lách cách đều đều trong không gian ngôi đình Hội Thi thấy đầm ấm lắm.

Thời gian thi không hạn chế, nhưng ai làm ra sản phẩm trước đều được ưu tiên tính điểm, số vải phải dệt chừng 1,5m (1 tay vải) có mặt vải mịn, mép vải nhẵn đẹp là được giải nhất

Giải thưởng cuộc thi chỉ là vuông nhiễu đỏ hay tấm khăn đào, nhưng nó vô cùng quý giá đối vời người dự thi, Giải thưởng ấy đánh giá tay nghề cô thợ, (như chúng ta ngày nay gọi là có "thương hiệu")

Với gia đình, giải thưởng được gìn giữ lưu truyền nhiều năm có tác dụng trong việc nêu gương , rèn luyện lớp con cháu trong nhà.. Năm 1937, trong cuộc thi dệt vải tại Hội Lim có cô Niêm, cô Dung là người đoạt giải nhất. Cuộc thi dệt vải trong hội Lim duy trì đến năm 1957 thì tạm dừng, nhưng người làng không ai quên năm đó cô Mơ, cô Phin đã là những người đoạt giải.

Mấy chục năm đã qua, người làng vẫn kể mãi chuyện "thi dệt vải năm xưa" và các cô thợ đoạt giải nhất, giải nhì, tuy đã lên cụ, lên bà nhưng ngơời làng còn kính trọng lắm

Thi dệt vaỉ là hình thức trình bày, biểu diễn tay nghề của các cô gái làng Lim. Hình thức thi vừa lao động vừa ca hát phản ánh một sinh hoạt văn hóa lành mạnh của người lao động. Đây cũng là cuộc thi độc đáo của vùng nghề, vùng quan họ Kinh Bắc

Đêm ấy chúng tôi ở lại thung Lũng Lim, Từ sơn Bắc Ninh để cùng dân làng vui một canh quan họ Trong ngôi nhà ngói năm gian cổ kính, quan họ bên Nam, bên Nữ đã chia, khách ngồi yên lặng nghe các diễn viên quan họ làng Lũng Lim hát mà không cần sự trợ giúp của micrô điện tử, lúc đó mới thấy tiếng hát "ấm làm sao", và cũng thật là "mê mẩn tâm hồn".

Bà cụ Cai đám bảo với khách :

- Các bác có bài thơ, bài ca nào cần hát , xin đưa chúng tôi để phân vai người trợ giúp

Như thế thì tuyệt quá, trong đoàn khách chúng tôi ,đa số mang tâm hồn thi sĩ nên nhiều người đã có chùm thơ lục bát đưa cho liền anh liền chị tìm giọng cho bài Có lời thơ ca ngợi, nhưng cũng có lời thơ tỏ tình :

Làng cho quan họ giao duyên
Không cho quan họ kết nên vợ chồng
Để cho nay ngó mai trông
Để cho ra ngõ mà mong thế này
Tôi từ Hà Nội lên đây
Xin hỏi lệ này có buộc vào tôi
Mà sao trầu chẳng thắm môi
Mà sao câu hát của tôi dở chừng .

Nghe tới đây, bà cụ Cai Đám cười hiền từ bảo :

- Lệ làng đã có, các bác ở đâu đến cũng phải theo thôi!!!..

Sự giao lưu kéo dài, chủ và khách quên cả đêm đã sang canh, Mỗi người đều cảm thấy cái "tình thật của lời ca quan họ" và lưu luyến mãi . Cho đến khi các liền chị hát : "Giã bạn" thì gà đã gáy sớm.

Một Canh Hội Lim đã đi qua lòng người, để lại biết bao thương nhớ . Hội Lim như vậy đi sâu vào lòng người, và đến nay đã chính thức được UNESSCO vinh danh.

VŨ KIÊM NINH



ĐÔI ĐIỀU VỀ CHIẾC BÁNH CHƯNG NGÀY TẾT

TRIỆU VĂN ĐỒI

Trong văn hoá tâm linh, văn hoá ẩm thực của người Việt Nam có nhiều loại nghi lễ, sản vật, đồ cúng tế cho đến nay chỉ còn lại trong truyền thuyết, trong ca dao tục ngữ ... Cùng với thời gian và những đổi thay của thời thế chỉ còn sót lại trong tiềm thức, trong nỗi hoài niệm của dân tộc. Thế cũng là điều may mắn cho hậu thế bởi nó đã được lưu giữ và chuyển hoá từ thế hệ này sang thế hệ khác, từ văn hoá vật thể sang văn hoá phi vật thể .

Bánh chưng .

May thay không rơi vào những trường hợp nói trên. Bánh chưng là một sản vật xuất hiện từ trước thời văn minh lúa nước của người Việt (Bởi lúa nương là loại cây lương thực đã được người Việt cổ gieo trồng trước khi tìm ra và phát triển kỹ nghệ canh tác lúa nước. Dĩ nhiên khi con người đạt đến trình độ tìm cho mình một loại cây trong nhóm các cây ngũ cốc thì việc chế biến các sản phẩm cũng đồng thời xuất hiện), và cho đến nay cũng như mãi mãi về sau, bánh chưng luôn có sự hiện diện trong đời sống văn hoá ẩm thực và văn hoá tâm linh của người Việt Nam. Có thể nói bánh chưng là một sản vật vừa có sức trường tồn mà lại rất gần gũi với đời sống thường nhật của người Việt Nam trong cả hai lĩnh vực: Văn hoá ẩm thực và văn hoá tâm linh. Phong bánh chưng ngày Tết được bày trên mâm cúng ông bà, ông vải là một mỹ tục, được truyền lại từ thời các Vua Hùng trong truyền thuyết Lang Liêu, một trong những người con của Vua Hùng đã dùng lúa nếp làm nên những chiếc bánh chưng, bánh dầy thay cho các thứ sơn hào, hải vị dâng tiến vua cha. Có lẽ cũng từ đó mới xuất hiện hai từ "ngọc thực". Nó là biểu trưng cho lòng thành kính đến mộc mạc của con cháu đối với cha mẹ, ông bà, tổ tiên mà không có thứ ngọc nào sánh nổi. Nó là thứ "ngọc" (Được hiểu rộng cho các loại ngũ cốc trong đó có lúa gạo) đã nuôi sống con người, nuôi sống dân tộc từ thuở hồng hoang của lịch sử cho tới muôn sau.
Trong những ngày tết Nguyên Đán, không có gia đình Việt Nam nào lại thiếu vắng những chiếc bánh chưng xanh trên bàn thờ, trên mâm cúng ông bà, ông vải. Bánh chưng có thể được tự làm ra từ khi gieo hạt, trồng cấy, thu hái, xay giã, gói luộc đối với người nông dân ở miền xuôi, miền ngược, miền Bắc, miền Nam. Và, bánh chưng cũng có thể được mua như mua các loại hàng hoá khác đối với những người dân các vùng đô thị trong nước và ở nước ngoài. Chiếc bánh chưng ngày tết dù tự túc, tự sản hay được mua bán như những thứ hàng hoá khác nhưng đều có chung một điểm: Đó là sản vật không thể thiếu để dâng cúng lên cha mẹ, ông bà, tổ tiên trong ngày Tết. Một nét đẹp lâu đời nhất, truyền thống nhất trong văn hoá tâm linh của người Việt Nam.
Ngày nay, trong sản xuất nông nghiệp với xu thế chuyển đổi nông sản thành hàng hoá, việc trồng cấy đại trà và tạo ra những vùng nguyên liệu chuyên canh là một xu thế tất yếu. Tuy vậy, vẫn còn không ít những gia đình nông dân vẫn còn lưu giữ một tập quán lâu đời: Đó là việc dành riêng một một khoảnh, một thửa đất (Kể cả thời HTX, ruộng đất tập trung thì đã có đất 5%) để trồng cấy các giống nếp quý, chỉ dùng cho việc cúng lễ hay những ngày trọng trong năm. Từ việc chọn giống như giống nếp cái hoa vàng, giống nếp hương ..., lúa gặt về được nhặt từng bông, lựa những bông có hạt chắc, mẩy đều rồi buộc thành từng túm nhỏ treo trên sào cốt tránh lẫn các loại lúa khác. Đến mùa gieo mạ mới đem xuống dùng đĩa xứ, hoặc vỏ con trai cạo từng túm chứ không đập. Quá trình chăm sóc luôn giữ đủ nước, vừa phân và xa các khu ruộng trồng các loại lúa tẻ để tránh lai tạp. Khi gặt về cũng lựa từng bông và bảo quản bằng các túm nhỏ trên sào tre.

Giáp tết hay những ngày trọng mới đem suột và xay giã làm gạo để gói bánh chưng hoặc đồ xôi. Những việc làm cẩn thận, cầu kỳ đến tỉ mẩn này không chỉ thể hiện sự "sành ăn" vì giống nếp quý lại không lẫn tẻ, không bị lai tạp nên khi gói luộc, bánh chưng sẽ dẻo, rền và thơm hương nếp cùng lá dong xanh mà còn thể hiện sự tôn kính đối với các thế hệ tiền nhân. Nhớ lại cái tết Mậu Thân, trước tổng tiến công các má, các chị đã ngày đêm gói rất nhiều đòn bánh tét cho bộ đội ăn tết trước và đem theo làm lương ăn trong những ngày Tết đánh giặc. Hình ảnh anh bộ đội giải phóng với vành mũ tai bèo, bên hông cột gọn gàng gói bộc phá với một đòn bánh tét mãi mãi là bức phù điêu của những mùa xuân đại thắng của dân tộc Việt Nam. Trước đó hơn hai trăm năm (Bính Ngọ – 1786), bánh chưng (bánh tét) cũng theo bước chân thần tốc của đoàn quân của người anh hùng áo vải Tây Sơn - Nguyễn Huệ phò Lê diệt Trịnh. Bánh chưng theo suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Bánh chưng có mặt trong mọi hoạt động xã hội, tín ngưỡng. Bánh chưng làm dẻo mềm hơn câu ca dao, gắn kết quá khứ với hiện tại và trong xu thế hội nhập, bánh chưng Việt Nam trong những ngày tết cổ truyền của dân tộc lại có mặt trên khắp năm châu. Bánh chưng Việt Nam trong vai trò sứ giả, mang thông điệp của một Việt Nam đổi mới, mong muốn hoà bình, hợp tác, hữu nghị với thế giới, cùng hướng tới tương lai ... Tìm hiểu về bánh chưng và những quan niệm triết học xung quanh những truyền thuyết về bánh chưng Việt Nam trong ngày Tết chính là để hiểu sâu sắc thêm những giá trị văn hoá, giá trị nhân văn của tổ tiên qua bao đời truyền lại .

Lâu nay trong các văn bản, các sách (đặc biệt là các sách phục vụ việc giảng dạy trong các nhà trường) khi nói về sự tích bánh chưng (Hình vuông) và bánh dầy (Hình tròn) của Lang Liêu là tượng trưng cho trời tròn, đất vuông. Truyền thuyết này cho thấy: Từ thời các Vua Hùng, người Việt cổ đã biết trồng lúa (Lúa nương rồi sau này là lúa nước) và người Việt cổ đã biết chế biến các nông phẩm trong sinh hoạt hàng ngày và trong việc tế lễ . Để gắn kết sự phát triển kỹ nghệ trồng lúa và chế biến nông sản (Phát triển sản xuất) với phát triển văn hoá tâm linh ***chúng ta*** (Tôi xin nhấn mạnh hai chữ ***chúng ta***) đã đưa ra một quan niệm triết học về thế giới tâm linh của người Việt cổ rằng : Bánh dầy (Hình tròn) là tượng trưng cho trời tròn và bánh chưng (Hình vuông) là tượng trưng cho đất vuông . Điều này có vẻ lô gíc về quan niệm của con người thời tiền sử trước sức mạnh siêu nhiên, huyền bí của thiên nhiên như sấm chớp, nắng mưa, bão lũ cùng trời, đất, giăng, sao ...

Nhưng ngược lại, cũng dễ nhận thấy ở cái thời Lang Liêu, người Việt cổ chưa đủ phát triển tư duy về toán học để có thể định dạng hay nhận diện các khối hình học có góc cạnh, ví như khối hình hộp chữ nhật 6 mặt và 8 góc như chiếc bánh chưng vuông bây giờ, mà họ chỉ biết vò, nặn, túm một chiếc bánh chưng không hẳn là một hình vuông hay hình trụ tròn, nó có thể ô van, có thể một đầu to đầu nhỏ, chiếc ngắn, chiếc dài thì gỉa thuyết về quan niệm bánh chưng vuông tượng trưng cho đất vuông sẽ thiếu cơ sở khoa học. Nó là cách suy diễn, giả thuyết của những con người sau hàng nghìn năm tiến hoá, với đầy đủ chỉ số thông minh và sự khéo léo – Những người đó là ***chúng ta.*** (và trong chúng ta bây giờ, với chỉ số thông minh và sự khéo léo hiện có hẳn nhiều người nếu cho tự mình gói một chiếc bánh chưng vuông thì cái sản phẩm ấy cũng chưa chắc hơn gì người tiền sử thời Lang Liêu). Mặt khác, trong cách gói bánh chưng ngày Tết hiện nay vẫn tồn tại một kiểu bánh tày ở miến Bắc và bánh tét ở miền Nam (Hình trụ tròn) . Vậy thì bánh chưng vuông hay bánh "tày" có trước (?) .

Được biết ở nhiều vùng nông thôn, kể cả miền xuôi và miền núi bánh chưng gói kiểu "tày" hiện nay vẫn được duy trì và chiếm số lượng nhiều hơn . Ai cũng biết ở những nơi chậm phát triển, ít chịu ảnh hưởng của sự giao thoa văn hoá là những nơi còn giữ được nhiều nhất những phong tục, tạp quán cổ. Mặt khác, khi nền kinh tế phát triển, nhu cầu hình thức, thẩm mỹ trong việc chế biến, bài trí đồ lễ, đồ ăn cùng dần được hoàn mỹ hơn. Tôi cho rằng bánh chưng vuông là sản phẩm của văn hoá đô hội, đô thị. Nó là hậu duệ của chiếc bánh chưng tày ở miền Bắc và bánh tét ở miền Nam.

Từ cách nhìn này, chúng ta dễ nghiêng hơn về cách xắp xếp thời gian ra đời của hai loại bánh chưng vuông và bánh chưng tày.

Nếu đúng như vậy thì quan niệm về bánh dầy, bánh chưng vuông tượng trưng cho trời tròn, đất vuông của chúng ta sẽ là một giả thuyết chưa đủ cơ sở, khó thuyết phục. Mặt khác, có một thời mà chúng ta "nệ" đủ thứ, không giám nhìn thẳng và sự thật lịch sử, luôn né tránh những gì chúng ta cho rằng dung tục mà quên mất rằng: ***Lịch sử phát triển con người không chỉ dân tộc Việt Nam mà toàn nhân loại đều đã đi qua giai đoạn quần hôn – Mẫu hệ (Tục thờ Mẫu là một minh chứng cụ thể)*** . Bởi thế nên ***chúng ta*** mới đưa ra quan niệm "Trời tròn, đất vuông" để dung hoà và cũng để cho phù hợp với quan điểm thẩm mỹ thời bấy giờ.
Theo ý kiến của cố giáo sư Trần Quốc Vượng thì trong truyền thuyết Lang Liêu, những sản vật dâng tiến phải là bánh dầy (âm) và bánh chưng tày (dương) . Hai loại sản vật này không theo quan niệm tượng trưng cho trời tròn đất vuông mà theo một quan niệm phồn thực . Quan niệm này có luận cứ khoa học hơn bởi con người tiền sử thật quá bé nhỏ trước thiên nhiên huyền bí . Việc sinh mười chết chín, chỉ còn một lại phải chống trọi với thiên nhiên nghiệt ngã thì sự phồn thực chính là cứu tinh cho con người thời bấy giờ khỏi hoạ diệt vong .
Tuy nhiên, ý kiến của cố giáo sư Trần Quốc Vượng không phải đã được nhiều học giả, nhiều người ủng hộ. Có vẻ như chúng ta khi nói về sự phồn thực trong cái nhìn về truyền thuyết lịch sử dân tộc lại sợ làm méo mó lịch sử, sợ sẽ bị xa vào dung tục hay bị quy chụp theo trường phái hiện sinh chủ nghĩa.

Ngày nay chúng ta coi sinh đẻ có kế hoạch, sức khoẻ sinh sản là chiến lược để cải thiện nòi giống thì tại sao tổ tiên chúng ta lại không coi sự phồn thực như một sự cứu rỗi cho con Lạc cháu Hồng?
Ngày tết, ăn một đồng bánh chưng sau khi cúng lễ tổ tiên, ông bà, cha mẹ, dư vị thời gian, không gian huyền thoại của lịch sử như cùng quy tụ trong màu xanh của bánh, mùi thơm thảo của hạt nếp tiền nhân để cùng suy ngẫm về ý nghĩa triết học và giá trị nhân văn của các truyền thuyết, các sự tích về bánh chưng của người Việt. Đó cũng là một cách di dưỡng tinh thần, làm giàu thêm bản sắc văn hoá tâm linh và văn hoá ẩm thực Việt Nam.

TRIỀU VĂN ĐỔI



Sắc Xuân tranh của họa sĩ Vũ Bạch Hoa



Ý NGHĨA
CỦA VIỆC CHÚC TẾT

TRÚC LINH LAN

Chúc Tết là một tập tục tốt đẹp trong truyền thống người Việt. Ở nhà con cái chúc ông bà, cha mẹ; giao thừa thắp nhang chúc Tết những người đã khuất được thờ cúng trong gia đình. Từ ngày xưa đã có lễ chúc Tết của văn võ bá quan lên nhà vua, nơi làng quê trước kia vào ngày mồng một còn có tục chúc tết lẫn nhau. Ngày Tết gặp nhau thường chúc nhiều việc tốt lành, có nhiều cách chúc Tết rất hay.

1,Tự chúc cho gia đình mình:

Tết đến, nhà nào cũng lo sắm sửa chưng bày mâm ngũ quả, ẩn chứa lời chúc cho gia đình mình trong dịp đầu năm. Thường thấy trên mâm ngũ quả có mãng cầu, đu đủ, xòai, dừa, thơm (khóm)…Ý chúc năm mới sung túc. đủ ăn, đủ xài, mọi việc như ý. Ngòai ra, người ta còn mua giấy hồng điều có viết chữ Phúc, Cát, Thọ…dán lên cặp dưa hấu trên bàn thờ để chúc gia đạo cát lợi.

***2.Mừng tuổi*:**

Xuân đến ai ai không biết :

"Thiên tăng tuế nguyệt nhân tăng thọ.

Xuân mãn càn khôn phúc mãn đường"

Trời thêm năm tháng người thêm tuổi.

xuân khắp trần gian phúc khắp nhà.

Vì vậy chúc mừng tuổi, Con cháu chúc ông bà cha mẹ sống lâu trăm tuổi, cha mẹ ông bà chúc con cháu khỏe mạnh học hành giỏi dang…Người người chúc nhau "Ngũ phúc lâm môn" Năm điều phúc đến nhà; Ngũ phúc gồm : Phú, Quý, Thọ, Khang, Ninh (Sống lâu, giàu có, an ổn, thanh bình) hoặc thăng quan tiến chức. tốt tài sai lộc. an khang thịnh vượng, vân sự như ý, tấn tài tấn lộc tấn bình an.

***3.Chúc Tết bằng tranh*:** Ngày nay người ta cũng thích chơi tranh , treo tranh trong nhà.Tăng tranh cũng là một tục hay mang nét đẹp thẩm mỹ trong dịp tết. Vì vậy có người gởi tặng nhau tranh thay cho lời chúc đầu năm.

+Chúc người già: Tặng tranh vẽ cụ già cầm trái đào với bốn chữ "Đào hiến thiên xuân" (Đào tặng ngàn tuổi), hay tranh vẽ con hạc trái đào hoặc tranh có chữ "Phúc như Đông hải, thọ tỉ Nam sơn" (Phúc lớn như biển Đông, sống lâu như núi Nam)

+Chúc gia đình hiếm muộn con cái: Một bức tranh cụ già cầm trái lựu bóc vỏ phô hạt với bốn chữ"Lựu khai bách tử" (con cháu đầy đàn), vui mắt hơn là bức tranh vẽ lợn gà với đàn con

lúc nhúc.

+Chúc công danh phú quý, thi đậu đỗ đạt: Tặng tranh vẽ quyển sách và con cá với hàm ý "cá hóa rồng", "cá vượt vũ môn".

+Tranh Phúc-Lộc-Thọ: Tranh vẻ con nai (lộc), em bé mang trái đào (thọ), có con dơi bên cạnh (phúc), vẽ năm con dơi là chúc ngũ phúc.

+Tranh vẽ hoa cúc: Là chúc bình an lâu dài, vẽ chùm vải chúc được lợi, vẽ con cá là chúc dư dả, dồi dào. Vẽ cây trúc với cành mai ngụ ý hạnh phúc, may mắn, gắn bó. Mừng người già thất tuần tặng tranh con bướm, mừng bát tuần tặng tranh con mèo.

Ngày nay chơi tranh đòi hỏi tốn kém không ít. Nhân dịp đầu xuân, bạn có thể tìm ý nghĩa trên các quyển lịch để tặng. Lịch ngày nay cũng phong phú đa dạng, in hoa, cảnh, thư pháp…Ngày xuân tặng lịch cũng là câu chúc vinh hoa phú quý đó thôi. Ta hãy cùng bạn bè trà thơm một chén xuất thần ý thơ.

TRÚC LINH LAN



Thơ

NHẢ MỰC MÙA XUÂN

DUNG THI VÂN

Kim ngân ở bến trọc ô
Hoàng kim em gởi con đò neo lân
Oái oăm cái rét nàng Bân
Em không đan áo mấy lần đông trôi
Thuyền em thả bến sông vôi
Gởi trăng gởi gió gởi người địa thai
Thương em này phải trúc mai
Nhân đi nhân lại vỡ hài nguyệt thiên
Kìa em loài nhện vô miên
Tơ giăng khắp chốn mọi miền hoang thương
Thân em gội nắng loang đường
Này em con chữ tỏ tường thế quân

Bút kia nhả mực mùa xuân!...

DUNG THỊ VÂN



NGÀY XUÂN MUA VUI VỚI TRUYỆN KIỀU

LÊ THƯƠNG

Đoạn Trường Tân Thanh tức Truyện Kiều của thi hào Nguyễn Du là một áng văn chương tuyệt tác của nền văn học Việt Nam, được phổ cập sâu rộng trong mọi từng lớp dân gian, từ trí thức cho đến bình dân. Sở dĩ được như vậy là vì ngoài giá trị độc đáo của văn chương, Truyện Kiều còn gói ghém những thực trạng xã hội với những tình tiết tâm lý éo le khiến người đọc có thể tìm thấy đâu đó trong Truyện Kiều hoàn cảnh và tâm trạng của chính mình rồi ngâm lên cho khuây khỏa nỗi lòng. Chẳng hạn như chúng ta, những kẻ đang sống nơi đất khách quê người bèn mượn hai câu Kiều để gởi gấm tâm trạng nhớ nước, thương nhà:

Đoái trông muôn dặm tử phần,
Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa.

Còn những kẻ chán ngán thế thái nhân tình, gác kiếm sống như một ẩn sĩ, xa lánh cõi trần ô trọc đầy gió tanh mưa máu rồi ngâm hai câu Kiều lẩy để ký thác tâm sự mình:

Từ nay khép cửa phòng thu,
Chẳng tu mà cũng như tu mới là.

Hay trong thời chiến tranh, người chồng đi chinh chiến ở chiến trường xa, người chinh phụ ở lại quê nhà chăn đơn gối chiếc, đêm đêm nhìn ánh trăng tưởng nhớ đến chồng rồi ngâm lên hai câu:

Vầng trăng ai xẻ làm đôi,
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.

Hoặc những kẻ bị thất tình nhiều lần, yêu lần nào cũng dang dở cho nên vì tình mà tâm hồn điên đảo, vì tình mà áo nảo tâm can rồi chán đời, hận đời bèn mượn hai câu Kiều để chửi đời:

Chém cha cái số hoa đào,
Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi!

Cụ Nguyễn Du và nữ sĩ Hồ Xuân Hương chửi đời mà không thô tục. Cụ Tố Như thì "*Chém cha cái số hoa đào. Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi!*". Còn nữ sĩ Hồ Xuân Hương thì:

"*Chém cha cái kiếp lấy chồng chung. Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng.*".

Cái triết lý mà cụ Nguyễn Du gởi gấm trong Truyện Kiều là thuyết "Tài mệnh tương đố" cho nên cụ mở đầu tập Truyện Kiều bằng hai câu:

Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài, chữ mệnh khéo là ghét nhau.

Đôi khi những người có tài cũng khốn khổ lắm vì "*Chữ tài liền với chữ tai một vần*" hay "*Tài tình chi lắm cho trời đất ghen*".

Truyện Kiều là một áng văn chương tuyệt tác, vì thế không những người ta đọc, người ta ngâm

những vần thơ tuyệt tác này mà người ta còn làm thơ vịnh Kiều, đố Kiều, lẩy Kiều, bói Kiều...

Vịnh Kiều:

Nhiều nhất là thơ vịnh Kiều của tao nhân mặc khách và nổi tiếng hơn cả là một bài tổng vịnh và 20 bài thơ "Vịnh Kiều" của cụ Chu Mạnh Trinh. Về vịnh Kiều có ba phái, phái khen Kiều như Chu Mạnh Trinh. Còn phái chỉ trích Kiều thì có Nguyễn Công Trứ và phái trung dung như Tản Đà v...v...

Xin trích đăng một vài bài trong "Thanh Tâm Tài Nhân Thi Tập" của Chu tiên sinh:

Cuốn ngỏ rèm xuân trải mấy sương,
Sắc tài chi lắm để làm gương!
Công cha bao quản liều thân thiếp,
Sự nước xui nên phụ nghĩa chàng.
Cung oán nỉ non đàn bạc mệnh,
Duyên may dun rủi lưới Tiền Đường.
Hai bên vẹn cả tình cùng hiếu,
Đem bắc đồng cân đáng mấy vàng.
(Chu Mạnh Trinh)

Và sau đây một bài khác cũng của cụ Chu Mạnh Trinh:

Thằng bán tơ kia giở mối ra,
Làm cho bận đến cụ Viên già.
Muốn êm phải biện ba trăm lạng,
Khéo xếp nên liều một chiếc thoa.
Đón khách mượn màu son phấn mụ,
Bán mình chuộc lấy tội tình cha.
Có tiền việc ấy mà xong nhỉ,
Đời trước làm quan cũng thế a?

Trong khi Chu Mạnh Trinh hết sức bênh vực Kiều thì Nguyễn Công Trứ lại nghiêm khắc lên án Kiều nào là mất nết, nửa đêm lẻn sang nhà Kim Trọng rồi lấy hết Mã Giám Sinh đến Thúc Sinh, Từ Hải..., trong vòng 15 năm lưu lạc đã làm vợ không biết bao nhiêu người:

Đã biết má hồng thời phận bạc,
Trách Kiều nhi chưa vẹn tấm lòng vàng.
Chiếc quạt thoa đành phụ với Kim lang,
Nặng vì hiếu, nhẹ vì tình thôi cũng phải.
Từ Mã Giám Sinh cho đến Từ Hải,
Cánh hoa tàn đem bán lại chốn thanh lâu.
Bấy giờ Kiều còn hiếu vào đâu?
Mà bướm chán, ong chường cho đến thế!
Bạc mệnh chẳng lầm người tiết nghĩa,
Đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm!
Bán mình trong bấy nhiêu năm,
Đố đem chữ hiếu mà lầm được ai.
Nghĩ đời mà ngán cho đời!
(Nguyễn Công Trứ)

Còn cụ Tam Nguyên Yên Đỗ cũng mỉa mai Thúy Kiều và cười Kim Trọng cố tình nhặt cánh hoa tàn đã lấm bùn nhơ:

Kiều nhi giấc mộng thật nên cười,

Tỉnh dậy xuân xanh quá nửa rồi.
Số kiếp bởi đâu mà lận đận?
Sắc tài cho lắm cũng lôi thôi.
Cành hoa vườn thúy duyên còn bén,
Ngọn nước sông Tiền nợ chẳng xuôi.
Không trách chàng Kim đeo đẳng mãi,
Khăng khăng vớt lấy một phần đuôi.
(Nguyễn Khuyến)

Và phái trung dung:

Giọt nước Tiền Đường chẳng rửa oan,
Phong ba chưa trắng nợ hồng nhan.
Lòng tơ còn vướng chàng Kim Trọng,
Gót ngọc chưa phai chốn thủy quan.
Nửa giấc đoạn trường tan gối điệp,
Một dây bạc mệnh đứt cầm loan.
Cho hay những kẻ tài tình lắm,
Trời bắt làm gương để thế gian.
(Phạm Quý Thích dịch)

Cũng thuộc phái trung dung, Tản Đà vịnh Thúy Kiều hầu rượu Hồ Tôn Hiến:

Tiếng súng ân tình bốn mặt ran,
Tướng quân chi tiếc cánh hoa tàn.
Đôi hàng nước mắt, đôi làn sóng,
Nửa đám ma chồng, nửa tiệc quan.
Tổng Đốc ví thương người bạc mệnh,
Tiền Đường chưa chắc mả hồng nhan.
Trơ trơ nấm đất bờ sông nọ,
Hồn có xa nghe mấy tiếng đàn.
(Tản Đà)

Cũng về vịnh Kiều, còn có một giai thoại lý thú với quan án sát Từ Đạm ngày trước, giai thoại được truyền tụng như sau:

Một hôm lính hầu có bắt giam một thư sinh ngông cuồng. Đêm đã về khuya mà chàng thư sinh cứ ngâm Kiều vang dội. Lính canh la mắng bắt im, nhưng chàng thư sinh cãi lại rằng: "Quan lớn ra lệnh tống giam, chứ có ra lệnh cấm ngâm Kiều đâu?". Sự cãi cọ ồn ào làm mất giấc ngủ của quan án, quan truyền giải chàng thư sinh lên hầu. Thấy nói là học trò biết chữ nghĩa lại thích ngâm Kiều, quan án bèn ra lệnh phải làm một bài thơ vịnh Kiều, nếu bài thơ hay thì sẽ được tha tội và thưởng cho ba quan tiền, còn nếu bài thơ dở sẽ bị đánh đòn ba roi, bắt trở lại nhà giam và phải ngậm miệng không được ngâm nga gì nữa.

Quan án sát ra đầu đề: "Vịnh thân thế nàng Kiều". Chàng thư sinh suy nghĩ một lát rồi ứng khẩu đọc bài vịnh như sau:

Khóa cửa phòng xuân để đợi chờ,
Mà em mất nết tự bao giờ.
Chàng Kim mê gái công đeo đẳng,
Viên ngoại chiều con chết ngất ngơ.
Nợ trước hẹn hò con đĩ Đạm,
Duyên sau gặp gỡ bố cu Từ.
Mười lăm năm ấy bao nhiêu sướng,
Còn trách làm chi chú bán tơ.

Đáng chú ý là hai câu thơ:

Nợ trước hẹn hò con đĩ Đạm,
Duyên sau gặp gỡ bố cu Từ.

Hai câu này thật tài tình, câu trước nói lên việc Thúy Kiều viếng mả Đạm Tiên trong tiết Thanh Minh, còn câu sau tả lúc Kiều gặp gỡ Từ Hải. Nhưng hai câu thơ ấy lại ghép tên quan án sát Từ Đạm, với danh xưng là "con đĩ Đạm" và "bố cu Từ". Tuy vậy quan án Từ Đạm với tinh thần một nhà nho trọng lời hứa nên phải nuốt giận khen bài thơ hay, thưởng chàng thư sinh ba quan tiền và ra lệnh tha chàng thư sinh "ngông" thích ngâm vịnh Kiều. Còn trong dân gian thì có cái thú "Đố Kiều", tức là đặt ra những câu đố nhiều khi rất hiểm hóc về truyện Kiều để thử thách xem người đọc có thật thuộc, thật nhớ về Kiều hay không.

Ngày xưa, nhất là vào những ngày xuân người ta có các hội vui để hai bên nam nữ hát đố nhau về truyện Kiều thật hào hứng và trước khi đố, cả hai phe nam nữ đồng hát lên những câu hát trống quân để tăng phần trữ tình:

Một đàn cò trắng bay chung,
Bên nam, bên nữ ta cùng hát lên.
Hát lên một tiếng linh đình,
Cho loan sánh phượng, cho mình sánh ta.

Những câu đố Kiều trong dân gian còn truyền tụng như sau:

NỮ ĐỐ:

Truyện Kiều anh đã thuộc lòng,
Đố anh kể được hai dòng toàn nôm?

NAM ĐÁP:

Này chồng, này mẹ, này cha,
Này là em ruột, này là em dâu.

NỮ ĐỐ:

Truyện Kiều anh thuộc đã thông,
Đố anh kể được hai dòng toàn nho?

NAM ĐÁP:

Hồ công quyết kế thừa cơ,
Lễ tiên binh hậu, khắc cờ tập công.

NỮ ĐỐ:

Truyện Kiều anh thuộc từ lâu,
Đố anh đọc được một câu mười người?

NAM ĐÁP:

Hai bên mười vị tướng quân,
Đặt gươm, cởi giáp trước sân khấu đầu.

(Lúc Từ Hải sai binh sĩ rầm rộ đến đón Kiều)

NỮ ĐỐ:

Truyện Kiều anh thuộc đã nhiều,
Đố anh đáp được câu Kiều ngàn năm?

NAM ĐÁP:

Anh hoa phát tiết ra ngoài,
Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa.

NỮ ĐỐ:

Truyện Kiều anh thuộc đã lâu,
Đố anh đọc được hai câu hết Kiều?

NAM ĐÁP:

Lời quê chắp nhặt dông dài,
Mua vui cũng được một vài trống canh.

NỮ ĐỐ:

Truyện Kiều anh thuộc từng vần,
Đố anh kể được ba lần trăm năm?

NAM ĐÁP:

Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài, chữ mệnh khéo là ghét nhau.
Rằng trăm năm cũng từ đây,
Của tin gọi một chút này làm ghi.
Người đâu gặp gỡ làm chi,
Trăm năm biết có duyên gì hay không.

NỮ ĐỐ:

Truyện Kiều anh thường đọc luôn,
Đố anh kể được, bốn buồn, bốn khi?

NAM ĐÁP:

Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông ngọn cỏ rầu rầu,
Chân mây mặt nước một màu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.
(Tả cảnh buồn lúc Kiều ở Lầu Ngưng Bích)

Và:

Khi tựa gối, khi cúi đầu,
Khi vò chín khúc, khi chau đôi mày.

NỮ ĐỐ:

Truyện Kiều anh thuộc đã nhiều,
Đố anh kể được câu Kiều mười cho?

NAM ĐÁP:

Làm cho cho mệt cho mê,
Làm cho đau đớn ê chề cho coi!
Đã cho lấy chữ hồng nhan,
Làm cho cho hại, cho tàn, cho cân!

Từ nãy giờ phe nữ đố phe nam và phe nam đã đối đáp trôi chảy, mạch lạc, suông sẻ. Để tiếp tục mua vui bằng trò chơi trữ tình, bây giờ đến phiên phe nam đố phe nữ:

NAM ĐỐ:

Thấy em hay đọc truyện Kiều,
Cho nên anh hỏi mấy điều xem sao.
Kiều Vân em chị thế nào?
Tuổi ai hơn kém, má đào giỏi giang?

NỮ ĐÁP:

Hỏi chi ngoắt ngoéo hỡi chàng?
Thúy Kiều là chị rõ ràng hẳn hoi.
Hai người cùng vẻ sinh đôi,
Chàng xem trong truyện, chàng thời hiểu ra.
Đầu lòng hai ả tố nga,
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân.
Hai người một tuổi, một năm,
Lấy đâu hơn kém mà thăm hỏi dò?
Kiều càng sắc sảo mặn mà,
Cho nên bạc mệnh ai mà chẳng hay!

NAM ĐỐ:

Thúy Kiều sao tệ lắm thay,
Phụ lòng Kim Trọng, nước mây sao đành?
Cầu Lâm chàng đoái chút tình,
Hàm oan những để một mình chịu riêng.
Uổng công thuê Lẫm, Thúy Hiên,
Uổng công thề thốt chẳng nên việc gì!

NỮ ĐÁP:

Thực chàng vụng nghĩ chẳng suy!
Thau đồng lẫn lộn, bấc chì chưa tinh.
Thúy Kiều là bậc bi kinh,
Chàng Kim cũng bậc trâm anh con nhà.
Có đâu ép liễu nài hoa,

Có đâu tang bộc như là ai kia.
Bởi chưng gia biến trăm bề,
Bán mình trăm lạng đền nghì muôn chung.
Dở dang duyên phận vợ chồng,
Đó là tại bởi tơ hồng cợt trêu,
Âu là cũng tại ông xanh,
Vẽ ra cho đủ mọi vành mà chơi.
Sự tình em đã kể rồi,
Xin chàng suy nghĩ liệu lời khen chê!

Phe nữ đối đáp cũng trơn tru suông sẻ không thua gì phe nam, chứng tỏ phe nữ cũng thuộc Kiều rành mạch. Để tiếp tục cuộc chơi, phe nữ đố tiếp phe nam, lần này các nàng ra quân bằng các câu đố càng hiểm hóc hơn với những lời hứa hẹn đong đưa trữ tình:

NỮ ĐỐ:

Đầu Kiều có một chữ nho,
Anh mà giải được em cho làm chồng,
Giữa Kiều có một chữ thông,
Anh mà giảng được bế bồng em đi.
Cuối Kiều có một chữ chi,
Anh mà đáp được em thì cho không.

NAM ĐÁP:

Đầu Kiều nói đến nho phong,
Vương Quan là chữ nối dòng nho gia.
Giữa Kiều cũng đã nghĩ ra,
Như anh giảng được em là của anh.
Đêm ngày một mực giấu quanh,
Rày lần mai lữa như hình chưa thông.
Cuối Kiều cũng đã nghĩ xong,
Em đừng hối hận đổi lòng mà sai.
Có tài mà cậy chi tài,
Chữ tài liền với chữ tai một vần.
Em ơi bước lại cho gần,
Một lời em hứa thánh thần chứng tri.....

Thi hào Nguyễn Du đã để lại cho hậu thế không những một áng văn chương tuyệt tác mà còn những thú vui tao nhã nữa. Tuy thế, Tố Như tiên sinh đã viết trong hai câu kết của Đoạn Trường Tân Thanh một cách thật khiêm nhường:

Lời quê chắp nhặt dông dài,
Mua vui cũng được một vài trống canh.

Kính chúc quí độc giả một Năm Mới Dồi Dào Sức Khỏe – An Khang – Thịnh Vượng

Tiền vào như nước Sông Đà,
Tiền ra nhỏ giọt như cà-phê phin.

Richmond – Virginia - USA

LÊ THƯƠNG



NĂM BÀI THƠ XUÂN ĐẶC SẮC ĐỜI ĐƯỜNG

KIỀU VĂN

Trong gần 50.000 bài thơ Đường còn lưu lại đời sau, có một mảng đặc sắc mà các thi nhân lấy cảm hứng từ *mùa xuân*.

Giữa những ngày xuân này, thiết tưởng sẽ là đều thú vị nếu chúng ta cùng nhau giở áng cảo thơm, ngâm ngợi một vài bài thơ xuân tiêu biểu của các thi nhân lỗi lạc đời Đường để một lần nữa thấy rằng những cảm xúc của người xưa tinh tế biết chừng nào!

Sau đây tôi xin giới thiệu về năm bài thơ xuân nổi tiếng:

Bài thứ nhất:

XUÂN HIỂU
Mạnh Hạo Nhiên

Xuân miên bất giác hiểu
Xứ xứ văn đề điểu
Dạ lai phong vũ thanh
Hoa lạc tri đa thiểu?

[SỚM XUÂN

Đang giấc xuân, chợt sáng
Chốn chốn rộn chim ca
Trong mưa gió đêm qua
Biết bao là hoa rụng?
Kiều Văn dịch]

Bốn câu thơ đánh thức niềm vui sống khi con người chợt giao cảm với thiên nhiên tuyệt mĩ của mùa xuân. Sau một giấc ngủ rất ngon (hẳn là do thời tiết mát mẻ của mùa xuân), ngay sau phút bàng hoàng nhận ra "trời chợt sáng", thi nhân lập tức rơi vào một khoảnh khắc mộng mơ lúc còn nằm nán lại trên giường. Tưởng tượng bỗng nhiên cất cánh. Tuy chưa đứng dậy bước ra vườn, nhưng trong niềm vui háo hức của tâm hồn, thi nhân đã hình dung ra một cảnh tượng đầy ắp chất thơ. Đó lả cảnh hoa rơi đầy mặt đất sau một đêm xuân mưa gió và ẩm ướt. Ôi mùa xuân tươi đẹp biết bao đang tràn đến với những âm hưởng náo nức và những bước đi kì diệu của nó trong trời đất và trong hồn người!

Bài thứ hai:

XUÂN TỨ
Lí Bạch

Yên thảo như bích ti
Tần tang đê lục chi
Đương quân hoài quy nhật
Thị thiếp đoạn trường thì.
Xuân phong bất tương thức
Hà sự nhập la vi?

[Ý XUÂN

Cỏ Yên tựa tơ xanh
Dâu Tần sà cành mướt
Khi chàng mong ngày về
Lúc em buồn héo ruột.
Gió xuân chẳng hề quen
Màn ta sao dám lọt?
Kiều Văn dịch]

Lí Bạch đã lập tứ bài thơ trên hai tuyến: tuyến thứ nhất diễn tả mùa xuân chín, tuyến thứ hai diễn tả nỗi khát khao yêu đương lên tới cực điểm của cặp vợ chồng trẻ phải cách xa nhau vì chiến tranh.

Trong bài thơ, mùa xuân được đặc trưng bởi hai loài cây non tơ, mơn mởn, tượng trưng cho tuổi trẻ: *cỏ* và *dâu.* Lí Bạch đã thản nhiên vứt bỏ những hình ảnh điển phạm của văn chương quý tộc như *đào, lí, tùng, cúc, trúc, mai…* để đến thẳng với ngọn nguồn của thiên nhiên chốn dân dã (cỏ, dâu).

Song hành với sự tròn đầy của mùa xuân là sự dâng trào niềm khao khát yêu đương của đôi vợ chồng trẻ xa nhau (chồng đi lính). Tình yêu ấy xanh thắm như cỏ như dâu mùa xuân nhưng nó đã bị chiến tranh hãm vào tình trạng vô cùng bi đát. Nỗi đói khát tình yêu đã cộng hưởng dữ dội từ cả hai phía chinh phụ và chinh phu trong cùng một thời điểm đặc biệt thôi thúc: lúc xuân về! Nàng chinh phụ trẻ đã tỏ ra là một người có tâm hồn cực kì nhạy cảm. Nàng nghe thấy một thứ vô thanh, nhìn thấy một thứ vô hình: đó là *gió*, người khách không quen biết đã táo tợn lọt vào màn the của nàng! Bởi vì nàng không giây phút nào rời khỏi tâm trạng chờ đợi chồng nên bất cứ một vận động nào dù cực nhỏ ở xung quanh nàng cũng dễ dàng hoá thành một tín hiệu nhắc nàng rằng chồng nàng đã về tới. Nàng đã lầm tưởng gió là chồng và sau đó nàng thất vọng, nàng trách móc oan gió. Một khát vọng cực điểm không được thoả mãn tất yếu sẽ chuyển hoá thành một nỗi đau. Thiên tài Lí Bạch đã nhìn thấu hết diễn biến của tình trạng bi kịch ấy. Mùa xuân càng tươi đẹp bao nhiêu, tình xuân càng nồng cháy bao nhiêu thì cảnh chia li càng gây ra nỗi nhớ mong đau khổ "đứt ruột" bấy nhiêu: sự phát hiện nghịch lí ấy đã tạo nên cái thần của bài thơ.

Bài thứ ba:

KHUÊ OÁN
Vương Xương Linh

Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu
Xuân nhật ngưng trang thướng thuý lâu
Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc
Hối giao phu tế mịch phong hầu.

[NỖI OÁN PHÒNG KHUÊ

Thiếu phụ phòng khuê, nỗi sầu chưa trải
Ngày xuân tươi ngừng trang điểm, lên lầu
Chợt thấy đầu đường xanh rờn sắc liễu

Hối để chồng đi vì cái tước hầu.
Kiều Văn dịch]

Không giàu "kinh nghiệm tình trường" bằng người thiếu phụ trong bài "Xuân tứ" của Lí Bạch, người thiếu phụ ở đây còn quá trẻ, còn đang ở độ tuổi hồn nhiên yêu đời (còn chưa biết buồn). Mọi cử chỉ của nàng trong ngày xuân mới dường như còn phơi phới, vô tư (*Ngày xuân tươi ngừng trang điểm, lên lầu*). Cho đến lúc ấy tâm hồn nàng vẫn ở trong trạng thái yên bình.

Thế nhưng tất cả đã đột nhiên biến động qua chỉ một động ngữ *hốt kiến* (chợt thấy). Một hình ảnh vô cùng khêu gợi của mùa xuân đã bất chợt đập mạnh vào mắt khuê phụ: đó là hình ảnh những cây liễu xanh rờn ở đầu đường. Hình ảnh ấy nhắc nhở nàng nghĩ đến tuổi trẻ của nàng, nhớ đến tình yêu và hạnh phúc mà nàng đã lỡ để rơi tuột mất! Trong chớp nhoáng, một phản ứng tâm lí diễn ra trong lòng nàng. Nàng chợt nhận rõ cái nghịch lí của cuộc sống vợ chồng nàng, đang giữa tuổi yêu đương mà phải sống đằng đẵng trong xa cách. Trí óc nàng bừng sáng, và nàng nhận ra sai lầm nghiêm trọng của mình đã để mặc chồng lao vào một canh bạc thật là vô bổ so với hạnh phúc tình yêu: đi *vì cái tước hầu.* Nàng lập tức rơi vào trạng thái hối hận và nàng cảm thấy vô cùng đau khổ.

Chộp bắt được cái giây phút xảy ra sự "biến động tâm lí" của người thiếu phụ có chồng đi lính, từ chưa "giác" đến "giác", từ chưa hối tiếc đến hối tiếc, chưa sầu đến sầu, nói cách khác, chưa bi kịch đến bi kịch, với tác nhân là một cảnh sắc tuyệt mĩ của mùa xuân: đó là cái thần của bài thơ.

Bài thứ tư:

ĐỀ TRƯƠNG THỊ ẨN CƯ
Đỗ Phủ

Xuân sơn vô bạn độc tương cầu
Phạt mộc tranh tranh sơn cánh u.
Giản đạo dư hàn lịch vĩnh tuyết
Thạch môn tà nhật đáo lâm khâu.
Bất tham dạ thức kim ngân khí
Viễn hại triêu khan mê lộc du.
Thừa hứng yểu nhiên mê xuất xứ
Đối quân nghi thị phiếm hư chu.

[ĐỀ NƠI Ở ẨN HỌ TRƯƠNG

Núi xuân thiếu bạn, kiếm bơ vơ…
Tiếng đẵn gỗ vang giữa núi mờ.
Lạnh rớt đường khe sau tháng tuyết
Ánh tà cửa đá dọi rừng xưa.
Chẳng tham đêm ngửi hơi vàng bạc
Tránh hoạ ngày xem hươu nhởn nhơ.
Đang hứng nẻo ra quên hết lối
Bên người mà ngỡ dạo thuyền mơ.

Kiều Văn dịch]

Thi nhân "du xuân" đơn độc vào nơi sơn dã, khao khát và quyết đi tìm gặp một người bạn hiền đang ở ẩn, để được sống những giờ phút đích thực của tâm hồn. Xuân ở nơi cô lánh này (chỉ có những kẻ ẩn cư và thảng hoặc một người tiều phu) thật khác xa với xuân ở nơi đô hội. Dư vị của mùa đông còn đậm (*Lạnh rớt đường khe sau tháng tuyết*), ánh xuân còn yếu ớt, cảnh xuân vẫn hết sức u tịch (*Ánh tà cửa đá dọi rừng xưa*). Rốt cuộc thì thi nhân đã được đền đáp: được tận hưởng những ngày xuân đắc ý nhất trong một cảnh sống thanh tao, thoát tục và đậm đà tình tri kỉ.

Trong cảnh sống ấy, cả sự cám dỗ của giàu sang (*hơi vàng bạc*) lẫn sự hiểm nguy của cái "hoạ công danh" đều không hề bén mảng tới, chỉ có thú tiêu dao cùng tạo vật hoang dã (*ngày xem hươu nhởn nhơ*). Lại nữa, thi nhân được thù tạc vô cùng khoái chá cùng người tri kỉ là nhà ẩn sĩ họ Trương, đến nỗi

Đang hứng, nẻo ra quên hết lối
Bên người mà ngỡ dạo thuyền mơ.

Cho hay khách phong lưu có lối sống và cách truy cầu hạnh phúc thật là minh triết và cao diệu!

Bài thứ năm:

TRIỆU THÔN HỒNG HẠNH
Bạch Cư Dị

Triệu thôn hồng hạnh mỗi niên khai
Thập ngũ niên trung khán kỉ hồi
Thất thập tam nhân nan tái đáo
Kim niên lai thị biệt hoa lai.

[HOA MẬN ĐỎ THÔN TRIỆU

Mỗi năm mận đỏ thôn Triệu nở
Mười lăm năm ngắm đã nhiều rồi
Tuổi bảy ba khó phen tới nữa
Năm nay tới giã biệt hoa thôi.]

Bài thơ đề cập tới một vấn đề khiến ai nấy đều xúc động: sự giã từ cuộc sống. Bài thơ vang lên âm hưởng buồn bã. Mười lăm năm qua, cuộc sống của thi nhân đã diễn ra êm ả và vui thú: mỗi lúc xuân về, thi nhân thường tới thăm hoa mận đỏ thôn Triệu nở (giống như người Hà Nội đến thăm làng đào Nhật Tân). Những cuộc viếng thăm một làng hoa như vậy là nếp sống văn hoá vô cùng tao nhã của thi nhân cũng như của bao người khác. Nó là bằng chứng cho thấy Bạch Cư Dị là một con người "nặng tình" với loài "hoa mận đỏ" như thế nào. Nó cũng mách bảo rằng ông là người nặng tình với tất cả tạo vật (trong đó tất nhiên con người là đối tượng cao nhất) mà hoa mận đỏ là một tạo vật tượng trưng. Nhưng rồi đến một mùa xuân kia, ở tuổi 73, thi nhân bỗng linh cảm thấy nỗi bi thương của *sự tử biệt*, và ông hiểu rằng mùa xuân này là mùa xuân cuối cùng ông còn được gặp gỡ loài hoa ấy. Vì vậy ông đã làm một cuộc du xuân để "trối già" với chúng! Chúng ta bỗng gặp một tứ thơ lạ: không phải sự "trối già" của con người với con người như vẫn thường thấy mà là sự "trối già" thầm lặng của con người với một... loài hoa! Cái cao diệu của tính người, tình người, cũng là cái cao diệu của bài thơ này chính là ở điểm đặc sắc ấy.

Cuộc giã biệt giữa người và hoa ấy cũng chứa chất những cảm xúc đau tiếc như một thứ "sầu vạn cổ". Nỗi sầu ấy như nghẹn lại, như dồn nén vào tận đáy lòng, như một tiếng thở dài: *Năm nay tới giã biệt hoa thôi.* Chính cái tình yêu thắm thiết và lạ thường của thi nhân với hoa mận đỏ đã khiến chúng ta xúc động và mến phục con người ông.

Bài thơ khắc hoạ nỗi nuối tiếc của kẻ đi với người ở, của cái hữu hạn với cái trường cửu, của cái vô thường với cái vĩnh hằng. Đó là bài thơ thuộc dòng thi ca mang tính chất bi ai như *bi ca, sầu ca, ai ca, élégie, hành khúc tang lễ...* của văn hoá nhân loại. Điều ấy cho thấy độ chín nhân văn và tầm vóc thi nhân rất cao của nhà thơ lớn, tác giả của *Tì bà hành* và *Trường hận ca.*

KIỀU VĂN



CẢM NHẬN XUÂN HƯƠNG

NGÔ ĐÌNH MIÊN

Tôi nhớ có nhà văn nói rằng: "đọc thơ Hồ Xuân Hương, thấy sức xuân trong đó!". Âu là, xuân mới đang đến, viết cảm nhận về Hồ Xuân Hương, cũng là món quà xuân nho nhỏ gởi đến những người yêu thích Xuân Hương.

Từ lâu, tôi đã thích mê Xuân Hương. Đúng ra là mê Xuân Hương qua những bài thơ của nàng. Những bài thơ Nôm của riêng Xuân Hương: "*Rằng của Xuân Hương đã quệt rồi*". Những bài thơ Nôm có một không hai trong lịch sử văn học Việt Nam. Mãi đến ngày nay cũng không thể tìm thấy trên văn đàn những bài thơ mang phong cách Xuân Hương như thế. Rất nhiều người nhại giọng theo, nhưng không thể nào qua mặt được "Bà chúa thơ Nôm".
Tôi thích cái ỡm ờ, vừa rành rành vừa như không có gì, vừa là cái này vừa là cái khác trong thơ Xuân Hương. Tôi thích cái bộc tuệch tự nhiên như trời đất, cỏ cây khi mà chung quanh mọi người "thích lắm" nhưng vẫn cứ giấu giấu diếm diếm, ăn vụng một mình. Và tôi thích cái ngôn ngữ tuyệt vời rất riêng Xuân Hương.

Xuân Hương là một người phụ nữ, một nhà thơ nữ phi thường trong thời đại những Đoàn Thị Điểm, Bà Huyện Thanh Quan ..., thời đại xiềng xích "Tam cương ngũ thường" "tam tòng tứ đức". Thời đại mà Nguyễn Du với "Kiều" đã phải chịu nhiều tai tiếng khi nhà thơ chỉ mới tả "đại khái" những đường nét mỹ miều của Kiều:

Rõ ràng trong ngọc trắng ngà
Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên

thì đã phạm phải điều cấm kỵ lớn của khuôn vàng thước ngọc phong kiến. Bởi vì, theo quan niệm phong kiến, cơ thể người đàn bà là một cái gì đó "rất dơ". Ai dám nói đến nó, đặc biệt là viết thành thơ, văn, sẽ bị xem là kẻ phàm phu, tục tằn, dâm đãng. Quan niệm một thời đó đã làm mất đi một nửa cái đẹp ở trần thế này trong nhận thức chủ quan của con người. Và Xuân Hương, như một tên lửa xuyên vũ trụ, đưa phi thuyền mang cái đẹp tự nhiên trời cho của cơ thể người đàn bà và cả cái đẹp của những thú vui thế tục vào quỹ đạo của cái đẹp vĩnh hằng. Cái dũng khí đáng nể của Xuân Hương là nàng dám vứt vào sọt rác những trói buộc vô lý của nhận thức, cảm thức phong kiến để giữ lại cho mình cặp mắt trong trẻo, "tự nhiên nhi nhiên" để nhìn cuộc đời, để đánh giá đúng cái đẹp với bản chất của nó và cái đẹp bản năng con người. Tả thiếu nữ, Xuân Hương

viết:

Lược trúc chải cài trên mái tóc
Yếm đào trễ xuống dưới nương long
Đôi gò bồng đảo sương còn ngậm
Một lạch đào nguyên nước chửa thông ...

Trước cái đẹp lồ lộ trinh nguyên như thế, chỉ có gã đàn ông "không phải là đàn ông" (hoặc dân "gay") mới liếc mắt một cái rồi đi thẳng mà không:

Quân tử dùng dằng đi chẳng dứt
Đi thì cũng dở ở không xong

Xuân Hương đã bổ sung thêm một tố chất rất người cho con người quân tử, làm cho người quân tử ra dáng nam nhi hơn, thật hơn, đẹp hơn.

Tôi thích sự "ỡm ờ rạch ròi" của Xuân Hương. Tôi dùng cụm từ này vì cảm thấy nó lột được ý của Xuân hương muốn nói trong nhiều bài thơ mà người ta hay cho là "tục", là "dâm". Xuân Hương nói rất nghiêm chỉnh, rất thẳng thắn, rất rõ ràng nhưng cũng lại không rõ ràng, nghiêm chỉnh một chút nào. Chính nó tạo ra một đường ranh thẩm mỹ có lực hút rất mạnh. Với trai gái "Đánh đu" thì:

Trai đu gối hạc khom khom cật
Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng
Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới,
Đôi hàng chân ngọc duỗi song song ...

hoặc là "Vịnh cái quạt" thì:

Chành ra ba góc da còn thiếu
Khép lại đôi bên thịt vẫn thừa

hay khi "Dệt cửi" :

Hai chân đạp xuống năng năng nhắc,
Một suốt đâm ngang thích thích mau

Rồi nào là "Đèo Ba Dội", "Động Hương Tích" ... cũng một phong cách như thế.

Tại sao mọi người không thể thẳng thắn nhìn nhận được cái đẹp rất bản năng trong con người, như hành động tình dục; nhìn nhận được cái đẹp nhục thể của người đàn bà, cái mà đến "thiên tử" cũng không thoát ra được: "Chúa dấu vua yêu một cái này".

Tôi đồng tình với ý kiến của giáo sư Nguyễn Lộc, khi ông đánh giá, Xuân Hương là nhà thơ trần thế, nhà thơ của cuộc sống và ông tán thành quan điểm sống: "*phải sống bằng cuộc sống trần tục và vui với những niềm vui trần tục*"[1]

Và như vậy, những hình ảnh đặc tả trong thơ Xuân Hương có làm cho ai đó hứng khởi trần tục thì âu cũng là sự hứng khởi trần tục đẹp đẽ mà thôi.

Về mặt ngôn ngữ hình tượng, bên cạnh cách dùng những từ nói lái ưa thích của Xuân Hương, tuy khá độc đáo nhưng lại quá lộ liễu, kiểu như: "trái gió", "lộn lèo", ... tôi lại khoái nhiều hơn cách "mượn" ẩn dụ dân gian của nhà thơ. Hồi tôi còn học phổ thông, khi muốn tìm hiểu về nghĩa của những ẩn dụ này thì chỉ được thầy giáo trả lời là: "tục, tìm hiểu làm gì?". Sau này, khi tiếp xúc với

các "cụ" có "chút ít máu Xuân Hương", đặc biệt là người tỉnh Bắc, thì tôi mới hiểu được rõ các ẩn dụ ấy. Tôi đọc lại các bài: "Sư bị ong châm", "Vịnh quan thị" tôi càng "rợn người" cho cái tài ma quái của nhà thơ và càng kính nể Xuân Hương hơn.

Từ câu ca dân gian:

Bà cốt đánh trống long tong
Nhảy lên nhảy xuống con ong chích (...)

đến thơ Xuân Hương:

Đầu sư đâu phải gì bà cốt
Bá ngọ con ong bé cái nhầm.
(Sư bị ong châm)

Từ câu hát:

Con gái mười bảy, mười ba
Đêm nằm với mẹ chuột tha mất (...).

đến thơ:

Rúc rích thây cha con chuột nhắt
(Vịa quan thị)

Và từ những thành ngữ:

- Ngồi lá vông, chổng mông lá trốc
- Đầu trở xuống, cuống trở lên

đến thơ Xuân Hương:

Đố ai biết đó vông hay trốc
Còn kẻ nào hay cuống với đầu
(Vịnh quan thị)

Vì quan thị mất (...) rồi, đâu còn gì mà phân với biệt!

Tính cách nhà thơ thường được phản ánh trong những vần thơ, bài thơ đã viết. Tôi hình dung ra một Xuân Hương rất chân thật, nồng nàn, sống hồn nhiên, phơi ra những suy nghĩ, những tình cảm của mình như trẻ thơ. Yêu nói yêu, ghét nói ghét, kể cả yêu-ghét những gì cấm kỵ thời đó. Tôi chợt nhớ đến thầy giáo dạy văn Nguyễn An (tức nhạc sĩ Nguyễn Phú Yên) đã chép cho tôi 40 năm về trước mấy câu thơ của một nhà thơ Việt Nam hiện đại rất tài hoa mà số phận truân chuyên:

Thấy vui muốn cười cứ cười
Thấy buồn muốn khóc là khóc
Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chìu
Cũng không nói yêu thành ghét ...
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu...(2)

Hồ Xuân Hương bằng nghệ thuật thơ ca đã nói được (theo cách gọi của chủ nghĩa hiện thực là "phản ánh") những cái "không thể" trong một thời đại chỉ cho phép nói những điều "có thể", như Socrate phát biểu trong tác phẩm "Nghệ thuật thơ ca" của ông: "*Cái không thể nhưng có vẻ thật đang thích hơn là cái có thể nhưng không đang tin*"(3) . Tôi nghĩ, các nhà thơ (nhà văn) hiện nay, trong những cái cần học tập Hồ Xuân Hương, cái quan trọng nhất chính là bản lĩnh nhà thơ, là thể hiện được trong tác phẩm của mình "cái không thể" trong muôn vàn cái "có thể" đã trở nên quen thuộc nhàm chán đến mức "lạm phát" như hiện nay. Riêng tôi, tôi xin được làm đệ tử hạng bét của sư phụ họ Hồ trên phương diện mà Socrate đã nói không khoan nhượng như trên.

Chính vì "cái không thể" đó, thơ Hồ Xuân Hương luôn được "đưa lên bàn mổ" qua các thời đại, khen có, chê có, cũng có vừa khen vừa chê... Trong giới nghiên cứu văn học hiện đại, đánh giá về Hồ Xuân Hương, có tác giả, sau khi khen "những mặt tích cực" đã nói về "những mặt tiêu cực" và đã nêu nguyên nhân những thiếu sót của Xuân Hương qua các bài thơ:" *Chính vì Xuân Hương chưa cảm, chưa thấy được đầy đủ sức mạnh của nhân dân, chưa gắn liền cái đấu tranh của mình trong cái đấu tranh chung của lực lượng vĩ đại đó ...*" (4) và "*Như chúng ta thấy ở trên, Xuân Hương chưa phản ánh đầy đủ thời đại của mình*". "*phải chăng điều đó là do điều kiện sinh hoạt của Xuân Hương thuộc vào tầng lớp tiểu tư hữu ở thành thị?* (5)

Tôi nghĩ, có xúc phạm đến Xuân Hương không, khi chúng ta "bắt buộc" Xuân Hương phải "phản ánh được hơi thở của thời đại mình"?

Thôi Hộ đời Đường kia có phản ánh được hơi thở thời đại mình sống không khi để lại bài thơ "*Đề Đô thành Nam trang*"(6) bất tử? Hay như Thôi Hiệu cùng với bài thơ "*Hoàng Hạc Lâu*"(7) nổi tiếng nghìn xưa... Các ông đã xuất thân ra sao, có đứng về phía "lực lượng vĩ đại" nào không?

Tôi nghĩ rằng cái vĩ đại nhất của các ông và của các nhà thơ muôn thuở, chính là đã đứng về phía "cái đẹp vĩ đại". Cái đẹp vĩ đại đó chính là thi ca!

Tôi xin phép được kết thúc bài viết này với suy nghĩ: Hồ Xuân Hương có cần đến những chuẩn mực mà các nhà nghiên cứu văn học "nhà nước" đề ra kia (phản ảnh hơi thở thời đại) để trở nên nữ sĩ phi thường với những bài thơ bất tử, mà cho đến nhiều trăm năm sau, đọc lại những bài thơ Nôm của nữ sĩ họ Hồ, người đời sau vẫn cảm nhận được sự rạo rực đầy sức xuân trong đó./.

Chú thích:

(1): Thơ Hồ Xuân Hương. Nhà xuất bản văn học - 1982, trang 30.

(2): Trích từ bài thơ "Lời mẹ dặn" của Phùng Quán.

(3): Nghệ thuật thơ ca. Aristote. NXB Lao động- Trung tâm văn hoá ngôn ngữ Đông Tây. Năm 2007.

(4)& (5): Lịch sử Văn học Việt Nam, Tập III. Nhà xuất bản giáo dục 1987, trang 92-93.

(6): Đề Đô thanh Nam trang

Khứ niên kim nhật thử môn trung
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng
Nhân diện bất tri hà xứ khứ
Đào hoa y cựu tiếu đông phong

Dịch Nôm:

Đề (thơ) ở trại phía Nam Đô Thành

Ngày này năm ngoái tại cửa đây
Hoa đào và mặt người cùng ánh lên sắc hồng

Gương mặt người xưa giờ không biết chốn nao
(Chỉ thấy) hoa đào vẫn như cũ cười với gió đông.

Bản dịch thơ Việt ngữ của Tản Đà:

Năm xưa cửa ấy ngày này,
Hoa đào đua nở cho ai thêm hồng.
Nay đào đã quyến gió đông,
Mà sao người đẹp bềnh bồng nơi nao.

Khi sáng tác *Truyện Kiều, Nguyễn Du* đã mượn hai câu trong bài thơ này để miêu tả tâm trạng Kim Trọng khi trở lại vườn Thúy thì Kiều đã bước vào con đường lưu lạc.

Thôi Hộ, tự Ân công, người quận Bác lăng, nay là Định Huyện, tỉnh Trực Lệ, Trung Quốc, sống vào khoảng niên đại Đường Đức tông. Thôi Hộ vốn lận đận khoa cử lại là người tuấn nhã, phong lưu nhưng sống khép kín, ít giao du. Năm 796, niên hiệu Trinh Nguyên, Thôi Hộ đậu tiến sĩ, làm tiết độ sứ Lĩnh Nam.

(7): Bài thơ Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu (704- 754), nhà thơ thời nhà Đường, Trung Quốc

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ,
Thử địa không dư Hoàng Hạc Lâu.
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản,
Bạch vân thiên tải không du du.
Tình xuyên lịch lịch Hán Dương thụ,
Phương thảo thê thê Anh Vũ châu.
Nhật mộ hương quan hà xứ thị,
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.

Dịch nghĩa:

Lầu Hoàng Hạc

Người xưa đã cưỡi hạc vàng bay đi,
Nơi đây chỉ còn lại lầu Hoàng Hạc
Hạc vàng một khi bay đi đã không trở lại
Mây trắng ngàn năm vẫn phiêu diêu trên không
Mặt sông lúc trời tạnh, phản chiếu cây cối Hán Dương rõ mồn một
Cỏ thơm trên bãi Anh Vũ mơn mởn xanh tươi
Trời về chiều tối, tự hỏi quê nhà nơi đâu?
Trên sông khói tỏa, sóng gợn, khiến buồn lòng người!

Bản dịch thơ Việt ngữ của Ngô Tất Tố:

Người xưa cưỡi hạc đã cao bay
Lầu hạc còn suông với chốn này
Một vắng hạc vàng xa lánh hẳn
Nghìn năm mây bạc vẩn vơ bay
Vàng gieo bến Hán, ngàn cây hửng
Xanh ngát châu Anh, lớp cỏ dầy
Hoàng hôn về đó quê đâu tá?
Khói sóng trên sông não dạ người.

NGÔ ĐÌNH MIÊN



TRANH ĐÔNG HỒ

LƯƠNG VĂN HỒNG

Tranh (khắc gỗ dân gian) Đông Hồ xuất xứ từ làng Đông Hồ xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, cách Hà Nội 35 km. Làng Đông Hồ nằm trên bờ nam sông Đuống.

Trước kia tranh được bán ra chủ yếu phục vụ cho dịp Tết Nguyên Đán, người dân nông thôn mua tranh về dán trên tường.

Giấy in tranh Đông Hồ được gọi là giấy điệp (người ta nghiền nát vỏ con điệp, loại sò vỏ mỏng ở biển, trộn với hồ từ bột gạo tẻ, hoặc gạo nếp), rồi dùng chổi lá thông quét lên mặt giấy dó. Chổi lá thông tạo nên những ganh chạy theo đường quét và vỏ điệp tự nhiên cho màu trắng với ánh lấp lánh những mảnh điệp nhỏ dưới ánh sáng

Màu sắc trong tranh là bốn màu tự nhiên : đen (than xoan hay than lá tre), xanh(gỉ đồng, lá chàm), vàng (hoa hòe), đỏ (sỏi son, gỗ vang).

Ngày nay, khách du lịch trong ngoài nước đến thẳng làng tranh Đông Hồ thăm và mua tranh Đông Hồ làm kỷ niệm. Một số khách sạn, nhà hàng từ Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh cũng về đây đặt những bức tranh khổ lớn để trang trí cho cách phòng khách, hoặc phòng ăn lớn nên tranh Đông Hồ ngày nay đã vượt khuôn khổ truyền thống 50 cm, kích thước nay làm theo đặt hàng của khách.

Về làng Đông Hồ có câu ca rằng:

Hỡi cô thắt lưng bao xanh
Có về làng Mái (Đông Hồ) với anh thì về
Làng Mái có lịch có lề

Có sông tắm mát có nghề làm tranh.

Qua nhiều thế kỷ, 17 dòng họ đã quy tụ về làng làm tranh. Ngày nay, dân làng Đông Hồ sống bằng làm vàng mã. Chỉ còn hai gia đình nghệ nhân Nguyễn Đăng Chế và Nguyễn Hữu Sam cùng con cháu là theo nghề tranh, gìn giữ di sản tranh Đông Hồ.

Hàng năm làng Hồ có hội làng vào rằm tháng 3 âm lịch. Trong hội làng có những nghi thức truyền thống như tế thần, thi mã, thi tranh rất vui vẻ. Làng còn có các làn điệu dân ca như:

Hỡi anh đi đường cái quan
Dừng chân ngắm cảnh mà tan nỗi sầu
Mua tờ tranh điệp tươi màu
Mua đàn gà lợn thi nhau đẻ nhiều.

Tranh Đông Hồ là một dòng tranh dân gian Việt Nam . Thơ Tú Xương về tranh Đông Hồ ngày Tết có câu:

Đì đoẹt ngoài sân tràng pháo chuột
Loẹt lòe trên vách bức tranh gà



Tranh Đông Hồ có các thể loại:

Tranh chúc tụng như Tranh tiền tài, Tranh cá đàn, Tranh đám cưới chuột, Tranh lợn đàn, Tranh phú quý.

Tranh đám cưới chuột cho ta thấy:

Văn hóa làng xã của Việt Nam khiến mọi ngày lễ của gia đình đều trở thành ngày lễ của cả làng, coi xã hội như một gia đình mở rộng nên họ lấy cái dĩ hòa vi quý làm trọng.

Nét văn hóa này cũng góp phần khiến tính cộng sinh trở nên quan trọng trong xã hội Việt Nam (theo GS Ngô Đức Thịnh, Viện trưởng Viện văn hóa dân gian VN) sự dĩ hòa vi quý đó khiến người Việt Nam xử lý tình huống và mâu thuẫn có tình.



Bức tranh thể hiện rất rõ tâm lý dĩ hòa vi quý của người Việt: “Chuột và mèo ở đây là hai mắt xích của hệ thống tự nhiên hoàn chỉnh. Sự tồn tại của anh này ảnh hưởng đến sự tồn tại của anh kia. Nó mang cả trong mình quan niệm về triết học chứ không chỉ đơn thuần là xã hội học.

Bức tranh gồm có hai nội dung chính: Thứ nhất, mô tả cảnh họ hàng nhà chuột dâng lễ cho mèo, làm nền cho nội dung thứ hai, đám cưới chuột diễn ra an bình hạnh phúc. Bốn nhân vật chuột đi dâng lễ tỏ thái độ rất thân thiện và vui vẻ. Nhận lễ trong tiếng nhạc, thứ luôn khiến vạn vật vạn người thấy, hòa bình chung sống là điều hạnh phúc nhất.

Tranh tín ngưỡng như Tranh Tử vi, Tranh vinh hoa, Tranh táo quân.

Tranh Vinh Hoa (Vinh hiển, hào hoa) là tranh cầu chúc cho gia đình mình có con trai mang đầy đủ năm đức tính: văn, vũ, dũng, nhân, tín.

- Văn: thể hiện ở mào con gà: như mã quan tức là học thức của con người.

- Vũ, dũng: thể hiện ở móng và cựa của con gà, thể hiện sức mạnh của con người.

- Nhân: Khi kiếm được mồi con gà thường gọi bầy đàn bằng tiếng cục cục.

- Tín: Báo hiệu cho con người làm việc đúng giờ.

- Bông hoa cúc thể hiện cho sự cao sĩ của người đàn ông.

Tranh Lợn đàn nói về sự no đủ, hạnh phúc của một gia đình. Khoáy âm dương thể hiện cho sự sinh sôi nảy nở.

Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong
Màu dân tộc sáng hừng trên giấy điệp

Tranh lịch sử như Tranh trần Hưng Đạo, Tranh vua Đinh Tiên Hoàng, Tranh hai bà Trưng, Tranh Bà triệu đánh giặc



Tranh phong tục như Tranh chim lồng, Tranh chữ dấu móc, Tranh đấu vật, Tranh Rước Trống, Tranh hội đu, Tranh lão nông, Tranh ngày mùa thu hoạch

Tranh phê phán như Tranh đánh ghen

Tranh chữ như Tranh chữ tâm, Tranh chữ phúc, Tranh chữ đức, Tranh chữ nhẫn, Tranh Phúc Lộc Thọ

Làng Đông Hồ còn có tên là Làng Mái. Cứ đến sáu phiên chợ trong tháng mười một, mười hai âm lịch, tranh làng Đông Hồ bày khắp sân đình. Người các tỉnh về mua rất đông để đem về vùng mình bán tranh Tết của làng Đông Hồ.

LƯƠNG VĂN HỒNG

Tranh vẽ Kiều
của nữ họa sĩ Ngọc Mai (SàiGòn)



TRỞ VỀ VỚI KIỀU
TRONG TƯ THẾ HỒN NHIÊN

VÕ CÔNG LIÊM

*'Nhật mộ hương quan cộng nhất sầu'**

Khi tôi bừng thức dậy, ám ảnh mọi thứ giữa đời như ấn tượng xô đẩy ngả nghiêng, trộn lẫn vào nhau -quand je me suis réveillé, j'ai eu l'impression d'avoir tout mélangé- 'Tôi' ở đây là tôi của nàng Kiều, một cái tôi chung, một chỉ định từ mỗi khi đã 'hoàn hồn' thức tỉnh (to awaken), đó là tâm lý nội tại, một bất chợt đơn thuần nhưng trong cái tư thế đó chính là cái chao đảo, rối loạn tâm tư, chính những trạng thái đó âm hưởng phần nào tương quan tâm trạng của Thúy Kiều từ khi mới lớn cho đến khi bước vào đời; với đầy đủ mộng mơ của một cõi đi về hạnh phúc, nhưng cõi mộng trở về không có thực, để rồi chấp nhận thương đau, dấn thân, nhập thế, con đường trước mặt Kiều là cả một đánh đổi thương mong 'compassiononate'. Không riêng Kiều mà tư thế hồn nhiên như đã an bài cho mỗi chúng ta. Cho nên, trong cuộc đời thực trạng làm người đều nằm trong qui trình của thời gian và chính lẽ đó mà hồn nhiên không thấy thời gian. Tuổi trẻ không thấy mình là thời gian. Kiều cũng thế; để rồi thương vay khóc mướn. Không riêng Kiều; 'Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu'. Âu cũng là lẽ thường.

Cuộc đời và thời gian bắt đầu từ đây. Thức dậy -réveil/awakening- để nhận ra thời gian, vì thời gian là cơ sở, là yếu tố hủy diệt. Thời gian là cuộc đời.Quan Viên Ngoại và Kiều là đối tượng của thời gian, hai cái nhìn khác biệt nhau nhưng tựu chung là một. Kiều rơi lệ với cha là một cái giá đánh đổi, Kiều biết đau xót nhưng không thể ngăn được. Trong La vie En Fleur của Anatole France, có đoạn viết: 'Cuộc đời con người hoàn toàn đau đớn và không khi nào dứt được những

mối thương đau…' cho nên trong thương đau cũng có cái sung sướng của đau thương; trong hạt lệ vẫn có vinh quang của hạt lệ.

Đau thương là ý nghĩa cuộc đời, một hiện thể của con người. Cuộc đời đang sống là đấu tranh với hạnh phúc, do đó con người phải biết chấp nhận đau thương để trả cái giá hạnh phúc. Kiều là nạn nhân của sự chọn lựa bi thương và hạnh phúc. Cái sự cớ đó đưa tới nước mắt, nước mắt nằm trong cõi vô thức của Kiều; khóc cho cuộc đời, khóc cho chính mình, hạt lệ đó chính là thân phận con người, trong đó thân phận con người mà Kiều đang thủ giữ là cái khóc âm thầm và trầm thống :

'Khóc than khôn xiết sự tình'
...'Người ngoài cười nụ người trong khóc thầm'

Khóc thầm của Kiều là nước mắt khô không lệ. Đó là tiếng khóc mà Thượng đế an bài trong chúng ta. Với tư thế hồn nhiên; Kiều đánh mất hiện hữu, nhất là hiện hữu đó lại là một hiện hữu của tâm trạng, không còn là tính cách vật lý nghĩa là không phụ thuộc vào sự chuyển vần của ngoại tại nhưng vẫn ý thức sâu xa hiện hữu tính của mình. Thành thử qua sự chuyển vần ngoại tại và ý thức hiện hữu, đấy là thời gian hiện sinh của Thúy Kiều. Cho nên chi 'kiếp người' là cả biến động với thời gian; đổi thay theo tâm trạng, đổi thay theo nhịp đời. Bởi trong tư thế hồn nhiên con người không thể biết mình biến dịch và Kiều cũng ở trong biến dịch hồn nhiên đó:

'Sen tàn, cúc lại nở hoa
Sầu dài, ngày ngắn, đông đà sang xuân'

Đấy là sự bắt gặp giữa hiện hữu và vô tri (inconnu/unknown) qua thời gian, 'trở về' của tư thế vô tư có nghĩa là không biết chi cả, Kiều đang ở trạng thái của sự trở về 'rever' với cõi mộng mà mộng của Kiều là mộng ảo!

'Tiếng sen sẽ động giấc hòe
Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ màng'

Điều ấy cho chúng ta thấy được tâm lý nội tại ở Kiều, một tâm lý hiện-sinh-hữu-thức đưa đến vô-thức-trung-hòa của mộng. Chính cái sự lý phủ phàng nầy Nguyễn tiên sinh đã nhấn mạnh rõ ràng như một qui trình thời gian và con người:

'Trăm năm trong cõi người ta'

Lời thơ mở đầu như nhắc nhở; trăm năm là thời gian, cõi người ta là hiện thể, hai yếu tố nầy trở nên qui luật mà con người phải nhận lấy khi mở mắt chào đời cho đến khi nằm xuống. Thời gian là nhân chứng của con người, thời gian đi mà con người không đi, con người chết mà thời gian không chết, đó là hiện tượng dung thông mà chỉ thốt lên lời ai oán để nhận lấy.Thốt nhưng không Than, vì than là mất tính hiện hữu. Thốt hay than là một. Không! Nói như thế là không có thời gian hiện hữu, thời gian xã hội và thời gian con người. Thốt là ngậm đắng như Nietzsche đã nói trong Zarathustra: -Thốt để được trở về và Kiều muốn trở về trong tư thế hồn nhiên đó!

' Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung'

Giữa hoàn cảnh đó; ngoài thời gian hiện sinh, bao hàm hiện hữu tính của con người. Nguyễn Du đưa vào trong Đoạn Trường Tân Thanh một thời gian Vô-Tri /Unconscious đẩy Kiều vào 'nhập thế'. Kiều đã sống 3 nhịp đời khác nhau với đời. Mà giòng đời đi qua trong Kiều là hình thể của vô-tri-tính nằm trong hiện-hữu-tính của thời gian. Vậy 'trở về với Kiều trong tư thế hồn nhiên' là một lý tính giữa vô-tri và hiện-hữu, cả hai được qui về cùng một thể. Cho nên tâm lý sự thể và vật lý sự vật đã tạo nên một trạng thái khác không kém phần quan trọng; ấy là sự chán chường,

buông xuôi, chấp nhận như chuộc tội, biết rằng đó là một hiện hữu phi lý. Nhưng thật ra; nhìn vào tâm thức con người, sự bi đát đó không phải một hai là thời gian mà chính là thân-phận-làm-người, ngoại vi của cuộc đời Nguyễn Du cũng là thân phận, người đã nhận lãnh như an bài, đau đớn chấp nhận để trở về với mộng ban đầu nơi ngọn Hồng Lĩnh với dòng sông Lam, mơ về thú điền giả... Đó là tâm hồn của con người đang hướng ngoại để tìm nơi trú ẩn, một ý tưởng vượt thoát của Kiều, vượt thoát ra khỏi quá khứ của Kim Trọng và Thúy Vân, vượt thoát những vướng mắc đưa đẩy rồi đẩy đưa Kiều vào hoàn cảnh chán chường, buông thả, một hợp thể của đoạn trường . Thật vậy; nhân gian cũng thường nói 'đoạn trường ai có qua cầu mới hay' đó là nỗi bi thống của Kiều nằm trong vực thẳm của Nguyễn Du, có thể là sự cớ che lấp bản ngã của mình(?). Tất cả trở về trong tư thế hồn nhiên, một hành động che lấp để được bình yên; dù rằng Kiều đang đối diện với sự thế, lấy cái vô tư để khấp lỏa 'nghĩ thân mà lại ngậm ngùi cho thân'. Một lối dự phóng thời gian của Thúy Kiều, nảy sinh từ sự chán chường của hiện hữu phi lý, điều mà đời kết nạp cho Kiều, giờ đây chỉ còn là tiếng đồng vọng như lời ai óan, như đoạn trường, dự phóng nầy là biểu lộ một nỗi niềm sợ hãi về đời người về cuộc sống, về thời gian hiện sinh, về thời gian tâm lý mà bản thân Kiều cũng như Nguyễn tiên sinh phải chịu nhận để sống còn, chính nhờ vào tư tưởng thâm hậu đó Kiều mới hiện hữu tồn lưu (existence) tác động từ vô thức ngoại giới như một hiện tượng lướt qua trong đời :

'Mai sau dù có bao giờ'

Đó là hoài vọng của những con người rơi vào tuyệt vọng, thất chí để chờ xem 'thời gian' và 'trở về' làm được gì với tư thế hồn nhiên :

'Đốt lò hương ấy so tơ phím này'

Từ tất cả bi thương mà Kiều nhận lãnh là ý thức bất mãn, chán chường không chịu được những giới hạn của phút giây đang hiện có và phút sống hiện tại. Baudelaire cũng chua xót kêu lên trong Spleen de Paris : 'Any where out of the world' bất cứ ở đâu của thế giới loài người đều chua xót, chứa đựng một khí hậu xấu xa -il fait mauvais- một sự phẩn nộ trong người. Chính là lúc Kiều muốn sống ngoài cuộc đời này, ra khỏi thế giới của người đời như Baudelaire ; vì nhận rõ sự bất tương, bất đồng của giòng thời gian trôi chảy, cái sự lý đó là chấp nhận hiện hữu sống để được sống còn (survival/survivre) dù là thảm họa sẽ xẩy đến.

Qui nạp những tình huống như thế cho nên Kiều luôn luôn mơ về, dù mơ về với mộng ảo, muốn vượt qua tất cả mọi thực tại, mọi biến cố cũng như những trung gian đưa đẩy Kiều, ngay cả cửa Phật cũng đem lại khổ sở cho con người trong hiện hữu. Một hiện hữu tha hóa, một xã hội tha hóa, một chế độ phong kiến hủ hóa. Kiều hay Nguyễn Du đều là nhân vật sống thực, một kiểu thức 'existential' để rồi quay về với tư thế hồn nhiên. Cho nên con người ở thời điểm đó chỉ biết 'ngậm đắng' :

'Đau đòi đoạn, ngất đòi hồi
Tỉnh ra lại khóc, khóc rồi lại mê'

Nhưng phải nhận ngay rằng, những giai đoạn đời đẩy Kiều vào hầu hạ, đẩy Kiều vào 'lầu son gác tiá', đẩy Kiều đi tới cái chết, đó là ý thức sống dậy réveil/awakening để đưa Kiều về với thực tại của thời gian , tức giá trị hiện hữu hoàn cảnh. Cái cơ bản đó là cơ bản của vọng lai để chờ đợi giải thoát. Muốn được giải thoát Kiều phải có một tư thế sống hồn nhiên để được thương mong, đó là tâm lý nội tại. Nguyễn Du dàn dựng như thế là hợp lẽ với đời. Vì sao ? Thưa rằng nhân vật Kiều là kẻ bi-hùng-tráng nhưng đành sống trong yếm thế. Xem lại thời gian sống của Kiều : 15 năm lưu lạc là một tại thế của sự thất bại hoàn toàn. Kiều bị 'quẳng' vào đời, ném xuống hố tuyệt vọng, đứng 'chịu đòn' với đời, hứng chịu 'bề hội đồng' ở lầu son, phỉnh phờ, lường gạt. Tất cả Kiều nhận tất không một mảy may ; nhận trong chua xót, trong bi thiết, trong bao nhiêu đớn đau của đời người. Thúy Kiều hóa thân từ Chánh Huệ để nhập vào Tà Huệ. Đó là thảm kịch đời ! Có nên đẩy Kiều vào một góc tường nào đó nữa không ? Hay phải đợi ba trăm năm sau rồi khóc. Trể ! nên khóc bây giờ trước khi chết, đừng khóc khi đã chết ; đó là ý tứ của Tiên Điền nhắn gởi.

Giữa hai hoàn cảnh khách thể và chủ thể họ sẽ xử lý như thế nào ? Cả hai thứ nầy đều sống thừa dù xã hội hôm qua hay hôm nay. Cho nên chi hủy diệt con người khách thể, hủy diệt con người chủ thể là cứu con người bản thể tức cứu Kiều ra khỏi những háo hức, vụ lợi vô ý thức. Nguyễn Du đứng trước một không gian đối tượng của vọng lai để làm sao cho Kiều sống như trở về tư thế hồn nhiên. Nỗi đau ấy phát tiết như sau :

'Thân sao thân đến thế nầy
Còn ngày nào cũng dư ngày ấy thôi'

Đấy là luận chứng luân lý về thời gian và con người, hai vị trí nầy là tâm trạng khắc khỏi của bi thương, một 'đoạn trường cho hết kiếp nầy mới thôi'. Vũ trụ con người chính là thời gian nội giới, sự chuyển vần của giòng tâm thức để đưa con người đến toàn diện hơn. Kiều là kẻ đứng trước tâm thức đó, đối đầu với thời gian xã hội, mà thời gian xã hội chính là thảm kịch. Trong sự phối hợp giữa mình cùng ngoại giới, con người phải tuân theo như mệnh lệnh của luật chuyển di hay hủy diệt, điều đó như phát sinh ra cái gọi là 'tài mệnh tương đố' để trở thành hình thể của nhân sinh quan. Từ nhận định khái quát, về sự phối hợp tất nhiên giữa ngoại tại và nội tâm để tạo nên một thể thời gian qui định của đời, cái đó thuộc thời gian của con người và thời gian xã hội, hai sứ mạng nầy liên kết với nhau để tạo nên một vũ trụ riêng mình. Bao nhiêu biến động trong đời Kiều là số phận, một số phận riêng tư nhưng đồng thời bao hàm thân phận đàn bà phải trải qua những cuộc bể dâu là biện chứng từ ngàn xưa của nhân loại. Trong Kinh Thi cũng nhắc đến ; 'cổ lai tài mệnh lưỡng tương phương' Thúy Kiều là nạn nhân bi đát của thời đại, Kiều là đại diện sự thật của thời gian, thời gian của số phận được vận chuyển vào trong 'Đoạn Trường Tân Thanh' bằng một giòng thời gian như nhiên của vũ trụ ; bao gồm vũ trụ con người, vũ trụ thời gian và vũ trụ xã hội đó là một liên trình của 3 thể luân hoàn : khách thể, chủ thể và siêu thể. Đối với Kiều ; 'mai sau dù có bao giờ', dù hoạn nạn hay bi thương, vinh hay nhục vẫn son sắc với đời, vẫn trở về trong tư thế hồn nhiên để giữ được cái thế an nhiên tự tại :

'Bắt phong trần, phải phong trần
Cho thanh cao, mới được phần thanh cao'

Đó là lời cuối trong đại thi phẩm vĩ đại của Nguyễn Du. Một đại thi hào Việt Nam và cả thế giới. Cốt tủy của truyện thơ là nói lên triết thuyết nhân sinh. Nói lên tính nhân bản, có lẽ cho tới ngày nay người ta vẫn còn suy ngẫm về chân lý đó. Cho nên lý luận Kiều tức nói được nỗi lòng của Nguyễn Tiên Điền, người đã gởi xác và hồn vào trong một tinh anh sáng ngời đó cho muôn thế. Không có hạt lệ nào bi thương hơn Đoạn Trường Tân Thanh và cũng không có tiếng thơ nào bi thiết và trầm thống như Kiều. Nó vẫn mãi mãi là giòng thơ đương đại và thời thượng. Hơn hai trăm năm qua chưa có một thi văn nào nhỏ xuống những dòng huyết lệ như thế. Thiết nghĩ ngày nay có tâm trạng đó chăng cũng chỉ là 'mua vui cũng được một vài trống canh' chỉ là chiếu lệ cho vui với đời thôi mà ! Làm sao có được một nhân vật thi bá như vậy. Có ! nhưng có của lớp phường chèo mượn tiếng mua danh. Rõ khốn !

(ca.ab Family-day 2/2012)

**** 'Bóng xế quê hương một nỗi lòng' Hán Dương văn diễn-Bắc Hành Tạp Lục. Nguyễn Du.***

<u>SÁCH ĐỌC</u> :

- Truyện Thúy Kiều. Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim. NXB Đại Nam. Không ghi ngày tháng năm phát hành. Hiệu Khảo : Trần Trọng Kim : Hà-nội, Năm Ất Sửu 1925.

VÕ CÔNG LIÊM



biên luận

TẢN MẠN VỀ NĂM MÙI

NGUYỄN CUNG THÔNG

Năm Mùi lại sắp đến và ta thường hỏi là tại sao tên gọi là Mùi, không là dê, dương hay vị ...? Phần này đưa ra vài cách nhìn hầu giải thích phần nào các lý do dẫn đến hiện tượng trên. Ngôn ngữ con người biến đổi theo thời gian (âm cổ và âm hiện đại) và không gian (phương ngữ, thổ ngữ, ngữ hệ), thành ra phần này sẽ bàn về các dữ kiện minh xác kết quả trên. Đây cũng là mục đích chính của loạt bài *"Nguồn gốc Việt (Nam) của tên 12 con giáp"*, phần này tiếp theo bài *"Nguồn gốc Việt Nam của tên 12 con giáp – Mùi/Vị - *mjei – Dê (phần 15)"*. Các bài viết sau nhưng cùng một chủ đề sẽ đánh số với mẫu tự A, B, C... Hi vọng loạt bài này gợi ý và tạo thêm động lực cho người đọc tìm hiểu thêm về tiếng Việt và những liên hệ ngôn ngữ thật thú vị. Các chữ viết tắt trong bài này là LM (Linh Mục), BK (Bắc Kinh), TVGT Thuyết Văn Giải Tự (khoảng 100 SCN), NT (Ngọc Thiên/543), ĐV (Đường Vận/751), NKVT (Ngũ Kinh Văn Tự/776), LKTG (Long Kham Thủ Giám/997), QV (Quảng Vận/1008), Tập Vận (TV/1037/1067), CV (Chính Vận/1375), TVi (Tự Vị/1615), VB (Vận Bổ/1100/1154), VH (Vận Hội/1297), LT (Loại Thiên/1039/1066), CTT (Chính Tự Thông/1670), Tự Vị Bổ (TViB/1666), KH (Khang Hi/1716), HNĐTĐ (Hán Ngữ Đại Tự Điển/1986), Thiết Vận (ThV/601), Vận Kinh (VK/1161). Dấu hoa thị * dùng để chỉ âm cổ phục nguyên (reconstructed sound). Không nên lầm số thứ tự chỉ phụ chú và thanh điệu sau vần.

Trong Thập Nhị Chi (12 con giáp), chi thứ 8 là chi Mùi 未, đáng lẽ phải đọc là Vị theo các cách đọc của vận thư (chính thống hay "chuẩn").

1. Các cách đọc chữ Vị 未

Chữ mùi/vị 未 (thanh mẫu minh 明 vận mẫu vi 微 khứ thanh, hợp khẩu tam đẳng) có các cách đọc theo phiên thiết

無沸切 , 音味 vô phí thiết, âm vị (TVGT, ĐV, QV, TV, LT, VH, CV, LTCN 六書正擬, TVi, CTT, TĐTAT 重訂直音篇) - TVi ghi phì khứ thanh 肥去聲, CTT ghi vi khứ thanh 微去聲

亡貴切 vong quý thiết (NT, TTTH)

...v.v...

Giọng BK bây giờ là wèi (viết theo hệ thống pinyin hiện đại) so với giọng Quảng Đông mei6 và các giọng Mân Nam 客家话 : [梅县腔] wi5 wui5 [沙头角腔] wui5 [客英字典] vui5 mui5 [陆丰腔] mui6 [东莞

腔] mui5 [宝安腔] mui3 [客语拼音字汇] vui4 [海陆丰腔] wui6 [台湾四县腔] wi5 潮州话 : bhi7(bī) bhuê7(būe) - giọng Mân Nam/Đài Loan là bi7, tiếng Nhật là mi bi và tiếng Hàn là mi. Tiếng Saek[1] cổ là muy4 so với tiếng Saek hiện đại là mame4 (như tiếng Thái). Tiếng Lào là moth so với tiếng Dioi là fat1, tiếng Ahom là mut và tiếng Tây Tạng là lug. Một dạng âm cổ phục nguyên của Mùi là *m^{w}ei. Thật ra âm mùi đã hiện diện trong cách đọc chữ 味 - tiếng Việt đã duy trì cách đọc cổ hơn của hai chữ 味 và 未 - đều đọc là mùi. Cụ Thiều Chửu[2] cũng từng ghi rằng Vị '*thường quen đọc là chữ Mùi*' (quen đọc ở đây hàm ý là theo thói quen từ xưa đến nay, hay là một dạng âm cổ hơn).

2. Các cách đọc chữ 味

Chữ mùi/vị 味 (thanh mẫu minh 明 vận mẫu vi 微 khứ thanh, hợp khẩu tam đẳng) có các cách đọc theo phiên thiết

無沸切,音未 vô phí thiết, âm vị (TVGT, ĐV, QV, TV, VH, CV, LT, TVi)
莫拜切,音韛 mạc bái thiết, âm **muội** (TV, LT)
武沸切 vũ phí thiết (NT, TTTH)
莫珮切，音妹 mạc bội thiết, âm **muội** (KH)
亡曷反，音沫 vong hạt phản, âm mạt (ThVn 釋文)
莫葛切 mạc cát thiết (LT)
無貴切,音未 vô quý thiết, âm vị (CTT)
...v.v...

Giọng BK bây giờ là wèi so với giọng Quảng Đông mei6 và các giọng Mân Nam 客家话 : [梅县腔] mi5 [宝安腔] mui3 [客英字典] mui3 mi5 [东莞腔] mui5 [客语拼音字汇] mi4 mui4 [海陆丰腔] mui6 [沙头角腔] mui5 [台湾四县腔] mui5 [陆丰腔] mui6 潮州话 : bhi7 - - giọng Mân Nam/Đài Loan là bi7, tiếng Nhật là mi bi và tiếng Hàn là mi. Ta thấy từ các âm đọc trên, tiếng Việt Mùi là gần với âm giọng Mân Nam nhất. Liên hệ giữa tiếng **Hẹ** (Khách Gia Ngữ/Hakka)/**Mân Việt** và **Lạc Việt** theo dòng thời gian (và suốt chiều dầy lịch sử dựng nước) rất đáng chú ý, nhưng không nằm trong chủ đề bài viết này. Ngoài mùi viết bằng bộ khẩu với chữ Vị, các chữ[3] 妹 昧 眛 沬... đều đọc là **muội**.

Bài viết trước đây về âm Mùi (xem nguồn trích ở mục 4) đã giải thích biến âm m > v, dựa vào các dạng kí âm từ tiếng Phạn như ~~न्म~~ nam-ana trở thành Nam Mô hay Nam Vô 南無, Mañjuśrī অবলোকিতেশ্বর trở thành Văn Thù Sư Lợi 文殊師利 ... Cũng như các tương quan vô 無 mựa (VBL), vạn 萬 muôn, man (VBL) ...v.v... Ngoài ra, các cách đọc phiên thiết bên trên cho thấy tương quan giữa nguyên âm trước/nhỏ i và nguyên âm sau/lớn ơ/u. Tóm lại, ta có cơ sở rất vững chắc để kết luận âm Mùi là âm cổ hơn của Vị. Không những thế, phạm trù nghĩa của Mùi tiếng Việt chỉ giới hạn trong các ý chỉ 12 con giáp hay hơi ngửi thấy, nhưng không hàm ý chưa như cách dùng vị lai (chưa đến), vị tường (chưa rõ), vị hôn phu (chồng chưa cưới), vị thành niên (chưa đến tuổi thành nhân) - không thấy ai dùng *mùi lai, *mùi tường, *mùi hôn phu, *mùi thành niên ... Cách dùng trên tương ứng với nghĩa cổ nhất của Mùi (chỉ thời gian/Thập Nhị Chi) và Vị (phó từ, nghĩa là không, chưa).

3. Các dạng biến âm và kị (tị) huý

Thử đặt trường hợp một gia đình có người tên chữ là Mùi và viết là 未, các thế hệ sau nếu có dùng chữ này sẽ đọc là Vị chẳng hạn (âm đọc mới hơn). Mùi và Vị chỉ là hai dạng (biến âm) khác nhau của cùng một gốc hay cùng ngữ căn, từ đó ta có một khả năng giải thích hiện tượng kỵ huý. Đây chỉ là 'quân bằng lại' cách hiểu tại sao lại có sự khác biệt giữa các cách đọc khác nhau. Một trường hợp liên hệ là chữ Mậu 戊, âm BK bây giờ là wù (tương ứng với vụ HV), nhưng các giọng đọc phương Nam TQ và HV đều vẫn còn duy trì âm cổ hơn là Mậu. Đến nỗi vua nhà Lương đã ra lệnh bắt phải đổi Mậu thành Vũ 武 (wǔ BK bây giờ) để tránh phạm huý[4] vào năm Khai Bình nguyên niên (907, theo Ngũ Đại Sử). Khác với GS Nguyễn Tài Cẩn, và dựa vào các phương ngữ Nam TQ (Quảng Đông, Đông Hoàn Khang ...), người viết cho rằng âm Mậu đã hiện diện cùng lúc với âm Vũ (âm mới hơn) chứ không phải chờ đến sắc lệnh của vua nhà Lương! - Xem chi tiết trang http://www.zdic.net/z/1a/js/620A.htm . Thành ra vấn đề kỵ huý phần nào chỉ là 'chính thức hoá' cách đọc của quần chúng (và địa phương) từ chính quyền trung ương đương thời mà thôi, phản ánh khuynh hướng 'ý dân là ý trời' (*Vox populi, vox dei* - tục ngữ La Tinh cổ đại). Ngoài ra, âm cổ hơn của Vũ là múa vẫn còn được bảo lưu trong tiếng Việt.

Một trường hợp kỵ huý khác cũng đáng chú ý là danh nhân Ngô Thì Nhậm[5] (1746-1803): chữ Hán viết là 吳時壬 hay 吳時任. Ngô Thì Nhậm có thể đọc là Ngô Thời Nhậm hay Ngô Thời Nhiệm vì kỵ huý vua Tự Đức (Nguyễn Phúc Thì, Nguyễn Phúc Hồng Nhậm). Từ thời VBL (1651) ta đã có các âm nhiệm và nhậm, thím (thẩm), tim (tâm), tìm (tầm), kim (châm) ... So với các giọng Quảng Đông đọc Nhậm là jam4, jam6, các giọng Mân Nam jim5 ngim5 rim6 ngim6 ... Thành ra, Nhiệm là một dạng âm cổ hơn so với Nhậm - âm cổ phục nguyên của Nhậm là *njim - xem thêm chi tiết về các cách đọc của Nhậm trang này chẳng hạn http://www.zdic.net/z/15/js/4EFB.htm .

Tóm tắt cho phần này, cách gọi Mùi là một dữ kiện ngôn ngữ quan trọng để tìm lại âm cổ hơn của Vị (cách đọc 'chuẩn/hàn lâm'). Đi xa hơn nữa là khả năng nhái lại âm thanh phát ra từ loài thú này (âm *m^{w}ei > me be) hay tượng thanh để cho ra các dạng Mùi, Vị, bê, dê ... Các dạng này vẫn còn tồn tại trong các ngôn ngữ dân tộc ở Nam TQ, âm Hán Việt và tiếng Việt, khiến ta phải đặt lại vấn đề về nguồn gốc tên gọi 12 con giáp; không phải từ TQ mà ra như nhiều người lầm tưởng qua bao ngàn năm nay và từ Đông sang Tây! Sự tiến hoá từ nghĩa cụ thể (tiếng động vật kêu, tên gọi loài vật) cho đến cách ghi thời gian (năm, tháng, ngày, giờ) và phó từ phủ định (trừu tượng) là một quá trình rất tự nhiên và dễ hiểu. Những cống hiến âm thầm này vào văn hoá Hán đã đến lúc cần được đưa ra ánh sáng qua các lăng kính ngôn ngữ, lịch sử và khoa học khách quan. Một hệ luận từ các dữ kiện ngôn ngữ trong bài này là hiện tượng kị huý, có thể hiểu được phần nào từ khuynh hướng quân bằng lại sự biến hoá rất bình thường của ngôn ngữ loài người (âm cổ và âm mới hơn).

4. Phụ chú và phê bình thêm

5.

Để cho liên tục, bạn đọc có thể tham khảo loạt bài *"Nguồn gốc Việt (Nam) của tên 12 con giáp"* trên các trang mạng như http://newvietart.com/Mui-Vi-1.pdf hay vanchuongviet.org ...v.v...

Phần này không hoàn toàn theo cách ghi tài liệu (Bibliography) tham khảo APA hay MLA vì bao gồm các phê bình thêm về đề tài, tài liệu và tác giả để bạn đọc có thể tra cứu thêm chi tiết và chính xác.

1) Tiếng Saek (ngôn ngữ của dân tộc Saek) còn lưu lại trong vài làng ở Đông Bắc Thái Lan. Tiếng Saek thuộc vào họ Tai-Kadai (mà tiếng Thái được nhiều người biết đến nhiều nhất). Bây giờ thì dân tộc Saek hầu như đồng hoá hoàn toàn vào xã hội Thái. Xem thêm bảng từ vựng tiếng Saek của William J. Gedney: *"The Saek Language: Glossary, Texts and Translations"* Michigan Papers on South and Southeast Asia no. 41 ...v.v...

2) Thiều Chửu 1942 "Hán Việt Tự Điển" tái bản nhiều lần - như từ NXB Đà Nẵng (2005). Tự điển Việt-Hoa-Pháp/Dictionnaire vietnamien-chinois-francais của LM Gustave Hue (1937) cũng ghi Mùi là *'... prononciation annamite du caractère Vị ...'*.

3) Có khoảng 15 chữ Hán - thường là chữ hiếm - dùng chữ Mùi làm thành phần hài thanh. Có 8 chữ đọc là muội, 3 chữ vừa đọc là muội vừa đọc là vị, các chữ còn lại đọc là Vị.

4) Nguyễn Tài Cẩn 1985 "Một số vấn đề về chữ Nôm" NXB Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp (Hà Nội, 1985 – trang 22/110). Ảnh bên dưới chụp một phần từ Tự Vị (1615) cho thấy chữ 戊 đọc là 莫侯切 , 音茂 mạc hầu thiết âm mậu ... Nhưng sau tị (huý) nên đọc thành Vũ ...v.v... Thật ra một dạng âm cổ của Vũ là *mĭu, tiếng Việt vẫn còn duy trì âm múa; so sánh với các tương quan Mùi Vị, múa vũ, vu mo (đồng cốt), vụ mù (sương), vọng mong, võng mạng ...
Truyền thống bảo thủ phong kiến cộng hưởng với khuynh hướng 'quân bằng lại' ngôn ngữ làm phép kị huý trở thành một yếu tố văn hoá đáng kể.

5) Một số âm Hán Việt cũng cho thấy tương quan của vần **-am** và **-iêm** như chữ hàm 啣 (hộ giam thiết 戶監切/ĐV, 乎監切 , 音銜 hồ giam thiết, âm hàm/TV) còn có thể đọc là khiểm (苦蕈切 , 音歉 khổ khuấn thiết, âm khiểm/QV/TV/CV) ... Hay chữ sam 摻 (sở hàm thiết 所咸切/ĐV, sư hàm thiết 師咸切/TV/VH) còn có thể đọc là tiêm (tư liêm thiết, âm tiêm 思廉切 , 音纖 TV/VH/CV) ...

NGUYỄN CUNG THÔNG



QUỐC TÚY QUỐC HỒN

XUYÊN QUA TỤC ĂN TẾT

KIM ĐỊNH

Quốc hồn là cái hồn thiêng của đất nước, cái tinh hoa văn hóa dân tộc, ta có thể gọi bằng tiếng mới là cái triết lý của tiên tổ chúng ta.

Quốc tuý trái lại là cái gì vật chất thường gắn liền với ăn với uống, có tính cách tinh vi, có khảnăng làm cho say, say tuý luý như quen nói về thuốc lào, rượu đế, một số món ăn đặc biệt tinh xảo.

Hai điểm trên nếu để rời thì nói được là đâu cũng có cách nọ hoặc cách kia, nhưng khi đem hai cặp thành ngữ đó ghép vào nhau thì đấy là một nét đặc trưng nghĩa là không đâu có. Nét đặc trưng nói lên hai điều, thứ nhất là đặt đạo vào ngay những truyện thường nhật như ăn uống là điều khác với nhiều nơi thí dụ Tây Âu và Hy Lạp thì họ đặt trên lý giới rất xa cõi người ta: ăn ra ăn, triết ra triết. Họ nói ăn đã rồi mới triết lý sau: prius manducare deinde philosophari. Với ta thì ăn đã là triết. Triết ngay trong việc ăn.

Điểm hai là nói lên tác động con người, chính con người giữ một vai chủ động ngay từ trong việc đạo, việc linh thiêng. Đó là điều đặc biệt của triết lý nhân chủ vốn đề cao tác động con người, đưa lên tới bậc ngang hàng cùng trời đất như bánh dầy chỉ trời chỉ đạo đó là quốc hồn, bánh chưng chi đất là quốc tuý: còn phần việc của con người là ăn. Nếu ta để tâm suy nghĩ sẽ thấy việc của con người cao cả xiết bao: đó là ăn trời ăn đất, hoặc nói theo Kinh Dịch là vui với trời, ăn với đất (lạc hồ thiên, thực hồ địa).

Chính vì nét đặc trưng đó mà tiếng Việt có những cặp danh từ kỳ lạ như ăn học, ăn chơi, ăn nói, ăn làm, ăn hỏi, ăn cứơi, ăn lời, nếu không thì ăn đòn v.v… tức là ăn đi với những v iệc không phải ăn. Vậy thì tiếng ăn ở đây nó như cái khung của đạo lý: thay vì nói phương pháp tôn chỉ của học của chơi thì ta nói ăn học, ăn chơi. Là vì đạo lý nào muốn có thực chất thì phải tiêu hóa, nên sau mỗi cái ăn đều có một đạo lý, thường được biểu lộ bằng một câu truyện và những âm vang như tục ngữ thói tục.

Thí dụ cụ thể là ăn trầu. Ăn trầu là một lối ăn riêng biệt rất công phu, kéo dài gọi là nhai. Nhai thì Mỹ cũng có, Mỹ Việt đều nhai: Mỹ nhai chewing gum, Việt nhai trầu. Nhưng đàng sau cái nhai của Mỹ không còn gì ngoại giả cao su. Ngược lại với miếng trầu thì đàng sau còn lắm điều hay. Điều thứ nhất là có say: có tuý luý, có đỏ mặt và nóng ran người. Điều hay thứ hai là có truyện trầu cau. Đây là truyện hay ở chỗ biểu thị cao sâu của nó, cây cau mọc thẳng lên tượng trời, hòn đá vôi nằm ngang dưới gốc tượng đất, còn người là cô gái trở thành cây leo quấn quýt lấy cả hai cây và đá. Vì đó có bản gọi tên cô là Liên tức đóng vai liên lạc giữa trời cùng đất. Quốc tuý được biểu thị bằng nhai đi nhai lại cho trầu cau hòa hợp vào nhau để sinh ra một chất mới là nước trầu đỏ thắm để chỉ quốc hồn quốc tuý hòa hợp và như vậy rất tiện để chỉ việc hôn phối giữa nam nữ, hầu sinh ra con cái nối dòng, do vậy mà miếng trầu trở nên đầu câu truyện với vô số phong dao tục ngữ đi kèm:

Trầu bọc khăn trắng cau tươi

Trầu bọc khăn trắng đãi người xinh xinh

Aên cho nó thỏa tâm tình (tuý đấy)

Aên cho nó thỏa sự mình với ta (hồn đấy).

Trầu này trầu quế trầu hồi

Trâu loan trầu phượng trầu tôi trầu mình.

Trầu này trầu tính trầu tình,

Trầu nhân trầu nghĩa trầu mình lấy ta.

Trầu này têm tối hôm qua,

Trầu cha trầu mẹ đem ra cho chàng.

Trầu này không phải trầu hàng,

Không bùa không thuốc sao chàng không ăn?

Hay là chê khó chê khăn,

Xin chàng đứng lại mà ăn miếng trầu.

Còn biết bao nhiêu nữa nhưng vậy tạm đủ để thấy sự dị biệt giữa cái nhai của Mỹ và cái nhai của tiền nhân ta. Nhai chewing gum thì chỉ có nhai đàng sau không còn gì; còn nhai trầu thì đàng sau có câu truyện trầu cau đầy ứ ý nghĩa với vô số cái ăn đàng sau: ăn hỏi, ăn cưới, rồi ăn ở, ăn nằm...

Sau ăn trầu thì nói đến ăn Tết ta còn thấy sự dị biệt lớn lao hơn nhiều. Trước hết Tây đâu có nói ăn tết, họ nói célebret gì đó, nghĩa là mừng. Thí dụ tết Tây chỉ có một ngày là hết, hôm sau là chấm tròn đi job. Tết ta thì có đến ba ngày, ta quen nói "ba ngày tết", đã vậy đó chỉ là chính cốt chứ phải kể cả sửa soạn và cái đuôi thì cả hàng tháng. Đến nỗi phong dao có câu:

Tháng giêng ăn tết ở nhà

Tháng hai cờ bạc tháng ba hội hè.

Đấy là cái khác nhau bên ngoài, bây giờ tìm vào đến nội dung ta mới thấy một sự khác biệt sâu

xa lạ lùng. Ta thấy tết chính là tiết, tức là tiết nhịp hòa âm thống nhất. Thống nhất chi? Thưa là trời đất người, cả ba phải hòa nhịp.

Vì thế mà tết phải có ba ngày và cả ba đều là căn bản, vì thiếu ba thì làm sao có hòa hợp, có thống nhất. Trời quá cao đất quá thấp, phải có người làm trung gian mới có thái hòa.

Rồi để cho sự thống nhất có nội dung trung thực thì tết phải mừng vào lúc trời hết lạnh, lúc đất nở hoa lá, con người có thể ra đồng trồng gieo. Vậy nên đó phải là mùa Xuân lúc khí trời ấm áp, thảo mộc nảy mầm lá hoa, người có thể đi ra để khởi đầu quá trình gieo gặt. Đó là một cảnh thái hòa được diễn cách cụ thể trong mùa Xuân. Ta quen nói: "Ngày xuân con én đưa thoi" là vậy.

Phải là mùa Xuân én mới đưa thoi được chứ ngày Đông mà rở thoi ra thì teo gấp, còn đâu nữa mà đưa, mà thoi không đưa thì làm gì có hòa hợp. Tết Tây không bao hàm triết nên họ đặt tết vào lúc thịnh đông: lúc trời rét căm căm, đất đầy tuyết, người phải rúc trong nhà.

Như vậy là chỉ nghĩ đến Trời mà không kể đến Đất đến Người, nên tết chỉ có một ngày, nếu nói ngặt thì Tây chỉ có một ngày đầu năm mà không có tết. Vì tết là tiết là nhịp mà có nhịp với ai đâu: độc tấu à, chỉ có Trời độc tấu. Đất với Người không tham dự, làm sao mà có truyện tết như ta.

Truyện tết kể rằng vua Hùng Vương thứ ba muốn truyền ngôi cho con, nhưng không truyền cho bất cứ con nào mà phải là con có tài có đức, vậy để tìm ra người đó thì vua đặt ra cuộc thì gia chánh kỳ lạ: hễ con nào làm được món ăn vừa ý vua hơn cả thì sẽ truyền ngôi cho.

Các con vua liền bổ đi khắp ngả để tìm của ngon vật lạ người lên rừng, kẻ xuống bể, kẻ đi đông người sang tây đưa về thôi thì đủ thứ: sơn nhung, hải vị, giò lụa, nem công, chả phượng, chả quế, hot dog, hamburger không thiếu thứ gì. Trong khi đó công tử thứ 9 tên là Lang Liêu nhà nghèo không có phương tiện chuyên chở nên chẳng tìm ra được cái gì xa lạ, nên buồn rầu cả đêm trằn trọc mất ngủ. May thay đang lúc bối rối thì có thần hiện đến mách nước rằng khỏi đi đâu xa xôi hãy xuống ngay bếp lấy gạo nếp ra làm một bánh vuông, và một bánh tròn, rồi chồng lên nhau mà dâng vua cha. Lang Liêu liền làm theo đó. Đến ngày thi thì được vua cha chấm nhất với ưu hạng khen rằng ăn không những đã ngon mà ý nghĩa thì hàm súc vô cùng, vì bánh chưng vuông chỉ đất, bánh dầy tròn chỉ trời. Vậy đó là đạo người rồi còn chi, vì người được định nghĩa là "nhân giả kỳ thiên địa chi đức" mà. Thực là không thể sâu xa hơn được nữa. Thế là vua truyền ngôi cho Lang Liêu và cải hiệu là Tiết Liệu nghĩa là biết lo liệu cho cuộc sống hợp với tiết trời cùng đất. Và từ đấy thì gọi ngày đầu Xuân là Tết và cũng từ đấy hễ đến Tết thì tiên tổ ta gói bánh dầy bánh chưng và gọi là bánh vua Tiết Liệu, với ý nghĩa là phải xếp đặt cuộc sống cho hợp với đạo trời đạo đất. Đấy là câu truyện tết.

Còn âm vang của câu truyện là sự thái hòa trước là giữa Trời, Người với Đất sau là giữa người với người.

Về Trời với Đất thì có những nghi lễ nhớ trời đất như múa lân, trời thì có Rồng với ông địa đi kèm...

Còn với người thì kỹ hơn. Với thế hệ đã qua thì có lễ Gia tiên, với những nghi thức tưởng nhớ đến ông bà. Với người đang sống thì thăm hỏi quà cáp, những người họ hàng ở xa cũng cố trở về quê hương ăn tết để gặp lại và thăm hỏi bà con.

Ấy là chưa kể đến thể chế bình sản, xóa bỏ sự phân chia giai cấp giữa kẻ có với người không, giữa chủ với nô, để ai ai cũng là người tự do, và nếu vì kế sinh nhai cả năm vất vả thì nhờ vào "ba ngày tết" mà nghỉ ngơi ít bữa để có dịp ngửa mặt nhìn trời, cúi xuống nhìn đất tức sống an vui trong mấy ngày: tạm xếp sang bên mọi bận rộn, lo âu thường nhật để lòng phơi phới vui Xuân: vì thế ngày Tết không ai dám đòi nợ, hay trách mắng, trái lại ai nấy cố vui tươi mời gọi, chào đón, đi đâu cũng có ăn với những nét mặt hân hoan cười nói làm ta dễ cảm tưởng đó là quang cảnh lân bàng với bồng lai tiên cảnh, vì là lúc người nghèo tới đâu cũng được hưởng cảnh

dư dật phong nhiêu tràn ngập của ngon vật lạ.

Đó lẽ ra phải là cuộc sống thường xuyên của con người nghĩa là con người lẽ ra phải được sống thảnh thơi như những con chim, làm ít chơi nhiều, tung tăng với ca xướng và vũ điệu như được ghi tạc trên mặt trống đồng Ngọc Lữ. Chính đó là lý tưởng của triết lý an vi, một nền triết nhằm hạnh phúc của mọi người như lý tưởng, như là cứu cánh. Và quả thực trong dĩ vãng lý tưởng đã hiện thực được phần nào tuy còn xa mới hoàn bị, nhưng so với những nơi khác thì quả không hổ mặt xưng là nước có văn hiến sống theo lý tưởng tết là hoà hợp giữa Trời, Đất, Người. Tuy vì trình độ lúc xưa chưa có cơ khí, cũng như vì nhiều lý do phức tạp con người chưa đạt được cảnh an vui thịnh vượng như ý, thì ít ra mỗi năm để ra ít ngày và tạo điều kiện để mọi người có thể sống lối sống lý tưởng nọ ít nhất trong ba ngày, rồi sau đó cố kéo dài ra được đến đâu thì đến, bằng các cuộc hội hè, đình đám, chơi xuân…

Đấy là lý do giải nghĩa tại sao tết đã in sâu vào tâm thức người Việt một ấn tượng tươi vui phấn khởi đầy tưng bừng trẻ trung đến nỗi thiếu tết nó làm cho ta cảm thấy mất mát một cái gì quá ư trầm trọng, mà trầm trọng thật, vì nó là dấu mất một nền triết lý ơn ích hơn hết cho con người mà Việt tộc có cái may đã sáng tạo và duy trì được trên bốn ngàn năm. Đang khi các nơi chỉ có triết lý một chiều bất động gây nên các thứ độc quyền, độc chiếm, độc chuyên, đã không giúp cho đời được an vui thì chớ, mà nếu chẳng may nó cướp được chính quyền thì gieo rắc đau thương trầm thống khôn cùng, như dân nước ta hiện đang là nạn nhân cực kỳ khốn đốn. Đó là trái đắng của triết lý xây trên không gian bất động với cái tết chỉ có một ngày, trái ngược hẳn với triết Việt xây trên chữ Thời rất uyển chuyển vì làm bằng tiết, nhịp, hợp hòa, thống nhất dễ giúp gây được nhiều hạnh phúc như nước ta trong hơn bốn ngàn năm qua đã nhiều lần được hưởng.

Đành rằng so với đời sống hiện nay được nâng đỡ do khoa học kỹ thuật: đâu đâu cũng đầy xe hơi nhà lầu với tiện nghi tràn ngập thì đời sống thôn quên ta xưa thấp hơn nhiều lắm. Thế nhưng biết bao người di tản vẫn nuối tiếc cuộc sống bên nhà là vì hạnh phúc con người chỉ lệ thuộc vào tiện nghi có 2 phần 5, còn ba phần nữa ở tại lối xắp đặt, ở tại môi sinh tinh thần, ở tại tâm hồn thảnh thơi: không có tủ lạnh nhưng gà vẫn chạy quanh vườn, cá vẫn lội dưới ao, lúc hứng lên muốn nhậu là chạy ra xùa rãnh bắt ít con tôm, hái thêm mớ rau mớ lá, lôi ra vài xị đế nữa, thế là một cuộc nhậu khởi đầu bất tận, nhiều khi có sáu câu vọng cổ mùi giúp vui hay dăm ba ván cờ tướng! Khỏi lo mất job với đụng xe. Đấy không phải bản ráp của cuộc sống trên "bồng lai tiên cảnh" hay sao? Thế mà không phải chỉ có trong huyền thoại nhưng đã thấp thoáng xuất hiện nhiều lần trong trình sử của nước ta.

Đó là công hiệu của một nền triết lý trung thực hơn hết cho con người mà "ba ngày tết" là một bản tóm sinh động. Như vậy quả là đáng cho chúng ta nâng niu gìn giữ như một gia sản thiêng liêng để mà truyền dòng nối dõi. Chúng ta cần phải nghiên cứu học hỏi để duy trì lấy nền văn hóa ơn ích nọ trong các đoàn thể ngươi Việt hải ngoại, cũng như để nuôi dưỡng cho ngày thêm vững mạnh ý chí phục Việt kiến quốc, mong một ngày nào đó không còn phải kỷ niệm tết, nói về tết nhưng là "ăn tết" với sự tham gia của mọi giác quan trên chính quê nước khi đã tìm lại đựơc tự do hạnh phúc như xưa.

KIM ĐỊNH

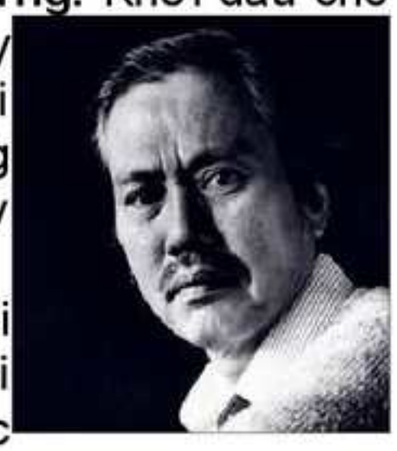




NHẠC XUÂN của
PHẠM DUY,VĂN CAO
& PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG
PHẠM VŨ

PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG (14/11/1929 – 22/8/1991) **với Ly Rượu mừng**

- Nhớ trước hết và hơn cả, vì không có Tết nếu không có **Ly Rượu Mừng.** Khởi đầu cho chương trình bao giờ cũng bằng ca khúc này. Không có lời chúc tụng nào đầy đủ cho mọi ngành mọi giới bằng sáng tác bất hủ này. Nếu Tây phương có bài ***Auld Lang Syne***, được Pháp hóa thành Ce n'est qu'un au revoir, là biểu tượng của giờ phút cuối của một năm, thì Ly Rượu Mừng đánh dấu một khởi đầu đầy hy vọng của năm mới với nét nhạc cung Fa trưởng tươi sáng, rộn rã.



Với nghệ danh Hoài Bắc, **Phạm Đình Chương** (là tên thật) cùng: anh Hoài Trung Phạm Đình Viêm, và các em Thái Thanh Phạm Thị Băng Thanh, Thái Hằng Phạm Thị Quang Thái (vợ nhạc sĩ Phạm Duy) và về sau có Khánh Ngọc (vợ cũ của Phạm Đình Chương) lập ban hợp ca Thăng Long danh tiếng. Khi còn đủ cả năm người trình bầy ca khúc, Ban hợp ca Thăng Long là một kết hợp tuyệt diệu. Ba giọng nữ Thái Thanh, Thái Hằng, và Khánh Ngọc quyện nhau như một. Giọng cao nam của Hoài Trung vững vàng dũng mãnh hòa với giọng Hoài Bắc (tức tác giả) giữ bè ba rất điêu luyện.

Đặc biệt hơn hết là lúc coda tức là đoạn kết, Hoài Trung hát ad lib câu "ước mơ hạnh phúc nơi nơi"... thật sung mãn và nghệ thuật. Những giọng kim nam dù có mạnh và điêu luyện đến đâu cũng không địch nổi một Hoài Trung ở câu này, như được viết cho riêng Hoài Trung. Cái chất giọng vang vang, ngời ngời tỏa sáng đó thật hợp với lời chúc hạnh phúc gửi đến mọi người...

Bài hát: **Ly Rượu mừng**

Ngày xuân nâng chén ta chúc nơi nơi
Mừng anh nông phu vui lúa thơm hơi
Người thương gia lợi tức
Người công nhân ấm no
Thoát ly đời gian lao nghèo khó
á a a a
Nhấp chén đầy vơi
Chúc người người vui
á a a a...

Bạn hỡi, vang lên
Lời ước thiêng liêng
Chúc non sông hoà bình, hoà bình
Ngày máu xương thôi tuôn rơi
Ngày ấy quê hương yên vui
đợi anh về trong chén tình đầy vơi
Nhấc cao ly này
Hãy chúc ngày mai sáng trời tự do
Nước non thanh bình
Muôn người hạnh phúc chan hoà
ước mơ hạnh phúc nơi nơi
Hương thanh bình đang phơi phới...

- Phạm Đình Chương còn một bài viết về Xuân vui tươi là **Đón Xuân** nhịp Swing rất Mỹ. Lời ca trong bài là những ước vọng một mùa Xuân thái hòa, tái dựng lại một cuộc sống vui tươi,

xóa đi những đau thương buồn khổ. Ngày nay, chúng ta thường nghe bài này trong khiêu vũ trường.

- Nhưng, đã nhớ xuân xưa thì phải nhắc đến **Xuân Tha Hương**, cũng của Phạm Đình Chương.


Phạm Duy & ban hợp ca Thăng Long

Nhạc phẩm được viết trước năm 1954 mà đã mang tâm sự kẻ tha hương thấy khao khát trở về đón Xuân nơi quê mẹ. Ca khúc được viết trên nhịp Boston chậm buồn. Cung nhạc Ré trưởng làm nét buồn bâng khuâng luyến nhớ chứ không ủ ê như trên cung thứ. Phạm Đình Chương viết bản nhạc rất công phu. Bình thường, bản nhạc có một điệp khúc, mà trong bài này, ông viết hai điệp khúc. Như *Dương Thiệu Tước khi viết Ngọc Lan* vậy. Vì thế ca khúc khá dài, ít khi được hát nguyên bài hai lần mà chỉ một lần rưỡi là tối đa. Xuân Tha Hương còn là nhạc đề của cuốn phim Người Mỹ Trầm Lặng (The Quiet American Man) từ cốt truyện của Graham Greene.

- Ngoài ra Phạm đình Chương còn sáng tác một bài về Xuân mang tựa đề **Lá Thư Mùa Xuân.** Bài hát có lời ca hơi "chiến dịch" vì ông viết vào khoảng năm 1956 khi phong trào nhập ngũ được phát động. Lời ca diễn tả tâm trạng người vợ trẻ khi Xuân về nhớ đến chồng đang gìn giữ biên cương nơi xa xôi. Nàng ước mong Xuân về mang lại thanh bình yên ấm cho quê hương và nhắn nhủ người yêu bền tâm chiến đấu. Như *những bài thơ xưa của Hoàng Cầm*, nàng nhắc đến con thơ mới thôi bầu sữa (tức là còn bé lắm) để chồng thêm nhiệt huyết có ngày trở về...

PHẠM DUY *tên thật là Phạm Duy Cẩn* (5/10/1921 - 27/01/2013) **với Hoa Xuân**

Người nhạc sĩ đem cuộc đời mình hiến dâng cho âm nhạc và đem âm nhạc gắn liền với quê hương như một định mệnh là Phạm Duy. Ông có nhiều ca khúc trác tuyệt về Xuân.

- Phổ biến là **Hoa Xuân**, viết năm 1953 trên nhịp Slow tha thiết. Lời ca xưng tụng mùa Xuân nơi thôn quê. Có đàn em bé ngoài đê, có chàng trai ngắt bông hoa biếu người thiếu nữ tuổi xuân thì. Xuân trong hồn người tỏa hương với đất trời. Đây là một trong những ca khúc hát dễ hay, người dễ nghe. Bài hát nào của Phạm Duy hát nghe cũng thuận, điều này dễ hiểu, vì ngoài lãnh vực sáng tác ông là một ca sĩ.

- **Xuân Thì** là bài Xuân ca đáng nhớ khác của Phạm Duy. Nhịp Luân vũ 3/4 chầm chậm, khoan thai dìu dặt rất thích hợp với cấu trúc lục bát của lời ca. Phạm Duy viết bài này năm 1952, có lẽ do chiến sự tạm lắng đọng trước khi kết thúc thảm khốc, nên lời ca về Xuân mà vẫn nặng không khí chiến tranh với hình ảnh hoa đào nở trên vết mòn chiến xa và nét nhạc mang âm hưởng Nhật Bản man mác.



- Khi viết **Xuân Ca** thì tâm trạng tác giả đã khác. Ca khúc là niềm vui trọn vẹn giữa Đất trời. Xuân từ trong lòng mẹ cha, và từ đó góp chung lời kêu gào thiết tha cho một mùa Xuân vĩnh cửu. Xuân ca soạn theo ngũ cung Việt Nam.

- Có lẽ mùa Xuân của Phạm Duy đẹp nhất là... về đêm. Một bài Xuân ca rất sớm viết từ năm 1948 tại chợ Neo, Thanh Hóa, là để tặng Thái Hằng, người bạn trăm năm. Đó là **Đêm Xuân,** một bài ca xưng tụng tình yêu. Bàng bạc trong toàn bài là một xúc cảm chân thành, tha thiết và còn có ý vỗ về nữa. Từ hình ảnh đôi chim uyên đến báo tin Xuân đã về đến tiếng câu hát buồn và tiếng đàn ru hồn... tất cả đưa đến tình yêu, và yêu rồi thì xin đừng nhạt phai... Không hiểu vì sao trong những ca khúc viết tặng vợ, nhạc sĩ Phạm Duy hay đề cập đến cây đàn. Từ cây đàn trong Đêm Xuân khiến lòng thiếu nữ xốn xang đến cây đàn dâng cho người yêu góa bơ vơ trong Tạ Ơn Đời... Chính Phạm Duy cũng không ngờ "nàng" lại đi trước. Hình ảnh góa phụ ôm cây đàn bơ vơ là hình ảnh của chính mình. Ngậm ngùi biết bao.

Lời bài hát: **Hoa xuân**

Xuân vừa về trên bãi cỏ non
Gió Xuân đưa lá vàng xuôi nguồn
Hoa cười cùng tia nắng vàng son
Lũ ong lên đường cánh tung tròn
Hoa chẳng yêu lũ bướm lả lơi
Muốn yêu anh vác cầy trên đồi
Hay là yêu chiến sĩ ngàn nơi

Thấy hoa tươi cười bỗng thương đời

Xuân! Hoa còn tươi mãi
Hoa vì nhân thế biết sum vầy cuộc vui
Xuân! Hoa nở vì ai
Tay nhịp bàn tay cùng đắp xây ngày mai
Có một chàng thi sĩ miền quê
Ngắt bông hoa biếu người xuân thì
Có một đàn em bé ngoài đê
Hát câu i tờ đón Xuân về

Những đoàn người trên luống cầy nâu
Thấy hoa xuân phép lạ ra màu
Bỗng nhủ lòng ra sức cầy sâu
Tiếng ca như thể tiếng kinh cầu
Hoa bèn yêu bóng dáng cần lao
Bắt tay nhau tránh cuộc cơ cầu
Người cùng mùa đã thoát vực sâu
Sức reo hoa nở lúc Xuân đầu

Xuân! Hoa tỏa hương mới
Nhân quần ân ái đã kêu đòi niềm vui
Xuân! Hoa là tình tôi
Đua nở cùng ai cùng quyến luyến mọi nơi
Có một bầy thôn nữ nhìn hoa
Chúc cho Xuân vui vẻ thái hòa
Có một vài tóc trắng thầm mơ
Ước cho hoa nở mãi không già

VĂN CAO *tên thật Nguyễn Văn Cao* (15 tháng 11, 1923 – 10 tháng 7, 1995)
-người tiên tri của thời đại với "Mùa xuân đầu tiên"

Bài hát được viết mừng mùa xuân độc lập đầu tiên của dân tộc cũng chính tác phẩm gần cuối trong sự nghiệp sáng tác của cố nhạc sĩ tài hoa Văn Cao.



Vào một ngày giáp Tết Bính Thìn (1976), họa sĩ Văn Thao (con trưởng nhạc sĩ Văn Cao) trở về nhà, sững sờ với tiếng đàn dương cầm vọng ra từ căn gác nhỏ số 108 Yết Kiêu. Đó là một điệu valse mượt mà, dìu dặt theo như ông kể lại. Cùng với đó là cảnh tượng mà lâu lắm rồi ông không được chứng kiến: "Cha ngồi bên đàn. Đôi bàn tay khô gầy của ông đang lướt trên những phím đàn ố vàng, loang lổ. Tiếng đàn ấm áp, ngọt ngào âm vang đầy ắp căn phòng".

Sau 20 năm kể từ lần cuối cùng Văn Cao tuyên bố gác bút, từ bỏ sự nghiệp sáng tác, ông mới say sưa như vậy bên phím đàn. "Cha sáng tác bài hát này mừng xuân đầu tiên đất nước mình thống nhất" - Văn Cao đáp lại con trai ông bằng đôi mắt sáng lấp lánh. Và ***Mùa xuân đầu tiên*** **- mùa xuân hòa bình độc lập đã ra đời.**

Khác với những ca khúc có cấu trúc phức tạp, ca từ hào sảng như *Trường ca sông Lô, Tình ca trung du, Mùa xuân đầu tiên* dẫn dắt người nghe vào một không gian âm nhạc giản dị, trong lành bằng một điệu valse khoan thai, dìu dặt mở đầu:

"... Rồi dặt dìu, mùa xuân theo én về
Mùa bình thường, mùa vui nay đã về..."

Nhịp 3/4 đưa đẩy, chậm rãi, nhịp nhàng đón bước người trở về trong niềm hân hoan ngày hội ngộ. Mùa xuân - mùa vui đã về trọn vẹn khi đất nước lần đầu tiên được đón Tết cổ truyền trong hòa bình độc lập. Niềm xúc động ấy trào dâng trong tất thảy mọi người khi nghe đến hai chữ "đầu tiên" thiêng liêng đầy xót xa, thấm thía.

Tuy nhiên, so với các bài hát khác cũng ra đời ở cùng thời điểm này, *Mùa xuân đầu tiên* của Văn Cao từng bị coi là "lạc điệu". Nếu như hầu hết bài hát lúc bấy giờ như *Đất nước trọn niềm vui*

của Hoàng Hà, *Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng* của Phạm Tuyên, *Tiếng hát từ thành phố mang tên Người* của Cao Việt Bách đều được viết bởi giọng trưởng, âm hưởng hào hùng, sảng khoái, ca từ hân hoan, hừng hực khí thế chiến thắng thì *Mùa xuân đầu tiên* không nằm trong mạch cảm hứng ấy.

Cũng nói về mùa xuân, về đất nước, về tình yêu nhưng mùa của Văn Cao là "mùa bình thường", đất nước của Văn Cao là "tiếng gà gáy trưa bên sông" và tình yêu dâng tràn trong mắt ông là khoảnh khắc "nước mắt trên vai anh, giọt sưởi ấm đôi vai anh" ngày hội ngộ.

Chính vì sự "lạc điệu ấy" mà mặc dù khi hoàn tất, ca khúc được đăng ngay lần đầu tiên trên báo *Sài Gòn Giải Phóng* số mừng xuân Bính Thìn, đồng thời lập tức được dịch lời và in ở Nga nhưng phải rất lâu sau đó mới được phổ biến rộng rãi ở Việt Nam. Nhiều người cho rằng ca khúc gì mà "nghe mơ hồ rắc rối, kêu gọi tình thương một cách chung chung, thiếu tính giai cấp" (Từ đây người biết quê người... Từ đây người biết thương người... Từ đây người biết yêu người). Có ý kiến chỉ trích tính chất ủy mị, yếu đuối (nước mắt trên vai anh, giọt sưởi ấm đôi vai anh) của bài hát không hợp với khí thế tưng bừng trong ngày vui toàn thắng của dân tộc.

Nhưng cũng chính vì thế mà ***Mùa xuân đầu tiên*** ở lại lâu hơn trong lòng khán giả khi tất cả những ồn ào, rực rỡ qua đi. Bởi lẽ, nó đi xa hơn niềm vui tức thì, khi chạm đến những xót xa, thấm thía của một dân tộc bước ra từ đau thương, mất mát của chiến tranh.

Không sử dụng gì nhiều ngoài chất liệu hiện thực, bức tranh mùa xuân của Văn Cao ở đây gần gũi và bình dị như hơi thở, sự sống của những người dân nghèo trên khắp đất nước. Đó là tiếng gà trưa, là giọt nước mắt của bà mẹ "ba lần tiễn con đi, hai lần khóc thầm lặng lẽ", là "khói bay trên sông", là tất cả những đau thương, mất mát lẫn hạnh phúc, tin yêu về một mùa xuân mới.

Văn Cao "đi trước" thời đại có lẽ ở chỗ đó. Ở cái nhìn sâu đằng sau một chiến thắng vang dội là những gì dân tộc này đã phải đánh đổi, hy sinh. Ở cái nhìn xa đằng sau niềm hân hoan phút chốc này là bao nỗi lo về một cuộc đời mới, một cuộc dựng xây mới. Vì thế mà ông vừa bồi hồi, vừa trăn trở:

"... Từ đây người biết quê người
Từ đây người biết thương người
Từ đây người biết yêu người..."

Như một niềm tin vừa được khẳng định nhưng cũng như một băn khoăn, suy tư về tương lai:

"... Từ đây người biết quê người?
Từ đây người biết thương người
Từ đây người biết yêu người?"

Luôn do dự và hồ nghi là tâm thế một người mang cảm thức của cả dân tộc vừa bước ra từ trong chiến tranh, nâng niu trên tay một niệm hạnh phúc diệu kỳ và mong manh như nằm ngoài sự thật. Tâm thế ấy đã vượt lên trên niềm vui thoáng chốc để dự cảm, để xót xa và để thấm thía về con đường dài phía trước mà dân tộc sẽ phải gồng mình bước qua. Với đầy rẫy những đau thương, mất mát, ly tan hay những vách ngăn không cùng giữa quá khứ và tương lai, giữa thế hệ đã hy sinh và thế hệ được hưởng trái ngọt ngày hôm nay.

Thời gian đã là câu trả lời hùng hồn nhất cho những người từng phủ nhận *Mùa xuân đầu tiên* của Văn Cao. Đến nay, những giai điệu dìu dặt, khoan thai theo đàn chim én bay trong bài hát vẫn làm ấm lòng người Việt Nam khi Tết đến, xuân về. Nói về những giai điệu đẹp đến nao lòng ấy, nhà thơ Thanh Thảo từng ví: "Cả một dòng sông vui nhưng không trào cuộn ồn ào mà như lắng lại, nghe kỹ thấy những lượn sóng đang run run, những lượn sóng như nhắn nhủ cái gì, báo trước điều gì".

Chúng ta cũng chia sẻ niềm đồng cảm trong một nhận xét khác: "Giai điệu và ca từ mới nếm vào thì thấy dịu ngọt nhưng cái ý, cái hồn cứ ngấm dần, nghe đắng quanh cổ xuống tận tim gan...".

***Mùa xuân đầu tiên*, ý chỉ mùa xuân hòa bình, độc lập đầu tiên của dân tộc nhưng cũng chính là mùa xuân cuối cùng, một trong các bài hát cuối cùng trong sự nghiệp sáng tác của cố nhạc sĩ Văn Cao**. Như một cơ duyên, bài hát cũng phải chịu số phận kỳ lạ, nhiều truân chuyên, trắc trở như chính cuộc đời người nhạc sĩ tài hoa ấy. Có nhiều ca sĩ đã thể hiện thành công bài hát này như nhóm 5 Dòng Kẻ, Tam ca Áo trắng nhưng để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng khán giả có lẽ là giọng ca Thanh Thúy trong bản hoà âm của nhạc sĩ Bảo Phúc.

Một ngày đầu xuân mới, hãy cùng nhìn lại hình ảnh của người nhạc sĩ tài hoa, râu tóc bạc phơ, thong thả bước xuống chợ Tết trong một mùa xuân xưa cũ năm nào để sống lại những

khoảnh khắc "đầu tiên" thiêng liêng, xúc động ấy một lần nữa khi mùa xuân đang về...

Lời bài hát : **Mùa xuân đầu tiên**

Rồi dặt dìu mùa xuân theo én về

Mùa bình thường mùa vui nay đã về

mùa xuân mơ ước ấy đang đến đầu tiên

Với khói bay trên sông, gà đang gáy trưa bên sông

một trưa nắng cho bao tâm hồn.

Rồi dặt dìu mùa xuân theo én về

Người mẹ nhìn đàn con nay đã về

Mùa xuân mơ ước ấy đang đến đầu tiên

Nước mắt trên vai anh, giọt sưởi ấm đôi vai anh

Niềm vui phút giây như đang long lanh.

Ôi giờ phút yêu quê hương làm sao trong xuân vui đầu tiên.

Ôi giờ phút trong tay anh đầu tiên một cuộc đời êm ấm.

Từ đây người biết quê người

Từ đây người biết thương người

Từ đây người biết yêu người .

Giờ dặt dìu mùa xuân theo én về

Mùa bình thường, mùa vui nay đã về.

Mùa xuân mơ ước ấy xưa có về đâu

với khói bay trên sông, gà đang gáy trưa bên sông

một trưa nắng thôi hôm nay mênh mông.

LỜI KẾT

Hai nhạc sĩ Phạm Duy và Phạm Đình Chương đã sáng tác biết bao ca khúc về Xuân.
Thế mà nhạc sĩ Văn Cao chỉ có duy nhất một bài hát Xuân, đặc biệt là Văn Cao đã "đi trước" thời đại vì cái nhìn sâu đằng sau một chiến thắng vang dội là những gì dân tộc này đã phải đánh đổi, hy sinh. Ở cái nhìn xa đằng sau niềm hân hoan phút chốc này là bao nỗi lo về một cuộc đời mới, một cuộc dựng xây mới. Chúng ta thật hết sức cảm phục "thiên lý nhãn" của người nhạc sĩ tài hoa, nhưng lận đận.

*-Trước thềm Năm mới **Xuân Ất Mùi -2015**, người viết xin kính chúc Quý vị Thân hữu và gia quyến "**Một Năm Mới "Thân Tâm An Lạc"***

PHẠM VŨ



THỬ TÌM HIỂU VỀ CHIẾC BÁNH CHƯNG VUÔNG

NGUYỄN TRUNG THUẦN

1. Về Bánh Chưng và Gốc Tích Chiếc Bánh Chưng

Chiếc bánh chưng vuông ta vẫn gói, vẫn ăn trong mỗi dịp Tết đến, thân thuộc là thế, tưởng chừng như chẳng còn gì để bàn để nói. Ấy vậy mà khi đi sâu tìm hiểu về gốc tích của nó, vẫn phát hiện ra nhiều điều thú vị, nhiều điều phải ngẫm phải suy.

Bánh chưng lâu nay vẫn được coi là một loại bánh truyền thống của dân tộc Việt, ban đầu được làm ra nhằm thể hiện lòng biết ơn của con cháu đối với cha ông và đất trời. Bánh chưng thường được làm vào dịp Tết cổ truyền của dân tộc Việt và vào ngày giỗ tổ Hùng Vương (mùng 10 tháng 3Âm lịch hàng năm).

Theo quan điểm của nhiều người, bánh chưng là loại bánh duy nhất có lịch sử lâu đời trong ẩm thực truyền thống Việt Nam còn được nhắc lại trong truyền thuyết, đồng thời có vị trí đặc biệt trong tâm thức của cộng đồng người Việt. Gốc tích chiếc bánh chưng luôn được gắn liền với Sự tích bánh chưng bánh dày trong truyền thuyết, có liên quan đến hoàng tử Lang Liêu vào đời Vua Hùng thứ 6, sự tích muốn nhắc nhở con cháu về truyền thống của dân tộc. Và rồi xưa nay, sự tích-truyền thuyết ấy luôn là lời giải thích cho ý nghĩa cũng như nguồn cội của chiếc bánh chưng bánh dày, đồng thời cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của cây lúa và thiên nhiên trong nền văn minh lúa nước.

Truyện bánh chưng

Sau khi vua Hùng Vương phá được giặc Ân, nhân quốc gia vô sự, muốn truyền ngôi cho con, bèn triệu hai mươi hai vị quan lang và công chúa lại mà phán rằng: "Ta muốn truyền ngôi cho kẻ nào làm ta vừa ý, cuối năm nay mang trân cam mỹ vị đến để tiến cúng tiên vương cho ta được tròn đạo hiếu thì sẽ được ta truyền ngôi". Các con đều đua nhau đi tìm của ngon vật lạ khắp trên

cạn dưới bể, nhiều không sao kể xiết. Duá có vị công tử thứ 18 là Lang Liêu, bà mẹ trước kia vốn bị vua ghẻ lạnh, vì cô đơn mà chết, tả hữu ít người giúp đỡ, khó xoay xở nên đêm ngày lo lắng, mộng mị bất an. Một đêm kia, mộng thấy có thần nhân tới nói rằng: "Các vật trên trời đất và mọi của quý của người không gì bằng gạo. Gạo có thể nuôi người khỏe mạnh mà ăn không bao giờ chán, các vật khác không thể hơn được. Nay đem gạo nếp làm bánh, cái hình vuông, cái hình tròn để tượng trưng hình trời đất rồi dùng lá bọc ngoài, ở trong cho mỹ vị để ngụ ý công đức sinh thành lớn lao của cha mẹ". Lang Liêu tỉnh dậy, mừng rỡ mà nói rằng: "Thần nhân giúp ta vậy!". Nói rồi bèn theo lời dặn trong mộng mà làm, chọn thứ gạo nếp trắng tinh, lặt lấy những hạt tròn mẩy không bị vỡ, vo cho thật sạch, lấy lá xanh bọc xung quanh thành hình vuông, cho trân cam mỹ vị vào bên trong để tượng trưng cho trời đất, vạn vật rồi nấu chín, gọi là bánh chưng. Lại lấy gạo nếp nấu chín, giã cho nát, nặn thành hình tròn, tượng trưng cho trời gọi là bánh dày. Đến kỳ, vua vui vẻ truyền các con bày vật tiến lên. Xem qua khắp lượt, thấy không thiếu thức gì. Duá có Lang Liêu chỉ tiến dâng bánh chưng và bánh dày. Vua kinh ngạc mà hỏi, Lang Liêu đem giấc mộng thuật lại. Vua đem nếm, thấy ngon miệng không chán, hơn hẳn các thức của các con khác, tấm tắc khen hồi lâu rồi cho Lang Liêu được nhất. Đến ngày Tết, vua thường lấy bánh này dâng cúng cha mẹ. Thiên hạ bắt chước, đến nay đổi tên Lang Liêu thành Tiết Liệu. Vua bèn truyền ngôi cho Liêu, anh em 21 người đều được chia giữ các nơi phiên trấn, tụ tập bộ đảng mà thành phiên quốc. Về sau, các tướng tranh giành nhau thường dựng mộc sách (hàng rào bằng gỗ) để phòng ngự; cho nên, từ đó mới có sách, thôn, trang, phường.

Nguyên văn:

夜梦神人告曰：「天地之物所 贵於人，无过米。所以养人，人能壮也。食不能厌，他物莫能先。当以糯米作饼，或方或圆，以象天地之形，叶包其外，中藏美味，以寓父母生育之重（一作 状）。」郎僚惊觉，喜曰：「神人助我也。」遵而行之。乃以糯米择其精白，选用圆完无缺折者，淅之洁静，以青色叶包裹为方形，置珍甘美味在其中，以象天地包 藏万物焉。煮而熟之，故曰蒸饼。又以糯米炊熟，捣而烂之，捏作圆形以象天，故曰薄持饼。

至期，王命诸子具陈所献，历而观之，无物不有。惟郎僚独献蒸饼、薄持饼。王惊异，问之，郎僚具以梦对。王亲尝之，适口不厌，胜於诸子所陈之物，叹美良久。乃以郎僚为第一，岁时节候，常以是饼奉事父母，天下效之至今。以名郎僚，故呼谓节料。

初，王传位於郎僚，兄弟二十一人，分守藩篱，立为部党，以为藩国。迨後众将争长，各立木栅以遮护之，故曰栅、曰村、曰庄、曰坊，自此始。

2. Bánh Chưng Chỉ Có ở Việt Nam ?

Bấy nay, chắc rằng trong tiềm thức người Việt, bánh chưng cùng với tục ăn bánh chưng ngày Tết là chỉ riêng có ở Việt Nam, chắc rằng cũng chẳng có ai nghi ngờ cái "độc quyền" này.

Bởi cả đời luôn mang trong mình suy nghĩ ấy, nên khi biết được sự thực không phải vậy, chúng tôi đã vô cùng bất ngờ.

Nhờ việc quyết tâm tìm cho được nguồn gốc của từ "bánh chưng", mà mối lương duyên nào đó đã dẫn chúng tôi đến với chiếc bánh chưng Triệu Khánh, ở Quảng Đông Trung Quốc, với vùng đất cùng tên cùng có tục ăn bánh chưng ngày Tết y hệt người Việt mình.

Hãy nghe người Trung Quốc nói về chiếc bánh chưng này:

Bánh chưng (tiếng Hán 裹蒸, âm Hán-Việt "quả chưng", thường gọi là 裹蒸粽), được coi là "Trà điểm vương" (vua món điểm tâm), là đặc sản chính hiệu của thành phố Triệu Khánh, tỉnh Quảng Đông, một loại bánh nhà nhà đều biết ở khu vực Lĩnh Nam.

Triệu Khánh ở phía tây Quảng Đông, tự hào với cố đô Lĩnh Nam. Bánh chưng là đặc sản chính hiệu của Triệu Khánh.

Bánh chưng Triệu Khánh truyền thống có hình gối hoặc hình kim tự tháp Ai Cập, dùng gạo nếp, đỗ xanh, thịt mỡ (thịt sấn hoặt thịt dọi), cho thêm một ít muối tinh, dầu lạc, ngũ vị hương, rượu, vừng trắng...làm thành. . Phải dùng loại lá dong (冬叶dòngyè) chỉ có ở hai bờ sông Tây Giang để gói bánh chưng, thì mới có mùi thơm đặc biệt và có tác dụng chống mốc rất tốt. Bánh được buộc bằng 水草(cói?) riêng có ở vùng này. Bánh chưng Triệu Khánh hương vị thơm ngon, ăn ngon mềm, béo mà không ngấy, thơm ngọt vừa miệng, hương vị độc đáo. Là món ăn truyền thống được dân bản địa ưa thích vào ngày Tết. Trong dân gian Triệu Khánh, xưa nay bánh chưng luôn là món ăn

của ngày Tết.

Ngày nay, khắp đường phố ngõ ngách Triệu Khánh, đâu cũng bắt gặp bánh chưng Triệu Khánh, sánh danh với nghiên mực Đoan Khê. Cho đến hiện giờ, Triệu Khánh vẫn làm bánh chưng bằng tay.

Nguyên liệu chủ yếu của bánh chưng Triệu Khánh là gạo nếp, đỗ xanh, thịt mỡ (sấn hoặt dọi), theo tỉ lệ 10:6:4, chiếc bánh đã gói xong chưa luộc có trọng lượng khoảng 0,5kg. Bánh bán thành phẩm phải cho vào nồi lớn luộc lửa to trong 8 tiếng, vừa luộc vừa đổ thêm nước vào, cho đến khi gạo nếp, đỗ xanh, thịt chín quyện vào với nhau là được, gọi là "bánh chưng thịt khổ"

Hiện nay trên thị trường cá biệt có những cửa hàng bán bánh hưng Triệu Khánh vào ngày Tết, ngoài dùng gạo nếp, đỗ xanh, thịt mỡ ra, còn cho thêm cả nấm đông cô, trứng gà, lạp xường.... Loại bánh này được coi là vua bánh chưng đặc chủng Triệu Khánh. Nhân bánh chưng hiện giờ gồm có ngũ vị hương, lòng đỏ trứng muối, thịt gà quay, thịt vịt quay, xá xíu...

Lá dong là nguyên liệu riêng để làm bánh chưng Triệu Khánh, thuộc loại thực vật sống trong bóng râm, tính lạnh, giàu diệp lục tố chlorophyll, sống ở nơi sơn cốc, khe suối, hiện chỉ có ở hai bờ sông Tây Giang, nghe nói hái vào mùa đông là tốt nhất, có các đặc điểm là màu xanh, lá thơm, mềm mại, chống mốc.

Lá dong được chia làm 2 loại là lá dong thật và lá dong dại. Lá dong thật mặt lá xanh, luộc bánh xong vẫn giữ được màu xanh; lá dong dại phiến lá nhỏ hơn lá dong thật một chút, vị hơi đắng chát.

Theo sách "Quảng phủ tân ngữ" có ghi: "Có loại lá dong, to như lá chuối tiêu, lá ướt dùng để gói bánh chưng ... Vùng Miền Nam nóng, rất dễ bị mốc, chỉ có lá dong là có thể giữ lâu được".

Đặc điểm độc đáo của bánh chưng Triệu Khánh chính là dùng lá dong to gói bánh, lá dong không những thơm, mà còn có thể giữ tươi. Lá dong tính hàn, có tác dụng thanh nhiệt giải độc, giáng hỏa.

Bấy lâu nay, 裹蒸 là món ăn truyền thống vào ngày Tết của khu vực Triệu Khánh. Khi Tết sắp đến, phụ nữ ở Triệu Khánh bắt đầu bận rộn hẳn lên. Ngay từ sáng sớm, họ đã ra chợ để chọn lá dong. Lá dong là đặc sản của vùng này, nghe nói mọc ở sâu trong Đỉnh Hồ Sơn , thừa hưởng tinh hoa của trời đất, hấp thụ sương mưa của thiên nhiên, vì thế mà có đặc điểm to nõn nà, xanh mướt, mềm mại, chống mốc...

Còn trong thực tế, rất nhiều người trong thôn thường biết tìm cho mình nơi để trồng một ít cây lá dong, lá dong là loài thực vật rất dễ sống, sau nhà bên nhà, đầu ruộng đều có thể trồng được, chẳng phản bận tâm. Đợi đến cuối năm lúc cần phải gói bánh chưng là có thể cắt về, tự cung tự túc

Lá dong gói bánh chưng tốt nhất là chọn dùng lá già, lá dong trước khi dung phải dung nước nóng dội qua một lượt, để lá trở nên dai mềm hơn dễ gói, lại khử được vị đắng chát của lá. Gạo nếp, đỗ xanh đều phải là loại trong năm thì mới tốt. Gạo nếp vo sạch ngâm, đỗ xanh bỏ vỏ xay vỡ, sang bỏ đỗ lép. Thịt lợn làm nhân khá cầu kì, chọn loại thịt ba chỉ thượng thặng nửa nạc nửa mỡ; trộn thành "ngũ hương" là một bước then chốt, ảnh hưởng trực tiếp đến hương vị bánh. Bánh chưng là món ăn dân gian truyền thống, nhà nào cũng có bí quyết pha trộn riêng, khác với loại có ngũ vị hương mua ngoài chợ.

Dụng cụ nấu bánh chưng truyền thống là cái cóng lớn hoặc thùng sắt, người dân thường dùng thùng phuy đựng dầu, trước khi đun bôi một lớp sơn bùn ra bên ngoài, để thùng khỏi bị đen.

Nghe nói, truyền thống này đã có gần 2000 năm, thể hiện được những đặc điểm nguyên vị nguyên hương của bánh chưng.

Cách ăn bánh chưng Triệu Khánh cũng có vẻ độc đáo riêng, người bản địa thường sau khi nhấc chiếc bánh chưng nóng hổi hổi ra khỏi nồi xong, bóc lớp lá dong, cho thêm cần tây, hành xắt nhuyễn và vừng, rồi xức thêm một ít dầu lạc và nước tương, khi nào ăn thì chấm, rất ngon; còn một cách ăn khác là bóc lá xong, nhúng bánh chưng vào nước trứng đánh rồi rán lên cho vàng, vỏ giòn.

Người ta thích ăn nhất vẫn là "bánh chưng ra lò" vừa vớt khỏi nồi, không cho thêm bất cứ gia vị gì, ăn trực tiếp luôn. Bánh chưng mới vớt khỏi nồi, lá dong qua nấu chín đã biến thành màu xanh sẫm lớp mặt gạo nếp hấp thụ chất diệp lục từ lá dong, tạo thành một màu xanh nhạt trong suốt, mùi thơm quyện giữa lá dong với gạo nếp, đỗ xanh khiến cho người ta thèm ăn dỏ rãi, vị thơm ngọt ngon miệng của nó ăn xong vẫn còn lưu lại nơi miệng. Nghe nói rất có tác dụng bổ trung ích khí, trị đái đêm và làm tăng calo. Vào tiết trời mùa Xuân se lạnh, bánh chưng trở thành món ăn truyền thống vào mỗi độ người người đón Tết quả thực có hiệu quả riêng của nó.

Người Hồi sống ở Triệu Khánh cũng có tập quán gói bánh chưng, họ lại dùng thịt bò làm nhân, gọi là "Bánh chưng Halal"; tín đồ Phật giáo thì làm nhân bằng lạc, bạch quả, đông cô, gọi là "bánh chưng chay"

Ngoài bánh chưng làm bằng gạo nếp, đỗ xanh, nhân thịt lợn ra, thời nay còn phát triển các loại mới như bằng gạo nếp cẩm... giàu chất dinh dưỡng hơn, còn nhân thì hết sức đa dạng, người ta cho vào nào là đông cô, bạch quả, hạt dẻ, lạp xường, vịt quay, lòng đỏ trứng, thịt xông khói...; còn có loại bánh chưng hạng sang cho trứng muối Hồ Bắc, sò điệp Nhật bản, cá chình khô, nhân lạc... gói bằng lá sen, luộc trong 4 tiếng... Song phần đông mọi người vẫn làm bánh chưng bằng gạo nếp, đỗ xanh, thịt lợn có vị nguyên gốc.

Có những thực khách cho là bánh chưng Triệu Khánh quá to, nhân chẳng có gì thay đổi suốt bao nhiêu năm qua, hơi ngấy. Bánh chưng truyền thống to là vì ngay từ buổi đầu sáng tạo ra, nó đã được làm để đáp ứng công việc lao động trên núi của người nông dân, bởi bánh chưng một khi đã được luộc chin là có thể để được tới vài ngày mà không bị hỏng, so với cơm canh thông thường, người nông dân có lên núi lao động tới vài ngày cũng không lo bị đói. Hơn nữa, vào những năm 60-80 thế kỉ trước, người dân Triệu Khánh còn tương đối nghèo, một chiếc bánh chưng thường đủ cho khẩu phần ăn 1 ngày cho cả nhà. Vì thế, bánh chưng to vẫn được phần đông người lao động đón nhận

Lịch sử và truyền thuyết

Bánh chưng còn từng được làm cống phẩm, "Nam Tề thư" (《南齊書》) có ghi: Trong ngự thiện của hoàng đế, có món ngon 裹蒸. Hoàng đế rất thích: "Tôi ăn món này không hết, nên chia ra làm bốn phần, để lại làm bữa tối"

"Nam Tề thư", ghi lại Nam Tề Tiêu Tề vương triều, từ năm nguyên niên Kiến nguyên Tề Cao Đế (năm 479) đến năm thứ 2 Trung hưng Tề Hòa Đế (năm 502), tổng cộng các chuyện sử trong 23 năm.

Bánh chưng là lễ vật cần phải có để đi chúc Tết người thân vào dịp Tết nguyên đán, Tết Đoan ngọ, tượng trưng cho sự sung túc và may mắn trong năm tới. Nhà thơ đời Thanh Vương Sĩ Trinh có thơ ca ngợi cảnh rầm rộ nấu bánh chưng đêm Giao thừa (trừ tịch) ở thành hương Triệu Khánh: 除夕濃煙籠紫陌，家家塵甑裹蒸香 Trừ tịch nồng yên lung tử mạch, Gia gia trần tắng quả chưng hương (Giao thừa lửa đượm khói tím bay, Nhà nhà đen nồi bánh chưng thơm).

Truyền thống làm bánh chưng ở Triệu Khánh đã có từ đời Tần. Có 2 lưu truyền về khởi nguồn của nó. Một là vào thời Lĩnh Nam, quân Tần chinh phạt thống trị, lúc nào cũng đem theo mình nắm cơm gói lá đã nấu chín ở nơi đồn trú. Hai là nông dân thời ấy khi đi làm đồng đem theo mình nắm cơm gói lá đã nấu chín để ăn bất cứ lúc nào.

"Trong chiếc bánh chưng Triệu Khánh có ẩn chứa một câu chuyện truyền thuyết tình yêu đầy lãng mạn cảm động – Tương truyền vào thời xưa, ở Đoan Châu có một đôi trai gái, cô gái tên là A Thanh, chàng trai tên là A Quả, đem lòng yêu nhau tha thiết. Nhưng cha mẹ A Thanh cho rằng A Quả chỉ là một chàng thư sinh, chẳng có tiền bạc và thanh thế gì, nên không cho phép con gái mình được yêu chàng trai. Bởi thế, A Quả đã lập chí vươn lên. Kì thi năm ấy lại tới, chàng sửa soạn hành lí tới kinh thành. Sớm ấy, A Thanh tới đưa tặng một nắm cơm nếp đỗ xanh gói bằng lá dong, dặn chàng đi giữ cẩn thận khi đi đường, đừng quên tình cảm đôi bên. A Quả đỗ cao Trạng nguyên, nhà vua muốn vời làm phò mã, A Quả không thuận. Nhà vua nổi giận bắt giam. A Quả ngày ngày cầm nắm cơm khóc, công chúa lấy làm lạ, A Quả nói: Cám bã còn không vứt nữa là nắm cơm? Công chúa vô cùng cảm động, bèn tha cho A Quả về quê. A Quả và A Thanh cuối cùng đều biến thành tiên. Người đời sau phát hiện thấy dùng lá dong gói cơm nắm làm bằng các

nguyên liệu gạo nếp, đỗ xanh, thịt lợn... rất thơm ngon, bèn đua nhau bắt chước, cho đến sau nàyrồi trở thành thứ nhà nhà đều làm sẵn mỗi khi ăn Tết ở Đoan Châu. Quả chưng 裹蒸 có nghĩa là "Quả Thanh" vậy."

Triệu Khánh là nơi nào vậy? Đó chính là thành phố Triệu Khánh trên đất Trung Quốc.

Thành phố Triệu Khánh hiện là thành phố thuộc tỉnh Quảng Đông, nằm ở chính tây tỉnh Quảng Đông, và cũng là phía tây châu thổ Châu Giang. tây giáp Ngô Châu và Hạ Châu Quảng Tây, nam giáp Vân Phù, Dương Giang, Giang Môn, đông giáp Phật Sơn, tựa lưng vào Thanh Viễn, là trục giao thông trọng yếu thông tới các tỉnh Tây Nam là khu vực phát triển ven biển. Diện tích 15 nghìn km2. Dòng chính Châu Giang chảy xuyên qua Tây Giang. Bắc gối vào Bắc Lĩnh, đối mặt với Tây Giang, án ngữ phía trên Thương Ngô, dưới chặn Nam Hải (Biển Đông), là cửa ngõ Việt Tây, nổi tiếng là "Nghiên đô Trung Quốc" (làm nghiên mực nổi tiếng). Triệu Khánh là danh thành văn hóa lịch sử quốc gia của Trung Quốc, với nền văn hóa sâu đậm hương vị Lĩnh Nam, chính là cái nôi và là nơi hưng thịnh của văn hóa Lĩnh Nam, văn hóa Quảng Phủ. Đồng thời, Triệu Khánh còn là thành phố du lịch, thành phố hoa viên nổi tiếng của Trung Quốc, chính quyền thành phố đặt ở khu Đoan Châu. Bản đồ Triệu Khánh



3. Sự Khác Nhau và Giống Nhau Giữa Bánh Chưng Việt Nam với Bánh Chưng Triệu Khánh

Đọc xong những dòng trên, có lẽ chúng ta đều cảm thấy giật mình trước sự giống nhau đến kì lạ về tập tục nấu bánh chưng (theo lối cổ truyền) của hai nơi. Cảnh tượng tấp nập lo cho nồi bánh chưng ngày Tết sao mà giống nhau đến thế: từ khâu chuẩn bị lựa chọn kĩ lưỡng các loại nguyên liệu chính như lá dong, gạo, thịt...(lá dong, gạo nếp, đỗ xanh thịt lợn phải như thế nào là chuẩn là ngon), cho đến khâu rửa lá, đãi gạo, đãi đỗ, thái miếng thịt làm nhân, đến cả dụng cụ luộc bánh... Công thức gói bánh thì đúng là giống nhau một chín một mười, chỉ khác nhau một chi tiết cơ bản nhất: Bánh chưng Việt Nam có hình vuông, còn bánh chưng Triệu Khánh có hình 3 góc 4 mặt. Họ bảo rằng, gói bánh chưng hình như vậy sẽ tận dụng được lợi thế của góc lá, buộc bánh được chặt hơn.

Bánh Chưng Triệu Khánh (地道的肇庆美食(裹蒸粽)



Mời Xem Video 1. Cách gói bánh chưng của Việt Nam: Gói bánh chưng không dùng khuôn - http://www.youtube.com/watch?v=FSxCYRTP69k

Video 2. Cách gói bánh "ZONG" 粽 (tam đọc theo tiếng Việt là CHUNG) của Trung Quốc: Bánh Zong Trung quốc 包粽技巧 - http://www.youtube.com/watch?v=cyOoAoIThaA

Lưu ý, 裹蒸 được coi là 1 loại 粽子[zòng zi]

Bánh chưng Việt Nam được lưu truyền dưới dạng truyền thuyết, được chép trong "Lĩnh nam chích quái".

Theo Truyện bánh chưng trong "Lĩnh nam chích quái", bánh chưng Việt Nam có từ đời Vua Hùng thứ 6, cách nay khoảng 4000 năm (?) thì là có trước bánh chưng Triệu Khánh (?)

Bánh chưng Triệu Khánh được lưu truyền cả trong sách ("Nam Tề thư" (《南齊書》), trong thơ cổ,

lẫn cả truyền thuyết.

Bánh chưng Triệu Khánh được dùng làm cống phẩm dâng vua làm ngự thiện.

Bánh chưng Việt Nam được nâng lên tầm "thiêng hóa" (từ của Trần Quốc Vượng): Cùng với bánh dày được dùng trong lễ Giỗ Tổ Vua Hùng.

Cứ đến ngày Giỗ Tổ 8/3 âm lịch), lễ rước kiệu và dâng lễ vật về Đền Hùng, tưởng nhớ công ơn Tiên tổ, lại được diễn ra long trọng tại Khu di tích lịch sử Đền Hùng - Phú Thọ.

Bánh chưng, bánh dày là lễ vật quan trọng nhất để dâng các Vua Hùng.

Dâng bánh chưng bánh dày lên các Vua Hùng



4. Thử Lí Giải Hiện Tượng Có Tập Tục Ăn Bánh Chưng Tết Giống Hệt Nhau giữa VN với Triệu Khánh Dựa Theo Quan Điểm của "Nhân Học Văn Hóa và Mối Quan Hệ Trung Tâm – Ngoại Vi":

4.1. Triệu Khánh là vùng đất nào?

Theo những gì đã được giới thiệu trong những tư liệu có liên quan của Trung Quốc:

Triệu Khánh tự hào vì từng là cố đô Lĩnh Nam. Ở Trung Quốc, nói "Cố đô Lĩnh Nam" là chỉ "thành phố Triệu Khánh tỉnh Quảng Đông" ngày nay.

Triệu Khánh nổi danh là "Cố đô Lĩnh Nam", được coi là cái nôi của văn hóa Lĩnh Nam. Ở huyện Khai Phong của Triệu Khánh từng phát hiện được một hóa thạch răng người cách nay 14,8 vạn năm, được giới khảo cổ cho là tổ tiên sớm nhất của người Lĩnh Nam. Các nhà khoa học cho biết, Triệu Khánh vừa là nơi khởi nguồn của Việt ngữ (粤语), lại vừa là vùng cốt lõi của diễn tiến giao thoa giữa văn hóa dân tộc bản địa Lĩnh Nam với văn hóa Trung Nguyên, đồng thời còn là cửa ngõ để văn hóa Phương Tây đi vào nội địa Trung Quốc từ Áo Môn.

Lĩnh Nam theo nghĩa rộng chỉ vùng nằm ở phía nam Ngũ Lĩnh, nam Trung Quốc, và vùng Bắc Việt Nam, tương đương với Quảng Đông, Quảng Tây và toàn bộ Hải Nam, cùng một phần khu vực thuộc các tỉnh Hồ Nam và Giang Tây..., cùng vùng nằm về phía bắc Đồng bằng Sông Hồng Việt Nam. Còn theo nghĩa hẹp là chỉ chỉ mỗi vùng phần phía nam núi Ngũ Lĩnh ở Nam Trung Quốc, do từ sau đời Tống mới bắt đầu chia thành Quảng Nam Đông Lộ và Quảng Nam Tây lộ, nên Việt Nam mới tách ra, kể từ đó không còn bao gồm vùng Miền Bắc Việt Nam nữa.

Lĩnh Nam còn gọi là Lĩnh Ngoại, Lĩnh Biểu. "Biểu" cũng có nghĩa là "ngoại". Đây là xét Lĩnh Nam từ vị trí địa lí nằm ở vùng Trung Nguyên. Trong lịch sử, Đường triều Lĩnh Nam đạo còn bao gồm cả vùng Đồng bằng Sông Hồng Việt Nam thuộc sự cai trị của Hoàng triều Trung Quốc. Sau đời Tống, Bắc Bộ Việt Nam mới tách ra. Khái niệm Lĩnh Nam dần loại Việt Nam ra ngoài. Lĩnh Nam là một vùng môi trường riêng biệt của Trung Quốc, những khu vực này không chỉ gần gũi nhau về môi trường địa lí, mà thói quen sinh hoạt của người dân cũng có rất nhiều điểm tương đồng.

Do những biến động về phân chia hành chính qua các đời mà hiện nay nhắc đến từ Lĩnh Nam là thường chỉ riêng vùng 3 tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây và Hải Nam, các huyện thị nằm ở phía nam Ngũ Lĩnh thuộc một phần Giang Tây và Hồ Nam không nằm trong đó.

Lĩnh Nam cổ là đất của Bách Việt, là nơi Bách Việt tộc cư trú.

Còn theo Việt Nam:

Lĩnh Nam là vùng đất phía nam núi Ngũ Lĩnh trong truyền thuyết xưa ở Việt Nam và Trung Quốc.

Truyền thuyết về vùng đất này có thể liên quan đến giai đoạn Hồng Bàng trong lịch sử Việt Nam.

Kể từ đấy thiên hạ chia đôi. Bắc do vua Đế Nghi cai trị. Nam do Lộc Tục lên ngôi, hiệu là Kinh Dương Vương. Đất Lĩnh Nam phía bắc tới Động Đình hồ, phía nam giáp với nước Hồ Tôn, phía tây giáp với Ba Thục, đông giáp biển Nam Hải. Kinh Dương Vương kết hôn với con gái của Động Đình Quân là Long Nữ đẻ ra Sùng Lãm. Thái tử Sùng Lãm kế tục ngôi vua lấy hiệu là Lạc Long Quân. Lạc Long Quân kết hôn với Công chúa Âu Cơ con vua Đế Lai, sinh được trăm con. Lạc Long Quân truyền ngôi cho con trưởng làm vua, hiệu là Hùng Vương, đặt tên nước là Văn Lang. Lại phong 99 con mỗi người làm chủ một ấp, vì vậy đất Lĩnh Nam mới có trăm họ. Đó là nguồn gốc Bách Việt.

Tuy nhiên, trong sách "Nghìn xưa văn hiến", các tác giả Trần Quốc Vượng, Nguyễn Từ Chi, Nguyễn Cao Lũy lại không gộp phần lãnh thổ của người Âu Việt và người Lạc Việt vào Lĩnh Nam, bằng chứng là có những chỗ chú thích Lĩnh Nam khớp với các tỉnh Quý Châu, Quảng Đông và Quảng Tây ở miền Nam Trung Quốc ngày nay.

Nếu đối chiếu với lịch sử Lĩnh Nam mà người Trung Quốc đã nói, thì địa phận Lĩnh Nam theo quan niệm của các tác giả sách "Nghìn xưa văn hiến" là “Lĩnh Nam theo nghĩa hẹp, chỉ chỉ mỗi vùng phần phía nam núi Ngũ Lĩnh ở Nam Trung Quốc, do từ sau đời Tống mới bắt đầu chia thành Quảng Nam Đông Lộ và Quảng Nam Tây lộ, nên Việt Nam mới tách ra, kể từ đó không còn bao gồm vùng Miền Bắc Việt Nam nữa”.

Nếu không gộp phần lãnh thổ của người Âu Việt và người Lạc Việt vào Lĩnh Nam, thì lại mâu thuẫn với nhận định: Truyền thuyết về vùng đất này có thể liên quan đến giai đoạn Hồng Bàng trong lịch sử Việt Nam. Hồng Bàng (Hán tự: 鴻龐 hoặc 鴻厖) là giai đoạn lịch sử thời đại thượng cổ của lịch sử Việt Nam. Nó dựa nhiều trên các truyền thuyết truyện kể và một số ít bằng chứng khảo cổ học và ghi chép lịch sử.

Thời kỳ Hồng Bàng theo truyền thuyết và dã sử cho rằng bắt đầu từ năm 2879 TCN, là niên đại vua Kinh Dương Vương, với quốc hiệu Xích Quỷ. Lãnh thổ của quốc gia dưới thời vua Kinh Dương rộng lớn, phía bắc tới sông Dương Tử (cả vùng hồ Động Đình), phía nam tới nước Hồ Tôn (Chiêm Thành), phía đông là Đông Hải (một phần của Thái Bình Dương), phía tây là Ba Thục (Tứ Xuyên, Trung Hoa ngày nay). Về sau người Việt chỉ thấy có ở miền Bắc Việt Nam ngày nay, có thể một phần do sự lấn áp của các tộc người Hoa Hạ từ phương Bắc.

4.2. Văn Hóa Lĩnh Nam

Văn hóa Lĩnh Nam còn gọi là Văn minh Châu Giang, gọi theo nghĩa hẹp là Văn minh Quảng Đông, theo nghĩa rộng là Văn hóa Nam Việt (南粵, tức Nam Việt Quốc, một quốc gia ở vùng Lĩnh nam, khoảng năm 204 tCn- năm 112/111 tCn). Văn hóa Lĩnh Nam, chỉ văn hóa vùng độc đáo của một dải “vùng Lĩnh Nam” gồm Quảng Đông, Quảng Tây và Hải Nam ở phía nam Ngũ Lĩnh. Văn hóa Lĩnh Nam ngày nay chuyên chỉ Văn hóa Nam Việt 南粵, nhất là Quảng Đông có những đặc điểm nổi bật; Văn hóa Lĩnh Nam theo nghĩa hẹp là chỉ riêng Văn hóa Quảng Phủ, Văn hóa Triều Châu và Văn hóa Khách Gia (nhiều khi gọi là văn hóa Lĩnh Đông,Triều Châu còn có tên gọi là thủ ấp Lĩnh Đông). Văn hóa Lĩnh Nam theo nghĩa rộng còn bao gồm vả văn hóa vùng Quan thoại Quảng Tây và văn hóa riêng của các dân tộc thiểu số bản địa. Các tài liệu khai quật di chỉ tổ tiên người Lĩnh Nam đã chứng minh, văn hóa Lĩnh Nam là văn hóa nguyên sinh. Dựa vào môi trường địa lí và điều kiện lịch sử độc đáo, văn hóa Lĩnh nam có nguồn gốc là văn hóa nông nghiệp và văn hóa biển, trong quá trình đã không ngừng tiếp thu và tích hợp với văn hóa Trung Nguyên và văn hóa hải ngoại, dần dần hình thành nên những đặc điểm độc đáo của riêng mình.

4.3. Hà Hữu Nga từng phân tích về Khái niệm cảnh quan văn hóa trong địa văn hóa hoặc địa lý nhân văn như sau: Theo nhà địa lý học Otto Schluter thì việc sử dụng khái niệm cảnh quan văn hóa được bắt đầu từ đầu thế kỷ XX [James, P.E & Martin G 1981, 177]. Năm 1908, Schluter cho rằng bằng cách định nghĩa khái niệm địa lý là một khoa học cảnh quan *Landschaftskunde* có nghĩa là khoa học này không có chung chủ đề nghiên cứu với bất kỳ môn khoa học nào khác [Elkins, T.H. 1989, 27]. Ông đã xác định hai loại cảnh quan: i) *Urlandschaft* cảnh quan gốc, tồn tại trước khi con người làm thay đổi; và ii) *Kulturlandschaft* cảnh quan văn hóa, do con người tạo ra. Nhiệm vụ chủ yếu của địa lý học là vạch ra những biến đổi trong hai loại cảnh quan này. Carl Sauer là một nhà địa lý nhân văn có lẽ có ảnh hưởng to lớn nhất đến việc thúc đẩy và phát triển ý

tưởng về cảnh quan văn hóa [James, P.E & Martin G 1981, 321-324]. Sauer kiên trì nhấn mạnh đến tác nhân văn hóa với tư cách là một lực lượng tạo hình các đặc điểm hữu hình của bề mặt trái đất trong các vùng có phân định ranh giới. Theo định nghĩa của ông thì môi trường vật chất có một ý nghĩa trung tâm, với tư cách là trung gian của các văn hóa nhân văn tác động. Định nghĩa kinh điển của ông về cảnh quan văn hóa được thể hiện như sau: "Cảnh quan văn hóa được hình thành từ một cảnh quan tự nhiên bởi một nhóm văn hóa. Văn hóa là tác nhân, vùng tự nhiên là trung gian, cảnh quan văn hóa là kết quả" [Sauer C. 1925].)

Từ định nghĩa về "Cảnh quan văn hóa" của Sauer C., có thể coi Tập tục nấu bánh chưng ngày Tết ở Việt Nam và Triệu Khánh là những "cảnh quan văn hóa" thu nhỏ, được hiểu theo nghĩa hẹp. Như thế, các cảnh quan văn hóa nấu bánh chưng ngày Tết này được hình thành từ một cảnh quan tự nhiên bởi một nhóm văn hóa. Phải chăng có thể suy ra rằng 2 nơi có tập tục nấu bánh chưng ngày Tết giống hệt nhau này là thuộc cùng một nhóm văn hóa trong cùng một vùng văn hóa Lĩnh Nam xưa?

Vậy nhân tố gì đã làm cho chúng tách ra, một đằng (Việt Nam) chiếc bánh chưng đã được nâng lên tầm "thiêng hóa" – làm lễ vật trong lễ Giỗ Tổ Vua Hùng, được coi là quốc hồn quốc túy của dân tộc, tới mức nhiều người đã nâng lên thành "triết lí bánh chưng bánh dày"; một đằng (Triệu Khánh) tuy cũng từng được dùng làm cống phẩm, song vẫn giữ nguyên ở ý nghĩa đời thường là chính?

Liệu có thể áp dụng thuyết trung tâm-ngoại vi vào để lí giải được không? Nghĩa là 2 cảnh quan nấu bánh chưng này vốn là cùng một nhóm văn hóa thuộc đất Lĩnh Nam theo truyền thuyết xưa ở Việt Nam và Trung Quốc, rồi vì những lí do lịch sử nào đó mà đã bị tách ra đẩy về 2 tiểu nhóm văn hóa khác nhau?

Từ đây, chúng ta có thể đặt ra những câu hỏi:

1) Nếu coi Lĩnh Nam bao gồm cả Âu Việt và Lạc Việt, tức Lĩnh Nam theo nghĩa rộng:

Triệu Khánh là cố đô Lĩnh Nam, Lĩnh Nam bao gồm cả Lạc Việt, Bắc Việt Nam ngày nay, tập tục nấu bánh chưng Tết là của cả vùng Lĩnh Nam (?). Xét theo thuyết trung tâm-ngoại vi: Triệu Khánh là trung tâm, Lạc Việt là ngoại vi?

Tập tục nấu bánh chưng còn lưu giữ ở Triệu Khánh (trung tâm), ở Lạc Việt (ngoại vi). Vậy tại sao bánh chưng lại được "thiêng hóa", nâng thành quốc hồn, quốc túy ở Lạc Việt (ngoại vi) mà không phải là ở Triệu Khánh (trung tâm)?

2) Nếu coi Lĩnh Nam không bao gồm Âu Việt và Lạc Việt, tức Lĩnh Nam theo nghĩa hẹp:

Triệu Khánh và Lạc Việt sẽ thuộc về hai nhóm văn hóa khác nhau. Vậy tại sao cảnh quan tập tục nấu bánh chưng lại giống hệt nhau ở hai nhóm văn hóa khác nhau là văn hóa Lĩnh Nam và văn hóa Lạc Việt?

3) Phải chăng tập tục gói bánh chưng ăn Tết phổ biến khắp cả vùng đất thuộc văn hóa Lĩnh Nam xưa kia?

5. Về Các Tên Gọi "Bánh Chưng", "Lá Dong"

Chắc hẳn câu hỏi "Vì sao lại gọi là bánh chưng" bấy nay vẫn ám ảnh trong đầu không ít người. Người ta chỉ đồ rằng gọi là bánh chưng vì bánh này được nấu bằng cách "chưng". Nhưng hiểu thế xem ra cũng chưa ổn. Bởi lẽ, "chưng" trong tiếng Việt có 2 nghĩa:

1. Đun (thức ăn lỏng) cho bốc hơi và đặc lại, như *chưng mắm, chưng trứng, chưng lạc, nước mắm chưng…;*
2. (từ chuyên môn) Dùng nhiệt làm cho các chất trong một hỗ hợp lần lượt hóa hơi để thu riêng từng chất, như *chưng dầu mỏ, chưng than đá…* Trong khi đó, bánh chưng lại là bánh được luộc lên trong nồi nhiều giờ.

Tên gọi bánh chưng Triệu Khánh theo tiếng Hán "quả chưng" đã gợi cho chúng ta về nguồn gốc của từ "bánh chưng" trong tiếng Việt.

"Chưng" 蒸 trong tiếng Hán có nghĩa là "đun cách thủy, hấp cách thủy", là nấu mà không để cho thức ăn tiếp xúc trực tiếp với nước. Như *chưng bính* 蒸饼 (bánh hấp), *chưng lung* 蒸笼 (lồng hấp; vỉ

hấp), *chưng thực* 蒸食(thức ăn hấp; bánh hấp)... Cách hấp bánh bao, hấp sủi cảo, hấp các món cách thủy (cá, trứng...) bằng vỉ hấp hoặc cho vào nồi hấp trong tiếng Hán được gọi là "chưng". Rõ ràng là thả bánh vào nồi ngập nước để luộc lên, tiếp xúc hẳn với nước, mà sao lại gọi là "chưng"? Có lẽ, so với mấy món hấp nói trên, bánh chưng cũng đã được làm chín bằng lối "cách thủy" nhờ nhiều lớp lá gói bên ngoài, nên cũng được gọi là "chưng?

Nếu coi nguồn gốc của từ bánh chưng là từ từ 裹蒸*(pinyin:* guǒzhēng; *âm Hán-Việt:* quả chưng; *đọc theo âm Việt:* của châng), "quả 裹" là "bọc, gói"; "chưng 蒸" là "chưng cách thủy, hấp" thì sẽ có lí hơn. Bởi xét về cả mặt ngôn ngữ lẫn mặt tương đồng về tập tục gói bánh chưng. Cần nhớ rằng, "chưng" trong tiếng Việt không mang nghĩa này.

Một cách trùng hợp, khi xem lại bản gốc bằng tiếng Hán "Truyện bánh chưng" trong "Lĩnh Nam chích quái", bánh chưng được gọi là 蒸饼 (chưng bính; "bính" là bánh; "chưng bính" nghĩa là "bánh hấp"), tức cũng dùng từ "chưng" theo nghĩa tiếng Hán giống như trên. Mặc dù, rất có thể , tác giả đã mượn Hán văn (Trung Quốc gọi là Văn ngôn văn, một loại ngôn ngữ sách vở thời cổ đại của Trung Quốc), bởi "Lĩnh nam chích quái" được viết bằng Hán Văn, để dịch nghĩa từ "bánh chưng". Nên không thể dựa vào đây để nói đó là nguồn gốc của từ này. Song có thể nói, đây hẳn là căn nguyên dẫn tới người Việt chúng ta gọi là "bánh chưng" như hiện giờ.

Sự tìm hiểu về nguồn gốc từ "bánh chưng" đã khiến chúng tôi cảm thấy không kém phần lí thú khi tiếp xúc với từ "lá dong" 冬叶dongye (đọc đúng âm là dōng yè) trong tiếng Hán.

Bánh chưng Triệu Khánh được mô tả là gói bằng lá dong. "Lá dong" chữ Hán là 冬叶, *pinyin* là dongye, âm Hán-Việt là "đông diệp", "diệp" có nghĩa là "lá" trong tiếng Việt. Khoan hãy xét đến nghĩa chiết tự của từ này, nếu chú ý tới yếu tố "dong" trong dạng *pinyin* "dongye" của nó, chúng ta sẽ không khỏi giật mình: Sao mà xét về mặt chữ, "dong" trong "dongye" tiếng Hán lại giống với "dong" trong "lá dong" tiếng Việt đến thế? Thử thả trí tưởng tượng một chút, biết đâu xưa kia, chúng đã từng được nói với cùng âm như nhau?

Trong "Vân Đài loại ngữ" của Lê Quí Đôn, lá dong đã được nhắc tới qua phần dịch: Sách Quảng Đông tân ngữ [của Trung Quốc] nói: "Đông diệp (lá dong) giống như lá chuối, lúc nó tươi thì dùng để gói bánh, khi khô dung gói đồ vật, bịt vò lọ, để lâu được, chon xuống đất nghìn năm không hư nát. Lá dong khô, dung đánh ngà voi, rất là bóng sáng. Kể các thứ lá dùng ở Việt Trung, chỉ có lá dong là dùng nhiều nhất. Vì thế, có câu điệu Trúc chi (Trúc chi từ - *chú thích của LQĐ*: một thể ca ở Giang Nam, giống như lối ca dao) rằng:

"Ngũ nguyệt nhai đầu nhân mại diệp, Quyển thành phiến phiến tự ba tiêu"

(Tháng năm người bán lá dong, Khác nào lá chuối bán trong phố phường)

6. Về Triết Lí "Trời Tròn Đất Vuông" Gán Cho Bánh Chưng Bánh Dày?

6.1. Trong các loại bánh cổ truyền của Việt Nam, những loại có hình vuông chỉ đếm được trên đầu ngón tay như bánh chưng, bánh xu sê, bánh cốm...

Trong tiếng Việt, đã nói "bánh chưng" thì dứt khoát là chỉ chiếc bánh chưng vuông, còn những loại bánh cũng thuộc "dòng bánh chưng" mà không có hình vuông (như bánh tét, bánh tày, bánh đòn...) thì chẳng bao giờ được gọi là bánh chưng.

Vì sao lại gói bánh chưng hình vuông?

Lâu nay, dường như đã ăn sâu trong tiềm thức, người ta luôn cho rằng, sở dĩ bánh chưng có hình vuông là người xưa đã gói chúng theo triết lí "trời tròn đất vuông", bánh chưng vuông tượng trưng cho đất, bánh dày tròn tượng trưng cho trời. Bánh chưng dùng dâng Giỗ Tổ Vua Hùng cũng có hình vuông.

Ấy vậy mà trong thực tế, ở một số vùng, ngay cả ở Phú Thọ - vùng trung du đất Tổ của các vua Hùng, cũng không thịnh hành gói bánh chưng hình vuông mà gói dạng tròn dài, gọi là "bánh chưng dài", hay "bánh tày". Bánh tày còn là loại bánh Tết ở Kinh Bắc và tại nhiều vùng dân tộc thiểu số miền Bắc Việt Nam.

Nên giải thích hiện tượng này ra sao đây?

Trước tiên, xin thử quay về "Truyện bánh chưng" trong "Lĩnh Nam chích quái" để tìm hiểu ngọn ngành xem sao.

Khi so bản dịch đang được phổ biến với nguyên gốc "Lĩnh Nam chích quái" bằng Hán văn:

Bản dịch: (...) Một đêm kia, mộng thấy có thần nhân tới nói rằng: "Các vật trên trời đất và mọi của quý của người không gì bằng gạo. Gạo có thể nuôi người khỏe mạnh mà ăn không bao giờ chán, các vật khác không thể hơn được. Nay đem gạo nếp làm bánh, cái hình vuông, cái hình tròn để tượng trưng hình trời đất rồi dùng lá bọc ngoài, ở trong cho mỹ vị để ngụ ý công đức sinh thành lớn lao của cha mẹ". Lang Liêu tỉnh dậy, mừng rỡ mà nói rằng: "Thần nhân giúp ta vậy!". Nói rồi bèn theo lời dặn trong mộng mà làm, chọn thứ gạo nếp trắng tinh, lặt lấy những hạt tròn mẩy không bị vỡ, vo cho thật sạch, lấy lá xanh bọc xung quanh thành hình vuông, cho trân cam mỹ vị vào bên trong để tượng trưng cho trời đất, vạn vật rồi nấu chín, gọi là bánh chưng. Lại lấy gạo nếp nấu chín, giã cho nát, nặn thành hình tròn,tượng trưng cho trời gọi là bánh dày. (...)

Nguyên văn: (...) 夜梦神人告曰：「天地之物所 贵於人，无过米。所以养人，人能壮也。食不能厌，他物莫能先。当以糯米作饼，或方或圆，以象天地之形，叶包其外，中藏美味，以寓父母生育之重（一作 状）。」郎僚惊觉，喜曰：「神人助我也。」遵而行之。乃以糯米择其精白，选用圆完无缺折者，淅之洁静，以青色叶包裹为方形，置珍甘美味在其中，以象天地包 藏万物焉。煮而熟之，故曰蒸饼。又以糯米炊熟，捣而烂之，捏作圆形以象天，故曰薄持饼。(...) ta sẽ thấy có những điểm "vênh" đáng lưu ý: Câu "lấy lá xanh bọc xung quanh thành hình vuông, cho trân cam mỹ vị vào bên trong *để tượng trưng cho trời đất, vạn vật* rồi nấu chín, gọi là bánh chưng" đã được dịch chưa đúng hoàn toàn so với nguyên bản Hán văn. Cần phải dịch lại thành: "lấy lá xanh bọc xung quanh thành hình vuông, cho trân cam mỹ vị vào bên trong *để tượng trưng cho trời đất bao chứa vạn vật,* rồi nấu chín, *vì thế mà* gọi là bánh chưng".

Như vậy, trong "Truyện bánh chưng" nói gói bánh chưng hình vuông là "để tượng trưng cho trời đất bao chứa vạn vật", chứ không phải là "để tượng trưng cho trời đất, vạn vật" . Cách lí giải ý nghĩa của chiếc bánh chưng ở đây là mang tính khái quát, chỉ chung cho trời đất bao chứa vạn vật, chứ không phải nói đích xác là bánh chưng được gói thành hình vuông cụ thể để tượng trưng cho trời. Vì thế không thể vin theo Truyện bánh chưng trong "Lĩnh Nam chích quái" để mà khẳng định "bánh chưng hình vuông là tượng trưng cho trời" được. Lời trong Truyện đâu có nói thế?

Cũng có người sẽ vin vào cớ trong Truyện bảo "Lại lấy gạo nếp nấu chín, giã cho nát, nặn thành hình tròn, tượng trưng cho trời gọi là bánh dày", rồi dùng phép loại suy để nói thứ bánh vuông còn lại dứt khoát phải là bánh chưng, hay nói cách khác, bánh chưng là hình vuông. Thử hỏi suy diễn như vậy liệu có sức thuyết phục không? Ai đó có quyền suy diễn thế nào thì tùy, còn ở đây chúng tôi chỉ muốn nói: Trong Truyện không có câu nào nói bánh chưng được "nặn thành hình vuông tượng trưng cho đất" tương tự như khi nói về bánh dày cả. Người đời nay chỉ dựa vào một câu chuyện kể theo truyền thuyết rồi khẳng định chắc chắn, liệu rằng có quá viển vông?

Vả lại, lấy gì bảo đảm người chép nên Truyện này đã không tự ý đưa ý tưởng gán ghép riêng của mình vào mà không dựa trên một nền tảng triết lí đích thực?

Vậy thì căn cứ vào đâu để khẳng định một cách chắc chắn rằng bánh chưng bánh dày là gắn với triết lí "trời tròn đất vuông"? Chỉ một trong hai cái ấy không tạo được hiệu ứng tương tự. Vuông đứng một mình chỉ là vuông. Tròn đi một mình chỉ là tròn. Nhưng "vuông tròn" sẽ tạo nên khái niệm trời đất,

Chỗ dựa vững chãi nhất cho triết lí này là "Truyện bánh chưng" trong "Lĩnh Nam chích quái" , thế nhưng "Lĩnh Nam chích quái" đâu phải là chính sử? "Lĩnh Nam chích quái" (《嶺南摭怪》), còn gọi là "Lĩnh Nam chích quái truyện" (《嶺南摭怪列傳》), bộ thư tịch cổ của Việt Nam được viết bằng Hán ngữ văn ngôn, nội dung gồm những câu chuyện thần thoại được lưu truyền trong dân gian là chính. Nguyên tác giả chưa rõ, tương truyền là Trần Thế Pháp soạn, thế nhưng Trần Thế Pháp sống vào thời nào vẫn chưa thể biết đích xác, ngay cả nguyên bản "Lĩnh nam chích quái" của ông cũng chẳng được lưu truyền lại, Những câu chuyện thần thoại trong sách đã xuất hiện từ đời Lí Trần. Đến cuối thế kỉ 15, xuất hiện phiên bản 2 quyển gồm hơn 20 truyện do Vũ Quỳnh, Kiều Phú tu đính hiệu chính. Sau này người đời còn thêm những câu chuyện khác nữa vào sách. "Lĩnh Nam chích quái" không phải là thủ bút của một tác giả, mà cũng không phải viết ở cùng một thời kì, chủ yếu là sưu tập từ các truyền thuyết thần thoại Việt Nam, truyện truyền kì Trung Quốc, cùng một số

ít thần thoại Ấn Độ.

Cố giáo sư Trần Quốc Vượng cho rằng bánh chưng cổ xưa không phải là hình vuông.

Còn khi bàn về triết lí "trời tròn đất vuông" trong bánh chưng bánh dày, ông nói: *"Bánh chưng vuông tượng đất, bánh dày tròn tượng trời là một triết lý rất Trung Hoa nhưng triết lý ấy thực ra còn chưa có ở đời Hán. Vậy, làm gì có chuyện "bánh chưng vuông tượng trời" ra đời ở Việt Nam vào thời Hùng Vương? Ở Cổ Loa, thủ đô của nước Âu Lạc, nơi chỉ cách trung tâm Hà Nội có 17 km mà bây giờ vẫn có rất ít bánh chưng vuông. Họ thường gói bánh chưng tròn, còn gọi là bánh tét hay là bánh tày"*

Ông Vượng nói rất có lí, song cái ý ông nói triết lí bánh chưng vuông tượng đất, bánh dày tròn tượng trời "thực ra chưa có ở đời Hán" là để so sánh điều gì? Bởi ngay Trung Quốc cũng có xác định được niên đại cho triết lí "trời tròn đất vuông (tức "thiên viên địa phương") đâu?

Tốt hơn hết là chúng ta cần tìm hiểu thực hư triết lí "trời tròn đất vuông" là ra sao?

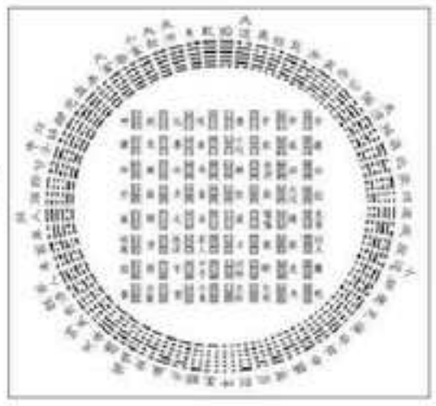
6.2. Trời tròn đất vuông (nguyên văn tiếng Hán: Thiên viên địa phương 天圆地方) là một dạng thể hiện của Học thuyết âm dương. Học thuyết âm dương ngũ hành là tư tưởng triết học duy vật biện chứng thô phác cổ đại của Trung Quốc. Văn hóa truyền thống Trung Quốc phong phú tinh thâm, mà Học thuyết âm dương lại là cốt lõi và tinh thần của văn hóa ấy. Học thuyết âm dương, mang màu sắc phép biện chứng thô phác, là phương thức tư duy nhận thức thế giới của các nhà hiền triết Trung Quốc, thực tiễn xã hội mấy ngàn năm đã chứng minh được tính chuẩn xác của nó, mà "thiên viên địa phương" là một dạng thể hiện cụ thể của học thuyết này.

"Thiên viên địa phương" là sự nhận thức về vũ trụ của khoa học cổ đại. Phương pháp chủ yếu trong quá trình nhận thức vũ trụ của người xưa khác hoàn toàn với phương pháp thực nghiệm thực chứng của khoa học hiện đại, "nội chứng" là phương pháp chủ yếu để nhận thức vũ trụ của người xưa, mà phương pháp này là dựa vào mô hình tuần hoàn năng lượng nhất định của sinh mệnh cơ thể để không ngừng tăng cường năng lượng cơ thể tự thân, từ đó đạt tới năng lực vượt qua cảm nhận thông thường của công chúng. Như chúng ta đã biết, năng lực cảm nhận của ngũ quan người thông thường là hữu hạn, đây cũng là là sự giới hạn trong phát triển khoa học hiện đại. Còn các khoa học gia cổ đại thì thông qua tu tập "nội chứng" mà có thể nâng cao được năng lượng tự thân, cuối cùng quan sát được chân tướng của vũ trụ tinh vi và qui luật vận hành năng lượng trong đó: Âm dương ngũ hành. Trong cuốn sách quí Đông y cổ đại Trung Quốc "Hoàng đế nội kinh" đã nêu rất rõ học thuyết ngũ vận lục khí, học thuyết này về bản chất là sự tổng kết sự vận hành nguồn năng lượng trời đất ở những tầng cấp nhất định, mà người xưa đã phát hiện thấy, mỗi khi nguồn năng lượng trong trời đất có sự biến đổi, sẽ dần được thể hiện ở thế giới tương đối vĩ mô mà người ta có thể nhìn thấy, chẳng hạn như khi mùa xuân tới dùng nguồn năng lượng thuộc "mộc" lấy đông phương thất túc làm đại diện, thì mặt đất sẽ tan băng, hạt giống bắt đầu nảy mầm, mọi sinh mệnh đều được loại năng lượng này đánh thức, bước vào vòng "Xuân sinh, hạ trưởng, thu thu, đông tang" mới, cùng với sự thay đổi của 4 mùa, trạng thái sức khỏe của cơ thể cũng chịu những sự tác động khác nhau

Do loại năng lượng này có chu kì quay vòng 60 năm, lặp đi lặp lại, như vòng tròn bất tận, nên người xưa nói là "thiên viên" ("天圆"), dùng để miêu tả đặc điểm của thời gian. Đồng thời, người xưa khi nói về phương vị, lại dùng "4 mặt 8 hướng" ("tứ diện bát phương") để miêu tả, còn gọi là "địa phương" ("地方"). "Thiên viên địa phương" chính là nói về không gian và thời gian, cũng chính là nói về diện mạo thực của vũ trụ!

Trong "trời tròn đất vuông" còn hàm chứa một lí thuyết tinh hoa của văn hóa truyền thống Trung Quốc: Vạn sự vạn vật đều từ không đến có, đồng thời còn có mối quan hệ chặt chẽ với sự biến đổi năng lượng trong trời đất, cho nên người xưa nói "thiên địa hợp nhất"

Gốc rễ bản chất của "Thiên viên địa phương" là bắt nguồn từ sự tiến hóa của Bát quái tiên thiên, suy ra vận hành đồ của trời đất, cũng chính là *Thiên viên địa phương đồ (Do nhà tu hành Đạo gia Trần Đoàn lão tổ truyền lại)*

Thiên viên địa phương đồ 

Thiên viên địa phương đồ: Các hình quẻ bao quanh tròn bên ngoài đại diện cho qui luận vận hành của trời, còn những hình quẻ xếp thành hình vuông ở bên trong thì đại diện cho qui luật vận hành của đất. trong đó, trời là chủ, đất là thứ, trời là dương, đất là âm. Âm dương cảm ứng lẫn nhau, sinh thành trời đất vạn vật, con người nằm trong đó được cấu thành bởi các chất tinh hoa của đất trời. Vì thế mà con người được coi là linh của trời đất vạn vật, có thể cảm thông được với vạn vật, là kẻ tối linh.

Ghi chép lịch sử

Sách "Thượng thư. Ngu Thư. Nghiêu thư" ngay mở đầu đã nói Nghiêu đợi cho thiên hạ thái bình xong: Sẽ vâng lệnh Hi Hòa (nữ thần Mặt Trời của Trung Quốc), tự thay trời để tính ra sự vận hành của mặt trời, mặt trăng, sao, truyền dạy về thời vụ cho bách tính. Tiếp đó vâng lệnh Hi Hòa, Hi Trọng, Hòa Trọng, Hòa Thúc chia ra đi khắp bốn phương để truyền bá văn minh (tức nội dung minh giáo), đó chính là lí thuyết và thực hành về "thiên viên địa phương" sớm nhất. Trong đó có thể lấy chứng cứ từ Hà đồ Lạc thư, "thiên viên – trời tròn" cố nhiên không phải là sự nhận thức tinh xác như ngày nay, song đã uẩn súc thứ vũ trụ quan thô phác, còn "địa phương" thì chỉ hệ tọa độ đất bằng, "phương 方" chỉ phương vị hoặc góc phương vị, tức Tí đại diện cho hướng Bắc, Ngọ đại diện cho hướng Nam, Dậu đại diện cho hướng Tây, Mão đại diện cho hướng Đông, đồng thời dùng 12 Địa chi, 8 Thiên can, 4 Quái tượng để biểu thị 24 phương hướng, hợp thành chỉnh thể Chu thiên (vòn tròn 360 độ). ***Đây mới là diện mạo thực của Thiên viên địa phương.***

Nội hàm văn hóa

Đạo gia cho rằng: "Trời tròn (Thiên viên)" về mặt tâm tính phải viên xúc mới có thể thông đạt; "đất vuông (địa phương)" về mệnh sự phải nghiêm cẩn điều lệ; văn hóa Trung Quốc đề xướng "Thiên nhân hợp nhất", coi trọng hiệu pháp tự nhiên, nguyên tắc "thiên viên địa phương" được suy tôn trong thuật phong thủy chính là một loại chú giải đặc thù về vũ trụ quan này. "Viên (tròn) thì wunie, nghĩa là 'bất an', phương (vuông) là 'lận sắc –thu lại'

("圆则杌陧 (wunie ，音乌捏 , 意为不安) , 方为吝啬") là mệnh đề triết học của Dương Hùng đời Tây Hán. "Viên "tròn)" chỉ trời; wunie 杌陧 chỉ động dao bất định; "phương (vuông)" chỉ đất, "lận sắc" chỉ thu liễm (thu lại). "Viên tắc wunie, phương vi lận sắc" ("圆则杌陧 , 方为吝啬")

Có nghĩa là : Trời tròn thì sản sinh vận động biến hóa, đất vuông thì thu liễm tịnh chỉ (thu lại tĩnh tại).

Truy cầu sự phát triển biến hóa, thì chúng ta mới có thành tựu về sự nghiệp, loài người mới không ngừng tiến bộ; mong muốn tĩnh tại ổn định, thì chúng ta mới có được cuộc sống an nhàn, thế giới mới được chung sống hòa bình. Kiến trúc là do con người tạo nên, nó tất thể hiện sự truy cầu và lòng ước vọng của con người, vì thế "thiên viên địa phương" là nội dung không thể thiếu trong kiến trúc của loài người.

Theo người xưa, "vuông, tròn" ở đây vốn không phải là hình hình học có giới hạn, mà là một sự trừu tượng về tính chất. Cũng giống như ngũ hành trong cơ thể, không thể cảm nhận một cách ngớ ngẩn mà nói trong cơ thể người có sinh gỗ và sinh vàng.

Nếu cho " vuông, tròn" ở đây là hình hình học, vậy thì vật lạ Hỗn thiên nghi có hình tròn được lưu truyền suốt từ đời Hán đến đời Thanh là từ đâu tới?

Cho nên ý nghĩa của "tròn" ở đây phải là ý nghĩa thể hiện sự biến động, linh hoạt, cứu tế cho, đó chính là quẻ Càn, còn ý nghĩa của "vuông" ở đây là ý nghĩa thể hiện sự thừa tải, ổn định, bất động, đó chính là quẻ Khôn, chứ không phải là hình hình học theo nghĩa hẹp. Ví dụ như làm người đối nhân xử thế phải "ngoài tròn trong vuông" (ngoài mặt thì xuề xòa, bên trong thì cương quyết) chính

là thể hiện ngữ nghĩa này.

"Vuông tròn" trong kiến trúc hoặc về hình học cũng chỉ là một sự tượng trưng cho tính chất trừu tượng này.

"Vuông tròn" không hề bị giới hạn trong hình hình học, mà là một loại trừu tượng triết học.

Khái niệm 2 của "thiên viên địa phương": Trời có hình tròn, đất có 4 phương, chứ không phải là chúng ta nghĩ một cách đương nhiên rằng đất có hình vuông. Các học giả xưa không thể ngu ngốc đến mức định bằng một lời như thế, mà không có khoảng chừa nào.

"Thiên viên địa phương" không hề là hình dạng, ngay từ thời "Kinh dịch" đã có quan niệm tương tự, quẻ Khôn là nói về sự ngay thẳng, đứng đắn, chính trực, có thể thấy "phương" ở đây chỉ một loại phẩm chất, một phẩm chất ngay thẳng, chính trực. Trong "Hoàng đế nội kinh" cũng có "thiên viên địa phương", đầu tròn chân vuông để ứng với nó.

6. 3. Khái niệm "vuông tròn" trong văn hóa Việt

Khái niệm "vuông tròn" trong văn hóa Việt cũng không phải chỉ "vuông", "tròn" theo nghĩa hình hình học, mà cũng mang ý nghĩa khái quát. Từ "vuông tròn" trong tiếng Việt chỉ sự tốt đẹp về mọi mặt, thường nói về chuyện tình duyên hay việc sinh đẻ, như *sinh nở được vuông tròn, mẹ tròn con vuông* (có nghĩa là cuộc sinh nở tốt đẹp bình thường, cả hai mẹ con đều khỏe mạnh, một kết quả đúng như người ta trông đợi.), hay *tính cuộc vuông tròn* (có nghĩa là tính chuyện hôn nhân).

Khi nói "mẹ tròn con vuông" là người ta muốn nói một kết quả tốt đẹp. Chứ mẹ đâu có tròn. Trong thời gian đang mang bầu thì còn cái bụng tròn. Nhưng sau khi sanh rồi đâu còn tròn nữa. Còn con thì nhất định không thể vuông được. Trên thực tế, nếu một sản phụ không may đẻ ra một đứa trẻ có hình dạng thực sự vuông là điều thậm vô phúc.

Hãy lấy một câu khác: "Trăm năm tính chuyện vuông tròn" . "Chuyện vuông tròn" là chuyện lứa đôi, chuyện âm dương kết hợp để tồn tại và tiếp nối dòng sinh hóa.

Hoặc:

Đấy mà xử ngãi (nghĩa) vuông tròn
Ngàn năm ly biệt vẫn còn đợi trông (Ca dao)

"Ngãi vuông tròn" là nghĩa vợ chồng, nghĩa thủy chung.

Đó là chuyện ăn đời ở kiếp với nhau.

Tiếng Việt cũng có "ngoài tròn trong vuông" nói về phép ứng xử khôn khéo…

Qua đây có thể thấy, nếu đem triết lí "trời tròn đất vuông" để giải thích cho hình dáng chiếc bánh chưng có hình vuông thì quả là thật khiên cưỡng.

Vậy nên, chuyện vì sao lại gói bánh chưng hình vuông vẫn còn là điều bí ẩn.

<u>THÔNG TIN BỔ SUNG</u> :

Một thông tin đáng quí để lần tìm chiếc bánh chưng vì sao có hình vuông đã đến với người viết một cách thật tình cờ. Thông tin này dẫn ta đến với tộc người Arem: "Người anh em Arem của chúng ta có tục gói bánh tết của riêng họ. Tết của họ trùng với Tết của người Kinh nhưng chiếc bánh của họ là hồn văn hóa riêng họ. Không lẫn đâu được. Đó là mặc định diệu vợi của lề lối văn hóa mà họ không bao giờ để cho nó biến mất. Chiếc bánh ấy được gọi là bánh Tapeng arua. Trong thuật ngữ bản địa của bánh, bao gồm gói ghém trong đó cả đất, trời, nước, lửa của thế giới gian, nhân sinh quan nên Tapeng arua là bảo vật tinh thần của người anh em này..." (Cu Làng Cát FB). Hãy xem chiếc bánh chưng của dân tộc Kinh được mô tả trong "Lĩnh Nam chích quái":

"(...) lấy lá xanh bọc xung quanh thành hình vuông, cho trân cam mỹ vị vào bên trong để tượng trưng cho trời đất bao chứa vạn vật, rồi nấu chín, vì thế mà gọi là bánh chưng" sao mà giống với ý nghĩa của chiếc bánh Tapeng arua mà người Arem gói trong dịp Tết đến vậy.

Chưa hết, chiếc bánh Tapeng arua lại được gói theo hình vuông. "Đinh Đan vót từng thanh lạt, dùng lá dong gói chiếc Tapeng arua, chiếc bánh hình vuông. Mỗi lần gói chỉ đổ vào một bát gạo nếp, không có nhân, cứ xong hai cái Tapeng arua, Đinh Đan lại ốp chúng

vào nhau, gói chặt lại bằng hai chiếc lạt từ ống dang già lấy bên bìa rừng. Đó là chiếc bánh truyền thống mỗi mùa lễ trọng của người A rem, chiếc bánh đẫm hương vị mặn nồng, ấm cúng như chiếc bánh chưng của anh em người Kinh. Nhưng nó khác là nhỏ hơn.

Chiếc bánh hình vuông, biểu tượng của trời và đất theo thế giới quan của người A rem. Xưa xa trong ý niệm của người A rem, trời hình vuông và đất cũng hình vuông. Mọi vật đều tinh khiết, trắng trong như gạo nếp trên rẫy. Lòng người cũng trắng trong như thế, nên chiếc Tapeng arua được sinh ra để tổ tiên dạy bảo con cháu nhớ về tích xưa đất cũ của người A rem.

Người A rem cho rằng, tổ tiên họ có người con trai tên là Đinh, con gái tên là Y, hai người sinh ra từ đất và trời. Họ yêu nhau, thắm thiết như chim trên núi, chung thủy như cá của suối. Hai người đến với nhau, Giàng nói phải có lễ vật. Người con trai và người con gái cùng suy nghĩ, họ không có thổ sản quý hiếm, chỉ có chiếc bánh vuông là cái quý của gia tài lao động. Họ gặp nhau trong thung lũng, Đinh đưa ra sản vật cầu hôn, Y đáp lại lễ vật của mình, ráp vào nhau, một khuôn y hệt. Từ đó họ sinh con đẻ cái, làm cái Tapeng arua mỗi mùa lễ trọng và dạy con cháu biết thủy chung, thương yêu để nhớ về tổ tiên".

Đọc thêm *Tết ở bản A rem, Minh Phong* tại http://www.qbvn.com/2012/01/tet-o-ban-a-rem.html)

Tết ở bản A rem 

Muốn biết Arem là tộc người ra sao phải tìm hiểu về người Chứt. Người Chứt, còn gọi là người Rục, người Sách, người A rem, người Mày, người Mã liềng, người Tu vang, người Pa leng, người Xe lang, người Tơ hung, người Cha cú, người Tắc cực, người U mo, người Xá lá vàng, là một dân tộc ít người sinh sống tại Lào và Việt Nam.

Thực tế, 7 tên gọi Sách, Mày, Rục, Mã Liềng, Arem, Xơ-lang, Umo dùng để chỉ 7 nhóm trong tộc người này. Nói cách khác, người Arem là một trong 7 nhóm của tộc người Chứt.

Theo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, người Chứt ở Việt Nam có dân số 6.022 người, cư trú tại 23 trên tổng số 63 tỉnh, thành phố. Người Chứt cư trú tập trung tại các tỉnh: Quảng Bình (5.095 người, chiếm 84,6% tổng số người Chứt tại Việt Nam), Đắk Lắk (435 người), Lâm Đồng (266 người), Hà Tĩnh (156 người)

Tại Lào, theo Điều tra dân số năm 1995 của Lào, ước tính có khoảng 450 người Chứt sinh sống tại tỉnh Khammouan.

Người Chứt là tộc người sử dụng ngôn ngữ cùng ngữ hệ với tiếng Việt. Tiếng Chứt được nhiều nhà ngôn ngữ học quan tâm vì gần gũi với tiếng

Kinh nguyên thủy. Giáo sư Trần Trí Dõi đã nhận xét tiếng Chứt như "bảo tàng lưu giữ các giai đoạn phát triển của tiếng Việt". Văn hóa của người Chứt cũng cho phép tìm lại lịch sử phát triển của người Việt cổ. (Theo http://vi.wikipedia.org/wiki/ Người_Chứt)

Qua đây, ta thấy có mấy điểm rất đáng lưu ý: 1) Tết của người Arem trùng với Tết của người Kinh. 2) Người Arem gói bánh Tapeng arua vừa mang ý nghĩa lại vừa có hình vuông tương tự như chiếc bánh chưng vuông của người Việt. 3) Người Chứt là tộc người sử dụng ngôn ngữ cùng ngữ hệ với tiếng Việt, gần với tiếng Kinh nguyên thủy. 4) Từ văn hóa của người Chứt mà có thể tìm lại lịch sử phát triển của người Việt cổ.

Vậy phải chăng có thể suy ra người Arem và người Kinh có chung một "hồn văn hóa"? Đồng thời, phải chăng ta đã tìm được về cội nguồn của chiếc bánh chưng vuông?

Hà Nội, những ngày cận Tết Giáp Ngọ 2014

Thư mục tham khảo:

1. Bánh chưng; http://vi.wikipedia.org/wiki/ Bánh_chưng.
2. Lĩnh Nam Chích Quái, Truyện bánh chưng http://www.google.com.vn/url?sa=t&rct=j&q=&esrc=s&source=web&cd=1&ved=0CC0QFjAA&url=http%3A%2F%2Fwww.lyhocdongphuong.org.vn%2Fuploads%2Fgallery%2Finfo%2FAlbum-79%2FLinhNamChichQuai_Unknown_1311736028.pdf&ei=Ic8FUrjmNuqQiQe3moGwCQ&usg=AFQjCNEdceu8oiWZk1rWWn4X54K7GidwhQ&sig2=azbL4ipOCSRUjV7VCZy_2g&bvm=bv.50500085,d.aGc
3. 裹蒸; http://baike.baidu.com/view/25405.htm
4. 《南齐书》; http://www.baike.com/《南齐书》
5. 肇庆 http://baike.baidu.com/view/7621.htm
6. Bản đồ Triệu Khánh: https://www.google.com.vn/search?sclient=psy-ab&q=%E8%82%87%E5%BA%86&oq=%E8%82%87%E5%BA%86&gs_l=serp.3..0l10.4869.4869.1.7402.1.1.0.0.0.0.93.93.1.1.0....0...1c.2.24.serp..0.1.93.DFSiBsJlJE8&psj=1&bav=on.2,or.r_cp.r_qf.&biw=1280&bih=864&bvm=pv.xjs.s.en_US.ciY8R2R6XC8.O&ech=1&psi=4HoIUqS8MceoiAfWx4GQAw.1376301419400.3&emsg=NCSR&noj=1&ei=4HoIUqS8MceoiAfWx4GQAw)
7. 地道的肇庆美食(裹蒸粽; http://www.beitaichufang.com/recipe/11746/
8. Gói bánh chưng không dùng khuôn http://www.youtube.com/watch?v=FSxCYRTP69k
9. 包粽技巧; http://www.youtube.com/watch?v=cyOoAolThaA
10. Dâng bánh chưng bánh dày lên các Vua Hùng http://dantri.com.vn/xa-hoi/dang-banh-chung-banh-day-len-cac-vua-hung-720817.htm
11. 岭南古都; http://baike.baidu.com/view/2636514.htm
12. 嶺南; http://zh.wikipedia.org/wiki/嶺南
13. Lĩnh Nam' http://vi.wikipedia.org/wiki/ Lĩnh Nam
14. Hồng Bàng; http://vi.wikipedia.org/wiki/ Hồng Bàng
15. 鴻龐氏; http://zh.wikipedia.org/wiki/鴻龐氏
16. 嶺南文化; http://zh.wikipedia.org/wiki/嶺南文化
17. Nhân học văn hóa và mối quan hệ trung tâm – ngoại vi, Hà Hữu Nga, http://phebinhvanhoc.com.vn/?p=10426
18. 嶺南摭怪; https://zh.wikipedia.org/wiki/嶺南摭怪
19. "Vân đài loại ngữ", Lê Qui Đôn, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin, năm 2006.
20. 《嶺南摭怪》; http://baike.baidu.com/view/1198047.htm
21. Lĩnh Nam chích quái ; http://vi.wikipedia.org/wiki/ Lĩnh Nam chích quái
22. Triết lý bánh chưng – bánh dày, Trần Quốc Vượng; http://www.danangpt.vnn.vn/vanhoa/detail.php?id=42&a=76)
23. 蒸餅傳; http://zh.wikisource.org/wiki/蒸餅傳
24. 天圆地方; http://baike.baidu.com/view/348640.htm;
25. 阴阳五行学说; http://baike.baidu.com/view/147097.htm).)

NGUYỄN TRUNG THUẦN





MỘT ANH HÙNG ÁO VẢI LÀM NÊN HAI CHIẾN THẮNG CHỐNG NGOẠI XÂM VÀO ĐẦU MÙA XUÂN 1785 VÀ 1789

VƯƠNG LIÊM

Anh hùng áo vải Nguyễn Huệ là một trong số ba anh em Tây Sơn (Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ), một nhà quân sự tài ba, một tướng lĩnh kiệt xuất đã chiến thắng quân xâm lược Xiêm (đầu năm 1785) và Mãn Thanh (đầu năm 1789) cách nhau chỉ bốn năm. Mãi cho tới ngày nay, hai chiến thắng chống ngoại lẫy lừng này vẫn còn vang dội trong sự nghiệp chống ngoại xâm của dân tộc ta.

Giữa lúc chúa Trịnh và chúa Nguyễn mưu bá đồ vương làm cho nhân dân đau khổ, đất nước bị chia cắt Đàng Trong với Đàng Ngoài, lại gây thêm thảm họa "cõng rắn về cắn gà nhà" của vua Lê Chiêu Thống ở miền Bắc khi cầu viện triều đình Mãn Thanh (Trung Quốc) và chúa Nguyễn Ánh ở miền Nam chạy sang Xiêm (Thái Lan) cầu cứu, ở đất Tây Sơn (nay thuộc tỉnh Bình Định) ba anh em họ Nguyễn thuộc giai cấp nông dân nghèo nhưng có chí khí và ý thức trách nhiệm cứu nước cứu dân nên đã hợp lực cùng với nhân dân địa phương thực hiện cuộc khởi nghĩa giành thắng lợi ở bước đầu.

Lợi dụng tình thế suy yếu và chia cắt của đất nước ta, triều đình Mãn Thanh ở phía Bắc và Xiêm ở phía Tây Nam nhanh chóng đưa đại quân sang xâm chiếm nước ta ở hai đầu Tổ quốc chỉ cách nhau bốn năm. Tướng Nguyễn Huệ trong sự nghiệp giải phóng đất nước đã tập trung lực lượng, trước đánh đuổi quân xâm lược Xiêm ở trận Rạch Gầm - Xoài Mút (Mỹ Tho) áp dụng chiến thuật quân sự của Trần Hưng Đạo đại vương ở trận Bạch Đằng, sau đó bốn năm ồ ạt áp dụng chiến

thuật "thần tốc" chuyển quân đường dài từ Trung ra Bắc để giải phóng kinh đô Thăng Long, đánh bại quân Đại Thanh trong vòng chưa đầy một tuần lễ.

Tài liệu lịch sử triều Nguyễn (sách Đại Nam thực lục chính biên và Mạc thị gia phả) đã chép vào năm 1784, Nguyễn Ánh trốn ra nước ngoài, than thở với vua Xiêm: "Nước tôi lập quốc đã hơn 200 năm (ý nói Đàng Trong) nay bị mất nên tôi rất đau buồn". Do đó, vua Xiêm cử hai tướng Chiêu Tăng và Chiêu Xương dẫn 4 vạn quân, 300 chiến thuyền theo hai đường bộ và thủy sang chiếm đóng đất Gia Định (nay là đồng bằng sông Cửu Long), tập trung đóng quân tại Trà Tân bên bờ sông Tiền (nay gần Cai Lậy tỉnh Tiền Giang), cách Mỹ Tho hơn chục cây số. Khoảng giữa Trà Tân và Mỹ Tho có Rạch Gầm và Xoài Mút chi nhánh của sông Tiền là nơi tướng Nguyễn Huệ chọn làm chiến trường tiêu diệt quân Xiêm khi từ Thuận Hóa đưa chiến thuyền có trang bị súng đại bác của Bồ Đào Nha theo đường biển vào Mỹ Tho. Trước cửa hai rạch này có cù lao Thới Sơn rộng lớn tạo điều kiện cho quân ta mai phục. (Ngày nay, cầu dây giăng Rạch Miễu hiện đại được xây dựng gần nơi đây và Thới Sơn là khu du lịch sinh thái của Tiền Giang). Nguyễn Huệ còn thăm dò tình hình của giặc nên cho người sang thăm và tặng quà cho tướng Xiêm ngày hôm trước để giữa đêm hôm sau tổ chức mai phục và cho thuyền nhỏ ngược sông Tiền dụ địch. Vì khinh địch, nên quân Nguyễn Ánh và quân Xiêm tức tốc cho thủy quân đuổi theo và dễ dàng lọt vào ổ phục kích và bị tiêu diệt nhanh chóng vào sáng ngày 20/01/1785.

Bốn năm sau, trận quyết chiến của đại quân Tây Sơn do Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ chỉ huy cùng với nhiều mũi tấn công khác của nhiều tướng giỏi điều động đã đánh tan trên 20 vạn quân Thanh đóng suốt tuyến đường từ Thanh Trì tới kinh đô Thăng Long sau khi tiền đồn "Ngọc Hà vỡ, Ngọc Hồi tan" (nay thuộc phường Khương Thượng quận Đống Đa - Hà Nội) và tướng nhà Thanh là Sầm Nghi Đống phải treo cổ chết ở gò Đống Đa (nay thuộc phường Quang Trung quận Đống Đa - Hà Nội) ngoại thành Thăng Long. Còn Tôn Sĩ Nghị thống lĩnh đại quân Thanh đóng trong nội thành Thăng Long say sưa trong ba ngày Tết đã hốt hoảng khi nghe cấp báo, vội vã cùng đoàn tùy tùng chạy trốn theo cầu phao sông Hồng về nước làm cho số lớn quân còn lại tan rã theo do lớp bị tiêu diệt, lớp bị nước cuốn trôi do cầu sập, lớp bị bắt...

Ngày 30 tháng chạp năm Mậu Thân (1788), đại quân Tây Sơn do nhiều tướng giỏi chỉ huy mà đứng đầu là Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ vừa được văn võ bá quan, quân sĩ tôn xưng từ đất Thuận Hóa kéo ra Bắc Hà kết hợp với nhiều đội quân các tỉnh tạo thêm lực lượng và khí thế khiến cho quân giặc nghe tiếng đã hốt hoảng bỏ chạy. Quang Trung Nguyễn Huệ hứa với tướng sĩ ba quân trong vòng bảy ngày là giải phóng toàn bộ đất Bắc và vào kinh thành Thăng Long ăn Tết. Thế nhưng chỉ tới sáng ngày mùng 5 Tết Kỷ Dậu (1789) quân Nguyễn Huệ đã vào hoàng thành trước sự hoan hô của quan, dân kinh đô Thăng Long.

Nếu đem so sánh chiến thuật hành quân giải phóng Thăng Long của Quang Trung Nguyễn Huệ đầu xuân năm 1789 với chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử ngày 30/4/1975 của dân quân Cách mạng giải phóng Sài Gòn thì thấy gần như không khác nhau. Kể cả trận thủy chiến trên sông Tiền và Rạch Gầm - Xoài Mút năm 1785 cũng tương tợ như trận thủy chiến Bạch Đằng giang của Trần Hưng Đạo đời nhà Trần, chiến thắng quân Nguyên ngày 8/3 năm Mậu Tý 1288 hay của Ngô Quyền trên cùng dòng sông lịch sử Bạch Đằng năm 938 đã chấm dứt ách thống trị một ngàn năm của các triều đại phong kiến bành trướng phương Bắc.

Như vậy, công cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của nhân dân ta trong suốt hai ngàn năm lịch sử bảo vệ Tổ Quốc luôn luôn có nhiều hiền tài, anh hùng, tướng giỏi để chỉ huy đánh bại kẻ thù qua các trận đánh ác liệt với các chiến thuật, cách đánh đầy mưu trí là những bài học kinh nghiệm quý giá được đúc kết mang tính kế thừa cao từ xưa cho tới nay.

Trong mùa xuân có ý nghĩa lịch sử của dân tộc này, chúng ta có dịp nhớ lại hai chiến thắng nói trên là để "ôn cố tri tân" và để cùng nhau nhắc nhở con cháu: "Dân ta phải học sử ta" nhằm nâng cao ý thức lịch sử và trách nhiệm đối với quốc gia dân tộc.

VƯƠNG LIÊM



NGÀY XUÂN NÓI CHUYỆN RƯỢU

HUYỀN VIÊM

Rượu, từ xưa, đã là một trong bốn thú vui tao nhã của thi nhân tài tử :

Cầm, kỳ, thi, tửu,
Đường ăn chơi mỗi vẻ mỗi hay.
Đàn năm cung réo rắt tính tình đây,
Cờ đôi nước rập rình xe ngựa đó.
Thơ một túi phẩm đề câu nguyệt lộ (1),
Rượu ba chung tiêu sái (2) cuộc yên hà (3).
(Nguyễn Công Trứ – Cầm kỳ thi tửu)

Trong dân gian cũng có những câu ca dao tục ngữ nói về rượu :

Còn trời, còn nước, còn non,
Còn cô bán rượu anh còn say sưa.

Hay :

Nam vô tửu như kỳ vô phong


Nguyễn Công Trứ

nghĩa là : đàn ông không có rượu khác gì cờ không gặp gió. Cờ không gặp gió thì rũ xuống chứ làm sao bay phơ phất được ; còn đàn ông không có rượu thì cũng ỉu xìu, không thể ăn nói lưu loát, hùng hồn được. Thực ra đấy chỉ là cái cớ để uống rượu mà khỏi sợ bị phê phán thôi. Khi rượu đã vào rồi thì lời ra, bất phân phải trái (tửu nhập ngôn xuất). Riêng với nhà thơ Tản Đà thì tửu nhập thi xuất (rượu vào thơ ra).


Lý Bạch say rượu
Tô Lực, Minh đời Thanh vẽ

Nói đến rượu lại nhớ đến thơ. Các nhà thơ lớn của Trung Hoa cũng như của Việt Nam không mấy ai là không biết uống rượu, uống dữ dội là đàng khác. Có ai dám đến trước mặt vua mà say bí tỉ không? Chỉ có Lý Bạch. Một lần trong cung, vua Đường Minh Hoàng sai trồng ở trước đình Trầm Hương bốn thứ hoa mẫu đơn : hồng, tía, hồng nhạt và toàn trắng rất đẹp. Một hôm hoa nở rực rỡ, Đường Minh Hoàng thích lắm bèn đưa Dương Quí Phi đến đó thưởng hoa. Tại đây, một ca sĩ nổi tiếng là Lý Qui Niên cầm phách toan hát thì Đường Minh Hoàng ngăn lại bảo :
- Thưởng danh hoa, đối với Phi tử, sao lại dùng bài hát cũ? Rồi sai Lý Qui Niên triệu Lý Bạch vào cung. Bấy giờ Lý Bạch đang say khướt, binh sĩ phải đặt ông lên kiệu để khiêng đi. Vào tới đình Trầm Hương, Bạch vẫn còn say. Dương Quí Phi vội sai người đem canh giã rượu đến, Đường Minh Hoàng tự tay đút canh cho Lý Bạch rồi lấy khăn lau miệng cho ông. Lý Bạch hồi tỉnh, vung tay múa bút viết luôn ba bài Thanh bình điệu rất nổi tiếng ca tụng nhan sắc của Dương Quí Phi.

Nhắc đến Lý Bạch thì phải nói đến tửu lượng đáng nể của ông :

Mổ trâu, giết dê, hãy vui vẻ,
Cạn ba trăm chén một lần say.
(Phanh dương, tể ngưu, thả vi lạc,

Hội tu nhất ẩm tam bách bôi).
(Tương tiến tửu)

Nhưng Lý Bạch hãy còn kém xa so với câu này vẫn được truyền tụng xưa nay :

Tửu phùng tri kỷ thiên bôi thiểu

nghĩa là : bạn tri kỷ gặp nhau thì cạn một ngàn chén hãy còn là ít.


Đỗ Phủ

Thực ra đó chỉ là cường điệu thôi, chứ bụng dạ nào chứa nổi một ngàn chén rượu, mà dù có chứa được thì cũng chết lăn quay tại chỗ vì ngộ độc rượu, hết thấy đường về.

Còn Đỗ Phủ thì sáng say chiều xỉn, nghĩa là say suốt cả ngày :

Khỏi bệ vua ra, cố áo hoài,
Bên sông say khướt tối lần mai.
(Triều hồi nhật nhật điển xuân y,
Mỗi nhật giang đầu tận túy qui.)
(Khúc giang)

Xin tạm kể hai nhà, chứ ở Trung Hoa, những nhà thơ say kể sao cho xiết.

Trở lại Việt Nam, số nhà thơ làm bạn với Lưu Linh cũng không phải là hiếm. Nhà thơ Phạm Thái, tự xưng là Chiêu Lỳ, một lòng khôi phục nhà Lê, chống Tây Sơn, nhưng lực bất tòng tâm, lại thêm cái chết của người yêu là Trương Quỳnh Như nên sinh ra bất đắc chí, mượn rượu giải sầu, coi thường tất cả mọi sự ở đời. Ông thường hay ngâm nga bài thơ yết hậu :

Sống ở dương gian đánh chén nhè,
Thác về âm phủ cắp kè kè.
Diêm vương phán hỏi rằng chi đó?
- Be !

Trong các thi sĩ lớp sau, đứng đầu là Tản Đà, có thể xem như vua rượu. Năm 1926 ông vào Sài Gòn làm trợ bút cho tờ Đông Pháp thời báo của Diệp Văn Kỳ, thuê nhà ở Xóm Gà Gia Định. Ở Sài Gòn lúc ấy không có rượu lậu, chỉ có rượu Cô-nhắc (Cognac) của Pháp. Tản Đà uống toàn Cô-nhắc, vỏ chai xếp kín cả chân tường nên Tùng Lâm mới viết :


Tản Đà

Uống liều đã mấy chai Cô-nhắc,
Bồi mãi chưa xong bức địa đồ.

Tản Đà quan niệm rằng đời người như giấc chiêm bao, nay còn mai mất, vậy thì hà tất phải bận tâm làm gì cho mệt, chi bằng mượn rượu và thơ để quên đi cái hình hài phù du của mình :

Rượu thơ mình lại với mình,
Khi say quên cả cái hình phù du.
Trăm năm thơ túi rượu vò,
Nghìn năm thi sĩ tửu đồ là ai?
(Thơ rượu)

Những lúc tỉnh, ông cũng thấy say sưa thật là hư, biết vậy nhưng không thể nào không say được :

Say sưa nghĩ cũng hư đời,
Hư thời hư vậy, say thời cứ say.
Đất say đất cũng lăn quay,
Trời say mặt cũng đỏ gay, ai cười?
(Lại say)

Rượu đối với Nguyễn Công Trứ lại khác. Theo ông, rượu là một thú vui dùng để tiêu khiển những lúc nhàn hạ hay buồn rầu, nhưng không bao giờ say túy lúy như Tản Đà :

Đánh ba chén rượu khoanh tay giấc,
Ngâm một câu thơ vỗ bụng cười.
(Hành tàng)

Khi đã chán đường công danh, muốn thoát vòng danh lợi thì ông lại nghĩ đến rượu và thơ :

Hẹn với lợi danh ba chén rượu,
Vui cùng phong nguyệt một bầu thơ.
(Thoát vòng danh lợi)

Và khi đã thoát vòng cương tỏa rồi thì :

Thảnh thơi thơ túi rượu bầu.
(Chí làm trai)

Cao Bá Quát có tài mà không được trọng dụng, sinh ra bất đắc chí nên mượn rượu để giải tỏa nỗi sầu :

Đoạn tống nhất sinh duy hữu tửu,
Trâm tư bách kế bất như nhàn.
(Uống rượu tiêu sầu)
(Dứt hẳn cuộc đời chỉ có rượu,
Ngẫm nghĩ trăm kế, không gì bằng nhàn).

Rồi ông ngao du sơn thủy để hưởng cái thú gió trăng, thơ rượu :

Cao sơn lưu thủy thi thiên trục,
Minh nguyệt thanh phong tửu nhất thuyền.
(Đời người thấm thoắt)
(Núi cao nước chảy thơ nghìn cuốn,
Gió mát trăng trong rượu một thuyền).

Nhà thơ Nguyễn Khuyến cũng thích rượu nhưng ông uống rất chừng mực, không nhiều :


Nguyễn Khuyến

Rượu tiếng rằng hay, hay chẳng mấy
Độ dăm ba chén đã say nhè.
(Thu ẩm)

Chỉ khi nào trong lòng buồn bã ông mới say tít cung thang :

Mở miệng nói ra gàn bát sách,
Mềm môi chén mãi tít cung thang.
Tự trào)

Khi Dương Khuê mất, ông buồn rầu nhắc lại kỷ niệm xưa với người bạn đồng khoa (4) và đồng

liêu (5) thân thiết :

Cũng có lúc rượu ngon cùng nhắp,
Chén quỳnh tương ăm ắp bầu xuân.

Vắng bạn, việc uống rượu đối với ông không còn thú vị nữa :

Rượu ngon không có bạn hiền,
Không mua không phải không tiền không mua.
(Khóc ông Dương Khuê)

Khi về già, buồn về nỗi nước mất vào tay người Pháp, tác giả không biết tâm sự với ai nên uống rượu và chuyện trò cùng ông phông đá :

Duyên kỳ ngộ là duyên tuổi tác,
Chén chú, chén anh, chén tôi, chén bác,
Cuộc tỉnh say, say tỉnh cùng nhau.
Nên chăng đá cũng gật đầu.
(Ông phỗng đá)

Nhà thơ Tú Xương rất tài hoa nhưng cũng rất nghèo, lại lận đận mãi nơi trường ốc nên sinh ra bất đắc chí, chỉ còn biết mượn rượu để tiêu sầu khiển muộn :


Tú Xương

Bài bạc kiệu cờ cao nhất xứ,
Rượu chè trai gái đủ tam khoanh (6).
(Tự trào)

Nghèo thì nghèo nhưng ông vẫn sống phong lưu, có trà, có rượu và có cả... đàn bà :

Một trà, một rượu, một đàn bà,
Ba cái lăng nhăng nó quấy ta.
Chừa được cái nào hay cái ấy,
Có chăng chừa rượu với chừa trà !
(Ba cái lăng nhăng)

Từ khi nền văn hóa Âu Tây du nhập vào Việt Nam, các nhà thơ ta ít uống rượu hơn, tuy vậy cũng có dăm ba nhà thơ thường say túy lúy. Nhà thơ Vũ Hoàng Chương, người đã từng than thở :

Lũ chúng ta lạc loài dăm bảy đứa,
Bị quê hương ruồng bỏ, giống nòi khinh

và :

Lũ chúng ta đầu thai lầm thế kỷ,
Một đôi người u uất nỗi chơ vơ.
(Phương xa)

đã để hẳn một tập thơ lấy nhan đề là “Thơ say” (7) gồm 32 bài. Trong bài Say đi em, ông viết:

Say đi em, say đi em,
Say cho lơi lả ánh đèn .
Cho cung bậc ngả nghiêng, điên rồ xác thịt,
Rượu, rượu nữa và quên, quên hết.

Trong bài thơ Đời vắng em rồi say với ai? trong tập thơ "Mây", ông thở than như một lời tuyệt vọng :

Gặp gỡ chừng như chuyện Liễu Trai,
Ra đi chẳng hứa một ngày mai.
Em ơi ! Lửa tắt, bình khô rượu,
Đời vắng em rồi, say với ai?


Lưu Trọng Lư

Một đêm kia, nhà thơ Lưu Trọng Lư tâm tình với nàng kỹ nữ thân mật biết bao, nhưng khi nàng mời rượu thì thi nhân từ chối.

Giờ này còn của đôi ta,
Giang hồ rượu ấy còn pha lệ người.
Ô sao rượu chẳng kề môi?
Lời đâu kiều diễm cho nguôi lòng chàng?

vì ý ông đã quyết :

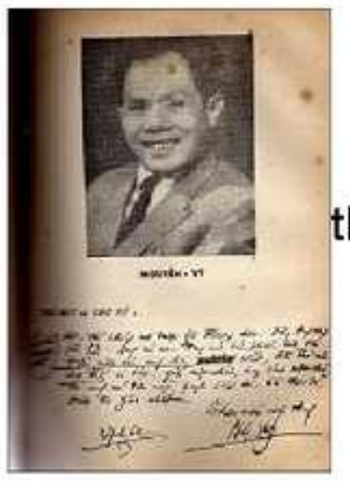
Đêm ấy rượu nàng ta không uống,
Từ sau thề không uống rượu ai.

Thế nhưng khi về nhà, gặp sinh nhật vợ, ông không thể nào từ chối được :

Chén lại chén, kề môi thủ thỉ,
Càng vơi càng túy luý càng đầy.

Khi tỉnh rượu, hối hận thì đã muộn :

Hết say vẫn bàng hoàng trong mộng,
Xót xa thay cái giống giang hồ.
Ngón đàn thêm một đường tơ,
Mà người sương gió nghìn thu nhọc nhằn.
(Giang hồ)



Nguyễn Vỹ có bài thơ Gửi Trương Tửu được nhiều người chú ý. Mở đầu bài thơ, ông nhắc đến rượu và những cuộc chạm cốc với người bạn họ Trương :

Nay ta thèm rượu nhớ mong ai,
Một mình rót uống chẳng buồn say.
Trước kia hai thằng hết một nậm,
Trò chuyện dông dài mặt đỏ sẫm,
Nay một mình ta một be con,
Cạn rượu rồi thơ mới véo von.

Vắng bạn nên ông buồn lắm :

Ngồi buồn lấy rượu uống say sưa,
Bực chí thành say mấy cũng vừa.


Thế Lữ

Riêng nhà thơ Thế Lữ rất tỉnh táo. Trong suốt tập Mấy vần thơ gồm 47 bài, chỉ có một lần ông nhắc đến rượu mà nào có được uống đâu :

Lòng ta hồ vỡ tan tành
Vì hờn, vì giận, vì tình, vì thương.
Vì cay đắng đủ trăm đường,
Than ôi ! Ly rượu mơ màng khi xưa.
Ai đem dốc cạn bao giờ,
Chẳng cùng chia nửa, chẳng chờ hưởng chung.
(Lời tuyệt vọng)

Nam nhân thì thế còn nữ giới thì sao? Các nàng có uống rượu không? Có đấy. Nàng Kiều tửu lượng có kém ai ! Đêm hôm nàng sang chơi nhà Kim Trọng, hai người đã cùng nhau đối ẩm :

Chén hà sánh giọng quỳnh tương,
Dải là hương lộn, bình gương bóng lồng.

Lúc sống ở lầu xanh với Tú Bà, nàng Kiều đã chán chường cảnh đời ô trọc nên :

Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh,
Giật mình, mình lại thương mình xót xa.

Lúc Kiều quen thân với Thúc Sinh thì hai người chuốc rượu cho nhau :

Khi gió gác, khi trăng sân,
Bầu tiên chuốc rượu, câu thần nối thơ.

Khi nàng Kiều tái hồi Kim Trọng, trong đêm động phòng hoa chúc, đôi vợ chồng mới mà cũ này đã cùng nhau uống rượu hợp cẩn :

Động phòng dìu dặt chén mồi,
Bâng khuâng duyên mới, ngậm ngùi tình xưa.

Sau khi nàng Kiều cùng chàng Kim vầy duyên tơ tóc rồi thì hai vợ chồng sống với nhau rất tương đắc :

Khi chén rượu, khi cuộc cờ,
Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên.

Như thế, tửu lượng của nàng Kiều thật đáng nể. Chỉ có lúc nàng lấy Từ Hải là không thấy uống rượu mà thôi. Có chăng là trong câu "Tiệc bày thưởng tướng khao binh, Om thòm trống trận, rập rình nhạc quân". Lẽ nào trong trận mừng chiến thắng như vậy mà viên võ tướng như Từ Hải lại không uống rượu? Và nàng Kiều lại không cùng chồng đối ẩm? Hẳn là ẩn dụ trong hai câu ấy mà thôi.

Người chinh phụ trong tác phẩm Chinh phụ ngâm khúc của Đặng Trần Côn, bản dịch của Đoàn Thị Điểm (hay Phan Huy Ích?) lúc chồng ra trận rồi, nàng ở nhà buồn lắm nên mượn rượu giải sầu :

Rượu cùng hoa giáp tả đàm,
Sầu làm rượu lạt, muộn làm hoa ôi.

Nàng mơ lúc chồng về sẽ cùng nhau đối ẩm mừng ngày sum họp :

Câu vui đổi với câu sầu,
Rượu khà cùng kể trước sau mọi lời.
Sẽ rót vơi lần lần từng chén,

Sẽ ca dần ren rén từng thiên.
Liên ngâm đối ẩm đòi phen,
Cùng chàng lại kết mối duyên đến già.

Ở Việt Nam, người yêu của Nguyễn Bính cũng biết uống rượu đấy chứ !


Nguyễn Bính

Cao tay nâng chén rượu hồng,
Mừng em, em sắp lấy chồng xuân nay,
Uống đi ! Em uống cho say !
Để trong mơ thấy những ngày xuân qua.
Thấy tình duyên của đôi ta
Đến đây là.... đến đây là... là thôi !
Em đi dệt mộng cùng người,
Lẻ loi xuân một góc trời riêng anh !
(Rượu xuân)

Một ông đồ thích rượu nào đó đã lưu lại bài thơ :

Bán dạ tam bôi tửu,
Bình minh nhất trản trà.
Nhật nhật cứ như thử,
Lương y bất đáo gia.

Xin tạm dịch :

Nửa đêm ba chén rượu,
Sáng sớm một chung trà.
Ngày nào cũng như thế
Thầy thuốc chẳng đến nhà.

Sáng sớm uống một chung trà thì vô hại, nhưng nửa đêm, thức ăn đã tiêu hết, dạ dày trống rỗng mà uống rượu vào thì chi cho khỏi bị loét, ấy là chưa nói đến bệnh xơ gan.

Ngày xưa, đàn ông không biết uống rượu thì bị chê, cho rằng không xứng là đàn ông, nhưng ngày nay ai cũng biết cái hại của rượu, nhất là đối với những người đau gan hay cao huyết áp nên người ta cũng bớt khe khắt đi nhiều. Vui xuân, phần đông đàn ông đều uống rượu, nhưng nên uống có chừng mực thôi để khỏi vào bệnh viện những ngày đầu xuân.

GHI CHÚ :

(1) Nguyệt lộ : trăng và sương, ý nói câu thơ bóng bẩy.

(2) Tiêu sái : phóng khoáng, thanh cao, ung dung không bị ràng buộc,

(3) Yên hà : khói và ráng chiều ; cảnh đẹp thiên nhiên.

(4) Đồng khoa : Nguyễn Khuyến và Dương Khuê cùng đỗ thi hương một khoa năm 1864.

(5) Đồng liêu : hai người cùng làm quan dưới triều vua Tự Đức.

(6) Tam khoanh : do thành ngữ "tứ đốm tam khoanh", ý nói chơi bời lung tung, bừa bãi.

(7) Tác giả tự xuất bản ở Hà Nội năm 1940. NXB Nguyễn Đình Vượng Sài Gòn tái bản năm 1971.

HUYỀN VIÊM



MỤC LỤC

. hương xuân – truyện ngắn – lý thị minh châu – trang 07 .
. xuân ơi! xuân – truyện ngắn – hồ thủy – trang 10 .
. giao thừa – thơ – hồng vinh – trang 13.
. hình bóng quê nhà – truyện ngắn - tiến thảo – trang 14 .
. mưa xuân – truyện ngắn – hoàng thị như huy – trang 15 .
. đi qua mùa xuân – thơ – vương hoài uyên – trang 16.
. nhị đào – truyện ngắn – khải nguyên – trang 17 .
. tản mạn đầu xuân – tản bút – tâm nguyện – trang 20 .
. tỏ tình mùa xuân – truyện ngắn – qúy thể – trang 26 .
. đi đón mùa xuân – thơ – trần vấn lệ – trang 30.
. cỏ xuân – truyện ngắn – nguyễn ngọc anh – trang 31 .
. giao thừa vắng anh – thơ – nguyễn thu mát – trang 32.
. mùa xuân dìu dịu – truyện ngắn – hồ tĩnh tâm – trang 33 .
. ra giêng – truyện ngắn – đào phạm thùy trang – trang 37.
. forget me not – truyện ngắn – đào hữu thúc – trang 39.
. hương đồng gió nội – thơ – chu vương miện – trang 41.
. bình trà ngày tết xưa của cha tôi – tản văn – võ khoa châu – trang 42.
. nhánh mai vàng cho em tôi – truyện ngắn – trần lệ thường – trang 43.
. câu chuyện tất niên – truyện ngắn – đỗ ngọc thạch – trang 45.
. phục sinh xuân – thơ – phạm phù sa – trang 48.
. khói rạ – tản văn – vương quốc oai – trang 49.
. đêm mưa cuối năm – truyện ngắn – nguyễn hoàng trung – trang 51.
. chim én sẽ lại về – truyện ngắn – nguyễn văn thơ – trang 55
. nồi bánh tét trước giao thừa – truyện ngắn – mai hữu phước – trang 59.
. lộc xuân – thơ – đỗ minh tâm – trang 60.
. vườn xuân – truyện ngắn – nguyễn thị mây – trang 61.
. hoa nở sau giao thừa – truyện ngắn – trần hữu hội – trang 63.
. chợ tết quê – thơ – từ kế tường – trang 66.
. chợ tết – truyện ngắn – nguyễn ngọc tuyết – trang 67.
. xuân bối rối – thơ – duy toàn – trang 69.

. từ cõi an nhiên – truyện ngắn – đặng đình túy – trang 70.
. chợ tết đầu làng – tranh sơn mài – nữ họa sĩ thanh trí – trang 75.
. thị trấn hai con dê – truyện ngắn – phùng phương qúy – trang 76.
. xuân đến vườn em – thơ – thiên hà – trang 79.
. đêm qua xuân trước một cành mai – bút ký – mai thục – trang 80.
. bên kia mùa xuân – thơ – tô mặc giang – trang 84.
. mùa tết – truyện ngắn – nguyễn lệ uyên – trang 85.
. nét xuân hà nội – tản văn – hoàng bích nga – trang 88.
. xuân an nhiên – tản văn – bảo lễ – trang 91.
. khoảng trống mùa xuân – truyện ngắn – hạo nhiên nguyễn tấn ích – trang 93.
. chiều gió – truyện ngắn – hà nguyên – trang 99.
. đêm trừ tịch – thơ – nguyễn chinh – trang 104.
. mùa xuân bay xa – truyện ngắn – mang viên long – trang 105.
. lộc non vườn người – thơ – kiêm thêm – trang 111.
. mùa xuân này nó đã có nơi để về – truyện ngắn – trúc linh lan – trang 112 .
. kí ức về dê – tản bút – vũ thế long – trang 114.
. hương vị ngày xưa – truyện ngắn – dương phương toại – trang 117.
. xuân mới – truyện ngắn – trần minh nguyệt – trang 120.
. bảng lảng như hoa mùa xuân – truyện ngắn – phan trang hy – trang 122.
. giấc xuân – thơ – nguyễn ngọc thơ – trang 124.
. mưa đêm mùa xuân – truyện ngắn – từ kế tường – trang 125 .
. đêm 30 – tản bút – đàm lan – trang 131.
. anh cho em mùa xuân – tiếng thơ kim tuấn – tản văn – phan văn thạnh – trang 133.
. tình yêu trong ngày đầu năm – truyện ngắn – dương leh – trang 135.
. mái ấm tìm về – truyện dịch – vũ anh tuấn – trang 137.
. chúc mừng năm mới – thơ – trúc thanh tâm – trang 143.
. tết ở đình bảng xưa – tản bút – nguyễn khôi – trang 144.
. trẩy hội hành hương – biên luận – giáo sư nguyễn đăng thục – trang 145.
. rất nhớ quê nhà khi tết đến – thơ – lã thị hiền – trang 153.
. những niềm vui trong hội lim – tìm hiểu – vũ kiêm ninh – trang 154.
. đôi điều về chiếc bánh chưng ngày tết – tiểu luận – triệu văn đôi – trang 157.
. ý nghĩa của việc chúc tết – tiểu luận – trúc linh lan – trang 160.
. nhả mực mùa xuân – thơ – dung thị vân – trang 161
. ngày xuân mua vui với truyện kiều – tiểu luận – lê thương – trang 162.
. năm bài thơ xuân đặc sắc đời đường – tiểu luận – kiều văn – trang 169.
. cảm nhận xuân hương – tiểu luận – ngô đình miên - trang 173.
. tranh đông hồ – tìm hiểu – lương văn hồng - trang 178.
. trở về với kiều trong tư thế hồn nhiên – tiểu luận – võ công liêm – trang 181.
. tản mạn về năm mùi – tiểu luận – nguyễn cung thông – trang 185 .
. quốc túy quốc hồn xuyên qua tục ăn tết – biên luận – kim định – trang 188 .
. nhạc xuân của phạm duy, văn cao và phạm đình chương – tiểu luận – phạm vũ – trang 192.
. thử tìm hiểu về chiếc bánh chưng vuông – biên luận – nguyễn trung thuần – trang 197.
. một anh hùng áo vải làm nên hai chiến thắng mùa xuân ... tiểu luận – vương liêm – trang 212.
. ngày xuân nói chuyện rượu – biên luận – huyền viêm – trang 214.
. mục lục – trang 223.

VIỆT VĂN MỚI

nguyệt san văn học nghệ thuật

số 20

Nguyên đán Ất Mùi 2015

phát hành ngày 15 tháng 02 năm 2015

tủ sách việt văn mới newvietart xuất bản

biên tập : từ vũ & nguyễn thị dị

trình bày : emily carlier

bìa : tranh của cố họa sĩ Bùi Xuân Phái

trong chủ trương bảo vệ – cũng cố và phát triển văn hoá truyền thống việt nam tuyển tập việt văn mới được phổ biến miễn phí – người đọc có thể ghi thu về máy vi tính hoặc ebook cá nhân của mình hay tự in ấn để lưu trữ .

. tuyệt đối không được phổ biến với tính cách thương mại.

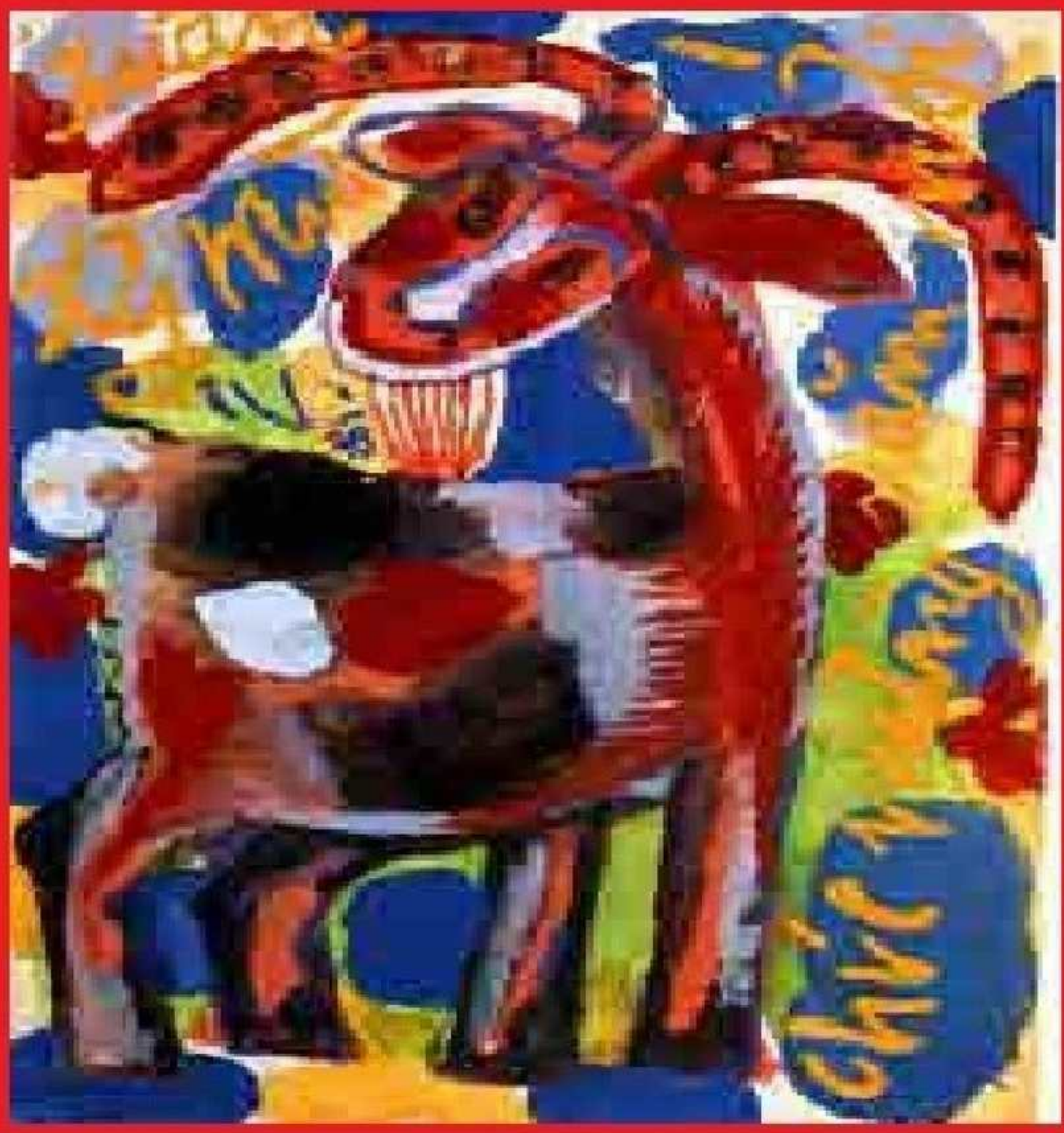
việt văn mới

. văn học . nghệ thuật .

VIỆT VĂN MỚI

SỐ 20 * Ất Mùi 2015

* 15 tháng 2 năm 2015 *



tủ sách việt văn mới
2015